



DEAN
KOONTZ
ODD THOMAS

**GIAO LỘ
SINH TỬ**

GIAO LỘ SINH TỬ

DEAN KOONTZ

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[LỜI KHEN TẶNG DÀNH CHO TÁC PHẨM](#)

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

[CHƯƠNG 5](#)

[CHƯƠNG 6](#)

[CHƯƠNG 7](#)

[CHƯƠNG 8](#)

[CHƯƠNG 9](#)

[CHƯƠNG 10](#)

[CHƯƠNG 11](#)

[CHƯƠNG 12](#)

[CHƯƠNG 13](#)

[CHƯƠNG 14](#)

[CHƯƠNG 15](#)

[CHƯƠNG 16](#)

[CHƯƠNG 17](#)

[CHƯƠNG 18](#)

[CHƯƠNG 19](#)

[CHƯƠNG 20](#)

[CHƯƠNG 21](#)

[CHƯƠNG 22](#)

[CHƯƠNG 23](#)

[CHƯƠNG 24](#)

[CHƯƠNG 25](#)

[CHƯƠNG 26](#)

[CHƯƠNG 27](#)

[CHƯƠNG 28](#)

[CHƯƠNG 29](#)

[CHƯƠNG 30](#)

[CHƯƠNG 31](#)

[CHƯƠNG 32](#)

[CHƯƠNG 33](#)

[CHƯƠNG 34](#)

[CHƯƠNG 35](#)

[CHƯƠNG 36](#)

[CHƯƠNG 37](#)

[CHƯƠNG 38](#)

[CHƯƠNG 39](#)

[CHƯƠNG 40](#)

[CHƯƠNG 41](#)

[CHƯƠNG 42](#)

[CHƯƠNG 43](#)

[CHƯƠNG 44](#)

[CHƯƠNG 45](#)

[CHƯƠNG 46](#)

[CHƯƠNG 47](#)

[CHƯƠNG 48](#)

[CHƯƠNG 49](#)

Giới thiệu nội dung:

Tôi có thể thấy hồn ma.

Đây là câu thoại nổi tiếng trong bộ phim kinh điển *Giác quan thứ Sáu*. Không biết vô tình hay cố ý mà Odd Thomas lại dùng chính câu nói này để vén lên về bức màn về cuộc đời mình. Odd là một chàng 20 tuổi bình thường, làm đầu bếp trong một quán ăn nhỏ, tính tình thuần hậu khiêm nhường, yêu say sưa cô bạn Stormy xinh đẹp và chơi thân thiết với anh nhà văn tên Ozzie “bé”. Điểm khác thường duy nhất là Odd có khả năng nhìn cũng như giao tiếp với người chết, và nhận biết được những bóng đen xuất hiện quanh nơi sắp xảy ra tội ác. Chính giác quan thứ sáu này khiến nhiều hồn ma tìm đến nhờ Odd giúp đỡ, hoặc hoàn thành việc gì đó còn dang dở hoặc đưa tội ác ra trước ánh sáng để họ có thể ra đi thanh thản. Đây chính là một phần công việc thường nhật của Odd. Nhưng đến một ngày kia, một sự việc quái lạ, một tai họa khủng khiếp, không giống với bất cứ trải nghiệm nào của Odd sắp xảy ra...

Người đàn ông đầy rẫy những bóng đen đi theo mỗi bước chân đó là ai? Hắn ta muốn gì ở thị trấn này? Ngay cả những hồn ma cũng không thể cho Odd biết. Manh mối mơ hồ duy nhất mà cậu có chỉ là một tờ lịch bị xé rách đề tháng Tám, ngày 15...

Giới thiệu tác giả:



Dean Koontz, sinh ngày 9 tháng 7 năm 1954 tại Everett, Pennsylvania. Ông tốt nghiệp Đại học Shippensburg Pennsylvania vào năm 1967, sau đó ông là giáo viên dạy tiếng Anh tại trường trung học Mechanicsburg ở Mechanicsburg, Pennsylvania. Là một trong những tác giả tiểu thuyết nổi tiếng người Mỹ, có sách bán chạy số 1 theo bình chọn của *New York Times*. Từ *New York Times* đã gọi cách viết của ông là “phức tạp về tâm lý, tài tình và thỏa mãn”. Tạp chí *Rolling Stone* khen ngợi ông là “người viết tiểu thuyết hồi hộp được ưa chuộng nhất nước Mỹ”.

Sách của ông đã được xuất bản bằng 38 thứ tiếng và đã bán được hơn 400 triệu bản.

MỤC LỤC

LỜI KHEN TẶNG DÀNH CHO TÁC PHẨM

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

CHƯƠNG 12

CHƯƠNG 13

CHƯƠNG 14

CHƯƠNG 15

CHƯƠNG 16

CHƯƠNG 17

[CHƯƠNG 18](#)

[CHƯƠNG 19](#)

[CHƯƠNG 20](#)

[CHƯƠNG 21](#)

[CHƯƠNG 22](#)

[CHƯƠNG 23](#)

[CHƯƠNG 24](#)

[CHƯƠNG 25](#)

[CHƯƠNG 26](#)

[CHƯƠNG 27](#)

[CHƯƠNG 28](#)

[CHƯƠNG 29](#)

[CHƯƠNG 30](#)

[CHƯƠNG 31](#)

[CHƯƠNG 32](#)

[CHƯƠNG 33](#)

[CHƯƠNG 34](#)

[CHƯƠNG 35](#)

[CHƯƠNG 36](#)

[CHƯƠNG 37](#)

[CHƯƠNG 38](#)

[CHƯƠNG 39](#)

[CHƯƠNG 40](#)

[CHƯƠNG 41](#)

[CHƯƠNG 42](#)

[CHƯƠNG 43](#)

[CHƯƠNG 44](#)

[CHƯƠNG 45](#)

[CHƯƠNG 46](#)

[CHƯƠNG 47](#)

[CHƯƠNG 48](#)

[CHƯƠNG 49](#)

[CHƯƠNG 50](#)

[CHƯƠNG 51](#)

[CHƯƠNG 52](#)

[CHƯƠNG 53](#)

[CHƯƠNG 54](#)

[CHƯƠNG 55](#)

[CHƯƠNG 56](#)

[CHƯƠNG 57](#)

[CHƯƠNG 58](#)

[CHƯƠNG 59](#)

[CHƯƠNG 60](#)

[CHƯƠNG 61](#)

[CHƯƠNG 62](#)

[CHƯƠNG 63](#)

[CHƯƠNG 64](#)

[CHƯƠNG 65](#)

[CHƯƠNG 66](#)

[CHƯƠNG 67](#)

LỜI KHEN TẶNG DÀNH CHO TÁC PHẨM

Dean Koontz mang đến một câu chuyện day dứt khôn nguôi về tình yêu và nỗi kinh hoàng, sự hồi hộp và tự khám phá - một truyện ngụ ngôn khó quên dành cho thời đại của chúng ta, có thể xếp câu chuyện này vào hàng những tác phẩm để đời của ông.

Câu chuyện kể về người gác cổng nghĩa hiệp đứng tại giao lộ quyết định giữa sự sống và cái chết, một anh hùng trẻ tuổi khiêm nhường dâng trọn tâm hồn vào những trang sách này và sẽ vĩnh viễn chiếm được trái tim bạn đọc - ODD THOMAS.

Tiểu thuyết thần bí và ly kỳ mới của tác giả có sách bán chạy số 1 - DEAN KOONTZ.

“Có lẽ hơn hẳn bất kỳ tác giả nào khác, Dean Koontz viết thể loại hư cấu cực kỳ đúng theo kiểu Mỹ... tiểu thuyết của ông càng đọc càng hết sức hấp dẫn”.

Publishers Weekly

“Koontz không chỉ là bậc thầy am tường những giấc mơ sâu kín nhất của chúng ta mà còn là nghệ sĩ làm trò tung hứng với chữ nghĩa”.

The Times (Luân Đôn)

CHƯƠNG 1

Tên tôi là Odd Thomas, tôi không chắc tại sao bạn lại nên quan tâm đến chuyện tôi là ai hoặc tôi có tồn tại hay không, dù rằng thời nay, tiếng tăm là điều thiêng liêng mà hầu hết mọi người đều tôn thờ.

Tôi không phải người nổi tiếng, cũng không phải con cái của người nổi tiếng. Tôi không bao giờ kết hôn với người nổi tiếng, không bao giờ để những kẻ đó đối xử tệ bạc với mình, và cũng không bao giờ hiến thận để cấy ghép vào thân thể bất kỳ người nổi tiếng nào. Hơn nữa, tôi không có khát vọng trở thành người nổi tiếng.

Tóm lại, tôi chỉ là một tên vô danh tiểu tốt, theo những tiêu chuẩn trong nền tảng văn hóa của chúng ta, nền tảng khiến tạp chí *People* không những sẽ không bao giờ đăng một lời nào về tôi mà còn có thể cự tuyệt cả nỗ lực đăng ký đặt báo của tôi, bởi lẽ lực hút lỗ đen vũ trụ từ việc tôi không nổi tiếng có tác động mạnh đến mức đủ lôi kéo toàn bộ sự nghiệp kinh doanh của họ chôn vào quên lãng.

Tôi hai mươi tuổi. Đối với những người lớn tuổi từng trải, tôi lớn hơn đứa con nít chút đỉnh. Thế nhưng đối với trẻ con, tôi đã già dặn đủ để chúng ngờ vực, tổng khứ vĩnh viễn ra khỏi cộng đồng đầy sức lôi cuốn của những người thấp bé và không để râu.

Thế nên, chuyên gia nhân khẩu học có thể kết luận rằng những người duy nhất chịu nghe tôi nói chỉ là đám thanh niên nam nữ hiện đang lênh đênh giữa đợt sinh nhật thứ hai mươi và hai mươi mốt.

Thật tình, tôi chẳng có gì để nói với lượng khán giả hạn hẹp đó. Theo kinh nghiệm của mình, tôi không quan tâm đến hầu hết những thứ mà thanh niên Mỹ hai mươi tuổi quan tâm. Trừ việc tồn tại, đương nhiên rồi.

Tôi sống một cuộc đời khác lạ.

Nói thế không có nghĩa cuộc sống của tôi tốt đẹp hơn của các bạn. Tôi chắc chắn rằng cuộc sống của các bạn đầy ắp hạnh phúc, niềm vui, điều kỳ diệu và những nỗi sợ hãi cố hữu, nhiều như bất kỳ ai có thể ước muốn. Xét cho cùng, giống như như tôi, bạn cũng là một con người bằng xương bằng thịt, và chúng ta biết điều đó sung sướng và đáng sợ đến thế nào.

Tôi chỉ có ý nói rằng cuộc sống của tôi không bình thường. Những sự việc kỳ dị cứ đều đặn xảy ra với tôi mà không xảy ra với người nào khác thật vậy.

Chẳng hạn như tôi sẽ không bao giờ viết cuốn tự truyện này nếu không bị anh chàng nặng bốn trăm pao[1] với bàn tay trái có sáu ngón bắt buộc.

Tên anh ấy là P. Oswald Boone. Mọi người gọi anh ấy là Ozzie “bé” vì bố anh, Ozzie “lớn”, vẫn còn sống.

Ozzie “bé” có một con mèo tên Terrible Chester và anh ấy rất yêu nó. Quả thực, nếu có một ngày Terrible Chester mất đi mạng sống của mình dưới bánh xe Peterbilt thì tôi e rằng trái tim to lớn của Ozzie “bé” sẽ không vượt qua được nỗi đau mất mát đó.

Về phần mình, tôi không dành nhiều tình cảm sâu sắc cho Terrible Chester chỉ bởi một lẽ, nó đã vài lần tè bậy lên giày tôi.

Lý do con mèo đó làm vậy, theo lời Ozzie giải thích nghe có vẻ lọt tai, nhưng tôi không tin vào vẻ thật thà kia. Ý tôi muốn nói tôi nghi ngờ sự chân thực của con Terrible Chester, không phải của Ozzie.

Hơn nữa, tôi tuyệt đối không đặt niềm tin khi một con mèo tuyên bố rằng nó đã năm mươi tám tuổi. Mặc dù có ảnh làm chứng để xác thực tuyên bố trên nhưng tôi vẫn khẳng khẳng cho rằng điều đó không đúng.

Vì những lí do sẽ trở nên hiển nhiên, bản thảo này không thể được công bố trong suốt quãng đời của tôi và những nỗ lực của tôi sẽ không được đền đáp bằng nhuận bút khi tôi còn sống. Ozzie “bé” gợi ý tôi nên để lại khoản tiền bản quyền cho việc nuôi dưỡng chu đáo cho con Terrible Chester, theo anh ấy thì nó sẽ sống thọ hơn tất cả chúng tôi.

Tôi sẽ chọn người khác cho hành động từ thiện này, một đối tượng không tè bậy lên giày của tôi.

Dù sao đi nữa, tôi không viết quyển sách này vì tiền. Tôi viết nó để lưu giữ sự minh mẫn và để khám phá xem tôi có thể thuyết phục chính bản thân rằng cuộc đời mình có mục đích và ý nghĩa, đến mức đủ để tôi vin vào đó mà tiếp tục sống không.

Bạn đừng bận tâm: những lời huyền thuyên này sẽ không u sầu đến mức khiến bạn không thể chịu nổi. P. Oswald Boone đã nghiêm khắc ra chỉ thị cho tôi phải giữ văn phong tươi sáng.

“Nếu em không giữ văn phong tươi sáng,” Ozzie bảo, “anh sẽ đè cái mông bốn trăm pao của mình lên người em đấy nhé, và em không muốn chết theo cách đó đâu.”

Ozzie đang huênh hoang đó thôi. Mông anh ấy to thật, nhưng có lẽ chỉ nặng một trăm năm mươi pao là cùng. Hai trăm năm mươi pao kia phân bố khắp phần còn lại trên bộ xương khốn

khổ của Ozzie.

Thoạt đầu khi tôi tỏ ra không thể giữ giọng văn tươi sáng, Ozzie gợi ý tôi hãy đóng vai người kể chuyện đáng ngờ. Anh ấy nói: “Cách ấy hiệu quả đối với Agatha Christie trong truyện *Vụ ám sát Roger Ackroyd*.”

Trong quyển truyện trinh thám dạng tường thuật nói trên, gã kể chuyện đẹp trai hóa ra lại là kẻ giết Roger Ackroyd, sự thật này được hấn che giấu người đọc đến tận phút cuối.

Hiển nhiên tôi không phải tên sát nhân. Tôi không làm điều xấu xa gian ác phải giấu giếm bạn. Sự lập lờ đáng ngờ của tôi thể hiện ở vai trò một người kể chuyện phải vất vả vật lộn với thì của một số động từ.

Đừng bận tâm, không lâu nữa bạn sẽ biết sự thật.

Dù sao thì tôi cũng đang tiếp tục câu chuyện của mình. Đến sau khi con bò nổ tung, Ozzie “bé” và Terrible Chester mới nhập cuộc.

Câu chuyện bắt đầu vào một ngày thứ Ba.

Đối với bạn, thứ Ba là ngày bình thường tiếp theo sau thứ Hai. Đối với tôi, ngày đó cũng như sáu ngày kia, đầy ắp tiềm năng xuất hiện những điều kì bí, mạo hiểm và hãi hùng.

Bạn nên hiểu điều đó không có nghĩa cuộc đời của tôi thật lãng mạn và huyền ảo. Quá nhiều điều thần bí sẽ chỉ gây phiền hà. Quá nhiều mạo hiểm thành ra kiệt sức. Và những nỗi hãi hùng còn con cứ đeo bám dai dẳng.

Không cần đồng hồ báo thức, tôi dậy lúc năm giờ sáng thứ Ba, sau khi mơ là những nhân viên sân chơi bowling đã chết.

Tôi không bao giờ đặt báo thức vì đồng hồ sinh học trong người tôi cực kỳ chính xác. Nếu tôi muốn thức dậy ngay năm giờ thì trước khi ngủ, chỉ cần tự nhủ với mình ba lần rằng tôi buộc phải dậy đúng bốn giờ bốn mươi lăm.

Dù đồng hồ sinh học của tôi đáng tin cậy nhưng vì một số lý do, nó chạy chậm đi mười lăm phút. Tôi biết ra điều này nhiều năm về trước và đã quen dần.

Suốt ba năm trời, giấc mơ về những nhân viên sân chơi bowling đã chết cứ quấy nhiễu giấc ngủ của tôi mỗi tháng một hai lần. Các tình tiết chưa cụ thể đến mức đủ để hành động. Tôi sẽ phải chờ đợi và hy vọng sự việc sáng tỏ khi chưa quá muộn. Vậy là tôi thức dậy lúc năm giờ, ngồi thừ trên giường và nói: “Miễn thứ con con phải phụng sự.” Đó là lời cầu nguyện buổi sáng mà bà Sugars đã dạy cho tôi khi còn bé xíu.

Pearl Sugars là bà ngoại của tôi. Nếu bà là bà nội thì tên tôi đã là Odd Sugars, như vậy càng khiến cuộc đời tôi rối rắm thêm.

Bà ngoại Sugars tin vào chuyện mặc cả với Thượng đế, bà gọi Người là “nhà buôn thảm già nua”.

Trước mỗi ván bài xì phé, bà hứa hẹn với Thượng đế sẽ truyền bá lời dạy cho Người hoặc chia sẻ khoản tiền rủng rỉnh có được cho những đứa trẻ mồ côi, nếu Người mà bà thắng cuộc. Suốt cuộc đời bà, tiền thắng bài luôn là một nguồn thu đáng kể.

Là một phụ nữ nghiện rượu với vô vàn sở thích ngoài chuyện chơi bài, bà Sugars không phải lúc nào cũng dành nhiều thời gian truyền bá lời của Thượng đế như đã hứa. Bà tin Thượng đế thường đoán được thể nào cũng bị lừa và sẽ khoan dung độ lượng chuyện đó.

Bà nói bạn có thể lừa bịp Thượng đế và thoát tội với điều kiện bạn làm như vậy với sức hấp dẫn và khiếu hài hước. Nếu bạn sống trên đời với trí tưởng tượng và lòng nhiệt huyết, Thượng đế sẽ nhập cuộc để xem điều cực kì thú vị tiếp theo bạn thể hiện là gì.

Người cũng sẽ loại bạn ra khỏi cuộc chơi nếu bạn ngốc nghếch đến mức lỗ bịch. Bà ngoại tôi quả quyết, điều đó giải thích tại sao khối kẻ ngờ nghệch kinh khủng chỉ xoay xở được cuộc sống tạm ổn.

Tất nhiên, bạn tuyệt đối không bao giờ được gây tổn hại đến người khác theo bất cứ phương thức đáng sợ nào, nếu không bạn sẽ chẳng khiến Thượng đế thấy thú vị nữa. Lúc đó cái giá phải trả sẽ xảy đến tương ứng với những điều bạn đã thất hứa.

Bất chấp việc lén uống rượu dưới gầm bàn, bất chấp việc đều đặn thắng các ván bài xì phé với những kẻ có trái tim sắt đá, thần kinh yếu, không thích thua cuộc, bất chấp cả việc hằng ngày ăn rất nhiều mỡ lợn, bà Sugars đã thanh thản ra đi trong giấc ngủ ở tuổi bảy mươi hai. Người ta tìm thấy bà cùng một ly rượu mạnh gần như cạn sạch đặt trên chiếc bàn đầu giường, một quyển sách của tác giả bà yêu thích đã lật đến trang cuối cùng, và một nụ cười trên khuôn mặt.

Căn cứ vào tất cả những bằng chứng sẵn có, bà ngoại tôi và Thượng đế hiểu nhau khá rõ.

Vui mừng khi thấy mình vẫn còn sống vào sáng thứ Ba đó, trong khung cảnh lờ mờ của bình minh, tôi bật ngọn đèn đầu giường và quan sát căn phòng dùng làm phòng ngủ, phòng khách, nhà bếp kiêm phòng ăn của mình. Tôi không bao giờ bước xuống giường khi chưa biết người đang đợi mình, nếu có, là ai.

Nếu khách viếng thăm, người tốt hay kẻ xấu, đã dành một khoảng thời gian trong đêm quan sát tôi ngủ thì họ sẽ chẳng nấn ná ở lại để tán gẫu trong bữa điểm tâm của tôi. Đôi khi việc từ giường ngủ đến phòng tắm cũng có thể lấy mất niềm vui sướng của một ngày mới.

Chỉ có Elvis ở đó, đeo vòng hoa lan, mỉm cười và chĩa một ngón tay về phía tôi như thể đây là khẩu súng đã lên cò.

Tôi thích sống phía trên ga-ra riêng biệt, có kích thước vừa đủ cho hai chiếc xe và tôi thấy nơi đây thoải mái dễ chịu, nhưng tạp chí *Kiến trúc Bày trí* sẽ không sẵn tìm bức ảnh độc quyền về bố cục nơi đây đâu. Nếu phóng viên đưa tin của tòa soạn nhìn thấy chỗ tôi ở, có lẽ anh ta sẽ nhận xét, với thái độ khinh khỉnh rằng xét cho cùng cụm từ thứ hai trong tên gọi của tạp chí đâu phải là *Bày bừa*.

Tấm bìa cứng chân dung Elvis có kích cỡ bằng người thật, một trong những hình ảnh trưng bày tại hành lang rạp hát để quảng bá phim *Blue Hawaii*, vẫn nằm nguyên vị trí tôi đặt. Thỉnh thoảng, nó di chuyển, hoặc bị di chuyển trong đêm.

Tôi tắm bằng xà phòng và dầu gội đầu hương đào của Stormy Llewellyn tặng. Tên thật của nàng là Bronwen nhưng nàng nghĩ tên đó khiến nàng có vẻ giống yêu tinh.

Tên thật của tôi là Odd.

Theo lời mẹ tôi, đây là sai sót chưa được chỉnh sửa trong giấy khai sinh. Lúc mẹ nói định đặt tên tôi là Todd, lúc lại nói là Dobb, theo tên một ông dượng người Cộng hòa.

Còn bố tôi thì khẳng khẳng lúc nào họ cũng định đặt tên Odd cho tôi, nhưng bố không cho tôi biết lý do. Bố lưu ý rằng tôi không có ông dượng người Cộng hòa Séc nào cả.

Mẹ tôi hùng hồn quả quyết là người dượng đó có thực, dù mẹ từ chối giải thích tại sao tôi chưa bao giờ được gặp dượng ấy hay dì Cymry, chị của mẹ, người được cho là đã kết hôn với dượng.

Bố thừa nhận sự tồn tại của dì Cymry nhưng lại tuyên bố đánh thép rằng dì ấy không bao giờ lấy chồng. Bố nói dì ấy là một kẻ đồng bóng. Câu đó có ẩn ý gì thì tôi không biết, vì bố không nói thêm lời nào nữa.

Mẹ tôi tức điên lên trước lời ám chỉ cho rằng chị của mẹ là loại người đồng bóng. Mẹ gọi dì Cymry là món quà Thượng đế ban tặng, thế nhưng, mẹ ít đề cập đến đề tài này.

Tôi thấy sống cùng cái tên Odd dễ thở hơn là chối bỏ nó. Lúc tôi đủ lớn để nhận ra đó là một cái tên khác thường thì tôi đã thấy thoải mái về nó.

Quan hệ của Stormy Llewellyn và tôi hơn cả mức bạn bè thông thường. Chúng tôi tin cả hai là tri kỷ của nhau.

Bởi lẽ tấm thẻ từ chiếc máy bói toán trong lễ hội nói rằng chúng tôi đã được an bài sẽ bên

nhau mãi mãi.

Chúng tôi lại có cả vết bớt xứng với nhau nữa.

Ngoài chuyện tắm thẻ và vết bớt, tôi còn yêu nàng rất mãnh liệt. Tôi ném mình xuống vách đá cheo leo vì Stormy nếu nàng yêu cầu. Tất nhiên là tôi cũng cần phải hiểu rõ mục đích phía sau lời đề nghị đó.

May cho tôi, Stormy không phải kiểu người đòi hỏi những việc làm nông nổi như thế. Nàng không trông đợi những hành động mà ngay đến bản thân nàng cũng không muốn thực hiện. Trong thời buổi lừa lọc hiện nay, nàng được giữ vững nhờ một cái mỏ neo lẽ phải to bằng con tàu.

Có lần Stormy mất cả ngày trời để suy nghĩ xem có nên giữ lại năm mươi xu nàng tìm thấy trong khe đựng tiền thừa ở trạm điện thoại công cộng không. Cuối cùng nàng gửi trả số tiền ấy cho công ty điện thoại.

Trở lại chuyện vách đá, tôi không có ý nói tôi sợ Tử thần. Tôi chỉ chưa sẵn sàng hẹn hò đi chơi với ông ấy thôi.

Toàn thân thơm phức hương đào như Stormy yêu thích, không sợ Tử thần, xoi một cái bánh xốp việt quất, giả giọng Elvis nhưng nghe chẳng giống chút nào để tạm biệt ông bằng câu “Bảo trọng nhé”, tôi lên đường đến làm việc tại Quán Vỉ nướng Pico Mundo.

Bình minh vừa ló dạng, một lòng đỏ trứng vàng ươm đã lóe sáng tại đường chân trời phía đông.

Thị trấn Pico Mundo nằm ở phía nam California, mặc dù tất cả nước sinh hoạt đều được hệ thống cấp nước của chính phủ cung cấp nhưng bạn không bao giờ được quên rằng tình trạng thực sự của khu vực này là sa mạc. Tháng Ba, chúng tôi bị nung nóng. Tháng Tám như hiện giờ, chúng tôi bị nướng chín.

Biển nằm quá xa ở phía tây, xa đến nỗi nó lạ lẫm đối với chúng tôi không kém gì Biển Yên bình^[2], vùng đất rộng lớn âm u trên bề mặt chị Hằng.

Thỉnh thoảng, khi đào bới để xây khu cư xá mới ở vùng ngoại vi thị trấn, các nhà khai thác gặp vô vàn vỏ sò nằm thật sâu bên dưới. Thuở xa xưa, các con sóng đã liếm lên bờ biển này.

Nếu áp tai vào những vỏ sò ấy, bạn không còn nghe được tiếng sóng réo gọi nữa mà chỉ có tiếng gió khô rang rên rĩ, như thể vỏ sò đã quên nguồn cội của nó.

Ngay bên dưới những bậc tam cấp dẫn lên căn hộ nhỏ của tôi, trong ánh mặt trời đầu ngày, Penny Kallisto đứng chờ như một vỏ sò trên bờ biển. Cô bé đi giày đỏ, mặc quần lửng trắng và áo sơ mi trắng sát nách.

Nhìn chung, Penny không mang nổi tuyệt vọng trước tuổi dậy thì như vài đứa trẻ thời nay rất dễ mắc phải. Em mười hai tuổi, sôi nổi, thân thiện và hay cười.

Thế nhưng sáng nay Penny trông có vẻ nghiêm nghị. Đôi mắt xanh tối sẫm như bãi biển một ngày đầy mây.

Tôi liếc nhìn về phía ngôi nhà cách xa hơn mười thước, nơi đó bà chủ nhà Rosalia Sanchez trông chờ tôi từng giây từng phút để xác nhận rằng bà ấy chưa biến mất trong đêm. Hình ảnh phản chiếu trong gương không bao giờ đủ sức khiến nỗi sợ hãi của bà ngủ yên.

Không nói lời nào, Penny quay đi khỏi những bậc thềm. Cô bé hướng ra phía trước căn hộ.

Như cặp đôi người khổng lồ, hai cây sồi đồ sộ xứ California dùng ánh nắng và chính bóng của chúng dệt nên tấm mạng tim vàng, giăng ngang lối vào nhà.

Khi đi dưới bức màn tranh tối tranh sáng đó, Penny có lúc sáng lung linh, lúc lại chìm vào bóng tối. Tấm áo của bóng tối làm lu mờ vẻ rực rỡ trên mái tóc vàng óng, thoáng thay đổi theo từng bước cô bé di chuyển.

Sợ mất dấu Penny, tôi lao vội xuống mấy bậc thang cuối rồi đuổi theo em. Bà Sanchez đành phải chờ đợi và lo lắng vậy.

Penny đưa tôi băng qua ngôi nhà, ra khỏi lối dành cho xe chạy, đến bể nước ở bãi cỏ phía trước. Xung quanh chân đế của bể nước, bà Rosalia Sanchez xếp hàng đồng vỏ sò với đủ hình thù và kích cỡ thu lượm được từ các ngọn đồi của thị trấn Pico Mundo.

Penny cúi xuống lựa một vỏ sò to bằng quả cam rồi đứng lên đưa cho tôi.

Kiểu dáng vỏ sò tương tự như ốc xà cừ. Mặt ngoài xù xì mang hai màu nâu và trắng, mặt trong bóng láng tỏa ánh hồng ngọc trai.

Khum bàn tay phải như thể vẫn đang cầm vỏ sò, Penny áp lên tai. Cô bé nghênh đầu lắng nghe, ra hiệu muốn tôi làm theo.

Khi áp vỏ sò lên tai, tôi không nghe tiếng biển cả, cũng không nghe thấy tiếng gió sa mạc nào nề như đã được kể.

Thay vào đó, từ trong vỏ sò phát ra giọng thở hung tợn của một con quái thú. Nhịp điệu gấp gáp của sự đòi hỏi ác nghiệt, tiếng gầm gừ của nỗi khao khát điên cuồng.

Giữa sa mạc ngày hè mà người tôi lạnh toát.

Khi Penny thấy gương mặt tôi lộ vẻ đã nghe thấy điều em muốn cho tôi biết, cô bé liền băng qua bãi cỏ đi đến vỉa hè. Penny đứng ở lề đường, nhìn chăm chăm về cuối phía tây phố Marigold Lane.

Tôi bỏ vỏ sò xuống, đến bên cô bé và cùng chờ đợi.

Quý dữ đang đến. Tôi tự hỏi, nó sẽ mang khuôn mặt kẻ nào.

Hàng nguyệt quế Ấn Độ lâu năm chạy dọc con đường. Những rễ cây xương xẩu to lớn nứt nẻ và oằn cong vỉa hè bê tông.

Không chút gió len qua hàng cây. Buổi sáng tĩnh mịch bất thường như bình minh ngày tận thế, chỉ phút chốc nữa thôi cả bầu trời sẽ nứt toạc ra.

Cũng như nhà của bà Sanchez, hầu hết những ngôi nhà quanh đây xây theo phong cách thời Victoria với nhiều cấp độ hào nhoáng khác nhau. Khi thị trấn Pico Mundo được thành lập vào năm 1900, rất nhiều cư dân từ Bờ Đông đến đây nhập cư và họ chuộng kiểu kiến trúc thích hợp với vùng bờ biển lạnh lẽo, ẩm thấp xa xôi này.

Chắc họ tưởng có thể mang đến thung lũng này những thứ họ yêu thích, bỏ mặc sau lưng tất cả những gì khó chịu.

Song chúng ta không phải giống loài có thể chọn lựa hành lý buộc phải mang theo. Dù với những mục đích tốt đẹp nhất, lúc nào chúng ta cũng nhận thấy mình phải mang bên người một hai va li chứa sự ám muội và nỗi khổ sở.

Nửa phút trôi qua, chuyển động duy nhất chỉ là cánh điều hâu bay lượn trên cao, thấp thoáng giữa những nhánh nguyệt quế.

Sáng nay con điều hâu và tôi đều là những tay săn mồi.

Penny Kallisto chắc hẳn cảm nhận được nỗi sợ hãi của tôi. Em nắm tay phải của tôi trong bàn tay trái của mình.

Hành động ân cần ấy khiến tôi thấy được an ủi. Cái nắm tay chặt của Penny xem ra thật vững vàng và bàn tay em không hề lạnh. Tôi có thêm dũng khí từ tinh thần mạnh mẽ của cô bé.

Vì chiếc xe không rờ ga, lăn bánh với vận tốc chỉ vài dặm một giờ nên tôi không nghe thấy gì cho đến khi xe rẽ sang khúc quanh. Nhận ra chiếc xe, tôi thấy nỗi buồn dâng lên bằng với nỗi sợ hãi.

Mẫu xe Pontiac Firebird 400 đời 1968 này được phục chế hết sức cẩn thận. Chiếc xe hai cửa màu xanh sẫm có thể đóng mở mui lướt về phía chúng tôi cách vỉa hè một khoảng ngắn, nó

lung linh như ảo ảnh trong hơi mỗi buổi sớm mai.

Harlo Landerson và tôi là bạn cùng lớp thời học phổ thông. Suốt những năm đó, Harlo sửa sang lại từ phần trục xe trở lên, cho đến khi trông chiếc xe bóng bẩy như vào thời điểm mùa thu năm 67, khi lần đầu tiên mẫu xe xuất hiện tại nơi trưng bày.

Tự ti, có phần bẽn lẽn, Harlo không dốc sức chăm chút chiếc xe với hy vọng nó trở thành nam châm thu hút các cô nàng xinh đẹp hay những ai từng nghĩ cậu ta nhạt nhẽo nay bỗng nhiên thấy cậu ta tuyệt đến mức làm đóng băng thủy ngân trong nhiệt kế. Harlo không có tham vọng trong việc giao thiệp với mọi người, cậu ta không hề ảo tưởng đến cơ hội nâng cao thứ bậc thấp kém trong chế độ phân chia giai cấp ở trường phổ thông.

Với động cơ V-8 335 mã lực, chiếc Firebird có thể tăng tốc từ không lên sáu mươi dặm một giờ trong vòng chưa đầy tám giây. Thế nhưng Harlo không phải tay đua kiệt xuất nên cậu ta chẳng có chút hãnh diện đặc biệt nào khi sở hữu một chiến mã tốc độ cực đỉnh như vậy.

Harlo dồn nhiều thời gian, công sức và tiền bạc vào chiếc Firebird vì vẻ đẹp của kiểu dáng và chức năng xe hút hồn cậu ta. Đó là việc làm xuất phát từ trái tim, một niềm đam mê có tính trong sáng và độ mãnh liệt đến thiêng liêng.

Đôi khi tôi nghĩ sự hiện diện của chiếc Pontiac rất quan trọng trong cuộc đời của Harlo vì cậu ta không còn ai khác để trao gửi những yêu thương, và cậu đã dành cho chiếc xe. Mẹ Harlo qua đời năm cậu lên sáu. Bố cậu là một kẻ nát rượu.

Một chiếc xe không thể đáp lại tình cảm mà bạn dành cho nó. Nhưng nếu bạn đơn côi cùng cực thì cú tóe lửa của kim loại crom, vẻ sáng bóng của nước sơn và tiếng nổ của động cơ cũng có thể được xem là sự triu mến thương yêu.

Harlo và tôi không phải bạn chí cốt mà chỉ là bạn bè bình thường. Tôi mến anh chàng này. Cậu ta trầm tính nhưng trầm tính vẫn tốt hơn thói khoe khoang khoác lác mà rất nhiều đứa nhờ vào đó để thu hút sự chú ý trong trường phổ thông.

Tôi giờ tay trái vấy Harlo trong khi Penny Kallisto vẫn còn bên cạnh tôi.

Từ thời học phổ thông, cậu ta đã làm việc chăm chỉ. Chín giờ sáng đến năm giờ chiều. Harlo dỡ hàng tại Super Food rồi mang thực phẩm từ kho dự trữ ra bày lên giá.

Trước đó, từ bốn giờ sáng, cậu ta đi giao hàng trăm tờ báo đến các căn hộ nằm phía đông thị trấn Pico Mundo. Mỗi tuần một lần, cậu ta còn phát cho từng ngôi nhà một túi nhựa chứa đầy những tờ bướm quảng cáo và phiếu giảm giá.

Sáng nay Harlo chỉ giao báo. Cậu ta ném báo bằng một cú hất cổ tay như thể đó là mấy cái boomerang. Từng tờ *Thời báo hạt Maravilla* số ra ngày thứ Ba được gập lại để trong bao, quay

tít giữa không trung rồi với tiếng “thịch” khê khàng, nó đáp xuống lối đi trước nhà, đúng vị trí mà người đặt mua muốn thấy.

Harlo đang giao báo bên kia đường. Khi đến ngôi nhà đối diện với nơi tôi đứng, cậu ta dừng chiếc Pontiac đang thả dốc lại.

Penny cùng tôi băng qua chỗ chiếc xe và Harlo lên tiếng. “Chào Odd. Cậu thế nào vào một ngày đẹp trời hôm nay?”

“Chán,” tôi đáp. “Buồn. Rối bời.”

Harlo cau mày lo âu, “Chuyện gì không ổn à? Tớ giúp được gì không?”

“Chuyện cậu đã làm,” tôi trả lời.

Buông tay Penny, tôi nghiêng người vào trong chiếc Firebird từ bên phần ghế hành khách, tắt máy xe và giật mạnh chìa khóa ra.

Hoảng hốt, Harlo vội chụp chùm chìa khóa lại nhưng không kịp, “Này, Odd, đừng giỡn nữa được không? Lịch làm việc của tớ sắp sao lăm đấy.”

Tôi chưa từng nghe giọng Penny, song bằng thứ ngôn ngữ của linh hồn - tuy lặng thinh nhưng lại chứa đựng nhiều điều, cô bé hẳn đã nói với tôi.

Những gì tôi thốt ra với Harlo Landerson chính là phần cốt yếu nằm trong điều cô bé tiết lộ: “Trong túi của cậu có máu cô bé.”

Anh chàng ngây ngô đã bị lời tuyên bố của tôi làm lộ tẩy. Harlo nhìn tôi chăm chăm, đôi mắt bất chợt nghiêm lại nhưng không chứa đựng vẻ từng trải mà là nỗi sợ hãi.

“Đêm đó,” tôi tiếp lời, “cậu mang theo ba mẫu vải nỉ vuông màu trắng.”

Một tay vẫn đặt trên vô lăng, Harlo rời mắt khỏi tôi, nhìn sau kính chắn gió như thể muốn lái chiếc Pontiac bỏ đi.

“Sau khi lợi dụng cô bé, cậu dùng mấy mẫu vải lưu giữ lại chút máu trinh.”

Harlo rùng mình. Khuôn mặt cậu ta đỏ bừng lên, có lẽ do xấu hổ.

Nỗi đau làm tôi ghen giọng, “Mấy mẫu vải khô quánh và sẫm màu, giòn như bánh quy.”

Cơn rùng mình của Harlo vỡ òa thành những run rẩy dữ dội.

“Cậu luôn mang một trong những mẫu vải ấy bên mình.” Giọng tôi run lên vì bức xúc, “Cậu thích người nó. Ôi, Chúa ơi, Harlo. Đôi khi cậu còn đưa nó vào giữa hai hàm răng và cắn.”

Harlo mở tung cửa xe và bỏ chạy.

Tôi không phải luật pháp. Tôi không nhân danh công lý. Tôi cũng không hiện thân cho sự báo thù. Tôi thật sự không biết là gì, và tại sao.

Tuy nhiên vào những lúc này thế này, tôi không thể ngăn bản thân dừng hành động. Cơ giân dữ cuốn phăng tôi và tôi không thể ngoảnh mặt làm ngơ trước điều buộc phải làm, cũng như không thể mong ước cho thế giới suy tàn này trở lại trạng thái tươi đẹp.

Khi Harlo vắt chân lên cổ phóng vọt đi khỏi chiếc Pontiac, tôi nhìn xuống Penny Kallisto và thấy vết dây buộc hằn quanh cổ cô bé, dấu vết đó không rõ vào lần đầu tiên cô bé hiện ra trước mặt tôi. Độ sâu của mảnh vải cứa vào da thịt cô bé làm dấy lên cơn cuồng nộ trong tôi. Việc cậu ta làm đã dồn cô bé đến chỗ chết.

Sự tiếc thương cào xé lòng tôi, và tôi đuổi theo Harlo Landerson, một kẻ tôi không hề mấy may thương xót.

CHƯƠNG 2

Từ mặt đường nhựa sang mặt đường trải bê tông, từ mặt đường trải bê tông lên bãi cỏ, dọc theo ngôi nhà nằm bên kia đường, từ chỗ bà Sanchez xuyên qua sân sau, đến hàng rào sắt, rồi nhảy qua, sau đó băng qua một lối nhỏ, trèo lên bức tường gạch, Harlo Landerson hết chạy đến leo, rồi nhảy xuống.

Tôi tự hỏi hắn ta đang đi đâu. Hắn ta không thể thoát khỏi tôi hay công lý và chắc chắn không thể thoát khỏi con người thật của hắn.

Xa xa bức tường gạch có một mảnh sân, một hồ bơi. Lốm đốm ánh ban mai và bóng cây, mặt nước chập chờn sắc xanh lan tỏa từ màu ngọc bích sang ngọc lam, như thể một mẫu đá quý do bọn hải tặc khuất núi từ lâu để lại.

Ở phía xa của hồ bơi, sau cánh cửa kéo bằng kính, một phụ nữ trẻ đứng đó trong bộ pyjama, tay cầm chiếc cốc to chứa thứ nước giúp cô có dũng khí đối mặt với ngày mới.

Khi phát hiện ra đối tượng quan sát hốt hoảng kia, Harlo chuyển hướng về phía cô ta. Có lẽ hắn nghĩ mình cần một người che chắn, một con tin. Dù gì đi nữa hắn ta đâu có tìm kiếm cà phê.

Tôi bám sát nút, túm lấy áo, kéo giật hắn ngã chống kèn. Hai chúng tôi rơi ngập vào phần hồ sâu.

Nhờ cái nóng của vùng sa mạc vào ngày hè nên nước hồ bơi không lạnh. Hàng ngàn bọt nước như những cơn mưa đồng xu bạc lung linh phóng tới tấp trước mắt tôi, kêu ùng ục bên tai tôi.

Vùng vẫy, chúng tôi chạm tới đáy hồ, trong lúc trời lên, hắt đá, hắt quất. Bằng khuỷu tay, đầu gối hoặc bàn chân, hắn tấn công vào cổ họng tôi.

Dù lực cản của nước đã làm giảm đi phần lớn sức mạnh trong cú đánh đó nhưng tôi vẫn thờ đốc, nuốt ực và nghẹt thở với vị clo thoảng mùi dầu thoa làm nâu da. Nói lỏng nắm tay khỏi Harlo, tôi trở mình chậm rãi xuyên qua bức màn dập dờn màu lục nhạt, lam thẫm rồi phá tan bề mặt thành hàng ngàn vạt nắng.

Tôi ở giữa hồ còn Harlo ở ngay bờ. Hắn chộp lấy gờ tường và đu người lên thành hồ xi măng.

Ho sặc sụa, xì nước cho thông mũi, tôi lội bì bõm đuổi theo hắn. Trong vai vận động viên bơi lội, tôi có khả năng đi thi đấu Olympic thì ít mà khả năng chết đuối thì nhiều.

Vào một đêm tẻ ngắt năm tôi mười sáu tuổi, tôi thấy mình bị buộc vào hai xác chết và bị ném khỏi thuyền trên hồ Malo Suerte. Kể từ đó trở đi, tôi đâm ra ác cảm đối với các môn thể thao dưới nước.

Chiếc hồ nhân tạo ấy nằm tận bên kia ranh giới của thị trấn Pico Mundo. Malo Suerte có nghĩa là “vận đen”.

Được xây dựng trong thời kỳ Đại Khủng hoảng[3], giữ vai trò là dự án của Ban Xúc tiến Sự vụ, chiếc hồ lúc đầu được đặt theo tên một chính trị gia ít tiếng tăm. Cho dù người ta có cả ngàn câu chuyện xung quanh thứ nước cứ luôn thay đổi trong hồ, nhưng không một ai ở vùng đó có thể đoán chắc rằng khi nào và tại sao hồ này được chính thức đổi tên là Malo Suerte.

Tất cả hồ sơ liên quan đến hồ này đã biến thành vụ tro trong vụ cháy trụ sở tòa án năm 1954, thời điểm một người đàn ông tên Mel Gibson phản đối lệnh tịch biên lai tài sản do không đóng thuế. Phản kháng của ông Gibson mang hình thức tự hy sinh tính mạng.

Ông ta không bà con thân thích gì với nam tài tử người Úc trùng tên, người mấy thập kỷ sau nổi lên thành ngôi sao điện ảnh. Quả thực theo toàn bộ những lời đồn đại thì ông Gibson kia không có tài mà cũng chẳng có ngoại hình thu hút.

Lúc này đây, vì không bị đè nặng bởi hai xác chết, nên tôi chạm được thành hồ sau vài sải tay mau lẹ. Tôi nhắc bồng thân người lên khỏi mặt nước.

Đến bên cánh cửa trượt, Harlo Landerson mới phát hiện cửa khóa trái. Người phụ nữ mặc pyjama đã biến mất.

Khi tôi lồm cồm đứng lên và định di chuyển, Harlo lùi ra xa cánh cửa để lấy đà. Sau đó hắn chạy tới đưa vai trái ra phía trước, rúc đầu xuống.

Tôi cau mày chờ đợi cảnh tượng máu bắn tung tóe, chân tay đứt lìa, đầu bị mảnh kính chém phẳng.

Dĩ nhiên tấm kính có độ an toàn đó vỡ tan thành một rừng những mảnh vụn bám dính. Harlo xộc vào nhà với tứ chi nguyên vẹn và cái đầu vẫn dính trên cổ.

Kính vỡ kêu lạo xạo, leng keng dưới đế giày khi tôi bám theo gót hắn. Tôi ngửi thấy mùi cháy khét.

Chúng tôi đang có mặt tại phòng khách. Tất cả vật dụng đều hướng về phía chiếc tivi màn hình rộng to bằng hai cái tủ lạnh.

Phần đầu khổng lồ của cô nàng phát thanh viên trên chương trình *Today* trông thật khiếp khi phóng to như thế. Ở trên kích thước này, nụ cười tươi tắn trên môi cô ta chứa đựng sự hăm hở như cá nhồng nhe răng. Đôi mắt lúng liếng có độ lớn bằng quả chanh đường như đang ánh lên vẻ điên cuồng.

Theo sơ đồ tầng nhà thoáng đãng này, phòng khách dẫn thẳng vào bếp, xen giữa chỉ có một quầy bếp để dùng điểm tâm.

Người phụ nữ chọn vị trí chống cự trong bếp. Một tay cô ôm chặt điện thoại tay kia cầm dao phay.

Harlo đứng ngay khoảng giữa hai gian phòng, cố nghĩ xem cô vợ nội trợ hơn hai mươi tuổi đang mặc bộ pyjama kiểu thủy thủ cực xinh kia thật sự có gan moi ruột hấn không.

Cô ta vừa huơ dao vừa hét vào điện thoại. “Hấn ở trong nhà, hấn ở ngay đây này!”

Sau lưng cô, bên kia bếp, khói bốc lên từ lò nướng bánh. Bột nở đã hỏng. Mùi bốc lên như dầu tây trộn với cao su cháy. Người phụ nữ đang trải qua một buổi sáng tệ hại.

Harlo ném một chiếc ghế đẩu vào tôi và chạy ra khỏi phòng khách, hướng về phía cửa trước của ngôi nhà.

Cúi đầu né chiếc ghế, tôi lên tiếng, “Thưa cô, tôi xin lỗi về mớ hỗn độn này,” rồi tôi đi tìm kẻ đã giết Penny.

Phía sau tôi người phụ nữ hét lớn, “Stevie, khóa cửa phòng con lại! Stevie khóa cửa phòng con lại.”

Lúc tôi đến chân cầu thang trong phòng ngủ, Harlo đã leo tới đầu cầu thang.

Tôi hiểu ra lý do hấn lên đây thay vì chạy thoát khỏi ngôi nhà. Trên tầng hai có một cậu bé mắt tròn to, khoảng năm tuổi, mặc độc chiếc quần lót đang đứng đó. Năm một chân con gấu bông xanh dương, cậu bé trông yếu ớt như chú cún con bị bỏ rơi giữa làn đường cao tốc tấp nập.

Một con tin hoàn hảo.

“Stevie, khóa cửa phòng con lại!”

Thả rơi con gấu bông xanh dương, cậu bé ù té chạy trốn vào phòng.

Harlo nhảy bổ lên cầu thang tầng hai.

Hắt hơi bởi thứ nước do làm ngứa mũi và mùi mứt dâu cháy khét, người ướt sũng, tôi trèo lên cầu thang với tinh thần quả cảm kém hơn cả John Wayne trong phim *Sand of Iwo Jima*.

Tôi sợ hãi hơn kẻ tôi đang truy đuổi vì tôi còn có nhiều thứ để mất, nhất là Stormy Llewellyn và chuyện tương lai hai đứa tôi bên nhau như chiếc máy bói toán đã hứa hẹn. Giả sử tôi đụng độ với anh chồng và trong tay anh ta có súng thì anh sẽ không hề do dự bắn xối xả vào tôi cũng như Harlo.

Phía trên, cánh cửa đóng sầm lại. Stevie đã làm theo lời mẹ bảo.

Theo truyền thống vào ngày Chủ nhật sau Lễ Phục sinh nếu có trong tay một bình kim loại chì đang sôi, Harlo Landerson sẽ đổ lên người tôi. Thay vì thế, hắn đẩy cho tôi một tủ chén đĩa nằm ở hành lang tầng hai, đối diện đầu cầu thang.

Tôi nhảy khỏi mấy bậc thang, đu lên tay vịn, ngạc nhiên phát hiện ra mình có được sự nhanh nhẩu và tài giữ thăng bằng như khỉ, dù là một con khỉ sừng nước. Cái bẫy ịch rơi xuống từng bậc thang, các ngăn kéo cứ bật mở toang hoác rồi đóng ập lại hết lần này đến lần khác, như thể trong tủ chén ấy chứa đựng linh hồn của một con cá sấu.

Rời khỏi tay vịn, leo tiếp mấy bậc thang, tôi lên tới hành lang tầng hai khi Harlo bắt đầu đập cửa phòng cậu bé.

Thấy tôi tiến đến, hắn càng đập nhanh hơn. Gỗ vỡ vụn với một tiếng rắc khô khốc và cánh cửa mở tung.

Harlo xông vào như thể hắn bị một cơn lốc năng lượng hút khỏi hành lang.

Lao qua ngưỡng cửa, đẩy cánh cửa đang đung đưa sang bên, tôi thấy cậu bé cố chui vào gầm giường, còn Harlo đang ghì chặt chân trái cậu bé.

Tôi vồ lấy cây đèn ngủ hình chú gấu trúc tươi cười trên cái bàn đở ngay đầu giường và đập mạnh lên đầu Harlo. Trận tàn sát của những mảnh gốm sứ từ đôi tai vĩnh màu đen, khuôn mặt trắng rạn nứt, bộ móng đen và vòng bụng trắng núc ních quét qua khắp căn phòng.

Ở một thế giới có hệ sinh thái và các định luật vật lý tuân theo độ chính xác tuyệt đối mà các nhà khoa học đã gán cho chúng thì lẽ ra Harlo sẽ gục xuống bất tỉnh ngay đơ hệt như cây đèn tan tác kia. Nhưng thật không may đây không phải cái thế giới ấy.

Hệt như kiểu tình thương khiến những người mẹ hóa điên có sức mạnh siêu phàm nâng bổng được cả chiếc xe hơi lộn ngược để giải thoát cho đứa con bị giam giữ, sự đồi bại đã cho

Harlo ý chí hứng chịu cú đánh của gấu trúc mà không hề hấn gì. Hắn bỏ Stevie ra và vỗ lấy tôi.

Tuy cặp mắt của Harlo không có hai đồng tử thu nhỏ nhưng chúng vẫn nhắc tôi nhớ đến cặp mắt của một con rắn, lóe sáng mưu đồ thâm độc và cho dù mấy chiếc răng để lộ không hé ra cái răng nanh dài sọc hay cong vút nào, nhưng tình trạng lên cơn của một con chó dại vẫn ẩn hiện trong tiếng gầm gừ khe khẽ của hắn.

Đây không phải người bạn tôi quen thời phổ thông cách đây chỉ mới vài năm, cũng không phải anh chàng bên lền tìm thấy phép lạ và ý nghĩa trong việc kiên nhẫn phục chế chiếc xe Pontiac Firebird.

Đây là một linh hồn bệnh hoạn và méo mó gai góc và thối rữa, một linh hồn có lẽ vừa mới thoát khỏi chốn giam cầm khuất sâu trong mê cung tâm trí của Harlo. Nó đập tan những chấn song của tế bào và vượt qua thành lũy canh giữ hạ bộ người mang tên Harlo và hiện nắm quyền thống trị.

Được giải thoát, Stevie cuống cuống bò ngay vào gầm giường. Thế nhưng không có chiếc giường nào che chở tôi và không có tấm chăn nào để tôi trùm kín đầu.

Tôi không nhớ thật rõ những phút tiếp sau đó. Tôi và hắn lao vào tấn công khi có cơ hội. Chúng tôi vớ lấy bất cứ thứ gì có thể làm vũ khí, huơ lên rồi nã. Một loạt cú đánh tới tấp khiến cả hai lão đảo ôm ghi đối phương, tôi cảm nhận hơi thở nóng hổi của hắn phả vào mặt, nước bọt văng ra và nghe thấy tiếng hàm răng nghiền ngấu. Hắn cắn vào tai phải của tôi, cơn hoảng loạn đã dồn ép phải dùng đến thủ đoạn của một con quái thú.

Tôi vùng thoát, xô mạnh hắn ra bằng cách hất khuỷu tay vào dưới cằm và định lên gối vào hạ bộ hắn nhưng không trúng.

Tiếng còi hụ vang đến và mẹ Stevie xuất hiện ở chỗ cánh cửa mở toang con dao phay lóe sáng. Hai chiến sĩ: một người trong trang phục pyjama, người kia mặc đồng phục hai màu xanh và đen của Sở Cảnh sát thị trấn Pico Mundo đang trong tình trạng sẵn sàng.

Harlo không thể thoát khỏi tôi và người phụ nữ cầm vũ khí kia. Hắn không thể bắt Stevie, tấm chăn bảo vệ hắn mong có được vì cậu bé đã nằm dưới gầm giường. Còn nếu lao qua cửa sổ và trèo lên mái ngói ngoài hiên trước thì hắn sẽ rơi thẳng vào vòng vây của cảnh sát đang đến.

Tiếng còi hụ vọng lại lớn hơn, gần hơn, Harlo trở vào một góc phòng, đứng rùng mình thờ hồn hèn. Hai tay siết chặt vào nhau, gương mặt hắn tái nhợt với vẻ thống khổ. Hắn nhìn mặt sàn, bốn bức tường, trần nhà, không phải với bộ dạng một kẻ sắp bầy đang ước tính cỡ của cái lồng giam giữ mà với nét hoang mang như thể hắn không nhớ ra tại sao hắn lại có mặt tại đây và rơi vào thế bí này.

Khác với bọn quái thú chốn rừng rú, những giống yêu tinh tàn bạo đội lốt người, khi bị dồn

vào chân tường, hiếm khi chúng tấn công dữ tợn hơn. Thay vào đó chúng bộc lộ tính hèn nhát nằm sâu thẳm bên trong hành động hung ác của chúng.

Đôi tay siết chặt của Harlo vặn vẹo tách rời ra và ôm lấy mặt. Qua kẽ hở giữa mười ngón tay, tôi có thể thấy cặp mắt của hắn giật giật vì khiếp sợ.

Lưng ép sát vào góc phòng, hắn trượt người dọc theo chân tường, ngồi xuống sàn và xoạc chân ra trước mặt. Hắn cố giấu khuôn mặt sau đôi tay, như thể đôi bàn tay hắn là mặt nạ hóa phép tàng hình giúp hắn thoát khỏi sự trừng phạt của công lý.

Còi hú rền vang hết cỡ cách đó chỉ một nửa khu nhà và rồi âm lượng của nó giảm từ tiếng gào thét đến tiếng gầm gừ và xuống còn tiếng rên yếu ớt ngay trước ngôi nhà.

Ngày mới vừa bắt đầu chưa đầy một giờ đồng hồ và từng giây từng phút của buổi sáng nay, tôi đã cư xử đúng theo tên gọi của mình.

CHƯƠNG 3

Hồn người chết không nói chuyện. Tôi không biết tại sao.

Harlo Landerson bị các nhân viên chức trách giải đi. Trong ví của hắn, người ta tìm thấy hai bức ảnh chụp Penny Kallisto. Tấm hình đầu tiên, cô bé trần trụi và còn sống. Tấm hình thứ hai, cô bé đã chết.

Stevie ở dưới nhà, trong vòng tay của mẹ cậu bé.

Wyatt Porter, cảnh sát trưởng ở Sở Cảnh sát thị trấn Pico Mundo, yêu cầu tôi chờ trong phòng Stevie. Tôi ngồi xuống mép chiếc giường chưa sắp xếp ngăn nắp của cậu bé.

Tôi ngồi một mình không lâu thì Penny Kallisto đi xuyên qua tường và ngồi xuống cạnh tôi. Vết dây buộc đã biến mất khỏi cổ cô bé. Trông em như chưa bao giờ bị siết cổ, chưa bao giờ phải chết.

Như trước giờ, cô bé vẫn câm lặng.

Tôi thường tin vào kiến trúc truyền thống của dương thế và cõi âm. Thế giới này là một cuộc hành trình để khám phá và rửa tội. Thế giới bên kia gồm có hai đích đến: một nơi là cung điện dành cho linh hồn và vương quốc vô tận những điều kì diệu lạnh lẽo, tối tăm và không thể hình dung nổi.

Bạn cứ việc nghĩ tôi là kẻ ngớ ngẩn. Những người khác đều nghĩ thế cả.

Stormy Llewellyn, một thiếu nữ có quan điểm độc đáo, lại tin rằng chuyển đi xuyên suốt thế giới này của chúng ta nhằm mục đích tôi luyện cho chúng ta vững vàng hơn vào kiếp sau. Nàng bảo tính trung thực, chính trực, dũng cảm và cương quyết chống lại cái ác của chúng ta sẽ được đánh giá vào phút cuối chúng ta có mặt trên thế giới này, và nếu được duyệt, chúng ta sẽ gia nhập vào đội quân những linh hồn, tham gia một nhiệm vụ cao cả nào đó ở thế giới bên kia. Những ai không vượt qua cuộc sát hạch xem như không sống tiếp nữa.

Tóm lại, Stormy xem cuộc đời này như trại huấn luyện binh lính. Nàng gọi kiếp sau là “giai đoạn tại ngũ”.

Tôi hy vọng nàng đã nhầm, bởi lẽ một trong những hàm ý của thuyết vũ trụ nàng đưa ra đó là rất nhiều nỗi kinh hoàng chúng ta biết đến ở đây chính là sự tiêm chủng phòng ngừa tình trạng tồi tệ ở thế giới bên kia.

Stormy nói những điều chúng ta trông đợi ở kiếp sau sẽ bỏ công chúng ta nhằn nại ở kiếp này, một phần vì chuyến phiêu lưu nhưng chủ yếu do phần thưởng dành cho giai đoạn tại ngũ sẽ đến vào kiếp sống thứ ba.

Về phần mình, tôi thích nhận phần thưởng vào thời điểm sớm hơn nàng dự đoán.

Nhưng Stormy thích trì hoãn việc hưởng thụ. Nếu ngày thứ Hai nàng thêm soda kem, nàng sẽ chờ đến thứ Ba hoặc thứ Tư mới uống một ly. Nàng khẳng khẳng bảo rằng chờ đợi khiến ly nước ngon hơn hẳn.

Quan điểm của tôi lại khác: nếu bạn thích mê món soda kem, thứ Hai uống một ly, thứ Ba uống thêm ly nữa, thứ Tư uống tiếp ly khác.

Theo Stormy, nếu tôi sống theo triết lý đó quá lâu, tôi sẽ trở thành một gã nặng tám trăm pao, đến lúc ngã bệnh phải nhờ cần trục và đội thợ xây đến lôi ra khỏi nhà.

Nàng từng nói, “Nếu anh muốn bị bẽ mặt với việc được chở đến bệnh viện trên xe tải sàn phẳng thì đừng hòng có chuyện em ngồi lên cái bụng béo phì của anh như chú dế Jiminy ngồi trên lưng cá voi, ngheu ngao ca bài ‘Khi bạn cầu nguyện một vì sao’ nhé.”

Tôi khá chắc chắn rằng trong bộ phim hoạt hình *Pinocchio* của hãng Disney, chú dế Jiminy chưa bao giờ ngồi trên lưng cá voi. Thực ra tôi còn ngờ vực cả chuyện chú dế đó chạm trán cá voi.

Tuy nhiên, nếu tôi đưa ra lời nhận xét ấy với Stormy, nàng sẽ tặng tôi ánh mắt hình viên đạn ngụ ý rằng *Anh ngớ ngẩn đến mức hết thuốc chữa hay chỉ là đang giỡn?* Nên tránh đến vẻ mặt đó nếu không muốn sợ chết khiếp.

Vừa ngồi đợi trên mép giường của Stevie, tôi vừa nghĩ rằng ngay đến Stormy cũng không thể làm tinh thần tôi phấn chấn hơn. Quả thực, nếu bức hình Scooby-Doo cười toe toét in trên khăn trải giường không làm tôi vui trở lại thì có lẽ chẳng điều gì giúp được.

Tôi vẫn cứ nghĩ mãi về chuyện Harlo mất mẹ năm lên sáu tuổi, lẽ ra cậu ta phải là hình tượng gợi nhớ đến người mẹ, thế nhưng cậu ta đã làm ô uế ký ức về mẹ mình.

Và rồi tôi nghĩ đến Penny: cuộc đời cô bé kết thúc quá sớm, sự mất mát khủng khiếp đối với gia đình em, một nỗi đau không nguôi làm thay đổi mãi mãi cuộc sống những người thân của em.

Penny đặt tay trái lên tay phải của tôi và siết chặt an ủi.

Bàn tay em mang đến cảm giác thật như tay của một cô bé còn sống, rắn rỏi, ấm áp. Tôi không hiểu tại sao cô bé lại trở nên có thực đến thế đối với mình và tuy em đi xuyên tường nhưng em hiện hữu trước mắt tôi và vô hình với mọi người.

Tôi ứa nước mắt. Đôi khi tôi vẫn khóc. Tôi không xấu hổ với việc rơi lệ. Vào những lúc thế này, nước mắt giúp xua tan các cảm xúc, nếu không chúng sẽ ám ảnh tôi, sự ám ảnh làm tôi đau lòng.

Ngay sau khi những giọt lệ long lanh đầu tiên chỉ mới khiến mắt tôi nhòa đi chứ vẫn chưa kịp rơi xuống, Penny đã siết chặt tay tôi trong đôi tay cô bé. Cô bé mỉm cười và nháy mắt như muốn nói: *Chuyện ổn rồi, anh Odd Thomas. Quên nó đi, tống khứ nó đi.*

Người chết rất thông cảm cho những người sống. Họ đi trước và biết hết những nỗi sợ hãi, nhược điểm, những hy vọng bế tắc của chúng ta và việc chúng ta trân trọng thế nào thứ không thể kéo dài mãi mãi. Họ thương xót chúng ta, tôi nghĩ thế, và quả thực họ nên thương xót chúng ta.

Khi nước mắt tôi đã khô, Penny đứng nhồm dậy, mỉm cười lần nữa và dùng tay vuốt lên ngược tóc tôi ra sau trán. *Tạm biệt, cử chỉ ấy dường như để nói lên điều đó. Cảm ơn và tạm biệt.*

Cô bé băng qua căn phòng, xuyên tường, đi vào không gian buổi sáng tháng Tám ở tầng nhà nằm phía dưới trên mảnh sân trước, hay đi vào một lãnh địa khác tươi sáng rực rỡ hơn cả mùa hè tại thị trấn Pico Mundo này.

Lát sau, cảnh sát trưởng Wyatt Porter xuất hiện ngay cửa phòng.

Cảnh sát trưởng là một người đàn ông to lớn nhưng diện mạo của ông không đáng sợ lắm. Với cặp mắt lồi và hai bên má chảy xệ, khuôn mặt ông chịu ảnh hưởng của trọng lực trái đất nhiều hơn hẳn phần cơ thể còn lại. Tôi thấy ông di chuyển nhẹ nhàng và quyết đoán nhưng qua hành động và phong thái có vẻ ông gánh vác rất nhiều thứ nặng nề trên đôi vai rắn chắc, vạm vỡ.

Nhiều năm qua, khi những ngọn đồi thấp bao bọc thị trấn của chúng tôi được đục đẽo thành khu lân cận đầy các cư xá, dân số bùng phát, và khi sự hèn hạ của một thế giới hiểm ác len lỏi vào nơi trú ngụ cuối cùng của phép lịch sự, như thị trấn Pico Mundo, thì có lẽ cảnh sát trưởng Porter đã chứng kiến quá nhiều hành động dối trá của con người. Có lẽ gánh nặng ông chất trên vai là hàng đồng ký ức ông muốn trút bỏ nhưng không thể.

“Vậy là hai bác cháu mình lại gặp nhau,” ông cất tiếng và bước vào phòng.

“Dạ phải,” tôi đồng tình.

“Cửa ngoài sân vỡ toang, đồ đạc tan tành.”

“Đa phần không phải do con làm vỡ, trừ cây đèn ngủ.”

“Nhưng con tạo ra tình huống dẫn đến điều đó?”

“Dạ phải, thưa bác.”

“Tại sao con không đến chỗ bác, để bác tìm cách khiến Harlo tự rơi vào bẫy?”

Trước đây chúng tôi đã hợp tác theo kiểu đó.

“Cảm giác của con,” tôi đáp, “cho thấy cần phải đối đầu với hắn ngay tức thì, có lẽ chẳng mấy chốc hắn sẽ lặp lại tội ác.”

“Cảm giác của con.”

“Dạ phải, thưa bác. Đó chính là điều con nghĩ Penny muốn truyền đạt. Sự khẩn nài lặng lẽ liên quan đến cô bé.”

“Penny Kallisto.”

“Dạ phải, thưa bác.”

Cảnh sát trưởng thở dài. Ông ngồi xuống chiếc ghế duy nhất trong phòng: một chiếc ghế dành cho trẻ con, màu tím phủ lên phần lưng ghế có thân mình và đầu của khủng long Barney. Trông như ông đang ngồi trong lòng Barney. “Này con trai, con làm phức tạp cuộc đời của bác quá.”

“*Họ* làm phức tạp cuộc đời của bác và cuộc đời của con còn phức tạp hơn của bác nhiều lắm,” tôi nói, có ý chỉ những người đã khuất.

“Chắc rồi. Nếu là con, bác đã phát điên lâu rồi.”

“Con cũng cho là thế,” tôi thừa nhận.

“Nghe này, Odd, bác muốn tìm cách giữ con đứng ngoài tòa án, nếu sự việc diễn biến đến đó.”

“Con cũng muốn tìm cách.”

Ít người biết một vài bí mật kỳ lạ của tôi. Chỉ duy có Stormy Llewellyn biết tất cả.

Tôi muốn giấu tên, muốn có một cuộc sống giản dị và êm ả, hay chí ít cũng giản dị ở chừng mực các linh hồn cho phép.

Cảnh sát trưởng cất giọng. “Bác nghĩ hẳn sẽ thú tội trước mặt luật sư của hẳn. Có thể không cần xét xử. Nhưng nếu có mở phiên tòa, phía cảnh sát của bác sẽ nói hẳn mở ví lấy tiền chung cá độ cho con, có thể là cá độ một trận bóng chày, và bức ảnh của Penny rơi ra.”

“Con có thể khiến mọi người tin chuyện đó,” tôi quả quyết.

“Bác sẽ nói chuyện với Horton Barks. Anh ta sẽ giảm thiểu tối đa sự liên quan của con khi đưa tin.”

Horton Barks là chủ biên của tờ *Thời báo hạt Maravilla*. Hai mươi năm trước tại rừng Oregon, trong lúc bách bộ, ông ấy đã dùng bữa tối với quái vật Big Foot, nếu bạn gọi đồ khô ăn liền và xúc xích đóng hộp là bữa tối.

Tôi không biết chuyện Horton đã dùng bữa tối với quái vật Big Foot có thật không hay đó chỉ là những gì ông ấy tuyên bố. Theo trải nghiệm hàng ngày của tôi, tôi không thể ngờ vực chuyện Horton hay bất kỳ ai kể rằng đã chạm trán với sinh vật lạ, từ người ngoài hành tinh cho đến ma quỷ.

“Con ổn chứ?” cảnh sát trưởng Porter cất giọng hỏi.

“Dạ tạm ổn. Nhưng con không muốn muộn giờ làm. Giờ này là lúc quán ăn đông khách nhất.”

“Con còn làm ở đó à?”

“Dạ.” Tôi lấy ra cái điện thoại di động nho nhỏ kẹp ở thắt lưng khi nhảy xuống hồ bơi. “Con vẫn làm bình thường.”

“Chắc chút nữa bác sẽ ghé qua ăn một đĩa đầy ắp khoai tây và trứng.”

“Điểm tâm phục vụ cả ngày,” đó là lời hứa trịnh trọng từ năm 1946 của Quán Vỉ nướng Pico Mundo.

Cảnh sát trưởng Porter đổi tư thế ngồi khiến khung long Barney rên rỉ. “Này con định suốt đời làm đầu bếp chế biến thức ăn nhanh à?”

“Dạ không. Con đang nghĩ đến việc chuyển đổi sự nghiệp sang lĩnh vực lớp xe.”

“Lớp xe ư?”

“Có lẽ ban đầu sẽ kinh doanh, sau đó đến tháo lắp. Ở Tire World, người ta luôn tạo cơ hội việc làm.”

“Sao lại là lớp xe?”

Tôi nhún vai. “Ai cũng cần nó cả. Và đây là lĩnh vực con chưa biết, một thứ mới mẻ để học hỏi. Con muốn xem sinh hoạt ở đó thế nào, sinh hoạt ở công ty kinh doanh lớp xe.”

Chúng tôi ngồi đó khoảng gần một phút không ai nói gì. Sau đó ông lên tiếng, “Và đó là điều duy nhất con nghĩ đến cho tương lai sao? Ý bác là vụ lớp xe.”

“Công việc bảo trì hồ bơi cũng có vẻ hấp dẫn. Với những cộng đồng mới kéo đến khắp quanh đây thì ngày nào cũng sẽ xuất hiện hồ bơi mới xây.”

Cảnh sát Porter trầm ngâm gật gù.

“Và hẳn sẽ rất tuyệt khi làm việc tại sân chơi bowling,” tôi nói. “Nhiều khách mới cứ đến rồi đi, không khí sôi động của các trận đấu.”

“Con sẽ làm gì tại sân chơi bowling?”

“Trước hết là trông coi mấy đôi giày cho thuê. Phải lau sạch chúng hay làm gì đó trước khi cho người khác thuê tiếp. Rồi đánh bóng nữa. Bác phải kiểm tra dây buộc đều đặn.”

Cảnh sát trưởng gật đầu và chiếc ghế hình Barney màu tím kêu rít lên nghe giống tiếng chuột hơn là tiếng khủng long.

Quần áo của tôi gần khô hẳn nhưng chúng nhăn nhúm thảm thương. Tôi xem đồng hồ. “Con nên đi thôi. Con phải thay đồ trước khi đến quán ăn.”

Cả hai chúng tôi nhồm dậy.

Chiếc ghế Barney đổ sụp.

Nhìn đồng hồ nát màu tím, cảnh sát trưởng cất giọng, “Chuyện này có thể xảy ra khi con đánh nhau với Harlo.”

“Dạ phải,” tôi đáp.

“Bảo hiểm sẽ tính luôn vào phần kia.”

“Bao giờ mà chả có bảo hiểm,” tôi đồng tình.

Chúng tôi đi xuống lầu, Stevie đang ngồi trên ghế đầu trong bếp, vui thích thưởng thức bánh nướng hương chanh.

“Bác xin lỗi bác đã làm gãy cái ghế trong phòng ngủ của cháu,” cảnh sát trưởng Porter nói với cậu bé vì ông luôn là người trung thực.

“Dù sao đó cũng chỉ là cái ghế cũ hình Barney chán ngắt,” cậu bé lên tiếng. “Cháu bỏ xó món đồ hình Barney chán ngắt ấy mấy tuần rồi.”

Cầm chổi và hốt rác, mẹ cậu bé Stevie đi quét dọn những mảnh kính vỡ.

Cảnh sát trưởng Porter trình bày chuyện cái ghế với mẹ Stevie, cô có ý bỏ qua xem như chuyện nhỏ, nhưng ông vẫn một mực yêu cầu cô phải tìm ra giá tiền và cho ông biết.

Ông đề nghị chở tôi về nhà nhưng tôi nói. “Với con cách nhanh nhất chỉ cần quay lại lối đi đã dẫn đến đây.”

Tôi rời khỏi nhà qua khoảng trống từng là vị trí lắp cánh cửa bằng kính, đi vòng quanh hồ bơi thay vì lợi bì bõm trong đó, trèo lên bức tường gạch, băng qua một lối nhỏ, leo qua hàng rào sắt, đi qua bãi cỏ quanh một ngôi nhà khác, băng qua phố Marigold Lane và trở về căn hộ nằm phía trên ga-ra của mình.

CHƯƠNG 4

Tôi thấy được hồn người đã chết. Và rồi, có Chúa chứng giám, tôi phải thực hiện việc gì đó liên quan đến chuyện ấy.

Chiến lược tiên phong này đáng thực hiện nhưng lại nguy hiểm. Có hôm nó dẫn đến kết quả số lượng quần áo cần giặt khác với ngày thường.

Sau khi thay quần jeans sạch và áo phông trắng tinh, tôi đi vòng đến cổng sau nhà bà Sanchez để xác nhận với bà rằng bà vẫn hiện hữu, một việc sáng nào tôi cũng làm. Qua cánh cửa lưới, tôi thấy bà đang ngồi tại bàn nhà bếp.

Tôi gõ cửa và bà lên tiếng, “Con có nghe giọng bà không?”

“Dạ có thưa bà,” tôi trả lời. “Con nghe giọng bà rõ lắm.”

“Con nghe giọng ai?”

“Bà Rosalia Sanchez.”

“Vậ vào đi, Odd Thomas,” bà nói.

Gian bếp của bà tỏa mùi thơm của ớt và hoa ngô đồng, trứng rán và phô mai Jack^[4]. Tôi là đầu bếp chế biến thức ăn nhanh xuất sắc nhưng bà Rosalia Sanchez lại là một đầu bếp thiên bẩm.

Mọi thứ trong gian bếp của bà đều lâu đời và cũ kỹ nhưng cực kỳ sạch sẽ. Đồ cổ giá trị hơn khi thời gian và độ bền phủ lên chúng lớp bề mặt bóng loáng. Gian bếp của bà Sanchez đẹp như món đồ cổ tinh xảo nhất, lớp bề mặt bóng loáng vô giá có từ sự nghiệp cả đời người và từ công việc nấu ăn được thực hiện bằng niềm vui thích và lòng yêu thương.

Tôi ngồi xuống đối diện bà.

Bà bao tay quanh cốc cà phê thật chặt để khỏi run. “Sáng nay con đến muộn đấy Odd Thomas.”

Lúc nào bà cũng gọi cả tên họ của tôi. Thỉnh thoảng tôi ngờ rằng bà nghĩ Odd không phải

một cái tên mà là tước hiệu hoàng tộc, như *Hoàng tử* hay *Công tước* chẳng hạn, và thường dân nhất định phải thực hiện nghi thức giao tiếp đó khi gọi tôi.

Chắc bà tưởng tôi là con trai của một vị vua hết thời, sa sút đến độ rơi vào tình trạng khổ rách áo ôm nhưng dù sao vẫn đáng được tôn kính.

Tôi lên tiếng, “Dạ con đến muộn, xin lỗi bà. Thật là một buổi sáng kỳ lạ.”

Bà Sanchez không biết gì về mối quan hệ đặc biệt của tôi với người đã khuất. Không bận tâm tới những người chết du hành đến ga-ra thì bà cũng đã có đủ rắc rối rồi.

“Con có thấy được bà đang mặc gì không?” giọng bà đầy lo âu.

“Quần vàng nhạt, áo màu vàng đậm pha nâu.”

Bà đổi sang vẻ mặt tinh quái, “Con có thích chiếc nơ bướm trên tóc bà không, Odd Thomas?”

“Không có chiếc nơ nào hết. Bà đang buộc tóc bằng dây ruy băng màu vàng. Trông đẹp lắm.”

Lúc còn trẻ, ắt hẳn bà Rosalia Sanchez phải cực kỳ xinh đẹp. Ở độ tuổi sáu mươi ba, tăng thêm vài pao, có thêm vài vết sẹo và nếp nhăn từng trải, bà sở hữu vẻ đẹp sâu lắng của một người phúc hậu: tính khiêm tốn đáng mến và sự dịu dàng do thời gian truyền thụ, hào quang lung linh của lòng yêu thương và nghị lực, xuất hiện vào những năm cuối đời, chắc chắn đánh dấu gương mặt của những ai về sau sẽ được phong thánh.

“Khi con không đến vào giờ như thường lệ...” bà nói, “... bà tưởng con đã đến đây nhưng không thể nhìn thấy bà. Và bà tưởng bà cũng không thể nhìn thấy con được nữa, khi bà trở nên vô hình đối với con thì con cũng trở nên vô hình với bà.”

“Con chỉ đến muộn thôi,” tôi quả quyết để bà yên tâm.

“Trở nên vô hình thật là điều khủng khiếp.”

“Dạ phải, nhưng con sẽ không cần cạo râu thường xuyên.”

Lúc bàn luận về chuyện vô hình, bà Sanchez không cho phép đùa cợt. Khuôn mặt thánh thiện của bà cau lại, lộ vẻ không bằng lòng.

“Khi lo âu về chuyện trở nên vô hình, bà luôn nghĩ mình có thể thấy mọi người, chỉ có điều mọi người không thể nhìn hay nghe thấy bà.”

“Trong mấy bộ phim cũ về Người vô hình,” tôi nói, “bà có thể nhìn thấy hơi thở của anh ta khi anh ta đi ra ngoài trong thời tiết lạnh như băng.”

“Nhưng nếu mọi người trở nên vô hình với bà khi bà đã vô hình với họ,” bà tiếp lời, “thì có khác gì bà là người cuối cùng trên thế giới đâu, cả thế giới trống không chỉ mỗi mình bà cô độc lang thang quanh quẩn.”

Bà Sanchez rùng mình. Bà siết chặt cốc cà phê làm nó va vào chiếc bàn.

Khi nói về chuyện vô hình, bà Sanchez như đang nói đến cái chết, song tôi không chắc bà có nhận ra điều đó không.

Nếu ngay năm đầu tiên của thiên nhiên kỷ mới, năm 2001, diễn ra không tốt đẹp đối với thế giới nói chung thì nó đã diễn ra thật ảm đạm đối với bà Rosalia Sanchez nói riêng, khởi đầu bằng việc mất đi người chồng, ông Herman, vào một đêm tháng Tư. Bà đi ngủ cạnh người đàn ông bà yêu thương hơn bốn mươi năm qua và thức dậy bên cạnh một cái xác. Đối với ông Herman, cái chết đến thật nhẹ nhàng như trước nay nó vẫn thế, đến trong giấc ngủ, nhưng đối với bà Rosalia, cú sốc khi tỉnh giấc bên xác chết đã trở thành cơn chấn động.

Sau năm đó, trong lúc vẫn đang chịu tang chồng, bà không tham gia chuyến đi nghỉ đến New England đã được hoạch định từ lâu cùng gia đình ba người em gái. Sáng ngày mười một tháng Chín, bà thức giấc nhận được hung tin chuyến bay khứ hồi rời Boston của họ đã bị không tặc cướp quyền kiểm soát, biến nó thành tên lửa điều khiển, dùng vào một trong những hành động đáng lên án nhất trong lịch sử.

Bà Rosalia mong mỗi có con cháu, nhưng Chúa không ban cho bà. Herman, các cô em gái, cháu trai, cháu gái của bà là trọng tâm đời bà. Bà mất tất cả những người ấy khi đang ngủ.

Khoảng thời gian giữa tháng Chín và Giáng sinh năm ấy, bà Rosalia phát điên lên vì đau đớn. Phát điên một cách lặng lẽ, bởi bà sống cả đời một cách lặng lẽ và không còn biết sống theo cách nào khác.

Trong cơn điên nhẹ ấy, bà không chịu công nhận người thân của bà đã chết. Họ chỉ trở nên vô hình đối với bà mà thôi. Bản chất của lối nguy biện đã cầu viện đến một hiện tượng hiếm thấy như từ trường, nó có thể đảo lộn bất cứ lúc nào khiến tất cả những người thân yêu đã mất của bà hiện hình trở lại.

Các chi tiết về tất cả những vụ mất tích tàu thuyền, máy bay tại khu vực Tam giác quỷ Bermuda bà Rosalia Sanchez đều biết nằm lòng. Bà đọc không sót một quyển sách nào có thể tìm thấy về chủ đề này.

Bà nắm rõ câu chuyện kỳ lạ không thể giải thích về việc vào năm 610 sau Công nguyên, dường như qua một đêm, cả trăm ngàn người Maya ở các thành phố Copan, Piedrars Negras và

Palenque đều tan biến.

Nếu bạn đồng ý để bà Rosalia huyền thuyên, bà sẽ nhồi nhét đầy tai bạn cuộc thảo luận nghiêm túc về các vụ biến mất trong lịch sử. Chẳng hạn như tôi biết, nhiều hơn mức muốn biết và rất nhiều hơn mức *cần* biết đối với một người về việc một sư đoàn gồm ba ngàn binh lính Trung Quốc đã “bốc hơi” gần Nam Kinh vào năm 1939.

“À,” tôi lên tiếng, “chỉ ít sáng nay bà vẫn hiện hữu. Cứ hân hoan mong đợi, trước mắt bà còn cả khối ngày để hiện hữu mà, đó quả là điều tốt đẹp.”

Nỗi sợ hãi lớn nhất của bà Rosalia là vào đúng ngày người thân của bà hiện hình trở lại, chính bà lại tan biến đi.

Mong mỗi họ quay về nhưng bà khiếp sợ kết cục.

Bà làm dấu thánh, nhìn quanh gian bếp thân quen và cuối cùng nở nụ cười, “Bà có thể nướng một món gì đó.”

“Bà có thể nướng bất cứ món gì,” tôi nói.

“Con muốn bà nướng cho con gì nào, Odd Thomas?”

“Bà tạo bất ngờ cho con đi,” tôi xem đồng hồ, “Tốt hơn con nên đi làm.”

Bà tiễn tôi đến tận cửa và ôm siết tạm biệt tôi. “Con là cậu bé ngoan, Odd Thomas.”

“Bà làm con nhớ đến bà ngoại Sugars,” tôi nói, “trừ việc bà không chơi bài, không uống rượu và không lái xe vù vù.”

“Con nói nghe thật lọt tai. Con biết không, bà đã ngẫm nghĩ về cuộc đời và tất cả những chuyện của Pearl Sugars. Bà của con rất yếu điệu nhưng cũng...”

“Võ công đầy mình,” tôi gợi ý.

“Chính xác. Một năm nọ, tại lễ hội dâu của nhà thờ có một gã du côn gây rối, hấn nhện ma túy hoặc rượu bia. Pearl hạ gục hắn chỉ bằng hai cú đấm.”

“Bà ngoại có cú đấm móc sang trái tuyệt cú mèo.”

“Đúng thế, đầu tiên bà con đá hấn ngay vào chỗ hiểm. Nhưng bà nghĩ chỉ cần mấy cú đấm, bà con cũng có thể hạ gục hắn rồi. Đôi khi bà ao ước có thể giống với bà con hơn.”

Từ nhà bà Sanchez, tôi đi qua sáu khu nhà mới đến Quán Vĩ nướng Pico Mundo, nó nằm

ngay trung tâm khu thương mại Pico Mundo.

Cứ mỗi phút trôi qua kể từ lúc mặt trời mọc, không khí buổi sáng lại trở nên oi bức hơn. Những vị thần trong sa mạc Mojave không hề biết đến ý nghĩa của cụm từ “vừa phải”.

Bóng râm trải dài vào sáng sớm thu ngắn lại trước mắt tôi, rút lui khỏi những bãi cỏ đang ẩm dần lên, những mặt đường nhựa nóng như thiêu đốt, những vĩa hè trải bê tông có thể dùng làm chảo chiên trứng hết như cái lò nướng tôi sắp bước vào.

Không khí thiếu hẳn sinh khí để chuyển động. Cây cối gục đầu ử rũ. Chim chóc trốn vào nhánh lá hoặc bay cao hơn so với lúc bình minh, để đến nơi không khí loãng hơn, sức nóng đỡ gay gắt hơn.

Trong không gian tĩnh mịch lờ mờ đó, trên đường từ nhà bà Sanchez đến Quán Vĩ nướng, tôi thấy ba cái bóng di chuyển. Cả ba đều không có khởi điểm vì chúng không phải những cái bóng bình thường.

Lúc còn bé tí, tôi gọi các thực thể này là “*vong linh*”. Song đó chỉ là một cụm từ khác để chỉ *hồn ma*, nhưng chúng không phải những hồn ma giống Penny Kallisto.

Tôi không tin có lúc chúng lại ghé qua thế giới này trong hình thù con người hoặc am hiểu cuộc sống này như chúng ta. Tôi ngờ rằng chúng không thuộc về nơi đây, lãnh địa hắc ám muôn thuở mới thật là ngôi nhà mơ ước của chúng.

Hình thù của chúng tựa hồ sương khói. Thân thể không khá hơn gì những cái bóng. Chuyển động êm ru không phát ra tiếng. Mục đích, tuy bí ẩn nhưng không hề tốt đẹp.

Thông thường chúng lượn lờ như mèo, dù bọn mèo này to hơn như người. Đôi khi chúng gần như thẳng đứng thân mình, giống hệt loài sinh vật kỳ ảo nửa người nửa chó.

Tôi không hay gặp chúng. Mỗi khi xuất hiện, sự có mặt của chúng bao giờ cũng báo hiệu sắp có chuyện chẳng lành dữ tợn hơn cường độ thường thấy và ghê gớm hơn mức độ hay gặp.

Giờ đây đối với tôi chúng không còn là vong linh. Tôi gọi chúng bằng cái tên “ông kẹ”.

Ông kẹ là cụm từ tôi nghe cậu bé du khách người Anh sáu tuổi đã sử dụng để mô tả các sinh vật này khi thoáng thấy một đám bọn chúng đang rong ruổi trong ánh chạng vạng của thị trấn Pico Mundo, lúc ấy tôi cũng có mặt. Ông kẹ là một quái thú nhỏ bé, kinh tởm và được cho là thần bí, sống ở Quần đảo Anh, nó sẽ trèo xuống ống khói để bắt những đứa trẻ hư mang đi.

Tôi không tin những linh hồn tôi nhìn thấy thật sự là ông kẹ. Tôi cũng không nghĩ cậu bé người Anh tin như thế. Cụm từ đó chột nẩy ra trong tâm trí cậu bé chỉ vì cậu không còn tên gọi nào phù hợp hơn cho chúng. Tôi cũng vậy.

Cậu bé là người duy nhất tôi từng quen biết có cùng khả năng quan sát đặc biệt như tôi. Giây lát sau khi thốt ra cụm từ ông kẹ trước mặt tôi, cậu bé bị đè chết, nằm giữa một chiếc xe tải lạc tay lái và một bức tường bê tông.

Ngay lúc tôi đến Quán Vỉ nướng, ba ông kẹ nhập bọn với nhau. Chúng chạy tít phía trước tôi, lò mờ phát sáng quanh góc phố rồi biến mất như thể chỉ là làn hơi nóng tinh quái, một trò bịp bợm do không khí sa mạc và ánh mặt trời chói chang bày ra.

Điềm chẳng lành.

Có những ngày, tôi thấy thật khó tập trung vào nhiệm vụ đầu bếp chế biến thức ăn nhanh cừ khôi theo đúng khả năng. Sáng nay, tôi sẽ cần nhiều thứ hơn tinh thần kỷ luật thông thường để dồn tâm trí vào công việc và để bảo đảm món trứng tráng, khoai tây, món bánh mì kẹp thịt băm và thịt xông khói ra lò từ vỉ nướng của tôi tương xứng với danh tiếng.

CHƯƠNG 5

“Trúng, đánh, thêm,” giọng bà Helen Arches vang vang.

“Một lợn ngỗng, thịt băm chín vàng, đá cuội nhét tim.”

Bà kẹp tờ giấy vào thanh ngang treo phiếu gọi món ăn, chộp lấy ống cà phê mới pha và đến chầm đầy ly cho thực khách.

Bà Helen giữ vai trò nhân viên phục vụ xuất sắc đã bốn mươi hai năm qua, kể từ khi mới mười tám tuổi. Sau rất nhiều năm làm tốt công việc, mắt cá chân của bà đã cứng và hai chân bệt ra, thế nên mỗi khi bà đi lại, đôi giày nhিপ lên sàn theo từng bước.

Âm thanh “phạch phạch” khe khẽ là một trong những nhịp điệu không thể thiếu của khúc nhạc cực hay ở Quán Vĩ nương Pico Mundo này, đồng hành cùng tiếng xèo xèo phù phù của những món ăn đang chế biến, tiếng leng keng của muỗng nĩa, tiếng lách cách của chén đĩa. Những cuộc chuyện trò của thực khách và nhân viên mang đến giai điệu cho khúc nhạc.

Sáng thứ Ba ấy, chúng tôi bận túi bụi. Tất cả các bàn đều đầy ắp người, hai phần ba số ghế đặt tại quầy cũng chật kín.

Tôi thích được bận rộn. Vị trí đầu bếp phục vụ thức ăn nhanh là chức vụ trọng tâm của quán ăn, rõ ràng là thế, và tôi thu hút lượng người hâm mộ chẳng khác gì diễn viên trên sân khấu Broadway.

Là đầu bếp phục vụ thức ăn nhanh làm việc theo ca cũng na ná như trở thành người chỉ huy dàn nhạc giao hưởng nhưng không có cả nhà soạn nhạc lẫn khán giả. Bạn đứng ở tư thế sẵn sàng “chiến đấu” với cái tạp dề thay cho bộ com lê, cầm xẻng thay vì cầm que điều khiển dàn nhạc, khao khát thể hiện tài năng nghệ thuật không phải của nhạc sĩ mà là của loài gà.

Trứng là nghệ thuật, chắc chắn rồi. Nếu một ai đó buộc phải chọn lựa giữa Beethoven và đĩa trứng chiên bơ lúc đói meo thì lúc nào họ cũng sẽ chọn đĩa trứng, hay thực ra là con gà, và người đó sẽ thấy tâm hồn mình bay bổng, chí ít cũng lâng lâng như khi nghe nhạc lễ, ngâm thơ hay một bản xô-nát.

Bất cứ ai cũng có thể đập trứng và đổ ra chảo, nồi to hoặc nồi nhỏ, nhưng mấy ai làm được

món trứng trắng thơm ngon láng mịn và món trứng ốp la ngon lành như của tôi.

Không phải hãnh diện khoe khoang đâu nhé. À thì cũng có hãnh diện, nhưng là hãnh diện về thành quả, vẫn hơn kiêu căng hay khoác lác.

Tôi không chào đời với tài năng của một chuyên gia nấu ăn thiên bẩm. Tôi thông thạo nhờ vào quá trình học hành dưới sự dìu dắt của Terri Stambaugh, chủ nhân Quán Vĩ nướng Pico Mundo.

Trong khi những người khác không thấy triển vọng gì nơi tôi, cô Terri tin vào tiềm năng của tôi và cho tôi cơ hội. Tôi phấn đấu đáp lại niềm tin của cô bằng món bánh mì kẹp thịt băm phô mai có chất lượng không chê vào đâu được và món bánh kẹp gần như mỏng nhẹ đến mức có thể trôi nổi ra khỏi đĩa.

Cô Terri không chỉ là chủ mà còn kiêm cả vai trò giáo viên dạy nấu nướng, người mẹ nuôi và người bạn của tôi.

Hơn thế nữa, cô còn là chuyên gia hàng đầu về Elvis Presley. Bạn cứ đưa ra bất kỳ ngày tháng nào trong cuộc đời ông vua nhạc Rock ‘n’ Roll đó, cô Terri sẽ không chút do dự nói ngay cho bạn biết hôm ấy, ông ở đâu và làm gì.

Trái lại, tôi nắm rõ những hoạt động sau khi đã chết của ông.

Không cần xem qua tờ giấy bà Helen kẹp trên thanh ngang, tôi *thêm* cho một phiếu gọi món, có nghĩa tôi cho cái trứng thứ ba vào phần ăn hai trứng bình thường. Sau đó tôi *đánh*: tức khuấy trứng lên.

Một “*Lợn ngồi*” tức là món thịt đùi rán vàng. Con lợn ngồi lên đùi của nó, nằm trên bụng của nó. Bụng là phần bắt đầu chỗ thịt ở hông, thế nên một “lợn nằm” là từ dùng để chỉ món thịt cắt lát ăn kèm trứng.

“*Đá cuội nhét tim*” là cách gọi món bánh mì nướng phết thêm nhiều bơ.

Thịt băm chín vàng đơn thuần là thịt băm chín vàng. Không phải từ ngữ nào chúng tôi sử dụng trong ngày cũng là tiếng lóng ở quán ăn, hết như không phải đầu bếp phục vụ thức ăn nhanh nào cũng nhìn thấy được hồn người chết.

Suốt ca làm việc ngày thứ Ba đó, tôi chỉ thấy những người còn sống có mặt trong Quán Vĩ nướng Pico Mundo. Bạn luôn luôn phát hiện được người đã khuất trong quán vì họ không ăn uống gì cả.

Đến tận cuối giờ điểm tâm đông khách, cảnh sát trưởng Wyatt Porter mới xuất hiện. Ông ngồi một mình một bàn.

Như thường lệ, ông nuốt ực viên thuốc Pepcid AC[5] bằng ly sữa ít béo trước khi gọi một đĩa đầy ắp khoai tây và trứng như đã nói khi nãy. Nước da của ông xám trắng như dung dịch phenol.

Cảnh sát trưởng khẽ cười và gật đầu với tôi. Tôi giờ xềnh lên đáp lại.

Cho dù có thể cuối cùng tôi đổi nghề nấu ăn sang kinh doanh lớp xe nhưng không bao giờ tôi dự tính đến chuyện chuyển qua lĩnh vực thi hành luật. Đó là một công việc bạc bẽo và gặm mòn dạ dày.

Vả lại, tôi sợ súng ống.

Khi khách khứa chỉ còn chiếm một nửa số bàn và hai cái ghế đặt tại quầy thì một ông kẹ vào quán.

Bọn chúng không có khả năng đi xuyên tường như những người chết giống Penny Kallisto. Thay vào đó, chúng luồn lách qua bất cứ kẽ hở hay đường nứt nào, hoặc qua lỗ khóa.

Ông kẹ này len lỏi qua khoảng hở mảnh như sợi chỉ giữa tấm kính cửa sổ với khung cửa kim loại. Hệt như dải khói dập dờn, mong manh tựa làn hơi nhưng không trong mờ mà đen ngòm, ông kẹ xâm nhập vào quán.

Đứng yên nhiều hơn lượn lờ bằng tứ chi, hình thù biến đổi và không có đặc điểm rõ ràng, gợi nhớ đến một sinh vật nửa người nửa chó, vị khách không mời này lặng lẽ đi lừ đừ từ đầu quán đến cuối quán, không ai nhìn thấy nó trừ tôi.

Dường như nó quay đầu nhìn từng thực khách của quán trong lúc lướt dọc lối đi giữa bàn ăn và mấy cái ghế đặt tại quầy, ngập ngừng đôi lần như thể có một số người khiến nó hứng thú hơn hẳn những người khác. Tuy không sở hữu đặc điểm khuôn mặt rõ ràng nhưng một phần cái bóng của nó trông như phần đầu làm người ta liên tưởng đến cái mõm chó.

Cuối cùng sinh vật này từ cuối quán quay trở lên và đứng bên ngoài quầy, nó không có mắt nhưng chắc chắn nó đang nhìn tôi trong lúc tôi phục vụ thức ăn nhanh.

Vờ như không nhận thấy đối tượng đang quan sát mình, tôi tập trung chú ý vào thức ăn và vỉ nướng hơn hẳn mức cần thiết vì hiện thời giờ cao điểm đã trôi qua. Thỉnh thoảng, lúc ngược lên, tôi không hề liếc nhìn ông kẹ mà chỉ nhìn thực khách, nhìn bà Helen đang bưng bê với âm thanh phạch phạch quen thuộc, nhìn Bertie Orbic, một nhân viên phục vụ khác của quán, dễ thương, đầy đà như đúng tên gọi, nhìn những khung cửa sổ to lớn và nhìn con đường nóng đỏ lửa xa xa ngoài kia. Ngoài đó, những cây lan dạ hương gục xuống ủ rũ đến mức không tạo được bóng râm và mấy con rắn bị dụ khị lộ mặt ra đường nhựa không phải do tiếng sáo du dương mà bởi tiếng xèo xèo khe khẽ của mặt trời.

Đôi lúc bọn ông kẹ quan tâm đặc biệt đến tôi, cũng như lần này. Tôi không hiểu vì sao.

Tôi không nghĩ chúng nhận ra tôi biết sự có mặt của chúng. Nếu chúng biết tôi có thể nhìn thấy chúng, chắc tôi nguy to.

Bọn ông kẹ không rần chắc gì hơn những cái bóng nên tôi không rõ chúng có thể hại tôi bằng cách nào. Nhưng tôi không hăm hờ khám phá điều đó đâu nhé.

Sinh vật có mặt hiện giờ hình như mê mẩn với trình tự chế biến thức ăn nhanh, nó chỉ thôi chăm chăm vào tôi khi có một thực khách kỳ quặc bước vào quán.

Trong cái không khí sa mạc ngày hè như muốn nướng chín mọi cư dân của thị trấn Pico Mundo, người khách mới đến lại trông tái nhợt như bột nhào. Mái tóc ngắn xỉn vàng trên đầu gã bù xù hơn cả ụ đất bị xói tung.

Gã ngồi tại quầy, không xa khu vực phục vụ thức ăn nhanh. Xoay ghế vòng quanh như một đĩa trẻ hiếu động, gã dán mắt vào vỉ nướng, máy xay sinh tố và người pha chế thức uống không còn, ra chiều hơi ngạc nhiên và thích thú.

Không màng đến tôi nữa, ông kẹ đổ dồn ánh mắt về phía người khách mới tới và chăm chú nhìn xoáy vào gã. Nếu phần trên cùng của sinh vật đen như mực đó đúng thực là cái đầu thì cái đầu của nó hết quay sang trái lại hết sang phải, như thể nó đang bối rối trước cái gã hơn hớ kia. Nếu phần hình thù như cái mũi kia đúng thực là cái mũi thì nó đang đánh hơi một cách tinh ranh thêm khát.

Đứng phía trong quầy phục vụ, Bertie Orbic chào đón vị thực khách mới, “Chào anh, anh muốn dùng gì?”

Vừa mỉm cười vừa lên tiếng, gã nói khề đến mức tôi không thể nghe được gì. Bertie trông có vẻ ngạc nhiên nhưng sau đó chị ta bắt đầu hí hoáy viết lên tờ phiếu gọi món.

Đôi mắt được phóng đại to tướng sau cặp kính tròn có gọng kim loại của gã khách đó khiến tôi bối rối. Ánh mắt mang màu xám khói của gã lướt qua tôi như bóng tối lướt qua hồ nước trong rừng, biểu lộ sự nhận biết về tôi không hơn gì bóng tối nhận biết làn nước.

Những đường nét mong manh trên khuôn mặt nhợt nhạt của gã khiến tôi nhớ lại mấy cây nấm tái mét đã từng thoáng thấy trong góc tầng hầm tối tăm ẩm ướt và những cây nấm trứng trắng bệch mọc um tùm tại các ụ đất ẩm trong rừng cây sồi.

Bận bịu với đĩa trứng đầy ắp, xem ra cảnh sát trưởng Porter để mắt đến Gã Nấm cũng không hơn gì tên ông kẹ hay nhìn ngó kia. Rõ ràng, trực giác không nói với ông rằng vị khách mới này cần được chú ý hay quan tâm đặc biệt.

Thế nhưng tôi thấy Gã Nấm có thể vương vào rắc rối, một phần chứ không hoàn toàn, bởi lẽ ông kẹ vẫn bị mê hoặc trước gã.

Tuy xét theo một mặt nào đó, tôi gần gũi với những người chết nhưng tôi không có được linh cảm đoán biết trước, trừ một đôi lần trong giấc ngủ chập chờn thoáng qua và trong cơn mơ. Thức dậy, tôi vẫn dễ bị tấn công bởi những điều bất ngờ gây nguy hại cho tính mạng như bất kỳ người nào. Cái chết có thể giáng xuống tôi qua nòng súng của một tên khủng bố hay bởi một gờ đá rơi xuống trong trận động đất, và đến khi nào nghe thấy tiếng nổ của phát súng chí mạng hay cảm nhận mặt đất rung chuyển dữ dội dưới chân, tôi mới ngờ vực về hiểm nguy.

Chuyện tôi đề phòng gã này xuất phát từ mối nghi ngờ không phải dựa vào lý trí mà theo bản năng thuần túy. Bất cứ ai không ngớt cười nhạo điều này đều là tên ngốc, hoặc kẻ dối trá có điều phải giấu giếm.

Đôi mắt xám khói ấy tỏ vẻ ngạc nhiên và lơ đãng, song tôi nhìn thấy trong đó không hề có chút ngờ nghệch nào. Thực ra, tôi nghĩ mình đã phát hiện một ánh nhìn theo dõi được che đậy thật gian xảo, như kiểu con rắn sắp tấn công, lặng như tờ giả vờ đứng đưng trước con chuột béo bở.

Kẹp tờ giấy vào thanh ngang, Bertie Orbic nhắc lại yêu cầu của gã ấy: “Hai con bò, làm chúng khóc, đắp chăn lên, cho heo vào làm bạn.”

Hai bánh mì kẹp thịt băm có hành tây, pho mát và thịt lợn muối xông khói.

Bằng giọng ngọt ngào trong trẻo nghe như của một bé gái mười tuổi được dành sẵn học bổng vào nhạc viện Juilliard, Bertie tiếp tục, “Hai cái khoai gấp đôi dưới địa ngục.”

Hai phần thịt rán kiểu Pháp thêm nhiều khoai tây.

Chị nói, “Nướng hai thằng Anh, gửi đến Philly[\[6\]](#) cho cá.”

Hai phần bánh nướng xốp kiểu Anh với phô mai làm bằng sữa và phi lê cá hồi.

Chị chưa dứt lời, “Dọn sạch bếp, thêm thứ gây đánh rắm loại nửa đêm với khinh khí cầu.”

Một phần thịt băm và một phần đậu đen với xúc xích.

Tôi hỏi, “Giờ nấu luôn hay chờ bạn của anh ta đến?”

“Nấu luôn,” Bertie đáp. “Chỉ một người ăn thôi. Gầy trơ xương như em không hiểu đâu.”

“Anh ta muốn ăn món gì đầu tiên?”

“Em muốn làm món gì trước cũng được.”

Gã Nấm mỉm cười vu vơ với lọ muối gã đang xoay trở loanh quanh trên quầy phục vụ trước mặt, như thể thứ hạt trắng kết tinh nằm bên trong thoi miên và phỉnh phờ gã.

Tuy gã không có vóc dáng sẵn chắc để đủ tiêu chuẩn làm người đại diện cho câu lạc bộ rèn luyện sức khỏe nhưng gã không béo ú, chỉ hơi tròn trịa kiểu cây nấm. Nếu bữa ăn nào của gã cũng phong phú dồi dào như thế này thì chắc hẳn gã phải có sự chuyển hóa methamphetamine[7] của một ác quỷ đảo Tasmania[8].

Tôi nướng bánh và làm món bánh xếp trước, trong khi đó Bertie chuẩn bị socola sữa trứng và coca hương vani. Vị khách “quý hóa” của chúng tôi cũng là người khéo chọn thứ uống.

Đúng lúc tôi làm thịt băm và xúc xích sau món bánh xếp, ông kẹ thứ hai xuất hiện. Tên này và tên thứ nhất khi này di chuyển khắp quán ăn với dáng vẻ bối rối, đi tới đi lui, rảo qua rảo lại, luôn trở về chỗ gã khách phàm ăn hớn hở kia, người vẫn không biết gì về chúng.

Khi món bánh mì kẹp thịt băm phô mai kèm thịt lợn xông khói và món thịt rán chín kỹ đã sẵn sàng, tôi đập một tay lên cái chuông nằm cạnh vỉ nướng để báo cho Bertie biết thức ăn đã xong. Như thường lệ, Bertie dọn thức ăn còn nóng sốt, nhẹ nhàng bày đĩa lên quầy không một tiếng lách cách.

Ba tên ông kẹ tụ tập tại cửa sổ phía trước, những cái bóng dai dẳng vẫn lơ lửng trước sức mạnh gây tàn úa của mặt trời vùng sa mạc, chúng sẫm soi như thể chúng tôi là vật trưng bày.

Đã nhiều tháng qua tôi không chạm trán tên nào thuộc hạng này. Bọn ông kẹ chạy trên đường tôi thấy khi này và đám tập hợp lúc này báo hiệu thị trấn Pico Mundo đang lâm vào thời điểm gay go.

Ông kẹ kết giao với tử thần còn hơn cả cách loài ong tìm kiếm mật hoa. Dường như chúng nhắm nháp cái chết.

Thế nhưng cái chết thông thường không thu hút nổi một ông kẹ, huống chi cả bầy lũ. Tôi chưa bao giờ chứng kiến một tên trong đám quái vật này lớn vồn cạnh giường một bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối hay lượn lờ quanh người sắp lên cơn đau tim dẫn đến tử vong.

Bạo lực lôi cuốn chúng. Và nỗi khiếp đảm. Dường như chúng biết khi nào sự việc xảy đến. Chúng tụ họp như đám người lang thang chờ đợi chuyện đã được báo trước rằng trong công viên Yellowstone sẽ có mạch nước phun trào.

Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một tên trong bọn chúng bám theo Harlo Landerson vào những ngày trước khi Harlo giết Penny Kallisto. Tôi không biết có ông kẹ nào hiện diện khi Harlo cưỡng hiếp và bóp cổ cô bé không.

Đối với Penny, tử thần ập tới cùng cơn đau khủng khiếp và nỗi sợ vô bờ; chắc chắn từng

người trong chúng ta đều cầu nguyện, hay chỉ hy vọng, tùy thuộc vào niềm tin đối với Chúa trời, mong sao cái chết của mình sẽ không kinh hoàng như cái chết của cô bé. Tuy vậy, đối với ông kẹ, vụ bóp cổ lén lút đó dường như không đủ hứng thú để kích động chúng nó dạng ra khỏi những hang ổ chúng ẩn náu, trong một lãnh địa lạ lẫm nào đó là mái nhà thực sự của chúng.

Bọn ông kẹ thêm thường nổi kinh hãi cùng cực. Chúng khát khao màn bạo lực xung đột đỉnh cao: vô số xác chết yểu nê thêm gia vị hoảng loạn kéo dài, dọn kèm món nước sốt hôi thối sền sệt mang tên tàn ác.

Năm tôi chín tuổi, một gã thanh niên suy nhược do ma túy tên là Gary Tolliver đã cho cả nhà hắn, gồm em trai, em gái, bố mẹ, uống thuốc an thần bằng cách pha vào nồi súp gà nấu tại nhà. Họ bị hắn trói trong lúc ngất, hắn chờ họ tỉnh lại rồi dành trọn kì nghỉ cuối tuần để tra tấn họ trước khi giết chết bằng máy khoan.

Suốt tuần lễ trước ngày diễn ra hành động mất nhân tính ấy, tôi đi qua lối nhà Tolliver hai lần. Lần đầu tiên, có ba tên ông kẹ hí hửng bám sát theo hắn. Lần thứ hai: không phải ba mà là mười bốn tên.

Tôi tin chắc những hình thù đen ngòm kia lớn vờn quanh nhà Tolliver suốt kỳ cuối tuần đẫm máu, vô hình trước mắt nạn nhân cũng như kẻ thủ ác, lượn lờ từ phòng này sang phòng khác khi hiện trường thay đổi. Quan sát. Đánh chén.

Hai năm sau, một chiếc xe tải do gã tài xế say rượu điều khiển đâm sầm vào máy bơm xăng tại trạm xăng đông khách trên đường Green Moon, châm ngòi cho vụ nổ và cuộc hỏa hoạn cướp đi bảy sinh mạng. Sáng hôm ấy, tôi nhìn thấy cả tá ông kẹ lay lắt tại đó như những cái bóng ở sai vị trí trong ánh nắng sớm.

Sự phẫn nộ của thiên nhiên cũng lôi cuốn đám ông kẹ. Chúng náo động cả lên trước tàn tích của Viện Dưỡng lão tại Buena Vista sau trận động đất mười tám tháng trước, và không chịu rời đi đến khi người sống sót bị thương cuối cùng được đưa ra khỏi đồng đồ nát.

Nếu đi ngang qua Buena Vista trước khi xảy ra trận động đất, chắc chắn tôi sẽ chứng kiến cảnh đám ông kẹ tụ tập. Biết đâu tôi còn có thể cứu được vài người.

Khi còn nhỏ, thoát đầu tôi tưởng những cái bóng này là linh hồn xấu xa nuôi dưỡng cái ác trong con người những kẻ chúng bu quanh. Từ đó đến nay, tôi khám phá ra rằng rất nhiều người không cần đến thể lực siêu nhiên chỉ dẫn để phạm phải tội ác; một số kẻ bản thân chúng đã là ác quỷ, những cái sừng làm lộ chân tướng đã mọc ngược vào trong để chúng dễ bề cái trang.

Tôi dần tin rằng xét cho cùng, bọn ông kẹ không nuôi dưỡng nổi kinh hoàng mà chúng hút chất bổ từ nổi kinh hoàng theo cách nào đó. Tôi coi chúng như loài ma cà rồng siêu linh, tương tự nhưng đáng sợ hơn những người dẫn các chương trình trò chuyện trên truyền hình buổi

sáng. Các chương trình đó cứ đề cao mấy vị khách tự hủy hoại bản thân, biểu lộ cảm xúc ngược ngáp, những người được khuyến khích bộc lộ phần linh hồn bị tổn hại của mình.

Hiện Gã Nấm được bốn tên ông kẹ trong Quán Vĩ nướng Pico Mundo “trông nom” và những tên khác theo dõi ngoài cửa sổ. Gã nuốt trôi miếng thịt cuối cùng, ực hết sữa trứng và coca hương vani, để lại khoản tiền bo hào phóng cho Bertie, chìa séc thanh toán ở quầy thu ngân rồi rời quán ăn cùng đoàn tùy tùng lượn lờ đầy những cái bóng trơn tuột.

Xuyên qua ánh dương chói lòa, xuyên qua làn hơi mờ ảo bốc lên từ mặt đường nhựa bị nung nóng, tôi quan sát gã băng qua đường. Khó đếm hết được những tên ông kẹ đi hai bên và phía sau gã vì chúng chen chúc lẫn át nhau, nhưng tôi dám cá một tuần tiền lương rằng có không dưới hai mươi tên.

CHƯƠNG 6

Tuy đôi mắt không phải màu vàng cũng không phải xanh biếc nhưng cô Terri Stambaugh có ánh nhìn của một thiên thần. Bởi lẽ cô nhìn xuyên thấu bạn và biết được tâm can của bạn, có thể nào cô vẫn yêu thương bạn, bất chấp tất cả cho dù bạn ngã quy khỏi trạng thái tốt đẹp.

Cô Terri bốn mươi mốt tuổi, thế nên cô đủ già dặn để làm mẹ tôi. Song về phần lập dị thì cô chưa đủ, chưa đủ đến một nửa.

Cô Terri thừa kế Quán Vĩ nướng từ đời cha ông để lại và cô điều hành nó theo chuẩn mực cao mà những người đi trước lập ra. Cô là một là một bà chủ ngay thẳng kiêm một nhân viên cần cù.

Điểm khác người duy nhất của cô là nỗi ám ảnh về Elvis và tất cả những gì liên quan đến Elvis.

Vì cô thích được kiểm tra kiến thức nên tôi nói, “Năm 1963.”

“Được.”

“Tháng 5.”

“Ngày mấy?”

Tôi lấy đại một ngày, “Ngày hai mươi chín.”

“Hôm đó là thứ Tư,” cô Terri trả lời.

Giờ đông khách buổi trưa đã trôi qua. Ngày làm việc của tôi kết thúc lúc hai giờ. Chúng tôi ngồi ở chiếc bàn cuối Quán Vĩ nướng, chờ chị Viola Peabody, nhân viên phục vụ ca hai, mang bữa trưa đến.

Tôi đảm nhiệm vị trí đầu bếp phục vụ thức ăn nhanh phụ với chú Poke Barnet. Chú Poke hơn tôi khoảng ba mươi mấy tuổi, thân hình gầy gò gân guốc, mang khuôn mặt được sa mạc Mojave hong khô và cặp mắt của người đấu súng. Chú ấy lặng thinh tựa quái vật Gila^[9] tắm nắng trên tảng đá, tính tình khép kín độc lập như loài xương rồng.

Nếu kiếp trước sống ở miền Tây thời xưa, chú Poke nhiều khả năng là một cảnh sát trưởng có tuyệt chiêu rút súng nhanh như chớp, hay thậm chí nằm trong băng nhóm Dalton, hơn là làm đầu bếp chế biến thịt gà. Nhưng dù có hay không có kiếp trước thì chú Poke vẫn là người giỏi giang bên vỉ nướng.

Cô Terri cất giọng, “Thứ Tư, ngày 29 tháng 5 năm 1963, Priscilla tốt nghiệp trường Immaculate Conception tại Memphis.”

“Priscilla Presley?”

“Khi ấy bà ta là Priscilla Beaulieu. Suốt buổi lễ tốt nghiệp, Elvis ngồi đợi trên chiếc xe đậu bên ngoài ngôi trường.”

“Ông ấy không được mời sao?”

“Dĩ nhiên ông ấy được mời chứ. Nhưng sự hiện diện của ông trong khán phòng sẽ gây nên tình trạng gián đoạn nghiêm trọng.”

“Họ kết hôn khi nào?”

“Để ợt. Ngày 1 tháng 5 năm 1967, gần trưa, tại một phòng trong khách sạn Aladdin ở Las Vegas.”

Năm cô Terri mười lăm tuổi, Elvis qua đời. Thời cô ông không còn được yêu mến. Ông đã biến mình thành bức ảnh biếm họa béo phì trong trang phục áo liền quần thêu đính kim cương giả phù hợp với nghệ sĩ piano nổi tiếng Liberace hơn là một ca sĩ của thể loại nhạc blues có nhịp điệu dồn dập, người lần đầu vươn lên đỉnh cao bảng xếp hạng vào năm 1956 với ca khúc “Heartbreak Hotel”.

Năm 1956 cô Terri còn chưa chào đời. Phải đến mười sáu năm sau khi Presley mất, niềm đam mê của cô dành cho ông mới bùng phát.

Nguyên cớ của nỗi ám ảnh ấy phần nào là bí ẩn không thể lý giải. Cô Terri nói một lý do khiến Elvis trở nên quan trọng là vì trong những bài nhạc pop đỉnh cao của ông vẫn không mang hơi hướng chính trị, thế nên nó hết sức đề cao cuộc sống, thế nên nó gần gũi. Khi ông đã mất, hầu hết các ca khúc pop thường không mang mục đích rõ ràng của người sáng tác và biểu diễn, đã trở thành thánh ca chuyển tải giá trị của chủ nghĩa phát xít, điều vẫn còn đến ngày nay.

Tôi ngờ rằng cô Terri bị ám ảnh Elvis một phần vì ở mức độ vô thức cô nhận biết được ông đi lại giữa mọi người ở thị trấn Pico Mundo này, chỉ ít từ khi tôi còn nhỏ, biết đâu thậm chí từ khi ông ấy mất, sự thật này tôi tiết lộ cho cô Terri mới một năm về trước. Tôi ngờ rằng cô ấy tiềm tàng khả năng lên đồng, cô ấy có thể cảm nhận sự hiện diện của linh hồn và kết quả cô ấy

bị thu hút mạnh mẽ vào việc nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp của ông.

Tôi không biết tại sao ông vua nhạc Rock ‘n’ Roll không đi sang thế giới bên kia mà sau ngần ấy năm vẫn tiếp tục nán lại thế giới này. Xét cho cùng, Buddy Holly^[10] không đi khắp nơi; ông hòa thuận với cái chết theo kiểu riêng.

Và tại sao Elvis nấn ná tại thị trấn Pico Mundo chứ không phải Memphis hay Vegas?

Theo cô Terri người biết tất cả mọi chuyện diễn ra trong toàn bộ khoảng thời gian bốn mươi hai năm bận rộn của Elvis, ông chưa bao giờ viếng thăm thị trấn của chúng tôi khi còn sống. Tất cả tài liệu thần bí không hề đề cập đến việc các địa điểm người nổi tiếng thường lui tới sẽ xảy ra sự dịch chuyển về mặt địa lý.

Chúng tôi đang nát óc với bí ẩn này, không phải lần đầu, thì chị Viola Peabody mang bữa trưa đến. Chị Viola đen như Bertie Orbic đầy đà, ốm như bà Helen Arches chân bệt.

Đặt đĩa thức ăn xuống bàn, chị Viola lên tiếng, “Odd, em bói cho chị nhé?”

Không ít cư dân ở thị trấn Pico Mundo nghĩ tôi thần bí: có lẽ là người thông thái, pháp sư nhà tiên tri thầy bói, *một thứ gì đó*. Chỉ một số ít biết tôi nhìn thấy được những hồn người chết không yên nghỉ. Số khác đục đẽo nên hình tượng của tôi bằng con dao đồn thổi xuyên tạc đến khi tôi khác với “tuyệt tác” của từng người bọn họ.

“Em đã nói rồi, chị Viola, em không phải thầy tướng số hay nhà tiên tri. Và lá trà đối với em chẳng khác gì rác.”

“Vậy xem khuôn mặt chị đi,” chị cất lời. “Nói chị nghe, em có thấy những gì chị thấy trong giấc mơ đêm qua không?”

Chị Viola bình thường luôn là người vui vẻ, cho dù Rafael, chồng chị, đã chạy theo một ả hầu bàn ở quán thịt nướng hút khách ngoài khu đô thị Arroyo, sau đó hẳn không nuôi dạy cũng không chu cấp cho hai đứa con nhỏ. Thế nhưng hôm nay, chị ấy tỏ ra nghiêm nghị khác hẳn trước giờ và còn lo lắng.

Tôi nói, “Thứ em khó đoán nhất chính là khuôn mặt.”

Khuôn mặt người còn bí hiểm hơn cả thành ngữ sáo mòn trên tượng nhân sư nổi danh nằm ngoài vùng sa mạc của Ai Cập.

“Trong mơ,” chị lên tiếng, “chị thấy chính mình, và khuôn mặt chị bị... dập nát, chết. Trên trán chị có một lỗ thủng.”

“Có lẽ đó là giấc mơ liên quan đến lý do chị lấy Rafael.”

“Không phải chuyện đùa đâu,” cô Terri khiển trách tôi.

“Chị nghĩ có lẽ chị bị bắn,” chị Viola nói.

“Này con,” cô Terri an ủi chị ấy, “lần cuối cùng con thấy giấc mơ thành sự thật là khi nào?”

“Con nghĩ là chưa bao giờ,” chị đáp.

“Vậy không lo về chuyện này nữa.”

“Theo chị nhớ rõ thì trước giờ chưa khi nào chị đối mặt với chính mình trong mơ,” chị Viola tiếp lời.

Kể cả trong những cơn ác mộng mà đôi lúc chúng trở thành sự thật tôi cũng chưa bao giờ thoáng thấy gương mặt mình.

“Trên trán chị có một lỗ thủng,” chị lặp lại, “còn khuôn mặt thì... ghê rợn, mọi thứ rối tung.”

Một vật hình tròn có đường kính đáng kể mang sức công phá lớn trong khi đâm thủng trán sẽ phóng ra nguồn năng lượng khủng khiếp có thể làm biến dạng cấu trúc của toàn bộ hộp sọ dẫn đến hậu quả các đặc điểm trên khuôn mặt bị sắp đặt khác đi ghê gớm và xáo trộn.

“Mắt phải của chị,” chị nói thêm, “đỏ ngầu và dường như... dường như lồi một nửa ra khỏi hốc mắt.”

Trong mơ chúng ta không phải là người quan sát khách quan giống như các nhân vật trong phim nằm mơ. Những biến cố nội tâm thường được nhìn nhận nghiêm khắc theo quan điểm của đối tượng nằm mơ. Trong các cơn ác mộng, chúng ta không thể nhìn vào cặp mắt của mình mà chỉ có thể ngó láo liên có lẽ vì chúng ta sợ nhận ra rằng chính tại bộ phận đó, bọn quái vật xấu xa nhất xâm hại ta.

Khuôn mặt chị Viola, vốn hấp dẫn như viên sôcôla sữa, giờ đang bị vẽ van nài làm biến dạng. “Nói thật cho chị đi Odd. Em có thấy sự chết chóc nơi chị không?”

Tôi đã không nói với chị rằng sự chết chóc nằm im lìm trong mỗi chúng ta và khi đến lúc, nó sẽ trỗi dậy.

Tuy không phát hiện ra một chi tiết nhỏ nào về tương lai của chị Viola, bất kể đen tối hay tươi sáng nhưng hương thơm lừng của món bánh mì kẹp thịt băm phô mai mà tôi chưa được đụng tới đã xui khiến tôi bịa chuyện để có thể đánh chén bữa trưa. “Chị sẽ sống lâu và hạnh phúc, rồi chị sẽ qua đời trong lúc ngủ do tuổi cao sức yếu.”

“Thật không?”

Mỉm cười gật đầu, tôi không thấy xấu hổ trước lời nói dối ấy. Trước hết vì điều đó có thể là sự thật. Tôi thấy chẳng hại gì khi nhen nhóm hy vọng cho người khác. Vả lại, tôi không có tham vọng trở thành nhà tiên tri của chị Viola.

Tâm trạng khá hơn lúc đến đây, chị rời đi trở lại với các thực khách của quán.

Cầm phần bánh mì kẹp thịt băm phô mai của mình lên, tôi nói với cô Terri, “Ngày 23 tháng 10 năm 1958.”

“Khi đó Elvis ở trong quân đội,” cô đáp, ngậm ngừng vì đang nhai một miếng bánh mì kẹp phô mai nướng. “Ông ấy đóng quân ở Đức.”

“Chưa cụ thể lắm.”

“Chiều tối ngày hai mươi ba, ông ấy đến Frankfurt để tham dự buổi hòa nhạc của Bill Haley.”

“Cô có thể bịa ra chuyện này.”

“Con biết cô không bịa mà.” Miếng dưa chua giòn rụm kêu lên rôm rốp khi cô cắn vào. “Trong hậu trường, ông ấy gặp Haley và một ngôi sao nhạc rock ‘n’ roll người Thụy Điển tên là Little Gerhard.”

“Little Gerhard ư? Chuyện này không thể có thật.”

“Cô đoán là từ tên Little Richard. Cô không biết chắc. Cô chưa bao giờ nghe Little Gerhard hát. Sắp tới Viola có bị bắn vào đầu không?”

“Con không biết.” Hương vị thơm ngon và vừa chín tới, miếng thịt kẹp trong bánh mì của tôi ngon hơn hẳn nhờ được nêm một nhúm muối vừa phải. Chú Poke quả là đối thủ đáng gờm. “Như cô nói, mơ chỉ là mơ thôi mà.”

“Con bé có nhiều cam go rồi. Nó không cần thêm chuyện này.”

“Bị bắn vào đầu ư? Ai lại cần chuyện đó cơ chứ?”

“Con sẽ trông nom Viola nhé?” cô Terri yêu cầu.

“Bằng cách nào?”

“Nhờ những sinh linh huyền bí của con. Có thể con ngăn được sự việc trước khi nó xảy ra.”

“Con không có những sinh linh huyền bí.”

“VẬY nhờ một trong số mấy người bạn đã chết của con. Đôi lúc họ biết những chuyện sắp xảy ra đúng không?”

“Nói chung họ không phải bạn bè. Chỉ là người quen qua đường. Dù sao thì họ cũng chỉ giúp khi họ muốn giúp thôi.”

“Nếu cô chết cô sẽ giúp con,” cô Terri quả quyết với tôi.

“Cô thật tốt. Con gần như ước rằng cô đã chết.” Tôi đặt bánh mì xuống và liếm tay. “Nếu ở Pico Mundo có người sắp bắn giết thì đó chính là Gã Năm.”

“Ai cơ?”

“Tên mới nãy ngồi tại quầy. Gọi món đủ cho ba người ăn. Ăn uống như lợn bị bỏ đói.”

“Kiểu thực khách cô thích. Nhưng cô không thấy anh ta.”

“Lúc đó cô ở trong bếp. Hẳn tái mét, ẻo lả, toàn thân chỗ nào cũng tròn quay như thứ mọc trong hầm của Hannibal Lecter.”

“Anh ta toát ra rung cảm xấu à?”

“Khi rời khỏi đây, Gã Năm có cả đám ông kẹ đi theo hộ tống.”

Cô Terri cứng đờ người và cảnh giác quan sát khắp quán. “Hiện giờ có tên nào ở đây không?”

“Không tên nào hết. Lúc này đây đặt giả thuyết điều tồi tệ nhất chính là Bob Trùm sò.”

Tên thật của vị trùm sò kia hình như là Spinker nhưng chúng tôi đã lén đặt cho ông ta cái tên này. Không thèm đếm xỉa đến tổng giá trị hóa đơn lúc nào ông ta cũng chỉ bo hai mươi lăm xu.

Bob Trùm sò cho rằng ông ta đã hào phóng gấp hai rưỡi. John D. Rockefeller, nhà tỉ phú bia. Tương truyền, ngay cả khi đến những nhà hàng sang trọng ở Manhattan, Rockefeller cũng chỉ bo mười xu như thông lệ.

Tất nhiên vào thời ông John D, giai đoạn bao trùm cuộc Đại Khủng hoảng, mười xu mua được một tờ báo và bữa trưa tại máy bán thức ăn. Thời nay, hai mươi lăm xu chỉ được mỗi tờ báo và bạn sẽ không muốn đọc bất cứ tin nào trong đó trừ khi bạn là tên ác dân, bạo dân hay kẻ khốn cùng cô độc nghĩ đến cái chết, liều mạng kiếm tình yêu đích thực trong mục tự giới

thiếu.

Cô Terri lên tiếng. “Có lẽ Gã Nấm này chỉ ghé qua thị trấn rồi chạy thẳng ra quốc lộ sau khi đã vét sạch đĩa thức ăn.”

“Con có linh cảm gã vẫn còn lảng vảng quanh đây.”

“Con sẽ kiểm tra gã đó à?”

“Nếu con tìm thấy gã.”

“Cần mượn xe cô không?”

“Chắc trong khoảng vài giờ.”

Tôi đi bộ đến chỗ làm. Đi xa hơn tôi chạy xe đạp. Trong những trường hợp đặc biệt, tôi dùng xe hơi của Stormy Llewellyn hoặc của cô Terri.

Quá nhiều thứ vượt ngoài tầm kiểm soát của tôi: sự chết chóc vô tận với những lời thỉnh cầu, bọn ông kẹ, các giấc mơ mang điềm báo. Nếu không đơn giản hóa cuộc đời mình ở mỗi phạm vi kiểm soát được, chắc tôi đã có bảy kiểu điên khác nhau từ lâu, mỗi ngày trong tuần một kiểu. Chiến lược phòng ngự của tôi như sau: không xe hơi, không bảo hiểm nhân thọ, không sắm quần áo hơn mức sự thật cần thiết, hầu hết là áo phông, quần kaki và quần jeans, không du lịch đến những vùng đất lạ, không tham vọng lớn.

Cô Terri đẩy chum chìa khóa xe sang cho tôi.

“Cảm ơn cô,” tôi nói.

“Chỉ cần đừng lôi kéo bất kì hồn người nào vào xe. Được chứ?”

“Hồn người chết không cần ngồi xe. Họ có thể xuất hiện mọi lúc mọi nơi mà họ muốn. Họ đi xuyên không khí. Họ bay.”

“Tất cả những gì cô muốn nói là, nếu con cho cô biết có hồn người chết nào ngồi trong xe của cô, cô sẽ mất cả ngày trời để lau chùi ghế ngồi. Cô sợ chết mất thôi.”

“Vậy nếu là Elvis thì sao?”

“Chuyện đó thì khác.” Cô ăn hết miếng dưa chua, “Sáng nay bà Rosalia thế nào?” cô hỏi, ý nói đến bà chủ nhà Rosalia Sanchez của tôi.

“Vẫn hiện hữu,” tôi trả lời.

“Mừng cho bà.”

CHƯƠNG 7

Khu mua sắm Green Moon trải dọc trên đường Green Moon, nằm giữa thị trấn Pico Mundo lâu đời, và các vùng lân cận hiện đại phía tây. Kết cấu đồ sộ, những bức tường mang màu cát nhằm gợi nên hình ảnh công trình được xây bằng gạch ống chưa nung thông thường. Tòa cao ốc như thế được tạo dựng bởi một gia đình người Mỹ chính gốc khổng lồ, chiều cao trung bình đến hơn mười hai mét.

Bất chấp kiểu kiến trúc lạ hòa hợp về mặt môi trường nhưng hết sức phi lý này, những thương hiệu như Star-bucked, Gapped, Donna Karaned và Crate & Barreled vẫn dễ dàng xuất hiện ở Pico Mundo như ở Los Angeles, Chicago, New York hay Miami.

Ở góc khuất trong bãi đậu xe rộng lớn, cách xa khu mua sắm Tire World nằm đó. Kiến trúc ở đây còn khô hài hơn.

Tòa nhà một tầng chống đỡ cho ngọn tháp có hình địa cầu khổng lồ trên đỉnh. Mô hình quả đất lười nhác xoay tròn dường như tượng trưng cho cái thế giới hòa bình và vô hại đã mất khi con rắn bò vào vườn địa đàng.

Như sao Thổ, hành tinh này mang một vành đai, nhưng không phải vành đai đá tinh thể, đá cuội và bụi đất mà là vành đai cao su. Bao quanh quả địa cầu là cái lốp xe vừa xoay tròn vừa đu đưa.

Năm gian phục vụ bảo đảm khách hàng không phải chờ đợi lâu khi lắp lốp xe mới. Nhân viên kỹ thuật mặc đồng phục nhẵn nhúm. Họ lịch sự hay cười tỏ vẻ vui sướng.

Có thể mua bình ắc quy cho xe hơi tại đây, đồng thời cũng có thể thay dầu nhớt. Thế nhưng lốp xe vẫn là linh hồn của việc kinh doanh.

Phòng trưng bày tràn ngập mùi thơm mê ly của cao su chờ ngày xuống đường.

Chiều thứ Ba đó, tôi thơ thẩn trên lối đi hết mười hay mười lăm phút thật yên tĩnh. Vài nhân viên chào hỏi tôi nhưng không ai cố mời chào tôi thứ gì.

Thỉnh thoảng tôi ghé đây và họ biết tôi thích thú với sinh hoạt ở công ty kinh doanh lốp xe.

Chủ nhân của Tire World là ông Joseph Mangione. Ông ấy là bố Anthony Mangione bạn học phổ thông của tôi.

Anthony vào UCLA[11]. Cậu ta hy vọng tạo lập sự nghiệp trong ngành y.

Ông Mangione tự hào khi con trai mình sẽ thành bác sĩ nhưng đồng thời lại thất vọng khi Anthony không hề hứng thú với công việc kinh doanh của gia đình. Ông ấy sẽ hoan nghênh tôi vào làm nhân viên và chắc chắn đối xử với tôi như một đứa con trai thế chỗ.

Tại đây có lớp xe dành cho xe hơi, xe SUV, xe tải, mô tô. Kích cỡ và chất lượng đa dạng nhưng một khi đã ghi nhớ bản kiểm kê thì không áp lực nào đồng hành với bất kỳ công việc gì ở Tire World.

Thứ Ba hôm đó tôi không có ý định sớm từ bỏ cái xẻng ở Quán Vỉ nướng Pico Mundo, cho dù làm đầu bếp phục vụ thức ăn nhanh thật căng thẳng khi các bàn đều kín chỗ, giấy đồn ụ trên thanh ngang treo phiếu gọi món ăn và đầu óc quay cuồng với tiếng lóng ở quán. Những ngày ấy còn chứa đựng số lượng đáng kể các cuộc chạm trán với người chết, bên cạnh công việc phục vụ điểm tâm và bữa trưa bận rộn, dạ dày tôi trở chứng và tôi biết mình sắp chuốc lấy không chỉ tình trạng cạn kiệt sức lực mà còn cả căn bệnh đầy bụng khởi phát sớm.

Vào những lúc như thế này, sinh hoạt ở công ty kinh doanh lớp xe có vẻ trở thành nơi trú ẩn gần như yên lành hết một tu viện.

Thế nhưng ngay đến góc thiên đường thơm mùi cao su của ông Mangione cũng bị ám. Một hồn ma kiên quyết trú ngụ tại phòng trưng bày.

Tom Jedd, thợ xây đá được yêu mến trong vùng, đã qua đời cách đây tám tháng. Xe hơi của ông lao ra khỏi đường Panorama sau nửa đêm, tông gãy thanh chắn mục nát, lật nhào xuống con dốc lởm chởm đá sỏi dài hơn ba mươi mét rồi chìm vào hồ Malo Suerte.

Có ba ngư dân ngồi trên chiếc thuyền cách bờ hơn năm mươi mét vào lúc Tom ngụp lặn trong chiếc xe PT Cruiser. Họ lấy điện thoại di động gọi cảnh sát nhưng lực lượng cấp cứu đến quá muộn, không giữ được mạng sống cho ông ấy.

Cánh tay trái của Tom bị thương nghiêm trọng trong vụ đụng xe. Nhân viên điều tra của hạt đưa ra tuyên bố chưa ngã ngũ về việc Tom bị mất máu đến chết hay bị chết đuối trước.

Từ đó, người đàn ông đáng thương lờ quanh quẩn trong Tire World. Tôi không biết tại sao. Tai nạn của ông ấy xảy ra đâu phải do lớp xe có vấn đề.

Tom đã uống rượu tại một quán ven đường có tên *Người thôn quê*. Khám nghiệm tử thi cho thấy nồng độ cồn trong máu mức 1,18, vượt xa giới hạn cho phép. Chiếc xe mất kiểm soát do ông ấy say xỉn hoặc do ngủ quên trên vô lăng.

Mỗi lần tôi ghé phòng trưng bày để dạo quanh và nghiền ngẫm việc đổi nghề, Tom biết tôi thấy được ông, ông đáp lại bằng ánh mắt hoặc gật đầu. Có lần ông còn nháy mắt với tôi, vẻ bí ẩn.

Tuy nhiên ông không hề có ý muốn truyền đạt mục đích hay nhu cầu của mình. Ông là một hồn ma trầm lặng.

Lần lúc tôi ước sao có thêm nhiều hồn ma giống ông ấy.

Khi mất, Tom mặc áo sơ mi kiểu Hawaii in hình con vẹt, quần lửng kaki, mang giày trắng không tất. Ông luôn xuất hiện với trang phục đó khi lang thang trong Tire World.

Thỉnh thoảng ông khô ráo, nhưng những lúc khác ông ướt sũng vừa trời lên khỏi hồ Malo Suerte. Thường ông có cả hai cánh tay nhưng đôi khi thiếu mất cánh tay trái.

Bạn có thể phát giác nhiều điều về tâm trạng người chết thông qua tình trạng khi hồn của người đó hiện lên. Lúc khô ráo, nếu không hoàn toàn hài lòng về số phận thì Tom Jedd cũng tỏ ra chấp nhận nó. Khi sũng nước ông ấy trông giận dữ hoặc đau khổ hay ủ rũ.

Lần này Tom khô ráo. Mái tóc được chải thẳng. Ông ấy có vẻ thoải mái.

Ông đang có cả hai tay nhưng cánh tay trái không gắn liền với vai. Ông để cánh tay trái bên tay phải, kẹp chặt bằng bắp tay, vẻ băng quơ, như thể ở câu lạc bộ chơi gôn.

Hành động kì quặc này không gây chảy máu. Thật may, tôi chưa bao giờ nhìn thấy ông máu me đầy người, chắc ông kỹ tính hoặc vì ông vẫn phủ nhận chuyện đã chảy máu đến chết.

Lần thứ hai, khi biết tôi đang quan sát, ông dùng cánh tay bị thương làm cây gãi lưng. Ông gãi phần da lưng ở giữa hai vai bằng những móng tay cứng chắc của cánh tay đứt rời.

Theo lẽ thường, hồn ma không đùa giỡn về tình trạng của họ và có thái độ về thế giới bên kia nhưng lại bị kẹt ở đây, vì lý do nào đó, và họ nôn nóng muốn đi.

Song có khi, tôi gặp một hồn còn nguyên vẹn tính hài hước. Để đùa vui với tôi, Tom thậm chí còn dùng ngón trỏ của bàn tay thương tật để ngoáy mũi.

Tôi thích những hồn ma u sầu hơn. Chuyện một hồn người chết đi tới lui cố bày trò chọc cười có điều gì đó khiến tôi ớn lạnh, chắc bởi việc ấy cho thấy thậm chí sau khi đã chết, chúng ta vẫn có một nhu cầu thảm hại là muốn được yêu mến, và một khả năng đáng trách là làm bề mặt bản thân.

Nếu Tom Jedd bớt bông lơn, có thể tôi đã nán lại Tire World lâu hơn. Trò đùa của ông ấy cũng như nụ cười hấp háy ánh mắt kia khiến tôi bối rối.

Trong lúc tôi bước tới chiếc xe Mustang của cô Terri. Tom đứng ở cửa sổ phòng trưng bày vẫy cánh tay ghé rợn chào tạm biệt một cách hăm hở và lố bịch.

Tôi lái xe băng qua bãi đậu xe ngập nắng rộng vài hecta và tìm thấy khoảng trống cho chiếc Mustang đậu gần cổng chính đi vào khu mua sắm, nơi công nhân đang treo biểu ngữ giới thiệu đợt giảm giá lớn mỗi năm vào mùa hè sẽ diễn ra từ thứ Tư đến hết Chủ nhật.

Bên trong địa điểm có nhiều gian hàng bán lẻ hấp dẫn du khách này, hầu hết các cửa hiệu đều chỉ nhộn nhịp vừa phải, riêng tiệm kem Burke & Bailey thu hút được cả đám đông.

Stormy Llewellyn làm việc tại Burke & Bailey từ năm nàng mười sáu tuổi. Đến năm hai mươi, nàng trở thành quản lý. Kế hoạch của nàng là sở hữu cửa tiệm khi tròn hai mươi bốn tuổi.

Nếu Stormy tham gia quá trình đào tạo phi hành gia sau khi tốt nghiệp phổ thông, giờ nàng đã có tiệm bán nước chanh trên mặt trăng.

Theo lời nàng, nàng không tham vọng, chỉ dễ chán và cần được kích thích. Tôi thường xuyên đề nghị được kích thích nàng.

Nàng bảo đang nói về chuyện kích thích *trí tuệ*.

Tôi nói lại, trong trường hợp nàng không để ý, tôi có não mà.

Nàng nói dứt khoát không có não nằm ở “chỗ ấy” của tôi và thứ nằm trong cái đầu bự của tôi vẫn sẵn sàng tranh luận.

“Anh nghĩ xem tại sao đôi khi em gọi anh là Pooh?” có lần nàng hỏi tôi như thế.

“Vì anh dễ thương chứ sao?”

“Vì cái đầu gấu Pooh toàn ý nghĩ gì đâu không à.”

Cuộc sống bên nhau của chúng tôi không phải lúc nào cũng như trong phim hài *Abbott và Costello*. Thỉnh thoảng nàng là Rocky còn tôi là Bullwinkle.

Tôi đến cửa tiệm Burke & Bailey và cất giọng, “Anh cần thứ gì đó nóng bỏng và ngọt ngào.”

“Ở đây chỉ chuyên bán món lạnh thôi,” Stormy đáp. “Ra ngồi ngoài khu vui chơi và ngoan đi. Em sẽ mang gì đó ra cho anh.”

Tuy náo nhiệt nhưng cửa tiệm vẫn còn vài bàn trống; thế nhưng Stormy không thích trò

chuyện trong này. Nàng là mục tiêu đầy sức mê hoặc đối với nhân viên khác và nàng không muốn cho họ có cơ ngồi lê đôi mách.

Tôi hiểu chính xác họ cảm thấy thế nào về nàng. Nàng cũng là mục tiêu đầy sức mê hoặc đối với tôi.

Thế nên tôi ra khỏi cửa tiệm Burke Bailey, đi tới khu vui chơi và ngồi cùng bày cá.

Tại Mỹ, kinh doanh hàng hóa và phim ảnh nhập hội với nhau: Phim ảnh lồng ghép toàn hình ảnh sản phẩm còn những khu mua sắm được thiết kế đầy tính nghệ thuật. Ở góc cuối khu mua sắm Green Moon, một thác nước cao hơn mười hai mét đổ xuống vách đá nhân tạo. Từ đỉnh thác, dòng nước chảy dài theo chiều cao của tòa nhà, lướt qua hàng loạt ghềnh thác thu nhỏ.

Cuối tuần mua sắm lu bù, nếu bạn nhận ra mình đã tiêu sạch tiền vào gian hàng thời trang Nordstrom, bạn có thể gieo mình xuống ngọn thác làm cảnh này và chết đuối.

Bên ngoài cửa tiệm Burke & Bailey, dòng nước dừng chân tại cái ao kiểu vùng nhiệt đới có hàng cọ và đám dương xỉ tươi tốt bao quanh. Người tacat công chăm sóc chu đáo để làm khung cảnh trang trí này trông như thật. Tiếng chim uể oải trong băng ghi âm cứ vang đâu đó trong đám cây cỏ.

Chỉ còn thiếu mấy con côn trùng khổng lồ, độ ẩm đến ngạt thở, những nạn nhân của căn bệnh sốt rét rên rỉ trong cơn hấp hối, bầu rầu độc nhan nhản như muối và đám mèo rừng, hung tợn liếm như điên lên bàn chân của chính bọn chúng, bạn sẽ dứt khoát tin rằng mình đang ở trong khu rừng mưa nhiệt đới Amazon.

Trong ao nước, bày cá chép Nhật đủ màu bơi lội tung tăng. Nhiều con to đến mức có thể làm nên bữa tối thịnh soạn. Theo lời quảng cáo của khu mua sắm, vài con trong bày cá ngoại lai này có giá trị lên đến bốn ngàn đô la một con; thơm ngon hay không thì chúng cũng không nằm trong khoản chi tiêu ăn uống của mọi người.

Tôi ngồi trên băng ghế, quay lưng lại với bày cá chép, không mấy may ấn tượng trước bộ váy lòe loẹt và kích cỡ vĩ đại của chúng.

Khoảng năm phút sau, Stormy bước ra khỏi Burke & Bailey cùng hai cây kem ốc quế. Tôi thích thú ngắm nàng đi về phía mình

Bộ đồng phục của nàng gồm giày hồng, vớ trắng, váy hồng tươi, áo kiểu kết hợp màu trắng hồng, mũ lưỡi trai màu hồng đậm đáng. Cùng nước da vùng Địa Trung Hải, mái tóc đen nhánh, đôi mắt đen huyền khiêu khích, trông nàng như một điệp viên đầy quyến rũ đang đóng giả làm tình nguyện viên trong bệnh viện.

Như thường lệ, nàng đoán được ý nghĩ của tôi nên khi ngồi xuống cạnh tôi trên băng ghế,

nàng lên tiếng. “Đến khi em lên làm chủ cửa tiệm, nhân viên sẽ không phải mặc những bộ đồng phục lố bịch.”

“Anh nghĩ trông em thật đáng yêu.”

“Trông em như con bé quậy phá thì có.”

Stormy đưa cho tôi một cây kem và trong vòng một hay hai phút chúng tôi ngồi im lặng, thưởng thức cây kem, nhìn những người đi mua sắm lượn lờ.

“Bỏ qua mùi dầu mỡ trong món bánh mì kẹp thịt băm và thịt lợn xông khói, em vẫn ngửi được mùi dầu gội hương đào,” nàng nói.

“Người anh giữ mùi thơm mà.”

“Đến ngày em có cửa tiệm riêng, chúng ta có thể làm việc cùng nhau và tỏa mùi hương như nhau.”

“Công việc kinh doanh kem không khiến anh hứng thú. Anh thích chiên thức ăn.”

“Em nghĩ điều đó đúng,” nàng bảo.

“Điều gì?”

“Sự trái ngược thì thu hút nhau.”

“Đây có phải hương vị kem mới xuất hiện hồi tuần trước không?” tôi hỏi.

“Đúng rồi.”

“Kem anh đào sôcôla dừa miếng phải không?”

“Kem dừa anh đào sôcôla miếng,” nàng chỉnh lại. “Anh phải đặt đúng cụm tính từ trước chữ ‘miếng’, nếu không sẽ rầy rà lắm.”

“Anh không biết ngữ pháp trong ngành kinh doanh kem lại khắt khe đến thế đó chứ.”

“Nói theo kiểu của anh, những khách hàng ranh mãnh khi ăn xong kem sẽ đòi tiền lại vì không có miếng dừa nào trong đó cả. Và đừng bao giờ nói em là đáng yêu nữa nhé. Chó con mới đáng yêu.”

“Khi em đi về phía anh, anh thấy em thật khiêu khích.”

“Anh nên khéo léo tránh xa hết mấy cụm tính từ đi.”

“Kem ngon quá,” tôi nói. “Đây là lần đầu tiên em nếm phải không?”

“Ai cũng mê tíu loại kem này. Nhưng em không muốn vội vàng nếm thử.”

“Trì hoãn hưởng thụ.”

“Ừ, như vậy sẽ khiến mọi thứ thơm ngon hơn hẳn.”

“Chờ quá lâu thì cái gì thơm ngon đầy kem cũng hỏng hết.”

“Tránh ra nào triết gia Socrates. Odd Thomas đang giành bực diễn thuyết đây.”

Tôi biết khi nào sự việc bắt đầu đi quá đà. Tôi bèn chuyển đề tài. “Ngồi quay lưng lại với nguyên bản cá chép Nhật này, anh thấy nổi da gà.”

“Anh nghĩ chúng sẽ vụt dậy hóa thành cái gì sao?” nàng hỏi.

“Chúng quá sặc sỡ so với loài cá. Anh không tin chúng.”

Nàng quay ra sau nhìn cái ao rồi lại tập trung chú vào cây kem. “Chúng chỉ đang ‘ấy’ thôi.”

“Em nói sao?”

“Việc duy nhất loài cá làm là ăn vào, thải ra, và ‘ấy’.”

“Cuộc sống tuyệt thật.”

“Chúng thải vào chính thứ nước chúng ăn vào, và chúng ăn trong môi trường nước vẫn đục tinh dịch nơi chúng đã ‘ấy’. Loài cá thật kinh tởm.”

“Giờ anh mới nghĩ ra đó chứ,” tôi hỏi.

“Anh đến đây bằng cách nào?”

“Bằng chiếc Mustang của cô Terri.”

“Anh nhớ em hả?”

“Lúc nào mà chẳng nhớ. Nhưng anh đang tìm một người.” Tôi kể nàng nghe về Gã Nấm.
“Bản năng đưa anh đến đây.”

Khi một ai đó không có mặt nơi tôi mong tìm thấy họ, ở nhà không thấy, chỗ làm cũng không, thỉnh thoảng tôi chạy vòng quanh bằng xe đạp hoặc xe hơi mượn, rẽ đại vào đường này rồi sang đường khác. Thường chưa đầy nửa giờ, tôi đến lối đi có người tôi đang tìm. Tôi cần một khuôn mặt hay một cái tên để tập trung vào, nhưng tôi giỏi hơn cả mặt thám.

Tôi không đặt tên cho năng lực này. Stormy gọi nó là “sức hút siêu linh”.

“Và bây giờ gã sẽ đến đây,” tôi nói, ám chỉ Gã Nấm, kẻ thông thả đi dọc khu vui chơi, lần theo những ghềnh thác đổ dốc, tiến về cái ao cá chép kiểu vùng nhiệt đới.

Stormy không cần bảo tôi chỉ cho nàng biết mặt gã. Trong đám người đi mua sắm, gã nổi lên như con vịt giữa bầy chó.

Ăn gần xong cây kem cũng chưa cảm thấy lạnh, vậy mà tôi rùng mình khi nhìn thấy gã lạ mặt kia. Gã giẫm lên nền gạch của khu vui chơi mà răng tôi va lập cập như thể gã vừa bước qua phần mộ của tôi.

CHƯƠNG 8

Đôi mắt xám nhạt lu mờ, sừng húp đảo qua các gian hàng, gần như tỏ ra kinh ngạc hết một bệnh nhân mất trí đi khỏi bệnh viện, thơ thần bước vào cái thế giới mà người đó không còn nhận ra, Gã Nấm cầm theo những chiếc túi căng phồng sắm sửa từ hai khu cửa hiệu.

“Thứ màu vàng trên đầu gã là gì vậy?” Stormy thắc mắc.

“Tóc.”

“Em tưởng đó là loại mũ người Do Thái đội khi cầu nguyện.”

“Không, tóc đấy.”

Gã Nấm đi vào tiệm kem Burke & Bailey.

“Bọn ông kẹ còn đi cùng gã không?” Stormy hỏi.

“Không nhiều như khi nãy. Chỉ còn ba tên.”

“Và bọn chúng cùng gã đi vào cửa tiệm của em ư?”

“Ừ. Tất cả vào trong rồi.”

“Không tốt cho việc kinh doanh rồi,” nàng dự báo điềm gở.

“Tại sao? Đâu có vị khách nào của em nhìn thấy được bọn chúng.”

“Làm sao mà những linh hồn xấu xa, lén lút, trơn tuột đó lại *tốt* cho việc kinh doanh chứ?” nàng phản đối. “Chờ đây nhé.”

Tôi ngồi cùng con cá chép Nhật đang “ấy” phía sau và cây kem ăn dở trên tay phải. Tôi không thấy ngon nữa.

Qua khung cửa sổ của tiệm Burke & Bailey, tôi có thể thấy Gã Nấm ở quầy phục vụ. Gã nghiền ngẫm bảng thực đơn rồi gọi kem.

Stormy không đích thân phục vụ gã mà lượn lờ gần đó, phía sau quầy phục vụ, làm ra vẻ thờ ơ.

Tôi không thích nàng có mặt ở đó cùng gã. Tôi cảm giác nàng đang gặp nguy hiểm.

Kinh nghiệm dạy tôi phải tin vào cảm giác của mình nhưng tôi không đi vào trong đứng gác gần Stormy. Nàng đã yêu cầu tôi ngồi chờ ngoài băng ghế. Tôi không có ý định chống đối nàng. Như hầu hết nam giới, tôi thấy thật mất thể diện khi bị đá đít bởi một phụ nữ nặng chưa tới một trăm mười lăm *pao sau* bữa tối ngày Lễ Tạ ơn.

Nếu có cây đèn, vị thần và một điều ước, tôi sẽ ước cho mình quay trở lại Tire World, trở lại không gian thanh bình của phòng trưng bày với những lối đi có các vật thể hình tròn êm ái bằng cao su.

Tôi nghĩ đến ông Tom Jedd tội nghiệp vẫy cánh tay xấu xí để chào tạm biệt khi nãy, và cuối cùng tôi quyết định ăn hết cây kem. Không ai biết được khi nào mình bước đến cuối con đường. Biết đâu đây là miếng cuối cùng của cây kem dừa anh đào sôcôla mà tôi có cơ hội nhắm nháp.

Khi tôi vừa ăn xong miếng cuối cùng, Stormy quay lại ngồi cạnh tôi. “Gã mua mang về. Một vại kem hạt óc chó trộn đường làm từ cây gỗ thích cùng một vại kem quýt sôcôla.”

“Những hương vị đó có mang ý nghĩa gì không?”

“Chuyện ấy tùy anh quyết định. Em chỉ báo anh biết thôi. Chắc chắn gã là một tên khốn cực kỳ quái đản. Em ước gì anh quên bég gã đi.”

“Em biết anh không thể mà.”

“Anh có sứ mệnh làm vị cứu tinh, phải đi giải nguy cho thế giới.”

“Anh không có sứ mệnh làm vị cứu tinh. Anh chỉ có... món quà trời ban. Món quà này sẽ không rơi vào tay anh nếu anh không có nhiệm vụ sử dụng nó.”

“Có lẽ đấy không phải món quà trời ban. Biết đâu lại là lời nguyền.”

“Đó là món quà trời ban.” Vỗ nhẹ vào đầu, tôi tiếp lời. “Anh vẫn còn giữ hộp đựng quà mà.”

Gã Nấm bước ra khỏi tiệm Burke & Bailey. Ngoài hai giỏ hàng hóa, gã cầm thêm một túi nhiều lớp cách nhiệt đựng kem.

Gã liếc sang phải, nhìn sang trái rồi lại quay sang phải, như thể không nhớ rõ mình đã đến đây từ hướng nào. Nụ cười loáng thoáng cố định như hình xăm trên môi gã rộng mở trong giây

lát và gã gật gù như thể vui vẻ tán thành điều gã tự nói với chính mình.

Khi Gã Năm bắt đầu đi ngược trở lên phía thác nước, hai ông kẹ hộ tống theo sau. Tạm thời tên ông kẹ thứ ba vẫn còn ở trong tiệm Burke & Bailey.

Nhóm dậy khỏi băng ghế, tôi lên tiếng, “Hẹn gặp em vào bữa tối nhé, cô bé quậy phá.”

“Cố sống sót nhé anh,” nàng nói. “Nhớ đấy, em không nhìn thấy được người chết đâu.”

Tôi để lại nàng ở đó, một cô nàng trong trang phục toàn màu hồng và trắng, đầy khiêu khích ngồi tại rừng cọ nhiệt đới có mùi của bầu cá chép say tình. Sau đó tôi đuổi theo cây nấm hình người đến cổng chính khu mua sắm, rồi bước ra ngoài ánh nắng gay gắt gần như đủ sức giật phăng giác mạc khỏi mắt.

Mặt đường nhựa nóng như vôi lò nhưng vẫn còn mát hơn hồ nhựa nóng chảy đã cuốn bầy khủng long đi nhiều thiên niên kỷ về trước. Làn gió nhẹ nhanh như cắt làm môi tôi khô rang và mang đến hương mùa hè của thị trấn sa mạc, mùi pha quyến của đá nung siêu nóng, phấn hoa xương rồng, nhựa thông mesquite, muối của những bãi biển chết từ lâu và khói thải lơ lửng giữa không khí khô khốc bất động như những đám mây mờ nhạt chứa hạt khoáng chất cuộn xoắn xuyên suốt viên thạch anh trong suốt.

Chiếc Ford Explorer bụi bặm của Gã Năm đậu ở hàng phía sau và cách xe tôi bốn khoảng đất trống tính về phía tây. Nếu sức hút siêu linh của tôi mạnh thêm chút nữa, tôi và gã đã đậu xe nối đuôi nhau.

Gã mở cốp xe SUV và cho mấy túi mua sắm vào trong. Gã mang theo thùng làm lạnh Styrofoam để giữ kem không chảy và cất hai vại kem vào đó.

Khi này, tôi quên dựng tấm cản nắng phản chiếu lên kính chắn gió trong chiếc Mustang. Nó được xếp gọn và nhét vào giữa ghế hành khách và cốp xe. Do đó, vô lăng nóng lên đến mức không thể chạm vào.

Tôi khởi động xe, bật máy điều hòa và dùng kính chiếu hậu và kính hai bên để giám sát Gã Năm.

May thay, cử động của gã này gần như chậm chạp và ngăn nắp hết quá trình phát triển của nấm mốc. Đến lúc gã rời khỏi chỗ đậu xe, tôi đã có thể bám theo mà không để lại mấu da phòng rộp nào trên vô lăng.

Hai xe chưa chạy ra đến đường chính, tôi đã nhận thấy không còn ông kẹ nào bám đuôi gã đàn ông hớn hở này khi gã rời khu mua sắm. Hiện không có tên nào ngồi trong chiếc Explorer với gã, cũng không có tên nào chạy nhảy sau xe.

Vừa rồi, gã rời Quán Vĩ nướng với một toán ít nhất hai mươi tên, khi đến tiệm Burke & Bailey, đoàn tùy tùng ấy rút gọn lại còn ba tên. Ông kệ thường sốt sắng theo hầu bất cứ ai sắp trở thành khởi nguồn của màn bạo lực kinh hoàng và chúng sẽ không rời bỏ kẻ đó khi nào giọt máu cuối cùng còn chưa chảy tràn.

Tôi tự hỏi vậy cuối cùng Gã Nấm này có phải là hiện thân xấu xa của Tử thần như điều tôi đã gán cho gã không.

Mặt đường nhựa tích trữ sức nóng nhìn loang loáng đến mức tưởng như không còn lớp bề mặt nào ngoài nước, nhưng chiếc Explorer phóng qua mà không để lại đường rẽ nước hay gợn sóng lẫn tăn nào.

Ngay cả lúc thiếu vắng bóng dáng bọn ông kệ, tôi vẫn tiếp tục theo dấu con mồi. Ca làm việc ở Quán Vĩ nướng của tôi đã xong. Nguyên thời gian buổi chiều còn lại và cả buổi tối đang ở trước mắt. Không ai bồn chồn khó chịu hơn một đầu bếp phục vụ thức ăn nhanh khi chưa giải quyết xong việc.

CHƯƠNG 9

Camp's End thực chất không phải một thị trấn mà là vùng lân cận của thị trấn Pico Mundo, nơi đó là ký ức sống động về một thời gian khổ ngay cả khi những người còn lại trong cộng đồng chúng tôi đang trải qua giai đoạn kinh tế phát đạt. Bãi cỏ xơ xác nhiều hơn xanh tốt, có nơi chỉ là sỏi đá. Hầu hết những ngôi nhà nhỏ hẹp cần lớp vữa mới, nước sơn mới và đợt ngưng chiến với mỗi mọt.

Các ngôi nhà tạm bợ được dựng lên tại đây vào cuối những năm 1800, thời điểm nhóm tìm kiếm có nhiều mộng tưởng hơn trí thông minh đã bị lôi kéo đến nơi này bởi mỏ bạc và những lời đồn thổi về mỏ bạc. Họ khám phá được cơ man toàn tin vịt.

Thời gian trôi qua, khi nhóm tìm kiếm trở thành huyền thoại và không còn tìm được ai bằng xương bằng thịt nữa, các ngôi nhà tạm bợ dãi dầu mưa nắng bị thay thế bằng nhà tranh, nhà gỗ lợp ván và nhà gỗ mái ngói.

Tuy nhiên tại Camp's End, công cuộc nâng cấp chuyển hướng sang phá hủy nhanh hơn nơi khác. Thế hệ này nối tiếp thế hệ khác, vùng lân cận vẫn giữ nguyên nét đặc trưng cơ bản, một diện mạo chưa làm tiêu tan cũng như cạn kiệt sức chịu đựng: cả khu vực lún xuống, bong tróc, gỉ sét, hoang vu, bạc thối nhưng không bao giờ hoàn toàn tuyệt vọng trong hoàn cảnh khốn khổ.

Bất hạnh dường như rỉ ra từ chính mặt đất, như thể nơi trú ngụ của diêm vương ở địa ngục nằm ngay bên dưới những con đường này, gác xếp nghỉ ngơi của Ngài đặt quá gần lớp bề mặt bên ngoài đến mức hơi thở hôi thối bật ra theo từng tiếng ngáy đã ngấm lên đất đai.

Điểm dừng chân của Gã Nấm là một ngôi nhà gỗ nhỏ trát vữa vàng nhạt, cánh cửa chính màu xanh dương phai mờ. Nhà để xe nghiêng ngả như thể sức nặng của riêng ánh nắng đã đủ đánh sập nó.

Tôi dừng xe bên này đường, đối diện ngôi nhà, trước khoảnh đất trống đầy những cây cà độc dược và những cây mâm xôi khô héo, đan kết chồng chéo như cái bẫy bắt những kẻ mơ mộng. Nhưng chúng chỉ bắt được mớ giấy báo nhàu nát, vỏ lon bia và một thứ trông như một cái quần lót ống rộng của đàn ông bị xé tả tơi.

Trong lúc tôi hạ cửa sổ xe xuống và tắt động cơ, tôi thấy Gã Nấm mang kem và mấy gói đồ

khắc vào nhà. Gã vào bằng lối cửa phụ nằm dưới bóng mát nhà để xe.

Chiều mùa hè ở thị trấn Pico Mundo kéo dài và nóng nực với chút hy vọng có gió nhưng đừng trông ngóng trời mưa. Tuy đồng hồ trên tay tôi và đồng hồ trong xe hơi đều thống nhất chỉ số 4:48 nhưng ánh nắng thiêu đốt kia vẫn trải dài phía trước.

Dự báo thời tiết buổi sáng thông báo nhiệt độ cao nhất lên đến một trăm mười độ[12], con số chưa từng có ở sa mạc Mojave. Tôi nghi ngờ dự báo đó đã nói quá.

Trong khi những bà con bạn bè thích khí hậu mát mẻ kinh ngạc trước mức nhiệt độ đó thì cư dân thị trấn Pico Mundo xem đây là trạng thái khí tượng học tốt đẹp, lưu ý rằng độ ẩm chỉ có mười lăm hay hai mươi phần trăm. Họ khẳng khẳng bảo rằng một ngày hè ở mức trung bình không giống phòng xông ướt ngọt ngào mà chỉ như phòng xông khô khiến cơ thể khoan khoái.

Ngay cả trong bóng râm của cây nguyệt quế Ấn Độ khổng lồ già nua có phần rễ chắc chắn đủ sâu để hút nước sông Styx[13], tôi cũng không thể vờ như mình đang lười nhác nằm trong phòng xông khô. Tôi có cảm giác hết đũa trẻ thơ thần đi vào ngôi nhà hào nhoáng của mụ phù thủy trong Khu rừng hắc ám và bị tống vào lò nướng đang chỉnh ở chế độ lửa nhỏ.

Thỉnh thoảng một chiếc xe hơi chạy qua nhưng không người khách bộ hành nào xuất hiện.

Không trẻ con nô đùa. Không vị chủ nhà nào đánh bạo ra ngoài lảng vảng bên khu vườn quắt queo.

Một chú chó lê lét bò qua, đầu cúi thấp, lưỡi lè ra như đang ngoạn cổ lần theo ảo tưởng về một con mèo.

Chẳng mấy chốc khi tôi ngồi trong vũng mồ hôi, cơ thể tôi sẽ cung cấp phần độ ẩm mà không khí còn thiếu.

Lẽ ra tôi có thể khởi động chiếc Mustang và bật máy điều hòa nhưng tôi không muốn phạm xăng của cô Terri hay làm động cơ quá nóng. Hơn nữa, bất kỳ cư dân sa mạc nào cũng biết quá trình lặp đi lặp lại hết nung nóng rồi lại làm mát có thể tôi luyện một số kim loại, nhưng điều đó sẽ làm nhụt chí con người.

Bốn mươi phút sau, Gã Năm tái xuất hiện. Gã khóa cánh cửa phụ của ngôi nhà, việc đó cho thấy trong nhà không còn ai, rồi gã vào ngồi sau vô lăng chiếc Explorer đầy bụi.

Tôi trượt người xuống ghế, thấp hơn thành cửa sổ, lắng tai nghe trong lúc chiếc SUV chạy qua và để lại vệt âm thanh nhỏ dần rồi im bật.

Băng qua phía ngôi nhà vàng nhạt, tôi không quá lo chuyện bị theo dõi từ những khung cửa sổ nhuộm nắng dọc theo con đường. Sinh sống ở Camp's End tạo nên sự xa lánh hơn là tinh thần cộng đồng cần có để hình thành lực lượng dân phòng.

Thay vì đi tới cửa chính màu xanh dương và gây ra sự chú ý đặc biệt cho mọi người, tôi nhắm đến bóng mát nhà để xe và gõ lên cánh cửa phụ Gã Nấm đã sử dụng. Không ai trả lời.

Nếu cánh cửa khóa chặt như nêm, tôi đã phải phá tung cửa sổ. Đối mặt với then cài sơ sài, như bao thanh niên Mỹ khác, tôi tự tin mình đã được những bộ phim về cảnh sát trên ti-vi dạy rất kỹ rằng tôi có thể dễ dàng chui tọt vào nhà.

Để đơn giản hóa cuộc sống, tôi không mở tài khoản ngân hàng và chỉ thanh toán bằng tiền mặt; thế nên tôi không có thẻ tín dụng. Bang California đã chu đáo cấp cho tôi một tấm bằng lái cán mỏng đủ cứng để cạy khóa.

Đúng như tiên đoán, gian bếp không phải nơi tôn thờ kiểu trang trí của Martha Stewart^[14] hay chủ nghĩa sạch sẽ. Nơi này rõ ràng cũng không thể gọi là chuồng heo; nó chỉ tệ hại bởi tình trạng bừa bộn tổng thể, đây đó là những mẩu bánh vụn, tặng phẩm dành cho bầy kiến nếu chúng muốn ghé thăm.

Một mùi thoang thoảng nhưng khó chịu phảng phất trong không khí mát mẻ. Tôi không thể nhận biết nó bắt nguồn từ đâu, thoát đầu tôi tưởng đó hẳn là hương thơm độc nhất vô nhị của Gã Nấm, vì xem ra gã là người bốc ra thứ mùi lạ lùng và độc hại nếu không phải thứ mùi chết người.

Tôi không biết mình tìm kiếm gì nơi đây, nhưng tôi mong sẽ nhận ra thứ đó nếu nhìn thấy. Một thứ lôi cuốn bọn ông kẹ đi theo người đàn ông này và tôi theo chân chúng với hy vọng khám phá manh mối dẫn tới lý do tạo nên sự quan tâm nơi bọn chúng.

Sau khi đảo quanh gian bếp, cố gắng nhưng không thể tìm thấy ẩn ý trong một cốc cà phê nguội lạnh đã vơi nửa, một vỏ chuối sạm đen vút trên thớt, đồng chén đĩa bẩn trong chậu rửa, những thứ thông thường nằm trong ngăn kéo và tủ đựng thức ăn, tôi nhận ra không khí không chỉ mát mẻ mà còn ớn lạnh một cách khó lý giải. Phần lớn mồ hôi trên lớp da phơi trần của tôi đã khô. Sau gáy có cảm giác như đóng băng.

Khó lý giải sự giá lạnh bao trùm vì thậm chí tại sa mạc Mojave, nơi máy điều hòa là thứ thiết yếu thì một ngôi nhà cũ kỹ và xoàng xĩnh tại đây hiếm khi có được hệ thống làm mát tập trung. Những dàn máy điều hòa dạng khung cửa sổ, mỗi cái nằm một hốc, là chọn lựa có thể chấp nhận cho phần trang bị thêm tốn kém tại một nơi trú ngụ không đáng tiêu pha.

Gian bếp không có những dàn máy dạng cửa sổ đó.

Thường tại một ngôi nhà như thế này, người ta chỉ làm mát không gian khi đêm xuống và chỉ trong phòng ngủ. Nếu không sẽ khó lòng chợp mắt. Song máy điều hòa gắn trong phòng ngủ không thể làm mát toàn bộ ngôi nhà, ngay cả một ngôi nhà bé tẹo như nơi đây. Dứt khoát máy điều hòa không thể ướp lạnh gian bếp.

Vả lại, dàn máy điều hòa sẽ làm ồn: tiếng bình bịch và vo vo của máy nén không khí, tiếng

lách cách của quạt gió. Ở đây tôi không nghe âm thanh nào như thế cả.

Trong lúc tôi đang ngẩng đầu nghe ngóng, ngôi nhà chìm trong tĩnh lặng. Bỗng nhiên tôi nhận ra sự tĩnh mịch này không bình thường.

Lẽ ra đôi giày của tôi phải gây tiếng động trên tấm vải lót sàn đã rạn, lớp ván sàn long ra do thời gian, sức nóng và sự khô hanh gây co rút. Vậy mà tôi di chuyển êm ru như con mèo đi trên tấm đệm.

Xét lại, tôi nhận thấy cửa ngăn kéo và tủ đựng thức ăn đóng mở với âm thanh vô cùng khẽ khàng, như thể chúng được lắp đặt loại khe trượt và bản lề không ma sát.

Khi tôi tiến đến cánh cửa để mở nằm giữa gian bếp và phòng bên, không khí lạnh dường như dày đặc hơn, khiến sự truyền dẫn âm thanh bị bóp nghẹt hơn nữa.

Phòng khách thừa thớt đồ đạc xem ra cũng tồi tàn và bừa bộn hết gian bếp. Những quyển sách cũ mòn vẹt, chắc chắn mua từ hiệu sách cũ, và mớ tạp chí vương vãi khắp sàn nhà, ghế dài, bàn cà phê.

Mấy tạp chí là thứ bạn có thể dự đoán. Ảnh phụ nữ khỏa thân nổi bật giữa loạt bài báo về các môn thể thao mạo hiểm, xe đua tốc độ và những chiêu dụ dỗ đáng khinh, vây quanh tất cả là mớ quảng cáo về thảo mộc cường dương, về những dụng cụ bảo đảm làm gia tăng một kích cỡ cho một bộ phận cơ thể được cánh mày râu vô cùng yêu quý, nói thế tôi không ám chỉ đến bộ não đàn ông.

Bộ phận cơ thể tôi yêu quý chính là trái tim vì đó là thứ duy nhất tôi phải trao cho Stormy Llewellyn. Hơn nữa, khi tôi thức dậy mỗi sáng, nhịp đập của nó là bằng chứng đầu tiên rõ ràng nhất cho thấy suốt đêm qua, tôi chưa gia nhập cộng đồng những người chết còn ngoan cố nán lại trần gian.

Đồng sách khiến tôi ngạc nhiên. Chúng là tiểu thuyết lãng mạn. Xét theo hình minh họa ngoài bìa, những quyển sách này nghiêng về thể loại đảng hoàng, kiểu mà trong đó bộ ngực phụ nữ hiếm khi nhô ra và áo lót không thường xuyên bị xé toạc. Những câu chuyện liên quan đến tình yêu nhiều hơn tình dục, và chúng đối kháng đặc biệt với mớ tạp chí đầy rẫy hình phụ nữ khoe ngực, duỗi chân, liếm môi kêu gọi.

Khi tôi nhặt một quyển sách lên và lật xem qua, những trang sách lướt nhanh không hề phát ra tiếng động.

Dường như tôi không thể nghe thấy gì khác ngoài âm thanh trong cơ thể mình: tiếng tim đập thình thịch, tiếng máu chảy ào ào vang lên bên tai tôi.

Đúng ra tôi phải bỏ đi ngay lúc ấy. Hiệu ứng bóp nghẹt âm thanh kỳ quái của không khí

thâm hiểm trong ngôi nhà này lẽ ra phải khiến tôi hoảng sợ.

Vì đặc trưng cuộc đời tôi là những trải nghiệm lạ lùng, đầy ắp như mùi thịt hun khói và tiếng xèo xèo của mỡ trên vỉ nướng nên tôi không dễ bị hù dọa. Chưa kể tôi thừa nhận mình có khuynh hướng luôn đầu hàng trước tính tò mò, dù đôi lúc cũng thấy ân hận.

Lật giở những trang tiểu thuyết lãng mạn im lìm, tôi nghĩ có thể Gã Nấm không sống một mình ở đây. Mấy quyển này biết đâu là tủ sách yêu thích của bạn gái gã.

Triển vọng đó không được củng cố qua những chứng cứ trong phòng ngủ. Tủ quần áo chứa mỗi đồ của gã. Giường chưa dọn dẹp, đồ lót và tất của ngày hôm qua vút lung tung, nho khô Đan Mạch ăn dở nằm trong cái đĩa giấy đặt trên bàn cạnh giường, những điều ấy bác bỏ sự hiện diện truyền bá văn minh của một phụ nữ.

Máy điều hòa gắn trong hốc tường không hoạt động. Không làn gió nhẹ nào bay ra từ miệng thổi của máy.

Tại đây, mùi hôi thối thoang thoảng lúc đầu tôi nghĩ thấy trong bếp trở nên nồng nặc hơn, gợi nhớ đến mùi dây điện chập mạch, nhưng không hẳn chỉ có vậy, còn thoảng mùi amoniac và chút ít vụn than cùng luồng hơi mùi hạt nhục đậu khấu, nhưng không rõ ràng là một mùi nào trong số kể trên.

Hành lang ngăn dùng làm phòng ngủ cũng dẫn đến phòng tắm. Tắm gương cần được lau chùi. Trên kệ, ống kem đánh răng không được đậy kín. Một sọt rác nhỏ đầy khăn giấy đã sử dụng và mấy thứ rác khác.

Từ phòng ngủ nhìn sang bên kia hành lang còn thêm một cánh cửa nữa. Tôi cho rằng nó dẫn tới tủ quần áo hoặc căn phòng ngủ thứ hai.

Ở ngưỡng cửa, không khí rét buốt đến mức tôi có thể nhìn thấy hơi thở của mình, một luồng hơi nhọt nhọt.

Tôi áp lòng bàn tay vào núm cửa lạnh băng và xoay tròn. Đằng kia, cơn lốc của sự tĩnh lặng hút âm thanh cuối cùng ra khỏi tai tôi, trong phút chốc tai tôi điếc đặc, bất chấp nỗ lực làm việc của trái tim.

Căn phòng tối đen chờ tôi.

CHƯƠNG 10

Suốt hai mươi năm qua, tôi đã có mặt ở rất nhiều nơi u tối, có chỗ thiếu nguồn vui, có chỗ không có niềm hy vọng. Theo kinh nghiệm bản thân thì không nơi nào u tối hơn căn phòng xa lạ trong ngôi nhà của Gã Nấm này.

Căn phòng không có cửa sổ hoặc tất cả cửa sổ đều bị bít chặt và che kín trước mọi ánh nắng tọc mạch. Không một ngọn đèn tỏa sáng. Trong cái âm u thăm thẳm ấy, nếu có một cái đồng hồ điện tử với mặt số phát sáng thì ánh sáng yếu ớt của những con số sẽ trông như đèn hiệu chói lóa.

Đứng tại ngưỡng cửa, tôi nheo mắt nhìn vào chỗ toàn một màu đen tối, đến mức tôi có cảm tưởng không phải tôi đang sẫm soi một căn phòng mà là một không gian chết chóc tại miền vũ trụ xa xôi, nơi các tinh tú cổ xưa đã cháy thành tro bụi. Cái lạnh thấu xương thấm sâu vào nơi này hơn những chỗ khác trong nhà và sự lặng thinh ngọt ngào cũng biện minh rằng đây chính là ga tàu hoang vắng nằm lạc lõng giữa các vì sao.

Quái lạ hơn hết thảy, ánh sáng ngoài hành lang không thể lọt vào địa hạt sau cánh cửa dù một tia nhỏ nhoi. Ranh giới giữa nơi có ánh sáng và chỗ tuyệt đối tối đen sắc nét như đường thẳng được kẻ trên gờ tường của ngưỡng cửa, lên thanh dọc và sang bên kia viên gạch. Bóng tối hoàn hảo không chỉ kháng cự mà còn đẩy lùi hoàn toàn sự xâm nhập của ánh sáng.

Đây dường như là bức tường làm bằng thứ đá núi lửa đen tuyền nhất, dù đá này thiếu độ bóng và ánh kim.

Tôi không bạo gan. Nếu tôi bị ném vào chuồng một con hổ đói, mà tôi thoát được, chắc chắn tôi cũng sẽ cần bồn nước tắm và quần mới sạch sẽ như bao người.

Thế nhưng đường đời khác thường khiến tôi e sợ những mối đe dọa đã biết và hiếm khi e sợ những mối đe dọa chưa biết, trong khi hầu hết mọi người e sợ cả hai.

Lửa khiến tôi sợ, đúng thế, động đất, và những con rắn độc. Con người khiến tôi sợ hơn bất cứ gì khác vì tôi biết quá rõ những hành động tàn ác mà con người có thể gây ra.

Tuy nhiên đối với tôi, các bí ẩn mang tính đe dọa nhất về sự tồn tại đó là cái chết và điều xảy ra sau đó lại không chứa nhân tố gây sợ hãi vì tôi đối phó với cái chết mỗi ngày. Hơn nữa

tôi có niềm tin rằng nơi cuối cùng tôi đi đến không chỉ đơn thuần là chốn quên lãng.

Trong những bộ phim kinh dị, bạn có xỉ vả các nhân vật bị bao vây hãy lập tức ra khỏi ngôi nhà ma, hãy khôn lanh và *bỏ đi* không? Họ chúi mũi vào những căn phòng có lịch sử án mạng đầm máu dính líu đến những căn gác xép lơ lửng mạng nhện và hồn ma, đặt chân xuống những tầng hầm lúc nhúc gián và ác quỷ. Và đến khi họ bị chặt-đâm-moi-chém-thieu với kiểu cường điệu thực tế nhằm hài lòng những đạo diễn “khùng” nhất Hollywood, chúng ta sẽ há hốc mồm, run bắn người rồi kêu lên “Đồ ngốc” bởi họ đã ngu dại tự chuốc lấy cái chết thê thảm.

Tôi không ngu dại mà là một người không bao giờ chạy trốn khỏi những nơi bị ma ám. Món quà đặc biệt về khả năng nhìn thấy những điều huyền bí được trao từ khi tôi vừa chào đời đã thúc ép tôi khám phá và tôi không thể cưỡng sự đòi hỏi của năng lực đó như một thần đồng âm nhạc không thể cưỡng lại sức hút ghê gớm của cây đàn; tôi không lùi bước trước những nguy hiểm chết người như viên phi công trên máy bay chiến đấu hăm hở lao vào bầu trời chinh chiến khốc liệt.

Đây là một phần của lý do vì sao đôi khi Stormy bắn khoả không biết cái mà tôi gọi là món quà thật ra có phải là một lời nguyền hay không.

Cận kề ranh giới đêm đen đặc quánh, tôi giơ tay phải như thể đang tuyên thệ và đưa lòng bàn tay đến rào cản hiển hiện trước mặt. Dù bóng tối gạt đi ánh sáng nhưng nó không hề đưa sức chống đỡ đối với lực ép tôi gây nên. Bàn tay tôi biến mất trong vùng tối đen như hắc ín.

“Biến mất” ở đây có nghĩa tôi không nhận thấy một cảm giác nào, ngay cả mơ hồ nhất, của những ngón tay đang động đậy bên kia bề mặt bức tường tối tăm. Cổ tay tôi đột ngột nằm trơ ra phía tận cùng như bị cắt.

Thú thật lúc ấy tim tôi đập loạn xạ, cho dù tôi không thấy đau đớn và tôi đã thở phào nhẹ nhõm, mà không phát ra tiếng, khi rút tay về và nhìn toàn bộ mấy ngón tay còn nguyên vẹn. Tôi cảm tưởng như vừa thoát khỏi màn ảo giác do Penn và Teller, cặp bài trùng tự xưng là nhà ảo thuật, biểu diễn.

Thế nhưng khi bước qua ngưỡng cửa, một tay nắm chặt cánh cửa, tôi không đi vào vùng ảo giác mà là một nơi có thật nhưng trông huyền ảo hơn hẳn mọi giấc mơ. Bóng tối phía trước vẫn thuần khiết một cách kỳ lạ; cái lạnh không giảm đi và sự tĩnh lặng thực sự đầy nghẹt như máu đông lại trong tai một người chết do bị bắn vào đầu.

Từ ngoài cửa không mấy may nhận biết được chút gì trong căn phòng, nhưng tôi có thể từ trong này nhìn trở ra và thấy hành lang dưới ánh sáng bình thường, thông suốt. Hình ảnh ấy soi rọi vào căn phòng chẳng hơn gì một bức tranh vẽ quang cảnh đầy nắng.

Tôi vừa muốn vừa không muốn Gã Nấm quay về và trở mắt nhìn vào phần thân thể duy nhất của tôi giờ đây còn thấy được nếu đứng từ ngoài kia: những ngón tay quặp lại bầu chặt

cứng cánh cửa. May thay tôi vẫn một mình.

Vỡ lẽ rằng mình có thể nhìn thấy lối ra hành lang và như vậy có thể tìm được đường thoát nên tôi buông tay khỏi cửa. Bước hẳn vào trong căn phòng không ánh sáng và quay lưng lại với hành lang, lập tức tôi trở thành người vừa mù vừa điếc.

Không âm thanh cũng không tầm nhìn, tôi nhanh chóng mất phương hướng. Tôi sờ soạng tìm công tắc đèn, khi tìm thấy, tôi bật lên, tắt xuống rồi lại bật lên nhưng vô ích.

Tôi dần để ý đến một tia sáng nhỏ màu đỏ mà tôi chắc chắn khi nãy nó không có ở đó: màu đỏ đầy sát khí của một ánh mắt u ám và khát máu, dù đấy không phải là ánh mắt.

Khả năng cảm nhận thực tế không gian và khả năng đo khoảng cách chính xác đã rời bỏ tôi, vì đèn hiệu bé tí kia dường như cách tôi đến cả mấy dặm, nó hết ánh sáng trên cột buồm của một con tàu xa tít tắp giữa biển đêm. Tất nhiên ngôi nhà nhỏ nhắn này không thể chứa đựng khoảng không bao la đến mức như tôi tưởng tượng trước mắt.

Khi thả tay khỏi công tắc đèn vô dụng, tôi thấy lâng lâng uể oải như kẻ nghiện rượu không may bị hơi men bơm phồng lên. Đôi chân dường như không còn chạm hẳn xuống sàn nhà khi tôi kiên quyết đến gần tia sáng màu đỏ.

Ước ao có cơ hội ăn lại món kem dừa anh đào sôcôla, tôi tiến lên sáu bước, mười bước, hai mươi bước. Ngọn đèn hiện không gia tăng kích cỡ mà thực tế có vẻ còn lùi xa khỏi tôi với tốc độ đúng y vận tốc của tôi.

Tôi dừng chân, quay lại nhìn cánh cửa. Tuy không đến gần được tia sáng, nhưng xem ra tôi đã đi khoảng hơn mười hai mét.

Thú vị hơn cả chuyện khoảng cách là việc giờ đây có một bóng người đứng ở cánh cửa mở toang. Không phải Gã Năm. Người được ánh sáng ngoài hành lang chiếu vào lưng chính là... tôi.

Cho dù những bí ẩn của vũ trụ không khiến tôi thất kinh hồn vía nhưng tôi không mất khả năng ngạc nhiên, sửng sốt và sợ hãi. Giờ đây, nguyên toàn bộ bản phím tâm trí tôi đang tấu bản hợp xướng gồm ba cảm giác đó.

Tin chắc rằng đây không phải cảnh tượng trong gương và rằng tôi thực sự đang nhìn chăm chăm một "tôi" khác, tuy nhiên tôi vẫn kiểm tra độ chắc chắn bằng cách vẫy tay. Tên Odd Thomas kia không vẫy lại giống kiểu một hình ảnh phản chiếu lẽ ra phải làm.

Vì tôi đứng chìm trong bóng tối tràn ngập nên nó không thấy tôi, thế là tôi cố hét thật to về phía nó. Trong cổ họng tôi cảm nhận độ rung của dây thanh âm nhưng nếu có âm thanh nào phát ra thì chắc tôi cũng không thể nghe thấy. Ngoài ra rất có khả năng nó làm ngơ trước tiếng hét ấy.

Ngập ngừng hết tôi khi này, tên Odd Thomas thứ hai này chìa bàn tay thăm dò vào thứ bóng tối sờ sờ, kinh ngạc giống tôi khi này trước ảo giác cụt tay.

Hành động xâm nhập rụt rè ấy có vẻ làm xáo trộn trạng thái cân bằng tinh vi, và căn phòng tối đen biến đổi đột ngột như trục của con quay, trong khi đó tia sáng đó ở vị trí trung tâm vẫn cố định. Chao đảo bởi những sức mạnh nằm ngoài tầm kiểm soát, nhiều như vận động viên lướt sóng có thể văng khỏi ván khi con sóng lớn đánh ập xuống, tôi bị hất ra ngoài căn phòng khác thường ấy một cách thật thần kỳ và... rơi vào phòng khách tẻ ngắt.

Tôi ngỡ mình ngã phịch xuống nhưng không phải, tôi thấy mình đứng gần ngay vị trí đã đứng khi này. Tôi cầm một quyển tiểu thuyết lãng mạn lên. Như ban này, những trang sách không phát tiếng động và tôi chỉ nghe thấy âm thanh bên trong cơ thể, chẳng hạn tiếng tim đập thình thịch.

Liếc nhìn đồng hồ đeo tay, tôi thuyết phục bản thân tin rằng đây quả thực là *khi này*. Tôi không những được chuyển đi từ căn phòng tối đen sang phòng khách một cách thần bí mà còn bị ném ngược trở về vài phút.

Vì thoáng chốc vừa rồi tôi đã nhìn thấy chính mình đứng ngoài cánh cửa ở hành lang, ngó vào bóng đêm đen kịt nên tôi cho rằng nhờ sự chiếu cố của điều dị thường nào đó trong các định luật vật lý, hai “tôi” hiện có mặt cùng lúc trong ngôi nhà này. Một tôi đứng dậy với quyển tiểu thuyết của Nora Roberts[\[15\]](#) trong tay, còn “tôi” kia ở tại căn phòng đó.

Ngay từ đầu, tôi đã cảnh báo bạn là tôi sống một cuộc đời khác lạ rồi mà.

Vô số trải nghiệm kỳ quặc vào đầu óc và trí tưởng tượng của tôi một sự linh hoạt mà một số người gọi là bệnh điên. Sự linh hoạt ấy cho phép tôi thích nghi với các sự kiện nói trên và chấp nhận thực tế du hành vượt thời gian nhanh hơn bạn. Nói thế không phải tôi chê bai bạn, xét đến chuyện *bạn* đủ sáng suốt ra khỏi ngôi nhà ngay tức khắc.

Tôi không bỏ chạy. Tôi cũng không lập tức trở lại lộ trình ban đầu đi đến phòng ngủ của Gã Năm, với đồ lót và tất vứt lung tung, nho khô Đan Mạch ăn dở nằm trên bàn cạnh giường, rồi bước sang phòng tắm.

Thay vì thế, tôi đặt quyển tiểu thuyết lãng mạn xuống và đứng im phăng phắc, thận trọng nghĩ ngợi hết những khả năng có thể xảy ra cuộc đối đầu với Odd Thomas *kia*, suy tính hợp lý hướng hành động an toàn nhất và phải lẽ nhất.

Thôi đi, chuyện này thật nhảm nhí. Tôi *lo lắng* về những khả năng có thể xảy ra thì được chứ tôi đâu *đủ* trải nghiệm kỳ quặc hay năng lực trí tuệ để hình dung hết thấy, nói chi đến chuyện tìm ra cách vện toàn nhất để né tránh tình huống quái gở.

Tôi né tránh rắc rối dở hơn đâm đầu vào nó.

Tại lối ra vào phòng khách, tôi dè dặt liếc nhìn về phía hành lang và phát hiện “tôi” kia đang đứng ở cánh cửa mở toang của căn phòng tối đen. Đây chắc hẳn là “tôi” khi nãy, lúc chưa bước qua ngưỡng cửa ấy.

Nếu lúc này tất cả âm thanh trong ngôi nhà bị thu tóm hoàn toàn, có thể tôi đã lớn tiếng gọi tên Odd Thomas kia. Tôi không dám chắc làm vậy có khôn ngoan không và tôi thật biết ơn tình cảnh ngăn tôi kêu réo.

Giả sử nói chuyện được với nó, tôi cũng chẳng biết nói gì. Chẳng lẽ hỏi, “*Ê, khỏe không?*”

Nếu tôi bước lại gần và trao cho nó một cái ôm thăm thiết, biết đâu nghịch lý về hai Odd Thomas lập tức được giải quyết. Một trong hai chúng tôi sẽ biến mất. Hoặc cũng có thể cả hai nổ tung.

Những nhà vật lý lỗi lạc cho chúng ta biết hai vật thể, trong mọi hoàn cảnh, không thể nào ở cùng một nơi vào cùng một thời điểm. Họ cảnh báo rằng tất cả nỗ lực đặt hai vật thể ở cùng một nơi vào cùng một thời điểm đều dẫn đến hậu quả thảm khốc.

Nghĩ chuyện đó mà xem, rất nhiều quy tắc vật lý cơ bản sẽ trở thành phát biểu chính thức quá ư vô lý. Bất kỳ kẻ say rượu nào cố đặt chiếc xe vào vị trí dựng cột đèn đều thành nhà vật lý có khả năng tự học.

Cứ cho là cả hai “tôi” không thể cùng tồn tại mà không xảy ra tại họa gì, chẳng lẽ cái viễn cảnh nổ tung nên tôi đứng nguyên ở lối ra vào, quan sát đến khi tên Odd Thomas kia bước qua ngưỡng cửa đi vào căn phòng đen tối.

Chắc chắn bạn nghĩ vào lúc Odd Thomas kia xuất phát, nghịch lý thời gian được giải quyết xong và cuộc khủng hoảng do những nhà khoa học dự báo thảm họa mô tả đã đến hồi kết. Thế nhưng tính lạc quan nơi con người bạn là kết quả từ thực tế bạn sống hạnh phúc trong thế giới năm giác quan. Khác với tôi, bạn không bị thúc ép hành động bởi thứ năng lực siêu linh mà bạn không hiểu và không thể kiểm soát được triệt để.

Bạn thật may mắn.

Ngay khi tên Odd Thomas kia đặt bước chân đầu tiên qua ngưỡng cửa, đi vào căn phòng không ánh sáng, tôi đến ngay cánh cửa để mở sau lưng nó. Tất nhiên tôi không thể nhìn thấy nó trong những bí ẩn của căn phòng tối đen, nhưng tôi cho rằng chẳng mấy chốc nó sẽ xoay người nhìn lại và thấy tôi, một sự kiện mà theo kinh nghiệm của tôi đã xảy ra y như thế.

Khi tôi đoán nó phát hiện ra tia sáng đỏ u ám và tiến khoảng hai mươi bước về phía đó, khi nó nhìn lại và thấy tôi đứng đây, tôi xem đồng hồ đeo tay để xác định khởi đầu cho tình huống này, chìa tay vào bóng đen tăm tối chỉ để chắc chắn rằng không cảm thấy gì khác biệt về địa

hạt lạ lòng này, và rồi tôi bước qua cửa một lần nữa.

CHƯƠNG 11

Mỗi bận tâm lớn nhất của tôi, ngoài việc bị nổ tung và trể hẹn ăn tối với Stormy là nhận ra bản thân rơi vào vòng lặp thời gian, bị đọa đày phải đuổi theo chính mình hết lần này đến lần khác qua khắp ngôi nhà của Gã Nấm và qua cánh cửa đi vào căn phòng tối đen, mãi mãi không dứt.

Tôi không chắc những thứ như vòng lặp thời gian có xảy ra thật không. Nhà vật lý bình thường có thể cười khẩy trước bận tâm của tôi và cho tôi là ngu dốt. Song đây là khủng hoảng của tôi và tôi được tha hồ suy xét thoải mái.

Yên tâm không có chuyện vòng lặp thời gian đâu: Phần còn lại trong truyện của tôi sẽ không chứa đựng việc tái diễn vô tận các sự kiện mới vừa mô tả trước đó, dù có những lý do khiến tôi ước gì được vậy.

Bớt ngập ngừng khi lần thứ hai bước vào căn phòng tối đen, tôi sải chân táo bạo hơn, nhưng vẫn có cảm giác lâng lâng khiến người nôn nao, hướng tới ngọn đèn hiệu đỏ thẫm nằm ngay giữa phòng. Ngọn đèn bí ẩn này dường như tỏa ra thứ ánh sáng gay gắt hơn lúc trước, dù nó vẫn không làm giảm sự u ám hết khi này.

Lần thứ hai tôi liếc nhìn trở lại cánh cửa để mở hướng ra hành lang nhưng cả hai lần đều không thấy chính mình. Tuy nhiên tôi cảm nhận trạng thái con quay xoáy đảo bất chợt, như lúc này, và tôi lại bị hất ra ngoài căn phòng khác thường ấy...

... Lần này tôi rơi vào buổi chiều tháng Bảy nóng bức, thấy mình bước ra khỏi bóng mát nhà để xe, đi dưới cái nắng chói chang như có cả tá kim khâu màu vàng đâm vào.

Tôi dừng lại, liếc nhìn lên trời nắng gắt rồi rút lui vào bóng mát.

Sự tĩnh lặng tuyệt đối ngự trị trong ngôi nhà không vượt ra khỏi giới hạn bốn bức tường. Xa xa, một con chó uể oải cất tiếng sủa. Một chiếc Pontiac cũ với động cơ kêu lạch cạch và dây curoa quạt kêu the thé chạy ngang qua trên đường.

Xem đồng hồ, tôi chắc chắn mình ở không quá một phút trong căn phòng tắm tối. Hình như tôi không chỉ bị ném khỏi nhà mà còn được đưa tới tương lai năm hay sáu phút.

Bên ngoài, trên mảnh sân gần như cháy sém và trong đám cỏ dại mọc lổm chổm dọc hàng rào dây xích nằm giữa nhà này với nhà kế bên, ve sầu kêu râm ran, như thể phần thể giới ngập nắng bị quấy rầy bởi vô số cuộc tuần hành ngắn hạn.

Nhiều câu hỏi dấy lên trong tâm trí tôi. Không câu nào liên quan tới lợi ích khi làm việc trong công ty lắp xe hay chiến lược tài chính mà một đầu bếp phục vụ thức ăn nhanh hai mươi tuổi có thể bắt tay vào thực hiện giỏi nhất để chuẩn bị cho lúc về hưu năm sáu mươi lăm tuổi.

Tôi tự hỏi liệu người đàn ông luôn ẩn sau nụ cười ngờ nghệch, một người không giữ nổi nhà cửa sạch sẽ ngăn nắp, người đủ mâu thuẫn đến mức chia thời gian vừa đọc tạp chí khiêu dâm vừa đọc tiểu thuyết lãng mạn, có thể nào là siêu thiên tài giấu mình, kẻ có khả năng biến đổi một căn phòng trong ngôi nhà tuềnh toàng thành cỗ máy vượt thời gian bằng các thiết bị điện tử của Radio Shack. Năm này qua năm khác, những trải nghiệm kỳ quặc đã vắt kiệt tất cả, chỉ để lại vài giọt hoài nghi trong tôi nhưng cách lý giải siêu thiên tài không thỏa đáng.

Tôi tự hỏi liệu Gã Nấm có thật sự là người không, hay là một thứ gì đó mới mẻ với xóm giềng.

Tôi tự hỏi gã đã sống ở đây bao lâu, gã giả vờ là ai và quyết tâm làm cái quái gì.

Tôi tự hỏi liệu căn phòng tối đen có thể nào không phải là cỗ máy vượt thời gian mà là một thứ thậm chí còn lạ lẫm hơn thế. Sự cố liên quan đến thời gian có thể chẳng là gì to tát hơn hiệu ứng phụ của chức năng chính yếu.

Tôi tự hỏi mình sẽ mất bao lâu đứng trong bóng mát nhà để xe xiêu vẹo, nghiền ngẫm tình hình thay vì *hành động*.

Cánh cửa giữa nhà để xe và gian bếp, lối đi đưa tôi vào nhà lúc đầu, đã tự động khóa lại sau lưng tôi khi lần thứ nhất tôi bước vào trong. Thêm lần nữa, tôi dùng tấm bằng lái cán mỏng làm bật then cài. Tôi thích thú biết rằng cuối cùng tôi cũng nhận lại được gì đó từ thuế thu nhập đóng cho nhà nước.

Tại gian bếp, vỏ chuối sạm đen tiếp tục nằm quắt queo trên thớt. Không người giúp việc vượt thời gian nào chú tâm đến đồng chén đĩa bẩn trong chậu rửa.

Mớ tạp chí khiêu dâm và mấy cuốn tiểu thuyết lãng mạn vẫn nằm bừa bãi nơi phòng khách, nhưng khi đi đến giữa chừng lối ra vào hành lang, tôi đột ngột dừng lại, sững sờ trước điều đã thay đổi.

Tôi có thể nghe thấy bình thường, tiếng chân bước lộp cộp trên tấm vải lót sàn lâu đời trong gian bếp còn cánh cửa lò xo dẫn sang phòng khách kêu cọt két tại những bản lề không tra dầu. Cơn lốc của sự tĩnh lặng không còn hút tất cả âm thanh ra khỏi ngôi nhà nữa.

Không khí lạnh băng lúc này giờ chỉ còn đôi chút, và đang ấm dần lên.

Mùi hôi thối độc nhất vô nhị như thứ không hẳn là dây điện chập mạch hòa với thứ không hẳn là amoniac cùng vụn than và hạt nhục đậu khấu tỏa bay xa hơn trước nhưng không dễ ngửi thấy.

Bản năng bình thường, hay là giác quan thứ sáu, mách bảo tôi đừng tiến đến căn phòng tối đen. Thực ra, tôi cảm thấy cần khẩn trương rút lui khỏi lối ra vào hành lang gần đó.

Tôi trở lại gian bếp và trốn sau cánh cửa lò xo, hé cửa khoảng năm phân để nhìn xem mình lẫn tránh kẻ nào, nếu có.

Chỉ vài giây sau khi tôi nấp kín, bọn ông kẹ kéo cả bầy ra khỏi hành lang, đi vào phòng khách.

CHƯƠNG 12

Bọn ông kẹ di chuyển thường gọi lên trong đầu tôi hình ảnh một bầy sói đi săn mồi. Có lúc chúng khiến tôi nhớ tới cảnh đàn mèo lượn lờ.

Tràn qua lối ra vào hành lang, đổ xô vào phòng khách, đám đông cá biệt này mang đặc tính khó ưa của loài sâu bọ. Chúng trưng ra tiến trình lục soát thận trọng nhưng mau lẹ như bầy gián.

Chúng cũng đến với số lượng như gián. Hai mươi, ba mươi, bốn mươi: chúng lúc nhúc chui vào căn phòng, lặng thinh và đen đúa như những cái bóng, nhưng khác với những cái bóng, ông kẹ thoát thân từ bất cứ thực thể nào có thể thả chúng ra.

Ông kẹ tuôn trào tới cánh cửa chính lỏng lẻo, tới những ô cửa sổ phòng khách trát vôi xấu tệ như những đợt sóng bồ hóng cuồn cuộn bay theo gió. Qua khe nứt và kẽ hở, chúng ủa vào nhà trong buổi chiều ngập nắng của Camp's End.

Chúng vẫn tràn ra khỏi hành lang: năm mươi, sáu mươi, bảy mươi và nhiều nữa. Trước giờ chưa khi nào tôi chạm trán với quá nhiều ông kẹ trong cùng một lúc như thế này.

Tuy ở vị trí đứng trong bếp, tôi không thể nhìn quanh lối ra vào phòng khách và nhìn xuống hành lang, nhưng tôi biết những kẻ xâm nhập này vào nhà từ đâu. Ông kẹ không tự nhiên trôi lên giữa mớ bụi xám ngất và đồng tất nhàu nát dưới gầm giường chưa dọn dẹp của Gã Nấm. Chúng cũng không hiện ra từ tủ quần áo lúc nhúc ông ba bị, từ vòi nước ở phòng tắm hay từ bồn cầu. Chúng tới ngôi nhà qua lối căn phòng tối đen.

Ông kẹ có vẻ háo hức muốn để lại nơi này sau lưng và khám phá thị trấn Pico Mundo cho đến khi một tên trong bọn tách khỏi đám đông chộn rộn. Nó đột ngột dừng lại ngay chính giữa phòng khách.

Trong bếp, tôi thấy không dao kéo, không hóa chất tẩy rửa, không vũ khí nào quen thuộc có thể làm bị thương con quái không thật kia. Tôi nín thở.

Tên ông kẹ đứng lom khom, đôi tay của nó, nếu đó đúng là tay, lòng thông ngang đầu gối. Đầu cúi thấp, xoay qua lại, nó kiểm tra tỉ mỉ tất tẩm để đánh hơi theo dấu con mồi.

Không kẻ khổng lồ độc ác nào thu mình trong bóng tối che khuất thân hình từ sống mũi trở xuống, mê mẩn mùi máu trẻ con lại trông ra vẻ tà tâm hơn thế.

Ở kẽ hở giữa thanh dọc và cánh cửa, con mắt trái của tôi cảm giác đau nhói. Tính tò mò đã trở thành hai hàm đầy răng cưa của cái ê-tô, kẹp cứng lấy tôi ngay cả khi tôi biết khôn bỏ chạy nước rút.

Khi những tên khác tiếp tục lật giở và xem xét tấm thảm, nữ thần báo oán tìm đến tôi từ hành động cúi xuống của chúng. Vai thẳng đờ. Đầu ngẩng lên, chậm chậm quay trái rồi quay phải.

Tôi hồi hận đã dùng dầu gội hương đào, rồi bất chợt tôi ngửi thấy mùi thịt mà luồng khói bám đầy dầu mỡ của vỉ nướng gửi lại trên da và tóc tôi. Một đầu bếp phục vụ thức ăn nhanh vừa xong việc dễ dàng lưu dấu vết cho sự tử và những thứ tệ hơn.

Tên ông kẹ đen như mực, to lớn, nhưng không có nét gì đặc biệt gọi lên hình ảnh một cái đầu không thấy được hốc mũi, lỗ tai và nếu nó có mắt thì do tôi không thể phân biệt ra. Nó đang sục sạo phòng khách, tìm nơi phát xuất mùi hương hay âm thanh đã cám dỗ sự chú ý của nó.

Sinh vật ấy tỏ ra tập trung vào cánh cửa dẫn đến bếp. Không có mắt của Samson ở Gaza[\[16\]](#) nhưng nó dò la ra tôi.

Tôi học hỏi câu chuyện của Samson ở khía cạnh nào đó, vì anh ta là ví dụ kinh điển của việc số phận đau thương và đen tối có thể xảy đến với những ai được... trời ban cho năng lực.

Đứng thẳng băng, cao hơn tôi, tên ông kẹ hiện là một hình thù bệ vệ, bất chấp bề ngoài mong manh không thật. Tư thế hiên ngang và vẻ ngạo mạn ngẩng cao đầu kia cho thấy tôi với nó chẳng khác gì chuột với báo, nó có sức mạnh đánh chết tôi trong chớp mắt.

Hơi thở dồn nén chất đầy hai lá phổi.

Mong muốn bỏ chạy gần như áp đảo nhưng tôi vẫn đứng chôn chân vì sợ nếu tên ông kẹ kia chưa chắc chắn đã nhìn thấy tôi thì chỉ một chuyển động nhỏ của cánh cửa lò xo cũng khiến nó chạy tới.

Sự trông ngóng mỗi mồn khiến mỗi giây dài như một phút và tôi ngạc nhiên khi thấy bóng ma đó cúi sụp xuống lần nữa rồi chạy nhảy đi xa cùng đàn. Mềm mỏng như dải lụa đen, nó trôi tuột vào giữa khung kính trượt với bầu cửa sổ, len ra ngoài ánh nắng mặt trời.

Tôi thở phào khó nhọc và hóp không khí trong lành, quan sát hai mươi tên ông kẹ cuối cùng tràn qua lối ra vào hành lang.

Khi những linh hồn xấu xa cuối cùng đó rời khỏi sức nóng của sa mạc Mojave, tôi quay lại

phòng khách. Thật thận trọng.

Ít nhất một trăm tên vừa đi qua căn phòng này. Rất có thể, còn thêm một nửa chừng ấy nữa.

Bất chấp mọi sự di chuyển rầm rộ, không một trang trong bất kỳ cuốn tạp chí hay tiểu thuyết lãng mạn nào bị nếp gấp. Chuyển đi của bọn ông kẹ không để lại chút dấu vết nhỏ nhất nhất trên sợi thảm.

Đứng tại một khung cửa sổ trước nhà, tôi ló mặt ra nhìn bãi cỏ tro trụi và con đường cháy nắng. Theo những gì tôi có thể xác định thì không tên nào trong đám đông vừa mới rời khỏi nơi đây còn nán lại những ngôi nhà xung quanh.

Sự giá lạnh bất thường trong ngôi nhà nhỏ này đã đi theo bọn ông kẹ. Ánh nắng ban ngày của vùng sa mạc xuyên thủng bốn bức tường mỏng manh đến khi mọi bề mặt trong phòng khách đều rực sáng như vòng dây bếp điện.

Suốt hành trình, tình trạng hỗn loạn của những cái bóng có chủ đích kia không để lại vết bẩn nào trên tường hành lang. Dấu tích mùi dây điện cháy cũng không còn.

Lần thứ ba, tôi bước đến ngưỡng cửa ấy.

Căn phòng tối đen đã biến mất.

CHƯƠNG 13

Bên kia ngưỡng cửa là một căn phòng bình thường, chẳng còn rộng lớn vô bờ như trước, diện tích chỉ khoảng ba nhân bốn mét.

Một khung cửa sổ đơn nhìn ra ngoài, xuyên qua những nhánh tràm melaleuca lòa xòa che bớt khá nhiều ánh sáng. Tuy nhiên tôi vẫn nhìn rõ để đoán chắc được rằng không có thứ gì phát ra tia sáng đỏ u ám kia, kể cả ở giữa không gian khiêm tốn này hay tại bất cứ xó xỉnh nào.

Quyền năng bí ẩn làm biến đổi và kiểm soát căn phòng, ném tôi tới lui trong chiều thời gian, đã không còn hiện diện.

Dường như nơi đây là phòng làm việc của Gã Nấm. Đồ đạc vốn vẹn chỉ có dãy tủ đựng hồ sơ loại bốn ngăn, một cái ghế và một cái bàn bằng kim loại xám ngoét trên bề mặt đất mỏng giá làm thớ gỗ.

Nằm sát cạnh nhau trên bức tường đối diện bàn viết là ba bức ảnh đen trắng to như áp phích quảng cáo xem ra được in trên máy vẽ đồ thị kỹ thuật số của dân chuyên phác thảo. Những bức ảnh chụp phần đầu, chân dung ba người đàn ông, một người có ánh mắt háo hức và nụ cười hân hoan, hai người kia quắc mắt nhìn đầy vẻ sâu thẳm.

Cả ba đều trông quen lắm nhưng thoát đầu tôi chỉ nhớ tên người nhoẻn miệng cười: Charles Manson, một kẻ xấu xa chuyên lôi kéo. Mớ ý nghĩ kỳ quặc về cách mạng và chạy đua chiến tranh của hắn phơi bày vết ung nhọt ngay giữa thể hệ những con người mang quan điểm hòa bình cho toàn nhân loại và dẫn đến sự suy tàn của thời đại Bảo Bình[17]. Hắn khắc dấu chữ thập ngược lên trán.

Bất kể hai người kia là ai thì bọn họ cũng không có diện mạo của Vegas[18] hay những triết gia nổi tiếng.

Có lẽ trí tưởng tượng của tôi cũng như ánh nắng xuyên qua những nhánh tràm melaleuca đã truyền đốm sáng bạc mờ ảo vào ánh mắt trùng trùng của cả ba người kia. Đốm sáng đó nhắc tôi nhớ đến ánh sáng trắng đục rục lên báo hiệu cái nhìn hung hăng đói khát của những tử thi biết cử động trong mấy bộ phim nói về xác chết sống dậy.

Để thay đổi phần nào độ nét của những ánh mắt ấy, tôi bật ngọn đèn phía trên đầu.

Bụi bẩn và tình trạng bừa bộn đặc trưng của ngôi nhà không hề hiện diện nơi đây. Bước qua

ngưỡng cửa này, Gã Nấm đã bỏ lại sau lưng tính lười biếng cầu thả và biến thành hình tượng mẫu mực về sự ngăn nắp.

Những cái tủ bề ngoài có vẻ dùng để chứa các tài liệu cần cất giữ kỹ lưỡng, bên trong đầy ắp bài viết cắt ra từ báo và tải từ mạng. Hết ngăn kéo này đến ngăn kéo khác đựng toàn hồ sơ về những sát thủ liên hoàn và những kẻ thảm sát hàng loạt.

Đối tượng đàn trái từ tên Jack “đồ tể”[\[19\]](#) của nước Anh thời nữ hoàng Victoria đến Osama bin Laden, kẻ được Diêm vương dành sẵn chỗ đặc biệt trong giàn hỏa thiêu. Ted Bundy[\[20\]](#), Jeffrey Dahmer[\[21\]](#). Charles Whitman: tay súng bắn tía hại chết mười sáu mạng người ở Austin, Texas năm 1966. John Wayne Gacy: thích đóng giả chú hề tại các bữa tiệc của trẻ con, chụp ảnh với Đệ nhất phu nhân Rosalyn Carter tại một sự kiện chính trị và chôn vùi vô số thi thể nạn nhân bị chặt hết chân tay trong sân sau và bên dưới ngôi nhà hắc ở.

Một xấp hồ sơ dày hơn hẳn thu thập thông tin về Ed Gein, kẻ trở thành nguồn cảm hứng cho cả nhân vật Norman Bates trong phim “Tâm thần” lẫn nhân vật Hannibal Lecter trong phim “Sự im lặng của bầy cừu”. Gein thích thú đánh chén món súp đựng trong sọ người và chế ra một sợi thắt lưng khác lạ từ núm vú các nạn nhân.

Những hiểm họa lẫn khuất trong căn phòng tối đen không hạ gục được tôi, nhưng đây lại là một tai ương rành rành hoàn toàn có thể nhận thức. Từ tủ này sang tủ khác, ngực tôi căng phồng nổi khiếp đảm và đôi tay run lẩy bẩy, đến khi tôi đóng sầm một ngăn kéo và kiên quyết không mở thêm ngăn nào nữa.

Trí nhớ được gọi lại qua những gì nhìn thấy trong chồng hồ sơ, giờ đây tôi có thể gọi tên người trong các bức ảnh to như áp phích quảng cáo đặt cạnh hình Charles Manson.

Chân dung Timothy McVeigh treo bên phải hình Manson. McVeigh bị kết án và hành hình vì tội đánh bom tòa nhà liên bang ở thành phố Oklahoma khiến một trăm sáu mươi tám người thiệt mạng vào năm 1995.

Bên trái là hình Mohammed Atta, kẻ lái chiếc máy bay dân dụng loại lớn đâm vào một trong hai tòa tháp của Trung tâm Thương mại Thế giới, làm chết hàng ngàn người. Tôi không thấy dấu hiệu nào chứng tỏ Gã Nấm tán đồng động cơ của những kẻ Hồi Giáo cực đoan ủng hộ chủ nghĩa phát xít. Cũng như với Manson và McVeigh, dường như gã ngưỡng mộ Atta ở chỗ tầm nhìn tàn bạo, hành động hung ác và thành tích của một tên khủng bố trong công cuộc phục vụ cái ác.

Căn phòng này giống điện thờ hơn là nơi làm việc.

Chứng kiến đã đủ, quá nhiều là đằng khác, tôi muốn ra khỏi ngôi nhà này. Tôi ao ước trở lại Tire World, hít thở hương thơm cao su đã sẵn sàng xuống đường và nghĩ ngợi sẽ làm gì kế tiếp.

Thay vì vậy, tôi lại ngồi phịch xuống ghế. Tôi không co rúm sợ hãi mà chỉ hơi khép nép khi

đặt tay lên thành ghế, nơi tay gã có lẽ đã tựa lên.

Trên mặt bàn gồm máy tính, máy in, cây đèn bằng đồng thau, bộ lịch ghi ngày và thứ. Đến một hạt bụi nhỏ cũng không thể nhìn thấy trên bất kỳ bề mặt nào.

Từ vị trí đang ngồi, tôi quan sát căn phòng, cố hiểu xem làm thế nào nó có thể biến thành căn phòng tối đen rồi lại chuyển đổi trở về không gian bình thường.

Không còn ngọn lửa của Thánh Elmo[22] chứa đựng năng lượng siêu nhiên nào le lói dọc theo cạnh kim loại của mấy cái tủ đựng hồ sơ. Không bộ dạng nào thuộc thể giới bên kia xuất đầu lộ diện.

Trong một lúc căn phòng biến thành... cánh đồng, ô cửa giữa thị trấn Pico Mundo và đâu đó xa xăm lạ lẫm, tôi không có ý nói đến Los Angeles hay thậm chí Bakersfield. Có lẽ trong một khoảng thời gian, ngôi nhà này trở thành ga tàu giữa thế giới chúng ta với Địa ngục, nếu có Địa ngục.

Hoặc giả sử tôi với tay tới tia sáng đỏ như máu nằm ngay giữa căn phòng tối đen một màu khi này, biết đâu tôi sẽ thấy mình ở trên một hành tinh thuộc nhánh xa xôi hẻo lánh của dải ngân hà, nơi ông kẹ cai trị. Không có vé lên tàu, tôi bị ném về phòng khách và quá khứ, sau đó bị quăng tới nhà để xe và tương lai.

Tất nhiên tôi xét luôn đến khả năng điều tôi nhìn thấy chẳng qua chỉ là ảo giác. Có lẽ tôi phát khùng như con chuột trong phòng thí nghiệm được nuôi bằng độc tố gây loạn thần kinh và bị ép xem những chương trình “thực tế” trên tivi khám phá chi tiết sinh hoạt hàng ngày của những siêu mẫu hết thời và những ngôi sao nhạc rock già nua.

Thỉnh thoảng tôi *thật sự* nghĩ chắc mình bị điên. Thế nhưng như bao nhiêu người điên có lòng tự trọng khác, lúc nào tôi cũng nhanh chóng gạt đi mọi nghi ngờ về sự minh mẫn của bản thân.

Tôi thấy không có lý do gì để đi lục soát phòng làm việc, tìm cái công tắc được giấu kín có thể một lần nữa biến nơi này thành căn phòng tối đen. Lập luận cho thấy sức mạnh ghê gớm cần có để mở ô cửa bí ẩn không phát xuất từ bên này mà phóng ra từ bên kia, bất kể bên kia là nơi nào.

Rất có thể Gã Nấm không biết chốn linh thiêng này không chỉ là kho danh mục dành cho những ý nghĩ giết người kỳ quặc của gã mà còn là sân ga đón bọn ông kẹ đến dự lễ hội máu. Không cần đến giác quan thứ sáu cũng có thể hình dung gã ngồi đây, hí hửng đọc một trong những xấp hồ sơ kinh tởm và không nhận thấy sự biến đổi đáng ngại của căn phòng hay bày thực thể quỷ quái ủa vào.

Gần bên bỗng phát ra tiếng títt títt, tiếng lách cách va chạm của xương gọt lên hình ảnh bộ xương di động trong ngày Halloween và sau đó là tiếng chạy vụt qua mau lẹ.

Tôi nhồm dậy khỏi ghế và nghe ngóng, cảnh giác.

Nhiều giây trôi qua không có tiếng tí tí. Nửa phút vắng tiếng lách cách.

Có lẽ một con chuột gây náo động trong tường hay trên gác mái, nó phát ồm và thao thức vì cái nóng.

Tôi ngồi xuống lần nữa và mở từng ngăn kéo bàn ra.

Ngoài bút chì, bút mực, kẹp giấy, dụng cụ dập ghim, kéo và mấy món bình thường khác, tôi tìm thấy hai bản kê khai gần đây của ngân hàng và một cuốn chi phiếu. Cả ba đều gửi cho Robert Thomas Robertson tại ngôi nhà ở Camp's End này.

Tạm biệt Gã Nấm; xin chào Bob.

Bob Robertson không mang vẻ tàn ác cần thiết cho cái tên của kẻ sẽ trở thành tên sát nhân hàng loạt. Nó nghe giống tên một nhân viên bán xe hơi vui tính.

Bản kê khai bốn trang từ Ngân hàng Hoa Kỳ tường trình về một tài khoản tiết kiệm, hai chứng chỉ tiền gửi thời hạn sáu tháng, một tài khoản tiền tệ, và một tài khoản của Robertson ở Ngân hàng Hoa Kỳ lên đến con số \$786.542,10.

Tôi ngó tới lui dãy số ba lần, chắc rằng mình không đọc nhầm vị trí dấu chấm và dấu thập phân.

Bản kê khai bốn trang từ Ngân hàng Wells Fargo trình bày về việc đầu tư cho thấy tổng số tiền là \$463.125,43.

Chữ viết tay của Robertson trông cầu thả nhưng gã quản lý chính xác số dư tài khoản trong cuốn chi phiếu. Tất cả khoản tiền hiện có ở đây gồm \$198.648,21.

Một gã có tài sản gần một triệu rưỡi đôla mà sống trong ngôi nhà gỗ nhỏ tồi tàn ngột ngạt ở Camp's End thì đích thực có vấn đề.

Nếu nắm trong tay chùng ấy tiền, có thể thỉnh thoảng tôi vẫn tiếp tục chế biến thức ăn nhanh, nhưng chỉ để thỏa mãn tính nghệ sĩ chứ không bao giờ vì kiếm sống. Và khi đó biết đâu sinh hoạt trong công ty kinh doanh lốp xe hoàn toàn không còn chút hấp dẫn nào với tôi nữa.

Chắc Robertson không cần nhiều thứ xa xỉ vì gã đã tìm thấy tất cả niềm vui thích cần có trong đồng vô tận những ý nghĩ kì quặc vấy máu làm hoen ố đầu óc gã.

Âm thanh phạch lách cách cuống cuống thỉnh thoảng vang lên khiến tôi nhảy dựng khỏi

ghế lần nữa, nhưng rồi một tiếng *két* chói tai và lặp lại giúp tôi nhận ra đó là bầy quạ rửa lông trên mái nhà. Chúng ra ngoài sớm vào những sáng mùa hè, trước khi cái nóng vượt quá khả năng chịu đựng, buổi trưa chúng trốn trong lùm cây um tùm và đánh bạo ra ngoài lần nữa khi ánh nắng dần tắt bắt đầu mất đi chút sức mạnh thiêu đốt.

Tôi không sợ lũ quạ.

Trong cuốn sổ chi phiếu, ngẫm lại những mục ghi chú trong ba tháng qua, nhưng chỉ thấy các khoản thông thường chi cho vật dụng, các công ty thẻ tín dụng và những thứ đại loại thế. Điều kỳ lạ duy nhất là Robertson đã viết số lượng chi phiếu đáng ngạc nhiên để *rút tiền mặt*.

Chỉ trong tháng vừa rồi, gã đã rút tất cả ba mươi hai ngàn đôla trong khoản tiền lời của hai ngàn đôla và bốn ngàn đôla. Trong hai tháng trước đó con số tổng cộng lên tới năm mươi tám ngàn đôla.

Cho dù cực kỳ ghiền ăn, gã cũng không thể nào ngốn sạch nhiều kem Burke & Bailey đến vậy.

Xét cho cùng, rõ ràng gã cũng có sở thích tốn kém. Và bất kể gã mê đắm gì đi chăng nữa thì đó là thứ gã không thể mua công khai bằng chi phiếu hay thẻ tín dụng.

Trả bản kê khai tài chính trở lại ngăn kéo, tôi bắt đầu nhận thấy mình đã ở nơi này quá lâu.

Tôi cứ nghĩ tiếng động cơ ầm ĩ của chiếc Explorer chạy vào nhà để xe sẽ báo động cho tôi biết Robertson quay về và tôi sẽ chuồn bằng cửa trước trong khi gã vào nhà theo lối cửa phụ. Song nếu vì lý do nào đó gã đậu xe ngoài đường và đi bộ vào nhà, tôi sẽ mắc kẹt ở đây trước khi phát hiện ra là gã đã về.

McVeigh, Manson và Mohammed Atta có vẻ rình rập tôi. Thật dễ hình dung những ánh mắt sắc lẹm trong các bức ảnh kia chứa đựng khả năng nhận thức thực sự và chúng đang lóe lên tia hy vọng xấu xa.

Nấn ná thêm chốc lát, tôi lật những tờ giấy trắng vuông nhỏ ghi thứ ngày trên bộ lịch để bàn lùi về trước, tìm kiếm ghi chú về cuộc hẹn hay lời nhắc nhở nào khác mà Robertson có thể đã viết trong mấy tuần gần đây. Tất cả các hàng ghi chú đều trắng trơn.

Tôi giở lại tờ lịch hiện thời, thứ Ba ngày mười bốn tháng Tám, rồi lật ra sau những ngày tiếp theo. Thiếu mất tờ lịch ngày mười lăm tháng Tám. Không có điều gì được ghi trong bộ lịch sau ngày đó giống như cái tôi đang rất muốn xem.

Đặt mọi thứ về như ban đầu, tôi rời khỏi bàn và đi đến cửa. Tôi tắt ngọn đèn trên đầu.

Ánh nắng vàng vọt, được cắt xén thành hình thù ngọn lửa nhờ đám lá tràm melaleuca hình

lưỡi kiếm chen ngang, tạo nên đám cháy giả trên tấm màn mỏng, không soi rọi cho căn phòng được là bao, những cái bóng bạo gan dường như tụ tập quanh chân dung ba tên sát nhân dày đặc hơn hẳn mấy chỗ khác.

Một ý nghĩ nảy ra trong tôi, điều này xảy ra thường xuyên hơn mức một số người vẫn nghĩ, và chắc chắn thường xuyên hơn mức tôi muốn, và rồi tôi bật đèn sáng trở lại, đi đến dãy tủ đựng hồ sơ. Tại ngăn kéo có chữ R, tôi kiểm tra xem trong chồng hồ sơ về bọn sát nhân và mất trí, Gã Năm có lưu tài liệu nào về chính gã không.

Tôi tìm thấy một tài liệu. Ngoài nhãn ghi: ROBERTSON, ROBERT THOMAS.

Thật tiện biết bao nếu tập tài liệu này chứa đựng bài báo liên quan đến những vụ án mạng chưa phá cũng như các vật dụng mang tính cáo buộc cao dính líu đến những cuộc tàn sát đó. Tôi có thể học thuộc tài liệu, để nó lại chỗ cũ và trình báo phát hiện của mình cho cảnh sát trưởng Wyatt Porter.

Với thông tin đó, cảnh sát trưởng có thể tìm ra cách giăng bẫy Robertson. Chúng tôi có thể tổng nổi khiếp đảm đó vào sau chấn song trước khi gã có cơ hội phạm phải bất kỳ tội ác nào gã đang suy tính.

Thế nhưng tập tài liệu chỉ chứa vồn vẹn một thứ: tờ bị thiếu trong bộ lịch để bàn. Tờ lịch thứ Tư ngày mười lăm tháng Tám.

Robertson không viết gì trên mấy hàng ghi chú. Hình như theo ý gã, bản thân này đã đầy ý nghĩa, đủ để tính là mục đầu tiên trong tập tài liệu.

Tôi xem đồng hồ đeo tay. Sáu tiếng bốn phút nữa, ngày mười bốn và mười lăm tháng Tám sẽ gặp nhau tại một mốc nửa đêm.

Và sau đó chuyện gì sẽ xảy ra? Một chuyện gì đó. Một chuyện... không hề tốt đẹp.

Quay trở lại phòng khách, trở lại với mớ đồ đạc bám bấn, với bụi bặm và tình trạng sách báo bừa bãi, tôi bị bất ngờ một lần nữa trước sự tương phản mạnh mẽ giữa phòng làm việc sạch sẽ ngăn nắp với phần còn lại của ngôi nhà.

Ngoài đây, đôi lúc vùi đầu vào đồng tạp chí khiêu dâm, có lúc mê mải với những quyển tiểu thuyết lãng mạn, trong sáng đến mức vợ mục sư cũng có thể đọc, rõ ràng không hề nhớ tới mấy cái vỏ chuối bị bỏ quên, cốc cà phê rỗng không và tất bần lâu ngày chưa giặt, Robertson có vẻ sống thờ ơ, phiêu bạt. Đây là gã đàn ông ngây ngô, nhân thân mập mờ.

Trái lại, tên Robertson dành thời gian trong phòng làm việc, tạo ra và cất kỹ hàng trăm tập tài liệu kia, lướt web tìm thông tin về những tay sát thủ liên hoàn và những kẻ thảm sát hàng loạt, lại biết chính xác gã là ai, hay chí ít cũng biết gã mong ước trở thành ai.

CHƯƠNG 14

Giữa gian bếp với nhà để xe, song tôi không lập tức quay lại chỗ chiếc Mustang mượn của cô Terri Stambaugh. Thay vào đó tôi vòng ra sau ngôi nhà để quan sát kỹ khoảng sân sau.

Bãi cỏ trước nhà mới khô héo một nửa nhưng cỏ ở sân sau này đã chết từ đời nào. Mảnh đất bị nung nóng chưa nhận được một giọt nước từ sau trận mưa cuối cùng vào cuối tháng Hai, cách đây năm tháng rưỡi.

Nếu một gã có thói quen chôn xác nạn nhân trong sân sau, chặt hết tay chân hoặc để nguyên, bắt chước John Wayne Gacy gã sẽ giữ cho đất dễ đào xới. Lớp đất cát này sẽ nứt nẻ dấu lười cuốc và phù hộ cho kẻ đào huyệt nửa đêm tìm thấy búa khoan.

Dây xích thừa rào quanh chỗ không hề mọc lên dây leo hay thảm thực vật nào, khoảng sân sau không mang đến sự kín đáo cho một tên giết người ôm trong tay tử thi phiến hà. Nếu láng giềng là những kẻ có sở thích ghê tởm, bọn họ có thể khui một lon bia, khiêng ghế ra ngoài bãi cỏ ngồi xem vụ chôn xác để tiêu khiển.

Giả sử Robertson đích thị là tay sát thủ liên hoàn thay vì chỉ là gã muốn trở thành như thế thì gã trồng vườn nơi khác. Thế nhưng tôi ngờ rằng tập tài liệu gã tạo ra cho chính mình đã hoàn tất kể từ hôm nay và thành tích đầu tiên sẽ diễn ra vào ngày mai.

Đang quan sát từ rìa mái ngói một con quạ há to cái mỏ màu cam và kêu la inh ỏi, như thể nó nghi ngờ tôi đến lấy trộm mấy con bọ giòn rụm và mớ thức ăn ít ỏi mà nó sống nhờ vào đó trên địa hạt khô cằn này.

Tôi nhớ đến con quạ khủng khiếp của Poe[\[23\]](#), đậu trên cửa phòng, lặp đi lặp lại mỗi cụm từ nghe đến phát bực *không bao giờ ăn nữa, không bao giờ nữa*.

Đứng đây ngược nhìn, tôi không nhận thấy con quạ chính là điềm báo, hay thực ra, văn thơ trứ danh của Poe sẽ là chìa khóa tiết lộ ý nghĩa. Giá như tôi hiểu được rằng con quạ rít the thé kia chính là con quạ tìm đến tôi thì tôi đã hành động khác đi nhiều trong những giờ phút tiếp theo; và thị trấn Pico Mundo sẽ vẫn là nơi chứa đựng đầy hi vọng.

Không hiểu tầm quan trọng của con quạ, tôi quay về chỗ chiếc Mustang, tại đó tôi thấy Elvis đang ngồi nơi ghế hành khách. Ông mang giày đế mềm buộc dây, mặc quần kaki và áo sơ mi kiểu Hawaii.

Tất cả những hồn ma khác tôi quen biết đều bị hạn chế về mặt trang phục, họ chỉ có mỗi bộ quần áo đã mặc khi lìa cõi trần.

Chẳng hạn như thầy Callaway dạy tôi môn tiếng Anh thời học phổ thông, thầy qua đời trên đường đến dự tiệc hóa trang, ăn mặc như con sư tử nhất gan trong phim *Phù thủy xứ Oz*. Vì thầy là người khá tao nhã tự trọng và đĩnh đạc nên tôi thấy thật đáng buồn khi nhiều tháng sau đó, tôi bắt gặp thầy loanh quanh trong thị trấn với bộ đồ nhung rẻ tiền, lớp lông ủ rũ, cái đuôi phía sau lê lết trên mặt đất. Tôi rất nhẹ nhõm khi cuối cùng thầy rời bỏ thế giới này và đi tiếp.

Khi đã chết cũng như lúc còn sống, Elvis Presley đặt ra nguyên tắc riêng cho mình. Ông có thể yêu cầu bất kỳ trang phục nào lúc mặc lên sân khấu hay trong phim, cũng như bộ đồ mặc khi không biểu diễn. Quần áo của ông thay đổi theo mỗi lần hiện hình.

Tôi đọc báo thấy rằng sau khi nốc cả đồng thuốc ngủ và thuốc giảm đau, Elvis chết trong bộ đồ lót hay có lẽ là đồ ngủ. Cũng có người nói ông được tìm thấy trong áo choàng tắm, nhưng có người lại nói không phải. Chưa bao giờ ông xuất hiện trước tôi trong trang phục bình thường đến thế.

Chắc chắn, ông qua đời trong phòng tắm ở Graceland[\[24\]](#), chưa cạo râu và up mặt xuống vũng nôn mửa. Điều đó nằm trong báo cáo của nhân viên điều tra những cái chết bất thường.

May thay, ông luôn chào đón tôi với gương mặt nhẵn nhụi và không có bộ râu dính đầy thức ăn nôn mửa.

Lần này, khi tôi ngồi vào sau vô lăng và đóng cửa xe lại, ông mỉm cười gật đầu. Nụ cười của ông u buồn thất thường.

Elvis chìa tay vỗ nhẹ lên cánh tay tôi, rõ ràng muốn thể hiện sự cảm thông, nếu không phải là thương hại. Chuyện này khiến tôi bối rối và hơi lo âu, vì tôi chưa bao giờ phải chịu đựng việc gì đáng để nhận thái độ xót thương ấy.

Trong hậu quả của ngày mười lăm tháng Tám, tôi vẫn không thể nói lúc này đây Elvis biết bao nhiêu về những sự kiện khủng khiếp sắp xảy ra. Tôi ngờ rằng ông đã tiên đoán được tất cả.

Giống những hồn ma khác, Elvis không nói chuyện. Ông cũng không hát.

Thỉnh thoảng ông nhảy múa nếu giai điệu nhịp nhàng. Ông có một vài bước nhảy tuyệt vời nhưng không giống diễn viên Gene Kelly.

Tôi nổ máy xe và bật một bản nhạc lựa chọn ngẫu nhiên trong ổ đĩa. Cô Terri chất đầy ổ sáu đĩa nhạc tuyển tập các bài hay nhất của thần tượng.

Khi ca khúc “Suspicious Minds” vang lên, Elvis có vẻ vui thích. Ông gõ nhịp đầu ngón tay lên

bằng đồng hồ theo giai điệu bài hát trong lúc tôi lái xe khỏi Camp's End.

Lúc đến nhà cảnh sát trưởng Wyatt Porter nằm ở khu vực lân cận với điều kiện khá hơn, chúng tôi đang nghe bài "Mama Liked the Roses" trong album nhạc Giáng sinh của Elvis và ông vua nhạc Rock 'n' Roll không cầm được nước mắt.

Tôi không thích nhìn ông như lúc này. Ngôi sao nhạc rock sôi động, người thể hiện ca khúc "Blue Suede Shoes" nở nụ cười vênh váo và thậm chí nhếch môi vắn đờ hơn mang bộ mặt đầm đìa nước mắt.

Bà Karla Porter, vợ cảnh sát trưởng Wyatt, ra mở cửa. Yếu điệu, duyên dáng với đôi mắt xanh như lá sen, lúc nào nơi bà cũng toát lên vẻ bình yên và lạc quan trầm lắng, trái ngược với khuôn mặt âu sầu và cặp mắt buồn rầu của người chồng.

Tôi nghĩ bà Karla chính là lý do khiến công việc chưa bào mòn ông Wyatt trở nên suy sụp hoàn toàn. Mỗi chúng ta cũng cần có nguồn động viên trong đời, một động lực để hy vọng, và bà Karla chính là động lực của ông Wyatt.

"Odd," bà cất giọng, "bác rất vui được gặp con. Vào đi, vào đi con. Bác Wyatt ngoài sau đó, đang chuẩn bị sẵn sàng để phá hỏng vài miếng thịt bò cực ngon trên vỉ nướng. Hai bác mời vài người đến ăn tối, có rất nhiều thức ăn nên bác hy vọng con sẽ ở lại."

Trong lúc bà dẫn tôi ra sau, không hề biết Elvis đang đệm nhạc cho chúng tôi bài "Heartbreak Hotel", tôi đáp, "Cảm ơn bác, bác tốt quá, nhưng con có hẹn rồi. Con chỉ ghé qua nói chút chuyện với bác trai thôi."

"Gặp con ông ấy vui lắm đấy," bà quả quyết. "Lúc nào cũng vậy mà."

Ra đến sân sau, bà giao tôi cho ông Wyatt. Ông đang đeo tạp dề in dòng chữ MÓN NƯỚNG VÀ CHIÊN XÀO SẼ NGON HƠN KHI DÙNG KÈM BIA.

"Odd," cảnh sát trưởng Porter lên tiếng, "bác hy vọng con không đến đây để hủy hoại bữa tối của bác."

"Con không có ý định đó."

Ông đang canh chừng hai vỉ nướng, một vỉ rau củ và bắp đặt trên lò ga còn một vỉ thịt bò trên bếp than.

Mặt trời vẫn còn nằm trên đường chân trời hơn hai tiếng nữa. Một ngày nắng sa mạc được tích lũy đầy trong mảnh sân rải bê tông và những luồng hơi nóng bốc lên từ hai vỉ nướng lẽ ra sẽ khiến ông ấy phải tuôn ra lượng nước muối đủ để tái tạo vùng biển đã mất từ lâu của thị trấn Pico Mundo. Vậy mà ông ấy vẫn khô rang như ngôi sao đóng quảng cáo sản phẩm khử mùi

ngăn mồ hôi.

Nhiều năm qua, tôi nhìn thấy cảnh sát trưởng Porter đổ mồ hôi vón vện có hai lần. Lần đầu, khi một gã cực kỳ gian ác đang nhắm cây xiên vào đáy quần ông từ khoảng cách chỉ nửa thước, và lần thứ hai còn ghê gớm hơn nhiều.

Xem xét mấy tô khoai tây trộn, bánh bắp và rau trộn trái cây tươi trên bàn ăn ngoài trời, Elvis có vẻ mất hứng thú khi nhận thấy không có món bánh mì chiên béo ngậy kẹp chuối và bơ đậu phộng. Ông ấy thờ thần bỏ ra hồ bơi.

Sau khi tôi từ chối một chai Corona, cảnh sát trưởng và tôi ngồi xuống ghế. Ông hỏi, “Con lại đang giao cảm với hồn người chết phải không?”

“Dạ lúc có lúc không suốt ngày bác à. Nhưng việc này không liên quan quá nhiều đến người đã chết hay người sắp chết.”

Tôi kể ông nghe chuyện Gã Nấm ở quán ăn và chuyện sau đó ở khu mua sắm Green Moon.

“Bác có thấy hẩn ở Quán Vĩ nướng,” cảnh sát trưởng nói, “nhưng hẩn không gây cho bác ấn tượng hẩn là tên khả nghi, mà là... người bất hạnh.”

“Dạ phải, nhưng bác đâu có lợi thế nhìn thấy được đám đông những kẻ hâm mộ hẩn.” Tôi diễn tả quy mô náo loạn của bầu tùy tùng ông kẻ hộ tống Gã Nấm.

Khi thuật lại chi tiết chuyến viếng thăm ngôi nhà nhỏ ở Camp’s End, tôi bịa ra một cách khá lố bịch rằng cánh cửa phụ đã mở sẵn và rằng tôi vào trong do cảm tưởng có người sắp gặp rắc rối. Như vậy sẽ tránh cho cảnh sát trưởng rơi vào tình cảnh đồng mưu sau khi tôi đã phạm tội cạy cửa và đột nhập.

“Bác không phải nghệ sĩ thăng bằng trên dây,” ông nhắc tôi.

“Dạ đúng vậy.”

“Nhiều lúc con bắt bác cứ phải đi trên một sợi dây mỏng manh nguy hiểm.”

“Con cực kỳ khâm phục tài giữ thăng bằng của bác.”

“Con à, nghe như chuyện nhảm nhí.”

“Trong đó có chỗ nhảm nhí nhưng phần lớn là sự thật.”

Kể về những điều phát hiện ra trong ngôi nhà, tôi làm lơ không đề cập đến căn phòng tối đen và đám đông đi du lịch. Một người biết cảm thông và cởi mở như ông Wyatt Porter

cũng sẽ trở nên hoài nghi nếu bạn tổng cho ông chi tiết quá ư kỳ quái.

Khi tôi kể xong ông lên tiếng. “Cái gì khiến cho con chú ý vậy?”

“Dạ sao bác?”

“Con cứ nhìn ra phía hồ bơi.”

“Đó là Elvis,” tôi giải thích. “Ông ấy đang cư xử lạ lắm.”

“Elvis Presley ở đây ư? Ngay lúc này sao? Trong nhà bác hả?”

“Ông ấy đang đi tới đi lui trên mặt nước và khoa tay múa chân.”

“Khoa tay múa chân ư?”

“Không phải kiểu bất lịch sự đâu bác, và cũng không phải nhằm về phía chúng ta. Trông như ông ấy đang tranh cãi với chính mình. Đôi lúc con lo cho ông ấy.”

Bà Karla trở lại, lần này dẫn theo hai vị khách đầu tiên đến dùng bữa tối.

Bern Eckles, khoảng trên hai mươi tuổi, vừa được bổ sung về Sở Cảnh sát thị trấn Pico Mundo. Anh ta có mặt trong lực lượng mới hai tháng nay.

Lysette Rains, chuyên về đắp móng giả, đảm nhận chức phó quản lý tại tiệm làm đẹp phát đạt của bà Karla nằm trên đường Olive, cách Quán Vỉ nướng tôi làm việc một góc phố và hai tòa nhà.

Hai người này chưa phải một cặp, nhưng tôi thấy cảnh sát trưởng và bà Karla đang tiến hành mai mối.

Vì chưa và sẽ không bao giờ biết về giác quan thứ sáu của tôi nên viên cảnh sát Eckles không tài nào đoán được tôi thế nào, và anh ta chưa biết liệu có ưa tôi hay không. Anh ta chẳng hiểu tại sao lúc nào cảnh sát trưởng cũng dành thời gian cho tôi, kể cả khi bận rộn nhất.

Sau khi mời những vị khách mới đến dùng nước, cảnh sát trưởng bảo Eckles vào phòng làm việc của ông vài phút. “Tôi sẽ lấy trên máy vi tính thông tin ở Sở Giao thông còn cậu gọi vài cú điện thoại giùm tôi. Chúng ta cần tìm ra tiểu sử sơ lược của một tên kỳ quặc đến từ Camp’s End.”

Trên đường vào nhà cùng cảnh sát trưởng, Bern Eckles quay đầu nhìn tôi những hai lần, cau mày. Chắc anh ta tưởng trong lúc vắng mặt anh ta, tôi sẽ cố kiếm cơ hội với Lysette Rains.

Khi bà Karla trở vào bếp làm nốt món tráng miệng, Lysette ngồi xuống cái ghế mà cảnh sát trưởng ngồi khi nãy. Con bé dùng cả hai tay cầm ly coca có pha thêm rượu vodka hương cam, nhấp từng chút một liếm môi sau mỗi lần uống.

“Mùi vị ra sao?” tôi muốn biết.

“Như nước tẩy rửa pha đường. Nhưng thỉnh thoảng mình mất sức và caffeine giúp ích được.”

Con bé mặc quần lửng màu vàng và áo kiểu diềm xếp nếp màu vàng. Trông nó như cái bánh nướng vàng ươm phủ lớp đường ngon lành.

“Mẹ cậu dạo này thế nào, Odd?”

“Vẫn sắc sỡ.”

“Mình cũng mong thế. Còn bố cậu?”

“Bố sắp giàu nhanh rồi.”

“Lần này làm gì?”

“Bán đất trên mặt trăng.”

“Là sao?”

“Cậu chi mười lăm đô la là có được chứng từ cho một mét vuông đất trên mặt trăng.”

“Bố cậu đâu có sở hữu mặt trăng,” Lysette nói với giọng điệu phản đối rụt rè nhất.

Con bé là người dễ thương và không thích làm méch lòng ai, ngay cả khi người đó có dấu hiệu lừa dối trắng trợn.

“Ừ, bố mình không sở hữu,” tôi đồng tình. “Nhưng bố nhận thấy cũng không một ai sở hữu nó, thế nên bố gửi thư cho Liên Hiệp Quốc yêu cầu đòi lấy nó. Hôm sau bố mình bắt đầu rao bán đất trên mặt trăng. Nghe nói cậu làm phó quản lý của tiệm.”

“Hoàn toàn chịu trách nhiệm thôi. Nhất là vì mình cũng chuyển chuyên môn.”

“Cậu không làm móng nữa à?”

“Còn làm chứ. Nhưng hồi đó chỉ là nhân viên làm móng còn bây giờ mình là *nghệ nhân* làm móng đã được chứng nhận.”

“Chúc mừng nhé. Đó thật sự là chuyện lớn đấy.”

Nụ cười hãnh diện bên lên của con bé khiến tôi cảm mến. “Việc đó đối với một số người chẳng có gì to tát, nhưng với mình là cả một câu chuyện ly kỳ.”

Elvis từ hồ bơi trở vào và ngồi xuống ghế đối diện chúng tôi. Ông lại khóc lóc. Qua làn nước mắt, ông mỉm cười với Lysette hay với khe ngực của con bé. Khi chết rồi, ông ấy vẫn mê phụ nữ.

“Cậu và Bronwen vẫn là một đôi chứ?” Lysette hỏi.

“Mãi mãi. Tụi mình có vết bớt xứng với nhau mà.”

“Mình quên mất chuyện đó.”

“Nàng thích được gọi là Stormy hơn.”

“Ai lại không thích vậy?” Lysette nói.

“Còn cậu và sĩ quan Eckles thì sao?”

“Ồ, bọn mình mới gặp nhau thôi. Anh ấy có vẻ tử tế.”

“Tử tế,” tôi nhăn mặt. “Một gã tồi đã bỏ rơi cậu phải không?”

“Ừ phải, cách đây hai năm. Gần đây mình nghĩ tử tế là đủ rồi. Cậu biết sao không?”

“Ngoài kia có quá nhiều điều tệ hại hơn tử tế.”

“Đúng vậy,” con bé tán đồng. “Mất một thời gian, mình đã nhận ra thế giới này mới hiu quạnh làm sao, và khi thấy thế... thì tương lai thật đáng sợ.”

Vốn trong trạng thái nhạy cảm, Elvis vỡ òa ra trước lời nhận xét của Lysette. Hai tuổi lệ tuôn trào trên má và ông ấy vùi mặt vào đôi tay.

Lysette và tôi tán ngẫu một lúc, Elvis thốn thức không gây ra tiếng động nào và cuối cùng thêm bốn vị khách nữa xuất hiện.

Bà Karla đang đi vòng quanh với khay bánh phô mai, thứ mang đến trọng lượng mới cho cụm từ “món khai vị” thì cảnh sát trưởng cùng Eckles trở vào. Ông kéo tôi sang bên và đi với tôi ra phía xa ngoài hồ bơi, nhờ vậy chúng tôi có thể nói chuyện riêng.

Ông lên tiếng, “Robertson chuyển đến thị trấn cách đây năm tháng. Đã trả tiền đầy đủ cho

ngôi nhà ở Camp's End, không cầm cố gì hết.”

“Gã lấy đâu ra tiền?”

“Thừa kế. Bonnie Chan nói hắn từ San Diego chuyển đến đây sau khi mẹ hắn qua đời. Hắn vẫn sống với mẹ mình khi đã ba mươi bốn tuổi.”

Bonnie Chan, một chuyên viên địa ốc nổi tiếng về những chiếc mũ sặc sỡ ở thị trấn Pico Mundo, rõ ràng là người đã bán ngôi nhà cho Robertson.

“Theo những gì bác biết lúc này...” cảnh sát trưởng nói, “... hắn có hồ sơ sạch sẽ. Thậm chí chưa bao giờ bị phạt vì chạy xe quá tốc độ.”

“Bác có thể tìm hiểu xem mẹ gã chết ra sao.”

“Bác đã chuyển đi vài câu hỏi về chuyện đó. Nhưng lúc này đây bác không có bất kỳ có gì vin vào để bắt hắn được.”

“Toàn bộ mớ tài liệu về tất cả bọn sát nhân đó.”

“Bác có cách hợp pháp để biết được hắn giữ mấy thứ ấy nhưng đó chẳng qua chỉ là sở thích bệnh hoạn hay có thể là sổ sách nghiên cứu. Việc đấy đâu có gì bất hợp pháp.”

“Nhưng khả nghi lắm.”

Cảnh sát trưởng nhún vai. “Nếu chỉ tỏ ra khả nghi thôi thì tất cả chúng ta vào tù hết rồi. Con là người đầu tiên đó.”

“Nhưng bác sẽ canh chừng hắn chứ?” tôi hỏi.

“Vì con không bao giờ nhầm lẫn, bác sẽ bố trí người ngoài đó tối nay, cho người bám đuôi tên Robertson ấy.”

“Con ước gì bác có thể làm hơn thế,” tôi nói.

“Con à, đây là nước Mỹ. Một số người sẽ nói việc cố ngăn chặn người tâm thần thể hiện tiềm năng của họ là trái với hiến pháp.”

Thỉnh thoảng cảnh sát trưởng chọc tôi phì cười bằng kiểu câu nói giễu cợt trong ngành. Lần này không nằm trong số những dịp như thế.

Tôi lên tiếng, “Chuyện thật sự tệ lắm bác. Gã này, khi hình dung khuôn mặt hắn trong đầu... con sờn gai ốc khắp sống lưng luôn đó.”

“Các bác sẽ theo dõi hẳn, con à. Không thể làm gì hơn được. Không thể chỉ đến Camp’s End và bắn hẳn.” Cảnh sát trưởng trao cho tôi ánh mắt nhìn đặc biệt và nói thêm. “Cả con cũng không được làm vậy.”

“Con sợ súng ống mà,” tôi quả quyết

Cảnh sát trưởng nhìn mông lung về phía hồ bơi và hỏi, “Ông ấy còn đi trên mặt nước không?”

“Dạ không. Ông ấy đang đứng cạnh Lysette, nhìn xuống cái áo của con bé và khóc.”

“Cái đó không có gì để khóc hết,” cảnh sát trưởng nói và nháy mắt.

“Chuyện khóc lóc chẳng liên quan gì đến Lysette. Chẳng qua hôm nay ông ấy có tâm trạng thất thường.”

“Sao vậy? Elvis chưa bao giờ khiến bác nghĩ ông là người hay than khóc.”

“Người ta thay đổi khi đã chết. Sự việc lâm li bi đát mà. Nhiều lúc ông ấy thích vậy nhưng con không muốn biết rõ điều gì gây nên nỗi phiền muộn. Ông ấy không cố giải thích với con.”

Rõ ràng cảnh sát trưởng bị mất tinh thần trước hình ảnh Presley bù lu bù loa. “Bác có thể giúp gì cho ông ấy không?”

“Bác đúng là hay quan tâm đến người khác nhưng con thấy không thể làm gì thật sự giúp ích được đâu. Từ những điều quan sát trong mấy lần trước, con đoán chuyện này là... ông ấy nhớ bà Gladys, mẹ ông ấy, và muốn ở bên cạnh bà.”

“Theo bác nhớ, ông ấy vô cùng yêu quý mẹ mình, đúng không?”

“Ông ấy tôn thờ mẹ,” tôi đáp.

“Bà mẹ cũng qua đời rồi phải không?”

“Dạ, qua đời trước ông ấy rất lâu.”

“Vậy họ lại được bên nhau rồi đúng không?”

“Vẫn không được chừng nào ông ấy chưa chịu rời bỏ thế giới này. Bà mẹ đã sang bên ánh sáng của thượng đế còn ông ấy kẹt lại đây.”

“Sao ông ấy không chịu đi?”

“Đôi lúc có những chuyện quan trọng chưa làm xong ở đây.”

“Giống như cô bé Penny Kallisto sáng nay, dẫn con đến chỗ thằng Harlo Landerson.”

“Dạ đúng ạ. Và có khi chỉ vì họ yêu thế giới này quá nhiều đến mức không muốn rời bỏ.”

Cảnh sát trưởng gật gù. “Thế giới này chắc chắn là tốt đẹp với ông ấy rồi.”

“Nếu còn gì chưa làm xong ông ấy đã có hơn hai mươi sáu năm để lo chuyện đó rồi,” tôi lưu ý.

Cảnh sát trưởng liếc về phía Lysette Rains, cố nhìn ra dấu hiệu nào đó dù nhỏ nhất của linh hồn kề cận bên con bé, một luồng ngoại chất một không gian méo mó mơ hồ, một vùng sáng thần bí. “Ông ấy đã làm nên thứ âm nhạc tuyệt vời.”

“Dạ đúng thế.”

“Con hãy nói với Elvis rằng ông ấy luôn được hoan nghênh ở đây nhé.”

“Dạ. Bác thật tốt bụng.”

“Con không ở lại dùng bữa tối à?”

“Cảm ơn bác nhưng con có hẹn rồi.”

“Bác chắc chắn con hẹn với Stormy.”

“Dạ phải. Định mệnh của đời con.”

“Con thật khéo nói Odd ạ. Con bé hẳn rất thích nghe con nói như vậy - ‘định mệnh của đời con’.”

“*Con* rất thích nghe mình nói vậy.”

Cảnh sát trưởng choàng tay qua vai tôi và đưa tôi ra cánh cửa ở phía bắc ngôi nhà. “Điều tuyệt nhất có thể đến với người đàn ông là một phụ nữ tốt.”

“Stormy hơn cả mức tốt.”

“Bác mừng cho con, con trai à.” Ông đẩy chốt và mở cửa cho tôi. “Đừng bận tâm về gã Bob Robertson. Bác sẽ bám sát gót hắn nhưng hắn không ngờ bị chúng ta theo dõi đâu. Hắn mà thử làm gì sai trái là chúng ta đã bao vây rồi.”

“Con vẫn lo bác à. Gã này cực kỳ xấu xa.”

Khi tôi đến chỗ chiếc Mustang, Elvis đã ngồi sẵn trên ghế hành khách.

Hồn người chết không cần đi bộ hay đi nhờ xe đến nơi họ muốn đến. Khi họ chọn cách tản bộ hoặc vi vu trên phố là họ đang thôi thúc bởi nỗi luyến tiếc quá khứ.

Từ bữa tiệc cạnh hồ bơi ra đến xe Mustang, ông ấy đổi trang phục khác với bộ phim *Blue Hawaii*. Hiện giờ ông ấy mặc quần đen, áo khoác thể thao bằng vải tuyết sang trọng, sơ mi trắng cà vạt đen và khăn tay bỏ túi màu đen, một bộ cánh (sau này cô Terri Stambaugh nói cho tôi biết) trong phim *It happened at the world fair*[\[25\]](#).

Trong lúc lái xe rời nhà gia đình Porter, chúng tôi nghe “Stuck on You”, một giai điệu dễ đi vào lòng người như các bài trước đây ông vua này đã thu âm.

Elvis vỗ nhịp lên đầu gối và lắc lư cái đầu nhưng nước mắt vẫn không ngừng tuôn rơi.

CHƯƠNG 15

Tại khu phố Pico Mundo, khi chúng tôi đang chạy ngang nhà thờ, Elvis ra hiệu muốn tôi ngừng lại.

Xe dừng, ông giơ tay phải về phía tôi. Cái nắm tay của ông cũng thật và ấm như của Penny Kallisto.

Thay vì bắt tay tôi, ông nắm chặt bằng cả đôi tay mình. Tôi nghĩ ông ấy chỉ muốn cảm ơn nhưng cử chỉ của ông dường như còn hơn thế.

Elvis xem ra đang lo lắng cho tôi. Ông nhẹ nhàng siết tay tôi, nhìn xoáy vào tôi với vẻ quan tâm hiện rõ mồn một, và rồi siết tay tôi lần nữa.

“Ồn mà,” tôi lên tiếng dù chẳng biết liệu đó có phải là lời đáp thỏa đáng về mặt nào đó hay không.

Ông ấy ra khỏi xe mà không cần mở cửa, chỉ từ từ xuyên người qua, rồi bước lên mấy bậc tam cấp của nhà thờ. Tôi nhìn theo đến khi ông đi qua cánh cửa gỗ sồi nặng trĩu và khuất dạng.

Cuộc hẹn ăn tối với Stormy đến tám giờ mới diễn ra, thế nên tôi phải làm gì đó để giết thời gian.

Bà ngoại Sugars thường nói *Phải bận rộn suốt, cho dù chơi bài, đánh nhau hay đua xe, vì việc ăn không ngồi rồi sẽ lôi con vào rắc rối tệ hại.*

Cho dù không có lời khuyên của bà, tôi cũng không thể đến chỗ hẹn và ngồi đợi Stormy. Chẳng có điều gì khác choán hết đầu óc thì tôi lại canh cánh chuyện gã Bob Robertson và những tập tài liệu quỷ quái của gã.

Chạy chậm chậm khỏi nhà thờ, tôi gọi điện cho P. Oswald Boone, anh chàng nặng bốn trăm pao và có bàn tay trái sáu ngón.

Ozzie “bé” nhắc máy ngay hồi chuông thứ hai. “Odd, con bò đẹp đẽ của anh bị nổ tung rồi.”

“Nổ tung ư?”

“Bùm,” Ozzie “bé” nói, “phút trước mọi thứ vẫn ổn, phút sau con bò tuyệt vời đã bị văng thành trăm mảnh.”

“Chuyện xảy ra khi nào? Em có nghe nói gì đâu.”

“Chính xác là cách đây hai tiếng hai mươi sáu phút. Cảnh sát đã đến và đi rồi, anh tin ngay cả họ, với kinh nghiệm đầy mình về những hành vi phạm tội tàn bạo, cũng bị sốc trước chuyện này.”

“Em mới gặp cảnh sát trưởng Porter và bác ấy không đề cập gì đến chuyện đó.”

“Sau khi rời khỏi đây, mấy ông cảnh sát dứt khoát cần phải đi uống một hai ly rượu nặng đô trước khi ngồi viết báo cáo.”

“Anh sao rồi?” tôi hỏi.

“Anh không quẫn trí, vì đó là phản ứng công kích thái quá về mặt đạo đức, nhưng anh *đang* buồn.”

“Em biết anh yêu quý con bò đó lắm.”

“Anh yêu quý con bò đó,” anh xác nhận.

“Em đang nghĩ đến việc ghé thăm nhưng có lẽ đây không phải lúc thích hợp nhất.”

“Đây là lúc lý tưởng nhất đó, Odd thân mến. Không gì tệ hơn là cô đơn vào lúc chiều tối trong cái ngày con bò bị nổ tung.”

“Em sẽ có mặt ở đó trong vài phút nữa,” tôi hứa.

Ozzie “bé” sống ở Jack Flats, nơi cách đây năm mươi năm được gọi là Jack Rabbit Flats, khu vực phía tây và nằm bên dưới một vùng đất lịch sử. Tôi không biết lũ thỏ đã đi đâu.

Khi vùng đất đẹp như tranh nằm trong khu kinh doanh sinh lời bắt đầu trở thành điểm thu hút du khách vào cuối những năm 1940, nó được tiêm chích thêm hàng loạt điều kỳ thú để gia tăng sức hấp dẫn. Những tiệm kinh doanh ít ỏi ảnh nhất như hiệu bán khăn choàng, cửa hàng lốp xe, nơi bày bán súng, đều bị tổng xuống Flats.

Rồi cách đây hai mươi năm, các trung tâm thương mại mới nguy nga tráng lệ mọc lên dọc theo đường Green Moon và xa lộ Joshua Tree. Chúng rút cạn khách hàng ra khỏi những cửa hàng bình dân ở Flats.

Dần dà trong suốt mười lăm năm qua, Jack Flats trở mình. Những tòa nhà công nghiệp và thương mại cũ kỹ được san bằng, thay vào đó là những căn nhà hiện đại và những căn hộ quy mô hơn.

Người đầu tiên đến định cư khi chẳng mấy ai nhìn thấy được tương lai nơi này, Ozzie “bé” mua mảnh đất một mẫu^[26], chỗ của một nhà hàng đã dẹp tiệm từ lâu. Tại đây, anh xây nên ngôi nhà mơ ước của mình.

Ngôi nhà hai tầng theo phong cách thợ thủ công có thang máy, những ô cửa rộng và sàn được gia cố bằng thép. Ozzie xây nó vừa để phù hợp với tầm vóc của anh vừa để tránh hình phạt có thể phải chịu nếu cuối cùng anh trở thành một trong những người mà dịch vụ tang lễ phải dùng đến cần trục và xe tải sàn phẳng như Stormy vẫn sợ.

Khi đỗ xe trước ngôi nhà giờ đây không còn con bò, tôi bị sốc hơn mức tưởng tượng bởi cảnh tàn sát.

Đứng dưới một tán cây nguyệt quế Ấn Độ trải bóng dài trong ánh nắng chiều tà, tôi bàng hoàng nhìn chằm chằm cái xác khổng lồ. Tất cả mọi thứ trên trái đất này cuối cùng sẽ mất cả thôi, nhưng sự ra đi đột ngột và vội vã của con bò dù sao cũng khiến lòng tôi nao nao.

Bốn chân, mấy phần của cái đầu bị nổ tung và những mảnh thân vương vãi khắp bãi cỏ trước nhà, bụi cây và lối đi. Đặc biệt rùng rợn, cái vú bị văng ra đã đáp xuống một cây cột trên hàng rào và đầu vú chìa thẳng lên trời.

Con bò thuộc giống Holstein đen trắng, to cỡ mẫu xe SUV, trước đây gắn trên đỉnh hai cây cột thép cao sáu mét, không cây cột nào bị hư hại trong vụ nổ. Thứ duy nhất còn lại trên cao ấy là cái móng con bò, nó đứng đưa đôi vị trí đến khi hướng ra đường như thể đang nhìn ngắm người qua lại.

Bên dưới tấm hình con bò giống Holstein bằng nhựa từng treo tấm biển quảng cáo cho nhà hàng đặc sản thịt bò lúc trước nằm trên mảnh đất này. Khi xây nhà, Ozzie “bé” không giữ lại tấm biển, chỉ giữ miếng nhựa khổng lồ hình con bò.

Đối với Ozzie, con bò không chỉ là vật dụng trang trí bãi cỏ lớn nhất trên thế giới. Nó là nghệ thuật.

Trong số rất nhiều sách anh đã viết có bốn quyển nói về nghệ thuật, thế nên anh buộc phải biết mình đang nói về cái gì. Thực ra, vì anh là cư dân nổi tiếng nhất thị trấn Pico Mundo (dù sao vẫn còn sống) và có lẽ được kính trọng nhất, và vì anh xây nhà ở Flats trong lúc tất cả những người khác đều cho rằng khu này vẫn sẽ lụi tàn mãi mãi nên chỉ Ozzie “bé” mới có thể thuyết phục thành công Sở Xây dựng thành phố để giữ lại con bò làm công trình điêu khắc.

Khi khu Flats mở rộng quy mô hơn, một vài người hàng xóm của anh, không phải hầu hết, chỉ là phần thiểu số hay to mồm nhất, phản đối con bò khổng lồ vì lý do mỹ quan. Có lẽ một

trong số họ đã dùng đến bạo lực.

Tôi len lỏi qua những mảnh vụn đầy răng cưa của bức hình con bò, leo lên bậc tam cấp ngoài hiên trước, chưa kịp bấm chuông thì Ozzie đã mở cánh cửa rộng, thở hỗn hển bên kia ngưỡng cửa và đón chào tôi. “Chuyện này chẳng phải đáng khinh sao Odd, một thằng ngốc mất dạy nào đó đã làm? Hắn ta an ủi bằng cách nhắc nhở bản thân rằng ‘nghệ thuật là dài lâu còn những kẻ chỉ trích là sâu bọ của thời đại’.”

“Shakespeare hả?” tôi hỏi.

“Không. Randall Jarrell. Một thi sĩ xuất chúng nhưng bị lãng quên vì những trường đại học thời nay chẳng dạy gì ngoài sự tự mãn.”

“Em sẽ dọn dẹp giùm anh.”

“Không được!” Ozzie la lên. “Phải để bọn họ thấy đồng đồ nát một tuần, một tháng, những ‘kẻ luồn cúi độc địa thích huyết gió’.”

“Shakespeare hả?”

“Không, không. W.B. Daniel, viết về những tên khoái chỉ trích. Cuối cùng cũng sẽ nhặt hết mấy mảnh vụn nhưng cái móng của con bò xinh đẹp kia vẫn sẽ nằm trên đó, câu trả lời của anh dành cho những kẻ thất học mang bom.”

“Vậy là có bom à?”

“Một trái bom rất nhỏ, gắn trên công trình điêu khắc cả đêm với thiết bị hẹn giờ cho phép những ‘kẻ luồn cúi nuôi dưỡng từ ngữ tục tĩu và lời nói chua cay’ ở xa hiện trường khi vụ nổ xảy ra. Đó cũng không phải Shakespeare. Voltaire viết về những tên khoái chỉ trích.”

“Này, em hơi lo cho anh đó,” tôi nói.

“Hơi đâu mà bận tâm chứ. Mấy tên hèn nhát kia chỉ đủ gan lén đến gần con bò nhựa vào nửa đêm thôi chứ chúng không dám đương đầu với một người mập mạp có bắp tay chắc nịch như anh đâu.”

“Em không nói về bọn chúng. Em nhắc đến huyết áp của anh đó.”

Vẫy một cánh tay kinh khủng của mình một cách thô bạo, Ozzie “bé” nói, “Nếu em mang dáng người như anh, máu em chứa đầy những phân tử cholesterol to bằng thực quỳ thu nhỏ thì em sẽ hiểu sự sỉ nhục chính đáng nhỏ nhất đôi khi là thứ duy nhất giúp huyết mạch của em không bị tắc nghẽn hoàn toàn. Sự sỉ nhục chính đáng và rượu vang đỏ thượng hạng. Vào đây, vào đây. Anh sẽ khai một chai và chúng ta nâng cốc uống mừng cuộc phá hoại của bọn khoái

chỉ trích kia, ‘cuộc tranh đua thảm hại của bầy cá sấu đói khát’.”

“Shakespeare hả?” tôi hỏi.

“Vì Chúa Odd à, Bard vùng Avon[\[27\]](#) có phải nhà văn duy nhất từng đặt bút viết lên giấy đâu.”

“Nhưng nếu em bám riết mỗi tên ông ta...” tôi đáp và theo Ozzie vào nhà, “... sớm muộn gì em cũng đúng được một câu.”

“Có phải nhờ mảnh lời thảm hại đó mà em lết qua hết bậc phổ thông không?”

“Đúng thế.”

Ozzie bảo tôi cứ tự nhiên ngồi ngoài phòng khách trong lúc anh đi tìm chai rượu Robert Mondavi Cabernet Sauvignon, và thế là tôi ở một mình với Terrible Chester.

Con mèo này không mập mà nó to lớn và bạo gan. Có lần tôi thấy nó chỉ cần tỏ thái độ đã xua được con chó bec giê giống Đức hung hăng lảng xa ra.

Tôi nghĩ ngay đến một con Pitbull[\[28\]](#), dờ chừng và đang muốn đánh nhau cũng sẽ bỏ đi như con chó bec giê kia để tìm kiếm con mồi dễ xơi hơn. Giống hệt lũ cá sấu.

Terrible Chester có màu lông như trái bí ngô chín đỏ pha vài đốm đen. Nhìn những mảng đen cam trên mặt nó, có thể bạn sẽ nghĩ nó là bạn bè thân thiết quý quai của nhóm nhạc rock Kiss[\[29\]](#) lâu đời.

Nằm trên bậu cửa sổ rộng, nhìn chằm chằm ra ngoài sân trước, nó giả vờ cả phút như không hề biết có người đến.

Chuyện phốt lò ấy tốt cho tôi. Đôi giày tôi mang chưa bao giờ bị tè bậy lên và tôi hy vọng giữ được chúng ở tình trạng đó.

Cuối cùng nó quay đầu lại, chăm chú nhìn tôi theo kiểu đánh giá, vẻ coi thường tràn trề đến mức tôi tưởng như nghe thấy thái độ đó rơi bắn xuống sàn phát ra âm thanh văng tung tóe. Sau đó con mèo một lần nữa chuyển hướng sự chú ý sang cửa sổ.

Khung cảnh tấm hình con bò giống Holstein bị nổ tung dường như thôi miên và đưa nó vào trạng thái u sầu, suy tư. Có lẽ nó đã dùng hết tám mạng sống và cảm nhận sự ớn lạnh chết chóc.

Đồ đạc trong phòng khách nhà Ozzie được đặt làm riêng, kích thích quá khổ và mang đến sự thoải mái. Tấm thảm Ba Tư với tông màu đá quý sậm, vật dụng gỗ gụ Honduras và kệ sách này chồng lên kệ sách khác tạo nên không khí ấm cúng.

Bất chấp mối nguy xảy đến cho đôi giày, tôi nhanh chóng thư giãn và thấy cảm giác hiểm

hỏa tận số đang treo lơ lửng giảm đi hơn bất cứ lúc nào từ khi phát hiện ra Penny Kallisto đang đứng chờ dưới cuối những bậc tam cấp tại căn hộ của tôi vào sớm tinh mơ.

Mới được nửa phút, Terrible Chester lại khiến tôi bực mình bởi tiếng rít giận dữ đầy đe dọa của nó. Tất cả bọn mèo đều có tài này, dĩ nhiên, nhưng Chester sánh được với cả lũ rắn chuông và rắn hổ mang về mức độ dữ dội và khiếp đảm trong tiếng rít.

Có gì đó bên ngoài khiến nó khó chịu đến mức nhổm đứng dậy trên bậu cửa sổ, cong lưng và xù lông dựng đứng cả lên.

Dù rõ ràng tôi không phải nguyên nhân khiến nó kích động nhưng tôi cũng trượt ra khỏi ghế bành, chuẩn bị bỏ đi.

Chester lại rít lên, sau đó cào tấm kính. Tiếng *ken két* của móng vuốt trên cửa sổ khiến tôi run rẩy tận sâu trong xương sống.

Bất chợt tôi tự hỏi có phải kẻ hủy hoại con bò đã quay lại vào ban ngày ban mặt để hạ luôn hình cái móng còn ngoan cố nằm trên kia không.

Khi Chester quơ quào tấm kính lần nữa, tôi bắt đầu bước đi. Tôi nhẹ nhàng thận trọng tiến về phía cửa sổ, không phải do sợ một quả bom có thể bay ập vào mà vì không muốn con mèo đang bực tức kia hiểu sai động cơ của tôi.

Bên ngoài, tại hàng rào, mặt hướng về phía ngôi nhà là Gã Nấm, Bob Robertson.

CHƯƠNG 16

Việc đầu tiên tôi làm theo bản năng là thụp người né khỏi cửa sổ. Song nếu Gã Nấm bám theo tôi ngay từ đầu thì chắc hẳn vì lý do nào đó gã đã nghi ngờ chuyện lúc này tôi có mặt trong ngôi nhà của gã ở Camp's End. Hành động lén lút sẽ càng chứng thực cho điều sai trái của tôi.

Tôi vẫn ở gần cửa sổ nhưng thật lấy làm biết ơn khi Terrible Chester đứng giữa tôi và Robertson. Tôi cũng hài lòng nhận thấy vẻ ghét cay ghét đắng lộ rõ của con mèo dành cho gã này, dù ở khoảng cách xa như vậy, đã củng cố sự ngờ vực của tôi về gã.

Cho đến giờ phút này, tôi không bao giờ nghĩ rằng Terrible Chester và tôi sẽ cùng tán đồng về bất cứ chuyện gì hay có bất kỳ điểm chung nào khác ngoài lòng yêu mến dành cho Ozzie “bé”.

Lần đầu tiên tôi thấy Robertson không mỉm cười, không mang vẻ mơ mộng, mà gã khác hẳn. Đứng trong cái nắng mà sức nặng của một ngày đã biến ánh sáng trắng chói lóa thành màu vàng mật ong, phía sau lưng có những hình thù và bóng râm của hàng nguyệt quế làm phong nền, trông gã dữ tợn như bức ảnh khổng lồ của Timothy McVeigh treo trên tường trong phòng làm việc.

Từ phía sau, Ozzie lên tiếng, “Ôi Chúa ơi, chẳng lẽ người ta phải cho kẻ thù vào miệng để cướp đi sự minh mẫn của mình sao.”

Quay lại, tôi thấy anh cầm cái khay gồm hai ly rượu và một đĩa nhỏ đựng phô mai viên, bao quanh là bánh quy trắng mỏng.

Cất tiếng cảm ơn, tôi cầm lấy một ly rượu và liếc nhìn ra ngoài.

Bob Robertson không còn ở chỗ cũ nữa.

Đánh liều chấp nhận nguy cơ gây hiểu lầm nguy hiểm với Terrible Chester, tôi bước gần hơn đến cửa sổ, nhìn trái phải dọc theo con đường.

“Sao thế?” Ozzie nôn nóng hỏi.

Robertson đã đi, nhanh như có ý định cấp bách.

Đã hoảng sợ khi nhìn thấy người đàn ông lạ mặt này ở hàng rào, tôi còn lo lắng hơn nhiều khi để mất tăm hơi của gã. Nếu gã muốn theo tôi, tôi sẽ chịu để gã bám đuôi vì như thế tôi sẽ biết được gã ở đâu và khi biết rồi sẽ dễ ngơi nghỉ hơn.

“Ôi Chúa ơi, chẳng lẽ người ta phải cho kẻ thù vào miệng để cướp đi sự minh mẫn của mình sao,” Ozzie lặp lại.

Quay người từ cửa sổ vào, tôi thấy anh đã đặt khay xuống và đang đứng cầm ly rượu giơ lên như thể nâng cốc chúc mừng.

Cố lấy lại bình tĩnh, tôi cất tiếng, “Một vài ngày khó khăn đến mức nếu không để rượu cướp đi sự minh mẫn thì sao chúng ta ngủ được?”

“Này, anh đâu bảo em thảo luận về câu nói đó, chỉ xác định nguồn gốc của nó thôi.”

Vẫn chưa hoàn hồn bởi gã Robertson nên tôi nói, “Hả?”

Hơi điên tiết, Ozzie la lên, “*Shakespeare!* Anh cố tình nói câu này vào để đảm bảo em vượt qua trót lọt, thế mà vẫn hỏng bét. Đây là lời Cassio đã nói trong hồi hai, cảnh ba của vở *Othello*.”

“Em... bị xao lãng.”

Ra dẫu về phía cửa sổ, nơi Chester không còn tỏ ra kích động và một lần nữa thả lỏng lớp lông dày trên bậu cửa sổ rộng, Ozzie nói, “Cảnh tượng phá hoại do bọn thiếu văn hóa bỏ lại mang vẻ đẹp thật tàn nhẫn, đúng không? Nó nhắc nhở ta rằng lớp vỏ bề ngoài của nền văn minh mới mỏng manh làm sao.”

“Xin lỗi đã khiến anh thất vọng, anh à, nhưng suy nghĩ của em không sâu sắc đến thế đâu. Chỉ là... em nghĩ đã thấy một người em có biết đi ngang qua đây.”

Nâng ly rượu trong bàn tay năm ngón, Ozzie cất lời, “Chửi cha mắng mẹ tất cả lũ vô lại!”

“Chửi cha mắng mẹ, hơi nặng lời đó.”

“Đừng làm mất vui chứ em, uống đi!”

Vừa uống tôi vừa liếc nhìn ra cửa sổ lần nữa. Sau đó tôi quay lại ghế bành đã ngồi trước khi con mèo rít lên một cách đáng sợ.

Ozzie cũng ngồi xuống nhưng cái ghế của anh kêu lên ầm ĩ hơn ghế tôi nhiều.

Tôi nhìn quanh sách vở, bản sao tuyệt đẹp của mấy cây đèn Tiffany^[30] nhưng căn phòng không tạo ra tác động xoa dịu như thường lệ. Tôi như nghe thấy đồng hồ đeo tay của mình đang đếm từng giây, hướng đến nửa đêm và ngày mười lăm tháng Tám.

“Em hay đem quà cáp đến đây,” Ozzie lên tiếng, “và vì hôm nay không thấy món quà nào nên anh cho rằng em đang gặp phải rắc rối phiền muộn gì đó.”

Tôi kể anh nghe tất cả về gã Bob Robertson. Tuy giấu chuyện căn phòng tối đen với cảnh sát trưởng Porter nhưng tôi kể luôn cho Ozzie vì anh có óc tưởng tượng đủ lớn để nhét hết mọi thứ.

Ngoài các tác phẩm thực tế, anh đã sáng tác hai bộ tiểu thuyết thần bí rất thành công.

Bộ đầu tiên, như bạn có thể đoán được, nói về một thám tử mập ú tài nghệ vô song, vừa phá án vừa đưa ra những nhận xét dí dỏm. Anh ta nhờ cô vợ xinh đẹp và rất khỏe mạnh (người hết lòng yêu anh) đảm nhận tất cả các công việc điều tra cần đi lại và thực hiện toàn bộ những hành động mạo hiểm.

Ozzie nói rằng các quyền đó dựa trên những ý tưởng mới lớn ướm đấm kích thích tố choán ngợp tâm trí anh trong suốt quãng đời niên thiếu. Và vẫn ám ảnh chưa dứt.

Bộ thứ hai liên quan đến một nữ thám tử, cô vẫn là người nữ anh hùng đáng mến bất kể vô số căn bệnh thần kinh và chứng cuồng ăn. Nhân vật này tượng hình trong bữa tối kéo dài năm giờ đồng hồ mà suốt khoảng thời gian đó, Ozzie và biên tập viên của anh đụng tới muống nĩa ít hơn cầm đến ly rượu.

Đặt nghi ngờ trước sự quả quyết của Ozzie rằng nhân vật thám tử trong truyện cũng có thể có *bất kỳ* vấn đề hay thói quen cá nhân nào, dù không mấy dễ ưa, và vẫn có thể làm say mê công chúng miễn là tác giả biết khéo léo biến nhân vật trở nên đáng mến, biên tập viên trả lời, “Không ai có thể tạo ra lượng lớn độc giả muốn đọc truyện về một thám tử cứ thọc tay vào họng và cho nôn hết ra sau mỗi bữa ăn.”

Tiểu thuyết đầu tiên viết về nhân vật thám tử như trên đã giành được giải Edgar, giải thưởng dành cho thể loại thần bí tương đương tượng Oscar. Tập thứ mười mới xuất bản gần đây của bộ sách bán được số lượng nhiều hơn hẳn chín quyển trước.

Bằng giọng long trọng không thể che giấu niềm vui sướng tinh tấu, Ozzie nói chưa quyển tiểu thuyết nào trong lịch sử văn học mô tả quá nhiều lần nôn mửa lại chiếm được tình cảm của đông đảo độc giả đến thế.

Thành công của Ozzie hoàn toàn không hề khiến tôi ngạc nhiên chút nào. Anh yêu mến mọi người và *lắng nghe* họ, đồng thời tình yêu thương nhân loại ngời sáng trong những trang sách của anh.

Khi tôi kể xong chuyện gã Robertson, căn phòng tối đen và những dãy tủ đựng hồ sơ đầy nghẹt các vụ giết người điên loạn, anh nói, “Odd, anh ước gì em có một khẩu súng.”

“Em sợ súng mà,” tôi nhắc anh.

“Anh sợ cuộc đời em đó. Anh chắc bác Wyatt Porter sẽ chịu cấp phép cho em mang theo vũ khí giấu trong người.”

“Vậy em phải mặc áo khoác thể thao.”

“Em có thể đổi sang áo sơ mi kiểu Hawaii, để súng trong bao nhỏ đeo sau lưng.”

Tôi nhăn mặt, “Áo sơ mi kiểu Hawaii không hợp với em.”

“Ừ, phải rồi,” Ozzie nói bằng giọng mỉa mai không che giấu, “áo phong quần jeans của em đúng là cách thể hiện thời trang độc đáo thật.”

“Có lúc em mặc quần kaki.”

“Độ sâu tử quần áo của em làm đầu óc người ta choáng ngợp. Đến Ralph Lauren còn phải bật khóc.”

Tôi nhún vai, “Em là em.”

“Nếu anh mua một vũ khí thích hợp cho em và đích thân hướng dẫn em sử dụng...”

“Cảm ơn vì sự lo lắng của anh nhưng chắc chắn em sẽ bắn vào cả hai chân mình và điều kế tiếp em được biết là anh viết một bộ truyện về tay thám tử tư bị què cả đôi chân.”

“Cái đó có rồi.” Anh hớp ngụm rượu. “Cái nào cũng có hết rồi. Việc cho ra đời thứ mới toanh như nhân vật thám tử nôn mưa chỉ đến duy nhất một lần thôi.”

“Vẫn còn bệnh tiêu chảy kinh niên đó.”

Ozzie nhăn nhó, “Anh e rằng em không có sở trường để trở thành tiểu thuyết gia viết truyện thần bí nổi tiếng. Gần đây em đã viết cái gì?”

“Cái này cái kia.”

“Anh cho rằng ‘cái này’ ám chỉ danh sách vật dụng cần mua còn ‘cái kia’ chỉ những bức thư tán tỉnh dành cho Stormy Llewellyn, em còn viết cái gì khác nữa không?”

“Chẳng còn gì khác hết,” tôi thú nhận.

Khi tôi mười sáu tuổi, P. Oswald Boone, khi đó mới nặng ba trăm năm mươi pao, đồng ý làm giám khảo cuộc thi viết văn tại trường tôi, ngôi trường chính anh đã tốt nghiệp cách đó vài năm. Giáo viên tiếng Anh của tôi yêu cầu học sinh nào cũng phải gửi bài dự thi.

Vì bà ngoại Sugars mới vừa qua đời và vì tôi đang nhớ bà nên tôi đã viết một bài về bà. Chẳng may, bài đó đoạt giải nhất, khiến tôi nổi tiếng chút ít trong trường, dù rằng tôi thích chìm hơn.

Nhờ những ký ức về bà, tôi nhận được ba trăm đôla với một tấm bằng. Tôi bỏ tiền ra mua một dàn nhạc không đắt nhưng nghe khá hay.

Tấm bằng và dàn nhạc sau đó bị đập vỡ thành trăm mảnh bởi một con yêu quái nổi cơn tam bành.

Kết quả duy nhất còn lại lâu dài từ cuộc thi viết văn đó là tình bạn của tôi với Ozzie “bé”, điều tôi rất trân trọng dù trong suốt năm năm anh cứ liên tục thúc ép tôi viết, viết và viết. Anh nói tài năng là một món quà và theo lương tâm, tôi có nghĩa vụ phải tận dụng nó.

“Hai món quà là quá nhiều,” tôi đang nói với anh. “Nếu em phải đối phó với hồn người chết rồi còn phải viết ra gì đó đáng giá thì em một là phát điên hoàn toàn, hai là sẽ tự bắn vào đầu mình bằng khẩu súng anh muốn cho em.”

Hết kiên nhẫn với lý sự của tôi, anh nói, “Viết lách không phải khởi nguồn của đau khổ. Đó là chất trị liệu cho tinh thần. Nó khiến những khối u tâm lý bớt sưng tấy và *xoa dịu* nỗi đau.”

Tôi không nghi ngờ điều đó có đúng với anh không hay anh có đau đến mức cả đời phải cần chất trị liệu cho tinh thần không.

Tuy Ozzie “lớn” vẫn còn sống nhưng Ozzie “bé” chỉ gặp bố mỗi năm một hai lần. Mỗi lần gặp xong, anh cần hai tuần để lấy lại sự cân bằng cảm xúc và tinh thần vui vẻ đặc trưng.

Mẹ anh cũng còn sống. Ozzie “bé” không nhắc đến bà đã hai mươi năm.

Ozzie “lớn” hiện chỉ nhẹ hơn con trai chừng năm mươi pao, do đó đa số mọi người đều cho rằng Ozzie “bé” thừa hưởng tình trạng béo phì từ bố.

Song Ozzie “bé” không chịu xem mình là nạn nhân của sự di truyền. Anh nói bản chất anh là người yếu lòng nên mới có thân hình đồ sộ vậy.

Nhiều năm qua, đôi lúc anh nói bóng gió và tôi thường suy ra rằng chuyện bố mẹ làm tan nát một phần trái tim anh đã dẫn đến sự mềm yếu ghê gớm này. Thế nhưng anh chưa bao giờ kể về tuổi thơ gian khó và không hề nói ra điều anh đã phải cam chịu. Anh chỉ viết tiểu thuyết thần bí, hết quyển này đến quyển khác...

Anh không nhắc đến người thân bằng giọng cay đắng. Thay vào đó, hầu như anh không hề nói đến họ và tránh xa họ hết mức có thể. Anh viết sách về nghệ thuật, âm nhạc, ẩm thực, rượu vang, hết cuốn này đến cuốn khác...

“Viết lách,” tôi nói, “không thể xoa dịu nỗi đau của em nhiều bằng hình ảnh của Stormy... hay bằng hương vị kem dừa anh đào sôcôla miếng, vấn đề là chỗ đó.”

“Anh không có Stormy nào trong đời,” anh đáp, “nhưng anh có thể hiểu chuyện kem.” Ozzie uống cạn ly rượu. “Em tính thế nào với gã Bob Robertson này?”

Tôi nhún vai.

Ozzie thúc ép tôi, “Em phải làm gì đó chứ, gã biết em vào nhà gã hồi chiều và bám theo em khắp nơi rồi.”

“Tất cả những gì em có thể làm là thận trọng. Và chờ lúc cảnh sát trưởng Porter tìm ra điều gì đó về gã. Dù sao thì cũng có thể không phải gã bám theo em. Chắc gã nghe chuyện con bò nổ tung của anh và đi ngang xem đồng tàn tích thôi.”

“Odd, anh sẽ thất vọng không gì tả xiết nếu chưa tận dụng tài năng viết lách của em vào mục đích hữu ích nào mà ngày mai em đã chết nghèo.”

“Nghĩ xem *em* thấy sao.”

“Anh ước gì em mau khôn ra, kiếm một khẩu súng và viết một cuốn sách chứ anh không mong bất kỳ mạng sống của ai phải ra đi vì gã. ‘Bước chân ngày tháng trong những năm tuổi trẻ mới nhanh làm sao’.”

Quy kết cho trích dẫn, tôi nói, “Mark Twain.”

“Tuyệt vời! Có lẽ xét cho cùng em không phải thằng khờ non nớt ngu dốt cứng đầu.”

“Lúc trước anh đã nói câu này rồi,” tôi thú thật, “thế nên em mới biết.”

“Ít ra em cũng còn nhớ! Anh tin điều đó, cho dù vô tình, em đã bộc lộ lòng khao khát muốn từ bỏ vĩ nươg và trở thành người của văn chương.”

“Điều em mong trước nhất là chuyển sang lĩnh vực lớp xe.”

Ozzie thở dài, “Đôi lúc em đúng là người thích cực khổ.” Anh lấy một ngón tay gõ vào ly rượu rỗng không. “Lẽ ra anh phải đem theo cả chai.”

“Cứ ngồi đi. Em lấy cho,” tôi lên tiếng vì tôi có thể xuống bếp mang chai rượu Cabernet lên trong khoảng thời gian mà đối với Ozzie chỉ đủ để nhắc mình ra khỏi ghế bành.

Dãy hành lang rộng hơn ba mét dùng làm nơi trưng bày nghệ thuật, hai bên là những căn phòng chất đầy cũng là tác phẩm nghệ thuật.

Cuối hành lang là gian bếp. Trên quầy bếp lát đá granit đen có một cái chai đã tháo nút để rượu được thở.

Mấy phòng ngoài có gắn máy điều hòa tạo cảm giác dễ chịu còn gian bếp lại nóng đến kinh ngạc. Bước vào, trong chốc lát tôi cứ tưởng cả bốn bếp lò đều đang nướng thức ăn.

Và rồi tôi thấy cửa sau để mở. Chiều tối ở vùng sa mạc, vẫn nóng bức dưới ánh mặt trời mùa hè ngoan cố, đã hút hết không khí mát mẻ trong bếp.

Khi bước ra đóng cửa, tôi thấy Bob Robertson ở sân sau, tái nhợt và giống cây nấm như bộ dạng trước nay.

CHƯƠNG 17

Robertson đứng hướng mặt về phía ngôi nhà như thể chờ tôi nhìn thấy gã. Sau đó gã quay lưng bỏ đi ra phía sau mảnh đất. Mất một lúc lâu, tôi cứ đứng do dự tại ô cửa, không biết nên làm gì.

Tôi cho rằng có thể một người hàng xóm của gã nhận ra tôi và báo cho gã biết tôi đã rình mò khắp nơi trong lúc gã vắng mặt. Nhưng sự chóng vánh trong việc gã tìm thấy và bắt đầu bám theo tôi thật khiến người ta hoảng vía.

Cảm giác tê cứng tan biến khi tôi chợt nhận thấy mình đã gây họa cho Ozzie, dẫn kẻ tâm thần này đến nhà anh. Tôi rời bếp, băng qua hàng hiên, bước xuống bậc tam cấp đi ra sân, giẫm lên cỏ và theo sau Robertson.

Ngôi nhà của Ozzie nằm phía trước mảnh đất một mẫu và phần lớn đất đai dành chỗ cho mớ cỏ cây che chắn anh khỏi hàng xóm láng giềng. Nửa mẫu đất phía sau, cây cối dày đặc hơn cả phía trước và mọc rậm rạp đến mức đủ tiêu chuẩn trở thành khu rừng nhỏ.

Vào bãi trồng nguyệt quế, kim giao, hạt tiêu hồng, Robertson sai bước và mắt hút khỏi tầm mắt.

Mặt trời nấn ná phía tây xuyên qua hàng cây, nơi nó có thể tìm thấy các kẽ hở nhỏ hẹp, nhưng phần lớn những tầng cây đã ngăn cản ánh nắng thành công. Mát mẻ hơn bãi cỏ bị nắng thiêu đốt, những bóng râm rợp mùi cây cỏ tuy thế vẫn nóng bức và chúng đẩy tôi vào vòng kim kẹp.

Không đỡ hơn gì mấy bóng râm ngọt ngào giả tạo kia, rất nhiều thân cây gây cản trở tầm nhìn. Con mồi của tôi tận dụng rất tốt những thứ đó.

Nhanh chóng và thận trọng, tôi len lỏi khắp khu rừng, từ hướng bắc xuống hướng nam rồi từ hướng nam lên hướng bắc, lúc đầu im lặng sau đó gọi to, “Ông Robertson,” nhưng gã không đáp lại.

Ánh mặt trời ít ỏi lọt vào ngăn chặn hơn là hỗ trợ cuộc tìm kiếm. Chúng tỏa sáng chút ít nhưng chỉ đủ ngăn không cho mắt tôi thích nghi với bóng tối.

Tôi mất rất nhiều thời gian mới tới cánh cửa ở hàng rào phía sau. Tôi thấy cửa khép kín những chốt loại này sẽ tự động cài lại khi cửa đóng sầm sau lưng gã.

Cánh cửa mở ra lối đi lát gạch rất đẹp, bên hông là hàng rào và ga-ra, che bóng mát đó đây là những cây cọ và cây tiêu rủ xuống tha thướt. Tôi nhìn cả hai hướng cũng không thấy Bob Robertson hay bất kỳ ai khác đang đi bộ.

Quay về qua lối khi rừng nhỏ, tôi nửa muốn nửa không muốn gã xông vào tôi. Vậy ra gã chưa đi mà chờ tóm gọn tôi lúc tôi lơ là. Nếu Robertson đang trốn trong đám rừng kia, chắc hẳn gã nhận ra tôi vẫn cảnh giác cao độ, vì gã không mạo hiểm tấn công.

Ra tới hiên sau, tôi dừng bước, quay người lại và xem xét kỹ khu rừng nhỏ. Chim chóc bay khỏi nhánh cây, không phải như bị xua đuổi mà chỉ như tung cánh lần cuối trước khi mặt trời lặn.

Vào bếp, tôi đóng cửa lại. Tôi khóa chốt và cài sọt xích.

Tôi đưa mắt qua ô kính cửa sổ ngắm soi. Khu rừng yên ắng và tĩnh lặng.

Khi tôi trở vào phòng khách với chai Cabernet, phân nửa phô mai biến mất khỏi đĩa bánh, còn Ozzie “bé” vẫn ngồi lọt thỏm trong cái ghế rộng, có lần anh nói ngồi đây anh thấy thoải mái như vua cốc ngồi trên ngai vàng. “Odd thân mến, anh tưởng em bước vào tủ quần áo đi qua vùng đất Narnia rồi đó chứ.”

Tôi kể anh nghe về gã Robertson.

“Ý em muốn nói,” anh lên tiếng, “Gã đã ở đây, trong nhà anh sao?”

“Dạ, em nghĩ vậy,” tôi vừa nói vừa rót rượu cho anh.

“Làm gì?”

“Chắc đứng trong hành lang, ngay ngoài mái hiên, lắng nghe chúng ta nói chuyện.”

“Thật quá trơ trẽn.”

Đặt cái chai lên khay cạnh ly rượu của anh, khó nhọc kiềm chế nỗi sợ tê người khiến đôi tay run rẩy, tôi nói, “Em cũng trơ trẽn đâu kém khi lén vào nhà gã lục lọi ngăn kéo.”

“Anh cho rằng không phải vậy, khi mà em ở bên phe thần thánh còn gã khốn kia giống như con gián bạch tạng khổng lồ trốn khỏi địa ngục.”

Terrible Chester đã rời vị trí bậu cửa sổ sang ghế của tôi. Nó ngược đầu như thách tôi giành

lại chỗ. Đôi mắt màu xanh của nó rục lên như đôi mắt con quỳ nhỏ có mưu đồ.

“Nếu anh là em,” Ozzie cất lời khuyên, “anh sẽ ngồi chỗ khác.” Anh ra dấu về phía chai rượu, “Em không uống thêm ly nữa à?”

“Em còn chưa uống hết ly lúc này,” tôi trả lời, “và em thật sự phải đi. Stormy Llewellyn, bữa tối, đủ thứ chuyện. Nhưng anh không cần đứng dậy.”

“Đừng bảo anh không cần đứng dậy,” anh vừa gắt gỏng vừa bắt đầu quá trình nhấc thân người ra khỏi nệm ghế, giống như tấm nệm là cái miệng đói khát của một giống cây ăn thịt người kỳ lạ đã ngậm chặt bắp đùi và cặp mông của anh với lực hút lớn.

“Anh à, thật sự không cần thiết mà.”

“Đừng bảo anh chuyện gì là cần thiết, nhóc con táo tợn. Mọi thứ anh muốn làm đều là chuyện cần thiết, bất chấp nó tỏ ra không cần thiết đến mức nào.”

Đứng dậy sau khi ngồi một hồi lâu, da mặt Ozzie đôi lúc ửng đỏ lên vì ráng sức, nhiều khi lại trắng bệch ra. Tôi hoảng sợ khi nghĩ chỉ một việc đơn giản như nhấc dậy khỏi ghế cũng đòi hỏi ở anh quá nhiều nỗ lực.

May thay, lần này mặt anh không đỏ cũng chẳng trắng. Có lẽ được tiếp sức nhờ rượu và chỉ mới tọng vào nửa đĩa phô mai nên anh đứng thẳng dậy nhanh hơn rõ rệt so với một con rùa vùng sa mạc trời lên khỏi đụn cát nguy hiểm.

“Giờ anh đứng dậy rồi,” tôi nói, “em nghĩ anh nên khóa cửa lại sau khi em đi. Và cứ khóa hết cửa nẻo đến khi vụ này giải quyết xong. Đừng mở cửa trừ khi anh thấy được người nào nhấn chuông.”

“Anh không sợ gã đó,” Ozzie tuyên bố, “dù dao hay đạn cũng khó chạm tới được các bộ phận cơ thể chắc nịch đầy sức sống của anh. Anh còn biết chút ít võ tự vệ.”

“Tên này nguy hiểm lắm, anh à. Đến giờ có lẽ gã còn tự chủ được nhưng khi lên cơn, gã sẽ tàn ác đến mức xuất hiện trên bản tin buổi tối từ Paris đến tận Nhật Bản. *Em* sợ gã.”

Ozzie vẫy bàn tay sáu ngón xua đi sự âu lo của tôi. “Khác với em, anh có súng rồi. Không chỉ một khẩu.”

“Bắt đầu để chúng trong tầm tay đi. Em rất tiếc khi đã kéo gã đến đây.”

“Vớ vẩn. Gã chỉ là thứ bám trên chiếc giày của em mà em không biết nó có ở đó thôi.”

Mỗi lần rời ngôi nhà này, Ozzie đều ôm tôi thật thiết như người bố ôm đứa con trai thân

yêu, tuy không ai trong chúng tôi từng được bố ôm siết.

Và những lúc ấy, tôi ngạc nhiên khi anh có vẻ yếu đuối cho dù hình dáng thật bệ vệ. Như thể tôi cảm nhận được một Ozzie cực kỳ gầy yếu bên trong lớp vỏ mà cuộc đời phủ chồng lên anh.

Đứng tại cánh cửa trước hé mở, anh nói, “Gửi Stormy một nụ hôn giùm anh.”

“Dạ.”

“Dẫn cô ấy đến để nhìn thấy tận mắt con bò xinh đẹp bị nổ tung của anh và hành vi côn đồ mà hình ảnh đó tượng trưng.”

“Nàng sẽ kinh hồn bạt vía. Nàng sẽ cần rượu. Chúng em sẽ mang theo một chai.”

“Không cần, anh có đầy cả hầm.”

Tôi đứng ngoài hiên đợi đến khi anh đóng cửa xong và đến khi tôi nghe thấy tiếng chốt cửa gài lại.

Trong lúc vượt qua lối đi phía trước vương vãi con bò rồi đi vòng sang cửa tài xế của chiếc Mustang, tôi quan sát con đường yên ắng. Robertson và cả chiếc Ford Explorer bụi bặm của gã đều biến đâu mất.

Vào trong xe, khi nổ máy, bất chợt tôi tưởng mình bị thổi bay lên như hình con bò Holstein. Tôi giật bắn người.

Tôi đi trên tuyến đường quanh co từ Jack Flats đến nhà thờ St. Bartholomew nằm trong vùng đất lịch sử, mang đến cả đồng cơ hội phát hiện ra gã. Đám xe cộ chạy sau tôi dường như không hề có ý định bám theo tôi. Thế mà tôi vẫn có cảm giác bị theo dõi.

CHƯƠNG 18

Pico Mundo không phải thị trấn nhà cửa cao chọc trời. Việc xây cất tòa nhà năm tầng cách đây không lâu đã khiến các cư dân lâu đời hoa mắt chóng mặt với cảm giác ngoài mong đợi về việc dân chúng tụ tập, dẫn đến chuyện ban biên tập *Thời báo hạt Maravilla* sử dụng những cụm từ như “tai họa cao tầng”, và lo ngại về tương lai của “những hẻm núi vô tâm mang dáng vẻ lạnh lùng, tại đó người ta rơi xuống tình trạng ăn không ngồi rồi ở chốn đông đúc và mặt trời không bao giờ chiếu rọi trọn vẹn vào nơi ấy”.

Mặt trời ở sa mạc Mojave không nhỏ bé rụt rè như ở Boston, càng không phải ánh mặt trời đùng-lo-lắng-cứ-vui-đi tại vùng Caribbean. Mặt trời ở sa mạc Mojave là con *quái vật* dữ tợn, hung hăng, không bị dọa nạt bởi hình bóng tòa nhà năm tầng.

Tính cả tòa tháp và chóp nhọn nằm trên đỉnh tòa tháp thì nhà thờ Công giáo St. Bartholomew vượt xa công trình kiến trúc cao nhất thị trấn Pico Mundo. Đôi khi trong lúc chạng vạng, bên dưới mái ngói, những bức tường trát vữa trắng rực sáng như tấm kính trong ngọn đèn bão.

Nửa tiếng trước lúc mặt trời lặn vào một ngày thứ Ba trong tháng Tám, bầu trời phía tây chói lói sắc cam, từ từ chìm sang sắc đỏ, như thể mặt trời bị thương và đổ máu trong khi rút lui. Những bức tường trắng của nhà thờ lấy sắc màu từ bầu trời và như ngập trong ngọn lửa thiêng.

Stormy đợi tôi phía trước nhà thờ. Nàng ngồi ở bậc thềm trên cùng, cạnh một giỏ mây đựng thức ăn.

Nàng đối đồng phục trắng hồng của tiệm kem Burke & Bailey thành đôi xăng-đan, quần trắng và áo màu ngọc lam. Lúc này nàng đáng yêu, còn bây giờ nàng đẹp mê hồn.

Với mái tóc đen nhánh và đôi mắt đen huyền, có lẽ nàng là cô dâu của một pharaon, bay vút đến tương lai từ vùng đất Ai Cập cổ đại. Trong mắt nàng là những điều thần bí cạnh tranh với những bí ẩn của tượng nhân sư và của tất cả các kim tự tháp đã và sẽ được khai quật lên từ cát sa mạc Sahara.

Như đọc được ý nghĩ của tôi, nàng lên tiếng, “Anh để dòng kích thích tố chảy ra rồi kìa. Khóa chặt lại, anh chàng vĩ nươg. Đây là nhà thờ đó.”

Tôi cầm giỏ mây lên và lúc nàng đứng dậy, tôi hôn lên má nàng.

“Nhưng mà sao hiền quá vậy,” nàng nói.

“Vì đó là nụ hôn của anh Ozzie ‘bé’.”

“Anh ấy thật dễ thương. Em nghe nói có kẻ hất tung con bò của anh ấy.”

“Một cảnh tàn sát, tấm hình con bò Holstein bằng nhựa văng tung tóe khắp mọi nơi.”

“Rồi còn gì nữa đây, kéo một đám lại bắn tượng thần lùn ngoài bãi cỏ thành mảnh vụn ư?”

“Thế giới điên thật,” tôi đồng tình.

Hai đứa tôi vào nhà thờ qua cổng chính. Tiền sảnh dẫn đến gian chính có ánh sáng dịu dịu và tạo cảm giác chào đón, được lót ván gỗ cây anh đào nhuộm sẫm với những lần đỏ nổi bật.

Thay vì đi vào gian chính, chúng tôi lập tức rẽ sang phải và tiến đến cánh cửa khóa trái, Stormy lôi ra chiếc chìa khóa và đưa cả hai vào đáy tháp chuông.

Cha Sean Llewellyn, linh mục của nhà thờ St. Bart này là bác của Stormy. Ông ấy biết nàng yêu ngọn tháp nên giao chìa khóa cho nàng.

Khi cánh cửa nhẹ nhàng đóng lại sau lưng chúng tôi, hương trầm thơm dịu tan biến và mùi nấm mốc khó chịu bốc lên.

Cầu thang lên ngọn tháp tối mù. Không chệch chút nào, tôi tìm đúng môi nàng và trao một nụ hôn vội nhưng ngọt ngào trước khi nàng bật đèn.

“Hư quá!”

“Ngon quá!”

“Không biết sao em thấy kỳ quá... chạm lưỡi nhau trong nhà thờ.”

“Nói đúng ra mình đâu phải ở trong ‘*chỗ đó*’.”

“Vậy em cho rằng nói đúng ra cái đó đâu phải là lưỡi.”

“Anh chắc chắn có một thuật ngữ y học chính xác hơn dành cho nó.”

“Thuật ngữ y học *dành cho anh* thì có.”

“Là cái gì?” tôi hỏi trong lúc cầm giỏ mây theo nàng đi lên cầu thang xoắn.

“Chứng cương dương.”

“Nghĩa là sao?”

“Không ngừng ham muốn.”

“Em đâu muốn tìm bác sĩ chữa *chuyện đó*, phải không?”

“Không cần bác sĩ. Y học dân gian có thể chữa tốt.”

“VẬY À? LÀM SAO?”

“Thổi nhanh, mạnh một phát vào vật gây ra vấn đề.”

Tôi cau mày, “Em đâu phải Florence Nightingale[31]. Từ giờ anh sẽ bắt đầu đeo vỏ bọc bảo vệ.”

Trên đầu cầu thang xoắn ốc, một cánh cửa mở ra tháp chuông.

Một chùm ba chiếc chuông đồng, tất cả đều to nhưng có kích cỡ khác nhau, treo vào mái trần ngay chính giữa không gian cao ngất này. Một lối đi hẹp bề ngang hơn một mét bao bọc quanh chúng.

Chuông đã đổ báo hiệu buổi cầu kinh chiều tối lúc bảy giờ và đến buổi lễ Mass[32] sáng mai chuông mới lại vang.

Bên trên bức tường cao chỉ đến thắt lưng, ba bề tháp chuông thoáng đãng, bày ra trước mắt quang cảnh tuyệt đẹp của thị trấn Pico Mundo, thung lũng Maravilla và vùng đồi núi xa xa. Chúng tôi chọn hướng phía tây, vị trí tốt để chiêm ngưỡng cảnh hoàng hôn. Stormy lấy từ trong giỏ mây ra một hộp nhựa Tupperware đầy ắp những quả óc chó lột vỏ sẵn mà nàng đã nướng chín và trộn thêm một chút muối với đường. Nàng đút vào miệng tôi một quả. Tuyệt cú mèo, cả quả óc chó lẫn việc được Stormy đút cho ăn.

Tôi khai một chai Merlot loại ngon và rót rượu, còn nàng cầm ly.

Đây là lý do khi này tôi không uống hết ly rượu Cabernet: yêu quý Ozzie “bé” rất nhiều, nhưng tôi thích uống với Stormy hơn.

Không phải tối nào hai đứa tối cũng ăn trên ngọn tháp này, một tháng chỉ hai ba lần, khi Stormy cần ở chỗ cao bên trên thế giới. Và gần hơn với thiên đường.

“Vì anh Ozzie,” Stormy cất giọng, nâng ly lên. “Hy vọng một ngày tất cả những mất mát của

anh ấy sẽ chấm dứt.”

Tôi không hỏi nàng nói vậy có ý gì vì tôi nghĩ mình hiểu. Bởi nỗi khổ sở về trọng lượng mà có nhiều thứ trong đời Ozzie không biết và có lẽ không bao giờ được nếm trải.

Sắc cam vàng nằm gần đường chân trời phía tây, sắc cam đỏ giăng ngang vòm trời, bầu trời sẫm lại thành sắc tím ngay trên đầu. Phía đông, những ngôi sao đầu tiên của đêm chẳng mấy chốc sẽ bắt đầu xuất hiện.

“Trời trong quá,” Stormy nói. “Tối nay chúng mình sẽ thấy được Cassiopeia.”

Nàng đang ám chỉ chòm sao phía bắc được đặt theo tên một nhân vật trong thần thoại kinh điển, nhưng Cassiopeia cũng là tên mẹ nàng, người đã qua đời khi nàng mới lên bảy. Bố nàng cũng thiệt mạng trong vụ rơi máy bay đó.

Không còn người thân nào ngoài người bác làm linh mục mà nàng được giao làm con nuôi. Trong vòng ba tháng chuyện nhận nuôi thất bại vì lý do chính đáng, nàng dứt khoát nói rõ rằng nàng không muốn có bố mẹ mới, chỉ cần sự trở lại của những người nàng yêu thương và đã mất đi.

Từ đó tới lúc tốt nghiệp phổ thông năm mười bảy tuổi, nàng lớn lên trong trại mồ côi. Sau đó, đến khi mười tám tuổi, nàng sống dưới quyền giám hộ hợp pháp của người bác.

Là cháu của linh mục nên Stormy có mối quan hệ kỳ lạ với Chúa Trời. Trong quan hệ có chứa đựng sự oán giận, luôn luôn có chút ít, đôi khi có rất nhiều.

“Còn Gã Nấm thì sao?” nàng hỏi.

“Terrible Chester không ưa gã.”

“Terrible Chester có ưa ai đâu.”

“Anh nghĩ thậm chí Chester còn sợ gã.”

“Đây mới là chuyện lạ.”

“Đó là một quả lựu đạn đã giật chốt.”

“Terrible Chester ư?”

“Không. Gã Nấm. Tên thật là Bob Robertson. Lông phía sau dựng thẳng đứng lên hết, anh chưa bao giờ thấy vậy.”

“Bob Robertson có nhiều lông phía sau lắm à?”

“Không. Terrible Chester, ngay cả khi dọa nạt xua con chó béc giê giống Đức to kèn đi cũng không dựng hết lông lên như hôm nay.”

“Kể em nghe với cưng. Sao tự nhiên Bob Robertson và Terrible Chester lại ở chung một chỗ trong câu chuyện?”

“Từ lúc đột nhập nhà gã, anh nghĩ có lẽ gã đang bám theo anh khắp nơi.”

Đúng lúc thốt ra từ *bám theo*, sự chú ý của tôi dán chặt vào chuyển động trong nghĩa trang.

Phía tây của nhà thờ là một nghĩa trang đa phần mang phong cách cổ xưa: không có những tấm biển bằng đồng gắn chặt vào đá granit nằm trên cỏ như hầu hết các nghĩa trang kiểu mới mà chỉ có bia mộ và đài kỷ niệm dựng thẳng đứng. Hàng rào với những song sắt mũi nhọn bao quanh khuôn viên rộng ba mẫu đó. Tuy có vài cây sồi vùng California già hơn trăm tuổi che mát vài chỗ trong khu an táng, nhưng phần lớn những lối đi xanh mướt đều nhìn thấy được mặt trời.

Trong ánh chiều tà chói lóa của ngày thứ Ba hôm đó, bãi cỏ như có màu đồng, những bóng râm đen như than, bề mặt bóng láng của bia đá granit phản chiếu bầu trời đỏ rực, và Robertson đứng im phăng phắc hết như các bia mộ khác trong nghĩa trang, không nấp dưới tán cây mà đứng ngoài nơi dễ được nhìn thấy.

Để ly rượu lên lan can, Stormy cúi xuống giỏ mây, “Em có món phô mai lý tưởng nhất cho loại rượu này.”

Mặc dù Robertson đang đứng cúi đầu, chăm chú đọc chữ khắc trên bia, tôi vẫn phát hoảng khi thấy gã ở đây. Nhưng tình hình tệ hơn. Gã không đến đây để tỏ lòng tôn kính những người đã khuất, không phải vì *bất cứ* lý do nào trong sáng như vậy.

Đầu ngựa ra sau, mắt dồn hết về nơi tôi đang đứng tại lan can tháp chuông, mức độ dữ dội khác thường của vẻ hứng thú nơi gã phóng ra hết tia lửa điện.

Qua khỏi mấy cây sồi và ra ngoài hàng rào sắt, tôi thấy những đoạn giao nhau của hai con đường nằm ở góc tây bắc nghĩa trang. Theo như tôi thấy, không có chiếc xe cảnh sát cải trang hay chính thức nào đậu dọc đường.

Cảnh sát trưởng Porter đã hứa cử người lập tức đi theo dõi ngôi nhà ở Camp’s End. Thế nhưng nếu Robertson chưa về nhà thì viên cảnh sát đó sao có thể giám sát được.

“Anh muốn ăn bánh quy với phô mai không?” Stormy hỏi.

Màu đỏ thắm lắng xuống nền trời mùa hè, gần đường chân trời hơn, nhuộm sắc cam tươi sáng cho một vùng phía tây đến khi nó thu nhỏ lại thành một mảng. Chính không gian dường như cũng được nhuộm đỏ và bóng tối của cây cối với bìa mộ đã đen nay còn đen hơn.

Robertson đã đến lúc chập tối.

Tôi đặt ly rượu xuống cạnh ly của Stormy, “Chúng ta gặp vấn đề rồi.”

“Bánh quy không phải vấn đề,” Stormy nói, “chỉ là lựa chọn thôi.”

Tiếng vỗ đập vang vọng thành linh khiến tôi giật mình.

Quay lại nhìn ba con bồ câu sà xuống tháp chuông và tìm về tổ ấm đặt ở mấy thanh xà bên trên những cái chuông, tôi va vào Stormy khi nàng cầm hai hộp nhỏ nhổm lên. Bánh quy và phô mai văng ra lối đi.

“Odd, đổ rồi kìa!” Nàng khom người, để hộp sang bên rồi bắt đầu nhặt bánh quy và phô mai.

Bên dưới, trên bãi cỏ đang tối dần lại, Robertson đứng ở tư thế hai cánh tay xuôi hai bên, một kẻ to xác buông thõng vai. Nhận thấy tôi nhìn chăm chăm gã hết như kiểu gã nhìn chăm chăm tôi, gã giơ cánh tay phải gần như thể đang chào kiểu đảng viên đảng quốc xã.

“Anh có giúp em không, hay anh cũng như bao đàn ông khác?” Stormy hỏi.

Ban đầu tôi tưởng gã thụi nắm đấm về phía mình, nhưng mặc dù ánh sáng yếu và nhanh chóng mờ dần, chẳng mấy chốc tôi nhìn ra cử chỉ còn bất lịch sự hơn cả hành động tôi tưởng lúc đầu. Gã giơ ngón tay giữa lên, ấn mạnh về phía tôi những nhát nhanh gọn, tức tối.

“Robertson ở đây,” tôi nói với nàng.

“Ai?”

“Gã Nắm.”

Bất chợt gã di chuyển, bước đi giữa những tấm bia, hướng đến nhà thờ.

“Tốt hơn chúng mình quên bữa tối đi,” tôi lên tiếng, kéo Stormy đứng dậy với ý định lôi nàng ra khỏi tháp chuông. “Đi xuống khỏi đây đi.”

Cưỡng lại tôi, nàng quay ra lan can, “Em không để ai hù dọa được em hết.”

“Ồ, anh thì có đó. Nếu bọn chúng điên lắm rồi.”

“Gã đâu? Em không thấy gã.”

Chồm ra, nhìn kỹ bên dưới, tôi cũng không thấy gã. Hình như gã đã tới phía trước hoặc phía sau nhà thờ và ngoặt qua khúc quanh.

“Cánh cửa dưới chân cầu thang,” tôi nói, “nó có tự động khóa lại sau khi hai đứa mình vào tháp không?”

“Em không biết. Em nghĩ là không?”

Tôi không thích ý nghĩ bị mắc kẹt trên đỉnh tháp, cho dù chúng tôi có thể hét to cầu cứu và chắc chắn có người nghe được. Cánh cửa tháp chuông không khóa và tôi nghi ngờ chuyện cả hai đứa tôi có thể đề cửa chặn gã nếu trong cơn cuồng nộ, gã nhất quyết mở nó ra cho bằng được.

Túm lấy tay nàng, lôi kéo để cho nàng thấy tình cảnh khẩn cấp, tôi hối hả bước dọc lối đi hẹp, bước qua mấy miếng phô mai và bánh quy, vòng quanh những cái chuông. “Ra khỏi đây đi.”

“Cái giỏ mây, bữa tối của chúng ta...”

“Bỏ đó đi. Mình lấy nó sau, ngày mai.”

Chúng tôi để đèn trên tháp bật sáng. Song cầu thang xoắn ốc có tường bao quanh nên tôi không nhìn thấy hết đường đi xuống mà chỉ thấy đến chỗ những bức tường uốn quanh nối tiếp cho phép.

Dưới kia mọi thứ đều im ắng.

“Nhanh lên,” tôi giục Stormy, và không cần nắm tay vịn, tôi đi trước nàng xuống những bậc thang dốc, bước quá nhanh đến mức không thể cẩn thận nhìn đường.

CHƯƠNG 19

Đi xuống, đi xuống, vòng qua rồi đi xuống, tôi dẫn đường và nàng theo sau. Chúng tôi gây ra quá nhiều tiếng ồn trên những bậc thang lát gạch Mehico, như vậy chắc chắn không thể nghe thấy Robertson nếu gã đang leo lên đây gặp chúng tôi.

Giữa chừng tôi băn khoăn liệu sự gấp rút này có phải phản ứng thái quá không. Rồi tôi nhớ đến nắm đấm đưa cao, ngón tay giơ lên, những bức ảnh trùng mắt nhìn trong phòng làm việc của gã.

Tôi phóng xuống nhanh hơn, vòng qua rồi vòng qua, không thể loại bỏ khỏi đầu óc hình ảnh gã đứng đợi bên dưới với con dao phay mà tôi có thể lao mình xuyên vào nó trước khi kịp đứng lại.

Xuống đến chân cầu thang mà không đụng độ gã, hai đứa tôi thấy cửa dưới này không khóa. Tôi thận trọng mở cửa ra.

Trái với ý nghĩ của tôi, gã không đợi chúng tôi trong tiền sảnh tỏa sáng nhẹ dịu.

Khi đi xuống cầu thang, tôi đã buông tay Stormy ra. Giờ tôi nắm lại để giữ nàng gần bên.

Mở phần giữa của cánh cửa ba gian, tôi thấy Robertson đang từ vỉa hè leo lên những bậc tam cấp của nhà thờ. Tuy không đua nhanh về phía tôi nhưng gã phóng đến với trạng thái hùng hổ không gì ngăn được như chiếc xe tăng băng qua chiến trường.

Trong ánh sáng đỏ thẫm như trong sách Khải huyền, tôi thấy nụ cười lúc trước làm sồn gai ốc nhưng còn đáng tin của gã đã lụi tắt. Đôi mắt xám nhợt nhạt vay mượn sắc đỏ như máu của hoàng hôn và khuôn mặt gã méo mó thành nút thắt của cơn phẫn nộ đằng đằng sát khí.

Chiếc Mustang của cô Terri đậu ngoài lề đường. Tôi không thể ra tới ngoài xe mà không chạm mặt Robertson.

Tôi sẽ chiến đấu khi cần chiến đấu, chống lại những địch thủ có thể khiến tôi hao mòn sức lực, nếu tôi buộc phải làm vậy. Nhưng cơ thể tôi xung đột với kế sách đầu tiên và cả vấn đề về nguyên tắc sai lầm.

Tôi không dương dương tự đắc mà tôi thích khuôn mặt mình như nó vốn thế. Tôi càng không thích nó bị đập.

Robertson cao lớn hơn tôi nhưng eo lả. Giả sử cơn giận của gã là của một người đàn ông bình thường, được bơm căng lên nhiều nhờ rượu bia, tôi đã đối đầu và tự tin hạ gục gã. Thế nhưng đây lại là kẻ mất trí, một đối tượng mê hoặc bọn ông kẹ, một kẻ tôn thờ đám sát thủ liên hoàn và thám sát hàng loạt. Tôi buộc phải nghĩ gã có mang theo súng, dao và đến giữa cuộc ẩu đả, biết đâu gã lại cắn xé như chó.

Chắc Stormy sẽ cố đá đít gã, một phản ứng không mấy xa lạ với nàng, nhưng tôi không cho nàng lựa chọn đó. Từ lối vào quay vô, tôi vội nắm tay nàng và cố kéo nàng qua một trong những cánh cửa nằm giữa đại sảnh với gian giữa của giáo đường.

Trong nhà thờ vắng vẻ, những dãy đèn thấp soi rọi lối đi chính giữa. Cây thánh giá khổng lồ phía sau bệ thờ rực sáng trong ánh đèn dịu nhẹ từ trên tỏa xuống. Lửa lung linh trong những chiếc ly thủy tinh đỏ thắm đặt trên giá nến tế lễ.

Những đốm lửa cùng màu hoàng hôn đỏ đang nhạt dần phía sau dãy cửa sổ kính màu trên bờ tường phía tây không thể đẩy lùi sự tụ tập của bóng tối đã lấp đầy hàng ghế và lối đi hai bên.

Chúng tôi vội vã chạy xuống lối đi chính giữa, chờ tên Robertson lên cơn như trâu điên từ ngoài tiền sảnh xông qua một trong những cánh cửa. Đến chỗ xưng tội mà không nghe thấy gì, hai đứa tôi dừng chân quay lại.

Theo những gì tôi thấy, Robertson chưa đến. Nếu đã vào gian giữa, chắc chắn gã đi ngay sau chúng tôi, dọc theo lối đi chính giữa.

Tuy lập luận trái với linh cảm, và không có bằng chứng xác nhận nhưng tôi vẫn ngỡ rằng gã đang ở cùng chúng tôi. Cánh tay sơn gai ốc khiến tôi nghĩ mình trở thành loài kêu quàng quạc, chân có màng và người bao phủ toàn lông.

Bản năng của Stormy cũng giống hệt tôi. Quan sát bóng tối nhân rộng ra trên hàng ghế, lối đi và dãy cột, nàng thì thào, “Hắn ở gần hơn anh nghĩ. Hắn rất gần.”

Tôi đẩy mở cánh cửa nhỏ tại chỗ xưng tội. Chúng tôi bước vào, di chuyển hầu như hoàn toàn lặng thinh, không muốn át đi bất cứ âm thanh nào của việc Robertson tiến đến gần.

Khi chúng tôi qua khỏi vị trí của đội hợp ca và đi lên hành lang nhà thờ, hướng đến bệ thờ cao, tôi bót liếc nhìn ra sau mà tiến tới thận trọng hơn. Không hiểu sao, trái ngược với cái đầu, trái tim tôi mách bảo nguy hiểm đang nằm phía trước.

Kẻ theo đuổi kia không thể lén lút xung quanh mà chúng tôi không nhìn thấy. Vả lại, không lý do gì gã làm thế thay vì tấn công trực tiếp.

Tuy thế, với mỗi bước đi, sự căng thẳng gia tăng trong những sợi cơ sau gáy đến khi chúng cứng đờ như dây cốt đồng hồ.

Thoáng thấy một chuyển động lướt qua bệ thờ, tôi giật bắn người nhìn về phía đó, kéo Stormy gần kề hơn. Tay nàng bầu tay tôi chặt hơn lúc nãy.

Tượng Chúa bằng đồng đóng đinh trên cây thánh giá xê dịch, như thể kim loại đã biến đổi một cách thần kỳ thành da thịt, như thể Ngài sẽ rời khỏi cây thánh giá và bước xuống tiếp tục kiếp cứu thế trần tục.

Một con bướm đêm lớn mang đôi cánh trang trí kiểu vỏ sò bay ra khỏi mặt kính nóng rực của ngọn đèn gần phía trên. Áo giác về sự chuyển động do cái bóng đập dờn được phóng đại của con côn trùng kia tạo nên bức tượng bằng đồng lập tức được xua tan.

Chìa khóa mở cánh cửa dẫn lên tháp của Stormy cũng mở được cánh cửa phía sau thánh đường. Trong đó là phòng để đồ thờ, nơi linh mục vào để chuẩn bị sẵn sàng trước mỗi buổi lễ Mass.

Tôi ngoái nhìn thánh đường, gian giữa. Lặng như tờ. Không khí yên tĩnh trừ cái bóng chấp chới của con bướm đêm.

Sau khi dùng và trả lại chìa khóa cho Stormy, tôi run run đẩy cánh cửa lợp ván theo hướng ngược vào trong.

Nỗi sợ hãi khác thường này không hề có nền tảng nào dự trên lí trí hết. Robertson đâu phải ảo thuật gia có khả năng làm trò xuất hiện bên trong một căn phòng đã bị khóa.

Vậy mà tim tôi chơi trò đập-bình-bịch-và-run-lấy-bẫy với xương sườn.

Khi sờ soạng tìm công tắc bật đèn, tay tôi *không* bị ghim dính vào tường bởi dao găm hay cái rìu. Ngọn đèn trên đầu để lộ ra căn phòng nhỏ đơn sơ chứ không phải một tên tâm thần to xác có bộ tóc vàng như ụ đất bị xói tung.

Bên trái đặt ghế cầu kinh, nơi linh mục quỳ cầu nguyện riêng trước khi đọc kinh trong lễ Mass. Bên phải là dãy tủ đựng chén thánh, lễ phục và một ghế dài.

Stormy đóng cửa thánh đường sau lưng hai đứa và gài chốt cửa.

Chúng tôi nhanh chóng băng qua căn phòng đến cánh cửa dẫn ra khỏi phòng để đồ thờ. Tôi biết ngoài đó là khu đất phía đông không có bia mộ và một con đường lát đá dẫn đến nhà của linh mục, nơi bác Stormy sống.

Cánh cửa này cũng được khóa.

Từ bên trong phòng để đồ thờ có thể mở khóa mà không cần đến chìa. Tôi nắm chặt chốt cửa... và do dự.

Biết đâu chúng tôi không nghe thấy Robertson từ tiền sảnh tiến vào gian giữa chỉ vì một lý do đơn giản, gã không hề đi vào cổng chính nhà thờ sau khi tôi thoáng thấy gã leo lên mấy bậc tam cấp.

Và biết đâu, đoán được chúng tôi sẽ cố chuồn ra từ phía sau nhà thờ nên gã đã đánh một vòng quanh nhà thờ, chờ chúng tôi bên ngoài phòng để đồ thờ. Điều này lý giải tại sao tôi có cảm giác chúng tôi đang *hướng đến* nguy hiểm hơn là lùì xa nó.

“Sao vậy?” Stormy hỏi.

Tôi suýt nàg im lặng, một sai lầm trầm trọng trong mọi tình huống, trừ lúc này, và nghe ngóng ở khe hở giữa cánh cửa với thanh dọc. Âm thanh cực khẽ của một làn gió ấm khiến tai tôi nhột nhột nhưng không còn tiếng gì khác ngoài kia.

Tôi chờ đợi. Tôi lắng nghe. Tôi càng lúc càng thêm bồn khoăn.

Bước lùì xa cánh cửa dẫn ra ngoài, tôi thì thầm với Stormy, “Trở lại theo đường dẫn mình đến đây.”

Hai đứa tôi quay lại cánh cửa giữa phòng để đồ thờ với thánh đường mà nàg đã khóa khi chúng tôi rời đi. Nhưng tôi lại do dự khi đặt tay lên chốt.

Áp tai lên khe hở giữa cánh cửa với thanh dọc, tôi lắng nghe tình hình trong nhà thờ. Không cơn gió trêu đùa nào xoáy vào lỗ tai, cũng không âm thanh rón rén mách nước nào tới tai tôi.

Cả hai cánh cửa của phòng để đồ thờ đều được khóa từ bên trong. Để tóm được chúng tôi, Robertson cần chìa khóa, thứ gã không có.

“Chúng mình sẽ không đợi ở đây đến buổi lễ Mass sáng mai đâu,” Stormy lên tiếng như thể nàg có khả năng nắm hết những suy nghĩ của tôi dễ dàng như đọc tài liệu trên máy tính.

Điện thoại di động của tôi kẹp ở thắt lưng. Tôi có thể dùng nó gọi cho cảnh sát trưởng Porter và trình bày tình hình với ông ấy.

Song có khả năng Bob Robertson đã mất tinh thần khi suy nghĩ lại về mức độ sáng suốt của việc tấn công tôi ở một nơi công cộng như nhà thờ đây, cho dù lúc này không con chiên hay nhân chứng nào có mặt. Ngươi bớt cơn giận lồng lộn, có thể gã đã bỏ đi.

Nếu cảnh sát trưởng phái xe tuần tra tới nhà thờ St. Bart hay đích thân ông đến mà không tìm thấy tên điên hớn hở nào, uy tín của tôi sẽ lung lay. Qua nhiều năm, tôi đã gửi gắm thiện ý của mình vào chỗ ông Wyatt Porter đủ để có thể rút lại một hai lần nhưng tôi không thích làm vậy chút nào.

Bản chất con người muốn tin vào tài năng phi thường của ảo thuật gia, nhưng họ cũng trở mặt và khinh thường khi anh ta phạm một lỗi thật nhỏ nhặt làm lộ màn gian lận. Những ai ngồi dưới hàng ghế khán giả sẽ cảm thấy ngượng ngùng khi để bị qua mặt quá dễ dàng, và họ sẽ đổ thừa sự cả tin của mình là do lỗi của người trình diễn.

Tuy tôi không có đôi tay khéo léo để làm trò ảo thuật, tuy những gì tôi nói ra đều là sự thật mà năng lực siêu phàm muốn nói lời mờ, nhưng tôi không chỉ hiểu tình trạng dễ bị công kích của ảo thuật gia mà còn nắm rõ mỗi nguy hiểm khi trở thành anh chàng hét toáng báo động về chó sói, hay trong trường hợp này là anh chàng hét toáng báo động về Gã Nấm.

Hầu hết mọi người cực kỳ khao khát muốn tin rằng họ là một phần trong bí ẩn to lớn, rằng được tạo ra là việc vinh dự và vẻ vang, không đơn thuần là kết quả của việc va đụng ngẫu nhiên giữa hai phía. Thế mà mỗi lần chỉ mới có một lý do để nghi ngờ, con sâu trong trái táo nơi quả tim đã khiến họ làm ngơ cả ngàn bằng chứng về phép lạ, rồi sau đó họ như bọm rượu lên cơn khát hoài nghi, và họ gặm nhấm nỗi tuyệt vọng như kẻ đói rã rời ngẫu nhiên ổ bánh mì.

Là một người kỳ lạ, tôi đang đi trên sợi dây cao vợi, cao đến mức không thể bước hụt chân mà có thể sống sót.

Cảnh sát trưởng Porter tốt bụng nhưng ông là một người bình thường. Ông sẽ trì hoãn việc trở mặt với tôi nhưng nếu hơn một lần, tôi khiến ông cảm thấy ông thật ngốc nghếch và khờ dại thì chuyện trở mặt chắc chắn xảy ra.

Tôi có thể dùng điện thoại di động gọi cho cha Sean, bác của Stormy, trong nhà của linh mục. Ông ấy sẽ đến cứu giúp chúng tôi không chút chậm trễ và không đặt quá nhiều câu hỏi khó xử.

Song Robertson là quái thú đội lốt người chứ không thuộc dòng dõi siêu phàm. Nếu đang ẩn nấp trong khu đất nhà thờ, gã sẽ không giảm bớt tính hung tàn bởi nhìn thấy bóng dáng người theo đạo hay cây thánh giá giờ lên.

Đã đưa Stormy vào tình cảnh ngặt nghèo, tôi lập tức chùn bước trước ý nghĩ gây nguy hiểm cho cả bác của nàng.

Hai cánh cửa của phòng để đồ thờ. Một cửa dẫn ra ngoài khu đất nhà thờ. Một cửa dẫn vào trong thánh đường.

Không nghe thấy gì ở cả hai cửa, tôi phải nhờ đến trực giác. Tôi chọn cánh cửa trở vào

thánh đường.

Hình như trực giác nhanh nhạy của Stormy chưa ngưng nghỉ khi nào. Nàng đặt tay lên tay tôi khi tôi nắm chặt khóa cửa.

Mắt chúng tôi gặp nhau trong chốc lát. Sau đó hai đứa quay đầu nhìn chăm chăm vào cánh cửa.

Đó là lúc tấm thẻ chúng tôi rút ra từ chiếc máy bói toán trong lễ hội và vết bót xúng nhau của hai đứa có ý nghĩa không thể chối cãi.

Không trao đổi lời nào, chúng tôi đi đến kế hoạch mà cả hai đều đã hiểu. Tôi vẫn đứng ở cửa dẫn vào thánh đường. Stormy quay lại cánh cửa dẫn ra khu đất.

Nếu tôi mở cửa này, Robertson nhào vào tấn công, Stormy sẽ tung cửa kia lao ra ngoài kêu la cầu cứu. Tôi sẽ cố gắng chạy theo nàng, và sống sót.

CHƯƠNG 20

Khoảnh khắc trong phòng để đồ thờ tiết ra bản chất toàn bộ cuộc sống của tôi: luôn luôn đứng giữa hai cánh cửa, đứng giữa một cuộc đời với người sống và một cuộc đời với người chết, giữa sự siêu việt và nỗi khiếp đảm.

Bên kia căn phòng, Stormy gật đầu.

Trên ghế cầu kinh, một quyển kinh nhỏ chờ đợi vị linh mục quỳ xuống cầu nguyện.

Chắc chắn những chai rượu ban thánh thể được cất ở một trong các dãy tủ. Tôi có thể uống thứ nước giúp củng cố tinh thần đôi chút đó.

Tôi dựa sát cửa dẫn vào thánh đường để chống đỡ cánh cửa. Khi mở khóa, chốt cửa gây ra tiếng động khê làm liên tưởng đến dao cạo mài trên dây da.

Nếu Robertson đã sẵn sàng xộc vào tôi, chắc chắn gã phản công với việc chốt cài rời khỏi ổ khóa gắn trên khung cửa. Tất nhiên gã ít nóng vội và nhiều xảo quyết hơn mức đã biểu lộ khi đứng trong nghĩa trang, vung ngón tay về phía chúng tôi.

Chắc gã nghi ngờ tôi đang dùng thân người chèn cửa đóng và tôi sẽ bật chốt cửa về vị trí đúng lúc gã cố xông vào phòng để đồ thờ. Điên khùng nhưng dù sao gã cũng có trực giác của riêng mình.

Gã Bob Robertson để gian bếp luộm thuộm với chén đĩa bẩn, vỏ chuối và vụn bánh vương vãi, không thể là nhà chiến lược khôn ngoan. Song gã Robertson giữ phòng làm việc ngăn nắp và lưu trữ những tài liệu chi tiết trong các ngăn tủ đầy khiếp đảm lại khác hẳn kẻ sở hữu căn phòng khách chứa toàn đồng tạp chí bậy bạ và mấy quyển tiểu thuyết đáng đọc.

Tôi không thể biết gã Bob Robertson *nào* đang đứng bên kia cánh cửa vào lúc này.

Khi tôi liếc nhìn Stormy, nàng làm cử chỉ vừa tỏ ý “làm tiếp đi” vừa có nghĩa “đồ dở hơi”.

Dựa người vào cửa với sự quả quyết không đổi, tôi xoay hẳn quả đấm qua trái. Nó kêu cọt két. Tôi sẽ kinh ngạc nếu nó không phát ra tiếng.

Tôi bỏ người ra và hé cửa nửa phân... một phân... rồi mở hẳn.

Nếu Robertson đứng chờ tại một trong hai lối dẫn vào phòng để đồ thờ thì gã đang ở ngoài khu đất nhà thờ. Đứng trong sắc đỏ cuối ngày ngả màu hung hung, chắc hẳn trông gã như thứ thuộc về bên dưới tấm bia bằng đá granit.

Stormy bước đi khỏi chỗ đang đứng. Chúng tôi nhanh chóng cùng nhau trở lại thánh đường từ nơi chỉ mới hai phút trước, hai đứa còn rất hăm hở muốn lần trốn.

Con bướm đêm nhảy múa giữa ngọn đèn và một lần nữa, Chúa như trở mình trên cây thánh giá.

Hương trầm còn sót lại không thơm dịu như lúc nãy mà bốc mùi nồng chưa từng có, những ngọn nến tế lễ rộn lên vẻ vội vã của nhiều đốm lửa đang tụ lại sắp bùng lên.

Đi xuống hành lang nhà thờ, qua khỏi vị trí của đội hợp ca, băng qua cánh cửa ở chỗ xưng tội, tôi nửa muốn nửa không muốn Robertson nhảy xổ vào chúng tôi từ chỗ nấp không ngờ tới. Gã đã trở thành đối tượng mang đầy vẻ đe dọa trong tâm trí tôi và tôi sẽ không ngạc nhiên nếu gã buông mình xuống từ mái vòm, thành linh có thêm đôi cánh, một ác quỷ dữ dằn mang cái chết trong từng hơi thở.

Đang ở trong lối đi chính thì tiếng kính rơi vỡ loảng xoảng cực lớn đã tổng khứ sự tĩnh lặng của nhà thờ sau lưng chúng tôi. Hai đứa xoay người, quan sát nhưng không thấy mảnh vụn nào.

Phòng để đồ thờ không có cửa sổ, và không có kính gắn trên cánh cửa dẫn ra khu đất. Tuy nhiên căn phòng đó, nơi chúng tôi vừa rời khỏi, dường như là điểm xuất phát của những âm thanh phá hoại kia. Chúng lại vang lên, to hơn lúc trước.

Tôi nghe tiếng ghế dài đâm sầm vào tủ đựng lễ phục, tiếng những chai rượu bị đập bể, tiếng cốc rượu lễ bằng bạc và những chén thánh khác dội ra khỏi tường và các dây tủ, vọng lại tiếng kim loại khua lách cách.

Trong lúc gấp rút tẩu thoát, chúng tôi còn để đèn bật sáng trong căn phòng đó. Giờ đây, qua cánh cửa để mở, có thể gián tiếp nhìn thấy chuyển động: một mớ hỗn độn những cái bóng nhấp nhô và những tia sáng lơ lờ.

Tôi không biết chuyện gì đang xảy ra và tôi không có ý định quay lại phòng để đồ thờ để nhìn ngó. Nắm lại bàn tay của Stormy, tôi cùng nàng chạy dọc theo lối đi chính giữa, suốt chiều dài gian giữa, qua cánh cửa ra tiền sảnh.

Ra khỏi nhà thờ, xuống bậc tam cấp, chúng tôi chạy trốn trong ánh chiều tà gần như đã đổ máu đến chết, chỉ còn chút ít sắc đỏ, và đã bắt đầu kéo tấm vải tím rịm lên bao phủ đường phố thị trấn Pico Mundo.

Trong giây lát tôi không thể dứt chiếc chìa khóa run rẩy vào công tắc khởi động xe Mustang.

Stormy giục tôi nhanh lên, cứ như việc “nhanh lên” không phải là ý định của tôi, cuối cùng chìa khóa cũng lọt vào khe và động cơ lại rền vang hoạt động.

Để lại vết cao su khá rõ trước nhà thờ St. Bart, chúng tôi phóng trên lớp bánh xe bốc khói qua một khu nhà rưỡi, nhanh đến mức gần như dịch chuyển tức thời, sau đó tôi mới lấy hơi để nói, “Gọi cảnh sát trưởng.”

Nàng có điện thoại di động riêng và nàng nhấn số điện thoại nhà của ông Wyatt Porter mà tôi cho. Nàng chờ đợi điện thoại reo và cất giọng, “Chào bác, con Stormy đây,” lắng nghe rồi nói, “Dạ, nó nghe như dự báo thời tiết phải không ạ. Odd cần nói chuyện với bác.”

Tôi cầm lấy điện thoại và tuôn một tràng, “Bác ơi, nếu bác cho xe đến nhà thờ St. Bart thật nhanh, bác có thể tóm cả gã Robertson đang đập phá phòng để đồ thờ, mà không chỉ phòng để đồ thờ, có lẽ toàn bộ nhà thờ.”

Ông ấy bảo tôi giữ máy và gọi cú điện thoại bên đường dây khác.

Cách xa nhà thờ St. Bartholomew ba khu nhà, tôi tấp vào xe Mustang vào một quán thức ăn nhanh hương vị Mêxicô.

“Ăn tối nhé?” tôi hỏi Stormy.

“Sau tất cả mọi chuyện trong nhà thờ ư?”

Tôi nhún vai, “Toàn bộ phần còn lại của cuộc sống chúng ta sẽ diễn ra sau tất cả mọi chuyện trong nhà thờ. Về phía anh, anh định ăn trở lại, và sớm chừng nào tốt chừng ấy.”

“Nó sẽ không ngang bằng bữa tiệc trên tháp của em đâu.”

“Chứ sao?”

“Em đói chết đi được.”

Cầm điện thoại áp vào tai và lái xe một tay như thể chuyện đó vẫn hợp pháp, tôi ngoặt chiếc Mustang vào hàng xe cộ chờ chạy lên ô cửa bán hàng.

Khi cảnh sát trưởng Porter trở lại, ông hỏi, “Tại sao gã cố ý phá hoại nhà thờ St. Bart?”

“Không có manh mối, bác à. Gã cố bẫy con và Stormy trong tháp chuông nhà thờ...”

“Các con làm gì trong tháp chuông?”

“Dạ ăn ngoài trời.”

“Bác cho rằng điều đó có ý nghĩa với con.”

“Dạ phải. Thú vị lắm. Chúng con dùng bữa tối trên đó mỗi tháng vài lần.”

“Con trai à, bác không muốn lúc nào đó phải bắt hai đứa vì tội ăn tối trên cột cờ trụ sở tòa án đâu đấy.”

“Có lẽ chỉ món khai vị thôi bác, không bao giờ ăn tối cả.”

“Nếu muốn ghé qua đây, hai bác vẫn có thể mời các con món thịt nướng. Dẫn theo Elvis luôn.”

“Con cho ông ấy xuống xe ở nhà thờ Baptist rồi bác. Con đang đi với Stormy, xếp hàng mua bánh nhân thịt chiên giòn, nhưng dù sao con cũng cảm ơn bác.”

“Kể cho bác nghe về tên Robertson đi. Bác cử người đến canh chừng ngôi nhà của gã ở Camp’s End, nhưng gã chưa về nhà.”

Tôi nói, “Gã ở nghĩa trang bên dưới, ngược nhìn chúng con trên tháp chuông. Gã giơ tay khiếm nhã với chúng con rồi còn nhún nhá nhiều lần và sau đó đuổi theo chúng con.”

“Con có nghĩ gã biết con đã vào nhà gã không?” cảnh sát trưởng hỏi.

“Nếu gã chưa hề về nhà từ lúc con vào đó thì con không hiểu làm cách nào gã biết được, nhưng chắc hẳn gã biết. Chờ con chút nhé bác.”

Chúng tôi đến tấm bảng thực đơn.

“Bánh nhân thịt cá kiếm chiên giòn lấy nhiều salsa[\[33\]](#), bắp nướng và một ly coca lớn,” tôi nói với con lừa đội mũ rộng vành đeo trên miệng micro để gọi thức ăn. Tôi nhìn sang Stormy. Nàng gật đầu, “Lấy mỗi thứ hai phần.”

“Con đang ở quán Mexicali Rose hả?” cảnh sát trưởng hỏi.

“Dạ phải.”

“Họ có món churro[\[34\]](#) ngon tuyệt. Con nên thử xem.”

Tôi nghe lời khuyên của ông và đặt hai phần với con lừa, như khi nãy, nó lên tiếng cảm ơn bằng giọng một thiếu nữ.

Khi dòng xe nhích lên, tôi nói, “Lúc tụi con thoát khỏi tên Robertson trong nhà thờ, chắc hẳn gã giận điên lên. Nhưng tại sao gã quyết định trút giận lên tòa nhà thì con không biết.”

“Hai chiếc xe đang trên đường đến St. Bart, không còi hú. Thậm chí giờ có lẽ xe đã đến nơi. Nhưng hành động phá hoại, nó không đạt tới nỗi kinh hoàng mà con nói gã phạm phải.”

“Dạ đúng. Chưa xong đâu. Và không đầy ba tiếng nữa sẽ sang ngày mười lăm tháng Tám.”

“Nếu người của bác có thể tống gã vào tù qua đêm vì tội phá hoại thì chúng ta sẽ có cơ xen vào cuộc sống của gã. Có thể điều đó cho ta cơ hội tìm ra việc to tát hơn mà gã định làm.”

Sau khi chúc cảnh sát trưởng may mắn, tôi nhấn nút tắt và đưa lại điện thoại cho Stormy.

Tôi nhìn đồng hồ. Nửa đêm, và ngày mười lăm tháng Tám, hết một cơn sóng thần, cao lớn như tòa nhà, đang đuổi theo chúng tôi với sức mạnh thâm lặng nhưng chết người.

CHƯƠNG 21

Trong lúc chờ nghe cảnh sát trưởng báo tin đã tóm cổ tên Robertson vì tội phá hoại, Stormy và tôi ăn tối trong bãi đậu xe của quán Mexicali Rose, kéo cửa sổ xe Mustang xuống, hy vọng nhận được chút gió. Thức ăn tuyệt cú mèo nhưng không khí ban đêm nóng bức bốc mùi khói thải.

“Vậy là anh đã đột nhập vào nhà Gã Nấm,” Stormy lên tiếng.

“Không hề đập vỡ mảnh kính nào. Chỉ dùng bằng lái của anh thôi.”

“Gã có cất mấy cái đầu kinh dị trong tủ lạnh không?”

“Anh không mở tủ lạnh.”

“Vậy anh định tìm thấy mấy cái đầu kinh dị ở đâu?”

“Anh không tìm cái đầu nào hết.”

Nàng nói, “Nụ cười làm sồn gai ốc của gã, cặp mắt xám quái dị kia... Thứ *đầu tiên* em tìm kiếm sẽ là bộ sưu tập những đồ vật có lỗi tai. Món bánh thịt chiên giòn này ngon quá.”

Tôi đồng tình, “Và anh thích tất cả màu sắc trong nước sốt salsa. Ớt xanh, ớt vàng, cà chua đỏ cắt lát, mấy lát hành tím... nhìn như pháo hoa. Em nên bắt chước làm món salsa theo kiểu này.”

“Gì hả, anh bị lạm Martha Stewart rồi à, giờ anh thành một thầy ma chuyên về phong cách sống ư? Nói cho em nghe anh tìm ra cái gì nếu không thấy mấy cái đầu?”

Tôi kể cho nàng nghe về căn phòng tối đen.

Liếm mảnh vụn bắp nướng dính trên những ngón tay thôn dài, nàng nói, “Nghe em này anh.”

“Anh vĩnh tai nghe đây.”

“Anh vĩnh tai nhưng không tập trung. Giờ vĩnh tai to ra mà nghe này: Đừng đi vào căn phòng tối đen đó lần nữa.”

“Nó không còn tồn tại nữa.”

“Thậm chí cũng đừng tìm kiếm, hy vọng nó sẽ trở lại.”

“Chuyện đó thậm chí chưa bao giờ xẹt qua đầu anh.”

“Đúng thế nhé,” nàng nói.

“Đúng thế,” tôi thừa nhận, “Ý anh là, anh muốn hiểu nó, nó là gì, hoạt động thế nào.”

Để nhấn mạnh sự phản đối, nàng chìa miếng bắp về hướng tôi, “Nó là cánh cổng đi xuống địa ngục, và anh không được có ý định lân la đến đó.”

“Anh không nghĩ nó là cánh cổng đi xuống địa ngục.”

“Vậy nó là gì?”

“Anh không biết.”

“Nó là cánh cổng đi xuống địa ngục chứ còn gì nữa. Nếu anh đi tìm, tìm thấy nó và bị cuốn bay vào địa ngục, em sẽ không xuống dưới đó tìm anh và kéo móng anh ra khỏi đồng lửa đâu.”

“Cảnh báo của em thật đáng ghi nhớ.”

“Lấy một anh chàng thấy được người chết và đuổi theo họ mỗi ngày đã đủ khó khăn rồi, anh ta mà còn sẵn lòng tìm cánh cổng đi xuống địa ngục thì thật khó khăn quá sức chịu đựng.”

“Anh không đuổi theo họ,” tôi lên tiếng, “và chúng mình lấy nhau hồi nào?”

“Chúng mình sẽ lấy nhau,” nàng nói và thanh toán xong miếng bắp cuối cùng.

Đã hơn một lần tôi hỏi cưới nàng. Tuy cả hai đều nhất trí rằng chúng tôi là tri kỷ của nhau và sẽ bên nhau mãi mãi, nhưng nàng luôn lảng tránh lời cầu hôn của tôi với những câu như, *Em yêu anh điên cuồng, yêu sâu sắc, Odd à, mãnh liệt đến mức em sẽ chặt phăng bàn tay phải của mình vì anh nếu điều đó mang ý nghĩa như một minh chứng cho tình yêu. Nhưng về chuyện kết hôn, hãy cứ để từ từ anh nhé.*

Có thể thông cảm việc vài miếng bánh thịt cá chiên giòn rơi khỏi miệng tôi khi tôi nghe thấy chuyện chúng tôi sẽ thề nguyện với nhau. Tôi bóc mấy miếng rơi trên áo cho vào miệng, lợi dụng khi đó để suy nghĩ dữ dội trước khi thốt ra, “Vậy... ý em là em chấp nhận lời cầu hôn

của anh ư?”

“Ngốc ạ, em chấp nhận nó biết bao lâu rồi.” Trước vẻ hoang mang của tôi, nàng nói, “Ồ, không giống câu thông lệ ‘Vâng, anh yêu, em là của anh’ mà em nói chấp nhận bằng rất nhiều từ ngữ.”

“Anh không biết ‘cứ để từ từ’ lại có nghĩa là ‘vâng’ đấy.”

Phủi vụn cá ra khỏi áo tôi, nàng bảo, “Anh phải học cách lắng nghe không chỉ bằng lỗ tai.”

“Em gợi ý anh lắng nghe bằng lỗ nào?”

“Đừng có thô lỗ. Như vậy không xứng với anh đâu. Ý em là, đôi lúc anh phải lắng nghe bằng con tim.”

“Anh đã lắng nghe bằng con tim rất lâu rồi, đến mức anh phải định kỳ lấy ráy tai ra khỏi động mạch ở tim.”

“Ăn churro không?” nàng hỏi, mở túi bánh màu trắng và lập tức một mùi hương ngào ngạt như bánh quế thơm ngon tỏa khắp xe.

Tôi nói, “Sao em có thể nghĩ đến món tráng miệng vào thời điểm như lúc này?”

“Ý anh là thời điểm *bữa tối* hả?”

“Ý anh là thời điểm nói về chuyện kết hôn.” Tim tôi đập nhanh như thể tôi đang rượt đuổi hoặc bị rượt đuổi, nhưng cũng may màn rượt đuổi của ngày hôm nay đã kết thúc. “Nghe này, Stormy, nếu em thật sự có ý đó thì anh sẽ làm, một việc to lớn để cải thiện tình hình tài chính của anh. Anh sẽ nghỉ làm đầu bếp phục vụ thức ăn nhanh ở Quán Vĩ nướng và anh cũng không nói đến lớp xe. Một thứ gì đó to lớn hơn.”

Nét mặt nàng chứa đựng vẻ thích thú nặng đến mức trọng lượng của nó kéo đầu nàng nghiêng qua một bên. Nhướn một mắt nhìn tôi, nàng nói, “Vậy theo tầm nhìn của anh thì cái gì to hơn cả lớp xe?”

Tôi nghĩ ngợi một lát, “Giày.”

“Giày loại nào?”

“Đủ loại. Cửa hàng bán lẻ giày.”

Nàng có vẻ nghi ngờ, “Nó to lớn hơn lớp xe ư?”

“Chắc rồi. Bao lâu em mua lốp xe một lần? Cả năm có khi còn không được đến một lần. Và em chỉ cần duy nhất một bộ lốp cho mỗi chiếc xe. Nhưng người ta cần nhiều hơn một đôi giày. Họ cần đủ loại. Giày đi với đầm nâu, giày đi với đầm đen, giày chạy bộ, giày xăng-đan...”

“Anh đâu như thế. Tất cả những gì anh có là ba đôi giày để mềm y hết nhau.”

“Đúng, nhưng anh không giống người khác.”

“Không hề giống,” nàng đồng tình.

“Còn một chuyện khác nữa là đâu phải tất cả đàn ông, phụ nữ, trẻ con đều có xe hơi, nhưng ai cũng có hai chân. Hoặc gần như là vậy. Một gia đình năm người có thể có hai chiếc xe hơi nhưng họ có đến mười bàn chân.”

“Có rất nhiều lý do để yêu anh, Odd, nhưng có lẽ đây là điều em thích nhất ở anh.”

Stormy không còn nghiêng đầu hay nhướng một mắt. Nàng nhìn thẳng vào mắt tôi. Đôi mắt nàng như dây ngân hà: sâu thẳm như màn đêm giữa bất kỳ hai vì sao nào trên trời. Vẻ mặt nàng dịu dàng đầy trù ối. Nàng có vẻ cảm động sâu sắc và thật sự trước những lời tôi nói và cảm nhận đó được xác thực qua việc nàng vẫn chưa lấy miếng churro nào ra khỏi túi.

Đáng tiếc lúc này hẳn là tôi chỉ lắng nghe bằng tai, vì tôi không hiểu nàng ngụ ý gì. “Điều em thích nhất ở anh ư? Ý em là... phân tích của anh về việc bán lẻ giày đó hả?”

“Anh khôn ngoan như bất cứ người nào em từng biết... và còn rất giản dị. Thật là một sự kết hợp đáng yêu. Thông minh và trong sáng. Hiểu biết và chất phác. Dí dỏm tinh ranh và dịu dàng chân thành.”

“Đó là điều em thích nhất ở anh à?”

“Lúc này thì đúng thế.”

“À, được, nó không phải thứ anh có thể làm hơn.”

“Làm hơn?”

“Những điều em thích ở anh, anh muốn làm chúng còn tốt hơn nữa. Chẳng hạn nếu em nói thích cách ăn mặc hay gu thẩm mỹ về quần áo của anh, hoặc bánh kẹp của anh. Anh luôn luôn cải tiến món bánh kẹp, cứ hỏi cô Terri xem, chúng nhẹ và mịn, chưa kể đầy hương vị. Nhưng anh không biết làm cách nào để trở nên vừa khôn ngoan vừa giản dị hơn bây giờ. Nói thật, anh còn không chắc có hiểu em muốn nói gì không nữa.”

“Tốt. Chẳng việc gì anh cần nghĩ ngợi hết. Chẳng việc gì anh có thể làm hơn. Cứ là chính con

người anh. Dù sao thì em lấy anh cũng không phải vì tiền.”

Nàng đưa cho tôi một cái churro.

Tim tôi đang đập thình thịch và đầu óc tôi đang quay cuồng, thứ tôi cần là nàng, nhưng tôi cầm lấy cái bánh.

Chúng tôi im lặng ngồi ăn được một phút thì tôi lên tiếng, “Vậy chuyện đám cưới... em nghĩ khi nào mình nên đặt bánh?”

“Sớm thôi. Em không thể chờ quá lâu đâu.”

Nhẹ nhõm và vui sướng, tôi hỏi, “Trì hoãn hưởng thụ quá nhiều có thể trở thành chuyện xấu.”

Nàng tươi cười, “Anh thấy chuyện gì đang diễn ra không?”

“Anh nghĩ chắc anh chỉ đang nhìn bằng mắt thôi. Anh nên thấy chuyện gì?”

“Chuyện đang diễn ra là em muốn ăn cái churro thứ hai, và em sẽ ăn ngay bây giờ thay vì chờ đến thứ Năm.”

“Em thật rắc rối, Stormy Llewellyn à.”

“Anh còn chưa thấy được đến một nửa đó cung.”

Hôm nay là một ngày tệ hại, vụ Harlo Landerson rồi Gã Nấm, căn phòng tối đen, bọn ông kẻ khắp nơi và Elvis khóc lóc. Thế nhưng khi ngồi với Stormy, cùng ăn churro, trong giây lát mọi thứ trên đời đều yên ổn.

Giây lát đó không kéo dài lâu. Điện thoại di động của tôi reo vang, tôi không ngạc nhiên khi nghe thấy giọng cảnh sát trưởng Porter.

“Này con, phòng để đồ tại nhà thờ St. Bart đưa ra ý nghĩa mới cho cụm từ *phá hoại*. Có kẻ đã nổi điên tột độ trong đó.”

“Robertson.”

“Bác nghĩ con nói đúng. Con luôn đúng mà. Chắc là gã. Nhưng gã đã bỏ đi lúc người của bác đến nhà thờ. Con chưa gặp lại gã phải không?”

“Chúng con đang trốn ngoài đây nhưng... không, không có dấu hiệu nào của gã hết.” Tôi quan sát bãi đậu xe, nhìn bao quát dãy xe nối đuôi nhau đến rồi đi khỏi dòng xe chờ mua thức

ăn ở quán Mexicali Rose, nhìn ra con đường ngoài kia, tìm kiếm chiếc Ford Explorer bụi bặm của Bob Robertson.

Cảnh sát trưởng nói, “Các bác đã theo dõi nhà tên này mấy tiếng rồi nhưng giờ các bác sẽ chủ động tìm kiếm gã.”

“Con có thể cho sức hút siêu linh một cơ hội,” tôi nói, ám chỉ đến khả năng định vị gần như bất cứ ai bằng cách cứ đi đại vòng quanh trong khoảng nửa tiếng.

“Như thế có khôn ngoan không con trai? Ý bác là với Stormy đang ngồi trong xe à?”

“Con sẽ đưa nàng về nhà trước.”

Stormy gạt phăng ý kiến đó, “Làm vậy là chết với em, Mulder.”

“Bác nghe thấy rồi đó,” cảnh sát trưởng Porter lên tiếng.

“Bác ấy nghe rồi kìa,” tôi nói với Stormy.

“Lo gì chứ?” nàng nói.

Cảnh sát trưởng Porter có vẻ thích chí, “Con bé gọi con là Mulder trong phim *The X-Files* [\[35\]](#) hả?”

“Dạ, không thường xuyên lắm. Chỉ khi nàng nghĩ con đang gia trưởng.”

“Con có bao giờ gọi con bé là Scully không?”

“Chỉ khi con muốn bị bầm dập.”

“Con làm hỏng bộ phim đó đối với bác rồi,” cảnh sát trưởng nói.

“Sao con lại làm hỏng hả bác?”

“Con khiến cho tất cả những thứ kỳ lạ trở thành quá thật. Bác không còn thấy chuyện siêu nhiên có gì thú vị nữa.”

“Con cũng vậy,” tôi quả quyết.

Lúc cảnh sát trưởng Porter và tôi nói chuyện xong, Stormy đã gom hết tất cả các giấy gói thức ăn bữa tối, nhét vào một cái túi. Khi rời quán Mexicali Rose, nàng bỏ chúng vào thùng rác đặt dọc theo lối ra.

Khi tôi rẽ trái ra đường lớn, nàng nói, “Ghé qua nhà em trước để em lấy khẩu súng lục.”

“Đó là súng phòng vệ ở nhà. Em không được cấp phép mang theo.”

“Em cũng đâu được cấp phép để thử nhưng em vẫn thử đó thôi.”

“Không súng,” tôi nhất quyết. “Chúng mình chỉ đi vòng quanh xem chuyện gì xảy ra thôi.”

“Sao anh sợ súng vậy?”

“Súng nổ.”

“Và tại sao đó là câu hỏi anh luôn luôn né tránh trả lời?”

“Anh không luôn luôn né tránh trả lời nó.”

“Sao anh sợ súng?” nàng khẳng khẳng.

“Chắc kiếp trước anh bị bắn chết.”

“Anh có tin vào chuyện đầu thai đâu.”

“Anh cũng có tin vào thuế đầu, nhưng anh vẫn phải đóng đó thôi.”

“Sao anh sợ súng?”

“Chắc tại anh mơ thấy trước anh bị bắn.”

“Anh mơ thấy trước anh bị bắn rồi hả?”

“Không.”

Nàng không nao núng, “Sao anh sợ súng?”

Tôi thật ngu dại. Ngay khi thốt ra xong, tôi đã mong rút lại lời lẽ của mình, “Sao em sợ quan hệ?”

Từ bên phần ghế bất chợt lạnh lẽo và xa cách, nàng trao cho tôi cái nhìn thật lâu, nặng nề, giá buốt đến tận xương tủy.

Trong giây lát tôi cố giả vờ không nhận ra tác động của lời tôi nói đối với nàng. Tôi cố tập trung vào con đường trước mặt như thể tôi luôn luôn là một tài xế vô cùng có trách nhiệm.

Tôi không có tài giả vờ. Sớm còn hơn muộn, tôi nhìn nàng, khổ sở lên tiếng, “Anh rất xin

lỗi.”

“Em không sợ quan hệ,” nàng nói.

“Anh biết. Anh xin lỗi vì anh thật ngốc.”

“Em chỉ muốn chắc rằng...”

Tôi cố ngăn nàng không cần phải nói ra.

Nàng vẫn một mực thốt lên, “Em chỉ muốn chắc rằng lý do anh yêu em liên quan đến *chuyện đó* ít hơn hẳn những chuyện khác.”

“Đúng vậy,” tôi cam đoan với nàng, cảm thấy mình thật nhỏ nhen và ích kỷ. “Cả ngàn chuyện khác. Em biết mà.”

“Khi mình bên nhau, em muốn điều đó đúng đắn, trong sạch và đẹp đẽ.”

“Anh cũng vậy. Và chuyện sẽ như thế, Stormy. Khi đúng thời điểm. Chúng ta có khối thời gian mà.”

Ngừng đèn đỏ, tôi đưa tay phải về phía nàng. Thật nhẹ nhõm khi nàng nắm lấy tay tôi, thật xúc động khi nàng nắm rất chặt.

Đèn chuyển sang màu xanh. Tôi lái xe chỉ với một tay đặt trên vô lăng.

Một lúc sau, bằng giọng yếu ớt đầy cảm xúc, nàng lên tiếng, “Em xin lỗi, Odd. Lỗi của em.”

“Không phải lỗi của em. Anh mới là thằng ngốc.”

“Em dồn anh vào thế bí về chuyện tại sao anh sợ sùng, và khi em cứ không ngừng dồn ép, anh mới bật lại.”

Đó là sự thật, nhưng sự thật không khiến tôi cảm thấy đỡ hơn chút nào về hành động của mình.

Sáu tháng sau cái chết của bố mẹ, khi Stormy mới được bảy tuổi rưỡi và vẫn còn mang tên Bronwen, nàng được một cặp vợ chồng giàu có không con ở Beverly Hills nhận nuôi. Họ sống ở một khu rất tốt. Tương lai xem ra thật tươi sáng.

Một đêm trong tuần thứ hai sống cùng gia đình mới, bố nuôi vào phòng đánh thức nàng dậy. Hắn trần trụi và sờ mó nàng theo cách khiến nàng hoảng sợ và nhục nhã.

Đau buồn vì cái chết của bố mẹ ruột, lo sợ, cô đơn tột cùng, bối rối, xấu hổ, nàng chịu đựng sự bệnh hoạn của tên đàn ông đó thêm ba tháng. Cuối cùng, nàng tố giác hắn với nhân viên xã hội, người gọi điện kiểm tra tình hình cho cơ quan trao quyền nhận nuôi.

Sau đó, nàng sống ở trại mồ côi của nhà thờ St. Bart, không bị sờ mó, đến khi tốt nghiệp phổ thông.

Nàng và tôi thành một đôi khi học lớp mười một. Chúng tôi đã bên nhau và là bạn tốt của nhau hơn bốn năm.

Bất chấp những gì chúng tôi đã dành cho nhau và tất cả những gì chúng tôi hy vọng cùng nhau đạt được trong những năm sắp tới, tôi đã làm tổn thương nàng, *Sao em sợ quan hệ?* khi nàng dồn ép tôi quá gay gắt về nỗi sợ sùng ổng của tôi.

Một người theo thuyết khuyến nhô từng nói đặc điểm dễ nhận ra nhất của loài người là khả năng trở nên độc ác đối với người khác.

Tôi là người lạc quan về giống loài chúng ta. Tôi cho rằng Chúa cũng thế, vì nếu không Ngài đã quét sạch chúng ta ra khỏi hành tinh từ cách đây rất lâu và làm lại từ đầu.

Song tôi không thể phủ định sạch trơn đánh giá chua cay của người theo thuyết khuyến nhô kia. Tôi nuôi khả năng cư xử độc ác, nghĩ tới lời vắn vẹo tàn nhẫn dành cho người tôi yêu nhất trên đời.

Chúng tôi xuôi chèo trên dòng sông nhựa đường một hồi lâu, không tìm kiếm Gã Nấm mà từ từ tìm cách làm lành với nhau.

Cuối cùng nàng lên tiếng, “Em yêu anh, Odd.”

Giọng tôi khản đặc khi đáp lại, “Anh yêu em hơn cả mạng sống.”

“Chúng ta sẽ ổn thôi,” nàng nói.

“Chúng ta đang ổn.”

“Chúng ta quái lạ và gàn dở, nhưng chúng ta ổn,” nàng tán thành.

“Nếu có người phát minh ra dụng cụ đo độ quái lạ thì nó sẽ tan chảy bên dưới lưỡi của anh. Nhưng em... em bình thường.”

“Vậy anh phủ nhận sự quái lạ của em nhưng lại đồng tình rằng em gàn dở.”

“Anh hiểu vấn đề rồi. Một số kiểu quái lạ có thể trở nên hợp thời nhưng tính gàn dở thì

không bao giờ.”

“Chính xác.”

“Anh thật không quên từ khi phủ nhận sự quái lạ của em.”

“Lời xin lỗi được chấp nhận.”

Chúng tôi dạo quanh một hồi lâu, sử dụng chiếc xe như người ta dùng cây gậy dò mạch nước, đến khi tôi thấy mình tấp vào bãi đậu xe của Green Moon Lanes. Đây là sân bowling nằm cách khu thương mại nửa dặm, khu thương mại mà lúc chiều tôi đã ghé thăm Stormy ở tiệm kem.

Nàng biết giấc mơ định kỳ quấy nhiễu giấc ngủ của tôi mỗi tháng một hai lần trong suốt ba năm trời qua. Nó hiện cảnh những nhân viên sân chơi bowling đã chết: bị bắn vào bụng, tay chân gãy nát, mặt mày biến dạng kinh khủng không phải bởi vài viên đạn mà do *hàng rào*.

“Gã ở đây hả?” Stormy hỏi.

“Anh không biết.”

“Nó sẽ thành sự thật bây giờ, ngay đêm nay, giấc mơ đó?”

“Anh không nghĩ vậy. Anh không biết. Có thể.”

Miếng bánh cá đang bơi trong dòng chảy axit của dạ dày, đánh tung luồng xoáy đắng chát ngược lên cổ họng tôi.

Lòng bàn tay tôi ẩm ướt. Và lạnh cóng. Tôi chà tay lên quần jeans.

Tôi gần như muốn chạy về chỗ Stormy và lấy khẩu súng.

CHƯƠNG 22

Bãi đậu xe ở trung tâm bowling đã đầy hai phần ba. Tôi đảo quanh tìm kiếm chiếc Explorer của Robertson nhưng không thấy.

Cuối cùng tôi vào đậu xe và tắt máy.

Stormy mở cửa xe bên phía nàng và tôi lên tiếng, “Khoan.”

“Đừng khiến em phải gọi anh là Mulder nhé,” nàng cảnh cáo.

Nhìn chằm chằm những chữ gắn đèn nê-ông xanh lá và xanh dương tạo thành dòng chữ GREEN MOON LANES, tôi hy vọng đoán ra được liệu cuộc tàn sát tôi nhìn thấy trước sắp xảy ra hay vẫn còn nằm cách xa đâu đó trong tương lai. Đèn nê-ông không thể nói với giác quan thứ sáu của tôi.

Kiến trúc sư thiết kế trung tâm bowling này đã có ý thức đầy trách nhiệm về phí tổn phải chi cho việc điều hòa không khí trong một tòa nhà to lớn nằm trên sa mạc Mojave. Kết cấu bè bè, đặc biệt bên trong có những trần nhà thấp, ngăn cản hơi nóng di chuyển bằng số lượng kính tối thiểu. Tường trát vữa màu be nhạt phản chiếu ánh nắng suốt cả ngày và nhanh chóng dịu mát khi đêm đến.

Trước đây toàn nhà này không tỏ vẻ báo điềm gở; tôi ấn tượng trước đặc điểm của nó chỉ vì tính hiệu quả của thiết kế, vì nó có đường lăn banh sạch sẽ và mặt tiền giản dị trong số những cao ốc hiện đại nhất nằm trên sa mạc. Hiện giờ nó gọi cho tôi nhớ đến kho đạn dược và tôi có cảm giác một vụ nổ kinh hoàng có thể sớm xảy ra bên trong bốn bức tường kia. Kho đạn dược, lò hỏa thiêu, khu nhà mồ...

“Nhân viên ở đây mặc quần đen và áo thun xanh dương cổ viền trắng,” tôi nói với Stormy.

“Thì sao?”

“Trong giấc mơ của anh, tất cả nạn nhân mặc quần nâu và áo thun xanh lá cây, cổ có bầu.”

Vẫn ngồi trong chiếc Mustang nhưng để một chân ra ngoài xe, bàn chân đặt trên mặt đường nhựa, nàng nói, “Vậy không phải chỗ này. Có lý do khác khiến anh đến đây. Vào trong xem

chúng ta có thể hiểu tại sao mình lại ở đây không.”

“Ngoài Fiesta Bowl,” tôi nhắc đến duy nhất một trung tâm bowling khác có mặt ở thị trấn Pico Mundo và những vùng phụ cận, “họ mặc quần xám và áo đen, có thêu tên bằng chỉ trắng trên túi áo trước ngực.”

“Vậy chắc hẳn anh mơ thấy chuyện sẽ xảy ra bên ngoài thị trấn Pico Mundo rồi.”

“Trước giờ chưa khi nào có chuyện đó.”

Tôi sống cả đời trong sự yên bình tương đối của thị trấn Pico Mundo và khu vực bao quanh gần kề. Thậm chí tôi chưa nhìn thấy những phạm vi phía xa của hạt Maravilla, cái hạt mà thị trấn chúng tôi là chỗ tận cùng bên dưới.

Nếu tôi sống đến tám mươi tuổi, một điều khó có khả năng xảy ra và là triển vọng tôi thấy chán nản nếu không nói thất vọng, có thể một ngày nào đó tôi sẽ mạo hiểm đi vào miền nông thôn ngoài kia và thậm chí đến tận một trong những thị trấn nhỏ hơn ở hạt. Nhưng chắc không đâu.

Tôi không mong mọi việc thay đổi cảnh trí hay trải nghiệm kỳ lạ bên ngoài. Trái tim tôi ao ước về thân thuộc, ổn định và an toàn nơi quê nhà, và sự minh mẫn của tôi nhờ vào nó.

Tại một thành phố lớn như Los Angeles, quá nhiều người giẫm đạp lên nhau, bạo lực diễn ra từng ngày, từng giờ. Số vụ đụng độ đổ máu chỉ trong một năm có thể còn nhiều hơn các vụ xảy ra trong toàn bộ lịch sử của thị trấn Pico Mundo.

Hoạt động quay cuồng dữ dội của Los Angeles gây ra cái chết rõ ràng như hiệu bánh làm ra bánh nướng xốp. Động đất, hỏa hoạn, ném bom khủng bố...

Tôi chỉ có thể hình dung được bao nhiêu hồn người chết ở lại vất vưởng trên đường phố của nơi này nơi khác. Tại một chỗ như thế, với quá nhiều người chết đến tìm tôi đòi công bằng, nguồn an ủi, hay chỉ là tình bạn lạnh lẽo thì chắc chắn tôi sẽ nhanh chóng tìm lối thoát bằng bệnh tâm thần hoặc cách tự tử.

Nhưng vì chưa chết cũng chưa bị tâm thần, tôi phải đối mặt với thử thách trong Green Moon Lanes.

“Được rồi,” tôi nói, gom hết khả năng chịu đựng nếu không nói là tỏ vẻ hiên ngang, “vào trong và nhìn quanh một cái xem sao.”

Đêm xuống, vỉa hè rải nhựa gửi trả sức nóng mà nó đã mượn của mặt trời suốt cả ngày và sức nóng thoát ra phảng phất mùi hắc ín.

Thấp và to đến mức như đang rơi xuống chúng tôi, mặt trăng nhô lên phía đông: vàng khè, những hốc mắt lơ lơ trong cái nhìn đui mù vô tận của nó.

Chắc tại bà ngoại Sugars quá mê tín về chuyện ánh trăng vàng và tin rằng chúng là điềm báo lá bài xấu nên tôi để cho sự thôi thúc phi lý giục tôi thoát khỏi tầm nhìn của gương mặt bị ghẻ lở và bệnh vàng da nằm trên trời kia. Cầm tay Stormy, tôi kéo nàng đi vội đến cửa chính của trung tâm bowling.

Bowling là một trong những môn thể thao lâu đời nhất trên thế giới và một hai hình thức của trò này đã được chơi từ rất sớm, năm ngàn hai trăm năm trước công nguyên.

Chỉ riêng tại Mỹ, hơn một trăm ba mươi ngàn đường lăn banh nằm chờ cuộc chơi tại hơn bảy ngàn trung tâm bowling.

Tổng thu nhập hàng năm của trò bowling tại Mỹ đang lên đến năm tỉ đôla.

Với hy vọng làm rõ giấc mơ tái diễn định kỳ của tôi và hiểu được ý nghĩa của nó, tôi đã nghiên cứu trò bowling. Tôi biết cả ngàn điều về trò này, không có cái nào trong số đó đặc biệt thú vị.

Tôi cũng thuê giày và chơi tám hay mười ván. Tôi không giỏi về thể thao.

Nhìn tôi chơi, Stormy từng thốt lên nếu tôi trở thành tay chơi bowling chính thức, tôi sẽ phải dành thêm rất nhiều thời gian trong lẫn rãnh hơn cả tên ma cà bông nghiện rượu bình thường.

Hơn sáu mươi triệu người ở Mỹ đến sân chơi bowling ít nhất mỗi năm một lần. Chín triệu người trong số đó là dân ghiền thuộc liên đoàn bowling và thường xuyên thi đấu trong các giải nghiệp dư.

Khi Stormy và tôi vào Green Moon Lanes tối thứ Ba đó, một tỉ lệ đáng kể trong số những triệu người nói trên đang thả banh lăn trên những đường lăn banh sạch bóng, ném hệt nhiều hơn ném trúng và ném trúng nhiều hơn đánh đổ hết. Họ cười nói, reo hò cổ vũ nhau, ăn khoai tây chiên, bánh kẹp, uống bia và tận hưởng khoảng thời gian vui vẻ đến mức thật khó hình dung Tử thần đang chọn nơi này để bất ngờ thu hoạch một đồng linh hồn.

Khó khăn nhưng không phải không thể.

Chắc hẳn tôi tái mét vì Stormy cất tiếng hỏi, “Anh khỏe chứ?”

Tiếng banh lăn rầm rầm và tiếng mười con ki va nhau lách cách trước đây chưa khi nào tạo cho tôi cảm giác đáng sợ; nhưng loạt âm thanh rầm rầm và lách cách bất thường lần này đánh vào dũng khí của tôi.

“Giờ sao?” Stormy hỏi.

“Một câu hỏi hay. Không có đáp án.”

“Anh muốn đi quanh quần, nhìn khung cảnh xem có rung cảm xấu không hả?”

Tôi gật đầu, “Ừ. Nhìn khung cảnh. Rung cảm xấu.”

Hai đứa tôi chưa đi được xa thì tôi nhìn thấy một thứ khiến môi tôi khô khốc. “Ôi Chúa ơi.”

Anh chàng phía sau quầy cho thuê giày không làm việc trong trang phục quần đen và áo thun xanh dương cổ viền trắng như thường lệ. Anh ta mặc quần nâu và áo thun xanh lá cổ có bầu như những người chết trong giấc mơ bowling của tôi.

Stormy quay đi, nhìn bao quát căn phòng dài nhộn nhịp và chỉ về phía hai nhân viên khác. “Tất cả họ có đồng phục mới.”

Như mọi cơn ác mộng, cơn ác mộng này của tôi sống động và chưa nhiều chi tiết, siêu thực hơn thực tế, không cụ thể về địa điểm, thời gian hay tình huống. Khuôn mặt của các nạn nhân bị sát hại quần quai trong đau đớn cực độ, biến dạng do kinh hãi, bóng tối và ánh sáng quái dị, rồi khi tỉnh giấc, tôi không bao giờ mô tả được họ rõ ràng.

Ngoại trừ một cô gái. Cô ta bị bắn vào ngực và cổ họng nhưng khuôn mặt vẫn không bị bạo lực chạm đến một cách lạ thường. Cô có mái tóc vàng dày xù, mắt xanh và một vết nhỏ xinh xắn ở môi trên, gần khóe miệng bên trái.

Khi Stormy và tôi tiến sâu vào Green Moon Lanes, tôi thấy cô gái tóc vàng trong giấc mơ. Cô ta đứng sau quầy rượu, rót bia từ một cái vôi.

CHƯƠNG 23

Stormy và tôi ngồi tại cái bàn đặt trong góc quán rượu nhưng chúng tôi không gọi thức uống. Tôi đã chệnh choáng vì sợ hãi.

Tôi muốn đưa nàng ra khỏi bãi chơi bowling. Nàng không muốn đi.

“Chúng mình phải xử lý tình huống này,” nàng nhấn mạnh.

Cách duy nhất tôi có thể xử lý chuyện này là gọi điện thoại cho cảnh sát trưởng Wyatt Porter và kể cho ông nghe, kèm một chút lý giải, rằng khi Bob Robertson tổ chức tiệc đánh dấu việc chính thức trở thành kẻ sát nhân điên loạn thì địa điểm của buổi trình diễn ra mắt có khả năng là Green Moon Lanes.

Sau một ngày làm việc vất vả, bụng phình to do thịt nướng và bia, mệt mỏi và sắp sửa đi ngủ nhưng cảnh sát trưởng vẫn phản ứng bằng sự nhạy bén và đầu óc minh mẫn đáng nể. “Ở đó mở cửa đến lúc nào?”

Đặt điện thoại bên tai phải, ngón tay bên tai trái để chặn tiếng ồn ở bãi chơi, tôi nói, “Con nghĩ là đến nửa đêm.”

“Hơn hai tiếng một chút. Bác sẽ phái ngay một sĩ quan đến đảm bảo an ninh đề phòng tên Robertson. Nhưng con trai này, con nói sự việc được ghi nhớ vào ngày mười lăm tháng Tám mà, là ngày mai, không phải hôm nay.”

“Đó là ngày trên tờ lịch để trong tài liệu của gã. Con không rõ nó có ý nghĩa gì. Con không chắc chuyện sẽ không xảy ra hôm nay mà phải đợi đến hết hôm nay và gã chưa bắt một ai.”

“Mấy thứ mà con gọi là ông kẹ có ngoài đó không?”

“Dạ không. Nhưng bọn chúng có thể xuất hiện khi gã lộ mặt ra.”

“Gã chưa trở về ngôi nhà ở Camp’s End,” cảnh sát trưởng nói, “nên gã còn ngoài kia, đi lung tung. Món churro thế nào?”

“Cực ngon,” tôi đáp.

“Sau món thịt nướng, bác vất vả lựa chọn giữa bánh sôcôla và bánh đào tự chế biến ở nhà. Bác nghĩ ngợi kỹ càng và ăn hết cả hai.”

“Nếu con từng có được cảm giác trên thiên đường thì đó chính nhờ miếng bánh đào của bác gái.”

“Bác cưới bác gái chỉ vì món bánh đào nhưng may bác gái lại còn thông minh và xinh đẹp.”

Chúng tôi chào tạm biệt. Tôi kẹp điện thoại chỗ thắt lưng và nói với Stormy là chúng tôi cần đi khỏi đây.

Nàng lắc đầu. “Khoan. Nếu cô phục vụ tóc vàng không ở đây thì vụ bắn giết sẽ không xảy ra.” Nàng vẫn giữ giọng khe khẽ, nghiêng người để nói át tiếng va chạm và rơi đồ của trò bowling. “Vậy bằng cách nào đó chúng mình đưa cô ấy đi khỏi đi.”

“Không. Điềm báo trong giấc mơ không phải *chính xác* từng chi tiết những việc sẽ diễn ra. Cô ấy ngồi nhà an toàn nhưng dù vậy, tên bắn súng có thể xuất hiện.”

“Nhưng ít ra cô ấy sẽ được cứu. Bớt đi một nạn nhân.”

“Một người khác lẽ ra không chết lại có thể bị bắn ở chỗ của cô ấy. Chẳng hạn như người phục vụ làm thay cô ấy. Hoặc anh hoặc em.”

“Có thể vậy.”

“Đúng, *có thể* vậy, làm sao anh cứu được ai nếu rất có thể điều đó có nghĩa là kết tội cho người khác?”

Ba bốn trái banh liên tiếp đâm sầm vào hàng ki dưng sẵn. Tiếng ồn nghe hơi giống loạt súng tự động, và tuy biết đó *không phải* tiếng súng, tôi vẫn co rúm.

“Anh không có quyền quyết định người khác chết thay cho cô ấy.”

Những giấc mơ báo điềm và những lựa chọn phải trái phức tạp mà giấc mơ đưa ra, chỉ hiếm khi đến với tôi. Tôi thật biết ơn điều đó.

“Vả lại,” tôi nói, “cô ấy sẽ phản ứng ra sao nếu anh đi lại quầy rượu nói rằng cô ấy sẽ bị bắn chết nếu không ra khỏi đây?”

“Cô ấy sẽ nghĩ anh quá đần hoặc nguy hiểm nhưng cô ấy sẽ đi.”

“Không đâu. Cô ấy sẽ ở lại đó. Cô ấy sẽ không muốn đánh liều mất việc, sẽ không muốn tỏ ra sợ hãi vì như thế khiến cô ấy trông yếu đuối và ngày nay phụ nữ không muốn tỏ ra yếu đuối

nhiều hơn đàn ông. Sau đó cô ấy có thể nhờ ai đó đi cùng ra xe nhưng chỉ thế thôi.”

Stormy nhìn chăm chăm cô gái tóc vàng sau quầy rượu trong lúc tôi nhìn bao quát căn phòng xem có ông kẹ nào đến trước tên đao phủ không. Không ai ở đây ngoài hai đứa tôi.

“Cô ấy quá đẹp, tràn trề sức sống,” Stormy nói, ám chỉ người phục vụ. “Rất cá tính, đúng là một nụ cười có sức lan tỏa.”

“Cô ấy trở nên sinh động hơn trong mắt em vì em biết số cô ấy có thể bị chết trẻ.”

Stormy nói, “Có vẻ sai trái khi đi khỏi và bỏ cô ấy lại đây mà không cảnh báo, không cho cô ấy một *cơ hội*.”

“Cách tốt nhất để cho cô ấy một cơ hội và cho *tất cả* những ai có thể thành nạn nhân một cơ hội, là ngăn chặn Robertson trước khi gã làm bất cứ điều gì.”

“Anh ngăn chặn được gã thì sẽ thế nào?”

“Tốt đẹp như khi gã chưa vào Quán Vĩ nướng sáng nay và anh chưa nhìn thấy gã với đám tùy tùng ông kẹ.”

“Nhưng anh không thể chắc chắn ngăn chặn được gã.”

“Trên đời này không có gì là chắc chắn hết.”

Dò xét ánh mắt của tôi, nàng nghĩ ngợi câu tôi vừa nói rồi nhắc nhở.

“Ngoại trừ chúng ta.”

“Ngoại trừ chúng ta,” tôi đẩy ghế ra khỏi bàn. “Đi thôi.”

Vẫn nhìn chăm chăm cô gái tóc vàng, Stormy nói, “Chuyện này quá nghiệt ngã.”

“Anh biết.”

“Quá bất công.”

“Cái chết chẳng phải thế là gì?”

Nàng nhồm dậy khỏi ghế. “Anh sẽ không để cô ấy chết phải không, Odd?”

“Anh sẽ làm những gì có thể.”

Chúng tôi ra ngoài, hy vọng rời khỏi trước khi viên cảnh sát được cử đi đến nơi và tò mò về sự dính líu của tôi.

Không ai trong lực lượng cảnh sát của thị trấn Pico Mundo hiểu mối quan hệ của tôi với cảnh sát trưởng Porter. Họ cảm thấy có điều gì đó khác biệt về tôi nhưng họ không nhận ra cái tôi thấy, cái tôi biết. Cảnh sát trưởng bao che kỹ cho tôi.

Nhiều người nghĩ tôi xun xoe cảnh sát trưởng Wyatt Porter vì tôi muốn thành cảnh sát. Họ cho rằng tôi khao khát sức hấp dẫn của nghề cảnh sát nhưng tôi không có trí thông minh hay lòng gan dạ để làm nghề này.

Đa số mọi người tin rằng tôi xem cảnh sát trưởng như hình tượng người bố vì bố ruột của tôi là mẫu người hết thuốc chữa. Quan điểm này có phần đúng.

Người ta đoán chắc cảnh sát trưởng thương cho tình cảnh mười sáu tuổi, tôi đã không thể sống tiếp với cả bố hay mẹ mà phải lăn lộn ra đời. Bởi vì ông Wyatt và bà Karla không thể có con nên người ta nghĩ cảnh sát trưởng dành tình cảm người bố cho tôi và xem tôi là con trai. Tôi được an ủi rất nhiều bởi sự thật điều đó có vẻ đúng vậy.

Thế nhưng là cảnh sát nên các thành viên trong Sở Cảnh sát thị trấn Pico Mundo cảm nhận theo bản năng rằng, họ thiếu hiểu biết cốt lõi có thể nắm rõ hoàn toàn mối quan hệ của chúng tôi. Tương tự, dù tôi tỏ ra không hề rắc rối và thậm chí còn đơn giản, nhưng họ vẫn xem tôi như trò chơi ghép hình thiếu không chỉ một mảnh ghép.

Khi Stormy và tôi bước ra khỏi Green Moon Lanes lúc mười giờ, một tiếng sau khi màn đêm phủ xuống, nhiệt độ tại thị trấn Pico Mundo vẫn hơn một trăm độ[36]. Đến nửa đêm không khí có thể giảm xuống thấp hơn con số nhiệt độ ba chữ số kia.

Nếu Bob Robertson phấn đấu tạo nên Địa ngục Trần gian thì chúng tôi đã có khí hậu dành cho nơi đó.

Đi về phía chiếc Mustang của cô Terri Stambaugh, tôi còn đang suy nghĩ về cô nhân viên tóc vàng có dấu hiệu sắp chết thì Stormy lên tiếng, “Đôi lúc em không biết sao anh có thể sống được với tất cả thứ anh nhìn thấy.”

“Cách nhìn nhận,” tôi nói với nàng.

“Cách nhìn nhận à? Nó hoạt động thế nào?”

“Có ngày làm tốt, có ngày không.”

Nàng định nài nỉ tôi giải thích thêm nhưng một chiếc xe tuần tra đã đến nơi, ghìim chân chúng tôi bằng đèn pha trước khi chúng tôi tới được chiếc Mustang. Chắc chắn tôi sẽ bị nhận ra nên tôi đứng tay trong tay với Stormy chờ chiếc xe dừng lại bên cạnh.

Simon Varner, viên sĩ quan nhận lệnh, tham gia lực lượng mới ba bốn tháng, lâu hơn Bern Eckles, người nhìn tôi đầy vẻ nghi ngờ tại bữa tiệc nướng của cảnh sát trưởng nhưng chưa đủ lâu để có lợi thế đẹp bỏ được sự tò mò của anh ta về tôi.

Sĩ quan Varner có khuôn mặt hiền lành như người dẫn chương trình thiếu nhi trên ti-vi đôi mắt với hàng mi dày giống nam tài tử quá cố Robert Mitchum. Anh ta chồm ra cửa sổ để mở, cánh tay vạm vỡ đặt trên thành cửa, trông như người làm mẫu cho nhân vật con gấu ngái ngủ trên bộ phim hoạt hình nào đó của hãng Disney.

“Odd, thật vui gặp cậu. Chào cô Llewellyn. Tôi nên tìm kiếm gì ở đây nhỉ?”

Tôi chắc rằng cảnh sát trưởng không nhắc đến tôi khi ông phái sĩ quan Varner đến trung tâm bowling. Khi tôi liên quan đến vụ việc, ông chủ trương cố hết sức không đả động đến tôi, không bao giờ ám chỉ đến những thông tin có được bằng cách thức phi phạm. Hướng hành động tốt hơn ấy không chỉ bảo vệ bí mật của tôi mà còn đảm bảo không luật sư biện hộ nào có thể dễ dàng gỡ tội cho kẻ sát nhân bằng cách khẳng định toàn bộ vụ việc gây bất lợi cho thân chủ ông ta đều dựa trên lời nói của một tên xạo tự xưng là người thần bí.

Mặt khác, vì sự xen vào của tôi ở bữa tiệc nướng dẫn đến việc cảnh sát trưởng và Bern Eckles phải cố gắng cùng nhau tìm ra tiểu sử sơ lược của Robertson nên Eckles biết tôi có mối liên kết nào đó với tình huống này. Nếu Eckles đã biết thì sự việc sẽ lan ra khắp nơi; có thể giờ câu chuyện đã nằm trong hệ thống truyền tin mật của Sở Cảnh sát.

Nhưng tốt nhất cứ chơi trò giả ngu. “Anh nên tìm kiếm gì? Anh à, em không hiểu.”

“Tôi thấy cậu, tôi đoán cậu đã nói với cảnh sát trưởng điều gì đó khiến ông cử tôi ra đây.”

“Chúng em chỉ xem vài người bạn chơi bowling thôi,” tôi lên tiếng. “Bản thân em chẳng hề giỏi môn này.”

Stormy cất giọng. “Anh ấy *sở hữu* cái rãnh.”

Varner lấy từ ghế bên cạnh bức ảnh trong bằng lái xe của Bob Robertson đã được phóng to in qua máy vi tính. “Cậu biết tên này, đúng không?”

Tôi đáp. “Hôm nay em thấy ông ta hai lần. Em không thật sự biết ông ta.”

“Chẳng phải cậu nói với cảnh sát trưởng rằng tên này có thể xuất hiện ở đây à?”

“Không phải em. Sao em biết được ông ta xuất hiện ở đâu?”

“Cảnh sát trưởng nói nếu tôi thấy hắn đi tới nhưng không nhìn thấy cả hai bàn tay của hắn

thì đừng nghĩ hắn chỉ đang lấy kẹo bạc hà làm thơm miệng ra khỏi túi.”

“Em sẽ không nói khác cảnh sát trưởng.”

Một chiếc xe Lincoln Navigator từ ngoài đường tấp vào dừng phía sau xe tuần tra của Varner. Anh ta giơ cả cánh tay ra ngoài cửa sổ, vẫy chiếc xe SUV đó chạy vòng qua mặt.

Tôi thấy hai người đàn ông trong chiếc xe Navigator. Không ai là Robertson cả.

“Sao cậu biết tên này?” Varner hỏi.

“Trước buổi trưa, ông ta đến Quán Vĩ nướng dùng bữa.”

Hàng mi hơi nhướn lên khỏi cặp mắt gấu ngái ngủ. “Thế thôi à? Cậu nấu bữa trưa cho hắn hả? Tôi tưởng... có chuyện gì đó xảy ra giữa cậu và hắn chứ?”

“Có chuyện, không lớn lắm.” Tôi tường thuật ngắn gọn lại ngày hôm nay, bỏ qua những điều Varner không cần phải biết. “Ông ta tỏ ra khác thường ở Quán Vĩ nướng. Lúc ấy cảnh sát trưởng cũng có mặt, thấy ông ta kỳ quái. Rồi đến buổi chiều em xong việc, ra ngoài đi quanh quán, lo chuyện riêng của em, thì ông Robertson này làm cử chỉ gây sự với em.”

Hàng mi dày của Varner trở thành lá chắn thu hẹp cặp mắt anh ta thành hai kẻ hở ti hí chứa đầy sự hoài nghi. Bản năng mách bảo anh ta rằng tôi đang giấu giếm thông tin. Anh ta không chậm tiêu như vẻ bề ngoài. “Gây sự ra sao?”

Stormy cứu tôi khỏi lời nói dối ngắc ngư bằng một câu trôi chảy. “Thằng cha kinh tởm đó gạ gẫm tục tĩu với em, Odd bảo hắn cút xéo.”

Gã Nấm nhìn không giống hạng người dê xồm mang ý nghĩ mọi phụ nữ đều khao khát gã.

Thế nhưng Stormy quá ư xinh đẹp thu hút đến mức Varner, dù đang trong trạng thái ngờ vực cũng tỏ ra tin rằng ngay cả một kẻ khù khờ như Bob Robertson sẽ dâng trào lượng kích thích tố để cố thử vận may với nàng.

Anh ta nói. “Cảnh sát trưởng nghĩ tên này phá hoại nhà thờ St. Bart. Tôi đoán cậu biết chuyện đó.”

Nhằm đánh lạc hướng thám tử Sherlock lì lợm này. Stormy nói, “Sĩ quan Varner, tính tò mò đang giết chết em. Anh có phiền không nếu em hỏi, hình xăm của anh có nghĩa gì vậy?”

Anh ta mặc áo sơ mi ngắn tay, để lộ bắp tay cuộn cuộn. Bên cánh tay trái phía trên đồng hồ đeo tay có ba chữ viết rời nhau: *QST*.

“Cô Llewellyn, tôi rất tiếc phải nói rằng khi ở độ tuổi thiếu niên, tôi là một tên hợm hĩnh thích khoe mẽ. Gia nhập băng đảng. Chuyển hướng cuộc đời trước khi quá muộn. Tôi tạ ơn Chúa Jesus vì điều đó. Hình xăm này là một thứ thuộc băng đảng.”

“Những chữ đó viết tắt cho từ gì vậy?” Nàng hỏi.

Anh ta tỏ vẻ lúng túng. “Một từ tục tĩu thô thiển lắm, thưa cô. Tôi muốn không nói ra.”

“Anh có thể xóa nó đi,” nàng nói. “Gần đây người ta có rất nhiều cải tiến trong việc đó.”

Varner nói, “Tôi đã nghĩ đến chuyện đó. Nhưng tôi giữ nó để nhắc nhở cho bản thân mình rằng đã từng xa rời con đường chính đạo đến mức nào và việc thực hiện bước đi sai lầm đầu tiên mới dễ làm sao.”

“Quá tuyệt vời và quá đáng quý,” nàng thốt lên, cúi sát cửa sổ hơn như để nhìn cho rõ con người mẫu mực kia. “Rất nhiều người viết lại quá khứ hơn là đối mặt với nó. Em thật vui mừng khi biết chúng em có được những người như anh bảo vệ cho chúng em.”

Nàng rút lời đường mật quá êm ái đến mức nghe như thật tình.

Trong khi sĩ quan Varner đang phờ mình trong lời tăng bốc cách sung sướng như cái bánh quế nằm trong lớp bơ đánh tan, nàng quay sang tôi và lên tiếng, “Odd, em phải về rồi, sáng mai em dậy sớm.”

Tôi chúc sĩ quan Varner may mắn và anh ta không nhằm nhe tiếp tục tra hỏi tôi nữa. Anh ta có vẻ đã quên mối nghi ngờ của mình.

Vào trong xe, tôi nói với Stormy, “Chưa bao giờ anh nhận ra em lại có tài lừa gạt.”

“Ôi, dùng từ đó nghiêm trọng quá. Em chỉ uốn nắn anh ta một tí.”

“Sau khi chúng mình cưới, anh sẽ đề phòng chuyện đó,” tôi vừa cảnh báo nàng vừa khởi động xe.

“Ý anh là sao?”

“Đề phòng em cố uốn nắn anh một tí.”

“Trời, cưng à, em uốn nắn anh mỗi ngày đấy chứ. Và còn cuộn anh lại, đuổi anh ra nữa đó.”

Tôi chẳng biết nàng đang nói thật hay đùa. “Em có làm vậy sao?”

“Một cách dịu dàng, tất nhiên. Dịu dàng và cực kỳ âu yếm. Và anh luôn thích vậy mà.”

“Anh thích hả?”

“Anh có cả đồng mái lới khiến em làm thế.”

Tôi gài số xe nhưng vẫn giữ chân trên phanh. “Em đang nói là anh *mời gọi* em uốn nắn hả?”

“Nhiều hôm em nghĩ anh thúc đẩy việc đó.”

“Anh chẳng biết em đang thật hay đang đùa.”

“Em biết mà. Anh thật đáng yêu.”

“Chó con mới đáng yêu. Anh không phải chó con.”

“Anh và chó con. Hết sức đáng yêu.”

“Em *đang* nói thật.”

“Em nói thật ư?”

Tôi quan sát nàng thật kỹ. “Không, không phải em đang nói đùa.”

“Em nói đùa à?”

Tôi thở dài, “Anh nhìn thấy người chết thì được chứ nhìn thối em thì anh thua.”

Khi chúng tôi chạy ra khỏi bãi đậu xe, sĩ quan Varner đang đậu xe gần cửa chính đi vào Green Moon Lanes.

Thay vì lảng lạng giám sát nơi này với hy vọng tóm cổ được Robertson trước khi màn bạo lực diễn ra thì anh ta lại đang làm lộ mình hết cỡ, hệt như người phá đám. Hiểu và thực hiện nhiệm vụ theo kiểu này rất nhiều khả năng không phải điều mà cảnh sát trưởng chấp thuận.

Khi chúng tôi chạy ngang qua, sĩ quan Varner vẫy tay. Hình như anh ta đang ăn bánh.

Bà ngoại Sugars luôn luôn phản bác suy nghĩ tiêu cực vì bà tin một cách dị đoan rằng khi chúng ta lo nghĩ sợ phải đau buồn bởi chuyện không hay thì thực ra chúng ta đang *mời gọi* điều cực kỳ khủng khiếp mà ta sợ hãi, và chúng ta đang đảm bảo cho việc diễn ra cái sự kiện mà ta khiếp đảm. Thế nhưng tôi không thể thôi nghĩ rằng thật quá dễ để Bob Robertson có thể tiến đến xe tuần tra từ phía sau và bắn vào đầu Simon Varner trong lúc anh ta ngấu ngiến cái bánh Krispy Kremes.

CHƯƠNG 24

Chị Viola Peabody, nhân viên phục vụ đã mang bữa trưa cho tôi và cô Terri ở Quán Vỉ nướng mới cách đây tám tiếng đồng hồ đầy sự tiện, sống cách xa Camp's End chỉ có hai khu nhà, nhưng nhờ khả năng trồng vườn, sơn phết và làm mộc không mệt mỏi của chị mà ngôi nhà như một thế giới cách xa những con phố ảm đạm kia.

Tuy nhỏ bé đơn sơ nhưng mái ấm này giống ngôi nhà thần tiên trong tranh lãng mạn của Thomas Kinkade. Dưới bóng trăng khuyết, tường nhà sáng dịu như thạch cao tuyết hoa lấp lánh và ngọn đèn soi tỏ những cánh hoa đỏ thắm trên nhánh dây leo trang trí hàng rào mắt cáo nằm bên hông và nhô ra phía trước.

Không tỏ ra ngạc nhiên khi thấy chúng tôi đến bất ngờ vào giờ này, chị Viola ân cần đón chào Stormy và tôi, mỉm cười hỏi mời chúng tôi dùng cà phê hay trà đá, nhưng hai đứa từ chối.

Chúng tôi ngồi trong gian phòng khách nhỏ, nơi chính chị Viola tháo rời và thay lại sàn gỗ. Chị kết mảnh vụn thành một tấm thảm. Chị lấy vải hoa sặc sỡ may rèm cửa và những tấm vải bọc bàn ghế khiến đồ đạc trông mới ra.

Ngồi ở mép ghế bành, chị Viola mảnh khảnh như thiếu nữ. Việc mang nặng đẻ đau và những gánh nặng cuộc sống không để lại dấu vết nơi chị. Trông chị không già nua hoặc ưu phiền khi làm người mẹ độc thân nuôi hai đứa con gái năm và sáu tuổi đang ngủ ở trong phòng.

Chồng chị, Rafael, kẻ bỏ rơi chị và không góp một xu tiền trợ cấp cho con, là một tên ngốc hoàn hảo đến mức lẽ ra phải bắt hấn ăn mặc như thằng hề, thêm cái mũ lỗ bịch và đôi giày mũi cong cho đủ bộ.

Ngôi nhà không có máy điều hòa. Cửa sổ để mở và một cây quạt điện đặt trên sàn, cánh quạt chuyển động mang đến ảo giác mát mẻ cho không khí.

Chồm ra trước đưa hai tay ôm gối, chị Viola đối nụ cười thành vẻ chờ đợi nghiêm nghị vì chị biết lý do tôi buộc phải đến đây. “Chuyện giấc mơ của chị phải không?” Chị dịu dàng lên tiếng.

Tôi cũng nói khể để hai đứa bé ngủ. “Kể cho em nghe lần nữa đi.”

“Chị thấy chính mình, một lỗ trên trán, mặt chị... dập nát.”

“Chị nghĩ chị bị bắn.”

“Bị bắn chết,” chị xác nhận, chắp hai tay lại giữa gối như cầu nguyện. “Mắt phải của chị đỏ ngầu và lồi lên rất ghê, gần một nửa lồi ra khỏi hốc mắt.”

“Những giấc mơ lo âu,” Stormy lên tiếng, có ý đoán chắc lại lần nữa. “Chúng không liên quan gì tới tương lai đâu.”

“Chúng ta ở ngoài phạm vi hiểu biết này,” chị Viola nói với nàng. “Odd... cô ấy cũng có cùng ý kiến đó hồi trưa.” Chị nhìn tôi. “Hẳn là em đã đổi ý, nếu không em sẽ không đến đây.”

“Trong mơ chị ở đâu?”

“Không nơi nào cả. Em biết đó, một nơi trong mơ... hoàn toàn mờ nhạt, biến đổi.”

“Chị có bao giờ chơi bowling không?”

“Trò đó tốn kém lắm. Chị phải để dành hai khoản tiền đại học. Mấy đứa con gái chị phải học thành tài.”

“Chị có bao giờ vào trong Green Moon Lanes chưa?”

Chị lắc đầu, “Chưa.”

“Có điều gì đó trong mơ cho thấy nơi đó có thể là sân chơi bowling không?”

“Không. Như chị đã nói, nó không phải *bất kỳ* nơi nào. Sao em nói đến sân chơi bowling? Em cũng có giấc mơ à?”

“Dạ phải, em có mơ.”

“Người ta bị chết phải không?” chị Viola hỏi.

“Dạ.”

“Có những giấc mơ nào của em trở thành sự thật chưa?”

“Thỉnh thoảng,” tôi thừa nhận.

“Chị biết em hiểu mà. Đó là lý do chị nhờ em bói cho chị.”

“Kể cho em nghe thêm về giấc mơ của chị đi, chị Viola.”

Chị nhắm mắt cố nhớ. “Chị đang chạy khỏi một cái gì đó. Có những cái bóng, vài tia sáng nhưng không có gì cụ thể hết.”

Giác quan thứ sáu của tôi độc đáo về bản chất và mức độ rõ ràng. Nhưng tôi tin nhiều người có những năng lực tri giác siêu nhiên chưa được phát hiện và ít gây ấn tượng hơn, những năng lực đó thỉnh thoảng bộc lộ trong suốt cuộc đời họ: các linh cảm đôi lúc đến dưới hình thức giấc mơ, cũng như những giây phút khác nảy sinh cảm nhận và sự thấu hiểu kỳ lạ.

Họ không thể thăm dò những trải nghiệm đó một phần vì họ tin thừa nhận sự siêu nhiên là điều phi lý. Họ cũng hoảng sợ, thường là một cách vô thức, trước viễn cảnh mang trí óc và trái tim đến với sự thật của một vũ trụ phức tạp và ý nghĩa hơn rất nhiều cái thế giới vật chất mà nền giáo dục nói với họ đó là tổng hợp của tất cả mọi thứ.

Vì thế tôi không ngạc nhiên khi cơn ác mộng của chị Viola, lúc trưa có vẻ chẳng là gì, giờ xét cho cùng đã tỏ ra là một vấn đề quan trọng. “Giấc mơ của chị có giọng nói, âm thanh không?” Tôi hỏi chị ấy, “Của một số người không có.”

“Của chị có. Trong mơ, chị nghe thấy được chính mình đang thở. Và đám đông.”

“Đám đông à?”

“Một đám đông la hét, như âm thanh trong sân vận động.”

Bối rối, tôi nói. “Một nơi như vậy thì ở đâu trong thị trấn Pico Mundo?”

“Chị không biết. Có thể là trận bóng chày Little League.”

“Không có đám đông lớn đến vậy ở một trong những trận như thế,” Stormy lưu ý.

“Đâu nhất thiết phải cả ngàn giọng nói. Có thể vài trăm người,” chị Viola nói. “Chỉ là một đám đông, tất cả đều la hét.”

Tôi lên tiếng, “Vậy rồi chị thấy mình bị bắt thế nào?”

“Không thấy nó diễn ra. Những cái bóng, tia sáng, chị đang chạy và trượt chân, ngã chống tay và đầu gối.”

Đôi mắt chị Viola cử động sau hàng mi như chị đang ngủ và lần đầu tiên trải qua cơn ác mộng.

“... chống tay và đầu gối,” chị lặp lại, “tay dính thứ gì đó trơn ướt. Đó là máu. Rồi những cái

bóng xoay tít ra xa và ánh sáng xoáy vào, và chị đang nhìn xuống khuôn mặt đã chết của chính mình.”

Chị rùng mình và mở mắt ra.

Những giọt mồ hôi bé tí lấm tấm trên trán và môi trên của chị.

Mặc dù có cây quạt điện nhưng căn phòng vẫn nóng. Song chị ấy không hề đổ mồ hôi trước khi bắt đầu nhớ lại giấc mơ.

“Còn gì khác không, chi tiết nào khác nữa?” Tôi hỏi. “Ngay cả một điều nhỏ nhất nhất cũng có thể giúp em. Chị ở đâu... Ý em là xác chết của chị... nằm trên cái gì? Nền loại gì? Có đường nhựa...”

Chị ấy nghĩ ngợi giây lát, lắc đầu. “Không biết. Chỉ có duy nhất một thứ khác nữa chính là một anh chàng, một anh chàng đã chết.”

Tôi ngồi thẳng hơn nữa trên ghế. “Ý chị là một... thi thể khác à?”

“Cạnh chị... cạnh xác chị. Anh ta nằm hơi nghiêng một cánh tay quạt ra sau lưng.”

“Có các nạn nhân khác ư?” Stormy hỏi.

“Có thể. Chị không thấy ai ngoài anh ta.”

“Chị có nhận ra anh ta không?”

“Không thấy mặt anh ta. Khuôn mặt quay qua bên kia.”

Tôi lên tiếng. “Chị Viola, nếu chị có thể cố hết sức nhớ ra...”

“Dù sao thì chị cũng không chú ý đến anh ta. Chị quá sợ hãi không bản khoăn xem anh ta là ai. Chị nhìn khuôn mặt đã chết của chính mình và cố hét lên nhưng không thể, và chị cố hơn nữa rồi chị bật dậy trên giường, tiếng hét vang ra nhưng em biết đấy, chỉ là một tiếng khào khào.”

Ký ức khiến chị Viola xúc động. Chị toan đứng lên khỏi ghế. Nhưng chân chị đứng không vững. Chị lại ngồi xuống.

Cứ như đang được đọc tâm trí của tôi, Stormy cất giọng hỏi. “Anh ta mặc đồ gì?”

“Gì cơ... anh chàng trong mơ đó hả? Một chân bị bẻ quạt ra sau, chiếc giày bung ra một nửa. Một chiếc giày da.”

Hai đứa tôi chờ đợi trong lúc chị Viola lục lại trí nhớ. Những giấc mơ ngập đầy như kem khi chúng phô bày, trở thành sữa không kem khi ta tỉnh dậy và lúc đó chúng bay biến khỏi tâm trí ta, để lại lớp cặn thừa nhỏ như nước thấm qua mảnh vải thừa.

“Quần anh ta dính máu tung tóe,” chị Viola nói. “Chị nghĩ là quần kaki. Là chiếc quần màu nâu.”

Cây quạt xoay chậm chậm rung rinh cành lá của cây cọ đặt trong chậu nằm ở góc phòng, từ những chiếc lá dấy lên âm thanh xào xạc khô khốc khiến tôi liên tưởng đến bầy gián và lũ chuột đang chạy nhốn nháo, và không có gì tốt đẹp cả.

Đọc những chi tiết cuối cùng trong mơ lúc này hãy còn sót lại trên mảnh vải thừa của trí nhớ, chị Viola lên tiếng, “*Một cái áo thun cổ có bầu...*”

Tôi đứng dậy khỏi ghế. Tôi cần di chuyển. Nhận thấy căn phòng quá nhỏ để có thể đi lại nhưng tôi vẫn đứng.

“Xanh lá cây,” chị Viola nói. “Một cái áo thun xanh lá cây cổ có bầu.”

Tôi nghĩ đến anh chàng phía sau quầy cho thuê giày tại Green Moon Lanes, cô gái tóc vàng rót bia phía sau quầy rượu, cả hai đều mặc đồng phục làm việc mới.

Giọng trở nên càng khẽ khàng hơn, chị Viola nói. “Nói thật chị nghe đi Odd. Nhìn mặt chị xem. Em có thấy sự chết chóc nơi chị không?”

Tôi đáp, “Có.”

CHƯƠNG 25

Tuy tôi không thể xem mặt để khám phá tương lai hay những bí mật trong tim nhưng tôi không thể nhìn thêm giây phút nào nữa khuôn mặt chị Viola Peabody vì tôi hình dung cái điều tôi không thể nói ra sự thật, và trong con mắt của tâm trí tôi hiện ra cảnh những đứa con gái mồ côi mẹ đang đứng tại nấm mồ của chị.

Tôi đi đến một cửa sổ mở toang. Ngoài kia là mảnh sân bên hông nhà lấp ló những cây tiêu. Trong bóng tối nóng ẩm bay tới mùi hương dịu dàng của khóm hoa lài được vun trồng và chăm sóc bởi đôi tay chu đáo của chị Viola.

Bình thường tôi không sợ ban đêm. Thế nhưng tôi sợ đêm nay vì sự chuyển giao từ ngày mười bốn tháng Tám sang ngày mười lăm tháng Tám đang đến nhanh như chuyển tàu tốc hành, như thể vòng quay của trái đất đã bị một ngón tay sùng đạo búng cho tăng tốc dữ dội.

Tôi quay sang chị Viola. Chị vẫn đang ngồi ở mép ghế. Đôi mắt luôn mở to của chị giờ trông nghiêm nghị, và khuôn mặt da nâu dường như mang chút màu xám xịt. Tôi lên tiếng, “Ngày mai chị nghỉ làm phải không?”

Chị gật đầu.

Chị Viola có người em gái trông giúp bọn trẻ nên chị làm việc ở Quán Vĩ nướng sáu ngày một tuần.

Stormy hỏi. “Chị có kế hoạch gì không? Ngày mai chị sẽ làm gì?”

“Chị tính buổi sáng làm việc quanh quán trong nhà. Luôn có việc để làm ở đây. Buổi chiều... dành cho các bé.”

“Ý chị là Nicolina và Levanna hả?” tôi hỏi, gọi tên hai đứa con gái của chị.

“Thứ Bảy là sinh nhật Levanna. Con bé tròn bảy tuổi. Nhưng Quán Vĩ nướng thứ Bảy đông khách, nhiều tiền bo. Chị không thể bỏ việc. Thế nên nhà chị sẽ ăn mừng sớm.”

“Ăn mừng ra sao?”

“Bộ phim mới, quả bom tấn đối với toàn thể trẻ con, bộ phim có chú chó. Mẹ con chị sẽ đi xem suốt bốn giờ.”

Trước khi Stormy cất lời, tôi đã nắm được cốt lõi điều nàng sẽ nói. “Chắc có nhiều hơn một đám đông trong rạp chiếu phim mát mẻ vào một buổi chiều mùa hè hơn là một trận bóng chày Little League.”

Tôi hỏi chị Viola. “Chị định làm gì sau khi xem phim?”

“Cô Terri nói đưa bọn trẻ đến Quán Vỉ nướng, dự tiệc với cô ấy.”

Quán Vỉ nướng có thể trở nên ồn ào khi tất cả các bàn đều đầy người nhưng tôi không nghĩ cuộc trò chuyện say mê của những thực khách quen trong quán ăn nhỏ của chúng tôi lại có thể bị nhầm lẫn thành sự la hét của một đám đông. Tất nhiên trong các giấc mơ, mọi thứ đều có thể bị bóp méo, kể cả âm thanh.

Với cánh cửa sổ để mở sau lưng, thành linh tôi cảm thấy nguy hiểm đến mức khiến da sau gáy dúm dỏ lại.

Tôi nhìn trở ra mảnh sân bên hông nhà. Mọi thứ xem ra vẫn như phút trước.

Những nhánh cây tiêu tha thướt rũ xuống trong không khí ban đêm lạnh gió, ngào ngạt hương hoa lài. Bóng tối và bụi rậm bên xoắn những lùm đèn khác biệt của chúng vào nhau, nhưng tôi có thể nói chúng không tạo nơi ẩn nấp cho Bob Robertson hay ai khác.

Tuy thế tôi vẫn bước ra xa, đi sang bên hông cửa sổ rồi quay lại chị Viola lần nữa. “Em nghĩ chị phải thay đổi kế hoạch ngày mai thôi.”

Để cứu chị Viola khỏi số mệnh này, biết đâu tôi lại kết án người khác phải chết thê thảm thế chỗ chị ấy, hết như cảnh ngộ có thể xảy ra nếu tôi cảnh báo cô nhân viên tóc vàng ở quầy rượu tại sân chơi bowling. Khác biệt duy nhất là tôi không quen cô gái tóc vàng... còn chị Viola lại là một người bạn.

Đôi khi những lựa chọn phải trái khó khăn và phức tạp được quyết định bằng lý trí, ít hơn tình cảm. Có lẽ những quyết định đó là viên đá lát đường dẫn xuống địa ngục; nếu vậy, tuyến đường của tôi đã được lát đầy và ủy ban đón khách đã nắm rõ tên tôi.

Để biện hộ, tôi chỉ có thể nói rằng tôi cảm thấy, thậm chí cả về sau, rằng việc cứu chị Viola đồng nghĩa với việc cứu luôn hai đứa con của chị. Ba người chứ không phải một.

“Có bất kỳ hy vọng nào...” chị Viola sờ lên mặt bằng bàn tay năm ngón run lẩy bẩy, lần theo xương hàm, gò má và chân mày như thể không phải đang dò la hộp sọ của mình mà là tìm ra sự chấp nhận của Tử thần về quá trình thay chỗ cho chị ấy. “... bất kỳ hy vọng nào rằng chuyện này

có thể chuyển khỏi chị không?”

“Định mệnh không phải con đường thẳng tắp,” tôi nói, trở thành nhà tiên tri mà lúc trưa hôm nay tôi đã từ chối làm công việc này cho chị. “Có những ngã ba trên đó rất nhiều lộ trình khác nhau dẫn đến những cái đích khác nhau. Chúng ta được tự ý chọn đường.”

“Cứ làm những gì Odd nói,” Stormy khuyên, “và chị sẽ không sao đâu.”

“Không dễ như vậy,” tôi nói nhanh. “Chị có thể thay đổi con đường chị đi nhưng đôi lúc nó có thể ngoặt ngược trở lại dẫn chị đi thẳng tới cùng một định mệnh khó thay đổi kia.”

Chị Viola nhìn tôi bằng ánh mắt rất đổi khâm phục, thậm chí đến mức kinh sợ. “Chị biết *chắc* em hiểu những việc này mà Odd, mọi thứ về Thế giới bên kia và Kiếp sau.”

Không thoải mái trước lòng ngưỡng mộ của chị ấy, tôi bước đến một cánh cửa sổ để mở khác. Chiếc Mustang của cô Terri đậu dưới ngọn đèn đường phía trước ngôi nhà. Mọi thứ tĩnh lặng. Không thứ gì cần báo động. Không một thứ gì và tất cả mọi thứ.

Chúng tôi tiến hành biện pháp để đảm bảo mình không bị theo dõi từ chỗ trung tâm bowling. Dù sao tôi vẫn lo lắng vì sự xuất hiện của Robertson tại nhà Ozzie “bé” và một lần nữa tại nghĩa trang đã khiến tôi bất ngờ, và tôi không đủ sức để bị bất ngờ đến lần thứ ba.

“Chị Viola,” tôi cất giọng, một lần nữa quay lại phía chị, “thay đổi kế hoạch cho ngày mai chưa đủ đâu. Chị cũng cần duy trì sự đề phòng nữa, cảnh giác với bất cứ cái gì có vẻ... không ổn.”

“Chị đã nhấp nhồm như con dế rồi đây.”

“Vậy không tốt. Nhấp nhồm không giống đề phòng.”

Chị gật đầu, “Em nói đúng.”

“Chị cần bình tĩnh hết mức có thể.”

“Chị sẽ cố. Chị sẽ cố hết sức.”

“Bình tĩnh và tinh ý, chuẩn bị ứng phó nhanh trước mọi mối đe dọa nhưng đủ bình tĩnh nhìn nó xảy đến.”

Ngồi ngay thẳng trên mép ghế, chị vẫn có vẻ sẵn sàng nhảy dựng như con dế.

“Sáng mai,” Stormy lên tiếng, “chúng em sẽ đưa cho chị bức ảnh của cái gã chị phải coi chừng.” Nàng nhìn qua tôi, “Anh lấy cho chị ấy một bức ảnh thật rõ của gã được không Odd?”

Tôi gật đầu. Cảnh sát trưởng sẽ cho tôi bức ảnh Robertson do sở giao thông lập ra được phóng to in qua máy vi tính.

“Gã ra sao?” chị Viola hỏi.

Theo một cách sinh động nhất có thể, tôi mô tả Gã Năm, kẻ có mặt tại Quán Vĩ nướng trong suốt ca làm việc đầu tiên, trước khi chị Viola đến. “Nếu chị thấy gã thì tránh xa ra. Chị sẽ biết điều tồi tệ nhất đang đến. Nhưng em không nghĩ có bất cứ chuyện gì xảy ra tối nay đâu. Không phải tại đây. Mọi dấu hiệu cho thấy gã đang dự định làm một vụ lớn ở một nơi công cộng, nhiều người...”

“Ngày mai, đừng đi xem phim chị nhé,” Stormy dặn.

“Ừ, chị không đi đâu,” Viola cam đoan.

“Và cũng đừng ra ngoài ăn tối luôn.”

Tôi không hiểu có thể được gì từ việc liếc qua Nicolina và Levanna nhưng bỗng nhiên tôi nghĩ tôi không nên rời ngôi nhà mà chưa thấy bọn trẻ. “Chị Viola, em nhìn hai bé được không?”

“Bây giờ à? Bọn trẻ ngủ rồi.”

“Em không đánh thức các bé đâu. Nhưng việc này... quan trọng.”

Chị đứng dậy khỏi ghế và dẫn chúng tôi vào căn phòng hai con chị ở chung: hai cây đèn, hai bàn đặt đầu giường, hai cái giường và hai bé gái xinh như thiên thần mặc bộ đồ thun đang ngủ say, đắp tấm khăn trải giường chứ không có mền.

Một cây đèn có công tắc ba nấc được chỉnh ở mức sáng yếu nhất. Màu vàng nhạt tỏa ra thứ ánh sáng dịu, mát mắt.

Hai khung cửa sổ mở ra màn đêm nóng bức. Mong manh như linh hồn, một con bướm trắng đục vỏ cánh liên hồi lên tấm lưới chắn với nỗi tuyệt vọng của tâm hồn tội lỗi đang run rẩy kích động trước cánh cổng thiên đường.

Gắn vào mặt trong của cửa sổ với chốt khóa khẩn cấp mà từ ngoài không thể với tới là những song sắt nhằm ngăn chặn một tên như Harlo Landerson đến gần hai bé gái.

Lưới chắn và chắn song có thể ngăn bướm và lũ điên nhưng không chặn được ông kẹ. Năm tên đang ở trong phòng.

CHƯƠNG 26

Hai hình thù mang đến tai ương đứng ở mỗi giường, những kẻ ghé thăm từ địa ngục, những du khách bước ra khỏi phòng tối.

Bọn chúng cúi xuống các cô bé và có vẻ đang xem xét với sự thích thú cực độ. Bàn tay của chúng, nếu chúng có tay, lơ lửng vài phân bên trên khăn trải giường và dường như chậm chậm lần theo vòng quanh cơ thể bọn trẻ.

Tôi không biết chắc bọn chúng đang làm gì, nhưng tôi cho rằng chúng bị thu hút đến với sức sống tràn trề của Nicolina và Levanna, và bằng cách nào đó chúng đang đắm chìm trong sức sống ấy.

Lũ sinh vật này có vẻ không biết chúng tôi đã vào phòng. Chúng mê mết nếu không phải gần như bị thôi miên trước ánh hào quang các bé gái phát ra, ánh hào quang vô hình đối với tôi nhưng rõ ràng đang khiến chúng lóa mắt.

Con quái thú nằm bò trên sàn phòng ngủ, chuyển động của nó biến đổi và uốn éo như loài bò sát. Dưới giường Levanna, nó trượt dài như để quấn chặt ở đó, vậy mà chốc lát sau nó lại chồm lên với kiến vằn vẹo như rồng lửa, để lướt sang gầm giường Nicolina và lặng lẽ trôi thụt thân hình như con rắn vùng vẫy chậm chạp.

Không thể kiềm chế cơn rung mình, tôi cảm giác kẻ xâm nhập thứ năm này đang thưởng thức một hương thơm tuyệt diệu nào đó, một phần tinh túy còn sót lại sau khi đôi chân các cô bé bước qua. Và tôi ngỡ như, hoặc mong là tôi cứ ngỡ mình thấy tên ông kẻ quẩn quại này không ngừng liếm láp tấm thảm bằng cái lưỡi mỏng lạnh.

Khi tôi không dám vượt qua ô cửa, chị Viola thì thầm, “Ồn cả. Bọn trẻ ngủ sâu rồi, cả hai đứa.”

“Các bé thật đẹp,” Stormy thốt lên.

Chị Viola rạng rỡ niềm tự hào. “Bọn trẻ đúng là các cô bé ngoan.” Thấy trong nét mặt tôi loáng thoáng phản ánh cái điều ghê tởm đã xâm chiếm tâm trí tôi, chị hỏi, “Chuyện gì không ổn vậy?”

Nhìn sang trong lúc tôi cố nở nụ cười gượng gạo, Stormy lập tức ngơ ngợ ra sự thật. Nàng liếc mắt ngó vào những góc phòng mờ ảo, trái, phải và trên trần, hy vọng bắt gặp chỉ ít một thoáng lướt nhanh của thứ siêu nhiên bất kỳ nào đó hiện hình đối với tôi.

Tại giường, bốn tên ông kẹ khom mình. Có lẽ chúng là linh mục trong nền tôn giáo của ma quỷ, người Aztec tại bộ thờ giết người hiến tế, vì tay chúng di chuyển ngoằn ngoèo và không dứt theo động tác ra dấu nghi thức bên trên hai cô bé đang ngủ.

Khi tôi không thể trả lời ngay câu hỏi của chị Viola, chị tưởng tôi đã thấy có điều không ổn với con chị và chị tiến một bước về phía giường.

Nhẹ nhàng tôi nắm chặt tay chị và kéo chị lại. “Em xin lỗi, chị Viola. Không có chuyện gì hết. Em chỉ muốn chắc chắn các bé an toàn. Và với những chấn song trên cửa sổ kia thì các bé an toàn.”

“Bọn trẻ biết cách dùng chốt khóa khẩn cấp,” chị nói.

Một trong các thực thể cạnh giường Nicolina xem ra đã tỉnh cơn mê và nhận ra sự hiện diện của chúng tôi. Tay nó thực hiện những cử động kỳ quái chậm lại nhưng không dừng hẳn, đồng thời nó ngẩng cái đầu như đầu chó không có mắt, sẫm soi về phía chúng tôi với vẻ dữ dội, gây bối rối.

Tôi miễn cưỡng đành để các bé ở lại với năm bóng ma kia mà chẳng thể làm gì để trục xuất chúng đi.

Vả lại, từ tất cả những gì tôi hiểu về bọn ông kẹ, chúng có thể trải nghiệm thế giới này bằng một số giác quan, nếu không phải bằng toàn bộ năm giác quan thông thường, song chúng dường như không có bất kỳ *tác động* nào lên các thứ nơi đây. Tôi chưa bao giờ nghe chúng gây ra âm thanh, chưa bao giờ thấy chúng di chuyển vật thể, ngay cả hành trình của chúng còn không ảnh hưởng đến đám bụi bay trong không khí nữa là.

Thân hình chúng chứa đựng vật chất thua kém cả một hồn ma lữm lờ bên trên cái bàn trong buổi gọi hồn. Chúng là sinh vật trong mơ khi giấc ngủ còn chưa đến.

Các cô bé sẽ không bị hại. Không phải ở đây. Không phải lúc này.

Hoặc tôi hy vọng thế.

Tôi ngờ rằng những yêu quái du hành đến thị trấn Pico Mundo để giành chỗ quanh lễ hội máu đang tiêu khiển trong đêm trước ngày diễn ra sự kiện chính. Chắc chúng lấy làm vui thích với việc quan sát nạn nhân trước khi vụ nổ súng khai hỏa; chúng khoái trá và háo hức quan sát những người vô tội hoàn toàn không biết mình đang cận kề cái chết.

Giả vờ không biết đến những kẻ xâm nhập hệt cơn ác mộng kia, đặt ngón tay lên môi như đề nghị chị Viola và Stormy cẩn thận kéo đánh thức các bé, tôi kéo cả hai người cùng tôi ra khỏi phòng. Tôi khép hờ cánh cửa lại hai phần ba giống như lúc chúng tôi đến, để mặc bọn ông kẻ trượt trên sàn, đánh hơi và giầy đạp, bày ra màn khoa tay múa chân uốn lượn với mục đích khó hiểu.

Tôi lo sợ một hay vài tên sẽ theo ra phòng khách nhưng chúng tôi đi tới cửa trước mà vẫn không có bóng dáng kẻ hộ tống siêu nhiên nào.

Tôi nói với chị Viola khẽ khàng giống lúc trong phòng hai bé, “Có một chuyện em nên làm rõ. Khi em nói ngày mai chị đừng đi xem phim, em ngụ ý rằng các bé cũng không nên đi. Đừng gửi con đi chơi cùng bà con họ hàng. Không đi xem phim, không đi đâu hết.”

Vàng trán bóng nhẵn của chị Viola biến thành những đường viền nâu, “Nhưng hai đứa con dễ thương của chị... trong giấc mơ chúng không bị bắn.”

“Không giấc mơ báo điềm nào tiết lộ hết mọi chuyện sẽ xảy ra. Chỉ là những phần rời rạc.”

Thay vì chỉ làm gia tăng nỗi lo của chị ấy, hàm ý trong tuyên bố của tôi làm nét mặt chị đành lại giận dữ. Tốt. Chị ấy cần sợ hãi và tức giận để giữ sự tỉnh táo, để đưa ra những quyết định khôn ngoan trong cái ngày trước mắt.

Để củng cố thêm quyết tâm của chị, tôi nói, “Thậm chí nếu chị đã thấy con chị bị bắn... lạ trời đừng xảy ra, bị chết... chị có thể không nhớ lại được khi thức giấc.”

Stormy đặt tay lên vai chị Viola. “Chị đâu muốn có những hình ảnh đó trong tâm trí.”

Trở nên căng thẳng vì sự cương quyết, chị Viola nói, “Mẹ con chị sẽ ở nhà, mở buổi tiệc nhỏ, chỉ mấy mẹ con thôi.”

“Em cũng không chắc như vậy là sáng suốt,” tôi lên tiếng.

“Sao không? Chị không biết địa điểm trong giấc mơ của chị là ở đâu, nhưng chắc chắn không phải ngôi nhà này.”

“Hãy nhớ... những con đường khác nhau có thể dẫn chị đi tới cùng một định mệnh khó thay đổi.”

Tôi không muốn kể cho chị nghe về bọn ông kẻ trong phòng con gái chị, vì như thế sẽ làm lộ toàn bộ bí mật của tôi. Chỉ có cô Terri, cảnh sát trưởng, bà Porter và Ozzie “bé” biết đa phần sự thật về tôi, và chỉ duy nhất Stormy biết tất cả.

Nếu đưa quá nhiều người vào vòng thân cận, bí mật của tôi sẽ lọt ra ngoài. Tôi sẽ trở thành

bản tin giật gân trên các phương tiện truyền thông, một kẻ quái gở đối với nhiều người, một tên tuổi uy tín đối với vài người.

Sự đơn giản và những giờ phút yên ổn sẽ vĩnh viễn vượt xa tầm với của tôi. Cuộc đời tôi sẽ phức tạp đến mức không còn đáng sống.

Tôi nói với chị Viola, “Trong giấc mơ của chị, ngôi nhà này không phải nơi chị bị bắt gục. Nhưng nếu số đã định chị bị bắt ở rạp chiếu phim mà giờ chị không đi xem phim... thì biết đâu định mệnh đến đây tìm chị. Không có khả năng. Nhưng không phải không thể.”

“Còn trong giấc mơ *của em*, ngày mai là thời điểm đó à?”

“Đúng vậy. Cho nên em thấy tốt hơn nếu chị tiến hành hai bước để thoát khỏi tương lai chị đã thấy trong cơn ác mộng.”

Tôi liếc nhìn ra sau nhà. Vẫn không có ông kẹ nào đánh liều theo sau chúng tôi. Tôi *nghĩ* chúng không có tác động nào lên thế giới này.

Tuy nhiên, không liều lĩnh với mạng sống hai cô bé, tôi hạ thấp giọng hơn nữa. “Bước một, đừng đến rạp chiếu phim hay Quán Vĩ nướng ngày mai. Bước hai, cũng đừng ở đây.”

Stormy hỏi, “Em gái chị sống cách đây bao xa?”

“Hai khu nhà. Trên Maricopa Lane.”

Tôi nói, “Em sẽ ghé qua vào buổi sáng, khoảng giữa chín mười giờ, mang theo bức ảnh đã hứa. Em sẽ đưa chị và hai bé sang chỗ em gái chị.”

“Em không cần phải làm vậy đâu, Odd. Mẹ con chị có thể tự đến đó.”

“Không. Em muốn đưa mẹ con chị đi. Chuyện đó cần thiết.”

Tôi cần chắc chắn không ông kẹ nào bám theo chị Viola và hai cô con gái của chị.

Hạ thấp giọng thành tiếng thì thầm, tôi nói, “Đừng kể với Levanna và Nicolina việc chị sắp làm. Và đừng gọi điện cho em gái chị thông báo chị sẽ đến. Chị có thể bị nghe trộm.”

Chị Viola nhìn bao quát phòng khách, lo âu nhưng cũng ra chiều ngạc nhiên, “Ai nghe được?”

Vì cần thiết, tôi trở nên thần bí: “Những thế lực... nào đó.” Nếu bọn ông kẹ nghe lỏm được kế hoạch đưa bọn trẻ sang nhà dì chúng thì cuối cùng chị Viola có thể không thực hiện được hai bước an toàn để ra khỏi cái định mệnh mơ thấy mà chỉ duy nhất một bước.

“Chị có thật sự tin, như chị đã nói, rằng em hiểu về Thế giới bên kia và Kiếp sau không?”

Chị gật đầu, “Có, chị tin.”

Đôi mắt chị mở to kinh ngạc đến mức khiến tôi sững sờ, khiến tôi nhớ đến cặp mắt trợn trừng của những xác chết.

“Vậy tin em việc này đi, chị Viola. Nếu chị có thể, hãy ngủ một chút. Em sẽ ghé vào buổi sáng. Đến tối mai, chuyện này sẽ trở thành cơn ác mộng mà thôi, không điều gì biết trước hết.”

Tôi không cảm thấy tự tin như kiểu tôi phát biểu, nhưng tôi mỉm cười và hôn lên má chị.

Chị ôm tôi rồi ôm Stormy, “Chị không còn cảm thấy sự đơn độc nữa rồi.”

Thiếu cây quạt quay, trời đêm ngoài này oi ả hơn không khí nóng bức trong ngôi nhà nhỏ.

Mặt trăng chậm chậm nhô lên phía các vì sao cao hơn, bỏ tấm mạng che vàng vọt để lộ gương mặt thật màu bạc của nó. Một gương mặt chi li như đồng hồ và thật tàn nhẫn.

CHƯƠNG 27

Hơn một tiếng nữa là đến nửa đêm. Lo lắng ngày mới có thể mang bọn trẻ vào làn súng nổ, tôi đậu chiếc Mustang phía sau Quán Vỉ nướng Pico Mundo.

Khi tôi tắt đèn pha và động cơ, Stormy hỏi, “Có bao giờ anh nghĩ sẽ rời thị trấn này không?”

“Anh thật tình hy vọng mình không phải một trong những người cứ nhất quyết lãng vãng quanh đây sau khi chết, như ông Tom Jedd tội nghiệp ngoài Tire World.”

“Ý em là anh có bao giờ rời nơi đây khi anh còn sống không?”

“Chỉ nghĩ thôi đã khiến đầu anh quay cuồng.”

“Tại sao?”

“Ngoài kia rộng lớn lắm.”

“Không phải tất cả đều rộng lớn. Rất nhiều thị trấn nhỏ hơn và yên ả hơn cả Pico Mundo.”

“Anh nghĩ ý anh là... mọi thứ ngoài kia sẽ *mới*. Anh thích những gì anh biết rõ. Xét đến tất cả mọi việc khác mà anh phải đối phó... Anh không thể cùng lúc xử lý quá nhiều thứ mới được. Tên đường mới, kiến trúc mới, mùi hương mới, tất cả những người mới...”

“Em luôn nghĩ sống trên vùng núi thật tuyệt.”

“Thời tiết mới.” Tôi lắc đầu. “Anh không cần thời tiết mới.”

“Dù sao,” nàng nói, “em không có ý nói rời thị trấn luôn. Chỉ một hai ngày thôi. Chúng mình có thể lái xe tới Vegas.”

“Ý tưởng của em về một nơi nhỏ hơn, yên ả hơn hơn đó sao? Anh cá đó là nơi có *cả ngàn* người chết không chịu rời đi.”

“Tại sao?”

“Những người mất hết mọi thứ họ có tại bàn đồ xí ngầu, vòng quay roulette, sau đó họ trở về phòng và tự bắn vỡ sọ,” tôi rùng mình. “Người tự tử luôn lảng vảng quanh quần sau khi đã chết. Họ sợ đi tiếp.”

“Anh có cái nhìn thật cường điệu về Las Vegas, cưng à. Nhân viên dọn phòng ở khách sạn hạng trung đâu phải sáng nào cũng lôi ra cả tá kẻ tự sát.”

“Khối người bị bọn du thủ du thực giết hại, xác họ chất trong những chân tường còn ướt bê tông của các khách sạn mới xây. Em có thể đánh cá họ có việc chưa hoàn thành và vô số cơn thịnh nộ sau khi chết. Hơn nữa, anh không cờ bạc.”

“Nghe không giống cháu trai của bà Pearl Sugars chút nào.”

“Bà cố hết sức biến anh thành tay chơi bài có hạng nhưng anh e mình đã khiến bà thất vọng.”

“Bà dạy anh chơi xì phé phải không?”

“Ừ. Bà và anh thường chơi ăn tiền xu.”

“Cho dù ăn tiền xu cũng là cờ bạc ăn tiền.”

“Không phải khi anh chơi với bà ngoại Sugars.”

“Bà để anh thắng à? Thích thật.”

“Bà muốn anh làm một chuyến du lịch đi miền tây nam chơi bài với bà. Bà nói, ‘Odd, bà sẽ già trên đường đi, không phải trên ghế xích đu trong mái hiên một nhà dưỡng lão tồi tệ nào đó với đám bà già hay đánh rắm khoái ngồi lê đôi mách, và bà sẽ chết gục mặt xuống mấy lá bài giữa cuộc chơi, không phải chết vì buồn chán tại bữa tiệc trà khiêu vũ dành cho những người già rụng hết răng đang cố nhảy cha-cha bằng khung tập đi’.”

“Trên đường đi,” Stormy thốt lên, “hắn có rất nhiều điều mới mẻ.”

“Mỗi ngày cứ mới và thêm nhiều thứ mới nữa,” tôi thở dài. “Nhưng bà và anh nhất định sẽ rất vui vẻ. Bà muốn anh đi cùng để sẻ chia tiếng cười... và nếu bà qua đời giữa một ván bài đặc biệt gay go thì bà muốn anh chắc rằng những người chơi khác không chia chác phần tiền của bà và vớt xác bà ra sa mạc làm bữa tiệc cho bầy sói đồng cỏ.”

“Em hiểu lý do anh không đi nhưng tại sao anh không chơi bài?”

“Vì ngay cả khi bà ngoại Sugars không chơi cầu thả để cho anh có lợi thế thì hầu như lúc nào anh cũng thắng.”

“Ý anh là do... năng lực của anh à?”

“Ừ.”

“Anh thấy được lá bài nào đang tới à?”

“Không. Không ấn tượng đến vậy. Anh chỉ có cảm giác khi nào tay anh hăng hái hơn tay những người chơi khác và khi nào thì không thôi. Mười lần thì cảm giác tỏ ra chính xác hết chín lần rồi.”

“Đó là lợi thế *khổng lồ* với các lá bài.”

“Vội xì dách cũng giống hệt vậy, bất cứ trò cờ bạc nào.”

“Vậy thực ra nó không phải là cờ bạc.”

“Thực ra không phải. Nó chỉ là... gom tiền.”

Stormy hiểu ngay tại sao tôi bỏ bài bạc, “Nó khá giống việc ăn cắp.”

“Anh không cần đồng tiền bất lương,” tôi nói. “Và anh sẽ không bao giờ cần khi nào người ta còn muốn ăn những gì được nướng trên vỉ.”

“Hoặc khi nào người ta còn có chân.”

“Ừ. Xem như anh chuyển sang bán lẻ giày.”

“Em nói Vegas không phải vì em muốn cờ bạc,” nàng giải thích.

“Đó là đoạn đường dài phải đi để có bữa tiệc gồm tất cả những gì bạn có thể ăn.”

“Em nói Vegas vì chúng mình có thể đến đó trong khoảng ba tiếng, và những nhà thờ làm lễ cưới mở cửa suốt ngày đêm. Không cần xét nghiệm máu. Chúng mình có thể kết hôn vào bình minh.”

Tim tôi giật thót một cái thật lạ mà chỉ Stormy mới có thể khiến nó như thế. “Chà! Vậy gần như đủ cho anh can đảm để đi rồi.”

“Chỉ gần như thôi ư?”

“Chúng mình có thể xét nghiệm máu vào sáng mai, đăng ký kết hôn vào thứ Năm, chính thức nên vợ nên chồng vào thứ Bảy. Và bạn bè của chúng mình có thể đến đó được. Anh muốn

có mặt bạn bè, em không muốn sao?”

“Muốn, nhưng em muốn cưới hơn.”

Tôi hôn nàng và nói, “Sau biết bao lần do dự, sao bỗng nhiên lại hối thúc vậy?”

Vì hai đứa tôi đã ngồi một lúc lâu trong ngõ hẻm không đèn nên mắt quen hắm với bóng tối. Nếu không tôi sẽ không nhận thấy trọn vẹn mỗi lo âu sâu sắc trên khuôn mặt nàng, trong ánh mắt nàng; quả thực, nàng có vẻ bị dày vò không chỉ bởi sự bần khoản đơn thuần mà bởi nỗi khiếp đảm thẳm lặng.

“Này, này,” tôi quả quyết với nàng, “mọi chuyện sẽ ổn cả thôi.”

Giọng nàng không run rẩy. Nàng cứng rắn đến mức không dễ rơi lệ. Song trong cái dịu dàng của lời nói, tôi có thể nghe ra một cô nàng bị ám ảnh, “Suốt từ lúc chúng mình ngồi bên bờ ao nuôi cá chép Nhật và cái gã đó đi dọc khu vui chơi...”

Khi giọng nàng lạc đi, tôi lên tiếng, “Gã Nấm.”

“Ừ. Cái gã khốn nhìn mà sồn gai ốc kia. Kể từ khi em thấy gã... em lo sợ cho anh. Ý em là, em luôn luôn lo sợ cho anh, Odd, nhưng em thường không làm gì, vì điều anh ít cần nhất, trên tất cả mọi thứ, là một phu nhân mau nước mắt lúc nào cũng ra rả bảo anh phải cẩn thận.”

“ ‘Phu nhân mau nước mắt’?”

“Xin lỗi. Chắc hẳn em hồi tưởng lại cuộc sống trước đây vào những năm 1930. Nhưng thật đấy, điều anh ít cần nhất chính là một con mụ kích động luôn luôn theo sát anh.”

“Anh thích cụm từ ‘phu nhân mau nước mắt’ hơn rất nhiều. Nghe này, anh nghĩ gã này bệnh hoạn cực độ rồi, gã là mười triệu tấn thuốc nổ với thiết bị định giờ nhạy số rất nhanh, nhưng cảnh sát trưởng và anh bám sát gã rồi, và bọn anh sẽ chớp lấy ngôi trước khi gã nổ.”

“Đừng quá chắc chắn. Xin anh đấy, Odd, đừng quá chắc chắn. Quá chắc chắn với gã này sẽ khiến anh bị giết đấy.”

“Anh sẽ không bị giết.”

“Em sợ cho anh.”

“Đến tối mai,” tôi nói với nàng, “Bob Robertson, biệt hiệu Gã Nấm, sẽ mặc nguyên bộ áo liền quần màu cam do nhà tù phát, và có thể gã sẽ làm bị thương vài người hoặc có thể chúng ta sẽ ngăn chặn được gã ngay trước lúc gã bóp cò, nhưng bất kể tình hình ra sao, anh sẽ cùng em ăn tối, và chúng mình sẽ lên kế hoạch đám cưới, và anh sẽ vẫn có đủ hai tay, hai chân...”

“Odd, ngừng lại, đừng nói thêm gì...”

“... vẫn có đúng cái đầu gối mà em đang nhìn đây...”

“*Xin anh*, ngừng lại đi.”

“... và anh sẽ không bị mù vì anh thật sự *cần* nhìn thấy em, và anh sẽ không bị điếc vì làm sao mình lên kế hoạch đám cưới được nếu anh không thể nghe em nói, và anh sẽ không...”

Nàng đâm vào ngực tôi, “Đừng liều mạng, khỉ thật!”

Tại vị trí đang ngồi, nàng không thể vung nắm đấm ra sau đủ để giáng một cú ra trò. Tôi gần như không thở nổi bởi cú đâm.

Ráng sức thở khò khè khe khẽ, tôi hít một hơi và nói, “Anh không lo về chuyện liều mạng. Anh không mê tín kiểu đó.”

“Có thể em mê tín.”

“À, vậy dẹp nó đi.”

Tôi hôn nàng. Nàng hôn lại.

Thế giới khi đó mới *tốt đẹp* làm sao, tôi vòng cánh tay quanh người nàng và nói, “Ngốc ạ, phu nhân mau nước mắt của anh. Bob Robertson có thể loạn thần kinh nặng đến mức thậm chí không đủ khả năng quản lý nhà nghỉ Bates Motel, nhưng gã vẫn chỉ là một tên đàn độn. Gã chẳng có gì ngoại trừ mười sáu bánh xe điên đại quay tròn trong đầu. Anh sẽ về với em không lỗ thủng, không vết xước, không dấu lõm. Và không miếng da nào trên người anh đã được chính quyền liên bang nhận dạng bị bóc toạc ra.”

“Gấu Pooh của em,” nàng kêu lên như đôi lúc vẫn hay kêu vậy.

Khiến nàng dịu lại đôi chút và phần nào làm nỗi sợ của nàng lắng xuống, tôi cảm thấy mình đúng là đàn ông, như một cảnh sát trưởng can đảm và mạnh mẽ trong các bộ phim cao bồi thời xưa, người có nụ cười làm các quý cô thở phào nhẹ nhõm, và có thể quét sạch bọn đầu sù ra khỏi phố phường Dodge City mà không làm bắn chiếc mũ trắng tinh.

Tôi là kiểu thằng khờ tệ hại nhất. Khi nhìn lại đêm tháng Tám đó, giờ đã mãi thay đổi bởi tất cả những nỗi đau phải gánh chịu, thì Odd Thomas còn nguyên vẹn kia dường như là một người khác hẳn tôi, tự tin hơn hẳn tôi hiện nay, nhưng không từng trải bằng, và tôi thương tiếc cho nó.

Tôi được yêu cầu không để văn phong của quyển truyện này trở nên quá u sầu. Một thi sĩ bốn trăm pao sẽ đáp cái mộng một trăm năm mươi pao lên người tôi như là một lời bình biên tập, và luôn có sự đe dọa từ con mèo chứa đầy nước tiểu của anh ấy.

CHƯƠNG 28

Khi chúng tôi ra khỏi chiếc Mustang, ngõ hẻm quen thuộc chìm vào vẻ u ám hơn hẳn hình ảnh tôi nhớ vào những đêm khác, được soi sáng chút ít nhờ ánh trăng và bị che khuất bởi bóng trăng.

Ở đầu con hẻm sau dẫn đến nhà bếp của quán ăn, một ngọn đèn an ninh phát sáng. Thế nhưng bóng tối dường như lấn ép tới hơn là dạt ra xa nó.

Những bậc thang trượt dẫn đến đầu cầu thang tầng hai và cửa nhà cô Terri Stambaugh. Ánh sáng tỏa ra phía sau bức màn.

Lên hết mấy bậc thang trượt dẫn đến đầu cầu thang tầng hai và cửa nhà cô Terri Stambaugh. Ánh sáng tỏa ra phía sau bức màn.

Lên hết mấy bậc thang, Stormy chỉ lên bầu trời phía bắc, “Cassiopeia.”

Sao kè sao, tôi nhận ra các điểm của chòm sao.

Trong thần thoại kinh điển, Cassiopeia là mẹ của Andromeda. Andromeda được cứu thoát khỏi quái vật biển nhờ vị anh hùng Perseus, người cũng đã giết chết con quỷ Medusa.

Không thua kém Andromeda trong truyền thuyết, Stormy Llewellyn, con gái của một Cassiopeia khác, ưu tú đến độ xứng đáng có được chòm sao mang tên nàng. Thế nhưng tôi chưa tiêu diệt con quỷ nào và tôi không phải là Perseus.

Cô Terri ra mở khi tôi gõ cửa, nhận lại chìa khóa xe và năng nặc gọi chúng tôi vào uống cà phê hoặc một ly rượu.

Ánh sáng từ hai ngọn nến nhảy múa hân hoan trên tường nhà bếp trong lúc những cơn gió mát của máy điều hòa trêu chọc ngọn lửa. Cô Terri đang ngồi ở bàn khi tôi gõ cửa. Một ly nhỏ đựng rượu đào đặt trên tấm vải dầu ca rô trắng đỏ.

Như thường lệ, âm nhạc chính của cuộc đời cô là Elvis: lần này là bài “Wear My Ring Around Your Neck”.

Chúng tôi biết cô mong hai đứa ghé chơi một lúc, đó là lý do Stormy không đợi dưới chân cầu thang.

Cô Terri đôi lúc bị mất ngủ. Cho dù giấc ngủ đến với cô nhẹ nhàng thì đêm cũng thật dài.

Khi tấm bảng ĐÓNG CỬA được treo lên cửa chính của Quán Vỉ nướng vào lúc chín giờ và sau khi vị khách cuối cùng rời khỏi khoảng hơn chín giờ, mười giờ, dù cô Terri uống cà phê không chứa cafêin hay thức uống nào đó nặng đô hơn thì cô cũng khui một chai cô đơn.

Chồng cô, chú Kelsey, người yêu thời học phổ thông, đã qua đời chín năm. Căn bệnh ung thư của chú trở nên nguy cấp nhưng là một chiến binh kiên cường hiếm thấy, chú chống chọi đến ba năm mới qua đời.

Khi chú được chẩn đoán mắc khối u ác tính, chú thề sẽ không để cô Terri lại một mình. Chú có ý chí nhưng không có sức mạnh để giữ lời thề đó.

Vào những năm cuối đời, chú Kelly đã chiến đấu với cái chết với tâm trạng vui vẻ và dũng khí ổn định. Điều này khiến tình yêu và lòng kính trọng luôn đầy ắp của cô Terri dành cho chú đã lên thành mức rất sâu sắc.

Xét theo một hướng nào đó, chú Kelly đã giữ lời hứa không bao giờ rời bỏ cô. Hồn của chú không lầy lắt quanh Quán Vỉ nướng hay bất kỳ nơi nào khác trong thị trấn Pico Mundo. Chú hiện diện sống động trong hồi tưởng của cô và ký ức về chú khắc sâu trong tâm hồn cô.

Sau ba hay bốn năm, lòng tiếc thương của cô ngấm thành nỗi đau lạnh đọng. Tôi nghĩ cô ngạc nhiên bởi thậm chí sau khi đi đến chỗ chấp nhận mất ngủ, cô cũng không mấy may mong muốn vá lại những mảng rách trong tim. Lỗ thủng chú Kelsey để lại khiến cô thấy được an ủi nhiều hơn bất cứ miếng đắp nào để lấp kín nó.

Sự say mê của cô đối với Elvis, cuộc đời và âm nhạc của ông, bắt đầu từ chín năm về trước, khi cô ba mươi hai tuổi, cùng năm chú Kelsey mất.

Lý do của niềm yêu thích mãnh liệt cô dành cho Presley nhiều vô kể. Song chắc chắn trong số đó có lý do sau: Chẳng nào cô còn phải lập ra và bảo quản bộ sưu tập về Elvis, gồm âm nhạc, sự kiện đáng nhớ, tiểu sử, thì cô sẽ không có thời gian chú ý đến người đàn ông đang sống nào và vẫn giữ nguyên vẹn tình cảm dành cho người chồng quá cố.

Elvis là cánh cửa đóng lại tất cả sự lãng mạn mơ mộng trước mắt cô. Việc dựng lại cuộc đời ông là khe núi ẩn nấp của cô, vị trí cố thủ của cô, tu viện của cô.

Stormy và tôi ngồi xuống bàn. Cô Terri tế nhị hướng chúng tôi ra xa khỏi cái ghế thứ tư, cái ghế chú Kelsey luôn ngồi khi còn sống.

Đề tài đám cưới sắp diễn ra của hai đứa tôi được nêu lên trước khi chúng tôi yên vị dàng hoàng. Rót rượu đào cho chúng tôi, cô Terri nâng ly mừng hạnh phúc dài lâu của hai đứa.

Cứ đến mùa thu, cô ủ những bình đầy vỏ trái đào thành thứ rượu ngọt ngào này: lên men, lọc qua, cho vào chai. Hương vị hấp dẫn khó cưỡng lại và thêm rượu mạnh pha vào uống ngon nhất trong những chiếc ly nhỏ.

Lát sau, khi Stormy và tôi đang uống cạn ly thứ hai và ông hoàng đang ca bài “Love Me Tender”, tôi kể với cô Terri về chuyện chở Elvis trong xe của cô. Thoạt đầu cô vui mừng xúc động nhưng sau đó buồn bã khi nghe thấy ông ấy khóc suốt suốt cả chuyến đi.

“Con đã thấy ông ấy khóc vài lần hồi trước rồi,” tôi nói. “Từ lúc qua đời, ông có vẻ rất dễ xúc động. Nhưng lần này là nghiêm trọng nhất từ đó tới giờ, theo kinh nghiệm của con.”

“Dĩ nhiên rồi,” cô Terri nói, “chẳng có gì khó hiểu về lý do tại sao hôm nay ông ấy lại suy sụp hơn mọi ngày.”

“À, với con thì điều đó khó hiểu thật,” tôi cam đoan với cô.

“Hôm nay là ngày mười bốn tháng Tám mà. Vào lúc ba giờ mười bốn phút sáng ngày mười bốn tháng Tám năm một ngàn chín trăm năm mươi tám, mẹ ông mất. Bà ấy mới bốn mươi sáu tuổi.”

“Gladys,” Stormy lên tiếng. “Tên bà ấy là Gladys phải không ạ?”

Có kiểu danh tiếng ngôi sao điện ảnh như của Tom Cruise, kiểu danh tiếng ngôi sao nhạc rock như của Mick Jagger, danh tiếng về văn chương, danh tiếng về chính trị... Nhưng chỉ có một kiểu danh tiếng trở thành huyền thoại thực sự khi những người thuộc các thế hệ sau còn nhớ đến tên mẹ bạn sau khi bạn đã qua đời một phần tư thế kỷ và mẹ bạn đã qua đời gần nửa thế kỷ.

“Elvis khi đó trong quân đội,” cô Terri nhớ lại. “Ngày mười hai tháng Tám, ông nghỉ phép khẩn, đáp máy bay về quê nhà Memphis và đến bên giường bệnh của mẹ ông trong bệnh viện. Nhưng ngày mười sáu tháng Tám cũng là một ngày tệ hại đối với ông.”

“Tại sao?”

“Đó là ngày ông mất,” cô Terri đáp.

“Chính Elvis ư?” Stormy hỏi.

“Ừ. Ngày mười sáu tháng Tám năm một ngàn chín trăm bảy mươi bảy.”

Tôi đã uống cạn ly rượu đào thứ hai.

Cô Terri đưa cho tôi cái chai.

Tôi muốn uống thêm nhưng lại thôi. Tôi lấy bàn tay bao quanh cái ly rỗng không và lên tiếng, “Elvis có vẻ lo cho con.”

“Ý con là sao?” cô Terri hỏi.

“Ông ấy vỗ lên cánh tay con. Giống như ông cảm thông cho con. Ông có cái... cái nhìn u sầu, như thể ông thấy thương xót cho con vì lý do nào đó.”

Tiết lộ này khiến Stormy hốt hoảng, “Anh không kể cho em chuyện này. Sao anh không kể cho em nghe?”

Tôi nhún vai, “Nó có nghĩa gì đâu. Chuyện về Elvis thôi mà.”

“Vậy nếu nó không nghĩa lý gì,” cô Terri hỏi, “sao con lại đề cập?”

“Nó có ý nghĩa với *con*,” Stormy bộc bạch. “Gladys mất ngày mười bốn. Elvis mất ngày mười sáu. Ngày mười lăm, nằm giữa hai ngày kia, là lúc tên khốn Robertson sẽ đi săn bắn người ta. *Ngày mai*.”

Cô Terri cau mày nhìn tôi, “Robertson?”

“Gã Nấm. Cái gã con mượn xe cô để đi tìm.”

“Con có tìm thấy hắn không?”

“Dạ có. Gã sống ở Camp’s End.”

“Rồi sao?”

“Cảnh sát trưởng và con... đang theo vụ này.”

“Tên Robertson đó là kết quả đột biến của những thứ cận bã độc hại từ một bộ phim bệnh hoạn nào đó,” Stormy nói với cô Terri. “Gã Nấm theo chúng con ở nhà thờ St. Bart, rồi khi chúng con lên bỏ đi được, gã phá tan hoang một góc nhà thờ.”

Cô Terri mời Stormy uống thêm rượu đào, “Con nói gã sắp săn bắn người ta hả?”

Stormy không nghiện rượu nhưng nàng nhận lời uống thêm một ly. “Giấc mơ cứ tái diễn của đầu bếp chiên nướng thức ăn của cô cuối cùng sắp thành sự thật.”

Giờ đây cô Terri trông hoảng sợ, “Những nhân viên sân chơi bowling đã chết đó à?”

“Gộp thêm chừng rất nhiều người tại rạp chiếu phim,” Stormy nói xong, dốc ngược ly rượu đào nốc cạn một hơi.

“Chuyện này cũng có liên quan đến giấc mơ của Viola phải không?” cô Terri hỏi tôi.

“Chuyện dài lắm không thể kể bây giờ,” tôi nói với cô. “Muộn rồi. Con đuối quá.”

“Nó có mọi thứ liên quan đến giấc mơ của chị ấy,” Stormy nói với cô Terri.

“Con cần ngủ chút,” tôi nài nỉ. “Sáng mai con sẽ kể, cô Terri à, sau khi mọi chuyện kết thúc hết.”

Khi tôi đẩy ghế định đứng lên, Stormy nắm lấy cánh tay tôi giữ lại, “Và giờ con phát hiện chính Elvis Presley đã cảnh báo Odd rằng ngày mai anh ấy sẽ chết.”

Tôi phản đối, “Ông ấy không làm điều gì có ý như vậy cả. Ông ấy chỉ vỗ nhẹ lên cánh tay anh và sau đó, trước khi xuống xe, ông ấy siết tay anh.”

“Siết tay anh hả?” Stormy hỏi bằng giọng ngụ ý như cử chỉ đó chỉ có thể hiểu là cách biểu lộ một linh tính cực xấu.

“Có gì ghê gớm đâu. Tất cả những gì ông ấy làm chỉ là nắm chặt tay phải của anh bằng cả hai tay của ông ấy và siết hai lần...”

“Những hai lần!”

“... rồi lại trao cho anh cái nhìn đó.”

“Cái nhìn thương xót đó ư?” Stormy gặng hỏi.

Cô Terri cầm chai lên muốn rót cho Stormy.

Tôi đặt tay lên miệng ly, “Cả hai đứa con đều uống đủ rồi.”

Chộp lấy bàn tay phải của tôi và cầm nó bằng cả hai tay như Elvis đã làm, Stormy nói một cách kiên quyết, “Điều ông ấy đang cố nói với anh, thưa Quý ngài muốn trở thành Người hùng siêu linh trượng nghĩa, là mẹ ông ấy mất vào ngày mười bốn tháng Tám, ông ấy mất vào ngày mười sáu tháng Tám, và *anh* sẽ mất vào ngày mười lăm tháng Tám, cả ba người như ba cú liên tiếp trúng đích của tử thần, nếu anh không *cẩn thận*.”

“Đó không phải điều ông ấy đang cố nói với anh,” tôi không đồng tình.

“Gì cơ... bộ anh nghĩ ông ấy chỉ đang *đắm đuối* với anh thôi hả?”

“Ông ấy không còn cuộc sống lãng mạn nữa đâu. Ông ấy chết rồi.”

“Dù sao thì,” cô Terri nói, “Elvis không phải dân đồng tính.”

“Con đâu tuyên bố ông ấy đồng tính, Stormy suy diễn thì có.”

“Cô đánh cược Quán Vĩ nướng,” cô Terri nói, “và cái mông trái của cô rằng ông ấy không đồng tính.”

Tôi rên rỉ, “Đây là cuộc nói chuyện điên rồ nhất mà con từng có.”

Cô Terri bác bỏ, “Cho cô nghỉ một lát, cô còn cả trăm cuộc nói chuyện với con điên rồ hơn cái này nhiều.”

“Con cũng vậy,” Stormy đồng tình. “Odd Thomas, anh là suối nguồn của những cuộc nói chuyện điên rồ.”

“*Một* mạch nước phun trào,” cô Terri gợi ý.

“Không phải con, chỉ là *cuộc đời* của con thôi,” tôi nhắc nhở.

“Tốt hơn con nên đứng ngoài chuyện này,” cô Terri lo âu. “Hãy để ông Wyatt Porter xử lý nó.”

“Con *đang* để bác ấy xử lý nó mà. Con không phải cảnh sát, cô biết đấy. Con không mang súng. Tất cả những gì con có thể làm là cho bác ấy lời khuyên.”

“Lần này đừng cho lời khuyên luôn,” Stormy nói. “Chỉ lần này thôi, đứng ngoài chuyện này đi. Đi Vegas với em. Ngay bây giờ.”

Tôi muốn làm nàng vui. Nàng vui thì tôi vui, và khi đó chim hót ríu rít hơn thường ngày, ong làm ra thứ mật ngọt hơn và thế giới là một nơi đầy niềm vui, hay theo cách nhìn của tôi thì nó có vẻ là thế.

Điều tôi *muốn* làm và điều *đúng đắn* phải làm không giống nhau. Cho nên tôi lên tiếng, “Vấn đề là anh được đặt ở đây để làm việc này, và nếu anh xa rời công việc, nó chỉ sẽ bám theo anh mà thôi, đi đâu cũng vậy.”

Tôi cầm ly lên, quên mất nó đã cạn khô, và tôi lại đặt ly trở xuống.

“Khi anh có một mục tiêu cụ thể, sức hút siêu linh của anh hoạt động theo hai hướng. Anh

có thể đi đại đầu đó và tìm ra đối tượng anh cần tìm... trong trường hợp này là Robertson... hoặc gã sẽ bám riết lấy anh nếu gã muốn thế, đôi khi thậm chí nếu gã không muốn cũng vậy. Và trong trường hợp thứ hai, anh có ít khả năng kiểm soát và nhiều khả năng bị... bất ngờ theo cách không hề dễ chịu.”

“Đó chỉ là lý thuyết,” Stormy nói.

“Anh chẳng thể chứng minh, nhưng đó là sự thật. Đó là thứ anh biết từ trong thâm tâm.”

“Em luôn biết anh không suy nghĩ bằng cái đầu mà,” Stormy nói, giọng nàng đối từ lối thuyết phục một cách kiên quyết, và gần như tức tối, sang kiểu cam chịu và trù mẫn.

Cô Terri nói với tôi, “Nếu cô là mẹ của con, cô đã bạt tai con rồi.”

“Nếu cô là mẹ của con, con đã không ở đây rồi.”

Đây là hai người phụ nữ quan trọng nhất trên đời đối với tôi; tôi yêu thương mỗi người theo cách khác nhau, và việc từ chối làm điều hai người đó muốn, thậm chí vì để thực hiện điều đúng đắn, mới khó khăn làm sao.

Ánh nến tỏa lên khuôn mặt họ sắc vàng như nhau, và họ nhìn tôi chăm chú với một vẻ lo âu y hệt nhau, cứ như nhờ trực giác phụ nữ nên họ biết những chuyện mà tôi không thể nắm được ngay cả khi dùng đến giác quan thứ sáu.

Từ máy nghe nhạc, Elvis ngân nga, “Are You Lonesome Tonight?”

Tôi xem đồng hồ đeo tay, “Ngày mười lăm tháng Tám rồi.”

Khi tôi thử đứng dậy, Stormy không cản tôi như khi nãy nữa. Nàng cũng đứng dậy khỏi ghế.

Tôi nói, “Cô Terri, con đoán cô sẽ phải làm thay con ca đầu, hoặc nhờ chú Poke đến nếu chú ấy sẵn lòng.”

“Gì hả, con không thể cùng lúc vừa nấu ăn vừa cứu thế giới à?”

“Dạ không, trừ khi cô muốn thịt cháy khét. Con xin lỗi đã báo trước đột ngột thế này.”

Cô Terri tiễn chúng tôi ra tận cửa. Cô ôm Stormy rồi ôm tôi. Cô tát nhẹ vào má tôi, “Con phải có mặt ở đây vào ngày kia, đúng giờ, bên vỉ nướng, làm công việc trở bánh, nếu không cô sẽ giáng chức con xuống thành nhân viên pha chế thức uống.”

CHƯƠNG 29

Theo tấm bảng điện tử to đùng ở ngân hàng Hoa Kỳ thì nhiệt độ đã giảm xuống mức chín mươi độ[37] tương đối lạnh vào lúc nửa đêm, khi những cán chổi được phép lia qua lia lại.

Một cơn gió nhẹ lười nhác lay động khắp thị trấn, ngừng thổi rồi lại nổi lên hết lần này đến lần khác, như thể trí nhớ kém đã hạn chế khả năng hoạt động của các vị thần gió. Nóng và khô, ngọn gió bay xào xạc từng đợt nhanh gọn qua những nhánh cây sung, cây cọ và dạ hương lan.

Đường phố thị trấn Pico Mundo thật yên tĩnh. Khi lặng gió, tôi có thể nghe thấy tiếng lách cách của những công tắc trong hộp điều khiển tín hiệu giao thông lúc đèn chuyển từ xanh sang vàng rồi sang đỏ ở các giao lộ.

Trong lúc đi bộ về căn hộ của Stormy hai đứa vẫn cảnh giác, sợ Bob Robertson bất chợt nhảy bổ từ phía sau một chiếc xe đang đậu ra giữa đường như hình nộm trong hộp đồ chơi gắn lò xo.

Ngoài những chiếc lá được gió lướt qua, chuyển động duy nhất là sự lao ra của bầy dơi đuổi theo cơn mưa bướm đêm qua ánh sáng đèn đường, lên mặt trăng và rồi vượt qua ngôi sao Cassiopeia.

Stormy sống cách Quán Vĩ vương Pico Mundo ba khu nhà. Chúng tôi nắm tay đi trong im lặng.

Hướng giải quyết mà tôi đã lập ra không thể thay đổi. Dù phản đối nhưng nàng cũng như tôi đều biết rằng tôi không có chọn lựa nào khác ngoài việc làm bất cứ điều gì có thể giúp cảnh sát trưởng Porter chặn đứng gã Robertson trước khi gã tiến hành cái cuộc tàn sát thắm đẫm vào những giấc mơ của tôi suốt ba năm qua.

Bất cứ điều gì có thể nói về chủ đề này giờ đã trở thành vô ích. Và tại đây vào lúc một bình minh đầy đe dọa chưa lộ dạng, chuyện phiếm chẳng có gì hay ho.

Ngôi nhà cũ hai tầng kiểu thời Victoria được chia thành bốn căn hộ. Stormy sống trong căn hộ tầng trệt bên phải.

Hai đứa tôi không mong Robertson đang đợi ở đó. Tuy bằng cách nào đó gã đã biết tôi là ai nhưng điều đó không giúp gã dễ dàng khám phá ra địa chỉ nhà Stormy.

Nếu gã đang ẩn nấp chờ tôi thì căn hộ tôi ở trên ga-ra của bà Rosalia Sanchez chứa nhiều khả năng hơn chỗ của Stormy.

Tuy nhiên với tính thận trọng, hai đứa tôi cẩn thận bước vào hành lang và căn hộ của nàng. Bên trong, không khí mát mẻ thoang thoảng hương đào. Chúng tôi bỏ lại sa mạc Mojave xa đằng sau khi đóng cửa lại.

Nhà nàng có ba phòng, một phòng tắm và một gian bếp. Bật đèn sáng, chúng tôi đi thẳng đến phòng ngủ, nơi nàng cất khẩu súng 9 ly.

Nàng mở ổ đạn, kiểm tra để chắc rằng đạn đã nạp đủ rồi đóng ổ đạn vào súng một cái “tách”.

Tôi cảnh giác với mọi cây súng, vào mọi lúc, ở mọi nơi, trừ khi nó nằm trong tay Stormy. Nàng có thể ngồi đặt ngón tay lên nút khai hỏa của vũ khí hạt nhân mà tôi vẫn thấy an toàn đủ để đánh một giấc.

Lướt qua cửa sổ chúng tôi thấy cửa vẫn khóa như nàng rời nhà.

Không có ông ba bị nào trốn trong tủ quần áo.

Trong lúc Stormy đánh răng và thay quần áo, tôi gọi điện đến Green Moon Lanes nghe đoạn ghi âm thông báo về giờ giấc, dịch vụ và giá cả. Ở đó mở cửa kinh doanh vào mười một giờ sáng từ thứ Năm đến Chủ nhật và một giờ chiều từ thứ Hai đến thứ Tư.

Thời điểm sớm nhất Robertson có thể bước vào trung tâm bowling với ý nghĩ tàn sát là khi họ mở cửa vào lúc một giờ.

Hai cụm rạp chiếu phim với tổng cộng hai mươi rạp phục vụ cho vùng thị trấn Pico Mundo rộng lớn hơn. Qua điện thoại, tôi được biết bộ phim chị Viola định dẫn hai con đi xem chiếu ở hai rạp trong duy nhất một cụm rạp. Tôi ghi nhớ giờ chiếu phim trong đầu, suất sớm nhất vào một giờ mười phút chiều.

Tại phòng ngủ, tôi giữ giường, cởi giày và nằm dài trên tấm chăn mỏng chờ Stormy.

Nàng sắm sửa cho ngôi nhà nhỏ bé những vật dụng mua từ các cửa hàng giá rẻ của Hội từ thiện và Đội quân cứu tế; nhưng vẻ ngoài của chúng không hề sờn rách hay thiếu nét đặc sắc. Nàng có tài trang trí đa dạng và thấy được sức hấp dẫn trong những món đồ mà người khác có thể cho là cũ rích hay kỳ cục, hoặc thậm chí lỗi bịch.

Những cây đèn đứng có chụp đèn bằng vải lụa kết chuỗi tua rua, ghế theo phong cách Stickley ghép đôi với ghế gác chân to tròn kiểu thời Victoria bọc trong thảm thêu, tranh Maxfield Parrish^[38], những lọ hoa bằng thủy tinh carnival và đồ mỹ nghệ đủ màu: sự pha trộn

lẽ ra không hề ăn nhập với nhau, vậy mà lại hài hòa. Các căn phòng của nàng là nơi thú vị nhất mà tôi từng thấy.

Thời gian như ngừng lại ở nơi đây.

Trong căn phòng này tôi thấy thật thanh thản. Tôi quên hẳn những âu lo. Vấn đề về bánh kẹo và yêu tinh trôi tuột khỏi người tôi.

Ở đây tôi không thể bị hại.

Ở đây tôi biết định mệnh của mình và toại nguyện với điều đó.

Ở đây - nơi Stormy sống, và nàng sống ở đâu, nơi đó khiến tôi cảm thấy tràn đầy sinh lực.

Trên đầu giường, phía sau miếng kính trong cái khung là tấm thẻ từ chiếc máy bói toán:
CÁC CON ĐƯỢC AN BÀI BÊN NHAU MÃI MÃI.

Bốn năm về trước tại hội chợ của hạt có một cái máy lòe loẹt mang tên Xác ướp Gypsy đứng chờ ở góc khuất trong cùng của căn lều mái vòm đầy ắp những cuộc chơi đặc sắc và những trò rùng rợn.

Cái máy giống buồng điện thoại kiểu cũ và cao hơn hai mét. Một mét dưới thấp hoàn toàn kín mít. Hơn một mét nằm phía trên gắn kính cá ba bề.

Trong phần gắn kính là một hình thù phụ nữ nhỏ xíu đang ngồi, mặc trang phục dân Gypsy với đủ bộ nữ trang chói lóa và khăn trùm đầu sặc sỡ. Đôi tay xương xẩu, quắt queo của bà ta đặt lên đùi và màu xanh lá cây trên móng tay trông giống nấm mốc hơn nước sơn.

Tấm biển dưới chân bà ta khẳng định đây là xác người lùn Gypsy đã được ướp. Tại châu Âu thế kỷ mười tám, bà lừng danh vì độ chính xác của những điềm báo và lời tiên đoán.

Lớp da lốm đốm trên khuôn mặt bà ta duỗi căng bao trùm hộp sọ. Mi mắt được khâu khép kín lại bằng chỉ đen, môi cũng vậy.

Rất nhiều khả năng đây không phải tài nghệ của Tử thần thể hiện trên da thịt như đã khẳng định, mà là sản phẩm của một nghệ sĩ khéo léo với thạch cao, giấy và nhựa.

Khi Stormy và tôi đến chỗ Xác ướp Gypsy, một cặp đôi khác đã nhét đồng hai mươi lăm xu vào máy. Cô gái chồm lên lỗ tròn trên tấm kính và hỏi lớn: “Xác ướp Gypsy xin nói cho chúng con biết, liệu cuộc hôn nhân của Johnny và con có hạnh phúc lâu dài không?”

Anh chàng hiển nhiên là Johnny nhấn nút **TRẢ LỜI** và một tấm thẻ rơi xuống cái máng bằng đồng. Anh đọc lớn: “*Một cơn gió lạnh thổi và mỗi đêm dường như dài cả ngàn năm.*”

Cả Johnny lẫn cô vợ sắp cưới của anh ta đều không coi đó là đáp án cho câu hỏi của họ, thế nên họ làm lại. Anh chàng đọc lớn tấm thẻ thứ hai: “Kẻ ngốc nhảy khỏi vách đá nhưng mặt hồ mùa đông bên dưới đã đóng băng.”

Cô gái tin rằng Xác ướp Gypsy nghe nhầm câu hỏi nên lặp lại: “Liệu cuộc hôn nhân của Johnny và con có hạnh phúc lâu dài không?”

Johnny đọc tấm thẻ thứ ba: “Vườn cây tàn rụi cho ra trái độc.”

Rồi tấm thẻ thứ tư: “Một viên đá không thể mang lại thức ăn cũng như cát không thể làm dịu cơn khát.”

Với sự kiên trì đến vô lý, cặp đôi tốn thêm bốn đồng xu để tìm cho ra câu trả lời. Hai người bắt đầu cãi nhau khi nhận được tấm thẻ thứ năm. Khi Johnny đọc tấm thẻ thứ tám, một cơn gió lạnh như dự đoán trong tờ vận mệnh đầu tiên thổi bay ở giữa họ.

Sau khi Johnny và cô nàng người yêu rời đi, đến lượt Stormy và tôi với Xác ướp Gypsy. Chỉ vón vện một đồng xu chúng tôi được bảo đảm rằng đã được an bài sẽ bên nhau mãi mãi.

Khi Stormy kể câu chuyện đó, nàng quả quyết rằng sau khi ban cho hai đứa tôi điều mà cặp đôi kia muốn có, xác người lùn được ướp đó đã nháy mắt.

Tôi không thấy cái nháy mắt ấy. Tôi không hiểu làm thế nào con mắt đã bị khâu dính kia lại thực hiện được trò như vậy mà không làm bung một mũi khâu nào. Nhưng dù sao thì hình ảnh xác ướp nháy mắt cũng gây ảnh hưởng đến tôi.

Hiện giờ khi tôi đang đợi dưới tấm thẻ của Xác ướp Gypsy được lồng khung, Stormy đến bên giường. Nàng mặc quần lót cotton trắng trơn và in hình SpongeBob SquarePants[39].

Những người mẫu trong cuốn quảng cáo của Victoria’s Secret với bộ đồ lót cực kỳ thiếu vải giờ đây chỉ còn chút ít độ quyến rũ khêu gợi so với Stormy mặc dù cô ấy chỉ trong trang phục quần lót đơn giản và áo hình SpongeBob.

Nằm nghiêng, thu mình vào lòng tôi, nàng áp đầu vào ngực tôi để lắng nghe nhịp tim. Nàng có đôi tai rất thính.

Nàng thường thích được ôm kiểu này đến khi ngủ thiếp đi. Tôi là người chèo thuyền tin cậy đưa nàng vào trong giấc mơ êm ả.

Sau một hồi im lặng, nàng lên tiếng, “Nếu anh muốn em... giờ em sẵn sàng rồi.”

Tôi không phải thánh. Tôi đã dùng bằng lái để đột nhập ngôi nhà tôi không được mời đến. Tôi dùng bạo lực đáp trả và không bao giờ nín chịu đòn đau. Tôi có đủ những suy nghĩ đen tối để hủy hoại tầng ozone. Tôi thường nói xấu mẹ mình.

Nhưng khi Stormy dâng hiến cho tôi, tôi lại nghĩ đến cô bé mồ côi bảy tuổi khi đó cả thế giới biết đến dưới cái tên Bronwen, đơn độc và sợ hãi, được nhận nuôi và được cho nơi trú ngụ an toàn, cuối cùng lại khám phá ra rằng ông bố nuôi không muốn một cô con gái mà muốn một món đồ chơi làm tình. Quá dễ để tôi hình dung sự hoang mang, nỗi sợ hãi, nhục nhã, ê chề của nàng.

Tôi cũng nghĩ đến Penny Kallisto và cái vỏ sò em đã đưa cho tôi.

Từ mặt trong màu hồng bóng láng của vỏ sò đó phát ra giọng một con quái thú đang nói thứ ngôn ngữ của lòng ham muốn điên cuồng.

Tuy tôi không đánh đồng niềm say mê trong sáng của mình với dự vọng bệnh hoạn và tính ích kỷ độc ác của Harlo Landerson nhưng tôi không thể gột sạch khỏi trí nhớ hơi thở nặng nề và tiếng gầm gừ thú tính của hắn ta. “Thứ Bảy gần kề rồi,” tôi nói với Stormy. “Em đã dạy anh biết cái hay của sự mong đợi.”

“Lỡ ngày thứ Bảy không bao giờ đến thì sao?”

“Chúng mình có thứ Bảy tuần này và còn cả ngàn ngày nữa mà,” tôi cam đoan với nàng.

“Em cần anh,” nàng nói.

“Điều đó có mới không?”

“Chúa ơi, không.”

“Điều đó cũng không mới đối với anh.”

Tôi ôm nàng. Nàng lắng nghe nhịp đập tim tôi. Tóc lòa xòa trên mặt nàng như đôi cánh đen tuyền và hồn tôi bay vút.

Chẳng mấy chốc nàng thì thầm với ai đó mà nàng có vẻ vui sướng được gặp trong giấc ngủ. Người chèo thuyền đã hoàn thành công việc và Stormy đang trôi bèo trong những giấc mơ.

Kéo lớp khăn trải giường trên cùng và tấm chăn mỏng phủ lên vai nàng, chỉnh ngọn đèn cạnh giường xuống độ sáng nhỏ nhất tôi nhẹ nhàng ra khỏi giường mà không đánh thức nàng. Nàng không thích thức giấc trong bóng tối.

Sau khi mang giày vào, tôi hôn lên trán nàng và đi ra với khẩu súng 9 ly trên bàn cạnh giường.

Tôi bật đèn chỗ khác trong căn hộ, bước ra hành lang và khóa cửa nhà nàng bằng chìa khóa nàng đưa cho tôi.

Cửa chính của cả ngôi nhà gắn tấm kính pha chì lớn hình bầu dục. Những gờ xiên của vật khảm này để lộ cảnh quan ngoài hiên một cách rời rạc và méo mó.

Tôi nhìn một mắt vào phần kính phẳng để thấy rõ hơn. Một chiếc xe cảnh sát cải trang đậu trên lề bên kia đường.

Lực lượng thi hành luật tại thị trấn Pico Mundo ít khi tiến hành hoạt động ngầm. Sở Cảnh sát chỉ có hai chiếc xe.

Dân thường sẽ không nhận ra cả hai chiếc xe đó. Vì sự trợ giúp của tôi dành cho cảnh sát trưởng trong nhiều vụ nên tôi được đi trong cả hai xe ấy và quen thuộc với chúng.

Trong số những đặc điểm nhận dạng của chiếc xe trắng, cột ăng ten múp múp dùng để thu sóng ngắn cắm trên mui xe chính là yếu tố xác nhận rõ nhất.

Tôi không nhờ cảnh sát trưởng lập ra sự bảo vệ Stormy; nàng sẽ nổi giận trước ẩn ý rằng nàng không tự lo được cho bản thân. Nàng có súng, bằng tốt nghiệp khóa học tự vệ và lòng tự trọng.

Mỗi nguy hiểm đối với nàng, nếu có, dường như tồn tại chỉ khi tôi ở bên nàng.

Bob Robertson không thù hằn với bất kỳ ai ngoài tôi.

Chuỗi lập luận này khiến tôi nhận ra cảnh sát trưởng đang bảo vệ tôi chứ không phải Stormy.

Nhiều khi đó không phải là bảo vệ mà là giám sát. Robertson đã bám theo tôi đến chỗ Ozzie “bé” và sau đó tìm thấy tôi ở nhà thờ St. Bart. Chắc cảnh sát trưởng đang canh chừng tôi với hy vọng, Robertson sẽ lần ra dấu vết tôi lần nữa và rồi gã có thể bị bắt giam để tra hỏi về hành động cố ý phá hoại tại nhà thờ.

Tôi hiểu suy nghĩ của ông ấy, nhưng tôi bức bối chuyện bị biến thành mối nhử mà không ai lịch sự hỏi trước xem tôi có phiền không khi có cái móc gắn vào sau mông tôi.

Hơn nữa trong quá trình đáp ứng trách nhiệm của năng lực siêu nhiên, đôi khi tôi phải dùng đến những mưu mẹo mà giới cảnh sát không tán thành. Cảnh sát trưởng biết chuyện đó. Trở thành đối tượng dưới sự giám sát và bảo vệ của cảnh sát sẽ gây hạn chế cho tôi, và nếu tôi hành xử theo kiểu bốc đồng thường lệ sẽ khiến vị thế của cảnh sát trưởng Porter càng thêm gay go.

Thay vì rời đi bằng lối cửa chính, tôi đến cuối hành lang và ra bằng cửa sau. Một mảnh sân nhỏ sáng trắng đưa đến ga-ra đủ chỗ cho bốn xe và cánh cửa cạnh ga-ra dẫn ra ngõ hẻm.

Sĩ quan trong xe tưởng anh ta đang giám sát tôi nhưng giờ đây anh ta thành người canh gác của Stormy và nàng không thể giận tôi vì tôi chưa bao giờ yêu cầu lập ra sự bảo vệ cho nàng.

Tôi mệt nhưng chưa muốn ngủ. Dù sao thì tôi cũng về nhà.

Có thể Robertson đang đợi tôi và cố giết tôi. Có thể tôi sẽ sống sót, đánh bại gã, gọi điện cho cảnh sát trưởng và như vậy đặt dấu chấm hết cho chuyện này

Tôi có những hy vọng mãnh liệt về cuộc đụng độ nảy lửa với một kết thúc thỏa đáng.

CHƯƠNG 30

Sa mạc Mojave ngừng thở. Buồng phổi hết hoạt động của sa mạc không còn phả ra cơn gió nhẹ lười nhác đã theo cùng Stormy và tôi trên đường về căn hộ của nàng.

Đi ngang những đường phố và ngõ hẻm, dọc con đường nhỏ chia đôi một khu đất bỏ hoang, băng qua cống thoát nước khô cạn nhiều tháng trời rồi ra lại đường phố, tôi bước nhanh về nhà.

Bọn ông kẹ đang đi lại ngoài trời.

Đầu tiên tôi thấy bọn chúng ở xa, không dưới một tá, đang chạy đua trên tứ chi. Khi đi qua những chỗ tối, có thể thấy chúng chỉ là trạng thái xáo động của bóng tối, nhưng đèn đường và đèn trước cổng nhà làm lộ rõ chúng là thứ gì. Chuyển động uốn éo và dáng điệu đầy đe dọa của bọn chúng khiến ta liên tưởng đến loài báo đuổi bắt con mồi.

Một ngôi nhà hai tầng kiểu thời vua George trên đường Hampton Way biến thành nam châm thu hút ông kẹ. Khi tôi đi qua, ở phía bên này đường, tôi thấy hai mươi hay ba mươi hình thù đen như mực, vài tên đi vào và một số khác đi ra qua các khe cửa sổ và kẽ hở ở thanh dọc khung cửa.

Dưới ngọn đèn mái hiên, một tên vùng vẫy và lăn lộn như đang lên cơn điên. Sau đó nó tự chui tọt qua lỗ khóa ở cửa chính.

Hai tên khác, đang ra khỏi nhà, trôi qua khung lưới bao phủ lỗ thông hơi trên gác mái. Di chuyển dễ dàng trên bề mặt phẳng đứng như loài nhện, chúng trườn xuống tường nhà đến mái hiên, vượt qua mái hiên rồi nhảy vào bãi cỏ trước nhà.

Đây là nhà của gia đình Takuda, ông Ken và bà Micali cùng ba con. Không cửa sổ nào sáng đèn. Nhà Takuda đã ngủ, không hề biết một bầy linh hồn tà tâm, lạnh lẽo hơn cả lũ gián, bò lê qua những căn phòng và quan sát khi họ đang mơ.

Tôi chỉ có thể cho rằng một người, hay mọi người trong gia đình Takuda tới số chết đúng ngay hôm ấy, trong bất kể vụ bạo lực nào đã lôi cuốn bọn ông kẹ đến thị trấn Pico Mundo với số lượng quá đông đảo.

Kinh nghiệm dạy tôi rằng những linh hồn này thường tụ tập tại địa điểm sắp xảy ra nỗi kinh hoàng, như viện dưỡng lão ở Buena Vista trước trận động đất. Tuy nhiên trong vụ này, tôi không tin gia đình Takuda sẽ bỏ mạng ngay tại nhà họ, cũng như không mong chị Viola và các con chị chết trong ngôi nhà gỗ đẹp như tranh của chị.

Lần này bọn ông kẹ không tập trung ở một nơi. Chúng có mặt khắp thị trấn, và từ kiểu dõc sức rộng rãi khác thường cùng cách hành xử của chúng, tôi suy ra chúng đang thăm viếng những nạn nhân tương lai trước lúc tụ lại nơi diễn ra cuộc đổ máu. Cứ gọi đây là phần mở màn.

Tôi hối hả rời xa nhà Takuda và không ngoái lại, chỉ chú ý một tẹo đến bọn sinh vật đó cũng báo động cho chúng biết sự thật tôi thấy được chúng.

Trên đường Bạch Đàn, những tên ông kẹ khác xâm nhập vào nhà Morris và Rachel Melman.

Từ lúc Morris nghỉ hưu, thôi làm giám thị Trường học thị trấn Pico Mundo, ông ngừng khổng chế nhịp độ giờ giấc và đi theo thực tế bản chất ông là người yêu ban đêm. Ông dành những giờ phút tĩnh lặng này để theo đuổi vô số sở thích và đam mê khác nhau. Trong lúc bà Rachel ngủ trên gác tối, đèn vẫn sáng ở tầng dưới.

Những hình dạng mờ ảo đặc thù của bọn ông kẹ trong tư thế thẳng đứng nhưng khom vai hiện rõ ở mỗi cửa sổ tầng trệt. Xem ra chúng đang di chuyển không ngừng, đầy kích động qua các căn phòng, như thể mùi hương của sự chết chóc lơ lửng làm dấy lên trong chúng niềm háo hức mãnh liệt và cuồng dại.

Vẻ điên cuồng âm thầm đã biểu lộ trong hoạt động của chúng tại bất kỳ nơi đâu tôi thấy chúng từ lúc bước chân đi làm cách đây chưa đầy hai mươi bốn tiếng. Độ dữ dội của trạng thái mê mê hiểm ác nơi chúng gây khiếp đảm cho tôi.

Trong đêm tối tràn ngập ông kẹ này, tôi thấy mình thận trọng ngược mắt lên trời, nửa muốn nửa không sẽ nhìn thấy bọn chúng kéo đàn kéo lũ qua những vì sao. Thế nhưng mặt trăng không bị che khuất bởi những phi đội linh hồn kia và các ngôi sao từ Andromeda đến Vulpecula đều sáng rực không bị ngăn trở.

Vì không có khối lượng rõ ràng nên lẽ ra ông kẹ không chịu tác động của trọng lực. Vậy mà tôi chưa từng thấy chúng bay. Dù siêu nhiên nhưng chúng dường như bị ràng buộc bởi nhiều các định luật vật lý, tuy không phải tất cả.

Khi đến đường Marigold Lane, tôi nhẹ nhõm vì con phố tôi sống xem ra thoát được đám quái vật ấy.

Tôi băng qua chỗ đã chặn Harlo Landerson trên chiếc Pontiac Firebird 400 của hắn ta. Dễ chịu hơn hẳn so với sáng nay.

Bằng việc vạch mặt kẻ sát nhân và ngăn hẳn hành hung các cô gái khác, Penny Kallisto đã yên lòng nơi thế giới này và đi tiếp. Thắng lợi đó cho tôi hy vọng mình có thể ngăn chặn hoặc giảm đến mức tối thiểu cuộc tàn sát sắp xảy ra làm cả bầu lũ ông kẹ kéo đến thị trấn của chúng tôi.

Không còn ngọn đèn nào sáng trong nhà bà Rosalia Sanchez. Bà luôn đi ngủ sớm vì bà dậy trước cả bình minh. Tôi nôn nóng muốn nghe xem bà còn hiện hữu hay không.

Tôi không vào ga-ra bằng lối xe chạy mà băng qua bãi cỏ bên hông nhà, nấp sau cây sồi này đến cây sồi khác, rón rén do thám khu đất.

Khi xác định không có Robertson hay kẻ thù nào khác đứng trong sân, tôi mới vòng sang ga-ra. Tuy không thấy ai nằm đợi nhưng tôi đã xua một con thỏ sợ sệt ra khỏi luồng mạch môn tươi tốt và khi nó phóng vụt qua, tôi đích thân thực hiện động tác hoàn hảo nhất trong môn nhảy dưng và thở hỗn hển.

Vừa trèo lên mấy bậc thang lộ thiên để đến căn hộ, tôi vừa quan sát những khung cửa sổ phía trên, cảnh giác với động thái chỉ điểm của bức màn.

Răng cửa chìa khóa khẽ kêu lách cách từ bên này sang bên kia trong lỗ khóa. Tôi đẩy chốt và mở cửa.

Bật đèn lên, tôi thấy ngay khẩu súng. Một khẩu súng lục.

Có cảnh sát trưởng Porter là bạn, có Stormy là vị hôn thê, tôi biết điểm khác nhau giữa súng lục với súng lục ổ quay cho dù mẹ tôi không truyền dạy những ưu điểm của vũ khí cầm tay trong những trường hợp gay go.

Khẩu súng lục không chỉ được bỏ trên sàn mà xem ra được đặt ngay ngắn như chuỗi hạt kim cương trong hộp nhung đen trưng bày ở tiệm đá quý. Nó nằm tại vị trí đón ánh đèn sao cho các đường nét đạt mức gần như khiêu khích. Bất cứ ai để súng lại đây cũng hy vọng dụ dỗ tôi nhặt nó lên.

CHƯƠNG 31

Vật dụng trong nhà tôi tận dụng lại từ trong kho (lỗi lổm và xơ xác đến mức không thể đáp ứng tiêu chuẩn của các cửa hàng giá rẻ đã bán đồ cho Stormy), mấy quyển sách bìa mềm nằm ngay ngắn trên những cái kệ làm bằng gạch và ván chồng lại, ảnh đóng khung của nhân vật Quasimodo do Charles Laughton thủ vai, Hamlet do Mel Gibson đóng và ET trong bộ phim cùng tên (ba nhân vật hư cấu tôi đồng cảm vì nhiều lý do), tấm bìa cứng hình Elvis không ngớt mỉm cười...

Từ ô cửa để mở nơi tôi đang đứng, mọi thứ xem ra vẫn như lúc tôi rời nhà đi làm sáng thứ Ba.

Cánh cửa được khóa và không có dấu hiệu bị bẻ khóa đột nhập. Đảo quanh căn hộ, tôi để ý thấy không cửa sổ nào vỡ toang.

Hiện giờ tôi giằng co giữa việc để cửa mở nhằm dễ dàng chạy thoát nhanh chóng hay khóa cửa lại ngăn kẻ nào đó lên vào sau tôi. Sau một hồi do dự, tôi lặng lẽ đóng cửa và cài then.

Ngoại trừ tiếng rúc và gù của một con cú thỉnh thoảng lọt qua hai khung cửa sổ có lưới ngăn tôi để mở cho thông thoáng thì sự im ắng bao trùm sâu rộng đến mức trong bếp, một giọt nước rơi từ vòi xuống bồn rửa kêu *tổng* cũng làm rúng động màng nhĩ của tôi.

Có kẻ muốn tôi nhặt súng lên nhưng tôi dễ dàng cưỡng lại sức cám dỗ đó và bước qua thứ vũ khí ấy.

Một trong những lợi ích của việc sống trong căn phòng đơn lẻ, ghế bành cách giường vài bước, giường cách tủ lạnh vài bước, đó là cuộc khám xét tìm kẻ đột nhập diễn ra chưa đến một phút. Huyết áp không có thời gian vọt lên tới mức gây đột quỵ khi chỉ cần liếc ra sau tròng kỷ và nhìn vào tủ đồ một ngăn là quét qua hết mọi chỗ có thể ẩn nấp.

Chỉ duy nhất phòng tắm vẫn chưa lục soát.

Cửa đóng. Tôi đã để mở nó.

Sau khi tắm, tôi luôn để cửa mở, vì phòng tắm chỉ có một cửa sổ nhỏ, không lớn hơn hòng đại bác là mấy, và một cây quạt hút gió khuấy động không khí gây ra tiếng ồn tương đương cái

trống trong tay nhạc công thể loại rock hạng nặng. Nếu không để cửa mở, phòng tắm sẽ nồng nặc mùi ẩm mốc và hơi người, và từ đó về sau chắc tôi phải tắm trong bồn rửa nhà bếp.

Rút điện thoại từ thắt lưng ra, tôi cân nhắc chuyện gọi cảnh sát trình báo vụ đột nhập.

Nếu cảnh sát đến mà không tìm thấy ai trong phòng tắm, tôi sẽ thành thẳng khờ. Và viễn cảnh nảy ra trong đầu khiến tôi thấy mình có thể còn tệ hơn cả thẳng khờ.

Tôi liếc nhìn khẩu súng trên sàn nhà. Nếu nó được đặt với sự tính toán cẩn thận, với mục đích mong tôi nhặt lên thì *tại sao* có kẻ muốn tôi giữ nó?

Sau khi để điện thoại lên bàn điểm tâm, tôi bước đến nép vào một bên cửa phòng tắm và đóng tai nghe ngóng. Những âm thanh duy nhất là bài ca định kỳ của con cú và tiếng *tổng* của một giọt nước khác rơi xuống bồn rửa trong bếp sau hồi lâu ngưng bật.

Quả dấm ở cửa xoay tròn không chút khựng lại. Cánh cửa mở vào trong.

Có kẻ đã bật đèn.

Tôi chăm chỉ tiết kiệm điện. Chi phí có thể chỉ vài đồng lẻ nhưng một đầu bếp chế biến thức ăn nhanh đang chờ kết hôn không thể để đèn sáng hay bật sẵn nhạc nhằm mua vui cho lũ nhện hay những linh hồn có thể ghé thăm nhà anh trong lúc anh đi vắng.

Cánh cửa rộng mở, phòng tắm nhỏ tí không có chỗ cho kẻ đột nhập ẩn nấp ngoại trừ cái bồn tắm, phía sau tấm màn giăng ra.

Bao giờ tôi cũng giăng màn ra sau khi tắm vì nếu lùa hết sang một bên, màn sẽ không khô hẳn trong cái không gian kém thông thoáng này. Năm mốc sẽ lập tức tiến hành công việc cai quản trong các nếp gấp ẩm ướt.

Từ lúc tôi rời nhà vào sáng thứ Ba có kẻ đã kéo màn qua một bên. Kẻ đó hay một kẻ khác lúc này đây đang ụp mặt trong bồn tắm.

Hắn ta xem ra đã ngã hoặc bị đẩy vào bồn như một xác chết. Chẳng người sống nào lại nằm trong tư thế khó chịu như vậy, mặt đè lên lỗ thoát nước, cánh tay phải bị vịn ra sau người theo góc độ uốn khúc cho thấy phần vai trật khớp hay thậm chí cơ xoay cổ tay đã đứt lìa.

Mấy ngón tay trên bàn tay phơi trần nhợt nhạt đã quặp lại cứng đờ. Chúng không co giật, cũng không run rẩy.

Dọc theo thành bồn đằng kia, một đốm máu nhỏ đã khô trên bề mặt sứ.

Khi máu đổ tràn trề, bạn có thể ngửi thấy, không chỉ mùi tanh của máu tươi mà nó phảng

phất dai dẳng và đáng sợ. Tôi không thể dò ra chút mùi đó ở đây.

Một vệt xà phòng nước long lánh trên bề đá lát quanh bồn và lớp bọt xà phòng dày sâu trong chậu cho thấy tên sát nhân rửa tay kỹ sau khi thực hiện hành vi, chắc để cọ sạch máu hay dấu vết thuốc súng.

Lau khô xong, hắn ném khăn vào bồn. Khăn phủ lên gáy nạn nhân.

Không mục đích rõ ràng, tôi lùi ra khỏi phòng tắm, đứng ngay ngoài cánh cửa để mở.

Tim tôi đập theo nhịp không tương xứng với giai điệu của con cú.

Tôi liếc về phía khẩu súng trên thảm, ngay bên trong cửa chính. Sự miễn cưỡng theo bản năng khiến tôi không chạm vào thứ vũ khí ấy đã chứng tỏ sự sáng suốt, dù tôi vẫn chưa nắm rõ toàn bộ ý nghĩa của sự việc đã diễn ra ở đây.

Điện thoại di động của tôi để trên bàn điểm tâm, còn điện thoại nhà nằm ở bàn cạnh giường. Tôi cân nhắc xem *nên* gọi ai và ai tôi *có thể* gọi. Chẳng chọn lựa nào có vẻ hấp dẫn.

Để hiểu rõ tình hình hơn, tôi cần nhìn mặt tử thi.

Tôi trở vào phòng tắm, cúi xuống bồn. Né tránh những ngón tay co quắp và vằn vẹo, tôi túm lấy quần áo của hắn và vất vả đôi chút mới đẩy được người đàn ông đã chết ấy nghiêng sang một bên rồi sau đó lật ngửa ra.

Cái khăn trượt xuống khỏi mặt hắn.

Vẫn màu xám bạc thêch nhưng giờ đây không còn vẻ thích thú kỳ quái đặc trưng, cặp mắt Bob Robertson dồn sang phần chết hơn hẳn phần sống. Ánh mắt trợn trừng dán chặt vào tầm nhìn xa xôi như thể trong khoảnh khắc tồn tại sau cuối, hắn đã thấy thứ gì đó gây sùng sốt và khiếp đảm hơn hẳn diện mạo tên sát nhân.

CHƯƠNG 32

Trong chốc lát tôi chờ đợi Gã Nấm nháy mắt, nhe răng cười nham nhở, chớp lấy và lôi tôi vào bồn tắm với gã, cắn tôi bằng hàm răng đã phụng sự rất tốt cho gã trong cơn háu ăn tại quầy phục vụ ở Quán Vĩ nướng Pico Mundo.

Cái chết bất ngờ của gã khiến không còn kẻ tàn bạo nào trước mắt tôi, kế hoạch của tôi trật chừa và chủ đích của tôi lung lay. Tôi cứ ngỡ là gã tay súng điên khùng bắn những người bị hại trong giấc mơ tái diễn của tôi chứ không đơn thuần là một nạn nhân khác. Robertson chết, mê cung không còn Nhân ngư để tôi theo dấu và tiêu diệt.

Gã bị bắn một phát vào ngực ở vị trí gần đến mức tôi có cảm tưởng là họng súng đã ấn vào người. Trên áo gã có vết loe cháy sém màu nâu xám.

Vì tim ngừng đập tức thì nên chỉ có chút máu từ cơ thể rỉ ra.

Một lần nữa tôi rút lui khỏi phòng tắm.

Tôi gần như đã đóng sập cửa lại. Và rồi tôi có ý nghĩ kỳ lạ biết đâu đằng sau cánh cửa khép kín, mặc cho trái tim vỡ toạc, Robertson sẽ lảng lạng nhồm dậy từ bồn tắm và đứng đợi, thỉnh lình đánh úp khi tôi trở vào.

Gã đã chết ngắc, và tôi *biết* gã chết rồi, thế mà những lo lắng vô lý kiểu ấy làm dây thần kinh của tôi thất lại.

Để cửa phòng tắm vẫn mở, tôi bước đến bồn rửa trong bếp và rửa tay. Sau khi lau khô bằng khăn giấy, suýt chút tôi đã rửa lại lần nữa.

Dù chỉ đụng vào quần áo của Robertson nhưng tôi cứ cảm giác tay mình đầy mùi chết chóc.

Nhắc ống nghe ra khỏi điện thoại treo tường, tôi vô tình làm nó đập lách cách vào giá đặt, suýt đánh rơi. Đôi tay tôi đang run bần bật.

Tôi lắng nghe tín hiệu chờ quay số.

Tôi đã biết số cảnh sát trưởng Porter, không cần tìm kiếm.

Cuối cùng tôi gác điện thoại trở lại mà chưa hề bấm đến một số trên bàn phím.

Tình hình đã làm thay đổi mối quan hệ thân thiết thoải mái của tôi với cảnh sát trưởng. Một người chết chờ được phát hiện trong căn hộ của tôi. Khẩu súng giết gã cũng ở đây.

Trước đó tôi lại trình báo một cuộc đụng độ đáng lo ngại với nạn nhân tại nhà thờ St. Bartholomew. Và cảnh sát trưởng biết tôi đã vào nhà Robertson một cách bất hợp pháp lúc chiều thứ Ba, và điều đó cho gã Robertson lý do đối đầu với tôi.

Nếu khẩu súng này là của Robertson, giả thiết rõ ràng nhất bên phía cảnh sát sẽ là gã đến đây nằng nặc muốn biết tôi làm gì trong nhà gã và có thể đe dọa tôi. Họ sẽ nghĩ tôi và gã cãi cọ, dẫn đến ẩu đả và tôi bắn gã bằng súng của chính gã nhằm tự vệ.

Cảnh sát sẽ không cáo buộc tôi tội giết người hay ngộ sát. Có thể họ còn không bắt giữ để tra hỏi.

Song nếu khẩu súng này không phải của Robertson, tôi sẽ kẹt cứng như chuột trên bẫy keo dính.

Ông Wyatt Porter hiểu tôi quá rõ nên sẽ không tin tôi có thể giết người kiểu máu lạnh, khi mạng sống tôi không lâm nguy. Là cảnh sát trưởng, ông bố trí người hoạt động và đưa ra các quyết định quan trọng về thủ tục, nhưng ông đâu phải cảnh sát duy nhất trong lực lượng. Những người khác sẽ không nhanh chóng tuyên bố tôi vô tội trong tình huống đáng ngờ này, và nếu không vì lý do gì ngoài việc giữ thể diện, cảnh sát trưởng có thể phải giam tôi lại một ngày, đến khi ông tìm ra cách giải quyết vấn đề theo hướng có lợi cho tôi.

Trong tù, tôi sẽ an toàn tránh khỏi tai ương đâm máu đang giáng xuống thị trấn Pico Mundo, nhưng tôi sẽ không ở vào đúng vị trí dùng năng lực ngăn chặn thảm kịch. Tôi không thể hộ tống chị Viola cùng hai con chị từ nhà đến nơi nương náu an toàn hơn ở chỗ em gái chị. Tôi không thể tìm cách thuyết phục gia đình Takuda thay đổi kế hoạch ngày thứ Tư của họ.

Tôi đã hy vọng bám theo bọn ông kẹ đến địa điểm tội ác sắp xảy ra khi sáng thứ Tư chuyển dần sang trưa, khi sự việc dường như được định đoạt sẽ xảy ra. Các linh hồn tà tâm kia sẽ tụ tập trước lúc đổ máu. Có thể cho tôi đủ thời gian để thay đổi số phận *tất cả* những ai không hề hay biết mình đang đi đến cái chết tại một nơi đến giờ vẫn còn là ẩn số.

Thế nhưng Odysseus bị xiềng xích không thể dẫn đường trở về Ithaca.

Tôi nhắc đến câu ám chỉ văn vẻ này chỉ vì tôi biết Ozzie “bé” sẽ buồn cười chuyện tôi cả gan dám ví mình như một vị anh hùng vĩ đại trong cuộc chiến Trojan.

“Cho câu chuyện một văn phong tươi sáng hơn mức em nghĩ nó xứng đáng, cậu em thân mến ạ. Bởi lẽ em sẽ không tìm thấy chân lý của cuộc sống trong tình trạng u tối, chỉ tìm thấy

trong hi vọng thôi”, anh đã chỉ dẫn như thế trước khi tôi bắt tay vào viết.

Lời hứa tuân theo hướng dẫn ấy trở nên khó thực hiện hơn khi câu chuyện của tôi diễn tiến đến lúc xuất hiện súng ống. Tươi sáng lùi ra xa và u tối kéo đến. Để làm vừa lòng chàng thi sĩ to lớn có sáu ngón tay, tôi phải dùng mách lới như chêm vào một câu trong truyện Odysseus nói trên.

Quyết định rằng không thể tìm cảnh sát trưởng Porter nhờ giúp đỡ vào những hoàn cảnh thế này, tôi tắt hết đèn trừ một ngọn trong phòng tắm. Tôi không thể ở trong bóng tối hoàn toàn với cái xác, vì tôi cảm thấy, cho dù đã chết, gã vẫn có thể gây bất ngờ cho tôi.

Trong không gian lơ mờ, tôi nhanh chóng tìm ra đường đi xuyên suốt căn phòng bừa bộn một cách đầy tự tin như thể tôi bị khiếm thị bẩm sinh và lớn lên ở đây từ khi lọt lòng.

Tại một khung cửa sổ trước nhà, tôi quay cần điều khiển để mở rèm cửa Levolor.

Bên phải, tôi nhìn thấy những bậc cầu thang trong ánh trắng được các khe của rèm cửa chia thành nhiều lát. Không có ai tiến lên nhà tôi.

Ngay phía trước là con đường, nhưng do mấy cây sồi chen ngang nên tầm nhìn không thông suốt. Tuy nhiên giữa các nhánh cây, tôi có thể thấy phố Marigold Lane và chắc rằng không chiếc xe nào khả nghi đậu ở lề đường từ lúc tôi về tới.

Xét bằng chứng thì tôi không bị theo dõi sát sao, vậy mà tôi cứ cảm thấy nhất định kẻ thủ tiêu Bob Robertson sẽ trở lại. Khi chúng biết tôi đã về nhà và phát hiện ra cái xác, chúng sẽ khử luôn cả tôi và làm cho vụ ám sát đôi trông giống như giết-người-rời-tự-tử, hoặc có thể chúng sẽ gọi điện thoại nặc danh cho cảnh sát và đẩy tôi vào cái xà lim mà tôi kiên quyết tránh xa.

Nghĩ tới đó, tôi hiểu ra vụ dàn cảnh.

CHƯƠNG 33

Sau khi đóng rèm Levolor ở cửa sổ lại, tắt đèn, tôi đi đến tủ ngăn kéo đặt gần giường. Trong căn phòng đơn này có thể tìm thấy mọi thứ ở gần giường, kể cả tròng kỷ và lò vi ba.

Ở ngăn kéo cuối của cái tủ, tôi cất bộ mềm gối dự trữ duy nhất của mình.

Dưới bao gối, tôi tìm thấy khăn trải giường đã ủi thẳng thớm và xếp gọn gàng.

Tuy chắc rằng tình hình đáng để hy sinh bộ mềm gối xịn nhưng tôi vẫn tiếc phải bỏ cái khăn trải giường đó. Mền gối bằng vải bông gia công khéo đâu có rẻ, và tôi còn hơi dị ứng với rất nhiều loại sợi vải tổng hợp thường dùng may những mặt hàng này.

Vào phòng tắm, tôi trải tấm khăn ra sàn.

Đã chết queo nên cần gì quan tâm đến rắc rối của tôi, chẳng thể trông mong Robertson có thể khiến việc tôi làm dễ dàng hơn; thế nhưng, tôi ngạc nhiên khi gã không chịu để bị lôi ra khỏi bồn tắm. Đây không phải lực phản kháng chủ động của địch thủ có ý thức mà là sự chống cự thụ động của xác chết thẳng đơ.

Gã cứng ngắc và khó xoay chuyển như một chồng tấm ván đóng chung vào góc nghiêng kỳ quái.

Bất đắc dĩ, tôi đặt tay lên mặt gã. Gã lạnh hơn tôi tưởng.

Có lẽ cần điều chỉnh hiểu biết của tôi về những sự kiện trong đêm. Theo một cách không cân nhắc, tôi đã đặt ra những giả định mà tình trạng của Robertson không xác thực điều đó.

Để biết sự thật, tôi phải khám nghiệm gã kỹ hơn. Vì gã nằm úp mặt trong bồn khi tôi phát hiện ra, trước lúc tôi lật gã lên nên giờ tôi cởi nút áo gã ra.

Trong tôi trào lên nỗi ghê tởm và ác cảm, tôi đã lường trước điều đó nhưng chưa chuẩn bị tinh thần cho cảm giác ghét cay ghét đắng cái hành động gần gũi gây ra cơn buồn nôn.

Mấy ngón tay tôi đầm đìa mồ hôi. Những nút áo bề mặt như ngọc trai cứ trơn tuột đi.

Tôi liếc nhìn gương mặt Robertson, cảm giác ánh mắt trợn trừng của gã chuyển hướng tập trung từ cảnh tượng nào đó tận thế giới bên kia sang đôi tay lóng ngóng của tôi. Dĩ nhiên về mặt bàng hoàng và hải hùng của gã không thay đổi, và gã tiếp tục nhìn chăm chăm vào thứ gì đó nơi âm phủ chia cách thế giới này với thế giới kia.

Môi gã hơi hé mở, như thể bằng hơi thở cuối cùng, gã chào đón Tử thần hay thốt ra lời cầu xin không được đáp lại.

Nhìn mặt gã chỉ khiến nỗi bất an của tôi càng tệ hơn. Khi hạ thấp đầu, tôi hình dung cặp mắt gã lần theo hướng di chuyển sự chú ý của tôi sang mấy cái nút áo ngoan cố. Nếu cảm giác một luồng hơi thở hôi thối phả lên trán, chắc tôi sẽ hét lên, nhưng không lấy đó làm ngạc nhiên.

Chưa tử thi nào khiến tôi rùng mình dữ dội như thi thể này. Đa phần, những người chết mà tôi có mối liên hệ đều là hồn hiện lên, và tôi thừa biết về nhếch nhác về mặt sinh học của cái chết.

Lần này, tôi khổ sở với mùi hôi và cảnh tượng bắt đầu thối rữa thì ít mà khó chịu do những điểm quái dị trên thân thể người chết thì nhiều, chủ yếu là nét đặc trưng giống loài nấm mốc xộp bộp lộ rõ khi gã còn sống, và còn bởi đam mê bất bình thường của gã, thể hiện ở những xấp tài liệu, với việc tra tấn, giết người tàn bạo, chặt chân tay, chém đầu và ăn thịt người.

Cởi xong cái nút cuối cùng, tôi banh áo gã ra.

Vì gã không mặc áo may ô bên trong nên lập tức tôi thấy ngay tình trạng tím bầm hiện rõ. Sau khi chết, máu lắng qua các mô xuống những điểm dưới cùng trong cơ thể, khiến những vùng đó có biểu hiện tím bầm trầm trọng. Bộ ngực bèo nhèo và cái bụng phệ của Robertson vẫn vện, xỉn màu và ghê rợn.

Da lạnh ngắt, người cứng đờ, sự bầm tím rõ rệt cho thấy gã đã chết không phải cách đây một hai tiếng mà lâu hơn nhiều.

Sức nóng trong căn hộ của tôi đã đẩy nhanh tiến trình phân hủy cái xác nhưng không đến mức này.

Rất có khả năng, tại nghĩa trang nhà thờ St. Bart, khi Robertson làm động tác khiếm nhã lúc tôi từ trên tháp chuông nhìn xuống, gã đã hết là người sống mà thành ma hiện hồn.

Tôi cố nhớ xem Stormy có thấy gã không. Khi ấy nàng đang khom người lấy phô mai và bánh quy trong giỏ mây ra. Tôi vô tình hất chúng văng khỏi tay nàng, rơi vung vãi ra lối đi hẹp...

Không. Nàng không thấy Robertson. Lúc nàng ngẩng lên và tựa lan can ngó xuống nghĩa trang, gã đã đi mất.

Giây lát sau, khi tôi mở cửa chính của nhà thờ và bắt gặp Robertson đang đi lên mấy bậc thang thì Stormy đứng phía sau tôi. Tôi đóng sập cửa và hồi hải kéo nòng ra khỏi tiền sảnh, đi vào gian giữa, hướng đến trước bệ thờ.

Trước khi đến nhà thờ St. Bart, tôi đã thấy Robertson hai lần ở chỗ Ozzie “bé” tại Jack Flats. Lần đầu, gã đứng trên vỉa hè trước ngôi nhà, lần thứ hai ở sân sau.

Không lần nào Ozzie ở vào thế có thể chứng thực kẻ viếng thăm ấy là một người có thật, còn sống.

Từ chỗ nằm trên bậu cửa sổ, Terrible Chester đã thấy gã này ở hàng rào trước nhà và phản ứng gay gắt. Nhưng điều ấy đâu có nghĩa Robertson xuất hiện tại đó bằng xương bằng thịt.

Rất nhiều dịp, tôi chứng kiến chó mèo có phản ứng đối với sự hiện diện của linh hồn, dù chúng không thấy ông kẻ. Thông thường động vật không phản ứng bằng kiểu dữ dội mà chỉ theo một cách tinh vi khó thấy; chúng dường như không mẫn mà với các hồn ma.

Hành vi thù địch của Terrible Chester có lẽ là phản ứng không phải đối với việc Robertson là ma hiện hồn mà nhằm vào sự xấu xa toát ra không dứt nơi gã, đặc trưng của gã lúc còn sống lẫn khi đã chết.

Bằng chứng cho thấy lần cuối cùng tôi thấy Robertson còn sống là khi gã rời ngôi nhà ở Camp’s End, ngay trước lúc tôi cạy khóa, vào trong và phát hiện căn phòng tối đen.

Gã ám tôi từ lúc ấy, đầy tức tối. Như thế đổ lỗi cho tôi về cái chết của gã.

Tuy bị giết trong căn hộ của tôi nhưng chắc hẳn gã biết tôi không phải kẻ bóp cò súng. Đối mặt với tên sát nhân, gã bị bắn từ khoảng cách không quá vài phân.

Gã và tên sát nhân làm gì trong nhà tôi, tôi không thể hình dung. Tôi cần thêm thời gian và tình hình yên ổn hơn để suy nghĩ.

Chắc bạn nghĩ linh hồn giận dữ của gã trốn trong phòng tắm hay gian bếp nhà tôi, đợi tôi về, hăm dọa và quấy rối tôi như lúc ở nhà thờ. Bạn nhầm rồi vì bạn đã quên những linh hồn chưa yên nghỉ còn vất vưởng tại thế giới này vì họ không chấp nhận sự thật rằng họ đã chết.

Theo kinh nghiệm đáng kể của tôi, điều họ *ít muốn làm nhất* là quanh quẩn bên thi thể chính mình. Không gì gọi nhớ bi đát hơn về sự qua đời của một người bằng cái xác mục nát của người đó.

Trước thân xác không còn sự sống của chính mình, các linh hồn cảm nhận thêm mãnh liệt

sự thôi thúc cần hoàn tất mọi việc nơi thế giới này và đi tiếp sang thế giới bên kia, một điều ép buộc mà họ kiên quyết cưỡng lại. Có thể cuối cùng Robertson sẽ ghé thăm nơi lìa đời của gã nhưng phải đến khi xác gã đã được đem đi và mọi vết máu đã được tẩy sạch.

Điều đó tiện cho tôi. Tôi không cần trò la ó rùm beng kết hợp với chuyến thăm viếng của một linh hồn giận dữ.

Vụ cố ý hủy hoại phòng để đồ thờ tại nhờ thờ St. Bart không phải việc làm của người sống. Hành động tàn phá đó được thực hiện bởi một hồn ma tà tâm và điên cuồng theo đúng kiểu yêu tinh.

Trước đây, tôi đã mất một dàn nhạc mới, một cây đèn, một máy radio có đồng hồ, một cái ghế đẩu cao đẹp dễ và vài cái đĩa khi một con yêu như thế nổi trận lôi đình. Đầu bếp phục vụ thức ăn nhanh không đủ sức nghênh tiếp những vị khách đó.

Đây là một nguyên do vì sao đồ đạc trong nhà tôi là phế phẩm của cửa hàng giá rẻ. Càng có ít chùng nào thì càng mất ít chùng đó.

Tôi xem xét tình trạng tím bầm trên bộ ngực bèo nhèo và cái bụng phệ của Robertson, nhanh chóng đưa ra suy luận đã đề cập ở trên và cố cài nút áo gã lại mà không nhìn thẳng vào vết đạn. Sự hiếu kỳ không tốt đã thắng thế.

Trên bộ ngực thâm tím mềm nhũn, lỗ thủng nhỏ nhưng tả tơi, ươn ướt, và kỳ lạ là tôi không lập tức che nó lại nhưng cũng không muốn nhìn kỹ hơn.

Cơn buồn nôn bò lê trên thành dạ dày của tôi và trườn mỗi lúc một nhanh hơn. Tôi cảm giác như thể mình trở về năm bốn tuổi, mắc phải trận cúm nguy hại, phát sốt và là người đang nhìn chòng chọc xuống ruột gan của thi thể chính mình.

Vì bấy nhiêu thứ bừa bộn cần dọn sạch đã đủ quá rồi, chẳng cần tái hiện vụ nôn mửa cuối cùng đi vào lịch sử của Elvis nên tôi nghiêng răng, trấn áp thức ăn trong bụng và cài hết nút áo Robertson cho xong.

Chắc chắn tôi biết cách xem xét tình trạng tử thi hơn người bình thường, nhưng tôi không phải chuyên gia pháp y. Tôi không thể xác định đúng đến từng giờ thời điểm mất mạng chính xác của Robertson.

Lập luận cho thấy giờ tử vong vào khoảng năm giờ rưỡi đến bảy giờ bốn mươi lăm. Suốt khoảng thời gian đó, tôi lục lợi ngôi nhà ở Camp's End của gã và khám phá căn phòng tối đen, chỗ Elvis tới bữa tiệc nướng tại nhà cảnh sát trưởng rồi chở Elvis đến nhà thờ, và thơ thẩn một mình đến nhà Ozzie "bé".

Cảnh sát trưởng Porter và khách khứa của ông có thể xác minh nơi tôi có mặt trong một

phần khoảng thời gian đó, nhưng không tòa án nào chấp thuận tuyên bố rằng hồn ma của Elvis có thể cho tôi chứng cứ ngoại phạm trong khoảng thời gian kia.

Khả năng lâm nguy của tôi trở nên rõ ràng hơn vào lúc đó, và tôi biết thời gian đang cạn dần. Khi tiếng gõ cửa rốt cuộc sẽ vang lên, đó rất có thể là cảnh sát đến theo lời mách nước của một kẻ nặc danh.

CHƯƠNG 34

Cảm giác cấp bách gần với hoảng loạn ban cho tôi sức mạnh mới. Cẩn thận và phát minh ra vài tiếng chửi tượng hình, tôi lôi Robertson ra khỏi bồn tắm rồi quẳng gã nằm phịch lên tấm khăn trải giường tôi đã trải lên sàn phòng tắm.

Đập ngay vào mắt tôi là chút máu rơi trong bồn. Tôi vặn vòi hoa sen và tẩy rửa mấy vết bẩn đó ra khỏi bề mặt sứ bằng nước nóng hối.

Tôi không bao giờ còn có thể tắm ở đây được nữa. Tôi phải thôi tắm giặt trong suốt phần đời còn lại hoặc tìm chỗ sống mới.

Khi dốc túi quần Robertson ra, tôi tìm thấy mỗi bên túi một nắm tiền: hai mươi tờ một trăm đôla nhàu nát trong túi trái, túi phải hai mươi ba tờ.

Rõ ràng gã không bị giết vì tiền.

Tôi bỏ đồng tiền trở vào túi gã.

Cái ví của gã cũng có tiền mặt. Tôi nhét luôn mớ tiền đó vào một bên túi quần của gã nhưng giữ lại ví với hy vọng nó chứa đầu mối dẫn đến ý định giết người của gã khi tôi có thời gian kiểm tra những thứ còn lại trong ví.

Thi thể phát ra tiếng ồ ọc đáng sợ khi tôi bọc nó lại trong khăn. Bọt dờm hoặc máu trào lên cổ họng xác chết, kêu như núi lửa phun trào.

Tôi túm hai đầu khăn ở phần đầu và chân xoắn lại, thắt nút kỹ càng hết mức bằng mấy sợi dây trắng rút ra từ đôi giày dự phòng.

Cái bọc này trông như điều thuốc khổng lồ. Tôi không quần thuốc, một điều cũng không, vậy mà đây chính là hình dạng của nó.

Hay có lẽ là cái kén. Một ấu trùng hay con nhộng to lớn bên trong, đang biến đổi thành cái khác. Tôi không muốn nghĩ ngợi thêm đó có thể là cái gì.

Lấy cái túi mua sắm bằng nhựa của hiệu sách làm giỏ đựng, tôi nhét vào nào là quần áo, dầu

gội, bàn chải, kem đánh răng, dao cạo chạy điện, điện thoại di động, đèn pin, kéo, một hộp khăn giấy ướt, và đồng thuốc giảm độ axit trong dạ dày, những thứ tôi sẽ cần để qua hết đêm nay.

Tôi kéo lê cái xác ra khỏi phòng tắm, băng qua căn phòng tối tăm, đến khung cửa lớn hơn trong số hai cái cửa sổ hướng ra phía nam. Nếu tôi sống trong căn hộ bình thường, có hàng xóm bên dưới thì việc đầu tiên sáng mai tổ dân phố phải làm là phác thảo luật mới nghiêm cấm lôi kéo thi thể sau mười giờ tối.

Cái xác nặng hơn rất nhiều so với sức lực của tôi. Lăn nó xuống những bậc thang bên ngoài sẽ gây ồn ào, và đó sẽ là cảnh tượng khó quên nếu có người nào tình cờ đi ngang qua không đúng lúc.

Một bàn ăn bằng nửa kích cỡ bình thường và hai cái ghế đặt trước cửa sổ, tôi để chúng sang bên, nâng khung kính trượt dưới thấp lên, gỡ tấm lưới chắn muỗi rồi chồm ra ngó để chắc chắn rằng từ những nhà xung quanh không thể nhìn thấy sân sau.

Hàng rào gỗ và những cây dương lớn tạo nên sự kín đáo. Nếu khoảng hở nhỏ nhoi giữa các nhánh cây cho mấy người hàng xóm một ít tầm nhìn thì chỉ mình ánh trăng cũng không soi tỏ quanh cảnh đủ để tạo độ tin cậy trong lời khai của họ trước tòa.

Tôi cố hết sức nhấc cái xác bọc trong tấm khăn khỏi sàn, để lên cửa sổ đã mở. Tôi nhét phần chân ra trước vì tuy gã đã chết rành rành nhưng tôi vẫn thấy không ổn với chuyện ném gã chúc đầu xuống. Giữa chừng, tấm khăn khựng lại ở chỗ cái đầu dính lấp ló, nhưng với sự kiên quyết, tôi xoay xở đẩy gã ra bằng được.

Khoảng cách từ bậu cửa sổ đến mặt đất chừng ba bốn mét. Không cao. Vậy mà cú va chạm gây nên âm thanh ghê rợn, khủng khiếp dường như có thể nhận ra ngay tức thì đó là tiếng xác chết rơi thẳng từ trên cao xuống nền đất cứng.

Không có tiếng chó sủa. Không ai hỏi, *Ê, nghe thấy gì không?* Chẳng ai trả lời, *Có, nghe thấy* Odd Thomas ném cái xác ra ngoài cửa sổ. Thị trấn Pico Mundo đã chìm vào giấc ngủ.

Dùng khăn giấy nhằm tránh để lại dấu tay, tôi nhặt khẩu súng lên khỏi tấm thảm. Tôi thêm nó vào danh sách những thứ trong túi mua sắm bằng nhựa.

Trở vào phòng tắm lần nữa, tôi kiểm tra để chắc chắn trong quá trình dọn sạch không bỏ sót bất cứ điều gì hiển nhiên. Sau đó tôi cần nhanh chóng thực hiện một việc tử mĩ chu đáo đó là hút sạch những lông tóc mang tính cáo buộc, lau xóa mọi bề mặt để loại bỏ dấu tay của Bob Robertson...

Không phải tôi đang giúp tên sát nhân thoát tội. Toàn bộ các dấu hiệu cho thấy, kẻ đó là một tay chuyên nghiệp quá thông minh và quá am hiểu, không để lại dấu tay hay bất kỳ bằng chứng nào khác cho thấy sự có mặt của hắn.

Khi xem đồng hồ đeo tay, tôi vô cùng kinh ngạc. Một giờ ba mươi tám phút sáng. Đêm phải như đang *chạy đua* đến sáng chứ. Tôi tưởng đã hai giờ rưỡi hoặc muộn hơn rồi.

Tuy nhiên, thời gian dành cho tôi đang cạn dần. Đeo đồng hồ điện tử mà tôi như nghe được cơ hội hành động đang tích tắc trôi qua.

Sau khi tắt đèn trong phòng tắm, tôi đến cửa sổ trước nhà lần nữa, hé tấm rèm và quan sát con đường. Có thể có ai đó còn thức nhưng tôi vẫn chưa phát hiện thấy.

Cầm cái túi, tôi ra khỏi nhà và khóa cửa chính lại. Xuống bậc thang, tôi cảm giác bị dòm ngó soi mói như thí sinh dự thi Hoa hậu Mỹ trong phần thi áo tắm.

Dù khá chắc chắn không cặp mắt nào dõi theo nhưng tôi rơi vào cảm giác tội lỗi khiến bản thân bồn chồn. Lo lắng dò xét khung cảnh ban đêm, nhìn quanh quất khắp nơi mà không nhìn những bậc thang trước mặt; đó là bằng chứng về phép lạ vì tôi đã không té gãy cổ rồi bỏ lại cái xác thứ hai làm cảnh sát điên đầu.

Chắc bạn băn khoăn liệu tôi cảm thấy tội lỗi về điều gì, vì tôi đâu giết chết Bob Robertson.

À, tôi không bao giờ cần lý do chính đáng mới thấy có lỗi. Thỉnh thoảng tôi cảm giác phải chịu trách nhiệm về những xác tàu hỏa ở Georgia, các vụ đánh bom khủng bố tại những thành phố xa xôi, bão ở Kansas...

Một phần trong tôi tin rằng nếu tôi hăng hái khai thác tài năng và phát triển nó hơn, thay vì chỉ *đương đầu* với nó trên cơ sở ngày qua ngày thì chắc tôi có thể giúp cảnh sát tóm được nhiều tội phạm hơn và cứu được nhiều mạng sống hơn từ tay kẻ xấu lẫn thiên nhiên khắc nghiệt, ngay cả ở những nơi rất xa thị trấn Pico Mundo. Tôi biết lần này không phải vậy. Tôi biết để theo đuổi sự can hệ sâu hơn vào khả năng siêu nhiên sẽ phải đánh mất mối liên hệ với thực tế, xoáy sâu vào chứng điên rồ trưởng giả, để rồi tôi chẳng giúp được ai. Tuy vậy phần trừng phạt trong con người tôi đôi lúc lại cứ cân nhắc tính cách của tôi và phán xét tôi thiếu năng lực.

Tôi hiểu tại sao mình lại dễ thành biểu hiện của tội lỗi đến vậy. Căn nguyên ở chỗ mẹ tôi và súng ống của mẹ.

Nhận biết cấu trúc tâm lý không có nghĩa bạn dễ dàng tái tạo nó. Phòng chứa những tội lỗi vô lý là một phần của công trình kiến trúc trong đầu tôi, và tôi nghi ngờ không biết liệu có lúc nào đó tôi có thể đổi mới căn phòng trong cái lâu đài kỳ lạ là tôi đây không.

Đến chân cầu thang mà không thấy ai lao tới hét toáng *Tôi đi tởm cáo đây!*, tôi bắt đầu đi vòng sang bên hông ga-ra, sau đó dừng lại, đập vào mắt là hình ảnh ngôi nhà gần đó và ý nghĩ về bà Rosalia Sanchez.

Tôi định dùng xe Chevy của bà, chiếc xe bản thân bà hiếm khi lái, để chuyển xác Robertson, sau đó trả xe về ga-ra mà không để bà biết. Tôi không cần chìa khóa. Khi học phổ thông, tôi không tập trung chú ý vào giờ toán như điều lẽ ra nên làm, mà từ lâu đã học cách khởi động xe không cần chìa khóa.

Mỗi lo bất chợt của tôi về bà Rosalia không liên quan gì đến khả năng bà nhìn thấy tôi thực hiện hành vi bất chính này mà dành hết cho sự an nguy của bà.

Nếu còn một tên khác mang theo ý định giết người đi cùng Robertson vào căn hộ của tôi trong khoảng từ năm giờ rưỡi đến bảy giờ bốn mươi lăm thì bọn chúng đã làm thế trong ánh sáng ban ngày. Ánh nắng ban ngày ở sa mạc Mojave rất sáng sủa.

Tôi nghi hai gã đàn ông thông đồng đến nhà tôi và Robertson tưởng bọn chúng nhúng tay vào vụ bắn thủ này nhắm vào tôi. Có lẽ gã tin cả hai sẽ nằm đợi tôi về. Chắc hẳn gã kinh ngạc khi tên đồng bọn chìa súng vào gã.

Một khi Robertson đã chết và tôi bị dựng chuyện giết người thì kẻ sát nhân sẽ không la cà ở lại mặc thứ đồ lót của tôi và nếm thử thức ăn thừa trong tủ lạnh nhà tôi. Hắn sẽ nhanh chóng bỏ đi, khi nắng vẫn chưa tắt.

Nhất định hẳn sợ có người trong ngôi nhà gần bên nhìn thấy hắn vào cùng nạn nhân hay rời khỏi đó một mình.

Không muốn gánh chịu nguy cơ có nhân chứng, có thể hẳn gõ cửa sau nhà bà Rosalia sau khi xử xong Robertson. Một bà góa hiền lành, sống một mình, sẽ là đối tượng dễ dàng ra tay.

Thực ra, nếu kỹ lưỡng và thận trọng, chắc chắn hẳn sẽ ghé nhà bà *trước khi* đưa Bob Robertson đến đây. Hắn sẽ dùng cùng một khẩu súng trong cả hai vụ, gán tội vào hai tội giết người.

Xét theo sự mau lẹ và táo bạo trong hành động hẳn đã làm để trừ khử tên đồng mưu thì kẻ xa lạ kia là một người kỹ lưỡng, thận trọng và còn hơn thế nữa.

Ngôi nhà của bà Rosalia nằm lặng thinh. Không ngọn đèn nào sáng lên ở cửa sổ, chỉ có một khuôn mặt như bóng ma mà thực ra đó là hình phản chiếu của mặt trăng phía tây.

CHƯƠNG 35

Tôi bắt đầu băng qua lối xe chạy, hướng đến hiên sau nhà bà Rosalia trước khi kịp nhận ra mình đang di chuyển. Sau vài bước, tôi dừng lại.

Nếu bà đã chết, tôi không thể làm gì bà. Và nếu kẻ giết Robertson có ghé nhà bà, chắc chắn hẳn *không* để bà còn sống.

Trước đó tôi cứ tưởng Robertson là tay súng đơn lẻ, một tên quái đản rối loạn đầu óc và đạo đức đang lập mưu cho một vụ giết chóc vấy máu trong lịch sử, hết như rất nhiều tên thuộc đám cận bã khét tiếng trong xấp tài liệu được gã nâng niu cất giữ.

Và giờ đây gã đã trở thành kẻ như thế và thậm chí còn hơn thế. Gã gặp một kẻ cũng đam mê những trò tàn sát không suy nghĩ và cả hai cùng hợp sức biến thành con quái vật hai mặt, hai trái tim thù hận và bốn bàn tay bận bịu làm việc xấu xa.

Manh mối đã được treo trên tường phòng làm việc tại nhà Robertson nhưng khi ấy tôi nào hiểu. Manson, McVeigh và Atta. Không tên nào trong số đó hành động một mình. Bọn chúng hiệp lực với những kẻ khác.

Trong xấp tài liệu có trường hợp những tay sát thủ liên hoàn và kẻ thám sát hàng loạt hành động đơn độc nhưng ba gương mặt tại vị trí Robertson tôn thờ đều là đối tượng tìm thấy ý nghĩa trong hội của bọn người xấu xa.

Chuyến viếng thăm bất hợp pháp của tôi đến nhà Robertson ở Camp's End không hiểu sao bị gã biết được. Có thể máy quay được giấu trong nhà.

Những kẻ đi theo đường lối cũng thường mắc chứng hoang tưởng. Nếu quyết định làm vậy thì Robertson có nguồn tài chính dồi dào đủ để trang bị cho ngôi nhà những máy quay tối tân được ngụy trang khéo léo.

Gã ắt hẳn đã nói với đồng bọn giết người chuyện tôi rình mò những căn phòng của gã. Tên bạn thân ấy có thể quyết định rằng bản thân hẳn gặp nguy nếu việc liên đới với Robertson bại lộ.

Hay do tôi sục sạo mà Robertson đâm ra lo sợ về kế hoạch ngày mười lăm tháng Tám của

bọn chúng. Chắc gã muốn trì hoãn cuộc tàn sát mà cả hai chuẩn bị thực hiện.

Có lẽ tên bạn thân loạn thần kinh của gã quá háo hức đến mức không chấp nhận sự chậm trễ. Đã dự tính từ rất lâu màn bạo lực thú vị này, giờ đây hấn khát khao nó, một *nhu cầu cấp thiết*.

Tôi ngoảnh mặt đi khỏi ngôi nhà bà Rosalia.

Nếu đến đó và phát hiện ra bà đã bị giết do hậu quả hành động của tôi, tôi e mình không còn ý chí để xử lý cái xác Robertson. Ngay lúc nghĩ đến việc tìm thấy thi thể của bà - *Odd Thomas, con có thấy bà không? Odd Thomas, bà vẫn hiện hữu chứ?* - tôi cảm giác các mối nối lý trí bị bung lỏng ra, và tôi biết mình rơi vào nguy cơ phân tâm về mặt cảm xúc nếu không nói là về mặt tâm lý.

Chị Viola Peabody và các con chị đang trông cậy vào tôi.

Số lượng chưa xác định những người hiện bị định đoạt phải chết tại thị trấn Pico Mundo trước hoàng hôn ngày mai có thể được cứu nếu tôi ở bên ngoài nhà giam, nếu tôi biết địa điểm và thời gian của hành động hung bạo có tính toán kia.

Như thể phép thuật đột ngột thắng thế vật lý học, ánh trắng dường như mang trọng lượng. Tôi cảm giác sức nặng của ánh trắng rơi theo từng bước đi hướng đến phía sau ga-ra, nơi cái xác nằm đợi trong lớp vỏ bọc màu trắng.

Cửa sau của ga-ra không khóa. Bóng tối bên trong đầy mùi lốp cao su, dầu máy, dầu nhờn lâu ngày và hương thơm của gỗ tươi nguyên từ những xà nhà để trần bị nung dưới sức nóng ngày hè. Tôi để cái túi vào trong.

Nhận biết dứt khoát rằng ngày hôm nay đã lấy đi của tôi cả tinh thần lẫn sức lực, tôi kéo lê cái xác qua ngưỡng cửa và đóng nhanh cánh cửa. Tới lúc ấy tôi mới lần mò tìm công tắc đèn.

Ga-ra nằm riêng biệt này có hai chỗ, cộng thêm chỗ sửa chữa nơi có thể đậu chiếc xe thứ ba. Hiện thời một chỗ còn trống, và chiếc Chevy của bà Rosalia nằm trong khoảng gần nhà nhất.

Thử mở thùng xe, tôi phát hiện nó bị khóa.

Ý nghĩ nhét cái xác vào băng sau rồi lái xe với cái xác sau lưng khiến tôi bối rối.

Trong suốt hai mươi năm qua, tôi đã chứng kiến biết bao thứ kỳ lạ. Một trong những điều quái dị hơn hẳn là hồn ma của tổng thống Lyndon Johnson bước xuống chiếc xe buýt đường dài tại trạm xe buýt của thị trấn Pico Mundo. Ông từ Portland, Oregon, đi qua San Francisco và Sacramento, đến đây để rồi lên ngay chuyến xe ra nước ngoài đi đến Phoenix, Tucson, và

những nơi trong Texas.

Do từ trần trong bệnh viện nên ông mặc quần áo ngủ, không mang dép và trông trơ trọi. Khi nhận ra tôi thấy được ông, ông trừng mắt giận dữ, rồi tuột quần áo và chống hông về phía tôi.

Thế nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy một thi thể sống lại, cũng không đụng độ xác chết nào được ma thuật xấu xa phù phép cho cử động. Vậy mà ý nghĩ quay lưng lại với tử thi của Robertson và lái xe chở xác đến một xó xỉnh hiu quạnh của thị trấn Pico Mundo làm tôi căng phồng nổi khiếp đảm.

Mặt khác, tôi không thể đỡ gã - bị bao bọc kín mít, lên ghế hành khách phía trước rồi chạy xe loanh quanh với một thứ trông như liều thuốc nặng hai trăm năm mươi pao.

Cho cái xác vào phía sau xe Chevy đòi hỏi phải cố gắng cả sức lực lẫn cái dạ dày. Trong cái kén, Robertson, như xộp, mềm... *chín muồi*.

Hết lần này đến lần khác, ký ức sống động về lỗ đạn tả tơi, uơn uớt trên ngực gã dấy lên trong tâm trí tôi: thịt nhão và bầm tím quanh cái vết rỉ ra thứ nước sền sệt sẫm màu. Tôi không ngó sát vết thương, tôi đã nhanh chóng quay đi, mà sao hình ảnh ấy cứ trỗi dậy như mặt trời đen tối trong trí nhớ của tôi.

Đến lúc chất cái xác vào xe và đóng cửa sau lại, mồ hôi chảy ròng ròng trên người tôi như thể tên khổng lồ nào đó vắt tôi như vắt cái khăn mặt. Đó cũng chính là cảm giác của tôi.

Bên ngoài, hai giờ sáng, nhiệt độ giảm còn tám mươi lăm độ mát mẻ[40]. Trong ga-ra không cửa sổ này, không khí hơn mười độ là tối đa.

Mặc kệ chuyện đổ mồ hôi, tôi lóng ngóng bên dưới cái chắn bùn trước xe và tìm những sợi dây tôi cần. Chỉ hỏng một lần, tôi đã khởi động được xe.

Từ đầu đến cuối, gã đàn ông đã chết trên ghế sau không hề cựa quậy.

Tôi tắt đèn ga-ra, để cái túi mua sắm bằng nhựa lên ghế hành khách, ngồi vào sau vô lăng rồi dùng điều khiển từ xa kéo cánh cửa ga-ra.

Thấm mồ hôi trên mặt bằng nắm khăn giấy rút ra từ cái hộp để trên bảng điều khiển của xe, tôi nhận thấy mình chưa nghĩ tới nơi dỡ kiện hàng kia xuống. Bãi rác thị trấn hay đồng thu gom phế thải của công ty Goodwill Industries đều không phải ý kiến hay.

Nếu Robertson bị phát hiện quá sớm, cảnh sát trưởng Porter sẽ đặt những câu hỏi hóc búa cho tôi. Lý tưởng nhất là cái xác sẽ nằm mục rữa một cách lặng lẽ trong ít nhất hai mươi bốn tiếng trước khi có người tìm thấy và để Chúa cứu rồi gã.

Rồi tôi nghĩ ra một chỗ giấu hoàn hảo: Nhà thờ Sao chổi Thì thầm, Quầy rượu Ngực trần,

Hiệu sách Người lớn và Thiên đường Bánh kẹo.

CHƯƠNG 36

Nhà thờ Sao chổi Thì thầm được dựng lên cách đây hơn hai mươi năm, cách xa quốc lộ và ra khỏi ranh giới thị trấn Pico Mundo vài trăm dặm, trên một vùng sa mạc đầy bụi rậm.

Ngay cả khi còn là nơi thờ phụng khác thường thì nó cũng đã không giống nhà thờ. Tại đây trong màn đêm trong trẻo đầy sao, tòa nhà chính, một ngôi nhà bằng tôn gấp nếp dài hơn sáu mươi mét, rộng hơn mười tám mét, hình nửa trụ với các ô cửa sổ hai bên trông như con tàu vũ trụ, thiếu đi chóp mũ trên đỉnh, bị chôn vùi một nửa vào lòng đất.

Nép giữa hàng cây đã héo và đang lụi tàn, bị che đầy gần hết bởi lớp ngụy trang văn vện của những cái bóng và ánh trắng nhợt nhạt, các ngôi nhà tôn nhỏ hơn vây quanh vành đai khu đất. Trước đây chúng là khu tập hợp những tín đồ trung thành.

Người sáng lập nhà thờ, Caesar Zedd Jr., biện bạch rằng ông nhận được những thông điệp thì thầm, chủ yếu trong mơ nhưng cũng đôi khi vào lúc thức từ những nhân viên tình báo ngoài hành tinh trên chiếc tàu vũ trụ du hành đến Trái đất bên trong sao chổi. Những người ngoài hành tinh ấy tuyên bố họ là các vị thần đã tạo ra loài người và toàn bộ những giống loài trên hành tinh.

Hầu hết cư dân thị trấn Pico Mundo cho rằng các buổi lễ ở Nhà thờ Sao chổi Thì thầm sẽ có ngày lên đến tột bậc thành lễ ban thánh thể bằng rượu nho Kool-Aid tẩm độc và hàng trăm người chết. Thay vì thế, sự chấn chỉnh trong niềm tin tôn giáo của ông Zedd trở nên khả nghi khi ông và toàn thể tín đồ bị truy tố và kết án tội tổ chức băng nhóm sản xuất và phân phối chất kích thích lớn nhất thế giới.

Sau khi nhà thờ ngừng hoạt động, một tổ chức tự xưng là Hiệp hội Đầu tiên Bảo vệ Sự đổi mới, đơn vị quy mô nhất tại Mỹ kinh doanh hiệu sách người lớn, quầy rượu ngực trần, các trang web khiêu dâm và những tụ điểm karaoke, đã đe dọa hạt Maravilla phải cấp cho họ giấy phép kinh doanh. Bọn họ biến khu đất thành công viên giải trí về tình dục hạng bét, đổi biển tên gốc của nhà thờ sang bảng đèn nê-ông và mở rộng thành dòng chữ NHÀ THỜ SAO CHỔI THÌ THẦM, QUÁN RƯỢU NGỰC TRẦN, HIỆU SÁCH NGƯỜI LỚN VÀ THIÊN ĐƯỜNG BÁNH KẸP.

Tin đồn nơi đây có món bánh kẹp và thịt nướng ngon tuyệt cùng lời hứa hẹn miễn phí nước ngọt uống thêm được tuân thủ theo một cách hào phóng. Vậy mà chốn làm ăn chẳng bao giờ thành công việc lôi kéo các nhóm dùng bữa tối gia đình hay các cặp đôi thành đạt địa vị cao,

những đối tượng thường hay lui tới nhà hàng.

Doanh nghiệp được gọi tên là Bánh kẹp Thì thầm này được khoản lời đáng kể thậm chí sau khi đã bù lỗ cho dịch vụ ăn uống. Quầy rượu ngực trần, hiệu sách (không cất giữ mà cung cấp hàng ngàn băng đĩa) và nhà chứa (không đề cập trong tờ đơn gốc xin cấp giấy phép kinh doanh) mang những đại dương tiền cho ốc đảo sa mạc này.

Tuy các luật sư của tập đoàn, những người bảo vệ Hiến pháp đầy lòng can đảm, đã cố gắng giữ cho nơi này vẫn mở cửa qua mười lần bị kết tội tổ chức hoạt động mại dâm, Bánh kẹp Thì thầm đã tan hoang sau vụ ba gái mại dâm bị bắn gục bởi một gã khách trần truồng lên cơn do dùng thuốc gây nghiện PCP và Viagra quá liều.

Thay cho phần thuế và tiền phạt chưa trả, cơ ngơi rơi vào tay chính quyền hạt. Suốt năm năm qua, sự đình trệ của hoạt động bảo quản và những nỗ lực chiếm hữu không mệt mỏi của sa mạc đã đè bẹp tòa nhà một thời nguy nga của các vị thần ngoài hành tinh thành đồng gỉ sét đổ nát.

Khu vườn ở nhà thờ từng mang phong cảnh như thiên đường nhiệt đới, với cỏ sum suê, nhiều giống cây cọ dương xỉ, và dây leo nở hoa. Không được tưới nước hàng ngày nên mùa mưa ngắn ngủi ở sa mạc không đủ nước giữ gìn vườn địa đàng này.

Tắt đèn pha từ quốc lộ rẽ vào, tôi lái xe dưới bóng trăng tua tủa do ánh sáng hắt qua những hàng cọ héo queo. Lối xe chạy rải nhựa nứt nẻ đầy ổ gà dẫn đến phía sau tòa nhà chính xa xa là vòng cung của những nhà tôn nhỏ hơn.

Tôi chẳng muốn để xe còn nổ máy nhưng tôi muốn có thể trốn chạy thật nhanh. Không có chìa khóa, tôi không tài nào khởi động xe nhanh chóng trong cơn hoảng loạn.

Bỏ cây đèn pin vào cái túi, tôi tìm nơi thích hợp để giấu cái xác phiền phức này.

Sa mạc Mojave lấy lại được hơi thở. Luồng gió lười nhác thổi đến từ hướng đông mang theo mùi cây bụi khô héo, cát nóng và đời sống kỳ lạ của sa mạc.

Mỗi căn phòng trong số mười mái nhà tôn từng là khu tụ họp của nhà thờ đủ chỗ cho sáu mươi thành viên sùng bái tại những cái giường nhỏ chật hẹp kiểu tiệm thuốc phiện. Khi nhà thờ được thay thế bằng nhà chứa có món bánh kẹp, một vài chỗ trong kết cấu trên được hủy bỏ, phân chia và trang trí lại nhằm biến thành những chiếc giường thoải mái để vũ nữ ngực trần giao thú mà các ả hứa hẹn ngoài quầy rượu.

Những năm về sau, từ lúc khu đất bị bỏ hoang, đám người tộc mạch lần tìm ra và phá hoại tòa nhà chính cùng tất cả các khu tập hợp. Cửa gãy toang hoác. Vài cánh cửa còn tịt khối bản lề mục ruỗng.

Tại khu tập hợp thứ ba mà tôi xem xét, chốt đàn hồi trên cửa vẫn còn tốt để giữ cửa đóng.

Tôi không muốn để cái xác ở nơi bầy sói đồng cỏ có thể dễ dàng mò tới. Robertson đã là một quái thú; tôi vẫn tin như thế; song, bất kể chuyện gã đã làm hay có khả năng thực hiện, tôi vẫn không thể giao nộp thi hài của gã cho điều sỉ nhục mà bà ngoại Sugars sợ sẽ xảy đến với bà nếu bà gục chết trong ván bài với những tay chơi nhẵn tâm.

Biết đâu sói đồng cỏ không ăn xác đã thối rữa. Có lẽ chúng chỉ dùng món do chúng làm thịt.

Thế nhưng sa mạc đầy rẫy sự sống, nhiều hơn hẳn những gì nhìn thấy được khi chỉ xem xét sơ sài. Rất nhiều sinh vật sẽ mừng rỡ đánh chén một cái xác béo núc như của Robertson.

Sau khi lái chiếc Chevy nhanh hết mức đến ngôi nhà đã chọn, cách cổng khoảng ba mét, tôi cần một phút để dồn nghị lực giải quyết cái xác. Tôi nhai hai viên thuốc giảm độ axit trong dạ dày.

Suốt chuyến đi từ thị trấn, Bob Robertson chưa một lần hỏi, *Chúng ta đến chưa?* Tuy vậy, và ngược hẳn với lý trí, tôi vẫn không tin hẳn đã chết.

Lôi mạnh gã ra khỏi xe xem ra dễ hơn việc tống gã vào, trừ một điểm khi cái thân thể núc ních to lớn của gã động đậy bên trong lớp vỏ bọc bằng khăn trải giường, tôi cảm giác như mình đang xử lý một cái bao đầy rắn sống.

Sau khi kéo lê gã đến cửa nhà tôn, chèn cửa mở bằng cây đèn pin, tôi tạm nghỉ quệt mồ hôi nhỏ giọt trên trán, và trông thấy cặp mắt vàng khè. Thấp dưới mặt đất cách xa khoảng bảy tám mét, cặp mắt đỏ nhìn tôi vẻ thèm khát không lẫn đi đâu được.

Tôi chộp cây đèn pin lên và rọi thẳng vào đúng ngay thứ tôi đã sợ: một con sói từ vùng đồng không mông quạnh vào đây, thám thính giữa những tòa nhà hoang phế. To lớn, vạm vỡ, thô kệch, trán và quai hàm sắc cạnh, con thú mang bản chất xấu xa thua kém rất nhiều người, nhưng ngay giây phút đó trông nó như yêu ma lén qua cánh cổng địa ngục.

Đèn pin không dọa được nó bỏ đi, điều đó cho thấy nó trở nên tự tin một cách nguy hiểm trước mặt con người, và có thể nó không đơn độc. Tôi quét đèn pin qua bóng đêm trước mắt và phát hiện thêm một con khác vai thông xuống bên phải phía sau con thú nhất.

Cho đến những năm gần đây, sói đồng cỏ hiếm khi cắn trẻ con và không bao giờ lao vào người lớn. Khi những người định cư xâm lấn địa phận săn bắt của bọn sói, chúng trở nên táo bạo hơn, hung hăng hơn. Trong vòng năm năm trở lại đây, vài người lớn ở California bị chúng đuổi theo thậm chí bị tấn công.

Hai con này xem ra không phải thấy tôi ít đáng sợ mà coi tôi như món mận cuối bữa.

Tôi nhìn xuống đất xung quanh tìm hòn đá và vớ được một miếng bê tông vỡ ra khỏi lề đường. Tôi ném mạnh vào con thú gần nhất. Miếng bê tông rơi xuống mặt đường nhựa chệch mục tiêu hơn cả tắc và văng vào vùng tối.

Con sói né tránh điểm va chạm nhưng không bỏ chạy. Con thú hai theo sự ra hiệu của con đầu tiên và đứng yên lại chỗ.

Âm thanh vo vo và lách cách của chiếc xe còn để nổ máy không khiến bọn sói nao núng mà làm tôi lo lắng. Bánh kẹp Thì thầm là khu biệt lập; không ai đến gần tới mức dấy lên sự tò mò bởi tiếng động cơ rền rĩ. Thế nhưng nếu những người lai vãng khác đã có mặt tại khu này thì tiếng ồn sẽ lấp kín tiếng chân họ.

Tôi không thể xử lý cùng lúc hai thứ. Việc giấu cái xác chiếm ưu tiên hơn chuyện đối phó bọn sói.

Lúc tôi quay lại, có thể bày thú đã bỏ đi theo hương thơm thịt thỏ hay con thú nào khác dễ sẵn.

Tôi lôi cái xác được bao bọc qua ngưỡng cửa, vào nhà tôn rồi đóng chặt cửa lại.

Hành lang dọc một bên tòa nhà chia thành một phòng tắm và bốn căn phòng. Mỗi căn phòng từng là nơi hành nghề của một ả mại dâm.

Đèn pin soi rọi bụi bặm, mạng nhện, hai chai bia rỗng không, đồng xác ong...

Sau gần ấy năm, không khí vẫn vương vấn mùi hương phảng phất mờ nhạt của nến thơm, trầm hương, nước hoa, dầu thơm. Chìm khuất bên dưới sự hòa quyện thơm tho nhưng ngọt ngào này là mùi hăng khó chịu hơn, có thể đó là nước tiểu lâu ngày của các con thú đến rồi đi.

Đồ đạc đã được chở đi từ lâu. Trong hai căn phòng, gương trên trần cho biết vị trí đặt giường. Tường sơn màu hồng đậm.

Mỗi căn phòng có hai cửa sổ bé tẹo. Hầu hết kính đều bị trẻ con dùng súng hơi bắn vỡ.

Trong căn phòng thứ tư, cả hai cửa sổ nhỏ đều còn nguyên vẹn. Tại đây, không loài ăn xác chết to lớn nào có thể chạm tới thi thể.

Một sợi dây giày dùng để cột bị bung. Đầu bao đựng xác giãn ra và chân trái của Robertson lộ ra.

Tôi đã cân nhắc chuyện lấy cả dây giày lẫn tấm khăn trải giường. Chúng có thể là mối liên hệ liên quan đến tôi, nhưng chúng thuộc lại hàng thường, được bày bán ở rất nhiều cửa tiệm, chỉ mình những thứ đó không thể kết tội tôi.

Khi tập trung vào nhiệm vụ, trong tâm trí tôi lại xuất hiện hình ảnh vết thương trên ngực Robertson. Và trong ký ức tôi nghe giọng mẹ: *Con muốn bóp cò giùm mẹ không? Con muốn bóp cò không?*

Tôi đã tập luyện nhiều lần việc kéo tâm trí rời xa một số ký ức tuổi thơ. Tôi có thể nhanh chóng chuyển giọng nói đáng nhớ của mẹ từ thì thầm sang nín thinh.

Ném khỏi tâm trí hình ảnh vết thương của Robertson lại không hề dễ dàng. Lỗ thủng ươn ướt đó nện thành thịch trong ký ức như thể trái tim đã ngừng đập của gã đang vổ bên dưới.

Trong phòng tắm nhà tôi, khi cởi áo gã để kiểm tra tình trạng tím bầm và thấy vết thương hở trên phần thịt nhuộm đỏ, cái gì đó đã thôi thúc tôi nhìn gần hơn. Phần nộ bởi sự thúc đẩy không tốt từ chính bản thân, và thực ra, khiếp đảm trước điều đó, e rằng đam mê của tôi chứng tỏ tôi bị mẹ tác động theo cách tôi không nhận ra nên tôi đã kìm chế không nhìn gần hơn và lập tức quay đi cài nút áo gã lại.

Giờ đây, quỳ cạnh Robertson, lóng ngóng với mấy cái nút thắt ở sợi dây giày còn buộc chặt cái bao đựng xác, tôi cố đóng ký ức về cái áo sơ mi lên ký ức về vết thương rỉ nước nhưng nó vẫn cứ đập vào tâm trí tôi.

Trong thi thể sưng phồng, khí làm giả một loạt âm thanh ùng ục lên đỉnh điểm nghe như tiếng thở dài vượt ra khỏi đôi môi người chết, ở phía sau lớp mạng che bằng cotton.

Không thể nấn ná thêm giây phút nào bên cạnh cái xác, tôi vụt đứng dậy, cầm đèn pin bỏ chạy khỏi căn phòng màu hồng đậm, nửa đường dọc hành lang mới nhận ra còn để cửa mở. Tôi quay lại đóng cửa, bảo vệ thi thể kỹ hơn khỏi loài chim ăn xác to lớn của sa mạc.

Tôi lấy vạt áo của mình lau tay nắm cửa ở mọi căn phòng tôi đã xem qua. Sau đó, lê chân qua những bước đi in dấu trước đó, tôi làm bắn lớp bụi dày trên sàn với hy vọng có thể tránh để lại dấu giày rõ ràng.

Khi mở cửa trước, ánh đèn pin của tôi gặp phải tia mắt sáng từ ba con sói đồng cỏ đợi sẵn, chắn giữa tôi và chiếc Chevy còn nổ máy.

CHƯƠNG 37

Chân vạm vỡ, be sườn săn chắc, mõm nhỏ, sói đồng cỏ xem ra được dành cho các cuộc tấn công thần tốc và dữ dội và ngay cả khi chúng đối diện bạn với tia nhìn muốn ăn tươi nuốt sống, chúng vẫn mang đôi chút nét hấp dẫn của loài chó. Chó sói thảo nguyên, một số người gọi chúng như thế, và tuy thiếu đi phần lớn vẻ quyến rũ của loài chó sói nhưng chúng có đặc trưng như chó vì chân quá to so với thân và tai quá lớn so với đầu.

Ba con thú này có vẻ thách thức giấu cợt hơn là đe dọa, nếu bạn không đọc thông điệp hợp lý trong dáng điệu căng thẳng và những cái mũi thở phùng phùng. Đôi tai lớn của chúng vểnh lên, và một con trong đám ngóc đầu như thể thấy tôi hết sức khó hiểu. Đánh giá kiểu ấy về tôi không chỉ có bọn sói này.

Hai con đứng trước chiếc Chevy, có lẽ cách hơn bốn mét. Con thứ ba đứng chờ giữa tôi và phần băng ghế hành khách, chỗ cửa sau tôi để mở.

Tôi hét lên với âm lượng ở mức lớn nhất, vì lẽ thường những âm thanh inh ỏi đột ngột sẽ làm bọn sói hoảng sợ bỏ chạy. Hai con nhúc nhích, nhưng chẳng con nào rút lui được đến một phân.

Bị hằm nhừ trong mồ hôi của chính mình, ắt hẳn tôi bốc mùi như bữa tối mặn chát nhưng thơm ngon.

Khi tôi bước lùi khỏi ngưỡng cửa, chúng không nhảy xổ vào tôi, điều đó có nghĩa sự táo tợn của chúng chưa đến mức tin chắc rằng chúng có thể hạ gục tôi. Tôi đóng sập cửa giữa hai bên lại.

Một cánh cửa khác cuối hành lang bên kia cũng dẫn ra bên ngoài, nhưng nếu thoát bằng lối đó tôi sẽ cách rất xa chiếc Chevy. Tôi không thể hy vọng vòng lại sau xe và lén chui vào qua cửa xe để mở. Trước khi tôi kịp tới đó, ba đồng đạo giống sói Wile E. đã đánh hơi được tôi và sẽ chờ sẵn, không tên nào cần nhờ cậy đến cái máy chém phải gửi thư về Tập đoàn Acme đặt mua.

Nếu đợi trong này đến khi trời sáng, chắc tôi thoát được vì bọn chúng là thợ săn đêm và có thể chúng quá đói không thể canh mãi ngoài cửa. Kim xăng trong xe bà Rosalia chỉ mức đầy nửa thùng, như vậy còn lâu mới cạn, nhưng động cơ gần như chắc chắn sẽ nóng lên quá mức trước khi hết xăng, khiến chiếc xe trở nên vô dụng.

Bên cạnh đó, pin trong cây đèn của tôi có vẻ không còn đủ đến một tiếng. Vì lòng can đảm đã nói lúc trước về chuyện không sợ những thứ chưa biết nên tôi không thể chịu đựng bị kẹt trong căn nhà tối đen như mực, bầu bạn với một gã đã chết queo.

Không thứ gì giúp mắt tiêu khiển, tôi sẽ bị ám ảnh hình ảnh hồi tưởng vết thương do đạn bắn của gã. Tôi sẽ tin mỗi luồng gió đêm, xào xạc bên khung cửa sổ vỡ thật ra làm âm thanh Bob Robertson tách khỏi cái kén.

Tôi đi tìm kiếm thứ gì đó để ném vào bọn sói. Nếu không chịu cởi đôi giày của cái xác thì tôi chẳng có gì ngoài hai chai bia rỗng không.

Sau khi trở lại cửa với mớ chai, tôi tắt đèn pin, nhét nó vào cặp quần, chờ vài phút, tạo cơ hội cho hòa khí, nhưng cũng để mắt quen với bóng tối.

Lúc mở cửa, những mong phòng tuyến chó sói kia đã giải tán và đi mất, tôi thật thất vọng. Cả ba vẫn gần như ở nguyên chỗ cũ: hai con trước đầu xe, con thứ ba gần lớp dự trữ chỗ băng sau.

Trong ánh nắng, bộ lông của chúng sẽ sạm lại với những lần đỏ nổi bật và cái bờm đen. Tại đây chúng có màu xám gỉ của bạc lâu năm. Thoáng trong cặp mắt chúng rực lên vẻ điên dại khi có trăng.

Chỉ vì con sói gần nhất tỏ ra gan lì nhất trong bộ ba này nên tôi nghĩ nó là con đầu đàn. Nó cũng là con lớn xác nhất, với phần cằm ngả xám cho thấy nhiều kinh nghiệm trong việc săn bắt.

Chuyên gia khuyên rằng, khi đương đầu với một con chó nổi giận, bạn nên tránh nhìn thẳng vào mắt nó. Đó là sự thách thức khiến thú vật sẽ phản ứng một cách hung hăng.

Nếu giống chó nói đến ở đây là một con sói đồng cỏ đang cân nhắc giá trị dinh dưỡng của bạn thì các chuyên gia sẽ khiến bạn tiêu đời. Không nhìn thẳng vào mắt chúng bạn sẽ bị xem là yếu đuối, biểu thị bạn là con mồi thích hợp; cũng như bạn tự nộp mạng lên cái đĩa đi kèm, hai cái khoai gấp đôi dưới dạ ngực và một phần thứ gây đánh rắm loại nửa đêm.

Nhìn thẳng vào mắt con đầu đàn, tôi gõ nhẹ một cái chai lên khung cửa kim loại, sau đó gõ mạnh hơn, làm vỡ cái chai. Tôi còn cầm cổ chai, mảnh vỡ lờm chớm ló ra khỏi bàn tay nắm chặt của tôi.

Nó thua xa thứ vũ khí lý tưởng để đối chọi với một kẻ thù có cái miệng tua tủa răng nhọn hoắt của loài động vật chuyên ăn thịt nhưng còn hơn là trắng tay.

Tôi hy vọng thách thức chúng với sự tự tin đó sẽ làm chúng do dự chốc lát về việc hại tôi. Thứ tôi cần nhất để có thể ra tới cửa sau để mở cửa chiếc xe Chevy là ba hoặc bốn giây lưỡng

lự của bọn sói.

Đóng ập cửa lại sau lưng, tôi tiến về phía con đầu đàn.

Lập tức nó nhe hàm răng nghiền chặt đầy nguy hiểm. Một tiếng gầm gừ rung rung khe khẽ đe dọa tôi lùi lại.

Phót lờ cảnh báo, tôi tiến thêm bước nữa, và bằng một cú hất cổ tay đột ngột, tôi ném cái chai bia còn nguyên. Nó đập mạnh vào mõm con đầu đàn, văng ra và vỡ tan tành trên mặt đường dưới chân con sói.

Giật mình, con sói ngừng gầm gừ. Nó di chuyển đến đầu xe, không lùi xa tôi, cũng không lại gần hơn, mà chỉ đổi vị trí để dàn thành thế trận liên kết với hai đồng minh của nó.

Điều này mang lại kết quả mong đợi, bày ra cho tôi lối đi thẳng tắp, không rào cản đến cửa sau để mở cửa chiếc Chevy. Chẳng may, cuộc hành trình dốc hết sức về chỗ trốn đòi hỏi tôi phải lấy sự chú ý ra khỏi bầy sói.

Giây lát tôi đưa nước rút về xe, chúng sẽ nhảy xổ vào tôi. Khoảng cách giữa chúng và tôi không hơn khoảng cách giữa tôi và cánh cửa mở là bao, và chúng nhanh hơn tôi nhiều.

Cầm cái chai vỡ trước mặt, ấn về phía bọn sói những phát nhanh gọn, đe dọa, tôi nhích ngang hướng tới chiếc Chevy còn nổ máy, tính từng phân cho đến chiến thắng.

Hai con sói nhìn tôi với vẻ tò mò lộ lộ: đầu ngóc lên, miệng hé mở, lưỡi thè ra. Tò mò nhưng cũng cảnh giác với bất kỳ cơ hội nào tôi có thể tạo ra cho chúng, chúng đứng đờn trọng lượng ra chân sau, sẵn sàng lao vào tôi bằng những bắp đùi khỏe mạnh.

Điều bộ của con đầu đàn khiến tôi băn khoăn hơn những con khác trong bầy. Đầu cúi thấp, tai cụp xuống đầu, nhe răng nhưng không thè lưỡi, cá thể này trở mắt nhìn tôi chăm chăm từ bên dưới cái trán hạ thấp.

Chân trước của nó ghì xuống đất chặt đến nỗi thậm chí trong ánh trăng nhợt nhạt, những ngón chân dang rộng thành kiểu dễ xác định được. Với các đốt chân trước gập cong rõ nét, con thú dường như đang đứng trên đầu móng vuốt.

Tuy tôi tiếp tục đối mặt với chúng nhưng chúng không ở ngay trước mặt tôi nữa mà sang bên phải tôi. Cửa xe mở nằm bên tay trái tôi.

Tiếng gầm gừ hung tợn không làm giảm dũng khí của tôi một cách hiệu quả bằng sự hồi hộp của chúng, sự im lặng chờ đợi của chúng.

Đi được nửa đường tới chiếc Chevy, tôi nghĩ mình có thể đánh liều lao ào đến ghế sau, ném

mình vào trong xe và đóng ập cửa lại đúng lúc kịp né cú tấp.

Rồi tôi nghe tiếng gầm gừ bị chặn lại bên tay trái.

Đàn sói giờ lên tới bốn con, và con thứ tư đã lên đi tới chỗ tôi từ phía sau chiếc Chevy. Nó đứng giữa tôi và cánh cửa để mở.

Cảm nhận sự chuyển động bên phải, tôi quay phắt sự chú ý trở lại bộ ba. Trong giây lát lơ là ngắn ngủi của tôi, bọn chúng đã rón rén đến gần tôi hơn.

Ánh trắng nhuộm bạc dòng nước dãi lòng thông nhều ra từ miệng con đầu đàn.

Bên trái tôi, tiếng gầm gừ khe khẽ của con sói thứ tư trở nên to hơn, so với âm thanh rền rĩ của chiếc xe. Nó là cái máy giết chóc mang sự sống, hiện giờ đang để không nhưng đã sẵn sàng sang số lớn, và nằm ngoài sức tưởng tượng của tôi, tôi thấy nó từ từ tiến về phía mình.

CHƯƠNG 38

Cánh cửa nhà tôn đăng sau tôi nằm cách một khoảng dễ gây nản chí. Trước khi tôi đến được đó, con đầu đàn sẽ ngự trên lưng tôi, răng nó để ở cổ tôi và mấy con kia sẽ cắn xé chân tôi, kéo lê phần dưới tôi đi.

Trong tay tôi, chai bia bể như món đồ dễ vỡ, một vũ khí cực kỳ không tương thích, chẳng ích lợi gì hơn ngoài việc cứa vào cổ của chính tôi.

Xét sức ép bất ngờ đè nặng lên bàng quang của tôi thì bọn dã thú này sẽ có món thịt ướp nước khi chúng ngoạm lấy tôi... nhưng rồi thực khách hung tợn bên trái tôi ngân tiếng gầm gừ lại và thốt ra giọng rên rỉ phục tùng.

Bộ ba rụt rè bên phải tôi, như con kia, đổi thái độ đe dọa thành lúng túng. Chúng bỏ tư thế theo đuổi, nhồm thẳng dậy, tai vểnh và cụp ra trước.

Sự thay đổi trong hành vi của bọn sói đồng cỏ, quá bất ngờ không thể lý giải, khiến giây phút đó giống bỏ bùa, như thể một thiên thần hộ mệnh gieo rắc phép lành lên vạn vật ban cho tôi sự giải thoát khỏi cảnh bị moi ruột.

Tôi đứng thẳng đơ và ngơ ngẩn, sợ cử động sẽ xóa tan bùa chú. Sau đó nhận ra sự chú ý của bầy đã chuyển sang một cái gì đó phía sau tôi.

Thận trọng quay đầu, tôi phát hiện người bảo vệ mình là một cô gái xinh xắn nhưng quá mảnh dẻ với mái tóc vàng bù xù và đường nét mong manh. Cô gái đứng phía sau, bên trái tôi, chân trần, không mặc gì ngoài cái quần lót viền ren nhỏ xíu, đôi tay thon thả khoanh lại che ngực.

Làn da nhợt nhạt mịn màng của cô dường như tỏa sáng trong ánh trăng. Đôi mắt xanh dương, hai hồ nước mênh mang, là cửa sổ cho thấy nỗi u sầu quá sâu sắc, tôi biết ngay cô ấy thuộc về cộng đồng những hồn người chết chưa yên nghỉ.

Con sói đơn lẻ bên trái tôi ngồi xuống đất, mọi cơn thèm khát bị lãng quên, ý chí đấu tranh tan biến. Con vật tỏ thái độ với cô như kiểu một chú chó đang chờ đợi lời âu yếm từ người chủ đáng kính của nó.

Bên phải tôi, ba con sói đầu tiên không khúm núm như con thứ tư nhưng bọn chúng cũng chết khiếp trước cảnh tượng này. Tuy lúc này không gắng sức nhưng chúng thở hổn hển và liếm mép liên tục, hai biểu hiện căng thẳng thần kinh ở giống chó. Khi cô gái bước qua tôi, hướng đến chiếc Chevy, bọn sói tránh sang bên, không phải theo kiểu sợ sệt mà như thể chiều ý.

Khi đến chiếc xe, cô quay lại phía tôi. Nụ cười của cô là mảnh trăng lưỡi liềm lộn ngược nặng trĩu nỗi buồn.

Tôi lặng lẽ cúi nhặt cái chai vỡ dưới đất rồi đứng thẳng lên, khâm phục khả năng nhận thức và ưu tiên của bọn sói, chúng có vẻ coi sự trải nghiệm điều kỳ lạ quan trọng hơn hẳn nhu cầu ăn uống.

Ở chỗ chiếc xe, tôi đóng cửa sau, mở cửa phía trước bên phần ghế hành khách.

Cô gái nhìn tôi một cách trang nghiêm, như thể cô cực kỳ xúc động vì được nhìn thấy sau khi qua đời đã nhiều năm, cũng như tôi xúc động thấy cô gái trong chốn ăn năn do chính cô tạo ra.

Xinh như đóa hoa hồng mới hé và vẫn chứa đựng nhiều hứa hẹn, xem ra lúc chết cô gái này mới hơn mười tám tuổi, quá trẻ để bị trói buộc rất lâu vào những xiềng xích của thế giới này, vào việc chịu đựng sự bơ vơ kéo dài như thế.

Cô gái ắt hẳn là một trong ba ả mại dâm bị một tên điên bắn chết năm năm về trước trong vụ việc làm đóng cửa vĩnh viễn Bánh kẹp Thì thầm. Nghề đã chọn lẽ ra phải khiến cô chai sạn nhưng cô có vẻ là một linh hồn hiền lành và nhút nhát.

Cảm động bởi tình cảnh bất bênh của cô và bởi sự tự trừng phạt khắc nghiệt giam giữ cô lại đây, tôi chìa tay ra.

Thay vì nắm tay tôi, cô cúi đầu dè dặt. Sau thoáng ngần ngừ, cô không khoanh tay nữa mà hạ xuống hai bên, để lộ bộ ngực và hai lỗ đạn đen ngòm làm trầy xước khe ngực.

Vì tôi không nghĩ cô còn chuyện chưa hoàn thành tại chốn tiêu điều này, và vì cuộc đời cô rõ ràng quá nghiệt ngã nên cô có rất ít lý do để yêu quý thế giới này đến mức không chịu rời bỏ nó nên tôi cho rằng sự miễn cưỡng không muốn đi tiếp của cô xuất phát từ nỗi sợ hãi điều này xảy đến kế tiếp, có lẽ sợ bị trừng phạt.

“Đừng sợ,” tôi nói. “Cô đâu phải kẻ tàn ác trong cuộc đời này, đúng không? Chỉ cô đơn, lạc lõng, hoang mang, đau khổ, như tất cả những ai đi trên con đường này mà thôi.”

Chậm chậm, cô ngẩng đầu lên.

“Có lẽ cô yếu đuối và đại dột, nhưng rất nhiều người như thế. Tôi cũng vậy.”

Cô lại bắt gặp ánh mắt của tôi. Nỗi u sầu của cô dường như đối với tôi giờ đây càng sâu sắc hơn, nhói buốt như lòng tiếc thương nhưng kéo dài như nỗi thất vọng.

“Tôi cũng vậy,” tôi lặp lại. “Nhưng khi chết, tôi sẽ đi tiếp, và cô nên làm thế, không khiếp sợ.”

Cô mang vết thương không phải như đeo dấu hiệu linh thiêng mà như thể chúng là vết sắt nung của quỷ dữ, nhưng thật ra không phải vậy.

“Tôi không biết nó thế nào, nhưng tôi biết cuộc đời tốt đẹp hơn chờ đợi cô, vượt khỏi những khổ sở cô đã nghe đã thấy ở đây, một nơi đúng là chỗ của cô và cô sẽ được thương yêu thực sự.”

Qua vẻ mặt của cô, tôi biết ý nghĩ được yêu thương đối với cô chỉ là niềm hy vọng ấp ủ chứ chưa bao giờ thành hiện thực trong quãng đời bất hạnh ngắn ngủi. Nếm trải những điều kinh khủng, có lẽ từ lúc lọt lòng đến khi vang lên tiếng súng kết liễu cuộc đời, đã khiến cô nghèo nàn trí tưởng tượng, không thể hình dung thế giới bên kia nơi tình yêu thương là lời hứa hẹn được thỏa nguyện.

Cô lại đưa tay lên khoanh trước ngực, che cả ngực và vết thương.

“Đừng sợ,” tôi lặp lại.

Nhoén miệng cười trở lại, nụ cười của cô vẫn sâu muộn như trước nhưng giờ đây nó còn mang vẻ bí ẩn. Tôi không thể khẳng định điều tôi nói có an ủi được cô hay không.

Ước gì nãy tôi thể hiện niềm tin đầy sức thuyết phục hơn, và tự hỏi tại sao mình không như thế, tôi ngồi vào ghế hành khách phía trước cửa xe. Tôi đóng cửa và trượt qua ghế sau vô lăng.

Tôi không muốn bỏ cô lại giữa những cây cọ héo queo và căn nhà tôn mục nát cùng niềm hy vọng cũng nhỏ nhoi như lớp vật chất trên người cô.

Thế nhưng đêm cứ trôi, mặt trăng và tất cả các chòm sao băng qua bầu trời không ngừng nghỉ như cây kim di chuyển trên mặt đồng hồ. Ít giờ nữa, nỗi kinh hoàng sẽ bất ngờ ập xuống thị trấn Pico Mundo nếu tôi không bằng cách nào đó ngăn chặn nó.

Khi chậm chậm lái xe rời đi, tôi không ngừng liếc nhìn gương chiếu hậu. Cô gái đó trong ánh trăng, bọn sói bị mê hoặc ngồi bên chân cô như thể cô là nữ thần Diana giữa hai cuộc đi săn, vị chủ nhân của mặt trăng và vạn vật trên đó, đang lùi xa nhỏ dần nhưng chưa sẵn sàng trở về mái nhà trên đỉnh Olympus.

Tôi lái xe từ Nhà thờ Sao chổi Thì thầm trở về thị trấn Pico Mundo, từ việc đồng hành cùng một kẻ xa lạ bị bắn đến việc nhận được hung tin một người bạn bị bắn.

CHƯƠNG 39

Giá như tôi biết tên hay thậm chí khuôn mặt của kẻ nên tìm kiếm thì tôi đã có thể thử vận dụng sức hút siêu linh, đảo quanh thị trấn Pico Mundo cho đến khi giác quan thứ sáu đưa tôi đến gặp mặt hắn. Thế nhưng kẻ đã giết Bob Robertson, và kẻ khao khát hại chết những người khác vào ngày mai đối với tôi vẫn vô danh vô diện, và theo đuổi bóng ma hão huyền thì thật phí phạm xăng và thời gian.

Thị trấn ngủ yên nhưng yêu quái thì không. Bọn ông kẹ đầy đường, đông hơn nhiều và đáng sợ hơn nhiều so với bầy sói, chạy nhảy suốt đêm trong tâm trạng như là sung sướng mong chờ.

Tôi đi qua những ngôi nhà nơi mấy cái bóng sống động kéo đến tụ tập với vẻ hiếu kỳ đặc biệt. Lúc đầu tôi cố nhớ từng người trong ngôi nhà bị ám đó vì tôi vẫn tin những người thu hút bọn ông kẹ cũng là những người sẽ bị sát hại trong khoảng thời gian giữa bình minh và hoàng hôn ngày mai.

Tuy nhỏ hơn thành phố nhưng thị trấn của chúng tôi lớn hơn nhiều so với trước đây với những khu lân cận mới hình thành đầy các khu cư xá, chứa hơn bốn mươi ngàn người trong một hạt có nửa triệu dân. Tôi đã gặp chỉ một phần bé tí trong số đó.

Đa số các ngôi nhà ngập tràn ông kẹ đều thuộc về những người tôi không quen biết. Tôi không có thời gian gặp gỡ tất cả họ và không hy vọng giành được lòng tin của họ đến mức họ chịu nghe lời khuyên của tôi và thay đổi kế hoạch ngày thứ Tư, như chị Viola Peabody đã làm.

Tôi cân nhắc việc ngừng xe tại các ngôi nhà quen biết, yêu cầu họ liệt kê từng địa điểm họ định đến vào chiều mai. May mắn thì tôi có thể phát hiện ra một điểm dừng chân chung của tất cả mọi người.

Không ai nằm trong vòng tròn bạn bè thân cận ít ỏi của tôi. Họ không hề biết năng lực siêu nhiên của tôi nhưng nhiều người xem tôi là kẻ lập dị dễ mẫn, ở mức độ này hay mức độ khác, và do đó họ sẽ không lấy làm ngạc nhiên trước chuyển ghé thăm bất ngờ hay những câu hỏi của tôi.

Song bằng việc tìm kiếm thông tin trước mặt bọn ông kẹ, tôi sẽ gieo nghi ngờ cho chúng. Một khi đã cảnh giác tôi, trước sau gì chúng cũng nhận thức được bản chất khác thường của tôi.

Tôi nhớ cậu bé người Anh sáu tuổi đã lớn tiếng nói về bọn ông kẹt rồi bị nghiền nát giữa một bức tường gạch đổ bê tông và một chiếc xe tải lạc tay lái. Cú đụng độ ghê gớm đến mức vô số gạch đã nát vụn, phơi trần gọng thép gia cố quanh chỗ trát vữa.

Tài xế, một thanh niên hai mươi tám tuổi, có sức khỏe rất tốt nhưng khám nghiệm tử thi cho thấy anh ta bị đột quy nặng dẫn đến tử vong lập tức trong khi vẫn ngồi sau vô lăng.

Cơn đột quy chắc hẳn giết chết anh ta ngay lúc anh chạy qua đỉnh đồi, dưới chân đồi là cậu bé người Anh. Bản phân tích hiện trường tai nạn của cảnh sát xác định góc bên hông của sườn đồi, trong mối tương quan với con đường băng ngang bên dưới, lẽ ra phải đưa chiếc xe tải không người lái ra xa cậu bé, đâm vào bức tường cách hơn chín mét so với nơi trên thực tế nó đã thực hiện cú dừng chết người. Rõ ràng, trong một phần quá trình xuống dốc, xác chết của tài xế vướng vào vô lăng, phản lại cái góc nghiêng của con đường lẽ ra đã cứu được cậu bé.

Tôi biết các bí ẩn của vũ trụ còn nhiều hơn cả về những người không thể nhìn thấy hồn người chết vất vưởng, nhưng tôi chẳng hiểu được là bao cái chân lý của sự tồn tại. Tuy nhiên tôi đạt đến một kết luận chắc chắn dựa trên những gì biết được: không hề có chuyện trùng hợp ngẫu nhiên.

Theo tầm vĩ mô, tôi nhìn nhận điều các nhà vật lý trình bày đúng ở tầm vi mô: Ngay cả trong tình trạng xáo trộn cũng có trật tự, mục đích và ý nghĩa kỳ lạ lôi cuốn, nhưng thường là cản trở sự nghiên cứu và thấu hiểu của chúng ta.

Vì vậy, tôi không dừng xe ở bất kỳ ngôi nhà nào có bọn ông kẹt nhảy nhót, không đánh thức những người đang ngon giấc để đặt các câu hỏi cấp bách. Đâu đó một tài xế khỏe mạnh và một chiếc xe tải đồ sộ chỉ cần chứng phình động mạch não đúng lúc và trường hợp hỏng phanh xe thích hợp là xe sẽ ngáng giữa đường tôi đi tạo thành vụ đụng độ bất ngờ.

Thay vào đó, tôi lái xe đến nhà cảnh sát trưởng Porter, cố quyết định xem có nên đánh thức ông vào giấc ba giờ sáng bất tiện này không.

Nhiều năm qua, tôi chỉ phải làm thế hai lần trước khi phá giấc ngủ của ông ấy. Lần đầu, tôi ướt sũng và lấm lem bùn lầy, vẫn còn đeo một bên còng, và lôi theo nguyên chiều dài của nó, cái còng đã trói tôi vào hai xác chết bị ném cùng tôi xuống hồ Malo Suerte bởi những kẻ ác tâm bất lương. Lần thứ hai tôi đánh thức ông, vì cơn khủng hoảng cần ông chú ý.

Cơn khủng hoảng hiện thời chưa hoàn toàn ập tới chúng tôi nhưng nó đã hiện ra lò mờ. Tôi nghĩ ông cần biết rằng Bob Robertson không chỉ một mình mà có đồng bọn.

Thủ thuật là làm sao trình bày tin này một cách thuyết phục mà không tiết lộ chuyện tôi tìm thấy Robertson chết queo trong phòng tắm nhà tôi và vi phạm vô số luật lệ mà không hề ăn năn, tôi đã đưa cái xác đến nơi yên nghỉ ít gây liên lụy hơn.

Khi rẽ qua khúc quanh cách địa chỉ của cảnh sát trưởng Porter nửa khu nhà, tôi ngạc nhiên thấy đèn còn sáng trong vài ngôi nhà vào giờ muộn thế này. Cửa của cảnh sát trưởng sáng hơn hẳn các nơi khác.

Bốn xe tuần tra cảnh sát đậu trước nhà. Tất cả đều đã dừng một cách vội vã, lệch hẳn so với lề đường. Còi hụ trên nóc một chiếc xe vẫn lóe sáng, xoay tròn.

Tại bãi cỏ trước nhà, ở bên kia nơi những đốm sáng đỏ nhấp nhàng đuổi bắt làn sóng xanh dương, năm sĩ quan đang tụ tập trao đổi. Điều bộ của họ cho thấy họ đang an ủi một người khác.

Tôi định đỗ xe đối diện nhà cảnh sát trưởng. Tôi sẽ gọi đến số điện thoại riêng của ông sau khi bịa xong câu chuyện tránh đề cập đến nỗ lực mới đây của tôi trong vai tài xế taxi phục vụ một gã đã chết.

Thay vì thế, tự nhiên lòng nôn nao, tôi bỏ chiếc Chevy trên đường, cạnh một xe tuần tra. Tôi tắt đèn pha nhưng vẫn để máy nổ, hy vọng không cảnh sát nào đến gần để có thể nhìn thấy không có chìa khóa trong ổ.

Các sĩ quan đứng ở bãi cỏ đều quen biết tôi. Họ quay lại đối diện tôi khi tôi chạy đến.

Sonny Wexler, người cao nhất, dẻo dai nhất và nói năng ôn hòa nhất trong nhóm, dang cánh tay rắn chắc ra như ngăn tôi lao qua mặt anh ta ào vào nhà. “Dừng lại, ở ngoài đây, nhóc. Đội điều tra hiện trường vụ án đang xem xét chỗ này.”

Đến lúc đó tôi mới thấy Izzy Maldonado ở mái hiên trước nhà. Anh ta nhồm dậy sau một nhiệm vụ nào đó mà anh phải quỳ gối chú tâm thực hiện, và vịn người để lưng khỏi vẹo.

Izzy làm việc cho phòng thí nghiệm điều tra tội phạm ở Phân viện Cảnh sát thuộc hạt Maravilla, nơi hợp tác với cảnh sát thị trấn Pico Mundo. Khi xác Bob Robertson cuối cùng được tìm thấy trong căn nhà tôn kia thì Izzy rất có thể sẽ là nhân viên kiểm tra tỉ mỉ hiện trường để truy tìm bằng chứng.

Dù vô cùng muốn biết chuyện đã xảy ra ở đây nhưng tôi không thốt nên lời. Cổ họng tôi như có một cục gì đó dính như keo chặn ngang.

Cố gắng nuốt trôi cục nghẹn tưởng tượng kia xuống mà không xong, biết đó chỉ là cơn xúc động gây nghẹn ngào nhưng tôi nghĩ đến Gunther Ulstein, thầy giáo rất yêu âm nhạc và là chỉ huy dàn nhạc trường phổ thông Pico Mundo, người thỉnh thoảng gặp phải tình trạng khó nuốt. Qua vài tuần, tình hình nhanh chóng xấu đi. Trước khi được chẩn đoán, bệnh ung thư thực quản đã di căn khắp thanh quản của thầy.

Vì không nuốt được thức ăn nên trọng lượng thầy giảm nhanh chóng. Bác sĩ trước hết dùng cách xạ trị, dự kiến tiếp theo sẽ cắt bỏ toàn bộ thực quản của thầy và tạo ra một thực quản mới từ chiều dài ruột kết. Phương pháp xạ trị khiến thầy yếu sức. Thầy mất trước cuộc phẫu thuật.

Ổm o gầy mòn như những ngày cuối đời, Gunny Ulstein thường xuất hiện ở xích đu trước mái hiên ngôi nhà do chính thầy xây nên. Người vợ ba mươi năm của thầy, cô Mary, vẫn sống tại đó.

Suốt vài tuần cuối đời, thầy mất khả năng nói chuyện. Thầy có rất nhiều điều muốn nói với cô Mary, rằng cô luôn mang đến điều tốt đẹp nhất cho thầy, rằng thầy yêu cô biết bao, nhưng thầy không thể diễn tả cảm xúc với sự tinh tế và đủ các cung bậc như bằng lời nói. Giờ đây thầy nấn ná, nuối tiếc những điều chưa thổ lộ, mơ mộng hão huyền rằng khi thành người thiên cổ, thầy sẽ tìm ra cách trò chuyện với cô.

Căn bệnh ung thư làm mất khả năng nói chuyện gần như là điều may mắn nếu nó ngăn tôi hỏi Sonny Wexler, “Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Tôi tưởng cậu phải nghe rồi chứ,” anh ta đáp. “Tôi tưởng đó là lý do cậu đến đây. Cảnh sát trưởng bị bắn.”

Jesus Bustamante, một sĩ quan khác, giận dữ nói, “Cách đây gần một tiếng, một tên khốn nào đó đã cho cảnh sát trưởng ăn ba phát đạn vào ngực ngay tại hiên trước ngay nhà ông.”

Dạ dày của tôi cứ lộn tùng phèo, gần như cùng nhịp với mấy cái còi hụ xoay tròn trên chiếc xe tuần tra gần đó, và cục nghẹn vô hình nơi thực quản của tôi thành ra có thật khi vị đắng thức ăn trôi lên trong cổ họng.

Chắc hẳn mặt tôi tái mét, tôi lão đảo trên hai đầu gối bất chợt muốn khụy xuống, vì vậy Jesus áp cánh tay lên lưng để đỡ tôi, và Sonny Wexler nói nhanh, “Bình tĩnh, nhóc, bình tĩnh, cảnh sát trưởng còn sống. Ông ấy rơi vào tình trạng hiểm nghèo, nhưng còn sống, ông ấy là người chống chọi ngoan cường mà.”

“Bác sĩ hiện đang lo cho ông ấy.” Billy Munday lên tiếng. Vết bết đỏ lan khắp một phần ba khuôn mặt của anh ta dường như rực sáng một cách lạ lùng trong đêm, khiến anh toát lên dáng dấp vị pháp sư vẽ mặt văn vện sắp tuyên bố những cảnh báo, điềm gở và điều xấu xa. “Ông ấy sẽ ổn. Ông ấy phải ổn thôi. Ý tôi là, không có ông ấy thì thế nào đây?”

“Ông ấy là người chống chọi ngoan cường,” Sonny lặp lại.

“Bệnh viện nào?” tôi hỏi.

“Bệnh viện đa khoa của hạt.”

Tôi chạy ra chiếc xe để ngoài đường.

CHƯƠNG 40

Ngày nay, hầu hết các bệnh viện mới mở ở phía sau California đều trông giống như các đại lý bán lẻ thuê mặt bằng giá phải chăng, bày bán số lượng lớn thảm giảm giá hoặc hàng kinh doanh. Kiến trúc nhợt nhạt tạo cảm giác việc chữa trị không thể diễn ra bên trong bốn bức tường đó.

Bệnh viện đa khoa của hạt, bệnh viện lâu đời nhất trong vùng, có lối ra vào uy nghi với hàng cột đá vôi và đường viền bao quanh mái ngói chạy dài khắp khuôn viên. Mới nhìn bạn cũng biết ngay các bác sĩ và y tá chứ không phải những nhân viên kinh doanh làm việc trong đó.

Hành lang chính có sàn lát gạch, không phải trải thảm, và mặt trước của bàn hướng dẫn trưng ra y hiệu chạm khắc bằng đồng.

Trước khi tới chỗ cái bàn, tôi bị Alice Norrie chặn lại. Đó là nhân viên có thâm niên mười năm của Sở Cảnh sát thị trấn Pico Mundo, chuyên ngăn cản các phóng viên và những người không phận sự đi vào hành lang.

“Ông ấy vào phòng mổ rồi, Odd. Ông ấy sẽ ở trong đó một lúc.”

“Bác gái đâu rồi?”

“Karla trong phòng chờ của khoa hồi sức tích cực. Người ta sẽ đưa ông ấy từ phòng mổ thẳng ra đó.”

Khoa hồi sức tích cực nằm ở tầng bốn. Tôi lên tiếng với giọng ngụ ý rằng bà ấy sẽ phải bắt giữ mới có thể ngăn cản được tôi. “Bác à, cháu sẽ lên đó.”

“Cậu không cần gây sự với tôi để lên đó đâu, Odd. Cậu có tên trong danh sách Karla đưa tôi.”

Tôi đi thang máy lên tầng hai, nơi đặt các phòng mổ của Bệnh viện đa khoa của hạt.

Tìm thấy phòng mổ xem ra thật dễ. Rafus Carter đứng canh ngoài cửa trong bộ đồng phục. Anh ta to lớn đủ để chặn đứng một con bò nổi điên.

Trong lúc tôi bước đến dưới ánh đèn huỳnh quang sáng rực, anh ta đặt tay phải lên báng

súng đeo ở thắt lưng.

Anh ta quan sát tôi phản ứng lại sự ngờ vực của anh ta rồi phân bua, “Không có ý xúc phạm đâu Odd, nhưng chỉ có bà Karla đi dọc hành lang này thì tôi mới không đề phòng thôi.”

“Anh nghĩ bác ấy bị người quen bắn à?”

“Gần như là thế, điều đó có nghĩa chắc tôi cũng quen kẻ đó.”

“Bác ấy bị nặng không?”

“Nặng.”

“Bác ấy là người chống chọi ngoan cường,” tôi bắt chước câu thần chú của Sonny Wexler.

Rafus Carter nói, “Ông ấy còn giỏi hơn thế.”

Tôi trở vào thang máy. Giữa tầng ba và tầng bốn, tôi nhấn nút DỪNG.

Cơ run rẩy không kiểm soát được giữ sạch sức lực ra khỏi tôi. Với đôi chân quá yếu không thể đứng vững nữa, tôi trượt dài theo tường của buồng thang máy và ngồi bệt xuống bàn.

Stormy nói cuộc đời không phải sống nhanh sống vội hay sống vui ra sao. Sống là kiên nhẫn, là đứng trên đôi chân và cố hết sức tiến lên bất kể có chuyện gì.

Xét cho cùng, theo thuyết vũ trụ của nàng, cuộc đời này là trại huấn luyện binh lính. Nếu bạn không kiên nhẫn vượt qua mọi trở ngại của thế giới này và những vết thương do nó gây ra thì trong chuyến phiêu lưu quan trọng, bạn sẽ không đi tới được cuộc đời tiếp theo mà nàng gọi là “giai đoạn tại ngũ”, hay đến đích ở cuộc đời thứ ba mà nàng cho rằng sẽ đầy ắp niềm vui và hạnh phúc, nhiều hơn cả một cốc kem dừa anh đào sôcôla miếng.

Nói theo cách ẩn dụ thì bất kể mọi việc có chiều hướng xấu đi hay trở nên nặng nề đến đâu, Stormy cũng luôn đứng vững trên đôi chân của nàng; nhưng tôi lại khác, thỉnh thoảng tôi thấy mình cần phải tạm nghỉ để có được sự kiên nhẫn.

Tôi muốn bình tĩnh, tự chủ, mạnh mẽ, và đầy năng lượng khi đến gặp bà Karla. Bà cần sự động viên chứ không phải nước mắt cảm thông hay đau buồn.

Sau hai hay ba phút, tôi bình tĩnh và tự chủ được phần nào. Thấy vậy đã ổn, tôi đứng dậy, nhấn nút cho thang máy lên tiếp đến tầng bốn.

Phòng đợi ảm đạm, ngay dưới hành lang của khoa hồi sức tích cực, có bốn bức tường xám nhạt, sàn lát gạch lốm đốm màu xám và đen, ghế xám và nâu sậm. Không khí nói lên một điều:

chết chóc. Người trang trí nội thất cho bệnh viện cần được ai đó vỗ một phát lên đầu.

Em gái cảnh sát trưởng, bà Eileen Newfield, ngồi ở một góc, mắt đỏ hoe, xoắn xoắn cái khăn thêu trong tay một cách bút rút.

Bên cạnh là Jake Hulquist, đang ngồi thì thầm trấn an. Ông ấy là bạn thân của cảnh sát trưởng. Họ gia nhập lực lượng cùng một năm.

Jake không mặc đồng phục mà mặc quần kaki và áo thun bỏ ngoài. Dây giày bung ra, tóc tai dựng đứng, xoắn chĩa tứ phía, trông như thể ông không có thời gian chải đầu sau khi nhận điện thoại.

Bà Karla trông vẫn như mọi khi: tươi tắn, xinh đẹp và bình tĩnh.

Mắt ráo hoảnh; bà không khóc. Bà đặt nặng vai trò là vợ một cảnh sát lên trên bản tính vốn yếu đuối của phụ nữ; chỉ cần ông Wyatt còn đấu tranh sinh tồn là bà sẽ không để rơi một giọt nước mắt nào, vì bà cũng đang cùng ông chiến đấu bằng tinh thần.

Lúc tôi bước qua ô cửa mở, bà Karla đến ôm lấy tôi và nói, “Hết hồn, phải không, Odd? Có phải thanh niên bọn con nói thế trong tình huống như lúc này không?”

“Hết hồn,” tôi đồng tình. “Đúng là vậy ạ.”

Nhận thấy tình trạng xúc động mạnh của Eileen, bà Karla đưa tôi ra hành lang để có thể trò chuyện. “Ông ấy nhận được cuộc gọi ở số điện thoại riêng, khi chưa đến hai giờ sáng.”

“Của ai vậy bác?”

“Bác không biết. Chuông chỉ làm bác tỉnh lơ mơ. Ông ấy nói bác ngủ tiếp đi, mọi chuyện đều ổn.”

“Bao nhiêu người có số điện thoại riêng đó?”

“Không nhiều, ông ấy không đi thay đồ mà rời phòng trong bộ đồ ngủ, nên bác nghĩ ông ấy không ra ngoài, vấn đề gì đó có thể giải quyết ngay tại nhà, và bác ngủ tiếp... đến khi tiếng súng đánh thức bác dậy.”

“Lúc ấy là khi nào?”

“Sau cú điện thoại chưa đến mười phút. Hình như ông ấy mở cửa chính cho người ông đang đợi...”

“Một người bác ấy quen biết.”

“... và ông ấy bị bắn bốn phát.”

“Bốn phát ư? Con nghe nói ba phát vào ngực mà.”

“Ba phát vào ngực,” bà xác nhận, “và một phát vào đầu.”

Nghe về phát đạn vào đầu, tôi muốn trượt dài theo bức tường và ngồi bệt xuống sàn lần nữa.

Thấy thông tin ấy làm tôi choáng váng nặng nề, bà Karla nói nhanh, “Không tổn thương não. Phát đạn ở đầu là nhẹ nhất.” Bà nở nụ cười thật lòng nhưng ngập ngừng, “Ông ấy sẽ lấy đó làm chuyện đùa cợt, con có nghĩ vậy không?”

“Chắc chắn bác ấy làm vậy rồi.”

“Bác như nghe thấy ông ấy đang nói nếu muốn bắn vỡ sọ Wyatt Porter thì phải bắn vào mông cơ.”

“Đúng là cách nói của bác ấy,” tôi tán thành.

“Mọi người cho rằng đó là phát súng kết liễu, sau khi ông ấy đã gục xuống, nhưng có lẽ tay súng đó hoảng sợ hoặc xao lãng. Viên đạn chỉ sượt qua da đầu ông ấy.”

Tôi gạt phăng, “Không ai muốn giết bác ấy đâu.”

Bà Karla nói, “Lúc bác gọi cảnh sát và cầm súng xuống dưới nhà, kẻ đó đã đi mất.”

Tôi hình dung cảnh bà can đảm bước xuống cầu thang với khẩu súng trong tay, đi tới cửa chính, sẵn sàng nhả đạn vào kẻ đã bắn chồng bà. Như một con sư tử, giống hệt Stormy.

“Wyatt ở dưới nhà, khi bác tìm thấy thì ông ấy đã bất tỉnh rồi.”

Dọc hành lang, từ phía thang máy, một y tá phòng mổ mặc bộ đồ xanh lá cây tiến đến. Chị ta mang vẻ mặt xin-đừng-bắn-người-đưa-tin.

CHƯƠNG 41

Jenna Spinelli, y tá phòng mổ, học trên tôi một lớp ở trường phổ thông. Đôi mắt xám đậm tĩnh của chị thoáng chút sắc xanh, và đôi tay được sinh ra để chơi piano.

Tin tức chị mang đến không xấu như tôi sợ, không tốt như tôi mong. Cảnh sát trưởng đã qua giai đoạn nguy hiểm nhưng không khỏe, ông mất lá lách, nhưng không có nó, ông vẫn sống được. Một lá phổi bị thủng nhưng chữa được và không có bộ phận cơ thể quan trọng nào bị hủy hoại đến mức không thể lành.

Cần tiến hành cuộc phẫu thuật phức tạp hồi phục hệ mạch và bác sĩ phụ trách ca mổ dự đoán cảnh sát trưởng còn phải ở trong đó thêm một tiếng rưỡi đến hai tiếng nữa.

“Chúng tôi chắc chắn ông ấy sẽ vượt qua được,” Jenna thông báo. “Sau đó vấn đề là ngăn chặn các biến chứng sau phẫu thuật.”

Bà Karla đi vào phòng đợi của khoa hồi sức tích cực để báo tin cho em gái cảnh sát trưởng và Jake Hulquist.

Còn lại một mình trong hành lang với Jenna, tôi lên tiếng, “Chị nói ra hết hay còn giấu điều gì?”

“Mọi chuyện chỉ như chị nói thôi, Odd à. Bọn chị không làm giảm mức độ tin xấu đối với vợ hay chồng của bệnh nhân. Bọn chị nói thẳng và nói hết một lúc.”

“Vụ này thật điếng hồn.”

“Như trận cuồng phong,” chị ấy tán đồng. “Chị biết em thân thiết với ông ấy.”

“Đúng vậy.”

“Chị nghĩ cuối cùng ông ấy sẽ qua được hết,” Jenna nói. “Không chỉ ra khỏi phòng mổ mà còn tự đi về nhà được.”

“Nhưng không gì bảo đảm.”

“Đó giờ làm gì có chuyện này? Bên trong cơ thể ông ấy rồi beng. Nhưng không tệ như mức độ các bác sĩ cứ ngỡ lúc mới đặt ông lên bàn mổ, trước khi phẫu thuật. Cả ngàn người mới có một người sống sót với ba vết thương ở ngực. Ông ấy may mắn kinh khủng.”

“Nếu may mắn kiểu đó thì tốt hơn bác ấy đừng bao giờ đến Vegas.”

Lấy đầu ngón tay kéo mi mắt dưới của tôi xuống và xem xét con mắt đỏ ngầu: “Em mệt lắm rồi đó Odd.”

“Cả một ngày dài. Chị biết đấy, tại Quán Vỉ nướng, điểm tâm bắt đầu phục vụ từ sớm.”

“Mới hôm trước chị tới đó với hai người bạn. Em làm bữa trưa cho bọn chị đó.”

“Vậy sao? Đôi khi mọi việc bên vỉ nướng bù đầu quá, em không có thời gian ngó quanh xem ai vào quán.”

“Em có tài đó.”

“Cảm ơn chị, nghe vậy thấy vui thật.”

“Chị nghe nói bố em đang bán mặt trăng.”

“Dạ phải, nhưng chỗ đó không phải nơi lý tưởng để nghỉ ngơi. Chẳng chút không khí.”

“Em không giống bố em chút nào.”

“Ai lại muốn vậy?”

“Hầu hết mọi người.”

“Em nghĩ chị nhầm rồi.”

“Em biết gì không? Em nên mở lớp dạy nấu ăn.”

“Chủ yếu chỉ là món chiên nướng thôi.”

“Chị vẫn sẽ đăng ký theo học.”

“Cách chế biến đó không có lợi cho sức khỏe,” tôi nói.

“Ai rồi cũng phải chết vì một thứ gì đó. Em vẫn quen với Bronwen chứ hả?”

“Stormy. Dạ phải. Chuyện đó là định mệnh.”

“Sao em biết?”

“Bọn em có vết bớt xứng với nhau.”

“Ý em là hình xăm của con bé xứng với hình xăm của em hả?”

“Hình xăm? Không. Nó là vết bớt thật đấy. Bọn em sắp cưới.”

“Ồ, chị chưa nghe chuyện này.”

“Tin mới mà.”

“Để coi tới lúc mà bọn con gái biết được,” Jenna nói.

“Bọn con gái nào?”

“Tất cả bọn con gái.”

Cuộc chuyện trò này không phải lúc nào cũng mang lại cảm giác dễ chịu nhất, thế nên tôi bèn nói, “Chị à, người em cần quá, em cần tắm nhưng em không muốn rời bệnh viện cho đến khi cảnh sát trưởng Porter ra khỏi phòng mổ an toàn như chị nói. Ở đây có chỗ nào cho em tắm không?”

“Để chị nói chuyện với y tá trưởng của tầng này. Bọn chị có thể tìm cho em một chỗ.”

“Em có đồ thay để trong xe,” tôi nói.

“Đi lấy đồ đi. Sau đó hỏi thăm ở khu vực dành cho y tá. Chị sẽ thu xếp mọi thứ.”

Khi chị toan quay đi, tôi cất lời, “Jenna, chị có học piano không?”

“Có, nhiều năm rồi. Nhưng sao em hỏi vậy?”

“Tay chị đẹp quá. Em cá là chị chơi hay tuyệt.”

Chị trao cho tôi ánh nhìn thật lâu mà tôi không thể lý giải: những bí ẩn trong đôi mắt xám ánh sắc xanh.

Rồi chị hỏi, “Chuyện đám cưới là thật chứ?”

“Thứ Bảy,” tôi quả quyết với chị, đầy hãnh diện rằng Stormy sẽ là của tôi. “Nếu có thể rời thị trấn, bọn em sẽ đến Vegas và kết hôn lúc bình minh.”

“Nhiều người thật may mắn,” Jenna Spinelli nói. “May hơn cả cảnh sát trưởng Porter là vẫn còn thở sau ba vết thương ở ngực.”

Cứ nghĩ chị muốn nói tôi thật may mắn khi có được Stormy, tôi lên tiếng, “Sau khi tổng cho em chuyện buồn về bố mẹ thì số phận đền lại cho em một thứ lớn lao.”

Jenna cúi nhìn một cách cực kỳ bí hiểm, “Hãy gọi cho chị nếu em quyết định mở lớp dạy nấu ăn nhé. Chị cá là em biết rõ cách đánh trứng.”

Lúng túng, tôi hỏi, “Đánh trứng hả? À, chắc rồi, nhưng cái đó chủ yếu dành cho món trứng tráng. Với món bánh kếp và bánh quế, chị phải nặn bột và hầu như mọi thứ đều nướng, nướng và nướng.”

Chị mỉm cười, lắc đầu và bước đi, để tôi đứng lại đó với cảm giác bối rối. Cảm giác đó thì thoáng xảy đến lúc tôi là cầu thủ ghi điểm cao nhất trong đội bóng chày của trường, thực hiện động tác ném tuyệt vời và phóng đi trước, không chạm phải banh.

Tôi lao đến chỗ chiếc xe của bà Rosalia đậu trong bãi, lấy khẩu súng ra khỏi túi và nhét nó dưới ghế lái.

Khi tôi cầm túi quay lại khu vực dành cho y tá ở tầng bốn, họ đang chờ sẵn. Việc trông nom người bệnh và người hấp hối có vẻ là công việc buồn bã, nhưng cả bốn y tá làm ca đêm đều đang cười đùa và rõ ràng thích thú về chuyện gì đó.

Ngoài dãy phòng đơn và đôi thông thường, tầng bốn còn có vài căn phòng tiện nghi thoải mái có thể sánh với khách sạn. Trái thảm và trang trí theo tông màu ấm áp, các căn phòng có vật dụng mang đến cảm giác dễ chịu, những bức tranh xấu xí lồng khung đẹp đẽ và các phòng tắm cùng tủ lạnh dưới quầy rượu.

Những bệnh nhân không phải nằm một chỗ. Họ có khả năng đóng nhiều tiền bảo hiểm để có thể đăng ký sử dụng những căn phòng cao cấp này, thoát khỏi không khí bệnh viện ảm đạm. Người ta nói làm vậy để nhanh hồi phục, tôi chắc điều đó, bất chấp sự hiện diện của các bức tranh đánh số vẽ hình du thuyền và các cô nàng ông ẹo trong vườn hoa cúc.

Nhận chồng khăn, tôi được dùng một phòng tắm trông thật xa xỉ. Các bức tranh đều theo cùng chủ đề về gánh xiếc: những chú hề cầm bong bóng, những con sư tử mắt buồn rười rượi, nghệ sĩ đi thăng bằng trên dây xinh đẹp với cây dù màu hồng. Tôi nhai hai viên thuốc giảm độ axit trong dạ dày.

Sau khi cạo râu, tắm rửa, gội đầu và thay quần áo sạch, tôi vẫn cảm giác như thể vừa từ dưới bánh xe lu bò ra, bị cán bẹp lép.

Tôi ngồi xuống trong ghế bành và xem xét những thứ trong cái ví tôi lấy từ xác Robertson.

Thẻ tín dụng, bằng lái, thẻ thư viện...

Vật bất thường duy nhất là một tấm thẻ nhựa đen thui chẳng có gì ngoài hàng dấu chấm chạm nổi dành cho người mù. Tôi có thể cảm nhận nó bằng ngón tay và nhìn thấy rõ ràng dưới ánh đèn hắt ra. Hình thù chúng là thế này: các dấu chấm còn thiếu.

Những cái chấm được đục lên một bên tấm thẻ, hằn lên bên kia.

Tuy nó có thể là dữ liệu đã mã hóa, cần dùng một loại thiết bị nào đó để đọc nhưng tôi lại cho rằng đây là loại chữ dùng tay sờ.

Nhưng gã đâu phải người mù. Tôi không hình dung nổi tại sao Robertson lại phải mang theo tấm thẻ có dòng chữ Braille. Tôi cũng chẳng thể tưởng tượng ra lý do gì mà một người mù giữ vật thể này trong ví.

Tôi ngồi trong ghế bành, từ từ lần ngón cái rồi tới đầu ngón trỏ qua những dấu chấm ấy. Chúng chỉ là lỗ thủng trên miếng nhựa, tôi không đọc được, nhưng càng dò tay trên đó, tôi càng bất an.

Lần dò, lần dò, tôi nhắm mắt, giá như bị mù và hy vọng giác quan thứ sáu nếu không đưa ra được ý nghĩa của những từ viết bằng dấu chấm kia thì cũng có thể gợi ý mục đích của tấm thẻ này.

Giờ đã muộn, mặt trăng khuất dạng nơi cửa sổ, bóng tối cố gắng chen lấn trong cuộc chống cự vô ích với tia bình minh đỏ sẫm.

Tôi không ngủ được và không dám ngủ, nhưng tôi lại chìm vào giấc ngủ.

Trong giấc mơ của tôi, súng nổ, đạn chuyển động chậm khoan vào không khí những đường hầm hữu hình, chó sói nhe bộ răng nhựa đen hung tợn có khắc các hình dấu chấm nhỏ bí hiểm mà tôi *suýt* đọc được bằng các ngón tay hoảng sợ. Trên bộ ngực bầm tím của Robertson, vết thương rỉ nước toang hoác trước mặt tôi như thể nó là lỗ đen vũ trụ còn tôi là phi hành gia ngoài không gian. Bằng lực hút không thể cưỡng lại, nó cuốn tôi vào sâu bên trong, đến chốn xa xăm.

CHƯƠNG 42

Tôi mới ngủ được một tiếng thì y tá đã đánh thức tôi dậy. Cảnh sát trưởng Porter đang được chuyển từ phòng mổ ra khoa hồi sức tích cực.

Cửa sổ bày ra cảnh trí những ngọn đồi tối sẫm nhô lên bầu trời đen đầy các dấu chấm chữ Braille hóa màu bạc. Mặt trời vẫn còn nằm bên dưới đường chân trời phía đông thêm một giờ nữa.

Cầm cái túi đựng quần áo bẩn, tôi quay ra hành lang ngoài khoa hồi sức tích cực.

Jake Hulquist và em gái cảnh sát trưởng đang đợi ở đó. Cả hai chưa từng thấy vật gì giống tấm thẻ nhựa màu đen.

Khoảng một phút sau, y tá và hộ lý từ góc khuất chỗ thang máy bước vào hành lang dài, mỗi người đi ở một đầu cái băng ca cảnh sát trưởng đang nằm. Bà Karla Porter đi bên hông chồng, đặt một tay trên cánh tay ông.

Khi băng ca đi ngang qua, tôi thấy cảnh sát trưởng mê man, mũi gắn ống thở, màu da r ám nắng chuyển sang tái nhợt; môi ông xám đi.

Y tá kéo còn hộ lý đẩy băng ca qua cánh cửa đôi của khoa hồi sức tích cực. Bà Karla đi theo họ sau khi báo cho chúng tôi biết không thể mong cảnh sát trưởng tỉnh lại trong vòng nhiều giờ.

Kẻ giết Robertson đã làm cảnh sát trưởng trọng thương. Tôi không thể chứng minh nhưng khi bạn không tin vào sự trùng hợp ngẫu nhiên thì hai vụ nổ súng nhằm mục đích thủ tiêu, cách nhau vài giờ, tại một thị trấn đã ngủ say nhỏ bé như thị trấn Pico Mundo này ắt phải có liên quan tới nhau rành rành như hai anh em sinh đôi.

Tôi tự hỏi có lẽ nào kẻ gọi đến số điện thoại riêng của cảnh sát trưởng cố gắng nhái giọng tôi, muốn bị tưởng lầm là tôi, mong được gặp mặt nói chuyện và hẹn gặp ngay trước cửa nhà không. Biết đâu hẳn trông mong cảnh sát trưởng không chỉ mắc lừa mà còn đề cập tên tôi với vợ ông trước khi rời phòng ngủ.

Nếu đã nỗ lực dàn xếp đẩy tôi vào một vụ giết người, lý nào không gài luôn hai vụ?

Tuy cầu nguyện cho cảnh sát trưởng mau hồi phục nhưng tôi lo sợ điều ông sẽ nói khi tỉnh lại.

Chúng có ngoại phạm của tôi trong lúc ông bị bắt chẳng có gì ngoài chuyện tôi đang giấu một cái xác trong căn nhà tôn tại Nhà thờ Sao chổi Thì thầm. Lời thanh minh đó, cùng tử thi được thẩm tra sẽ chẳng ích gì cho luật sư biện hộ.

Ở khu vực dành cho y tá trên tầng bốn, không ai trong số các y tá đang trực nhận ra món đồ tôi tìm thấy trong ví Robertson.

Dưới tầng ba tôi gặp may hơn. Tại đó, một y tá da nhợt nhạt và đầy tàn nhang, tính tình hay đùa cợt đứng ở bàn trực, đang kiểm tra thuốc trong ly theo danh sách tên bệnh nhân. Cô cầm lấy miếng nhựa hình chữ nhật bí ẩn, xem xét cả hai mặt rồi nói, “Một tấm thẻ suy tưởng.”

“Là gì?”

“Thường chúng không đục lỗ mà có những biểu tượng nhỏ in bên trên. Chẳng hạn như một dây thánh giá hay hình Đức Mẹ Đồng Trinh.”

“Cái này không có.”

“Em phải đọc bài kinh lặp đi lặp lại, như kinh Lạy Cha hay kinh Kính Mừng, đồng thời di chuyển ngón tay từ biểu tượng này đến biểu tượng khác.”

“Vậy nó giống kiểu tràng hạt tiện lợi có thể mang theo trong ví ư?”

“Đúng rồi. Tràng hạt.” Miết tay tới lui trên những cái chấm nổi, cô nói, “Nhưng không chỉ người theo Đạo Cơ đốc mới sử dụng chúng. Thực ra, khởi nguồn chúng là đồ vật của trào lưu Thời đại mới.”

“Những thứ ấy ra sao?”

“Chị thấy những tấm thẻ có hình tràng hoa, Đức Phật, dấu hiệu hòa bình, chó mèo nếu em muốn hướng thẳng năng lượng suy tưởng đến việc giành được thắng lợi cho động vật, hay hình dãy hành tinh Trái Đất để em có thể suy tưởng về một môi trường trong lành hơn.”

“Cái này có phải dành cho người mù không?” tôi hỏi.

“Không, không hề.”

Cô giơ tấm thẻ ra trước trán giấy lát như nhà thần học đọc nội dung bức thư qua bì thư dán kín mít.

Tôi không biết tại sao cô ấy làm vậy nhưng quyết định không đặt câu hỏi.

Dò theo các dấu chấm lần nữa, cô cất giọng, “Khoảng một phần tư các tấm thẻ là dạng chữ nổi giống vậy. Điều cần làm là ấn ngón tay lên các dấu chấm và suy tưởng về từng chữ cái.”

“Nhưng nó viết gì?”

Trong lúc tiếp tục sờ tấm thẻ, vẻ nhăn nhó khó chịu lan ra khuôn mặt cô từ từ như hình ảnh nổi lên khỏi màu đen của tấm phim chụp. “Chị không cho đây là chữ nổi. Chúng viết những thứ khác, chữ này chữ kia, vài từ gợi cảm hứng. Một câu thần chú để tập trung năng lượng. Câu đó in trên bao đựng tấm thẻ.”

“Em không có bao đựng.”

“Hoặc em cũng có thể đặt in thứ em muốn, một câu thần chú riêng, bất cứ cái gì. Đây là cái màu đen đầu tiên chị từng thấy.”

“Vậy chúng thường có màu gì?” Tôi thắc mắc.

“Trắng, vàng, bạc, xanh da trời, nhiều khi là xanh lá cây dành cho câu thần chú về môi trường.”

Vẻ nhăn nhó của cô lộ hẳn ra khắp khuôn mặt.

Cô trả tấm thẻ lại cho tôi.

Với sự ghét bỏ ra mặt, cô nhìn chăm chăm những ngón tay đã lần theo các dấu chấm.

“Em nói tìm thấy nó ở đâu?” cô hỏi.

“Tầng dưới trong hành lang, trên sàn nhà,” tôi bịa.

Cô cầm chai Purell từ sau quầy lên, đổ một đồng dầu đặc quánh trong suốt vào lòng bàn tay trái, đặt chai xuống và chà xát dữ dội hai bàn tay với nhau, khử trùng chúng.

“Nếu là em, chị sẽ tổng khứ nó đi,” cô vừa nói vừa xát xát hai bàn tay. “Và sớm chừng nào tốt chừng đó.”

Cô dùng quá nhiều Purell đến mức tôi ngửi thấy mùi cồn etylic bay hơi.

“Tổng khứ nó đi, tại sao?” tôi hỏi.

“Nó có năng lượng tiêu cực. Câu thần chú xấu xa. Nó sẽ mang sự nguy hại đến đổ ập lên

em.”

Tôi tự hỏi không biết cô đã học ở trường điều dưỡng nào.

“Em sẽ ném vào thùng rác,” tôi hứa.

Tàn nhang trên mặt cô dường như rực lên, bùng bùng như cơn mưa hạt tiêu nhỏ. “Đừng ném ở đây.”

“Được thôi, không ném ở đây.”

“Không được ném vào chỗ nào trong bệnh viện hết,” cô nói. “Lái xe ra ngoài sa mạc, chỗ không có ai, lái thật nhanh, ném ra ngoài cửa sổ, để gió cuốn bay đi.”

“Kế hoạch nghe có vẻ được đấy.”

Tay cô khô và sạch bong. Vẻ khó chịu tan biến cùng mùi cồn. Cô mỉm cười, “Hy vọng giúp được em chút ít.”

“Chị giúp em nhiều lắm.”

Tôi cầm tấm thẻ suy tưởng đi ra khỏi bệnh viện, bước vào màn đêm sắp tàn, nhưng không làm một chuyến xe đi sa mạc.

CHƯƠNG 43

Phòng thu của đài KPMC, tiếng nói của thung lũng Maravilla, nằm trên đường Main, ngay trung tâm thị trấn Pico Mundo, trong một ngôi nhà gạch hiện đại ba tầng kiểu thời vua George, nằm giữa hai dinh thự thời Victoria đặt văn phòng luật Knacker & Hisscus và tiệm bánh Good Day.

Còn một tiếng nữa là trời sáng, đèn trong bếp của tiệm bánh đã được bật lên.

Khi tôi ra khỏi xe, con đường tràn ngập mùi bánh mì mới ra lò, bánh sữa vàng ươm và bánh ngọt hương chanh.

Không hề thấy bóng dáng ông kẹ.

Hai tầng dưới của đài KPMC là văn phòng kinh doanh. Phòng thu nằm trên tầng ba.

Stan “Spanky” Lufmunder là nhân viên trực. Harry Beamis, người xoay xở để trụ vững trong ngành thu thanh mà không có biệt danh, chính là nhà sản xuất chương trình “Cả đêm với Shamus Cocobolo”.

Tôi nhắm mắt đùa với họ qua khung cửa kính ba lớp ngăn cách giữa hành lang tầng ba và phòng kỹ thuật.

Tôi dùng tay làm điệu bộ cử chỉ, họ ra dấu đồng ý và tôi tiếp tục đi dọc hành lang, tiến đến cửa phòng phát thanh.

Loa trong hành lang bật khe khẽ bài “String of Pearls” của ca sĩ Glenn Miller huyền thoại, đĩa nhạc Shamus hiện đang phát trong chương trình.

Nhạc thật ra lấy từ đĩa CD, nhưng trong chương trình, Shamus dùng tiếng lóng thập niên 30 và 40.

Harry Beamis đã báo trước nên khi tôi vào phòng, Shamus bỏ tai nghe ra, chỉnh âm thanh vừa đủ để theo dõi chương trình rồi lên tiếng, “Ê, Phù thủy, chào mừng đến thị trấn Pico Mundo của bác.”

Đối với Shamus, tôi là Phù thủy Kỳ quặc, hay nói ngắn gọn là Phù thủy.

Bác cất giọng, “Sao con không có mùi dầu gội hương đào.”

“Xà phòng duy nhất con có là Neutrogena không mùi.”

Bác nhăn nhó, “Không phải chuyện giữa con và nữ thần kết thúc đó chứ?”

“Chuyện chỉ mới bắt đầu,” tôi quả quyết.

“Thật mừng khi nghe vậy.”

Tường bê tông nhẹ bọt xốp[\[41\]](#) khiến giọng chúng tôi dịu đi, nghe êm ái. Tròng kính râm của bác ấy có màu xanh dương như màu của mấy chai thuốc nhuận tràng Milk of Magnesia.

Da bác cũng đen đến mức ánh lên sắc xanh dương.

Tôi đến trước mặt bác và để tấm thẻ suy tưởng xuống, đập mạnh lên mặt bàn để gây tò mò cho bác.

Bác điềm đạm, không cầm nó lên ngay. “Hết chương trình, bác định ghé Quán Vỉ nướng, làm một chảo thịt đùi cạo sạch lông nướng chín, hành tây xắt sợi và bánh quy chấm nước sốt.”

Trong lúc vòng qua chỗ để micro, ngồi xuống ghế đối diện và đẩy một cái micro khác xoay sang bên, tôi nói, “Sáng nay con không đứng bếp. Nghỉ một ngày.”

“Con làm gì trong ngày nghỉ, đi chơi và thơ thẩn quanh cửa hàng lớp xe à?”

“Con nghĩ có thể sẽ đi chơi bowling.”

“Con đúng là đứa sôi nổi, Phù thủy ạ. Bác không biết làm sao người yêu của con theo kịp con.”

Giai điệu nhạc Miller bao trùm. Shamus nghiêng sang micro và tuôn ra một tràng ứng khẩu, kết hợp song song giữa bài “One O’clock Jump” của Benny Goodman và bài “Take the A Train” của Duke Ellington.

Tôi thích nghe Shamus trên đài và ngoài đời. Bác ấy sở hữu một chất giọng khiến Barry White[\[42\]](#) và James Earl Jones[\[43\]](#) nghe như người rao hàng viêm họng. Đối với thánh giả của đài, bác là Velvet Tongue.

Từ một giờ đến sáu giờ sáng mỗi ngày trừ Chủ nhật, Shamus xoay vòng cái mà bác gọi là “âm thanh lôi kéo cuộc chiến to lớn” và thuật lại chi tiết các câu chuyện thú vui về đêm vào thời kỳ xa xưa.

Mười chín tiếng còn lại trong ngày, đài KPMC không bật nhạc mà ưu tiên cho các chương trình thảo luận. Ban giám đốc muốn ngừng phát thanh trong năm tiếng đồng hồ hiếm hoi nhưng giấy phép yêu cầu họ phải phục vụ cộng đồng 24/7.

Tình thế đó cho Shamus quyền tự do làm bất cứ điều gì bác ấy muốn, và điều bác ấy muốn là đưa chính mình và các thính giả mất ngủ đắm chìm vào thời hoàng kim của Big Band[44]. Thời đó, bác nói rằng âm nhạc là *chân chính*, và cuộc sống gắn chặt hơn với sự thật, lẽ phải và thiện ý.

Lần đầu tiên nghe đoạn rap này, tôi tỏ vẻ ngạc nhiên sao bác lại đồng cảm với thời kỳ có sự phân biệt rõ rệt ấy. Câu trả lời của bác ấy như sau, “Bác là người da đen, mắt không nhìn được, cực kỳ khôn ngoan và nhạy cảm. Không thời kỳ nào là dễ dàng đối với bác. Ít nhất nền văn minh phải *văn minh* thì khi đó mới có *phong cách* được.”

Hiện thời bác đang nói với thính giả: “Hãy nhắm mắt lại, hình dung ca sĩ Duke trong chiếc áo vest trắng đặc trưng, và nhập bọn cùng tôi, Shamus Cocobolo, lái chuyến tàu A đến Harlem.”

Mẹ đặt tên cho bác là Shamus vì muốn con trai trở thành thám tử. Khi bác hóa mù vào năm lên ba, sự nghiệp thi hành luật không còn là lựa chọn. Tên “Cocobolo” nảy ra từ bố của bác ấy, nghe đúng là người Jamaica.

Cầm tấm thẻ nhựa đen lên, đặt ngón tay cái và ngón trỏ của bàn tay phải ở hai cạnh trên dưới tấm thẻ, bác nói, “Một ngân hàng ngớ ngẩn nào đó trao cho con thẻ tín dụng à?”

“Con đang hy vọng bác có thể cho con biết nó ghi gì trên đó.”

Bác lướt một ngón tay qua tấm thẻ, không hẳn để đọc mà chỉ để xác định món đồ. “Ồ, Phù thủy, chắc con đâu nghĩ bác cần thẻ suy tưởng khi bác đã có Count Basie, Satchmo và Artie Shaw[45].”

“Vậy ra bác biết nó là cái gì.”

“Vài năm trước, người ta đưa cho bác cả tá những thứ này, đủ kiểu tư tưởng truyền cảm, cứ như thể người mù không thể nhảy múa nên họ phải trầm ngâm suy tư. Đừng phật ý nhé, Phù thủy, nhưng người hết sức điềm tĩnh như con mà lại đưa cho bác một tấm thẻ nhựa tâm linh kỳ cục như vậy, bác hơi ngượng thay con đó.”

“Không có gì. Nhưng con không đưa nó cho bác. Con chỉ tò mò dòng chữ Braille trên đó viết gì thôi.”

“Nghe vậy nhẹ cả người. Nhưng tại sao con tò mò?”

“Bản tính trời sinh đã vậy rồi.”

“Bác hiểu rồi. Không xía vào.” Bác ấy sờ ngón tay đọc tấm thẻ rồi nói, “Cha đẻ của Dối trá.”

“ ‘Cha đẻ của bói cá?’ ”

“Dối trá. Những điều không thật.”

Cụm từ quen thuộc với tôi, nhưng vì lý do nào đó, tôi không hiểu, có lẽ vì tôi không muốn hiểu, có lẽ vì tôi không muốn hiểu.

“Bọn xấu xa,” Shamus nói. “Cha đẻ của dối trá, cha đẻ của quỷ dữ, Chúa quỷ Sa Tăng. Chuyện gì đây, Phù thủy? Chẳng lẽ nền tôn giáo lâu đời của nhà thờ St. Bart giờ đây quá nhàm chán, con cần luồng khí mới để tâm hồn rung động sao?”

“Tấm thẻ không phải của con.”

“Vậy của ai?”

“Một y tá trong Bệnh viện đa khoa của hạt bảo con phóng thật nhanh ra sa mạc, ném nó qua cửa sổ, để gió cuốn bay đi.”

“Một chàng trai tốt bụng, kiếm sống lương thiện bằng cái xẻng chế biến thức ăn nhanh, chắc con đang đánh bạn với người cực kỳ quái gở.”

Bác ấy đẩy tấm thẻ về phía tôi, ngang qua chỗ để micro.

Tôi nhồm dậy khỏi ghế.

“Đừng để dòng chữ Braille đó lại đây nhé,” bác nói.

“Nó chỉ là một tấm thẻ nhựa tâm linh kỳ cục mà bác.”

Hai bóng phản chiếu của chính tôi nhìn tôi từ trong kính xanh dương sẫm của bác.

Shamus nói, “Hồi đó bác biết nghi thức thờ cúng Quỷ Sa Tăng. Một gã tuyên bố căm ghét mẹ, nhưng chắc hẳn thương bà ấy. Cảnh sát tìm thấy cái đầu đứt lìa của bà mẹ ở tủ lạnh nhà hắn, đựng trong túi nhựa đầy kín cùng với cánh hoa hồng để giữ nó không thối rữa.”

Tôi cầm lấy tấm thẻ suy tưởng. Nó lạnh ngắt.

“Cảm ơn bác đã giúp, bác Shamus.”

“Cẩn thận đấy, Phù thủy. Những người bạn lập dị thú vị thật không dễ tìm. Con mà chết bất ngờ, bác sẽ nhớ con lắm đó.”

CHƯƠNG 44

Bình minh đỏ rực ló dạng, mặt trời như lưỡi dao của đao phủ nhô lên từ chân trời mờ mịt.

Tại một nơi khác trong thị trấn Pico Mundo, kẻ sắp trở thành tên giết người hàng loạt chắc đang vừa ngắm cảnh bình minh này vừa nạp đạn vào khẩu súng trường.

Tôi đậu xe tại lối vào nhà và tắt máy. Tôi không thể tiếp tục chờ đợi để biết xem tay súng khỉ Bob Robertson có hại luôn bà Rosalia Sanchez hay không. Thế nhưng hai ba phút trôi qua, tôi mới có đủ dũng khí để ra khỏi xe.

Bầy chim ăn đêm đáp xuống lặng lẽ. Đàn quạ thường kiếm ăn vào đầu ngày chưa xuất hiện.

Trèo lên bậc tam cấp ở hiên sau nhà, tôi thấy cửa lưới đóng nhưng cửa nhà mở. Đèn trong bếp đã tắt.

Tôi nhìn qua tấm lưới. Bà Rosalia ngồi ở bàn, hai bàn tay ôm lấy cái cốc. Bà xem ra còn tươi tỉnh.

Vẻ ngoài có thể đánh lừa. Biết đâu xác của bà đang chờ được phát hiện tại một căn phòng khác còn đây là linh hồn dưới trần với đôi tay cầm cốc mà bà đã bỏ lại khi mở cửa cho tên sát nhân lúc tối qua.

Tôi không ngửi thấy được mùi cà phê mới pha.

Trước giờ, trong lúc đợi tôi đến để nói rằng bà vẫn hiện hữu, đèn luôn bật sáng. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy bà ngồi trong bóng tối như vậy.

Bà Rosalia ngược lên mỉm cười khi tôi bước vào bếp.

Tôi nhìn bà chằm chằm, không dám lên tiếng, lo sợ bà đã trở thành linh hồn vất vưởng và không thể trả lời.

“Chào Odd Thomas.”

Nỗi sợ hãi bay biến ra khỏi người tôi cùng cái thở phào. “Bà còn tươi tỉnh.”

“Dĩ nhiên bà tươi tỉnh. Bà biết thời thiếu nữ của bà đã qua lâu rồi nhưng bà hy vọng trông mình không như chết rồi.”

“Ý con là hiện hữu. Bà hiện hữu.”

“Ừ, bà biết. Hai cảnh sát đã nói với bà, thế nên sáng nay bà không phải đợi con.”

“Cảnh sát ư?”

“Biết sớm thật tốt. Bà tắt hết đèn đóm và tận hưởng việc ngồi đây, ngắm bình minh.” Bà cầm cốc lên. “Con uống nước táo không, Odd Thomas?”

“Dạ không, cảm ơn bà. Bà nói hai cảnh sát à?”

“Hai thanh niên dễ mến.”

“Lúc nào vậy bà?”

“Cách đây chưa đầy bốn mươi phút. Họ lo cho con.”

“Lo ư, tại sao?”

“Họ nói có người báo nghe thấy tiếng súng từ căn hộ của con. Chẳng phải nực cười sao. Odd Thomas? Bà nói với họ bà chẳng nghe gì cả.”

Tôi chắc chắn cú điện thoại gọi đến trình báo về vụ nổ súng là của một người giấu tên, vì người gọi có khả năng chính là kẻ đã giết Robertson.

Bà Sanchez nói, “Bà hỏi họ làm gì mà con phải nổ súng trong căn hộ của con. Bà cho họ biết nhà con không có chuột.” Bà nâng cốc lên nhấp ngụm nước táo rồi chợt hỏi, “Nhà con đâu có chuột phải không?”

“Dạ không có, thưa bà.”

“Dù vậy họ vẫn muốn xem xét. Họ lo cho con. Những anh chàng tử tế. Thận trọng lau sạch dấu giày. Không chạm vào một vật nào cả.”

“Ý bà nói bà đã dẫn họ đi xem căn hộ của con à?”

Sau khi nuốt ngụm nước táo, bà đáp, “À, họ là cảnh sát mà, và họ rất lo cho con, họ cảm thấy tốt hơn khi được biết con không bắn vào chân con hay thứ gì đó.”

Tôi mừng là đã chuyển thi thể Robertson đi ngay khi phát hiện ra nó trong phòng tắm nhà

mình.

“Odd Thomas, tối qua con không hề đến lấy bánh quy bà nướng cho con. Bánh sôcôla với quả óc chó. Món yêu thích của con.”

Một cái đĩa chất đầy bánh được bọc kín trong lớp giấy bóng kính nằm trên bàn.

“Cảm ơn bà. Bánh quy của bà là số một.” Tôi cần đĩa bánh. “Con tự hỏi... bà nghĩ con có thể mượn xe bà một chút xíu được không?”

“Nhưng chẳng phải con vừa lái xe à?”

Mặt tôi đỏ hơn cả bình minh đang lan rộng ngoài cửa sổ. “Dạ phải, thưa bà.”

“À, vậy thì con đã mượn rồi,” giọng bà không hề ẩn chứa chút mỉa mai nào. “Không cần phải mượn hai lần.”

Tôi lấy chìa khóa từ tấm ván treo gần tủ lạnh. “Cảm ơn bà Sanchez. Bà tốt với con quá.”

“Con là cậu bé ngoan, Odd Thomas. Con khiến bà nhớ nhiều đến thằng cháu Marco. Đến tháng Chín là tròn ba năm thằng bé trở nên vô hình.”

Marco cùng gia đình cậu ta đi trên chiếc máy bay đâm vào Trung tâm Thương mại Thế giới.

Bà tiếp lời, “Bà cứ nghĩ thằng bé sẽ hiện hữu trở lại vào một ngày nào đó, nhưng lâu quá rồi... Con đừng bao giờ trở nên vô hình nhé, Odd Thomas.”

Đôi lúc bà làm tôi nhói lòng. “Dạ, con sẽ không vô hình đâu,” tôi cam đoan với bà.

Khi tôi cúi xuống hôn lên trán bà, bà đặt tay lên đầu tôi, giữ khuôn mặt tôi gần khuôn mặt bà, “Hứa với bà con sẽ không như thế.”

“Con hứa, thưa bà. Con thề có Chúa.”

CHƯƠNG 45

Khi tôi dừng xe trước căn hộ của Stormy, chiếc xe cảnh sát cải trang không còn đậu bên kia đường.

Rõ ràng, nhóm cảnh sát ấy không nhận nhiệm vụ bảo vệ Stormy. Đúng như tôi nghi ngờ, họ được cử đi theo dõi với hy vọng Roberston sẽ đến tìm tôi. Khi tôi xuất hiện tại nhà cảnh sát trưởng Porter sau vụ nổ súng, nhóm cảnh sát nhận thấy tôi không còn ở chỗ Stormy nên hiển nhiên họ rút lui.

Robertson đã yên giấc ngàn thu, được hồn ma của cô gái mại dâm trẻ tuổi canh chừng, nhưng tên sát nhân trước đây là bạn của gã vẫn còn tự do tự tại. Kẻ tâm thần thứ hai đó không lý gì lại đặc biệt nhằm vào Stormy; vả lại, nàng có khẩu súng 9 ly và quyết sử dụng nó.

Thế nhưng ập vào tâm trí tôi là hình ảnh vết thương trên ngực Robertson, và tôi không thể quay đi hay nhắm mắt lại trước nó như đã làm trong phòng tắm.

Tệ hơn nữa, trí tưởng tượng của tôi chuyển lỗ thủng chí mạng từ thân thể tím bầm của gã đàn ông đã chết sang Stormy. Tôi còn nghĩ đến cô gái trẻ đã cứu tôi khỏi bầy chó sói, đôi cánh tay rụt rè che bộ ngực và những vết thương.

Trên lối vào, tôi bắt đầu chạy. Phóng lên các bậc thang. Áo qua hành lang. Mở tung cánh cửa có tấm kính pha chì.

Tôi lóng ngóng cầm chìa khóa, đánh rơi nó, nghiêng người chộp lại khi nó nảy bật khỏi sàn gỗ cứng, lơ lửng trong không trung rồi tôi lao vào căn hộ của nàng.

Từ phòng khách, nhìn thấy Stormy đang ở trong bếp, tôi đi đến bên nàng.

Nàng đứng cạnh tấm thớt gần bồn rửa, dùng con dao nhỏ gọt bưởi để tách thứ trái cây tuyệt hảo vùng Florida. Một đồng nhỏ các hạt đã được lấy ra nằm trên mặt gỗ.

“Anh dùng thuốc gì mà cuống cuống vậy?” nàng lên tiếng hỏi khi làm xong việc và đặt con dao sang bên.

“Anh tưởng em chết.”

“Vì em chưa chết, anh muốn ăn sáng không?”

Suýt chút nữa tôi đã kể nàng nghe chuyện có kẻ bắn cảnh sát trưởng.

Thay vì kể chuyện đó tôi nói. “Nếu đã nghiện thuốc thật thì anh muốn có món trứng đánh chứa chất kích thích và ba bình cà phê đen. Anh không ngủ được nhiều. Anh cần tỉnh táo làm sáng tỏ suy nghĩ của mình.”

“Em có bánh rán bọc sôcôla.”

“Ăn thôi.”

Chúng tôi ngồi ở bàn ăn trong bếp, nàng ăn bưởi, tôi dùng bánh rán và pepsi, toàn đường toàn, caffeine.

“Sao anh nghĩ em đã chết?” nàng hỏi.

Nàng đã lo lắng về tôi. Tôi không muốn nâng mối âu lo của nàng lên mức nguy kịch.

Nếu kể nàng nghe vụ cảnh sát trưởng, tôi sẽ khai luôn chuyện Bob Robertson trong bồn tắm nhà tôi, chuyện gã đã thành người thiên cổ khi tôi thấy gã trong khu đất nhà thờ, những sự việc tại Nhà thờ Sao chổi Thì thầm và chuyện về tấm thẻ suy tưởng kỳ quái.

Nàng sẽ muốn bên cạnh tôi suốt. Dùng súng yểm trợ tôi.

Tôi không thể cho phép nàng chuốc lấy nguy hiểm như thế.

Tôi thở dài và lắc đầu. “Anh không biết. Anh thấy bọn ông kẹ khắp nơi. Cả bầy cả lũ chúng nó. Bất kể chuyện gì sắp xảy ra đến nó, cũng rất dữ dội. Anh lo sợ.”

Cảnh giác, nàng chìa cây đuống về phía tôi. “Đừng bảo em hôm nay ở nhà đấy nhé.”

“Anh muốn em hôm nay ở nhà.”

“Em mới nói gì?”

“Điều anh vừa nói.”

Im lặng nhai bưởi và bánh rán sôcôla, chúng tôi nhìn nhau không rời mắt.

“Hôm nay em sẽ ở nhà,” nàng nói, “với điều kiện anh ở đây với em cả ngày.”

“Chúng mình thống nhất chuyện này rồi mà. Anh không thể để người ta chết nếu có cách

cứ được họ.”

“Và em sẽ không sống dù chỉ một ngày trong lồng chỉ vì có con hổ sống chuồng đi đâu đó ngoài kia.”

Tôi tu Pepsi. Tôi ao ước có vài viên caffeine. Tôi ao ước được ngủ thuốc muối để làm tỉnh đầu óc mỗi khi tình trạng lơ mơ buồn ngủ bắt đầu len lỏi. Tôi ao ước có thể giống như những người khác, không có năng lực siêu nhiên, không phải đeo gánh nặng nào ngoại trừ trọng lượng tăng thêm mà bánh rán sôcôla có thể sẽ gán cho tôi.

“Gã ghê gớm hơn hổ,” tôi nói với nàng.

“Em không quan tâm xem gã có ghê gớm hơn một con khủng long ăn thịt *Tyrannosaurus rex* không. Em có một cuộc đời để sống, và không có thời gian để lãng phí nếu muốn lập nên tiệm kem của riêng mình trong vòng bốn năm.”

“Thực tế đi em. Một ngày nghỉ làm sẽ không hủy hoại cơ hội thực hiện giấc mơ đâu.”

“Mỗi ngày em làm việc hướng đến điều đó *đều là* giấc mơ. Giấc mơ là cả quá trình, không phải chỉ là thành quả cuối cùng.”

“Sao anh lại đi tranh luận với em nhỉ? Anh luôn thua mà.”

“Anh là con người tuyệt vời của hành động, cưng à. Anh không cần trở thành người luôn tranh luận giỏi đâu.”

“Anh là con người tuyệt vời của hành động *kiêm* đầu bếp chế biến thức ăn nhanh xuất sắc.”

“Người chồng lý tưởng.”

“Anh ăn thêm cái bánh nữa.”

Biết rõ mình đang đề nghị sự nhượng bộ mà tôi không thể chấp nhận, nàng mỉm cười cất giọng. “Em nói anh nghe thế này nhé, em sẽ nghỉ một ngày và đi với anh, ở ngay sát bên anh, đến bất cứ đâu cùng anh.”

Nơi tôi hy vọng đặt chân tới bằng sự chiếu cố của sức hút siêu linh, là chỗ kẻ lạ mặt đã giết Robertson và có thể hiện giờ đang chuẩn bị thực hiện hành động tàn ác mà chúng đã cùng nhau vạch ra. Stormy sẽ không an toàn khi ở bên cạnh tôi.

“Thôi,” tôi nói. “Em xúc tiến giấc mơ của em đi. Xếp bánh quế, trộn kem và làm người bán kem giỏi nhất. Ngay cả những giấc mơ nhỏ nhoi cũng không thể thành hiện thực nếu em không kiên nhẫn.”

“Anh tự nghĩ ra điều đó hả cưng, hay anh đang trích dẫn lời người khác.”

“Em không nhận ra à? Anh đang trích dẫn lời em đó.”

Nàng cười trêu mếu. “Anh thông minh hơn vẻ ngoài.”

“Phải vậy thôi. Em sẽ đi đâu vào giờ nghỉ trưa?”

“Anh biết em mà, em đem theo bữa trưa. Đỡ tốn tiền và trên hết em có thể ở lại làm việc.”

“Đừng đổi ý nhé. Đừng đến gần sân bowling, rạp chiếu phim hay bất kỳ chỗ nào.”

“Em đến gần sân gôn được không?”

“Không.”

“Sân gôn thu nhỏ?”

“Anh nói nghiêm túc đấy.”

“Em đến gần chỗ chơi điện tử được không?”

“Nhớ bộ phim *Kẻ thù chung* hồi xưa không?” tôi hỏi.

“Em đến gần công viên giải trí được không?”

“James Cagney thủ vai một tên cướp đang ăn sáng với nhân tình...”

“Em không phải nhân tình của ai hết.”

“... và khi cô nàng chọc tức hắn, hắn ném nửa trái bưởi vào mặt cô nàng.”

“Và cô nàng làm gì? Thiến hắn? Đó chính là điều em sẽ làm bằng con dao gọt bưởi của em.”

“Phim *Kẻ thù chung* thực hiện năm 1931. Hồi đó em không thể phô bày cảnh thiến ấy lên màn ảnh.”

“Đúng là hình thức nghệ thuật thời đó thật non kém. Giờ tiến bộ rồi. Anh có muốn nửa trái bưởi của em còn em đi lấy dao không?”

“Anh chỉ đang muốn nói rằng anh yêu em và anh lo cho em.”

“Em cũng yêu anh, cưng à. Cho nên em hứa không ăn trưa ở sân gôn thu nhỏ. Em sẽ ăn ngay

tại tiệm Burke & Bailey. Nếu em làm đổ muối, em sẽ lập tức quăng một nhúm qua vai[\[46\]](#). Ôi trời, em sẽ quăng nguyên cái bình.”

“Cám ơn em. Nhưng anh vẫn còn nghĩ đến cú đập trái bưởi vào mặt.”

CHƯƠNG 46

Nhà của gia đình Takuda trên đường Hampton không còn bóng dáng ông kẹ. Đêm trước, chúng bu kín nơi đây.

Khi tôi ngừng xe phía trước, cửa ga-ra cuộn lên. Ông Ken Takuda lùi chiếc Lincoln Navigator ra.

Lúc tôi bước đi trên lối vào, ông ấy ngừng lại và hạ cửa sổ xe xuống, “Chào anh Thomas.”

Ông là người duy nhất tôi quen vẫn gọi tôi một cách trịnh trọng như thế.

“Chào thầy. Một buổi sáng đẹp trời đấy nhỉ?”

“Một buổi sáng *rực rỡ*,” ông thốt lên. “Một ngày trọng đại như mọi ngày, đầy ắp triển vọng.”

Tiến sĩ Takuda giảng dạy tại đại học bang California ở thị trấn Pico Mundo.

Ông phụ trách môn văn học Mỹ thế kỷ hai mươi.

Xét đến việc nền văn học hiện đại đương thời được truyền thụ tại hầu hết các trường đại học chủ yếu mang tính chất ảm đạm, hoài nghi, thiếu lành mạnh, bi quan, thù hằn; chúng thường được viết bởi những người muốn tự tử, sớm muộn cũng tự giết chết bản thân bằng rượu bia, ma túy hoặc súng ống thì giáo sư Takuda là một người vui vẻ khác thường.

“Em cần lời khuyên cho tương lai,” tôi xạo sự. “Em đang nghĩ đến việc vào đại học sau đó lấy bằng tiến sĩ, tạo dựng sự nghiệp giảng dạy như thầy.”

Khi làn da châu Á bóng láng của ông tái nhợt, nó chuyển thành một sắc thái của màu nâu sẫm. “Này, anh Thomas, trong lúc ủng hộ ngành giáo dục, tôi không thể thật lòng khuyên rằng sự nghiệp giảng dạy tại trường đại học chứa đựng mọi thứ ngoại trừ các ngành khoa học rõ ràng. Với tư cách môi trường làm việc, giới học viện là sự kết hợp của điều phi lý, tính ghét mặt cả, hay ghen tỵ và tư lợi. Tôi đang chờ giây phút lấy được toàn bộ khoản trợ cấp cho hai mươi lăm năm đi dạy, và sau đó tôi sẽ viết tiểu thuyết như Ozzie Boone.”

“Nhưng, thưa thầy, thầy bao giờ cũng có vẻ hạnh phúc mà.”

“Trong bụng quái vật biển Leviathan, anh Thomas à, người ta có thể tuyệt vọng và bỏ mạng, hoặc vui vẻ và kiên nhẫn.” Ông cười rạng rỡ.

Đây không phải câu trả lời tôi mong đợi nhưng tôi vội tiếp tục cái kế hoạch non nớt để tìm hiểu lịch trình của ông ấy trong ngày hôm nay và nhờ đó có thể xác định địa điểm tên sát nhân đồng bọn của Robertson sẽ ra tay. “Em vẫn thích trò chuyện với thầy về việc đó.”

“Thế giới có quá ít những đầu bếp chiên nướng thức ăn tính tình khiêm tốn và quá nhiều các giáo sư tự cao tự đại nhưng chúng ta sẽ nói về việc đó nếu anh thích. Cứ gọi điện đến trường đại học và nhờ chuyển máy sang văn phòng của tôi. Trợ giảng của tôi sẽ sắp xếp cuộc hẹn.”

“Em đang mong chúng ta có thể nói chuyện vào sáng nay, thưa thầy.”

“Bây giờ ư? Điều gì tạo nên khao khát cấp bách đột ngột theo đuổi việc học này?”

“Em cần suy nghĩ nghiêm túc hơn về tương lai. Em sẽ kết hôn vào thứ Bảy.”

“Với cô Bronwen Llewellyn phải không?”

“Dạ phải.”

“Anh Thomas, anh có cơ hội hiếm hoi để đạt được niềm hạnh phúc trọn vẹn, và anh sẽ trở thành kẻ khờ dại khi đầu độc cuộc đời mình bằng việc giảng dạy hay dùng ma túy. Tôi có giờ giảng sáng nay, tiếp theo hai cuộc thảo luận với sinh viên. Sau đó tôi đi ăn trưa và xem phim cùng gia đình, thế nên tôi e rằng sớm nhất phải đến ngày mai chúng ta mới có thể bàn bạc về cơn bốc đồng tự hại mình của anh.”

“Thầy ăn trưa ở đâu? Tại Quán Vĩ nướng phải không ạ?”

“Chúng tôi cho bọn trẻ lựa chọn. Ngày của chúng mà.”

“Thầy sẽ xem phim gì?”

“Phim về chú chó và người ngoài hành tinh.”

“Đừng,” tôi nói mặc dù tôi chưa hề xem bộ phim đó. “Nó dở lắm.”

“Nó là phim bom tấn mà.”

“Chán phèo.”

“Các nhà phê bình thích phim đó,” ông nói.

“Randall Jarrell bảo nghệ thuật là dài lâu, còn những nhà phê bình là sâu bọ của thời đại.”

“Gọi đến văn phòng tôi nhé, anh Thomas. Chúng ta sẽ nói chuyện vào ngày mai.”

Ông kéo cửa sổ lên, lùi xe ra khỏi lối đi và lái đến trường đại học, sau đó là đến cuộc hẹn với Tử thần.

CHƯƠNG 47

Nicolina Peabody, năm tuổi, mang giày hồng, mặc quần lửng hồng và áo thun hồng. Đồng hồ đeo tay của cô bé có dây nhựa màu hồng và trên mặt số có hình một gương mặt chú heo màu hồng.

“Khi nào con đủ lớn để tự mua quần áo cho mình,” con bé nói với tôi, “con sẽ không mặc gì khác ngoài màu hồng, hồng và hồng, mọi ngày, quanh năm suốt tháng, mãi mãi.”

Levanna Peabody, cô bé chẳng mấy chốc sẽ tròn bảy tuổi, đảo mắt và nói. “Ai cũng nghĩ em là một ả đứng đường cho coi.”

Bước vào phòng khách với ổ bánh kem mừng sinh nhật đặt trên đĩa, bên dưới một nắp vung thủy tinh trong suốt, chị Viola kêu lên, “Levanna! Nói vậy thật xấu miệng. Chỉ chút xíu nữa thôi là con mắc tội ăn nói láo lếu và hai tuần cúp tiền quà vật đấy.”

“Ả đứng đường là gì?” Nicolina hỏi.

“Một đứa mặc toàn đồ màu hồng và hôn đàn ông vì tiền,” Levanna đáp bằng giọng từng trải sành đời.

Khi tôi đỡ cánh tay từ tay chị Viola, chị nói, “Chị lấy thùng sách là đi được rồi.”

Tôi rảo nhanh khắp ngôi nhà. Không ông kẹ nào ẩn núp trong xó xỉnh.

Nicolina nói, “Nếu em hôn đàn ông miễn phí thì em có thể mặc đồ toàn màu hồng và không phải là một ả đứng đường.”

“Nếu em hôn miễn phí cả khối đàn ông, em sẽ là một con nhỏ hư đốn,” Levanna nói.

“Levanna đủ rồi!” Chị Viola la rầy.

“Nhưng mẹ ơi,” Levanna kêu lên, “sớm muộn gì em nó cũng phải biết thế giới này thế nào chứ.”

Để ý thấy sự thích thú của tôi và lý giải nó bằng khả năng vượt trội. Nicolina đáp trả lại cô

chị, “Chị thậm chí còn không biết ả đứng đường là gì, chị chỉ tưởng mình biết thôi.”

“Chị biết chứ, không tin thì thôi,” Levanna quả quyết một cách chảnh chọe.

Bọn trẻ đi trước tôi xuống lối nhỏ dẫn đến chỗ chiếc xe của bà Sanchez đậu ở lề đường.

Khóa cửa xong, chị Viola bước theo sau. Chị đặt thùng sách vào ghế sau chỗ bọn trẻ ngồi rồi lên ngồi phía trước. Tôi đưa ổ bánh cho chị và đóng cửa xe.

Buổi sáng sa mạc trong trẻo, rực sáng và đứng gió. Bầu trời như một cái vạc gốm sứ xanh biếc úp ngược đổ xuống những luồng hơi khô nóng.

Mặt trời vẫn nằm đằng đông, mọi cái bóng đổ dài về hướng tây, như thể khao khát muốn có đường chân trời mà màn đêm còn che kín. Và dọc theo con phố lặng gió, chỉ mình bóng tôi di chuyển.

Nếu có các thực thể siêu nhiên thì lúc này chúng không hiện lên.

Khi tôi vào xe và nổ máy, Nicolina nói, “Con không bao giờ hôn bất kỳ người đàn ông nào, dù thế nào đi nữa, con hôn mẹ, chị Levanna và dì Sharlene thôi.”

“Lớn lên em sẽ muốn hôn đàn ông,” Levanna dự đoán.

“Không đâu.”

“Có đấy.”

“Không mà,” Nicolina tuyên bố chắc nịch. “Chỉ có chị, mẹ, dì Sharlene và Cheevers nữa.”

“Cheevers là con trai,” Levanna nói trong lúc tôi cho xe ra khỏi lề và bắt đầu tiến đến nhà Sharlene.

Nicolina cười khúc khích. “Cheevers là *con gấu*.”

“Thằng đó là con gấu đực.”

“Bạn ấy là *gấu bông*.”

“Nhưng nó vẫn là con trai,” Levanna quả quyết. “Thấy chưa, chuyện này đã bắt đầu rồi đấy, em muốn hôn bọn đàn ông con trai.”

“Em không phải đùa hư đồn,” Nicolina khẳng định. “Em sẽ thành bác sĩ chăm sóc chó.”

“Đó gọi là bác sĩ thú y, và người ta không mặc toàn màu hồng, hồng và hồng, mọi ngày, quanh năm suốt tháng mãi mãi.”

“Em sẽ là người đầu tiên làm vậy.”

“Vậy thì,” Levanna nói, “nếu chị có chú chó bị ốm và em là bác sĩ thú y mặc đồ toàn màu hồng thì chị nghĩ mình vẫn sẽ đưa chó đến chỗ em vì chị biết em sẽ giúp nó khỏe lên.”

Theo lộ trình vòng vèo, kiểm tra kính chiếu hậu, tôi lái qua sáu khu nhà để đến hai khu cách xa trên đường Maricopa Lane.

Đọc đường đi, chị Viola dùng điện thoại của tôi gọi cho cô em để bảo rằng chị đang đưa bọn trẻ qua chơi.

Ngôi nhà ván ghép màu trắng sạch sẽ nằm trên Maricopa có cửa chớp màu xanh dừa cạn và những cây cột xanh dương ở mái hiên. Ngoài hiên nơi tụ họp hàng xóm là bốn xích đu và một ghế đánh đu.

Sharlene đang ngồi xích đu khi chúng tôi ngừng xe ở lối vào.

Chị là một phụ nữ to lớn với nụ cười tươi rói và giọng nói du dương lý tưởng cho một ca sĩ dàn đồng ca, đó vốn là công việc của chị.

Posey, chú chó lông vàng, nhồm dậy khỏi sàn nhà dưới mái hiên, đứng cạnh chị, vẫy lia lịa cái đuôi đẹp đẽ của nó, háo hức khi trông thấy bọn trẻ, ở yên tại chỗ không phải nhờ dây buộc mà do mệnh lệnh nhẹ nhàng của chủ nhân.

Tôi mang bánh kem vào bếp, tại đó tôi lịch sự từ chối khi chị Sharlene mời dùng đá chanh, bánh táo, ba loại bánh quy khác nhau và đậu phộng giòn.

Nằm trên sàn chống bốn chân lên trời, móng vuốt cụp xuống, Posey nằn nì muốn được xoa bụng và bọn trẻ nhanh chóng làm điều đó.

Tôi quỳ một chân và gây gián đoạn lúc đầu để nói lời chúc mừng sinh nhật Levanna. Tôi trao cho mỗi đứa trẻ một cái ôm siết.

Bọn trẻ có vẻ nhỏ nhắn và mong manh quá đổi. Thế nên chỉ cần chút sức lực cũng đủ bóp nát chúng, bóc toạc chúng ra khỏi thế giới này. Tình trạng dễ bị xâm hại của chúng khiến tôi lo sợ.

Chị Viola theo tôi ra đến tận hiên trước, tới đó chị lên tiếng. “Em đưa cho chị tấm hình cái gã mà chị phải coi chừng nhé.”

“Chị không cần nữa đâu. Gã... hết hình rồi.”

Đôi mắt to tròn của chị chứa đầy sự tin cậy mà tôi không đáng nhận. “Odd, nói thật cho chị biết đi, em có còn thấy sự chết chóc nơi chị không?”

Tôi không biết chuyện gì sẽ đến nhưng dù buổi ban ngày ở sa mạc tạo cảm giác sáng chói mắt tôi những giác quan thứ sáu của tôi lại thấy nó có vẻ đen tối dữ dội, với tiếng sấm vang rền sắp xảy tới. Thay đổi kế hoạch của họ, hoãn buổi xem phim và ăn tối tại Quán Vỉ nướng, như vậy chắc chắn đã đủ để thay đổi số phận của họ. Chắc chắn.

“Chị ổn rồi. Bọn trẻ cũng vậy.”

Ánh mắt chị nhìn vào mắt tôi dò xét và tôi không dám quay đi. “Thế còn em thì sao, Odd? Bất kể chuyện gì xảy đến... có lối nào cho em đi qua để đến nơi an toàn không?”

Tôi gượng cười, “Em biết tất cả mọi thứ về Thế giới bên kia và Kiếp sau mà chị nhớ không?”

Chị dán chặt mắt vào tôi thật lâu, sau đó vòng tay qua người tôi. Chúng tôi ôm nhau thật chặt.

Tôi không hỏi chị Viola rằng *chị* có thấy sự chết chóc nơi *tôi* không. Chị chưa bao giờ tuyên bố có khả năng đoán trước... vậy mà tôi sợ chị sẽ trả lời là thấy.

CHƯƠNG 48

Một lúc lâu sau khi chương trình “Cả đêm với Shamus Cocobolo” kết thúc trên đài và giai điệu nhạc Glenn Miller vượt lên tầng bình lưu hướng đến những vì sao xa, không còn đĩa nhạc Elvis vỗ về, tôi mới thơ thẩn ra đường phố thị trấn Pico Mundo trong cái thỉnh lặng của mặt trời, tự hỏi nguyên bọn ông kẹ đã đi đâu.

Tại trạm xăng, tôi ngừng lại đổ đầy bình xăng chiếc Chevy và vào nhà vệ sinh.

Trong tấm gương vắn vện phía trên bồn rửa mặt, khuôn mặt tôi trưng ra hình ảnh một người bị săn lùng, phờ phạc và mắt trũng sâu.

Qua siêu thị nhỏ ngay sát bên, tôi mua chai Pepsi nắp vặn và một lọ nhỏ viên nén chứa caffeine.

Với sự hỗ trợ hóa học của No-Doz^[47], nước ngọt và đường trong đĩa bánh bà Sanchez đã đưa, tôi còn giữ được tỉnh táo. Có suy nghĩ thông suốt đầy đủ hay không với chế độ ăn uống như vậy thì cũng phải chờ đến khi đạn bắt đầu bay loạn xạ, mọi chuyện mới hoàn toàn rõ ràng.

Thiếu tên tuổi hay mặt mũi để gán cho đồng bọn của Robertson, sức hút siêu linh sẽ không dẫn tôi đến đối tượng. Loanh quanh bừa, tôi sẽ chẳng đến được nơi nào cho ra hồn.

Với ý định rõ ràng, tôi lái xe đến Camp's End.

Đêm hôm trước, cảnh sát trưởng cử người giám sát ngôi nhà của Robertson, thế nhưng toán canh gác hình như đã rút khỏi đó. Vì cảnh sát trưởng bị bắn và toàn bộ Sở Cảnh sát chấn động nên có người quyết định chuyển nhân lực đến nơi khác.

Bất chợt tôi nhận ra có thể vụ cảnh sát trưởng bị bắn không phải chỉ nhằm giăng bẫy cho tôi vướng vào tội mưu sát thứ hai. Biết đâu đồng bọn của Robertson muốn thủ tiêu ông Wyatt Porter nhằm bảo đảm Sở Cảnh sát thị trấn Pico Mundo sẽ bắn loạn, rồi beng và chậm ứng phó trước mọi khủng hoảng đang đến gần.

Thay vì đậu xe đối diện, cách xa ngôi nhà gỗ nhỏ trát vữa vàng nhạt có cánh cửa chính màu xanh dương phai mờ, tôi để chiếc Chevy ngay lề đường phía trước nơi đó. Tôi đi băng băng đến nhà để xe.

Bằng lái xe của tôi tiếp tục phát huy tác dụng. Then cửa bật mở và tôi bước vào gian bếp.

Tôi đứng ngay ngưỡng cửa nghe ngóng tới cả phút. Tiếng o o của tủ lạnh. Tiếng tích tắc và cọt kẹt khe khẽ cho thấy sự giãn nở đều đặn của các khớp bản lề trong ngôi nhà cũ kỹ dưới sức nóng gia tăng của buổi sáng sớm.

Bản năng mách bảo tôi chỉ có một mình.

Tôi đi thẳng tới căn phòng làm việc ngăn nắp. Hiện thời, nó không còn là ga tàu đón các ông khách.

Từ bức tường trên ngăn tủ đựng hồ sơ, McVeigh, Manson và Atta nhìn tôi như biết rõ mọi chuyện.

Tôi xem xét các ngăn tủ tại bàn làm việc một lần nữa, tìm kiếm những cái tên. Lần trước đến đây, tôi đã ngắm nghía một cuốn sổ địa chỉ nhỏ có vẻ không mấy quan trọng, nhưng lần này tôi lật xem từng trang một cách chăm chú.

Quyển sổ chứa đựng chưa đầy bốn mươi danh tính và địa chỉ. Không cái nào gây cho tôi sự chú ý.

Tôi không xem xét lại bản kê khai của ngân hàng mà chỉ nhìn chăm chăm dãy số, nghĩ ngợi về năm mươi tám ngàn đôla tiền mặt gã đã rút trong hai tháng qua. Hơn bốn ngàn đôla nằm trong túi quần gã khi tôi phát hiện cái xác.

Nếu bạn là một tên biến thái giàu có khoái tài trợ cho các “tiết mục” giết người hàng loạt được lên kế hoạch tỉ mỉ thì bạn có thể thưởng ngoạn hiện trường đổ máu rộng lớn đến mức nào với khoản tiền xấp xỉ năm mươi bốn ngàn đôla?

Thậm chí thiếu ngủ, nhức đầu bưng bưng vì viên thuốc caffeine và chất đường, tôi cũng có thể trả lời câu hỏi trên không chút đắn đo: rất rộng lớn. Bạn có thể “tậu” được ba đấu trường chết chóc - đạn, chất nổ, khí độc, bất cứ thứ gì chỉ trừ quả bom hạt nhân.

Đâu đó trong ngôi nhà, một cánh cửa được đóng lại. Không có tiếng sập mạnh. Rất nhẹ nhàng, với một tiếng thịch và lách cách khe khẽ.

Rón rén nhưng lẹ làng, tôi đi đến cánh cửa để mở cửa phòng làm việc. Tôi bước ra hành lang.

Không thấy kẻ đột nhập nào. Ngoại trừ tôi.

Cửa phòng tắm và phòng ngủ để mở như trước đây.

Trong phòng ngủ, cửa tủ là cửa trượt. Vậy nó không thể gây ra âm thanh tôi vừa nghe.

Biết rằng cái chết thường là cú đáp trả cho sự khinh suất và nhát gan, tôi thận trọng và hấp tấp ào ra phòng khách. Vắng tanh.

Cánh cửa lò xo ở bếp không thể phát ra âm thanh lúc này. Cửa dẫn vào nhà vẫn đóng như cũ.

Bên góc trái phía trước phòng khách có một cái tủ. Trong tủ: hai áo vét, vài hộp bìa cứng đóng kín, một cái ô.

Trong bếp. Không một bóng người.

Biết đâu kẻ đột nhập đã *bỏ đi*. Điều đó có nghĩa ai đó đã ở trong ngôi nhà khi tôi đến và chuồn đi khi tôi không để ý.

Mồ hôi rịn trên trán. Một giọt lăn dài xuống gáy và theo xương sống chảy đến xương cụt.

Cái nóng buổi sáng không phải nguyên nhân duy nhất khiến tôi toát mồ hôi.

Tôi trở vào phòng làm việc và bật máy vi tính. Tôi mở thử các chương trình của Robertson, lướt qua các thư mục và tìm thấy một kho những thứ bậy bạ mà gã đã tải về từ Internet. Các tập tin tranh ảnh ác dân. Hình khiêu dâm của trẻ em. Vẫn có cả những tập tin khác về các tay sát thủ liên hoàn, nghi thức hành hình và lễ tế ma quỷ.

Không thứ gì dẫn dắt tôi tìm thấy đồng bọn của gã, ít ra là nhanh chóng để giải quyết tốt đẹp cuộc khủng hoảng hiện thời. Tôi tắt máy vi tính.

Nếu có Purell, gel rửa tay mà cô y tá đã dùng trong bệnh viện, chắc tôi phải trút cả nửa chai vào hai tay.

Lần trước đến thăm dò ngôi nhà này, tôi đã tiến hành cuộc khám xét chóng vánh, để kết luận tôi có đủ những phát hiện đáng ngại lưu ý cảnh sát trưởng đề phòng Robertson. Dù đồng hồ đếm ngược cứ tích tắc trong đầu nhưng lần này tôi lục soát ngôi nhà kỹ lưỡng hơn, mừng thầm vì cũng may nơi này bé tí.

Tại phòng ngủ, trong một ngăn kéo tủ, tôi tìm thấy vài con dao đủ cỡ với kiểu dáng kỳ dị. Những con dao đầu tiên tôi xem xét đều có dòng chữ La-tinh khắc trên lưỡi dao.

Tuy không biết đọc tiếng La-tinh nhưng tôi cảm giác những cụm từ đó khi dịch ra sẽ biểu lộ sự nguy hại hết như độ bén của từng lưỡi dao sắc cạnh.

Một con dao khác có chữ viết tượng hình từ cán đến mũi. Tôi không hiểu chữ tượng hình nhiều hơn tiếng La-tinh là bao, cho dù tôi nhận ra một số hình ảnh cách điệu mô tả: ngọn lửa,

chim ưng, chó sói, rắn rít, bò cạp...

Lục ngăn tủ thứ hai, tôi phát hiện một cốc rượu bằng bạc loại lớn. Chạm khắc đầy thứ tục tĩu. Bóng loáng. Lạnh ngắt trong tay tôi.

Cái cốc tội lỗi này là vật nhạo báng khó ưa của cốc đựng rượu lễ ban thánh thể trong đạo Thiên chúa. Tay cầm cầu kỳ của nó là những mô hình thập tự giá đảo chiều. Chúa lộn ngược đầu. Chữ La-tinh viền miệng cốc và quanh thân cốc khắc hình nam nữ khóa thân dính lấy nhau trong vô số tư thế làm tình.

Cũng trong ngăn tủ đó, tôi tìm thấy hộp đựng bánh thánh quét sơn đen được trang trí tương tự bằng những hình ảnh khiêu dâm. Trên cạnh và nắp của cái hộp nhỏ ấy, các hình vẽ tay nhiều màu sắc nhợt nhạt gồm ghiếc mô tả cảnh nam nữ giao hợp, nhưng không phải giao hợp với nhau mà là với chó rừng, linh cẩu, dê và rắn.

Trong buổi lễ nhà thờ thông thường, chiếc hộp đó đựng thánh thể, những miếng bánh thánh làm từ bánh mì không men. Còn cái hộp ngập tràn bánh quy đen như than lốm đốm chấm đỏ.

Bánh mì không men tỏa ra mùi thơm phảng phất, hấp dẫn. Thứ đựng trong hộp này cũng có mùi thoang thoang nhưng tỏi lợm. Ngủi lần đầu - thảo mộc. Ngủi lần hai - diêm cháy. Ngủi lần ba - bãi nôn mưa.

Cái tủ còn chứa những vật dụng tệ hại khác nhưng tôi xem thế là quá đủ rồi.

Tôi không hiểu sao người lớn có thể coi trọng những món đồ chơi và nghi thức xấu xa tôn sùng ma quỷ. Một thằng nhóc mười bốn tuổi, được thôi, vì vài đứa ở tuổi đó bị sự thay đổi dòng chảy kích thích tố cuốn đi hơi xa khỏi lý trí. Nhưng không phải người lớn. Ngay cả những kẻ biến thái như Bob Robertson và tên đồng bọn vô danh của gã, mê bạo lực và bản tính gàn dở, cũng phải có chút nhận thức rõ ràng chứ, chắc chắn đủ để thấy sự xuẩn ngốc của các trò chơi ngày Halloween.

Sau khi trả những vật dụng nói trên trở về chỗ cũ, tôi đóng ngăn kéo.

Một tiếng gõ làm tôi giật bắn người. Tiếng gõ khê của các khớp ngón tay.

Tôi nhìn cửa sổ phòng ngủ, hy vọng thấy một khuôn mặt ở chỗ tấm kính, có thể là người hàng xóm gõ lên kính cửa sổ. Nhưng chỉ có ánh nắng sa mạc gay gắt, bóng cây và mảnh sân sau nâu sẫm.

Tiếng gõ lại vang lên, khê như lần trước. Không phải chỉ ba hay bốn tiếng gõ nhanh mà là một tràng gõ nhẹ kéo dài đến mười lăm, hai mươi giây.

Trong phòng khách, tôi đi tới cửa sổ cạnh cửa chính và cẩn thận hé mở bức màn nhơn nhót. Không ai đứng đợi bên ngoài.

Chiếc Chevy của bà Sanchez là chiếc xe duy nhất ở lề đường. Con chó mệt lử lê lét dọc đường hôm trước giờ lại đang lếch thếch đi qua, đầu rũ xuống, đuôi còn cụp thấp hơn cả đầu.

Nhớ lại sự huyền ảo của bầu quạ hay sinh sự trên mái nhà vào lần ghé trước, tôi đưa mắt khỏi cửa sổ và nhìn trần nhà, nghe ngóng.

Sau một phút, khi tiếng gõ không xuất hiện lại, tôi bước vào bếp. Nhiều chỗ, vải lót sàn lâu đời bị rạn dưới chân.

Đang cần một cái tên để gán cho đồng bọn của Robertson nên tôi nghĩ không nơi nào trong bếp có khả năng chứa đựng thông tin đó. Ấy vậy tôi vẫn xem qua hết các ngăn kéo và tủ chén đĩa. Đa số trống rỗng: chỉ vón vện vài cái đĩa, nửa tá ly, một nhúm dao, nĩa.

Tôi đến tủ lạnh vì rốt cuộc Stormy sẽ hỏi xem lần này tôi có tìm mấy cái đầu kinh dị không. Mở tủ, tôi thấy bia, nước ngọt, một phần thịt hộp trên đĩa, nửa cái bánh dâu cùng các gia vị và thức ăn thông thường.

Cạnh miếng bánh dâu, một hộp nhựa trong đựng bốn cây nến đen, dây nến dài hơn hai tấc. Có lẽ gã bỏ chúng trong tủ lạnh vì chúng sẽ mềm nhũn và méo mó nếu để ngoài cái nóng mùa hè, trong ngôi nhà không có máy điều hòa.

Cạnh mấy cây nến là một cái lọ không dán nhãn, đựng đầy những thứ như răng bị rụng ra. Nhìn gần hơn có thể thấy bên trong cả đồng răng hàm, răng trước hàm, răng cửa, răng nanh. Răng người. Đủ để lấp đầy ít năm hay sáu cái miệng.

Tôi trở mắt nhìn cái lọ thật lâu, cố hình dung xem làm thế nào gã có được bộ sưu tập quái đản này. Tới lúc quyết định rằng không nghĩ thì hơn, tôi đóng tủ lại.

Giá như không tìm thấy gì bất thường trong tủ lạnh, tôi đã không mở ngăn ướp lạnh. Giờ tôi thấy bị thúc ép phải khảo sát thêm nữa.

Ngăn ướp lạnh là một ngăn kéo sâu nằm phía dưới. Khi tôi kéo nó ra gian bếp nóng bức hút sạch làn hơi lạnh bay lên từ ngăn tủ.

Hai cái hộp màu hồng pha vàng rực rỡ quá quen thuộc: hộp kem của tiệm Burke & Bailey mà Robertson mới mua chiều qua. Kem hạt óc chó trộn đường làm từ cây gỗ thích và kem quýt sôcôla.

Ngoài ra, ngăn tủ còn đựng khoảng mười hộp nhựa lớn hiệu Rubbermaid mờ đục có nắp đỏ, hình dáng và kích cỡ dùng để trữ mì ống còn thừa. Tôi sẽ không mở mấy hộp đó nếu phía trên

cùng của chúng không dán những cái nhãn chống thấm nước tự làm đề chữ: HEATHER JOHNSON, JAMES DEERFIELD.

Xét cho cùng, tôi đang cố tình tìm kiếm những cái tên.

Khi nhắc những cái hộp trên cùng để sang bên, tôi thấy thêm nhiều cái tên ở nắp các bên dưới: LISA BELMONT, ALYSSA RODRIQUEZ, BENJAMIN NADER...

Tôi bắt đầu với Heather Johnson. Cạy cái nắp đỏ lên, tôi thấy một bộ ngực phụ nữ.

CHƯƠNG 49

Đồ lưu niệm. Chiến lợi phẩm. Những món đồ thôi thúc trí tưởng tượng và lay động con tim trong những đêm cô đơn.

Dường như cái hộp thiêu đốt tay tôi, tôi bỏ nó trở vào ngăn ướp lạnh. Tôi vung chân đá ngăn tủ đóng lại.

Tôi nhất quyết tránh xa tủ lạnh, nhất quyết băng qua gian bếp, nhưng tôi không nhận thức được mình đang đi đến bồn rửa cho đến khi thấy mình đứng tại đó.

Dựa vào thành bếp, gặp người ra trước, tôi cố trấn áp ham muốn trút bỏ đĩa bánh của bà Sanchez.

Suốt thời gian từ đó đến giờ, tôi đã nhìn thấy những thứ khủng khiếp. Có cái còn ghê rợn hơn cả thứ nằm trong hộp nhựa Rubbermaid. Thế nhưng trải nghiệm không miễn nhiễm tôi khỏi cảm giác kinh hoàng, và hành động tàn ác của con người vẫn có sức mạnh tàn phá tôi, nói lỏng các mối nối trên đầu gối tôi.

Muốn rửa tay rồi tóa nước lạnh lên mặt nhưng tôi không muốn đụng tới vòi nước nhà Robertson. Tôi lưỡng lự trước ý nghĩ sử dụng xà phòng của gã.

Chín hộp nữa nằm đợi trong ngăn ướp lạnh. Người khác sẽ muốn mở chúng. Nhưng tôi không tò mò về phần còn lại trong bộ sưu tập quái gở kia.

Trong tập hồ sơ mang tên mình, Robertson không kẹp gì khác ngoài tờ lịch ngày mười lăm tháng Tám, ám chỉ rằng sự nghiệp sát thủ của gã sẽ bắt đầu vào ngày đó. Vậy mà bằng chứng trong ngăn ướp lạnh lại cho thấy hồ sơ của gã đã dày cộm.

Mồ hôi túa khắp người, mặt mày nóng bừng, sống lưng lạnh toát. Lẽ ra tôi cũng chẳng cần tắm tại bệnh viện.

Tôi xem đồng hồ đeo tay, 10:02.

Sân bowling đến một giờ mới mở cửa hoạt động. Buổi trình chiếu đầu tiên của bộ phim sốt vé về chú chó cũng lên lịch lúc một giờ.

Nếu giấc mơ báo điềm của tôi sắp thành hiện thực thì bằng chứng cho thấy tôi còn không quá ba tiếng đồng hồ để tìm ra tên đồng bọn của Robertson và ngăn chặn hắn.

Tôi rút điện thoại di động khỏi thắt lưng. Bật mở. Kéo ăng-ten lên. Nhấn nút mở nguồn. Xem biểu tượng hãng sản xuất hiện ra và lắng nghe nhạc hiệu.

Cảnh sát trưởng Porter chắc chưa tỉnh lại. Ngay cả khi đã mở mắt ra rồi thì đầu óc của ông cũng sẽ lơ mơ bởi tác dụng kéo dài của thuốc gây mê, thuốc giảm đau hay những thứ tương tự và bởi cơn đau. Ông không có sức lực cũng như sự tỉnh táo để hướng dẫn thuộc cấp.

Ở mức này hay mức khác, tôi quen biết tất cả nhân viên trong Sở Cảnh sát thị trấn Pico Mundo. Song không ai biết năng lực dị thường của tôi và không ai đối xử tốt với tôi như cảnh sát trưởng Porter.

Nếu tôi đưa cảnh sát đến ngôi nhà này, cho họ thấy những thứ nằm trong ngăn ướp lạnh và nài nỉ họ huy động mọi nguồn lực để tìm hiểu danh tính của tên đồng bọn với Robertson thì họ sẽ cần hàng giờ để nắm bắt được tình hình. Bởi lẽ họ không có giác quan thứ sáu như tôi và sẽ không dễ dàng bị thuyết phục rằng chuyện này có thật nên họ sẽ không khẩn trương như tôi.

Cảnh sát sẽ giữ chân tôi lại đây trong khi họ điều tra tình hình. Dưới mắt họ, tôi cũng đáng ngờ như Robertson, vì tôi đã vào nhà gã một cách bất hợp pháp. Ai dám chắc họ không nghi ngờ chính tôi thu thập những bộ phận thân thể này và đem bỏ mười hộp nhựa Rubbermaid vào ngăn ướp lạnh để đổ tội cho gã?

Nếu phát hiện xác Bob Robertson và nếu cảnh sát trưởng không qua khỏi biến chứng sau phẫu thuật, lay trời dưng như vậy, thì chắc chắn tôi sẽ bị bắt và mang tội mưu sát.

Tôi tắt điện thoại.

Không có cái tên nào để tập trung sức hút siêu linh, không có ai để nhờ hỗ trợ, tôi va vào tường và cú đập khiến răng tôi kêu lách cách.

Có gì đó rơi xuống sàn bên một căn phòng khác: lần này không phải chỉ là tiếng cửa đóng thịch, không phải chỉ là tiếng gõ khẽ mà là tiếng ạch nặng nề và âm thanh đổ vỡ.

Thất vọng tràn trề đến mức không thêm thận trọng, tôi tiến đến cánh cửa lò xo, cố nhét điện thoại vào thắt lưng. Tôi làm rơi điện thoại, bèn bỏ đó lát nữa lấy sau, rồi xô cánh cửa lò xo đi vào phòng khách.

Một cây đèn đã đáp xuống sàn. Chân đèn bằng gốm sứ vỡ tan tành.

Khi kéo giật cửa chính ra và không thấy ai đứng ngoài hiên hay bãi cỏ, tôi sập cửa lại. Mạnh tay. Tiếng động âm vang làm rung chuyển ngôi nhà và việc gây ồn ào khiến tôi dễ chịu hết sức

sau quá nhiều hành động lên lút. Cơn giận của tôi dịu đi.

Tôi lao qua cửa tò vò, vào hành lang hẹp, truy tìm thủ phạm.

Phòng ngủ, tủ quần áo, phòng làm việc, phòng tắm. Không có ai.

Bầy quạ trên mái nhà không thể hất đổ cây đèn. Cũng không thể là gió. Không thể là động đất.

Khi tôi trở vào bếp để lấy điện thoại và rời khỏi ngôi nhà, Robertson đang ở đó đợi tôi.

CHƯƠNG 50

Dù là một gã đã chết, không còn góp phần vào các mưu đồ và trò săn đuổi của thế giới này, Robertson vẫn lay lắt với vẻ dữ tợn kỳ quặc, điên tiết hết như lúc tôi quan sát gã từ tháp chuông của nhà thờ St. Bart. Thân hình cây nấm béo ú giờ có vẻ sung sức, ngay cả với những chỗ sưng phù. Khuôn mặt ngờ ngạc và những đường nét mờ mờ đã đánh lại và sắc nét bởi cơn thịnh nộ.

Không lỗ đạn, vết cháy sém hay vết ố nào làm bẩn áo gã. Khác với Tom Jedd, người lãng vảng ngoài chỗ Tire World mang cánh tay đứt lìa và giả vờ dùng nó làm cây gãi lưng, Robertson phủ nhận cái chết của gã và chọn cách không trưng ra vết thương chí mạng, hết như Penny Kallisto lúc đầu không để lộ dấu vết bị bóp cổ, những đường hằn của sợi dây hiện ra chỉ khi có mặt Harlo Landerson, kẻ hãm hại em.

Trong tâm trạng kích động cao độ, Robertson đảo quanh bếp. Gã nhìn tôi trừng trừng, cặp mắt đại đi và bồn chồn hơn cả mắt bầy sói ở Nhà thờ Sao chổi Thì thầm.

Khi tôi bắt đầu điều tra gã, tôi không cố ý biến gã thành của nợ của đồng bọn, đẩy gã vào đường chết và tôi không bóp cò súng. Tuy nhiên, rõ ràng lòng căm thù gã dành cho tôi còn vượt hơn cả mức dành cho kẻ giết chết gã; nếu không gã đã đi ám chỗ khác.

Từ lò hấp bánh đến tủ lạnh, đến bồn rửa, quay lại lò hấp bánh, gã đảo quanh trong lúc tôi khom xuống nhặt điện thoại làm rơi khi này. Đã chết queo, gã không còn khiến tôi bận tâm nhiều như lúc ở khu đất nhà thờ, tôi tưởng gã còn sống.

Khi tôi kẹp điện thoại vào thắt lưng, Robertson đến chỗ tôi. Lù lù trước mặt tôi. Mắt gã mang màu xám như lớp băng dính bẩn, nhưng chúng chuyển tải sức nóng của cơn giận cực độ.

Tôi đón lấy ánh nhìn chòng chọc của gã và không thoái lui. Tôi học được rằng tỏ ra sợ hãi trong những trường hợp thế này chẳng khôn ngoan chút nào.

Khuôn mặt nặng ì của gã quả thực mang đặc tính của nấm, loại nấm giống như thịt. Y chang nấm Portobello^[48]. Cái môi tái nhợt không còn giọt máu của gã nằm thụt lùi ra sau bộ răng rất ít khi được chăm sóc.

Gã với tay qua mặt tôi và khum tay phải chộp lên gáy tôi.

Bàn tay Penny Kallisto khô và ẩm. Tay Robertson ướt và lạnh.

Đó không phải bàn tay thật của gã, dĩ nhiên, đó chỉ là bộ phận của một bóng ma, một oan hồn hiện hình mà chỉ mình tôi mới cảm nhận được; trạng thái của sự đụng chạm ấy bộc lộ tính cách của linh hồn.

Tuy không e dè kiểu tiếp xúc bí hiểm nhưng tôi rúm người lại trước ý nghĩ bàn tay đó đã mân mê mười món đồ lưu niệm trong ngăn ướp lạnh. Kính thích thị giác bằng những chiến lợi phẩm đông lạnh kia chắc không phải lúc nào cũng tạo cảm giác thỏa mãn. Có thể thỉnh thoảng gã ủ ấm chúng để gia tăng khoái cảm sờ mó và để gọi lại ký ức sống động hơn của từng vụ sát hại - ngắt, véo, vuốt ve, mơn trớn, đặt những nụ hôn âu yếm lên các vật kỷ niệm ấy.

Không linh hồn nào, kể cả ma quỷ xấu xa, có thể hãm hại một người sống chỉ bằng cách đụng chạm. Đây là thế giới của chúng ta, không phải của chúng. Cú đâm của chúng trượt xuyên qua ta, cú ngoạm của chúng không gây chảy máu.

Khi Robertson nhận ra không thể khiến tôi khiếp hãi, gã bỏ tay ra khỏi cổ tôi. Cơn giận của gã tăng gấp đôi, gấp ba, làm mặt gã méo như cái mặt nạ đầu người.

Có một cách để linh hồn hãm hại người sống. Nếu bản chất của chúng đủ hiểm độc, nếu chúng dồn hết tâm can vào cái ác cho đến khi ác tâm chín muồi thành khối u nan y trong linh hồn, chúng có thể dồn năng lượng của cơn thịnh nộ quỷ quyết và trút nó lên những vật vô tri vô giác.

Ta gọi chúng là yêu tinh. Tôi từng mất một dàn nhạc mới toanh cho thực thể loại đó, cũng như tấm bằng đẹp để khen thưởng khả năng sáng tác mà tôi giành được trong cuộc thi viết văn thời phổ thông do anh Ozzie “bé” làm giám khảo.

Như đã làm trong phòng để đồ thờ tại nhà thờ St. Bart, linh hồn phần nộ của Robertson càn quét khắp gian bếp, và từ hai tay của gã tuôn ra những luồng năng lượng mà tôi có thể nhìn thấy. Không khí rung chuyển cùng các xung lực ấy, một cảnh tượng tương tự những gợn sóng đồng tâm loang khắp mặt nước từ điểm va chạm với hòn đá.

Cửa tủ bay ra, ập vào, mở tung, đóng sầm, kêu la lớn tiếng hơn và vô nghĩa hơn cả quai hàm của những tay chính khách huênh hoang. Đĩa ào ra khỏi kệ, từng cái chém phẳng không khí với tiếng vút của cú ném đĩa do vận động viên Olympic thực hiện.

Tôi thụp đầu tránh một ly rượu, nó đập vào cửa lò hấp vỡ bùm, phun ra khối mảnh vỡ lấp lánh. Mấy cái ly khác quay tròn cách xa tôi, tông vào tường, tủ, mặt kệ bếp.

Yêu tinh đều là bọn tức giận mù quáng và thích đập phá, không nhằm mục tiêu cũng chẳng kiểm soát. Chúng chỉ có thể hại bạn bằng một cú đâm may mắn lạc hướng. Thế nhưng cho dù do lạc hướng và may mắn thì trò chém đầu cũng đủ sức hủy luôn đời bạn.

Phụ họa bằng tiếng vỗ tay tán dương của hai cánh cửa tủ bằng gỗ, Robertson tung nguồn năng lượng ra khỏi đôi tay. Hai cái ghế nhảy tung tung tại bàn ăn, nện xuống vải sơn lót sàn, va lách cách vào chân bàn.

Trên bếp, không ai đụng đến, bốn núm vặn điều khiển xoay tròn. Bốn vòng lửa bếp gas tỏa thứ ánh sáng xanh rực ma quái trong gian bếp tăm tối.

Cảnh giác với những thứ phụt ra có thể gây chết người, tôi né xa Robertson và hướng đến cánh cửa đã đưa tôi vào nhà.

Một ngăn kéo bật mở, tiếng khua khoảng chói tai của dao nĩa bùng ra, chúng lấp lóa và kêu leng keng trong tình trạng sôi sục bay lên, như thể những hồn ma đói ngấu đang cắt - xiên - múc bữa tối theo kiểu cũng vô hình như chính bọn chúng.

Tôi thấy những đồ vật ấy tiến đến, chúng *xuyên qua* Robertson mà không ảnh hưởng gì đến hình thể của gã, và tôi nghiêng sang bên, giờ hai cánh tay làm khiên che chắn khuôn mặt. Bọn dao nĩa xem tôi như mẩu sắt, hút vào, quất tới tấp.

Một cây nĩa phóng bay qua hàng phòng vệ, phập lên trán tôi và xước ngược một đường lên đầu tôi.

Khi cơn mưa thép không gỉ rào rào rơi dồn đổ xuống sàn nhà phía sau lưng, tôi mới dám hạ thấp cánh tay.

Hết một tên khổng lồ độc ác nhảy nhót theo điệu nhạc ám muội mà chỉ mình hắn nghe thấy, Robertson đấm - cào - xoắn không khí, xem như muốn hú hét la ó, nhưng chỉ là vẫy vùng trong sự thinh lặng tuyệt đối của một kẻ quá cố không còn nói nên lời.

Ngăn trên của cái tủ lạnh lỗi thời bật mở, trào ra bia, nước ngọt, đĩa thịt hộp, miếng bánh dâu, thức ăn bị tổng tháo tung tóe và loảng xoảng khắp sàn. Khoen nổ bóp; bia và nước ngọt tràn lan từ những cái lon xoay tròn.

Tủ lạnh cũng bắt đầu rung bần bật, va đập dữ dội hết bên này đến bên kia, những ngăn rau quả phía bên hông khua lách cách; khung kim loại trong tủ lạnh kêu ầm ỉ.

Đá mấy lon bia lăn lông lốc và đồng dao nĩa rơi vãi sang một bên, tôi tiếp tục hướng đến cánh cửa dẫn ra nhà để xe.

Tôi lách sang trái, trượt phải vũng nước bia sủi bọt và cái muỗng cong queo.

Với những bộ phận thân thể đông lạnh rùng rợn vẫn còn nung nấu trong ngăn ướp lạnh, cái tủ lạnh trượt qua tôi và tông vào tường một cú mạnh đến mức khiến cột kèo sau lớp vữa

nút răng rắc.

Tôi đâm đầu ra ngoài, lao vào bóng mát trong nhà để xe và đóng sầm cánh cửa sau lưng.

Bên trong, cuộc huyền não còn tiếp tục, thành thịch và loảng xoảng, lách cách và rầm rầm.

Tôi không mong linh hồn biến chất của Robertson bám theo, ít ra cũng đừng bám theo trong một khoảng thời gian. Một khi dính vào cơn điên phá hoại, yêu tinh thường mất kiểm soát đến khi chúng vắt kiệt sức mình và bỏ đi trong tình trạng rối bời để lại trôi dạt đến một vùng ăn năn nằm giữa thế giới này và thế giới tiếp theo.

CHƯƠNG 51

Tại cửa hàng nơi tôi đã mua No-Doz và Pepsi, tôi mua thêm một chai nước ngọt, thuốc sát trùng Bactine và một hộp băng keo cá nhân loại miếng dán lớn.

Tay thu ngân, một anh chàng mang khuôn mặt đầy vẻ ngạc nhiên, đặt mục thể thao trong tờ *Thời báo Los Angeles* sang bên và lên tiếng. “Này, cậu đang bị chảy máu đấy.”

Tỏ ra lịch sự không chỉ là cách đúng đắn để đáp trả người khác mà còn là cách dễ nhất. Cuộc sống đã quá nhiều xung đột và tôi thấy không lý gì lại đi gây thù chuốc oán thêm nữa.

Tuy nhiên vào lúc đó, tôi đang trong tâm trạng khó chịu hiếm gặp. Thời gian đang trôi qua vùn vụt với tốc độ khủng khiếp, giờ nổ súng nhanh chóng rút lại gần kề mà tôi vẫn không có cái tên nào để gán cho đồng bọn của Robertson.

“Cậu có biết cậu đang bị chảy máu không?” anh ta hỏi.

“Tôi đã nghi là sẽ bị.”

“Trông khiếp quá.”

“Tại tôi.”

“Trán cậu sao thế?”

“Cái nữa.”

“Cái nữa ư?”

“Đúng vậy. Phải chi tôi ăn bằng muỗng.”

“Cậu lấy nữa đâm mình à?”

“Nó bay trượt lên.”

“Bay trượt lên ư?”

“Cái nĩa đó.”

“Cái nĩa bay trượt lên à?”

“Nó phóng lên trán tôi.”

Ngừng đếm tiền trả lại, anh ta nheo mắt nhìn tôi.

“Đúng vậy,” tôi nói. “*Một* cái nĩa trượt trúng trán tôi.”

Anh ta quyết định không dây dưa thêm với tôi. Anh ta trả tiền thừa, gói hàng và quay lại với trang thể thao.

Trong phòng vệ sinh nam tại trạm xăng kế bên, tôi rửa khuôn mặt máu me, lau vết thương, khử trùng bằng chai xịt Bactine rồi dè miếng gạc giấy vệ sinh lên. Mấy lỗ thủng và vết trầy không sâu, máu chẳng bao lâu đã ngừng chảy.

Đây không phải lần đầu, cũng không phải lần cuối, tôi ước ao năng lực siêu nhiên của mình bao hàm luôn cả sức mạnh tự chữa lành.

Dán băng keo cá nhân xong, tôi về lại chỗ chiếc Chevy. Ngồi sau vô lăng, bật động cơ, máy điều hòa phà ngay mặt, tôi nốc Pepsi mát lạnh.

Chỉ có tin xấu trên đồng hồ đeo tay của tôi - 10:48.

Cơ bắp ê ẩm. Mắt đau xốn. Tôi cảm thấy mệt mỏi, yếu đuối. Có thể mưu kế của tôi không chuyển sang chế độ chạy chậm, như bề ngoài của nó, nhưng tôi không thích cơ hội đối đầu một-một với đồng bọn của Robertson, kẻ chắc hẳn tận hưởng đêm ngon giấc hơn hẳn tôi.

Tôi uống hai viên caffeine cách đây chưa quá một tiếng, thế nên tôi không thể ực thêm hai viên. Vả lại, axit có sẵn trong bao tử tôi đã lên men thành chất ăn mòn đủ sức gặm nhấm cả thép, đồng thời tôi kiệt sức và hay giật mình, đây không phải tình trạng có lợi cho việc đấu tranh để sống còn.

Tuy không có đối tượng nào, không tên, không tướng mạo, làm điểm nhắm cho sức hút siêu linh, nhưng tôi vẫn lái xe hú họa đi khắp thị trấn Pico Mundo, hy vọng đến một nơi giúp khai sáng.

Sa mạc chói lóa thiêu đốt đến tột độ. Đến không khí dường như cũng nằm trên đồng lửa, như thể mặt trời, theo vận tốc ánh sáng, cách Trái đất chưa đầy tám phút rưỡi, đã cưỡi mô tô đua đến đây tám phút trước, trao cho chúng tôi không gì ngoài cái nhìn trùng trùng làm hoa cả mắt như lời cảnh báo ngắn gọn về cái chết nhanh chóng sắp xảy ra.

Từng tia sáng lóe lên, lung linh vụt qua kính chắn gió như để đàn áp mắt tôi. Tôi không mang mắt kính. Ánh mắt nung nấu ấy nhanh chóng gây ra cơn nhức đầu mà khi so sánh thì vết nứt trên trán có vẻ chỉ còn là cảm giác ngứa ngứa.

Rẽ băng quơ từ đường này sang đường khác, tin vào trực giác dẫn dắt, tôi thấy mình đến Trang trại Shady, một trong những khu dân cư mới tại vùng đồi thị trấn Pico Mundo mà cách đây một thập kỷ, nơi đây chứa chấp không thứ gì nguy hiểm hơn bọn rắn chuông. Giờ dân chúng sống tại đây, và có lẽ một trong số đó là tên quái biến thái đang bày mưu giết người hàng loạt trong thú vui cao cấp hơn mức trung lưu ở vùng ngoại ô.

Trang trại Shady chưa bao giờ là trại chăn nuôi loài nào; giờ cũng vậy, trừ khi bạn gộp nhà ở lại thành một bầy. Về phần bóng mát, vùng đồi này có ít bóng mát hơn hầu hết các khu lân cận trong trung tâm thị trấn vì cây cối còn lâu mới cao lớn.

Tôi đậu xe trên lối vào nhà bố tôi nhưng không tắt máy ngay. Tôi cần thời gian lấy can đảm cho lần đối mặt này.

Như những ngôi nhà khác tại đây, ngôi nhà theo phong cách Địa Trung Hải có ít nét đặc sắc. Thấp dưới mái nhà lợp ngói đỏ là mặt tiền không trang trí, trát vữa màu be và kính gắn vào nhau tại những góc bình thường không cần nhờ đến kiến trúc sư đại tài mà chỉ cần căn theo kích thước và hình dáng lô đất.

Cúi gần hơn khe thoát hơi mát, tôi nhắm mắt đón luồng khí lạnh. Ánh sáng ma trôi trôi dạt qua sau mi mắt tôi, những ký ức khắc vào võng mạc về cái nhìn trùng trùng của sa mạc, sau đó lắng dịu một cách kỳ lạ trong giây lát đến khi vết thương trên ngực Robertson trôi lên từ vùng ký ức sâu hơn.

Tôi tắt động cơ, ra khỏi xe, đi đến ngôi nhà của bố và bấm chuông.

Buổi sáng giờ này, rất nhiều khả năng ông có mặt tại nhà. Ông chưa bao giờ làm việc một ngày nào trong đời và hiếm khi rời khỏi giường trước chín, mười giờ.

Bố mở cửa, kinh ngạc khi thấy tôi. “Odd, con đâu có gọi điện báo là sẽ đến.”

“Dạ phải,” tôi tán thành. “Con không gọi.”

Bố tôi bốn mươi lăm tuổi, phong độ với mái tóc dày, phần đen vẫn còn nhiều hơn phần bạc. Ông có thân hình lực lưỡng săn chắc mà ông tự hào đến mức kiêu căng.

Chân trần, mặc độc cái quần đùi kaki xệ xuống ngang hông. Làn da rám nắng được cần mẫn thoa dầu, lên màu nổi bật, giữ lâu nhờ kem dưỡng.

“Sao con đến đây?” bố tôi hỏi.

“Con không biết.”

“Trông con không khỏe lắm.”

Bố tôi lùi khỏi cửa một bước. Ông sợ bệnh tật.

“Con không bị ốm,” tôi cam đoan với ông. “Chỉ mệt rũ rời thôi. Mất ngủ. Con vào được không?”

“Bố chẳng có việc gì nhiều, chỉ mới ăn sáng xong, sắp đi bắt vài con cá đuối.”

Bất kể đó có phải lời mời hay không, tôi cũng không để tâm, tôi cứ thế bước qua ngưỡng cửa, đóng lại sau lưng.

“Britney đang trong bếp,” bố nói và dẫn tôi ra đằng sau.

Màn cửa được kéo kín mít, các căn phòng nằm thẳng hàng với bóng mát xa xỉ.

Tôi đã nhìn thấy nơi này vào lúc sáng sớm hơn. Trang hoàng đẹp đẽ. Bố tôi có phong cách và yêu sự an nhàn sung túc.

Ông thừa kế một quỹ ủy thác dồi dào. Khoản tiền rủng rỉnh hàng tháng chu cấp cho lối sống mà nhiều người phải ganh tị.

Tuy đã có nhiều nhưng bố tôi khao khát nhiều hơn. Ông ao ước được sống sướng hơn hiện tại. Và bực dọc trước những điều khoản của quỹ quy định ông phải sống bằng tiền lời và không được phép đụng đến tiền vốn.

Ông bà nội tôi đã sáng suốt khi để lại di sản cho bố theo các điều khoản trên. Nếu có thể chạm tay vào khoản tiền vốn thì bố tôi đã thành kẻ bần hàn không nhà từ lâu rồi.

Ông đẩy ắp các kế hoạch làm giàu nhanh, kế hoạch mới nhất là bán đất trên mặt trăng. Nếu có thể tự tung tự tác quản lý mớ của cải, ông sẽ mất kiên nhẫn với số tiền lời mười hay mười lăm phần trăm trong tổng vốn đầu tư và sẽ liều mạng đổ cả đồng tiền vào những dự án bấp bênh, hy vọng tiền sinh sôi gấp đôi gấp ba chỉ trong một đêm.

Gian bếp lớn, trang bị đồ dùng chất lượng nhà hàng và đủ loại dụng cụ làm bếp có trên đời, dù rằng một tuần ông ra ngoài ăn tối hết sáu bảy ngày.

Sàn gỗ, tủ gỗ theo phong cách trên tàu với bốn góc vạt tròn, kệ bếp lát đá granit và các vật dụng thép không gỉ góp phần vào không gian bóng bẩy và lộng lẫy.

Britney cũng bóng bẩy và lôi cuốn theo kiểu khiến bạn sờn gai ốc.

Khi bố và tôi vào bếp, cô ả đang đứng khuyu một chân bên cửa sổ, nhấm nháp ly rượu sâm banh buổi sáng và dán mắt ra chỗ những tia nắng như bày rần uốn éo ngoằn ngoèo giăng ngang mặt hồ bơi.

Bộ áo tắm hai mảnh dây nhợ mỏng manh của ả nhỏ xíu đủ để kích thích mấy tay biên tập viên chán ngắt của tạp chí *Hustler*, nhưng ả mặc đẹp đủ để làm bìa tạp chí *Sports Illustrated* giới thiệu áo tắm.

Ả mười tám nhưng trông trẻ hơn. Đây là tiêu chuẩn cơ bản của bố tôi về phụ nữ. Bọn họ không bao giờ quá hai mươi và lúc nào cũng trông trẻ hơn tuổi thật.

Vài năm trước, bố dính vào rắc rối khi ăn ở với một con bé mới mười sáu. Ông khẳng định không hề biết tuổi thật của con bé. Vị luật sư biện hộ có mức giá ngất trời đã nhét thêm tiền cho con bé và bố mẹ con bé tha cho bố tôi khỏi phải chịu nỗi sỉ nhục của một tù nhân da xanh xao và tóc cắt ngắn.

Thay vì chào hỏi, Britney tặng tôi vẻ mặt sưng sứa và khó chịu. ả hướng sự chú ý trở về hồ bơi lốm đốm tia nắng.

Ả bực tức với tôi vì nghĩ bố sẽ cho tôi khoản tiền mà lẽ ra bố cho ả. Mỗi bận tâm này thật vô căn cứ. Bố sẽ không bao giờ chìa cho tôi một xu và tôi cũng sẽ không bao giờ nhận một đồng nào hết.

Tốt hơn ả nên lo về hai điều: thứ nhất, ả đã ở với bố tôi năm tháng; thứ hai, trung bình một mối tình của bố kéo dài từ sáu đến chín tháng. Với sinh nhật thứ mười chín đang lù lù tiến đến thì chẳng mấy chốc ả sẽ trông già hơn bố tôi.

Cà phê đã pha. Tôi xin một cái tách, tự rót và ngồi xuống ghế ở quầy rượu nằm ngay giữa bếp.

Luôn bồn chồn với sự có mặt của tôi, bố đi quanh căn phòng, rửa ly rượu của Britney khi ả đã uống cạn, lau cái kệ bếp không cần lau, chỉnh sửa vị trí mấy cái ghế ở bàn ăn sáng.

“Con sẽ làm đám cưới vào thứ Bảy,” tôi thông báo.

Chuyện này khiến bố kinh ngạc. Bố cưới mẹ chỉ một thời gian ngắn và hối tiếc về điều đó trong suốt những giờ tuyên thệ. Hôn nhân không hợp với ông.

“Với con bé Llewellyn hả?” ông hỏi.

“Dạ phải.”

“Đó có phải ý hay không?”

“Đó là ý tưởng tuyệt nhất con từng nghĩ ra.”

Britney rời mắt khỏi cửa sổ, quay lại nhìn tôi chăm chú với cặp mắt nhỏ và sáng mang vẻ xết nét. Đối với cô ả, đám cưới đồng nghĩa với tặng phẩm, quà của bố mẹ, và cô ả sẵn sàng bảo vệ quyền lợi của mình.

Ả không làm tôi giận chút nào. Ả khiến tôi buồn, vì tôi có thể nhìn thấy tương lai hết sức khốn khổ của ả mà chẳng cần đến giác quan thứ sáu.

Thú thật, ả còn khiến tôi sợ đôi chút, bởi ả ủ rũ và nhanh chóng nổi giận. Tệ hơn nữa, mức độ trọn vẹn và dữ dội của lòng tự trọng nơi ả bảo đảm rằng ả chưa bao giờ e sợ, rằng ả không thể tưởng tượng ra việc chịu đựng những hậu quả đau đớn về các hành vi đã làm.

Bố tôi thích phụ nữ ủ rũ, những người mang cơn giận kìm nén không nguôi ngay dưới vẻ mặt. Trạng thái buồn rầu biểu thị rối loạn tâm lý càng nhiều bao nhiêu, chúng càng kích thích bố tôi bấy nhiêu. Tình dục không đi kèm hiểm nguy đối với ông chẳng còn hứng thú gì.

Tất cả nhân tình của bố đều đáp ứng tiêu chí này. Ông không bỏ nhiều công sức tìm kiếm họ; như thế cảm nhận được nhu cầu của ông, bị thu hút bởi mùi hương và rung động, họ tìm thấy ông với mức độ đều đặn đáng tin cậy.

Bố từng nói với tôi rằng một phụ nữ càng ủ ê bao nhiêu thì khi lên giường sẽ càng nóng bỏng bấy nhiêu. Đó là kiểu lời khuyên của bố mà tôi có thể sống không cần đến nó.

Bây giờ, trong lúc tôi rót cà phê vào chai Pepsi, bố cất giọng, “Con bé Llewellyn có thai đúng không?”

“Dạ không.”

“Con còn quá trẻ để kết hôn,” bố nói. “Tuổi của bố, đó mới là lúc để ổn định.”

Bố nói điều này vì lợi ích của Britney. Bố sẽ không bao giờ cưới ả. Về sau, ả sẽ nhớ điều đó như một lời hứa. Khi bố bỏ rơi ả, cuộc chiến sẽ còn bi tráng hơn cả trận đấu giữa Godzilla với Mothra.

Sớm muộn gì, một trong những cô nàng nóng bỏng của bố, trong cơn đau khổ, cũng sẽ làm bị thương hoặc giết chết bố. Tôi tin rằng trong sâu thẳm, dù theo tiềm thức, bố cũng biết điều đó.

“Cái gì trên trán đấy?” Britney hỏi.

“Bằng cá nhân.”

“Say rượu té ngã hay do cái khác?”

“Cái khác.”

“Đánh nhau à?”

“Không. Một vết thương nghề nghiệp do nĩa gây ra.”

“Một cái gì?”

“Nĩa trượt trúng trán.”

Sự điệp âm có vẻ khiến người ta khó chịu. Vết mặt cô ả đánh lại. “Ăn trứng cái quái quỷ gì thế hả?”

“Đầy ngập caffeine,” tôi tự nhận.

“Caffeine, ôi trời.”

“Pepsi cà phê và No-Doz. Sôcôla nữa. Sôcôla chứa caffeine. Vài cái bánh quy sôcôla. Bánh rán sôcôla.”

Bố lên tiếng. “Thứ Bảy không được rồi. Bố không thể thu xếp vào ngày thứ Bảy. Bố và cô ấy có những kế hoạch khác không hoãn được.”

“Được rồi,” tôi nói, “con hiểu mà.”

“Giá như con báo sớm hơn.”

“Không sao. Con không mong bố có thể thu xếp đến dự được.”

“Dở hơi mà đi báo tin đám cưới chỉ ba ngày trước bữa tiệc,” Britney lầm bầm.

“Bình tĩnh nào,” bố khuyên can ả.

Guồng máy tâm lý của ả không còn chạy ung dung nữa. “Ôi, khổ thật, đúng là đồ quái gở.”

“Làm vậy thật sự chẳng ích gì đâu,” bố khiển trách nhưng bằng giọng ngọt như mía lùi.

“Thật là vậy mà,” ả khẳng khái. “Chúng ta chẳng đã nói về chuyện này cả trăm ngàn lần rồi

sao. Không có xe hơi, sống trong ga ra...”

“Trên ga-ra,” tôi chỉnh lại.

“... ngày nào cũng mặc đúng một thứ đồ, làm bạn với hết thầy lũ bất tài trong thị trấn, một kẻ mong muốn trở thành cảnh sát giống như thằng bụng nước lãng xăng, chạy quanh đội cầu thủ bóng đá, và đúng là quái gở hết mức...”

“Đừng gây gổ vì con,” tôi lên tiếng.

“... hết mức quái gở, cái cách đi đến đây mở miệng nói chuyện, nào là đám cưới, rồi vết thương nghề nghiệp do nĩa gây ra. Xin phép đi.”

“Tôi quái gở,” tôi nói một cách chân thành. “Tôi thừa nhận, chấp thuận điều đó. Chẳng lý do gì để gây gổ. Bình tâm đi.”

Bố tôi không thể giả vờ như thật khiến người khác tin lời khi ông nói, “Đừng nói vậy. Con không phải kẻ quái gở.”

Bố không biết năng lực siêu nhiên của tôi. Lên bảy tuổi, khi giác quan thứ sáu yếu kém và chậm chạp lúc trước đó của tôi trở nên mạnh mẽ và bền bỉ, tôi đã không chạy đến chỗ ông xin lời khuyên.

Tôi giấu biến bố về sự khác biệt của mình một phần vì tôi nghĩ ông sẽ liên tục ép tôi chọn ra những tấm vé số trúng thưởng, điều tôi không thể làm được. Tôi nghĩ ông sẽ khoe tôi trước giới truyền thông, đánh cược năng lực của tôi trên chương trình TV, hay thậm chí bán cổ phiếu về tôi cho những tay đầu cơ sẵn lòng tài trợ chương trình tự giới thiệu và một tên đồng bóng.

Ra khỏi ghế, tôi nói. “Con nghĩ giờ có lẽ con biết tại sao mình đến đây rồi.”

Khi tôi bắt đầu hướng đến cửa bếp, bố đi theo. “Bố thật lòng ước gì con chọn ngày thứ Bảy khác.”

Quay lại nhìn mặt ông, tôi nói, “Con nghĩ con đến đây vì con sợ đến chỗ mẹ.”

Britney bước đến sau bố, áp sát thân hình gần như khóa thân của ả vào người bố. ả vòng tay quanh người ông, bàn tay đặt trên ngực ông. Ông không cố đẩy ả ra.

“Có một chuyện con đang vướng mắc,” tôi lên tiếng, đúng ra là nói với chính mình nhiều hơn với hai người kia. “Một chuyện con cực kỳ, cần biết... hoặc cần làm. Và vì lý do nào đó, theo cách nào đó, nó liên quan đến mẹ. Biết đâu mẹ có câu trả lời.”

“Câu trả lời ư?” bố lên giọng hoài nghi. “Con biết quá rõ mẹ con là nơi khó tìm thấy câu trả

lời nhất mà.”

Đứng sau vai trái của bố cười ranh mãnh, Britney trượt bàn tay chậm chậm lên, xuống bộ ngực vạm vỡ và vòng bụng phẳng lì của ông.

“Ngồi đi,” ông nói. “Bố sẽ rót cho con một ly cà phê khác. Con có vấn đề gì cần nói thì nói đi.”

Bàn tay phải của Briney di chuyển từ từ trên bụng bố, mấy ngón tay đùa nghịch bên dưới cặp quần đùi kéo trễ xuống hông của ông.

Bố muốn tôi thấy sự thèm muốn mà ông khơi lên được ở cô nàng trẻ trung căng tràn sức sống ấy.

Bố tự hào về sinh lực của mình và niềm tự hào ấy dữ dội đến mức lấp đầy tâm trí ông, khiến ông hoàn toàn không nhận ra sự bê mặt của con trai mình.

“Hôm qua là ngày giỗ của Gladys Presley,” tôi nói. “Con trai bà ấy khóc như mưa suốt nhiều ngày sau khi mất mẹ, và ông đau buồn ra mặt cả năm trời.”

Thoáng khó chịu tạo ra vết hằn mờ nhạt trên vầng trán tiêm Botox của bố, thế nhưng Britney quá mải mê với trò chơi của ả nên không chú ý đến những lời tôi nói. Cặp mắt ả sáng rực bởi cái gọi là nô đùa hay niềm vui chiến thắng trong lúc tay phải của ả dấn tuột sâu hơn trên chiếc quần đùi kaki của bố.

“Ông ta cũng thương bố mình. Mai là ngày giỗ của Elvis. Con nghĩ con sẽ cố đến thăm và nói cho ông biết ông ấy đã may mắn biết bao ngay từ ngày được sinh ra.”

Tôi bước ra khỏi bếp, ra khỏi nhà.

Bố không đi theo. Tôi không mong bố đi theo.

CHƯƠNG 52

Mẹ tôi sống trong ngôi nhà xinh xắn mang kiến trúc thời Victoria tại một khu phố lịch sử của thị trấn Pico Mundo. Bố được thừa kế nó từ ông bà nội.

Khi ly dị, mẹ nhận được nơi ở đẹp đẽ này cùng mọi thứ bên trong và khoản trợ cấp đáng kể điều chỉnh theo mức giá sinh hoạt. Vì mẹ chưa bao giờ và gần như không bao giờ tái hôn nên sẽ không được trợ cấp khoản tiền đó suốt đời.

Hào phóng không phải cơn bốc đồng thứ nhất, thứ hai hay cuối cùng của bố. Bố dàn xếp một cuộc sống thoải mái cho mẹ chỉ đơn thuần vì sợ mẹ. Bực tức trước việc phải chia bớt thu nhập hàng tháng từ quỹ ủy thác cho mẹ nhưng bố không có can đảm để làm ngay cả chuyện thương lượng với mẹ, thông qua luật sư. Mẹ nhận được khá nhiều mọi thứ bà yêu cầu.

Bố trả tiền để được yên thân và để có cơ hội mới tìm hạnh phúc (như bố nói).

Và ông bỏ tôi lại sau lưng khi tôi mới tròn một tuổi.

Trước khi bấm chuông, tôi quét tay quay xích đu ngoài hiên để chắc chắn là nó sạch sẽ. Có thể trong lúc trò chuyện, mẹ sẽ ngồi trên xích đu còn tôi ngồi lên hàng rào ngoài hiên.

Mẹ và tôi luôn gặp nhau ngoài trời. Tôi tự hứa với lòng sẽ không bao giờ bước chân vào ngôi nhà đó lần nữa, cho dù tôi sẽ sống lâu hơn mẹ.

Sau khi bấm chuông hai lần không ai trả lời, tôi đi vòng ra sân sau.

Khu đất sâu vào trong. Hai câu sồi California to lớn đứng sừng sững ngay sau nhà, cùng xòia bóng rộng khắp nhưng không che phủ hết. Xa xa phía cuối khu đất, mặt trời chiếu thẳng xuống vườn hồng.

Mẹ tôi đang cúi húi giữa mấy bụi hoa. Như quý bà thời xưa, mẹ mặc đầm màu vàng và đội mũ vành vành cùng tông.

Tuy vành mũ che mặt mẹ nhưng tôi có thể thấy vẻ đẹp hiếm có của bà không lu mờ trong suốt bốn tháng qua, kể từ lần cuối tôi ghé thăm.

Mẹ lấy bố khi bà mười chín, còn ông hai mươi bốn tuổi.

Hiện giờ bà bốn mươi nhưng nhìn như mới hơn ba mươi.

Bức ảnh chụp ngày cưới cho thấy một thiếu nữ mười chín trông như mới mười sáu, đẹp mê hồn, cực kỳ dịu dàng trong chiếc áo cô dâu. Những cô nàng sau này của bố không ai sánh kịp với vẻ đẹp của mẹ tôi.

Thậm chí giờ đây, khi mẹ đã bốn mươi, nếu để mẹ ở chung phòng với Britney, bà mặc đầm còn cô ả mặc đồ tắm thiếu vải thì hầu hết đàn ông sẽ ùa đến chỗ mẹ trước tiên. Và nếu khi đó mẹ có tâm trạng, bà sẽ khiến bọn họ mê mết đến độ tưởng như bà là người phụ nữ duy nhất nơi ấy.

Tôi đến gần trước khi bà kịp nhận ra có người. Bà ngẩng lên, đứng thẳng dậy và chớp mắt nhìn tôi giây lát như thể tôi là ảo ảnh do sức nóng tạo ra.

Và rồi bà nói, “Odd, con trai cưng, kiếp trước con hẳn là mèo mới rón rén đi khắp sân như vậy được.”

Tôi gắng gượng nặn ra một nụ cười thoáng qua. “Chào mẹ. Mẹ đẹp tuyệt.”

Mẹ cần lời khen, nhưng thực tế chưa bao giờ trông bà dưới mức tuyệt đẹp.

Nếu mẹ là người xa lạ, biết đâu tôi còn thấy bà xinh đẹp hơn bội phần. Đối với tôi, quá khứ chung giữa hai mẹ con đã làm giảm bớt vẻ lộng lẫy của bà.

“Đến đây nào, con yêu, nhìn những đóa hoa rực rỡ này xem.”

Tôi bước vào vườn hồng, lối đi lát đá phủ đầy bụi và kêu lạo xạo dưới chân.

Vài bông hoa trưng ra mấy cái cánh đỏ chót. Các đóa hoa khác như những cái bát màu cam, cái tách màu vàng chứa đầy nắng hè. Sắc hồng, sắc tím, hồng phớt, khu vườn không ngừng được trang hoàng dành cho tiệc tùng.

Mẹ hôn lên má tôi. Môi bà không lạnh như tôi luôn mong đợi.

Kể tên đủ loại, mẹ nói: “Đây là hoa hồng John F. Kennedy. Cực đẹp đúng không?”

Dùng một tay, mẹ nhẹ nhàng nâng đóa hoa nở rộ nặng đến mức nghiêng xuống thân cây oằn cong.

Trắng bệch như bộ xương bị mặt trời tẩy rửa, thoáng chút sắc xanh mờ nhạt, những cánh hoa lớn này không mỏng manh mà dày mịn khác thường.

“Chúng trông như nặn từ sáp,” tôi nói.

“Chính xác. Chúng thật hoàn hảo phải không con? Mẹ yêu tất cả hoa hồng, nhưng mấy đóa này thì mẹ yêu hơn hẳn.”

Không phải vì mẹ yêu thích loại hoa hồng này nên tôi thích chúng *ít hơn* so với những loại khác.

Sự hoàn hảo của chúng gây cho tôi cảm giác giả tạo. Những nếp gấp của cánh hoa đập vào mắt hứa hẹn điều bí ẩn và vui thích ẩn trong nhụy hoa bị che khuất chính giữa, nhưng có vẻ đó là lời hứa giả dối, vì màu trắng bệch lạnh lùng cùng vẻ cứng nhắc như sáp kia, và thiếu hẳn hương thơm, gọi nên không phải sự thuần khiết hay đam mê mà chỉ toàn là chết chóc.

“Một cành cho con,” mẹ nói, rút ra khỏi túi áo đầm một cây kéo nhỏ dùng để cắt hoa.

“Không, mẹ đừng cắt. Cứ để nó mọc ở đó đi. Đưa cho con phí lắm.”

“Vớ vẩn. Con phải tặng nó cho bạn gái. Nếu trao đúng lúc, một đóa hồng đơn lẻ có thể bày tỏ tình cảm của chàng trai rõ ràng hơn cả một bó hoa.”

Bà cắt ra cành hoa dài hơn một tấc.

Tôi để tay bên dưới cách đế hoa không bao xa, kẹp cành hoa bằng ngón cái và ngón trỏ, giữa những cái gai cao nhất.

Liếc nhìn đồng hồ đeo tay, tôi thấy ánh mặt trời tạm lắng và những bông hoa ngát hương chỉ khiến thời gian dường như trôi qua lẽ mề, trong khi thực chất nó đang phóng vù vù.

Biết đâu thậm chí ngay lúc này, tên đồng bọn của Robertson đang lái xe đến điểm hẹn tội ác.

Đi dọc vườn hoa với dáng yêu kiều như bà hoàng và nụ cười hiền hậu vương giả, thích thú ngắm nhìn những cái đầu cúi chào của đám thần dân đủ màu sắc, mẹ cất giọng, “Mẹ rất mừng con đã ghé chơi, con yêu. Nhân dịp gì vậy?”

Đi lùi một bước sau lưng mẹ, tôi nói, “Con không biết chính xác. Con có vấn đề này...”

“Chúng ta không cho phép vấn đề nào ở đây,” bà nói bằng giọng phản đối dịu nhẹ. “Từ lối đi phía trước cho đến hàng rào phía sau, ngôi nhà và mảnh đất này là vùng miễn lo âu.”

Nhận thức được rủi ro nhưng dù sao tôi đã đưa mẹ và tôi vào vùng nguy hiểm. Lớp đá dưới chân như biến thành cát lún trì nứ.

Tôi không biết cách nào khác để tiếp tục câu chuyện. Tôi không có thời gian chơi đùa theo luật của bà.

“Có chuyện con cần nhớ ra hay một chuyện lẽ ra con nên làm,” tôi nói, “nhưng con gặp vướng mắc. Trực giác đưa con đến đây vì... con nghĩ bằng cách nào đó mẹ có thể giúp con phát hiện ra điều gì bỏ sót.”

Về phần mẹ, những lời của tôi chỉ dễ hiểu hơn những câu lắp bắp sai ngữ pháp. Giống như bố, mẹ chẳng biết gì về năng lực siêu nhiên của tôi.

Khi còn nhỏ, tôi đã nhận ra rằng nếu phức tạp hóa cuộc đời của mẹ bằng sự thật về tình trạng của tôi thì sự căng thẳng quá mức của hiểu biết ấy sẽ là cái chết của mẹ. Hoặc cái chết của tôi.

Bao giờ cũng vậy, mẹ theo đuổi một cuộc sống tuyệt đối không căng thẳng, không tranh cãi. Mẹ không thừa nhận bốn phận đối với ai, không gánh vác trách nhiệm đối với ai khác ngoài bản thân mình.

Bà chẳng bao giờ gọi đó là ích kỉ. Với bà, như thế là tự bảo vệ, vì bà thấy thế giới đòi hỏi khắt khe quá sức, hơn mức bà có thể chịu đựng.

Nếu ôm trọn cuộc sống này với toàn bộ những mâu thuẫn của nó, mẹ sẽ mắc chứng suy nhược. Thế nên, mẹ chế ngự thế giới bằng mọi trù tính lạnh lùng của một người chuyên quyền nhân tâm, đồng thời gìn giữ sự minh mẫn bất bênh bằng cách bọc quanh mình cái kén thờ ơ lãnh đạm.

“Có thể nếu mẹ con ta nói chuyện một lát,” tôi nói, “sau đó con có thể hiểu ra tại sao con đến đây, tại sao con lại nghĩ mẹ có thể giúp con.”

Tâm trạng của bà chuyển biến nhanh trong chớp mắt. Quý bà yêu hoa hồng quá yếu đuối đến mức không thể xử lý thách thức này và nhân vật hờn hờ rút lui nhường chỗ cho một nữ thần điên tiết.

Mẹ nhìn tôi với ánh mắt cay cú, đôi môi mím chặt và tái mét, như thể chỉ cần một cái nhìn dữ tợn là có thể tống cổ tôi đi.

Trong các tình huống thông thường, mỗi cái nhìn đó thôi thật sự cũng khiến tôi chuồn gáp.

Thế nhưng ánh mặt trời gay gắt gần đứng bóng, nhanh chóng đẩy chúng tôi đến gần hơn giờ nổ súng. Tôi không dám quay trở ra đường phố oi nồng của thị trấn Pico Mundo mà không có một cái tên hay mục đích nào để tập trung sức hút siêu linh.

Khi nhận thấy tôi sẽ không lập tức bỏ đi để bà yên ổn hưởng thú điền viên, bà cất giọng lạnh

tanh rôm rốp như nước đá, “Ông ta bị bắn vào đầu, con biết mà.”

Lời tuyên bố này khiến tôi hoang mang, nó hãy còn có cả mối liên kết thần bí với vụ thảm sát đang đến gần mà tôi mong có thể chặn đứng.

“Ai cơ?” tôi hỏi.

“John F. Kennedy.” Mẹ đưa ra cái tên trùng tên hoa hồng. “Chúng bắn vào đầu ông ấy làm não phọt ra.”

“Mẹ,” tôi lên tiếng, dù hiếm khi dùng cụm từ đó trong cuộc trò chuyện với bà, “chuyện này khác. Lần này mẹ phải giúp con. Nếu không mọi người sẽ chết.”

Có lẽ đó là điều tệ hại nhất mà tôi thốt ra. Mẹ không động lòng trước việc phải có trách nhiệm với mạng sống của người khác.

Bà chộp lấy cành hoa hồng đã cắt cho tôi, tóm chặt vào bông hoa và tước nó khỏi tay tôi.

Vì không nhanh tay buông ra kịp nên cành hoa cào xước giữa mấy ngón tay tôi và một cái gai chọc thủng mặt trong ngón cái, lấy đi mẩu da.

Bà vò nát bông hoa rồi quẳng xuống đất, quay đi và sải bước vào nhà.

Tôi không bỏ cuộc. Tôi đuổi kịp bà, đi bên cạnh, nài xin vài phút trò chuyện để có thể làm đầu óc tôi sáng ra và giúp tôi hiểu lý do đến đây, trong số mọi địa điểm, vào giờ phút nguy cấp này.

Mẹ vội vã, tôi vội vã theo. Lúc đến bậc thềm ngoài hiên sau, bà bỏ chạy, phần váy đầm bay sột soạt như đôi cánh, một tay bà giữ cái mũ trên đầu.

Cánh cửa lưới đóng sầm lại khi bà biến mất vào nhà. Tôi dừng bước ngoài hiên, miễn cưỡng không muốn vào trong.

Ân hận đã làm phiền mẹ nhưng tôi cảm thấy chính mình phiền muộn và tuyệt vọng.

Tôi nói vọng qua cửa lưới, “Con không đi đâu. Lần này con không đi được. Con chẳng còn chỗ nào để đi.”

Mẹ không trả lời. Phía bên kia cửa lưới, gian bếp có màn che nằm trong bóng tối, im ắng đến mức không thể che giấu người mẹ đau khổ của tôi. Bà đã vào sâu hơn trong nhà.

“Con sẽ ở ngoài hiên này,” tôi hét to. “Con sẽ đợi ở đây. Suốt cả ngày nếu buộc phải làm vậy.”

Tim đập thành thịch, tôi ngồi bệt xuống dưới hiên, chân đặt lên bậc trên cùng, quay mặt khỏi cửa bếp.

Sau đó, tôi nhận ra ắt hẳn mình đến nhà mẹ, trong tiềm thức chưa ý định khơi ra chính xác phản ứng này và nhanh chóng dồn bà đến thái độ phòng thủ cơ bản trước trách nhiệm. Súng ống.

Thế nhưng giây phút ấy, cơn hỗn loạn là bạn đồng hành của tôi còn sự tỉnh táo dường như đã vượt khỏi tầm tay.

CHƯƠNG 53

Cái gai nhú khỏi ngón cái. Tôi giật nó ra nhưng lỗ thủng gây ra chảy máu vẫn nhói buốt như “tặng” tôi thêm một vết nhiễm trùng.

Hồ thẹn, ngồi ngay thềm nhà mẹ mình, tôi cảm thấy tủi thân như đó không phải là một cái gai mà là cả bụi gai nhọn.

Lúc nhỏ, khi bị đau răng, tôi không thể trông đợi được mẹ dỗ dành.

Mẹ luôn gọi bố hay một người hàng xóm nào đó đưa tôi đi nha sĩ, trong lúc ấy, bà rút vào phòng riêng và khóa trái cửa. Bà ẩn náu ở đó một hai ngày cho đến lúc chắc rằng tôi không còn kêu ca bệnh tật gì mà bà phải quan tâm nữa.

Cơn sốt nhẹ hay chứng viêm họng hành hạ tôi là cơn khủng hoảng mà mẹ tôi không thể giải quyết. Năm lên bảy, đau đốn do viêm ruột thừa, tôi gục ngã tại trường và được tức tốc đưa đến bệnh viện; nếu tình trạng của tôi trở nặng khi ở nhà, chắc mẹ tôi để tôi đi đòi trong phòng khi bà còn đang bận rộn với chồng sách nội dung nhẹ nhàng, nhạc êm dịu và các sở thích thượng lưu khác nhằm nặn ra một “thế giới hoàn hảo” của riêng bà.

Những nhu cầu tình cảm, niềm vui nỗi buồn, hoài nghi và hy vọng, khổ sở và lo âu của tôi là việc của riêng của mình tôi khám phá và giải quyết, không hề có sự chỉ bảo hay cảm thông của mẹ. Hai mẹ con chỉ nói về những điều không khiến mẹ tôi bối rối hoặc không tạo cho mẹ cảm giác buộc phải hướng dẫn dìu dắt.

Mười sáu năm sống chung một mái nhà mà như sống tại hai thế giới song song hiếm khi giao thoa. Đặc trưng nổi bật thời thơ ấu của tôi là nỗi cô đơn giày vò và hàng ngày vật lộn để tránh né cảm giác trong tâm hồn mà nỗi cô đơn tẻ nhạt gây ra.

Vào những thời điểm dữ dội, khi sự việc buộc hai thế giới song song kia phải giao nhau trong các cơn khủng hoảng mà mẹ tôi không thể chịu nổi và không dễ thoái lui, mẹ chắc chắn cầu viện đến cùng một công cụ kiểm soát. Khẩu súng. Mỗi kinh hãi về những cuộc chạm trán đen tối ấy và tội lỗi sau đó khiến tôi thà chọn nỗi cô đơn còn hơn bất cứ sự tiếp xúc nào đưa mẹ vào trạng thái khốn cùng.

Hiện giờ, trong lúc đang ấn chặt ngón tay cái và ngón trỏ vào với nhau để ngăn máu chảy,

tôi nghe tiếng cửa lưới bật mở phát ra tiếng “tưng tung”.

Tôi không dám quay lại nhìn mẹ. Nghi thức cũ chẳng mấy chốc sẽ được tiến hành.

Sau lưng tôi mẹ cất giọng, “Đi đi.”

Nhìn chằm chằm vào những cái bóng đan nhau của cây sồi vào vườn hồng sáng rực xa kia, tôi đáp, “Con không thể. Lần này thì không.”

Tôi xem đồng hồ - 11:32. Mức độ căng thẳng của tôi không thể xoắn chặt thêm chút nào nữa, từng phút phải từng phút trôi qua, như đồng hồ chứa bom nằm trên cổ tay tôi.

Giọng mẹ đã trở nên chán nản và gượng gạo dưới trọng lượng của gánh nặng tôi đặt lên bà, gánh nặng về lòng tốt và sự quan tâm đơn giản của con người, điều bà không có. “Mẹ không chịu nổi chuyện này đâu.”

“Con biết. Nhưng có một việc... con không chắc là... một việc mẹ có thể thật sự giúp được con.”

Mẹ ngồi xuống cạnh tôi ở đầu bậc thềm trước nhà. Bà cầm khẩu súng bằng hai tay, nhắm vào mảnh sân râm mát bóng cây tối.

Bà không xài đồ giả. Khẩu súng đã nạp đạn.

“Mẹ sẽ không sống kiểu đó. Không đâu. Mẹ không thể. Người ta luôn luôn muốn cái này cái kia, rút cạn sức mẹ. Tất cả mọi người muốn, muốn, muốn, tham lam vô độ. Nhu cầu của con... như đồng sắt đối với mẹ, sức nặng như bị chôn sống.”

Đã nhiều năm, cũng có lẽ chưa bao giờ tôi dồn ép bà nặng nề như trong ngày thứ Tư định mệnh ấy: “Mẹ à, điều điên rồ là sau hơn hai mươi năm gánh chịu chuyện tào lao này, sâu thẳm trái tim con, nơi có lẽ đen tối nhất, con nghĩ vẫn còn le lói tình yêu thương dành cho mẹ. Có thể đó là lòng thương hại, con không chắc, nhưng nó đủ sức gây đau đớn như tình yêu thương.”

Bà không muốn tình yêu thương từ tôi hay bất kì ai. Bà không muốn có nó để phải cho đi. Bà không tin tình yêu. Bà sợ tin vào nó và những nhu cầu kèm theo nó. Bà chỉ muốn sự ăn ý không đòi hỏi, các mối quan hệ kiệm lời ngọt ngào. Thế giới hoàn hảo của mẹ tôi chỉ có một cư dân, và nếu bà không thể yêu bản thân, chí ít bà cũng dành sự trù mến dịu dàng nhất cho chính mình và van nài được ở một mình khi buộc phải có mặt cùng người khác.

Lời tuyên bố ngập ngừng về tình yêu thương của tôi khiến mẹ quay khẩu súng về phía mình.

Mẹ ấn họng súng lên cổ họng, hơi nghiêng về phía cằm, như vậy dễ bắn vỡ sọ.

Bằng lời lẽ nặng nề và thái độ thờ ơ lạnh lùng, mẹ có thể tổng cổ bất cứ ai mẹ chọn, nhưng thỉnh thoảng những vũ khí ấy không đủ sức mang lại kết quả như mong muốn trong mối quan hệ bất thường của chúng tôi. Cho dù không cảm nhận được thì mẹ cũng nhận thấy sự hiện diện của mối dây ràng buộc đặc biệt giữa mẹ và con, và mẹ biết đôi khi nó không bị đứt đoạn bởi vết cứa thứ gì ngoại trừ những biện pháp tàn nhẫn nhất.

“Con muốn bóp cò giùm mẹ không?” bà hỏi.

Như mọi khi, tôi quay mặt đi. Như thể tôi hít bóng cây sồi cùng không khí, như thể phổi tôi đẩy nó trôi tuột vào máu, tôi cảm giác một bóng tối lạnh lẽo dâng lên trong tâm thất.

Như mọi khi lúc tôi ngoảnh đi, bà nói, “Nhìn này, *nhìn tao này*, bằng không tao sẽ bắn lòi ruột tao ra và chết từ từ, kêu la ngay đây trước mặt mày.”

Rợn người, run rẩy, tôi hướng sự chú ý trở về mẹ như bà muốn.

“Mày cũng có thể bóp cò, thằng khỉ ạ. Để tao bóp cũng chẳng khác gì đâu.”

Tôi không thể đếm và cũng không muốn nhớ từ trước đến giờ tôi đã nghe thấy thách thức này bao nhiêu lần rồi.

Mẹ tôi bị điên. Các nhà tâm lý học có thể dùng hàng loạt thuật ngữ đặc trưng hơn và ít mang tính phê phán hơn nhưng trong *Từ điển của Odd*, hành vi của mẹ là định nghĩa về chứng điên.

Tôi nghe kể không phải lúc nào mẹ cũng như vậy. Khi còn nhỏ, mẹ dễ thương, vui tươi, tình cảm.

Thay đổi khủng khiếp diễn ra năm mẹ mười sáu tuổi. Mẹ bắt đầu có những chuyển biến tâm trạng đột ngột. Sự dễ thương thay bằng cơn giậm ầm ỉ mà mẹ chỉ có thể kiểm soát tốt nhất khi ở một mình.

Liệu pháp chữa trị và hàng loạt thuốc men không thể khôi phục lại bản chất tốt đẹp trước kia của mẹ.

Năm mười tám, khi mẹ cự tuyệt không điều trị thêm nữa, không ai khăng khăng ép mẹ tiếp tục áp dụng tâm lý liệu pháp hay dùng thuốc, vì lúc ấy mẹ không bất thường, duy ngã và đầy đe dọa như khi vừa bước qua độ tuổi hai mươi.

Khi bố gặp mẹ, mẹ chỉ rầu rĩ vừa phải và nguy hiểm vừa phải, để khiến ông cuồng si. Khi tình trạng của mẹ nặng lên, ông cao chạy xa bay.

Mẹ không bao giờ bị đưa vào trại tâm thần vì khả năng tự chủ của bà thật tuyệt vời khi

không có chuyện phải tiếp xúc với người khác, điều vượt quá khả năng của bà.

Vì mẹ có thu nhập rủng rỉnh mà không cần làm việc, và vì mẹ thích cuộc sống như người ẩn dật nên tình trạng thật sự của mẹ không có mấy ai trong thị trấn Pico Mundo nhận ra.

Vẻ đẹp đặc biệt cũng giúp mẹ giữ bí mật. Hầu hết mọi người thường nghĩ những người tốt nhất là những người được ban cho sắc đẹp; chúng ta khó hình dung một vẻ bề ngoài hoàn hảo lại che đậy cảm xúc méo mó hoặc tâm hồn mục nát.

Giọng mẹ trở nên chua ngoa và chống đối hơn, “Tao nguyện rửa cái đêm để cho thằng cha ngu ngốc của mày phụt mày vào người tao.”

Câu nói không khiến tôi sốc. Trước đây tôi đã nghe rồi, và còn tệ hơn nữa.

Mẹ nói, “Lẽ ra tao phải nạo mày ra và quăng vào sọt rác. Nhưng tao sẽ được gì khi ly dị? Mày chính là tấm vé.”

Khi nhìn mẹ trong tình thế này, tôi không hờn ghét và mà đau khổ và tuyệt vọng, thậm chí khiếp đảm. Tôi không thể tưởng tượng làm sao tôi có thể chịu đựng được nỗi đau và lòng căm thù nếu tôi là mẹ.

Duy nhất một điều khiến tôi thấy an ủi là khi mẹ ở một mình, khi mẹ không bị ép buộc cho đi thứ gì, mẹ hài lòng, nếu không nói là hạnh phúc. Tôi muốn mẹ ít nhất cũng ở trong tâm trạng hài lòng.

Mẹ la lên, “Ngừng làm tao sôi máu hoặc bóp cò đi, thằng quỷ nhỏ.”

Một trong những ký ức đầu tiên sống động nhất của tôi là vào đêm mưa tháng Giêng khi tôi lên năm tuổi và đang bị cúm. Khi không ho, tôi khóc đòi quan tâm dỗ dành, và mẹ không thể tìm ra xó xỉnh nào trong ngôi nhà để có thể trốn biệt âm thanh của nỗi khổ sở phát ra từ tôi.

Mẹ vào phòng tôi và nằm dài lên giường cạnh tôi, như bất kỳ bà mẹ nào nằm dỗ đứa con bị ốm, nhưng mẹ mang theo khẩu súng. Phương pháp dọa tự tử luôn thu được sự im lặng của tôi, sự vâng lời của tôi, sự miễn thứ bốn phần làm mẹ cho bà.

Đêm đó, tôi cố hết sức nuốt cơn đau và kìm nước mắt nhưng tôi không thể quên đi được cái cổ họng đau đớn và rát buốt. Đối với mẹ, cơn ho của tôi là hành động đòi hỏi tình mẫu tử, và sự dai dẳng của nó đưa bà đến cực điểm cảm xúc.

Khi lời đe dọa tự tử không chặn dứt được cơn ho, mẹ chĩa họng súng vào mắt phải của tôi. Bà thúc tôi ráng nhìn thấy điểm sáng của viên đạn trong nòng súng hẹp đen ngòm kia.

Mẹ con tôi nằm đó rất lâu, bên ngoài mưa rơi lộp độp, đập vào cửa sổ vào phòng ngủ. Từ đó

về sau, tôi biết rất nhiều thứ kinh hoàng nhưng không thứ nào thuần túy như cái tôi ném trái vào đêm ấy.

Với tầm nhìn của một thanh niên hai mươi tuổi, tôi không tin mẹ giết tôi hay sẽ có lúc làm như thế. Nếu mẹ gây hại cho tôi, hay bất kỳ ai khác, mẹ đã tự đẩy mình vào mối tương tác với người khác mà mẹ sợ nhất. Bà biết người ta sẽ đòi bà trả lời và giải thích. Người ta đòi sự thật, sự ăn năn và công lý. Người ta còn đòi hỏi nhiều hơn nữa, vì họ sẽ không bao giờ ngừng đòi hỏi.

Tôi không biết tại bậc thềm này, mẹ có chìa súng vào tôi lần nữa không, và tôi không biết chính xác mình sẽ phản ứng ra sao nếu bà làm thế. Tôi đến tìm sự đối đầu giúp tôi sáng trí dù rằng tôi không hiểu cần nó để làm gì và tôi học được gì từ điều đó để tìm ra tên đồng bọn của Robertson.

Và rồi mẹ hạ khẩu súng khỏi cổ họng, dờn xuống ngực trái, như mọi khi, vì hình ảnh viên đạn xuyên qua não sẽ không tác động mạnh đến đứa con trai của một bà mẹ nhiều như hình ảnh phát đạn xuyên qua tim.

“Nếu mày không để tao yên, nếu mày không ngừng vĩnh viễn cái trò bòn rút, hút cạn sức lực của tao như con đĩa thì vì Chúa, bóp cò đi, cho tao chút thanh thản đi.”

Đập vào tâm trí tôi là vết thương trên ngực của Robertson, nó cứ quấy phá tôi gần suốt mười hai tiếng đồng hồ.

Tôi cố dìm hình ảnh bất di bất dịch ấy vào đầm lầy ký ức mà nó đã ngoi lên. Đó là một đầm lầy sâu, chất đầy những ương ngạnh và không chịu chìm xuống như cũ.

Thình lình tôi nhận ra đó chính là lý do tôi đến đây: để buộc mẹ thực hiện cái nghi thức dọa tự tử đáng ghét nằm ở cốt lõi mối quan hệ của chúng tôi, để đương đầu với cảnh tượng khẩu súng ấn vào ngực bà, để bỏ chạy như tôi vẫn luôn làm, để nghe bà ra lệnh tôi phải chú ý... sau đó, chán nản và run rẩy, tìm dũng khí để giương mắt nhìn.

Đêm trước, trong phòng tắm nhà tôi, tôi không đủ mạnh mẽ để khám nghiệm vết thương trên ngực Robertson.

Khi đó, tôi cảm thấy vết thương có điều lạ, vết thương có thể cho biết điều gì đó. Thế nhưng, kinh tởm và buồn nôn, tôi đã ngoảnh đi và cài nút áo hẩn lại.

Dúi khẩu súng về phía tôi, mẹ giận dữ khăng khăng. “Nào, thẳng khỉ vô ơn, cầm lấy, cầm lấy, bắn tao đi cho xong chuyện hoặc để tao yên!”

Tới lúc này, bao giờ giọng mẹ tôi cũng đổi sang hằn học và cuồng nộ, “Tao mơ, mơ hoài là khi đẻ ra, mày chết ngắc.”

Run rẩy, tôi nhồm dầy và thận trọng bước xuống mấy bậc thềm.

Phía sau, mẹ lôi ra con dao ghét bỏ mà chỉ mẹ mới dùng nó cứa vào lòng tôi được. “Suốt thời gian mang thai mày, tao toàn nghĩ đến chuyện mày chết trong bụng tao, chết và thối rữa.”

Mặt trời, người mẹ nuôi nắng trái đất, rót dòng sữa nóng bỏng xuống đun sôi vài máng xanh bầu trời và để thiên đường phai mờ. Ngay cả dưới bóng cây sồi giờ đây cũng nói lên sức nóng và khi rời xa mẹ, tôi nóng bừng cảm giác tủi hổ đến mức không ngạc nhiên nếu cỏ dưới chân bỗng dung bốc cháy.

“Chết trong bụng tao,” mẹ lặp lại. “Tháng này nối tiếp tháng kia dài vô tận, tao cảm giác bào thai mục nát mừng mủ trong bụng, chất độc lan tràn thấm khắp người tao.”

Đến góc ngôi nhà, tôi dừng chân, quay lại và nhìn mẹ vì tôi nghĩ đây sẽ là lần cuối.

Mẹ bước xuống bậc thềm nhưng không đi theo tôi. Cánh tay phải của bà lủng lẳng bên hông, hòng súng chĩa xuống đất.

Tôi không hề đòi hỏi được sinh ra. Chỉ mong được yêu thương.

“Tao chẳng có gì để cho đi hết. Mày có nghe không? Chẳng có gì chẳng có gì cả. Mày đầu độc tao, đổ đầy mủ và cái thai mục rữa vào người tao, và giờ tao tàn tạ thế này đây.”

Quay lưng lại mẹ vì cái cảm giác mãi mãi không bao giờ thay đổi, tôi vội vã chạy khỏi nhà hướng ra ngoài phố.

Căn cứ theo di truyền và quá trình thử thách trong những năm ấu thơ, đôi lúc tôi cứ tự hỏi sao mình không bị điên. Biết đâu tôi đã điên rồi cũng nên.

CHƯƠNG 54

Phóng nhanh hơn luật cho phép ra ngoại ô thị trấn Pico Mundo, tôi đã cố nhưng không thể xua đuổi khỏi tâm trí mọi ý nghĩ về bà ngoại tôi, bà Sugars.

Mẹ và bà tồn tại ở hai khu vực biệt lập trong tâm trí tôi, ở những vùng kí ức có chủ quyền riêng không xâm phạm vào nhau.

Vì thương bà ngoại Pearl Sugars nên tôi luôn bất đắc dĩ nghĩ về bà trong bối cảnh liên quan đến người mẹ điên loạn của tôi.

Cả hai ở cùng nhau làm dậy lên trong tôi nhiều câu hỏi ghê gớm mà từ lâu tôi cố kìm chế không đi tìm đáp án.

Bà Pearl Sugars biết mẹ tôi tâm thần bất ổn, nếu không nói là điên, và mẹ đã ngừng dùng thuốc từ năm mười tám tuổi. Bà chắc chắn cũng biết việc mang thai và trách nhiệm nuôi dạy một đứa con sẽ khiến người mẹ yếu đuối của tôi căng thẳng quá sức chịu đựng.

Vậy mà bà không ngăn cản vì lợi ích cho tôi.

Chắc vì bà sợ con gái mình. Tôi đã vô số lần nhìn thấy bằng chứng về chuyện đó. Kiểu thay đổi tâm trạng đột ngột và tính tình nóng nảy của mẹ dọa nạt được bà cho dù bà tôi chẳng biết sợ ai và không hề do dự đánh đấm một kẻ hung hăng to lớn gấp đôi bà.

Hơn nữa, bà Pearl Sugars thích cuộc sống phóng khoáng không ràng buộc nên lý gì lại muốn suốt ngày ở nhà nuôi cháu. Sở thích du lịch, sức cám dỗ của những ván bài béo bở tại những thành phố xa hoa - Las Vegas, Reno, Phoenix, Albuquerque, Dallas, San Antonio, New Orleans, Memphis - nhu cầu phiêu lưu và không khí náo động giữ bà xa rời thị trấn Pico Mundo hơn nửa năm.

Trong hàng rào phòng thủ của mình, bà Sugars không thể hình dung mức độ hay tính chất gay gắt trong hành động tàn nhẫn của mẹ đối với tôi. Bà không biết về khẩu súng và những lời đe dọa đã vẽ nên tuổi thơ tôi.

Khi tôi đang viết những dòng này, không ai biết chuyện đó ngoài tôi và mẹ. Tuy kể hết cho Stormy nghe mọi bí mật của mình nhưng tôi giấu chuyện này. Chỉ khi Ozzie “bé” đọc bản thảo

này, cái mà anh cứ cố nài tôi viết, tôi mới chia sẻ toàn bộ chuyện mẹ là thế nào với tôi và tôi là gì đối với mẹ.

Cảm giác tội lỗi và hổ thẹn khiến tôi giữ im lặng về việc này đến tận bây giờ. Tôi đã đủ già dặn, dù chỉ mới hai mươi, để hiểu rằng tôi không lý gì phải cảm thấy tội lỗi hay hổ thẹn, rằng tôi là nạn nhân, không phải tội đồ. Tuy vậy tôi đã bị tẩm ướp trong cả hai xúc cảm ấy quá lâu đến mức chúng sẽ mãi mãi toát ra từ tôi.

Khi đưa bản thảo cho Ozzie, tôi sẽ xấu hổ đến nóng ran cả người. Khi anh ấy đọc, tôi sẽ che mặt lại, lúng túng khi anh nói đến những đoạn này trong câu chuyện.

Những tâm hồn bị đầu độc sẽ tuôn trào bí mật với những cái gối vô tri.

Shakespeare. *MacBeth*, Hồi 5, Cảnh 1.

Lời ám chỉ văn vẻ này được đưa vào đây không chỉ để làm hài lòng anh đâu, Ozzie à.

Ẩn chứa trong đó là sự thật cay đắng của tôi. Mẹ tiêm nhiễm đầu óc tôi bằng thứ virus đầy uy lực khiến tôi mất luôn khả năng thú nhận sự ngược đãi đáng hổ thẹn ấy, thậm chí với cái gối, mà phải mang nó vào giấc ngủ từng đêm, u uất không thể giải tỏa.

Về phần bà Sugars: Giờ đây tôi buộc phải tự hỏi liệu lối sống rong ruổi và sự vắng mặt thường xuyên của bà, cộng với tính mê cờ bạc và bản chất không lúc nào yên, có góp phần gây ra vấn đề tâm lý của mẹ tôi không.

Tệ hơn nữa, tôi không thể tránh né mỗi lần băn khoăn rằng bệnh tình của mẹ có lẽ không phải là hậu quả của việc thiếu sự nuôi dạy đầy đủ, mà có lẽ hoàn toàn do kết quả di truyền. Chắc bà Pearl Sugars cũng mắc chứng rối loạn tương tự nhưng nhẹ hơn, biểu hiện theo kiểu dễ chịu hơn mẹ tôi.

Thôi thúc muốn sống ẩn dật của mẹ có lẽ là phiên bản nghịch đảo lại sở thích du lịch của bà. Nhu cầu muốn được bảo đảm về mặt tài chính, trả giá bằng việc mang cái thai không hề mong đợi, có lẽ là sự lộn ngược của cơn sốt bài bạc nơi bà.

Điều này cho thấy phần nhiều, tuy không hoàn toàn, trong những điểm tôi yêu quý ở bà Sugars chỉ là một khía cạnh khác của chứng bệnh tâm thần đã biến mẹ tôi thành nỗi khiếp đảm. Việc đó làm tôi bối rối vì những lý do tôi nghi ngờ chỉ rõ ràng chừng nào tôi sống thêm hai mươi năm nữa, nếu có.

Khi tôi mười sáu tuổi, bà Pearl Sugars muốn tôi lên đường với bà. Khi đó, tôi đã trở thành như bây giờ: thấy được hồn người chết với những giới hạn, những trách nhiệm buộc phải hoàn thành. Tôi không có chọn lựa nào ngoài việc từ chối đề nghị của bà. Nếu hoàn cảnh khi ấy cho phép tôi chu du cùng bà từ ván bài này đến ván bài khác, cuộc phiêu lưu này đến cuộc phiêu

lưu khác, thì tình trạng căng thẳng của cuộc sống hàng ngày và đối tượng gặp gỡ không đối có thể để lộ ra một người phụ nữ khác hẳn, không đáng quý như người tôi tưởng đã hiểu rõ.

Tôi buộc phải tin bà ngoại Sugars có lòng yêu thương chân thực mà mẹ tôi không có, và buộc phải tin rằng bà thật lòng thương yêu tôi. Nếu hai điều này không có thật thì tuổi thơ tôi sẽ là một cuộc sống khô cằn tẻ nhạt.

Không tài nào dẹp bỏ được mớ suy nghĩ phiền muộn này trên đường ra khỏi thị trấn Pico Mundo, tôi đến Nhà thờ Sao chổi Thì thầm trong tâm trạng hợp với khung cảnh đám cây cọ chết khô, vùng đất cằn cỗi và những tòa nhà hoang phế đang mục nát.

Tôi đỗ xe trước căn nhà tôn, nơi ba con chó sói bao vây tôi. Chúng không còn ở đó.

Chúng thường chỉ đi săn đêm. Dưới cái nóng giữa trưa, chúng ẩn náu trong những sào huyết lạnh lẽo đen tối.

Cô gái điểm chết oan, người thu phục bọn chó sói cũng không còn hiện hình nữa. Tôi hy vọng cô ấy đã tìm đường rời khỏi thế giới này, nhưng tôi không chắc lời khuyên vụng về và sự nhàm chán của mình có thuyết phục được cô ấy đi tiếp không.

Từ trong những thứ dưới đáy cái túi nhựa mua sắm được dùng làm vali, tôi lôi ra đèn pin, kéo hộp khăn giấy ướt.

Trong căn hộ của mình, khi gói ghém đồ đạc, hộp khăn giấy dường như là món đồ khác thường cần mang theo, cây kéo thậm chí còn kỳ quặc hơn. Thế nhưng tôi trong tiềm thức đã biết chính xác lý do tôi cần chúng.

Chúng tôi không lạ lẫm gì nhau; chỉ cố tỏ ra như thế.

Khi tôi ra khỏi xe, cái nóng dữ dội của sa mạc Mojave xúng với không khí u tịch của nó, một sự lặng im gần như hoàn hảo có lẽ không thể tìm thấy đâu khác ngoài cảnh tuyết rơi ngập kín trong quả cầu thủy tinh.

Đồng hồ cho thấy thời gian không đứng yên - 11:57.

Hai cây cọ màu nâu khô quắt phơi cái bóng hình lược ngang bãi đất đầy bụi phía trước nhà tôn, như thể mở đường không phải cho tôi mà cho Đấng cứu tinh đến muộn. Tôi quay lại không phải để vực người chết dậy mà chỉ để khám nghiệm hân.

Khi bước vào trong, tôi cảm giác như mình đã cùng chung số phận với Shadrach và Abednego^[49] bị ném vào lò than của nhà vua Nebuchadnezzar, dù cho đây chỉ là luồng hơi nóng bốc theo một thứ mùi kinh khủng từ thứ mà ngay cả thiên thần cũng không thể xá tội cho tôi.

Ánh nắng sa mạc trắng đục len qua những ô cửa sổ, nhưng quá yếu và cách xa đến mức tôi vẫn cần đèn pin.

Tôi theo hành lang vương vãi đầy rác đến cánh cửa thứ tư. Tôi vào căn phòng màu hồng, nơi một thời là chốn hoan lạc kiếm tiền, giờ là lò hỏa thiêu dành cho tay đầu bếp buồn tẻ.

CHƯƠNG 55

Không kể tọc mạch hay thú ăn xác nào đến đây trong lúc tôi vắng mặt. Thi thể nằm đúng nơi tôi bỏ nó lại, một đầu tấm vải mở bung, một chân đi giày ló ra, còn lại vẫn bị bọc trong tấm khăn trải giường trắng.

Không khí buổi tối oi ả và buổi sáng nắng cháy đã tạo điều kiện và đẩy nhanh tiến trình phân hủy. Mùi hôi thối ở đây còn kinh tởm hơn nhiều so với những nơi khác trong căn nhà tôn.

Cái nóng đến ngột thở cộng với mùi thối rữa có sức mạnh như hai cú đấm thụi nhanh vào bụng. Tôi vội ra khỏi phòng, trở lại hành lang, vừa hít lấy hít để luồng khí sạch hơn vừa vật lộn đàn áp cảm giác buồn nôn.

Tuy không mang hộp khăn giấy vì mục đích này nhưng tôi rút một miếng ra, xé làm hai mảnh. Miếng khăn giấy ướt mang hương chanh. Tôi cuộn hai mảnh thành nùi, nhét vào mũi.

Thở bằng miệng, tôi không phải ngửi cái xác mục rữa kia.

Vậy mà khi trở vào phòng, tôi vẫn nôn khan lần nữa.

Tôi có thể cắt đầu dây đã bị bung tối qua ở phần chân thi thể, rồi lăn cái xác ra. Ý nghĩ người chết lăn trên sàn, như thể sống lại, thuyết phục tôi tiếp cận vấn đề theo cách khác.

Miễn cưỡng, tôi quỳ xuống phía đầu xác chết. Tôi chống đèn pin dựa vào nó theo hướng soi sáng rõ nhất cho công việc của tôi.

Tôi lấy kéo cắt dây giày và ném sợi dây sang bên. Cây kéo sắc đến mức đủ sức cùng lúc cắt xuyên qua cả ba lớp khăn trải giường cuộn lại với nhau. Tôi kiên nhẫn và cẩn thận di chuyển lưỡi kéo, nắn lòng bởi viễn cảnh moi ra một kẻ đã chết.

Khi lớp vải tách ra hai bên, khuôn mặt lộ ra đầu tiên. Tôi nhận ra một cách muộn màng rằng nếu cắt từ dưới lên, tôi chỉ cần đi kéo làm rách bung tấm vải đến phần cổ để nhìn thấy vết thương của gã và có thể tránh được cảnh tượng khủng khiếp này.

Thời gian và sức nóng tồi tệ đã làm công việc bắn thủ của chúng. Khuôn mặt, nằm ngược bên dưới, sưng húp, sạm màu hơn cả lần cuối cùng tôi nhìn thấy, và vẫn vẹn màu xanh rêu. Cái

miệng hé mở xéo xệch. Những đường trắng đục mỏng manh bao trùm cặp mắt, tuy tôi vẫn phân biệt rõ hình dạng tròn trắng tròn đen.

Khi tôi với qua khỏi khuôn mặt xác chết để cắt phần vải bao trùm bộ ngực, hấn liếm cổ tay tôi.

Tôi hét toáng lên trong cơn hoảng loạn và ghê tởm, giật lùi và đánh rơi kéo.

Từ cái miệng méo xệch của tử thi bùng ra một đồng đen đúa loảng ngoảng, một thực thể quá lạ lùng trong bối cảnh này đến mức tôi không nhận biết được nó là gì đến khi nó chui ra nguyên hình. Trên khuôn mặt không còn sự sống của Robertson, thứ đó ngoi lên trên bốn cái chân đen đúa và khua khoắng không khí bằng bốn chân trước. Nhện vùng Nam Âu.

Tôi vung tay hất con nhện thật nhanh để nó không có cơ hội cắn được tôi. Nó rơi xuống sàn nhà, nhồm dầy và co giò bò vào góc đằng xa.

Khi nhặt cây kéo đã đánh rơi, tay tôi run rẩy đến nỗi làm lưỡi kéo nhấp dử dội, cắt phăng vào không khí trước khi tôi bình tĩnh trở lại.

Lo sợ còn nhiều con vật kinh khiếp đang lê la phía đầu kia tấm vải để khám phá món béo bở chứa bên trong, tôi trở lại công việc cắt lớp khăn trải giường trong sự bồn chồn cẩn trọng. Cho đến khi phần hông cái xác lộ ra, tôi vẫn chưa phải đụng độ thêm kẻ cướp phá tám chân nào.

Lúc giật mình phản ứng lại con nhện, tôi đã làm bay miếng khăn giấy nhét trong lỗ mũi bên phải. Khi hương chanh còn sót lại tan biến, tôi lại ngửi thấy mùi tử thi, tuy không nồng nặc vì tôi vẫn thở bằng miệng.

Liếc về phía xó xỉnh nơi con nhện lẫn trốn, tôi phát hiện nó không còn ở đó nữa.

Tôi bắn khoản tìm kiếm giấy lát. Sau đó, dù ánh sáng yếu ớt, tôi thấy con quái lông lá ngay bên trái góc phòng, cách mặt đất gần một mét, đang chầm chậm bò lên bức tường màu hồng.

Quá run rẩy và bị thời gian đuổi sát nút đến mức không thể cởi áo xác chết như lúc ở nhà, tôi xé toạc cái áo, giật đứt hàng nút. Một nút áo bật trúng mặt tôi, mấy cái khác văng khắp sàn.

Khi trong tâm trí tôi hiện lên hình ảnh mẹ cầm súng chĩa vào ngực, tôi rọi đèn pin xem vết thương. Đủ cứng rắn để khám nghiệm gần hơn, tôi nhận thấy lý do nó có vẻ kỳ lạ.

Tôi lại tựa đèn pin vào cái xác và xé ba bao khăn giấy. Tôi kẹp chúng thành một miếng dày và từ tốn lau lớp nước đục ngầu rỉ ra trên mặt vết thương.

Viên đạn chọc thủng hình xăm trên ngực Robertson, ngay phía trên tim gã.

Hình chữ nhật đen này có cùng kích cỡ và hình dáng với tấm thẻ suy tưởng tôi tìm thấy trong ví gã. Ở giữa hình chữ nhật là ba ký hiệu màu đỏ.

Mắt lờ mờ, tâm trạng sợ sệt, người căng cứng chất caffeine, tôi không thể nhanh chóng hiểu hình vẽ khi nó nằm lộn ngược.

Lúc tôi chuyển vị trí từ phía trên đầu sang bên hông Robertson, cặp mắt vô hồn kia như động đậy, dõi theo tôi dưới một lớp trắng sữa gần như mờ đục.

Tôi kiểm tra con nhện, nó đã biến mất khỏi bức tường xa kia. Dùng đèn pin, tôi định vị nó nằm trên trần nhà, đang tiến về phía tôi. Nó trông ghê rợn dưới ánh sáng thẳng chiếu.

Tôi quay đèn hướng vào hình xăm và vỡ lẽ rằng ba ký hiệu màu đỏ thật ra là ba chữ cái viết kiểu bay bướm. *C... C...*

Chữ thứ ba bị mất một phần do viên đạn xé toạc da, nhưng tôi chắc chắn đó là chữ *D*.

CCD. Không phải một từ. Những chữ cái đầu của một từ. Nhờ bác Shamus Cocobolo mà tôi biết chúng mang nghĩa gì; *Cha đẻ Của Đối trá*.

Robertson đã xăm tên của chúa tể hắc ám lên tim.

Ba chữ cái: *CCD*. Ba chữ khác, bắt gặp ở đâu đó, mới đây thôi...

Thình lình tôi nhìn thấy sĩ quan Simon Varner hiện rõ mồn một trong trí nhớ: ngồi sau tay lái chiếc xe tuần tra trong bãi đậu xe ở sân bowling, chồm ra cửa sổ để mở, khuôn mặt dễ thương đến mức đủ sức trở thành người dẫn chương trình thiếu nhi trên tivi, mi mắt dày như con gấu ngái ngủ, căng tay lực lưỡng tì lên cửa xe, “hình xăm giang hồ” mà theo anh ta quả quyết, nó khiến anh xấu hổ. Không tinh vi như hình xăm của Robertson, kiểu dáng không gì tương tự. Không có hình chữ nhật màu đen khảm dòng chữ đỏ cầu kỳ. Chỉ là một từ viết tắt khác với những chữ cái rời nhau màu đen: *T...* gì đó. Hình như là *TSQ*.

Chẳng lẽ sĩ quan Simon Varner, trực thuộc Sở cảnh sát thị trấn Pico Mundo, lại mang cái tên của cùng vị chủ nhân ấy trên cánh tay trái?

Nếu hình xăm của Robertson biểu lộ một trong nhiều cái tên của quý dữ thì Simon Varner cũng cùng hội cùng thuyền.

Những cái tên của quý dữ ủa qua tâm trí tôi: Sa Tăng, Ác ma, Quỷ sứ, Quỷ Sa Tăng, Cha đẻ của Quỷ, Đấng Ma vương...

Tôi không thể nhớ cụm từ nào giải thích chữ viết tắt trên cánh tay Varner, nhưng tôi không nghi ngờ chuyện đã tìm ra đồng bọn của Robertson.

Tại sân bowling, không hề có bóng dáng ông kẹ vây quanh Varner như kiểu chúng đã đeo bám Robertson. Nếu thấy hẳn có ông kẹ “trông nom”, chắc tôi đã nhận ra bản chất quái thú trong hắn.

Vì có thể để lại dấu vân tay nên tôi vội vã gom mấy vỏ bao khăn giấy và nhét vào túi quần jeans. Tôi chộp lấy cây kéo, đứng dậy, quét đèn pin qua trần nhà và thấy con nhện ngay trên đầu mình.

Nhện vùng Nam Âu nhút nhát. Chúng không săn đuổi người sống.

Tôi chạy nước rút ra khỏi phòng, nghe tiếng con nhện đáp xuống sàn một cách khẽ khàng. Sau đó tôi đóng sầm cửa phòng lại, lau dấu vết trên tay nắm cửa bằng vạt áo sơ mi, và lau luôn tay nắm cửa chính khi đi khỏi.

Vì nhện vùng Nam Âu nhút nhát và vì tôi tin không có sự trùng hợp ngẫu nhiên nên tôi phóng ra chiếc Chevy, quăng kéo và đèn pin vào túi mua sắm, nổ máy rồi nhấn mạnh chân ga. Tôi rời khỏi khu đất của Nhà thờ Sao chổi Thì thầm với tiếng rít của cao su biến dạng, cát văng tung tóe và nhựa đường vỡ vụn, khát khao tới được đường cao tốc trước khi bị bao vây bởi binh đoàn nhện Nam Âu, đội quân sói đồng cỏ và bè lũ rắn chuông cùng tụ họp lại.

CHƯƠNG 56

Không phải TSQ. QST. Quý Sa Tăng. Xuất xứ những chữ viết tắt được xăm trên tay Simon Varner, QST, lóe lên trong tôi băng qua ranh giới, vào lại thị trấn Pico Mundo.

Những kẻ thờ cúng quý Sa Tăng mặc y phục, cử hành những nghi lễ quái đản với cốc rượu chạm khắc toàn thứ tục tĩu sẽ được hầu hết mọi người xem là ít có ý tốt nhưng cũng ngờ nghệch rõ rệt hơn những thành viên đội mũ lông mùa mề của một hội nam giới mang tên Hội kín của Người cô lập. Những gã ăn mặc trông tẻ như dỏ hơi cũng như những gã đầu tóc bù xù, đeo kính đồi mồi, quần kéo cao hơn rốn đến cả tấc và dài phủ gót giày tận năm phân, cũng hình dán đề chữ JAR JAR BINKS THỐNG TRỊ.

Nếu tôi có khuynh hướng gạt bỏ suy nghĩ bọn họ là những kẻ biến thái đang đóng vai trò quỷ dữ thì khuynh hướng ấy đã không kéo dài qua thời điểm tôi tìm thấy đồ lưu niệm cất trong hộp nhựa lớn hiệu Rubbermaid ở ngăn ướp lạnh.

Giờ tôi nghi ngờ nhân thân tên đồng bọn của Robertson, tôi tin tưởng năng lực siêu nhiên dẫn tôi đến chỗ hấn. Trong vòng lôi kéo của sức hút siêu linh - đôi lúc Stormy gọi tắt là hội chứng SS hay SSL - tôi hay rẽ hướng đột ngột và lái với tốc độ cao hơn nhiều so với mức được cho là thận trọng.

Dưới ảnh hưởng của SSL, tôi khoanh vùng trong một mức độ nhất định và cố gắng chỉ nghĩ về đối tượng mình đang quan tâm, trong trường hợp này là Varner, hơn là về nơi tôi đang có mặt hay nơi tôi có thể sắp tới. Tôi sẽ biết đâu là nơi cần đến khi đến được đó.

Trong trạng thái này, đầu óc tôi giãn ra, gần như mỗi lần tôi chuyển hướng một cách có vẻ ngẫu nhiên trong cuộc truy tìm con mồi thì những ý nghĩ ngẫu nhiên lại vụt lóe.

Lần này, một trong những ý nghĩ ấy liên quan đến chị của mẹ, dì Cymry, người tôi chưa bao giờ gặp mặt.

Theo lời mẹ, dì Cymry lấy một người Cộng hòa Séc tên Dobb. Bố tôi lại nói dì Cymry không bao giờ kết hôn.

Cả bố lẫn mẹ đều từng nói những chuyện không đáng tin. Song lần này, tôi cho rằng bố nói sự thật và tôi chẳng có ông dượng người Cộng hòa Séc hay họ hàng nào khác.

Bố tôi nói dì Cymry là kẻ đồng bóng nhưng không nói gì thêm. Lời quả quyết của bố khơi mào cho cơn thịnh nộ của mẹ, người phủ nhận tính đồng bóng của dì Cymry và gọi dì là món quà Thượng đế ban tặng.

Đây là phát biểu kỳ lạ về phía mẹ, người sống một cuộc đời như thể ủng hộ cho kết luận rằng Thượng đế không hề tồn tại.

Lần đầu tiên tôi hỏi bà ngoại Sugars về người con gái đầu lòng bí ẩn của bà thì bà giàn giụa nước mắt. Trước đó tôi không khi nào thấy bà khóc lóc. Ngày hôm sau, vẫn say xỉn, bà lại lao đi theo đuổi những ván bài nơi xa xôi.

Lần thứ hai tôi hỏi về dì Cymry, bà tức giận vì tôi cứ bám riết chuyện ấy. Trước đó tôi không khi nào thấy bà tức giận. Sau đó bà trở nên lạnh lùng xa cách. Bà chưa hề đối xử với tôi như vậy và thái độ đó nhắc tôi nhớ nhiều đến mẹ.

Từ đó về sau, tôi không bao giờ hỏi tới dì Cymry nữa.

Tôi nghi ngờ trong một tổ chức từ thiện đâu đó, kiểm soát việc nghiện thuốc và những ràng buộc nhân tính, tôi có một người dì ít ra cũng giống tôi một chút. Tôi nghi ngờ khi còn nhỏ, dì ấy không che giấu năng lực đặc biệt như tôi đã giấu.

Điều đó có thể là lý do bà Sugars, với toàn bộ số tiền thắng bài, không để lại tài sản gì theo tôi biết. Tôi nghĩ bà chi một khoản cho việc chăm sóc dì Cymry.

Suốt những năm qua, bố tôi đã buột miệng thốt ra nhiều điều dẫn đến việc tôi cho rằng giác quan thứ sáu của dì Cymry, với bất cứ năng lực kỳ lạ nào nằm trong đó, đều đi kèm đột biến về mặt cơ thể. Tôi nghĩ dì sợ mọi người không chỉ vì những điều dì đã nói mà còn vì ngoại hình của dì.

Bao giờ cũng vậy, một đứa trẻ chào đời mang kiểu đột biến này, trên thực tế sẽ kèm theo hai hoặc nhiều đột biến khác nữa. Ozzie nói, và hình như không phải trong tư cách tác giả truyện hư cấu, rằng cứ tám mươi tám ngàn trẻ em được sinh ra thì một đứa sẽ có một bàn tay sáu ngón như anh. Cả trăm, nếu không nói cả ngàn người đi trên đường phố nước Mỹ? Bạn đã thấy được bao nhiêu bàn tay sáu ngón ở người lớn? Bạn không chạm mặt họ vì hầu hết trong số những đứa trẻ được sinh ra ấy với những dị tật khác và kinh khủng hơn đã khiến chúng ra đi khi còn ẵm ngửa.

Những đứa trẻ sáu ngón tốt số khỏe mạnh thường sẽ phải phẫu thuật nếu ngón tay thừa kia có thể cắt bỏ không ảnh hưởng đến chức năng của bàn tay. Ozzie “bé” nói họ đi giữa chúng ta, được coi là “những người trần tục” tay năm ngón.

Tôi nghĩ toàn bộ điều này là sự thật, vì Ozzie tự hào về ngón tay thứ sáu của anh và thích

thứ thu thập kiến thức về điều anh gọi là “những kẻ móc túi bẩm sinh là thành viên dòng dõi cao sang của anh”. Anh nói biến dị thứ hai của anh là khả năng sáng tác hay và nhanh, tạo ra những tác phẩm được đón nhận nồng nhiệt với tiến độ tiến phi thường.

Đôi khi tôi mơ thấy dì Cymry. Đó không phải những giấc mơ báo điềm. Chúng đầy sự khao khát. Và phiền muộn.

Lúc này đây, đồng hồ chỉ 12:21, đang mơ giữa ban ngày về dì Cyrmy nhưng vẫn nhận thức được một cách sâu sắc và đầy lo âu về những giây phút quý giá trôi nhanh, hoàn toàn trong vùng SSL, tôi mong tìm thấy sĩ quan Simon Varner ở quanh quần khu vực sân bowling hoặc cụm rạp xem phim sắp khởi chiếu bộ phim chú chó sau một giờ trưa. Thay vì vậy, tôi lại bất ngờ được đưa đến khu mua sắm Green Moon.

Cảnh tượng nhìn thấy thật khác thường so với một ngày thứ Tư trong hè: bãi đậu xe chật kín.

Biểu ngữ khổng lồ nhắc tôi nhớ đợt giảm giá thường niên vào mùa hè của các cửa hàng trong khu mua sắm đã bắt đầu lúc mười giờ sáng nay và sẽ kéo dài đến cuối tuần.

Đông đúc làm sao!

CHƯƠNG 57

Nắng gay gắt, chói lóa trên kính chắn gió của dãy xe đậu san sát, cặp mắt đỏ ngầu của tôi nhúc nhích, tôi phải nhìn nghiêng.

Khu mua sắm ba tầng trải dài suốt từ hướng nam sang hướng bắc.

Vô số cửa hàng chuyên biệt ở cả hai tầng giữa những cửa hiệu lớn khác.

SSL kéo tôi đến một cửa hàng ở đầu phía bắc. Tôi lái xe vòng ra sau và đậu gần con dốc rộng dẫn xuống hầm đỗ hàng, nơi xe tải giao hàng hóa.

Cách ba bước có một chiếc xe cảnh sát đen trắng. Không thấy bóng dáng cảnh sát nào.

Nếu đây là xe của Varner thì hẳn đã vào trong khu mua sắm.

Tay tôi run bần bật. Phím điện thoại bé xíu. Tôi đã phải nhấn hai lần mới đúng số của tiệm kem Burke & Bailey.

Tôi muốn gọi Stormy rời chỗ làm ngay lập tức, ra khỏi khu mua sắm bằng cửa gần nhất, nhanh chóng ra xe và lái đi thật nhanh, bất kỳ đâu, chỉ cần lái xe bỏ đi.

Khi điện thoại đang reo, tôi cúp máy. Lúc này có thể nàng được định đoạt sẽ không đi ngang qua Varner, nhưng nếu tôi thuyết phục nàng rời khỏi chỗ đó, biết đâu nàng xuất hiện trong tầm ngắm của hắn đúng lúc hắn lấy súng và bóp cò.

Định mệnh của nàng là ở bên tôi mãi mãi. Chúng tôi có tấm thẻ từ máy bói toán làm bằng chứng. Nó nằm trên đầu giường của nàng. Chỉ tốn một đồng hai mươi lăm xu, xác ướp Gypsy đã cho chúng tôi điều mà cặp tình nhân khác không thể mua được bằng mọi giá.

Lý trí lập luận rằng nếu tôi không làm gì, nàng sẽ an toàn. Nếu nàng thay đổi kế hoạch do tôi nài nỉ, biết đâu tôi lại gây trở ngại cho định mệnh của nàng và của tôi. Hãy tin vào số phận.

Trách nhiệm của tôi không phải cảnh báo Stormy mà là ngăn chặn Simon Varner trước khi hắn sẵn sàng thực hiện kế hoạch, trước khi hắn giết ai đó.

Thế mới có câu nói dễ hơn làm. Hẳn là cảnh sát còn tôi không phải. Hẳn có ít nhất một khẩu súng còn tôi thì không. Cao hơn tôi, khỏe hơn tôi, được huấn luyện mọi biện pháp khả thi để khuất phục một công dân gây hấn, hẳn có đủ mọi lợi thế, trừ giác quan thứ sáu.

Khẩu súng lấy mạng Robertson được giấu dưới ghế lái. Tôi để nó ở đó đêm qua, định vứt bỏ sau.

Chồm ra trước, tôi mò mẫm dưới ghế, tìm vũ khí và lấy nó ra. Tôi cảm giác như đang cầm tay Tử thần.

Lóng ngóng thêm một hồi, tôi tìm được cách mở ổ đạn. Tôi đếm được chín lỗ đạn. Ổng lót súng sáng bóng. Gần như đầy đạn. Chỉ thiếu viên đã tạo ra một lỗ xuyên tim Robertson.

Tôi đóng ổ đạn. Nó trở vào vị trí, phát ra tiếng “cách”.

Súng của mẹ tôi có chốt an toàn. Chấm đỏ hiện ra khi chốt an toàn bị tháo.

Khẩu súng này xem ra không có đặc điểm tiện lợi ấy. Có lẽ chốt an toàn được gắn vào cò súng, buộc phải bóp cò hai lần.

Tim tôi không có chốt an toàn nào. Nó đang bùng nổ.

Tôi cảm giác như đang nắm tay cái chết, đúng, cái chết của tôi.

Để khẩu súng trong lòng, tôi cầm điện thoại lên và mạnh tay nhấn số di động riêng của cảnh sát trưởng Porter, không phải số ở Sở cảnh sát. Phím bấm có vẻ còn nhỏ hơn khi này, như thể đây là điện thoại Alice lấy từ con sâu bướm ngậm ống điếu, nhưng tôi bấm đúng bảy con số ngay và nhấn nút “Gọi”.

Bà Karla Porter nhắc máy khi chuông đổ đến hồi thứ ba. Bà nói bà vẫn ở trong phòng đợi của Khoa hồi sức tích cực. Bà đã được phép vào thăm cảnh sát trưởng ba lần, mỗi lần năm phút.

“Lần thứ ba bác vào, ông ấy đã tỉnh nhưng yếu lắm. Ông ấy nhận ra bác là ai. Ông ấy cười với bác nhưng không nói được nhiều, và nói không liên mạch. Bác sĩ vẫn cho ông ấy dùng một chút thuốc an thần để tiện cho việc chữa lành vết thương. Bác không nghĩ ông ấy có thể nói được nhiều trước ngày mai.”

“Nhưng bác ấy sẽ khỏe chứ?” tôi hỏi.

“Bác sĩ nói thế. Và bác bắt đầu tin như vậy.”

“Con thương bác ấy,” tôi nói và nghe giọng mình nghèn nghẹn.

“Ông ấy biết mà, Odd. Ông ấy cũng thương con lắm. Đối với ông ấy, con là đứa con trai thân yêu.”

“Bác chuyển lời con đến bác ấy nhé.”

“Ừ.”

“Con sẽ gọi sau,” tôi hứa.

Tôi nhấn nút “kết thúc” và để điện thoại sang ghế bên cạnh.

Cảnh sát trưởng không thể giúp tôi. Chẳng ai có thể giúp tôi. Không cô gái điếm chết oan buồn rầu nào trấn áp được cơn điên giết chóc của tên sói này. Chỉ có tôi.

Trực giác mách bảo tôi không cần mang theo khẩu súng. Tôi nhét nó trở vào dưới ghế.

Khi tôi tắt động cơ và ra khỏi xe, mặt trời nẩy lửa vừa là cây búa vừa là cái đe, rền giữa thế giới và bóng phản chiếu của thế giới.

Sức hút siêu linh vẫn hoạt động dù tôi đi xe hay đi bộ. Tôi được kéo tới con dốc giao hàng. Tôi đi xuống, bước vào không gian lạnh lẽo của hầm dỡ hàng.

CHƯƠNG 58

Với mái trần thấp và sàn bê tông xám xịt trải ra vô tận, tầng hầm dùng làm khu dỡ hàng kiêm bãi xe cho nhân viên mang về ẩm đạm và không khí đáng sợ như ngôi mộ cổ nằm sâu dưới lớp cát xứ Ai Cập, ngôi mộ của vị pharaon đáng ghét, bị thần dân chôn cất với những thứ rẻ tiền, không có chai lọ bằng vàng ròng lấp lánh hay món đồ trang trí nào.

Khu dỡ hàng nền cao chạy dọc theo chiều dài của công trình bao la này, những xe tải cỡ lớn tập trung về đây từ nhiều địa điểm. Tại cửa hàng, hai chỗ chung tường kế sát nhau có thể đi vòng khu bốc dỡ và tiến thẳng đến phòng chứa hàng khổng lồ.

Nơi này ồn ào tiếng nói chuyện và huyên náo các hoạt động khi nhóm xe tải dỡ những kiện hàng giao muộn, làm phiền nhân viên kho hàng phải chuẩn bị kiểm tra chất lượng để giao lên khu bày bán.

Tôi đi qua các dãy kệ, xe đẩy, băng chuyền, những thùng, hộp hàng hóa, đủ mọi thứ từ váy dạ hội đến dụng cụ nấu nướng, dụng cụ thể thao. Nước hoa, đồ bơi, sôcôla hảo hạng.

Không ai cản vịn sự có mặt của tôi và khi tôi rút một cây gậy bóng chày bằng gỗ cứng ra khỏi cái sọt chất đầy gậy, chẳng ai yêu cầu tôi bỏ xuống trở lại.

Một cái sọt khác đựng gậy nhôm rỗng ruột. Đó không phải thứ tôi muốn.

Tôi thích cây gậy nặng hơn. Tôi đòi hỏi sự cân bằng chắc chắn ở món đồ.

Với cây gậy gỗ, bạn có thể đánh đối phương gãy cánh tay và vỡ đầu gối dễ hơn.

Có thể tôi sẽ cần đến cây gậy bóng chày, cũng có thể không. Vấn đề là nó ở đó, và SLL đưa tôi đến đó, dường như ám chỉ rằng nếu tôi không tận dụng nó, tôi sẽ hối tiếc về quyết định của mình.

Hoạt động ngoại khóa duy nhất tôi tham gia khi còn đi học là chơi bóng chày.

Như đã viết ở phần trên, tôi ghi điểm cao nhất đội, cho dù tôi chỉ có thể chơi trên sân nhà.

Tôi vẫn còn chơi. Quán Vĩ nướng Pico Mundo có một đội. Chúng tôi thi đấu với các quán

khác và những nhóm quần chúng; chúng tôi làm họ thua liểng xiểng, năm này sang năm khác.

Tiếng bíp khê và đoạn nhạc ngắn báo hiệu xe nâng và băng chuyền đến gần cứ vang lên lặp đi lặp lại. Tôi tránh đường nhưng vẫn tiếp tục di chuyển, dù không biết đang đi đâu.

Trong tâm trí tôi hiện hình ảnh: Simon Varner. Khuôn mặt dễ nhìn. Cặp mắt ngái ngủ. Hình xăm QST trên cẳng tay trái. Hãy tìm tên khốn đó.

Hai cánh cửa đôi rộng hơn bình thường đẩy vào hành lang sàn bê tông trơn trượt và bốn bức tường bê tông phủ sơn. Tôi lưỡng lự, ngó phải, quay trái.

Bụng tôi sôi lên. Tôi cần thuốc giảm độ axit trong dạ dày.

Tôi cần cây gậy to hơn, áo chống đạn và cả sự hỗ trợ, thế nhưng tôi chẳng có gì. Cứ đi tiếp vậy thôi.

Cánh cửa dẫn tới các phòng riêng biệt bên phải hành lang. Hầu hết đều có gắn biển.

Nhà vệ sinh. Văn phòng vận chuyển. Văn phòng bảo hành.

Tìm kiếm Simon Varner. Khuôn mặt dễ nhìn. Quý Sa Tăng. Cảm nhận sức hút của hắn, tôi bị lôi kéo về phía trước.

Tôi lướt qua hai người đàn ông, một phụ nữ và thêm một người đàn ông nữa. Chúng tôi mỉm cười gật đầu.

Không ai trong số họ có vẻ băn khoăn xem trận đấu diễn ra ở đâu, tỷ số ra sao, tôi thuộc đội nào.

Chẳng mấy chốc tôi đến cánh cửa có ghi chữ Phòng bảo vệ. Tôi dừng lại. Chuyện này có cảm giác không đúng... nhưng lại đúng.

Khi SSL hoạt động, tôi thường *biết chắc* mình đã đến nơi. Lần này tôi *cảm giác* mình đã đến nơi. Tôi không thể lý giải sự khác biệt, song nó có thật.

Tôi đặt tay lên quả đấm cửa nhưng do dự.

Trong tâm trí, tôi nghe tiếng Lysette Rains nói tại bữa tiệc thịt nướng mới đây ở nhà cảnh sát trưởng: *Hồi đó mình chỉ là nhân viên làm móng còn bây giờ mình là nghệ nhân làm móng đã được chứng nhận.*

Về phía cuộc đời của tôi, xét chuyện sắp nhảy vào dầu sôi lửa bỏng, tôi không hiểu tại sao mình lại liên tưởng đến Lysette trong hoàn cảnh này.

Giọng cô ấy lại ám ảnh tôi: *Mất một thời gian, mình nhận ra thế giới này mới hiu quạnh làm sao, và khi thấy thế... thì tương lai thật đáng sợ.*

Tôi bỏ tay khỏi quả đấm cửa.

Tôi bước sang một bên cửa.

Tiếng móng guốc bọc sắt giậm xuống nền đất nung cứng chắc có thể không âm vang bằng tiếng tim tôi đang đập bình bịch liên hồi.

Bản năng của tôi là người hướng dẫn đầy sức thuyết phục, và khi nó bảo *Ra sân*, tôi không thể cãi lại rằng tôi chưa sẵn sàng cho trận đấu. Tôi nắm chặt cây gậy bằng hai tay, đối thế đứng và cầu nguyện Mickey Mantle.

Cánh cửa mở ra, một tên bước hiên ngang vào hành lang. Hắn mang giày đen, mặc bộ áo liền quần màu đen của võ sĩ hạng nhẹ có mũ trùm đầu, đeo mặt nạ trượt tuyết màu đen và găng tay cũng màu đen.

Hắn ôm khẩu súng trường quá lớn và xấu xí đến mức trông nó giả tạo như mớ vũ khí trong phim của Schwarzenegger trước đây. Từ thắt lưng lủng lẳng tám hay mười ổ đạn dự trữ.

Hắn nhìn sang trái khi bước ra khỏi phòng bảo vệ. Tôi đứng bên phải hắn, nhưng hắn lập tức cảm nhận được tôi và giữa chừng quay phắt đầu lại phía tôi.

Chưa bao giờ là người thích chặn bóng, tôi vung mạnh tay và đánh thẳng vào mặt hắn.

Tôi sẽ lấy làm ngạc nhiên nếu hắn không ngã phịch xuống bất tỉnh. Tôi đã không ngạc nhiên.

Hành lang vắng tanh. Không một bóng người. Tạm thời là vậy.

Tôi cần xử lý chuyện này hết sức kín đáo để tránh những chất vấn về sau nếu cảnh sát trưởng vẫn không thể bao che cho tôi.

Sau khi lăn cây gậy bóng chày vào phòng bảo vệ, trượt khẩu súng vào theo, tôi túm lấy bộ quần áo của hắn rồi lôi hắn vô, thoát khỏi hành lang, và đóng cửa lại.

Giữa đồng ghế lật nhào và những ly cà phê đổ tràn, ba nhân viên bảo vệ không khí giới nằm chết ngay đơ. Hình như họ bị lấy mạng bằng súng ngắn gần bộ giảm thanh vì phát súng không hề gây chú ý. Trông họ có vẻ sững sốt.

Cảnh tượng về họ hành hạ tôi. Họ đã chết vì tôi quá chậm hiểu.

Tôi biết mình không cần phải chịu trách nhiệm về mỗi cái chết mình không thể ngăn chặn. Tôi hiểu mình không thể đeo cả thế giới sau lưng như tấm bản đồ. Nhưng tôi *cảm thấy* mình nên như thế.

Mười hai màn hình tivi ngoại cỡ, mỗi cái chia thành bốn khung hình, hiển thị bốn mươi tám quang cảnh thu từ các camera đặt khắp khu mua sắm. Khắp các lối đi mà tôi để mắt tới, lối đi đều đầy nghẹt người; đợt giảm giá lôi cuốn dân chúng trên khắp hạt Maravilla đổ về.

Tôi quỳ cạnh tên cướp ôm súng ấy và tháo mặt nạ hắn ra. Mũi gãy, đang chảy máu; hơi thở phập phều trong dòng máu. Mắt phải của hắn sưng vù híp lại. Lăn gậy đã bắt đầu hằn lên trán hắn.

Đó không phải Simon Varner. Nằm trước mặt tôi là Bern Eckles, viên sĩ quan có mặt tại bữa tiệc nướng, người được mời vì cảnh sát trưởng và bà Karla Porter đang cố mai mối hắn với Lysette Rains.

CHƯƠNG 59

Bob Robertson không phải có một mà là đến hai cộng tác viên.

Có thể còn nhiều hơn. Có thể bọn chúng tự xưng là tổ chức của phù thủy, trừ khi cụm từ đó chỉ dành cho các mục phù thủy. Bọn chúng chắc còn có ban nhạc quý dữ, sáng tác loại nhạc riêng để thờ cúng Chúa quý, mua bảo hiểm y tế theo nhóm, lấy phiếu giảm giá ở Disneyland.

Tại bữa tiệc nướng ở nhà cảnh sát trưởng, tôi không thấy ông kẻ nào lớn vồn quanh Bern Eckles. Sự hiện diện của chúng mách nước cho tôi về bản chất của Robertson nhưng không tiết lộ gì về hai tên đồng mưu, giờ bắt đầu có vẻ biến thành kẻ chủ mưu. Như thế bọn chúng đã nhận thức được năng lực của tôi. Như thế bọn chúng đã... thao túng tôi.

Sau khi lật Eckles nằm nghiêng để bảo đảm hắn không nghẹt thở bởi máu và nước miếng của chính hắn, tôi tìm thứ gì đó để trói tay chân hắn.

Tôi không mong hắn hồi tỉnh trong vòng mười phút.

Khi tỉnh lại, hắn sẽ lê lết, nôn mửa và van xin thuốc giảm đau, trong tình trạng ấy hắn không thể vồ lấy súng trường và khôi phục nhiệm vụ.

Tuy nhiên, tôi giật dây cảm của hai điện thoại trong phòng bảo vệ và nhanh chóng dùng dây đó trói tay hắn ra sau lưng và xích mắt cá chân hắn. Tôi kéo nút thật chặt và không quá lo về việc cản trở máu hắn lưu thông.

Eckles và Varner là những sĩ quan mới nhất của Sở Cảnh sát thị trấn Pico Mundo. Chúng đăng ký và gia nhập cách nhau chỉ một hai tháng.

Tôi cá rằng chúng đã biết nhau trước khi đến thị trấn Pico Mundo. Varner được nhận trước và mở đường cho Eckles.

Robertson từ San Diego chuyển đến thị trấn Pico Mundo và mua ngôi nhà ở Camp's End trước hai tên đồng bọn. Nếu tôi nhớ không lầm, trước đây Varner làm cảnh sát nếu không phải ở ngay thành phố San Diego thì cũng quanh khu vực ấy.

Tôi không biết Bern Eckles phục vụ cho công lý ở đâu trước khi đăng ký vào Sở Cảnh sát thị

trấn Pico Mundo. Đánh cuộc vào San Diego ăn chắc hơn là Juneau, Alaska.

Ba tên đó đã nhắm thị trấn Pico Mundo làm mục tiêu vì những lý do không thể đoán ra.

Chúng lên kế hoạch kỹ lưỡng từ lâu.

Khi tôi đến bữa tiệc nướng, gợi ý rằng tìm hồ sơ lý lịch về Bob Robertson có thể là ý tưởng hay, cảnh sát trưởng đã nhờ Eckles phụ giúp. Chính lúc ấy, Robertson bị tuyên án tử hình.

Gã chắc chắn bị giết trong vòng nửa giờ sau đó. Chắc chắn Eckles đã gọi điện thoại cho Varner từ nhà cảnh sát trưởng, và Varner bóp cò súng vào gã bạn chung của hai đứa. Biết đâu Simon Varner và Robertson ở cùng một chỗ khi Varner nhận cú điện thoại của Eckles.

Lúc đã trói chặt Eckles, tôi kéo dây kéo bộ áo liền quần của hắn xuống để chứng thực rằng bên trong hắn mặc đồng phục cảnh sát.

Hắn đã vào phòng bảo vệ trong bộ trang phục xanh dương gắn huy hiệu. Các nhân viên bảo vệ chắc đã chào đón hắn không chút nghi ngờ.

Rõ ràng hắn mang theo va li đựng súng trường và bộ áo liền quần. Một va li trống rỗng mở toang nằm chổng chơ dưới sàn. Hiệu Samsonite.

Kế hoạch rất có khả năng là tiến hành cuộc dạo bắn trong khu mua sắm và rồi, khi cảnh sát đến, tìm nơi kín đáo trút bộ đồ liền quần và mặt nạ trượt tuyết. Về phần khẩu súng, Eckes có thể trà trộn vào các sĩ quan khác như thể lao đến vì nhận được cuộc gọi giống hệt họ.

Lý do của việc này không dễ hiểu như cách thức của nó.

Một số người nói rằng Chúa trò chuyện với họ. Những người khác nghe thấy ma quỷ thì thầm trong đầu. Có lẽ một trong những tên này nghĩ Sa Tăng ra lệnh cho hắn khủng bố khu mua sắm Green Moon.

Hoặc có lẽ chúng chỉ làm vậy cho vui. Một trò nghịch ngợm. Tôn giáo của bọn chúng dung thứ cho những hình thức bông đùa quá khích. Xét cho cùng, đàn ông vẫn là đàn ông và những gã cô lập vẫn sẽ trở nên cô lập.

Simon Varner vẫn còn nhớ. Có lẽ hắn và Eckles không chỉ đến mỗi khu mua sắm. Tôi không biết có bao nhiêu người trong tổ chức phù thủy đó.

Dùng một trong những điện thoại còn hoạt động, tôi gọi 911, báo cáo về ba vụ ám sát và không trả lời bất kỳ câu hỏi nào, cúp máy, đặt kênh máy. Cảnh sát sẽ đến cùng đội đặc nhiệm. Ba phút, bốn phút.

Có lẽ là năm phút.

Sẽ không kịp. Vaner sẽ thổi bay những người đi mua sắm trước khi cảnh sát đến.

Cây gậy bóng chày không nứt. Gõ tốt.

Cây gậy mang lại kết quả như dự kiến với Eckles, tôi không thể trông mong mình may mắn đến mức đủ sức tạo bất ngờ cho Varner theo cách y hệt vậy. Không bận tâm đến nỗi sợ hãi súng ống, tôi cần một vũ khí tốt hơn gậy bóng chày Louisville Slugger.

Trên mặt bàn trước các màn hình theo dõi có khẩu súng ngắn Eckles đã dùng giết nhóm bảo vệ. Tôi xem xét và thấy còn lại bốn viên trong ổ đạn mười viên.

Cố hết sức tránh nhìn nhưng những xác chết nằm trên sàn vẫn chế ngự sự chú ý của tôi. Tôi ghét bạo lực. Tôi càng ghét sự bất công. Tôi chỉ muốn làm một đầu bếp nướng thức ăn, nhưng thế giới đòi tôi nhiều thứ hơn trứng và bánh kếp.

Tôi tháo bộ phận giảm thanh, ném nó qua một bên. Bỏ áo ngoài quần.

Nhét súng dưới cạp quần.

Tôi không thành công khi cố không nghĩ đến hình ảnh mẹ cầm khẩu súng ẩn dưới cằm, chĩa vào ngực. Tôi cố không nhớ cảm giác về họng súng khi mẹ đẩy nó tới mặt tôi và bảo tôi tìm viên đạn ở đáy nòng súng tối đen chật hẹp.

Áo tôi che phủ được thứ vũ khí ấy nhưng không hoàn hảo. Khách mua sắm lo mặc cả còn người bán bận phục vụ nên sẽ không ai chú ý đến chỗ lồi lên.

Cẩn trọng, tôi mở cửa chỉ vừa đủ để lén ra khỏi phòng bảo vệ rồi đóng cửa lại. Một anh chàng đang khuất dạng theo hướng tôi cần đi, tôi bám theo, cầu mong anh ta khẩn trương lên.

Anh ta rẽ phải, đi qua cánh cửa đẩy vào phòng tiếp nhận, tôi chạy ngang qua thang máy dành riêng cho nhân viên công ty, đến cánh cửa đề biển “Thang bộ”. Tôi bước hai bậc một lúc.

Đâu đó phía trước, Simon Varner. Khuôn mặt dễ nhìn. Cặp mắt ngái ngủ. Hình xăm QST trên cẳng tay trái.

Tại tầng một của khu mua sắm, tôi rời thang bộ và đẩy cửa vào một buồng chất hàng.

Một cô nàng tóc đỏ xinh đẹp đang bận kéo mấy hộp nhỏ ra khỏi kệ. Cô ta lên tiếng “Chào” theo kiểu thân thiện.

“Chào,” tôi đáp lại rồi ra khỏi buồng chất hàng, lên tầng bày bán.

Khu dụng cụ thể thao. Lao xao. Đàn ông, vài phụ nữ, cả khối thanh thiếu niên. Đám nhóc đang xem giày trượt Rollerblades, ván trượt.

Xa hơn khu dụng cụ thể thao là dãy kệ giày. Xa hơn kệ giày là trang phục thể thao dành cho nam giới.

Đâu đâu cũng thấy toàn người là người. Quả nhiên người túm tụm chật ních. Không khí gần như lễ hội. Rất dễ bị tấn công.

Nếu tôi không mai phục lúc Bern Eckles vừa ra khỏi phòng bảo vệ, chắc giờ hẳn đã giết mười hay hai mươi người. Ba mươi.

Simon Varner. Một tên to lớn. Cảnh sát lực lưỡng. Quỷ Sa Tăng. Simon Varner.

Được năng lực siêu nhiên dẫn dắt một cách đáng tin như loài dơi được tiếng vang chỉ đường, tôi băng qua tầng một của khu mua sắm, tiến đến cánh cửa đưa ra sân.

Tôi không mong nhìn thấy thêm tay súng nào khác ở đây, Eckles và Varner sẽ chọn bãi chiến trường cách xa nhau, để gieo rắc cho được nhiều những đau thương và hoảng loạn.

Vả lại, chúng muốn tránh việc vô tình lạc vào tầm bắn của nhau.

Mười bước nữa ra tới cửa, tôi trông thấy Viola Peabody, người lẽ ra phải ở nhà cô em gái tại Maricopa Lane.

CHƯƠNG 60

Cô bé mừng tuổi mới, Levanna, và đứa em gái si mê màu hồng, Nicolina, không có mặt bên cạnh mẹ. Tôi nhìn lướt khắp đám đông người mua sắm nhưng không thấy các bé đâu.

Khi tôi hồi hải chạy đến chỗ Viola và từ phía sau chộp lấy vai chị, chị giật bắn người và đánh rơi túi đồ.

“Chị đang làm gì ở đây?” tôi gắng hỏi.

“Odd! Em làm chị muốn đứng tim.”

“Bọn trẻ đâu?”

“Ở với Sharlene.”

“Sao *chị* không ở với chúng?”

Nhặt túi đồ lên, chị đáp, “Chị chưa mua sắm cho sinh nhật. Phải có quà chứ. Chị ghé qua đây mua đôi giày trượt patin nhanh thôi.”

“Giấc mơ của chị,” tôi gấp gáp nhắc nhở, “Đây là *giấc mơ* của chị.”

Mắt chị mở to. “Nhưng chị chỉ vào rồi ra ngay thôi và chị đâu có xem phim.”

“Nó sẽ không diễn ra ở rạp chiếu phim. Nó diễn ra ở *đây*.”

Lập tức hơi thở của chị nghẹn ngay cổ họng hết như nỗi kinh hoàng chém búa vào ngực chị.

“Ra khỏi đây,” tôi la lên. “Ra khỏi đây *ngay*.”

Chị rối lên, điên cuồng nhìn quanh quất khắp nơi như thể từng người đi mua sắm, hay tất cả bọn họ đều có thể là kẻ sát nhân, rồi chị định hướng đến cửa dẫn ra sân.

“Không!” Tôi kéo chị lại gần mình. Mọi người nhìn chúng tôi. Chuyện đó thì có sao không? “Lối đó không an toàn.”

“Ở đâu?” chị hỏi.

Tôi xoay người chị lại. “Ra phía sau tầng này, băng qua dãy kệ giày thể thao, qua khu dụng cụ thể thao. Có một buồng chất hàng không xa nơi chị mua giày trượt patin. Đến buồng chất hàng. Trốn ở đó.”

Chị toan bỏ đi nhưng khựng lại nhìn tôi. “Em đến đó chứ?”

“Không.”

“Em đi đâu?”

“Vào trong đó.”

“Đừng,” chị nài nỉ.

“Đi ngay đi!”

Khi chị đi đến phía sau khu mua sắm, tôi vội vàng lao ra sân.

Tại đây. Góc cuối phía bắc khu mua sắm Green Moon, một thác nước cao hơn mười hai mét đổ xuống vách đá nhân tạo, tạo thành dòng suối chảy theo chiều dài mảnh sân. Khi tôi băng qua dốc thác, âm thanh ùng ục bì bõm của nước nghe bất thường như tiếng gầm của đám đông.

Khung cảnh sáng tối. Sáng tối như trong giấc mơ của chị Viola. Bóng tối giăng xuống từ hàng cọ chạy dọc con suối.

Ngược nhìn những cây cọ, rồi nhìn lên tầng hai, tôi thấy hàng trăm ông kệ tụ tập dọc lan can phía trên, mắt nhìn xuống cánh cửa để mở.

Chúng chen lấn, háo hức, hăm hở, kéo đẩy, uốn éo như lũ nhện bị kích động.

Đám đông đi săn món hời choán hết chỗ trên tầng một, họ rảo từ cửa hàng này sang cửa hàng khác, không hề hay biết bày khán giả những linh hồn xấu xa đang theo dõi họ với trạng thái đề phòng.

Năng lực tuyệt vời, năng lực đáng ghét, năng lực đáng khiếp sợ của tôi dẫn tôi đi dọc sân, hướng ra phía nam, nhanh hơn, theo tiếng ùng ục bì bõm của con suối, điên cuồng truy tìm Simon Varner.

Không phải hàng trăm ông kệ, mà là hàng ngàn. Tôi chưa bao giờ trông thấy một lũ đông đến gần ấy, chưa bao giờ hình dung sẽ có lúc nhìn thấy vậy. Chúng như đám quần chúng xứ La Mã ngồi tung hô trong đại hý trường, phấn khích chứng kiến những người lờn nguyện cầu

không được đáp lại, trông mong bọn sư tử, ngóng chờ máu thấm ướt cát.

Tôi tự hỏi tại sao bọn chúng biến mất khỏi đường phố. Đây chính là câu trả lời. Giờ khắc của chúng đã đến.

Khi tôi băng qua cửa hàng vật dụng phòng ngủ và phòng tắm, tiếng lạch cạch nặng nề của loạt súng đại bác tự động nổ ra ở khoảng sân phía trước.

Loạt bắn đầu tiên xem ra nhanh gọn. Trong hai ba giây, sau khi nó chấm dứt, sự im lặng bất thường bao trùm khắp khu mua sắm.

Hàng trăm khách hàng như bị đông cứng, chắc chắn nước suối vẫn tiếp tục chảy nhưng dường như nó xuôi dòng mà không hề phát ra âm thanh. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu đồng hồ của mình xác nhận thời gian đã đứng im một cách kỳ quặc.

Một tiếng thét xé toạc sự yên tĩnh và lập tức đám đông hòa theo. Súng đáp trả những người kêu gào bằng tiếng nắc hập hồi dài lần đầu.

Liều lĩnh, tôi xô đẩy, chạy dọc khoảnh sân tiến về phía nam. Thật khó để có thể dẫn bước vì những người mua sắm hoảng loạn đang từ hướng nam tủa ra, chạy thoát làn súng.

Mọi người đẩy tôi bật ra, nhưng tôi trụ vững trên hai chân, chen lấn đâm đầu vào loạt súng thứ ba.

CHƯƠNG 61

Tôi sẽ không kể mọi thứ tôi nhìn thấy. Tôi sẽ không làm vậy. Không thể. Người đã khuất đáng được kính trọng. Những người bị thương đáng được hưởng sự riêng tư. Những người thân yêu đáng được nhận chút yên bình.

Tôi càng hiểu hơn tại sao binh lính từ mặt trận trở về ít khi kể cho gia đình nghe những chiến công hơn là những điều chung chung. Chúng ta, những người sống sót phải sống tiếp nhân danh những người ngã xuống, nhưng nếu chúng ta nhấn nhá quá nhiều vào những chi tiết sống động của điều tận mắt chứng kiến về hành động vô nhân đạo giữa người với người, chúng ta sẽ *không thể* sống tiếp. Kiên nhẫn sẽ là điều không thể thực hiện nếu chúng ta không cho phép bản thân hy vọng.

Đám đông hoảng loạn ồ ạt tràn qua tôi và tôi thấy mình lạc giữa đầy rẫy những nạn nhân, tất cả nằm trên sàn, chết và bị thương ít hơn mức tôi tưởng nhưng thế đã là rất nhiều. Tôi thấy cô phục vụ tóc vàng của Green Moon Lanes trong bộ đồng phục làm việc... và ba người khác. Có lẽ họ đến khu mua sắm ăn trưa trước khi vào làm.

Bất kể là gì, tôi cũng không phải siêu nhân. Tôi chảy máu. Tôi đau đớn. Chuyện này hơn mức tôi có thể chịu đựng. Chuyện này gấp mười mấy lần vụ ở hồ Malo Suerte.

Tàn ác theo trái tim con người... Khiếp đảm con người nhào nặn siêu phàm.

Không phải Shakespeare. William Blake. Trích trong một bài thơ của chính ông.

Bè lũ ông kẹ từ tầng trên đổ xuống. Chúng đang lê lết giữa những người chết và người bị thương.

Dù có xử lý chuyện này hay không, tôi cũng không còn chọn lựa khác ngoài việc nỗ lực hết sức. Nếu muốn bỏ đi thì có lẽ tôi tự sát ngay đây cũng được.

Ao cá nằm không xa phía trước. Khu rừng nhân tạo bao quanh nó. Tôi nhìn thấy băng ghế nơi Stormy và tôi đã ngồi ăn kem dừa anh đào sôcôla miếng.

Một tên mặc bộ áo liền quần màu đen, đeo mặt nạ đen. Dáng vẻ to lớn của hắn đủ để tôi xác định đó chính là Simon Varner.

Hắn ôm một khẩu súng trường dường như đã được chỉnh sửa một cách đầy đủ và bất hợp pháp thành loại súng tự động.

Đôi ba người đang lẫn trốn trong đám cỏ, thu mình dưới ao cá nhưng đa số đã bỏ chạy khỏi sân vào các cửa hàng, liều mạng núp ở đó, có lẽ hy vọng sẽ thoát bằng cửa sau. Qua cửa sổ của những cửa hàng trang sức, quà tặng, phòng tranh, vật dụng nhà bếp, tôi có thể thấy họ chen chúc nhau, vẫn còn rất dễ bị lộ.

Trong thời điểm ngập ngụa máu mang đầy tính bạo lực như trò chơi điện tử, ngôn ngữ máy móc tàn nhẫn đang ngày càng được sử dụng phổ biến sẽ gọi đây là môi trường giàu mục tiêu.

Quay lưng lại phía tôi, Varner xả loạt đạn vào các mặt tiền cửa hàng đó.

Cửa sổ tiệm kem Burke & Bailey vỡ tan tành, trút vào cửa tiệm một trận lụt đầy mảnh vụn thủy tinh lấp lánh.

Chúng tôi đã được an bài sẽ bên nhau mãi mãi. Chúng tôi có tấm thẻ nói thế. Chúng tôi có vết bớt xứng với nhau.

Cách xa tên khốn điên loạn mười tám mét, mười lăm mét rồi gần hơn, tôi nhận ra mình đang nắm chặt khẩu súng ngắn. Tôi không nhớ đã rút nó ra khỏi cạp quần khi nào.

Tay cầm súng của tôi đang run, thế nên tôi cầm súng bằng cả hai tay.

Tôi chưa bao giờ sử dụng súng. Tôi ghét súng ống.

Mày cũng có thể bóp cò, thẳng khỉ ạ.

Con đang cố đây, mẹ ời. Con đang cố.

Varner đã bắn hết ổ đạn của súng trường. Có thể đó đã là ổ đạn thứ hai. Như Eckles, hắn mang đạn dự phòng trong thắt lưng tiện dụng.

Cách mười hai mét tôi bắn một phát. Trượt.

Được báo động bởi tiếng nổ của phát súng, hắn quay lại phía tôi và rút bỏ ổ đạn rỗng.

Tôi bắn tiếp, trượt tiếp. Trong phim ảnh, người ta không bao giờ bắn trượt từ khoảng cách này.

Trừ khi nhân vật bị bắn là một anh hùng, trong trường hợp đó người ta bắn trượt từ khoảng cách một mét rưỡi.

Simon Varner không phải anh hùng. Tôi không biết phải làm gì.

Hắn biết. Hắn giật một ổ đạn đầy nguyên ra khỏi thắt lưng. Hắn thành thạo, mau lẹ và bình tĩnh.

Trong khẩu súng tôi lấy từ Eckles, hắn đã dùng sáu viên thủ tiêu nhóm bảo vệ. Tôi đã dùng hai viên. Giờ chỉ còn duy nhất hai viên.

Từ khoảng cách chín mét, tôi gom hết sức bắn phát thứ ba.

Varner trúng đạn nơi vai trái nhưng không gục ngã. Hắn lão đảo rồi gượng lại và nhét ổ đạn mới vào súng trường.

Bồn chồn, giãy giụa, kích động, bày ông kẹ tụ tập quanh tôi, quanh Varner. Chúng rắn chắc đối với tôi, vô hình đối với hắn; chúng cản trở tầm nhìn của tôi nhưng không ảnh hưởng đến tầm nhìn hắn.

Lúc này, tôi đã tự hỏi liệu mình có bị điên không. Vấn đề đã sáng tỏ. Tôi thật sự tung tởng.

Chạy thẳng vào hắn, xuyên qua đám ông kẹ mờ đục như lớp vải đen nhưng mơ hồ như những cái bóng, khẩu súng ngắn ôm phía trước, kiên quyết không phí phạm viên đạn cuối cùng, tôi thấy họng súng trường ngày càng gần, và tôi biết hắn sẽ hạ gục tôi nhưng tôi đợi một khoảng cách ngắn nữa, và rồi thêm khoảng nữa, trước khi nhắm thẳng bóp cò.

Sự biến đổi kịch cớm nào trên vẻ mặt hắn cũng được mặt nạ che đậy, nhưng mặt nạ không thể ngăn chặn trọn vẹn phát súng.

Hắn đổ sụp nặng nề như chính hắn là Quỷ Sa Tăng bị ném khỏi Thiên đường, rơi xuống Địa ngục. Vũ khí rơi lách cách khỏi tay hắn.

Tôi đá khẩu súng trường ra xa ngoài tầm với của hắn. Khi tôi khom người xem xét, không nghi ngờ gì hắn đã là một xác chết thối tha. QST cũng chính là Quyết Sinh Tử.

Thế nhưng, tôi trở ngược lại chỗ súng trường và đá nó ra xa hơn.

Sau đó tôi đi theo rồi đá nó xa nữa và làm như vậy thêm một lần.

Khẩu súng trong tay tôi đã trở nên vô dụng. Tôi ném nó sang bên.

Đột nhiên tôi thấy như mình đang đứng trên nền đất cao, như thể còn bọn ông kẹ là dòng nước đen ngòm, chúng chảy đi xa khỏi tôi, tìm kiếm quang cảnh chết chóc và hấp hối.

Tôi cảm giác mình sắp nôn. Tôi đến thành ao cá và khuyu gối.

Chuyển động của con cá sặc sỡ lẽ ra đã khiến tôi nôn thốc nôn tháo, vậy mà cơn buồn nôn lắng xuống giây lát. Tôi không đau khổ, nhưng khi đứng lên, tôi bắt đầu khóc.

Trong các cửa hàng, xa hơn chỗ mấy tấm kính cửa sổ vỡ nát, mọi người ngẩng đầu lên.

Chúng tôi đã được an bài sẽ bên nhau mãi mãi. Chúng tôi có tấm thẻ nói thế. Xác ướp Gypsy không bao giờ sai.

Run rẩy, đổ mồ hôi, lấy mu bàn tay quạt nước mắt, tôi phát ốm bởi viễn cảnh sắp phải đón nhận mất mát ngoài sức chịu đựng, tôi bắt đầu hướng đến tiệm kem Burke & Bailey.

Mọi người nhóm dậy khỏi đồng đồ nát của tiệm kem. Vài người bắt đầu thận trọng dò dẫm tìm đường băng qua đồng kính vỡ trở ra sân.

Tôi không thấy Stormy trong số họ. Có thể nàng đã trốn phía sau cửa hàng, chỗ văn phòng của nàng khi cuộc bắn giết bắt đầu.

Thình lình tôi bị áp đảo bởi nhu cầu phải di chuyển, di chuyển và di chuyển. Tôi quay đi khỏi tiệm kem Burke & Bailey, tiến vài bước đến cửa hiệu nằm cuối phía nam. Dừng chân, bối rối. Trong giây lát, tôi thấy mình đang muốn phủ nhận sự thật, đang cố chạy xa khỏi điều có thể tìm thấy trong tiệm kem.

Không. Tôi cảm nhận một sự lôi kéo mơ hồ nhưng không thể nhầm lẫn. Sức hút siêu linh. Nó đang lôi kéo tôi.

Tôi cứ nghĩ mình đã hoàn thành xong việc. Nhưng rõ ràng là chưa.

CHƯƠNG 62

Cửa hiệu này cao cấp hơn chỗ chị Viola mua giày trượt patin. Hàng hóa ở đây có chất lượng bảo đảm hơn hàng hóa trong cửa hiệu cuối phía bắc khu mua sắm.

Tôi đi qua cửa hàng nước hoa và mỹ phẩm, những tủ kính và mẫu mã trưng bày đẹp tuyệt, nhưng không ngụ ý một cách tinh vi rằng hàng hóa đáng giá như kim cương.

Cửa hàng trang sức sáng lóa với đá granit đen, inox và kính Starfire, như thể nó giới thiệu không chỉ các viên kim cương thông thường mà là những vật dụng lấy từ bộ sưu tập riêng của Chúa trời.

Tuy tiếng súng không còn, nhưng khách mua sắm và nhân viên vẫn ẩn náu sau các quầy hàng, các cột đá hoa cương. Họ lén nhìn khi tôi sai bước đi qua, nhưng nhiều người ngần ngại và lại cúi đầu tránh mặt.

Cho dù không có súng nhưng chắc hẳn tôi tỏ ra nguy hiểm. Hay có lẽ trông tôi như mất hồn, bàng hoàng. Họ không dám liều lĩnh. Tôi không trách họ trốn tránh tôi.

Vẫn khóc, lấy tay quệt mắt, tôi cũng đang nói to với chính mình. Tôi không thể *ngừng* lắm lắm, và thậm chí tôi không nói được gì ra hồn.

Tôi không biết sức hút siêu linh sẽ dẫn mình đi đến đâu, không biết Stormy còn sống hay đã chết trong tiệm kem Burke & Bailey. Tôi muốn quay lại tìm nàng, nhưng tiếp tục bị năng lực đòi hỏi khắt khe kia lôi kéo một cách cấp bách về phía trước. Ngôn ngữ cơ thể của tôi biểu thị sự co giật, nói ngắc ngứ và hấp tấp lao đi vì ý định mới. Chắc tôi không giống người bị động kinh mà giống một gã loạn thần kinh.

Simon Varner không còn khuôn mặt dễ mến hay cặp mắt ngái ngủ nữa. Hắn chết trước tiệm kem Burke & Bailey.

Hay có lẽ tôi đang theo dấu một thứ gì đó *liên quan* đến Varner. Tôi không thể đoán ra đó là cái gì. Sự cưỡng ép di chuyển này cứ tiếp tục mà không chỉ đối tượng cụ thể nào mới cho tôi.

Tôi băng qua những giá treo váy đầm, áo kiểu bằng lụa, áo khoác, túi xách, cuối cùng tôi vội vã lao đến cánh cửa đề dòng chữ "Chỉ dành cho nhân viên". Phía sau là kho hàng.

Tôi mở cửa ra, đối diện là một cánh cửa khác dẫn đến cầu thang bộ.

Cách bố trí ở đây tương tự bên cửa hàng cuối phía bắc. Cầu thang đưa xuống hành lang, nơi đó tôi đi qua thang máy dành riêng cho nhân viên và đến một cánh cửa lò xo ngoại cỡ có đề biển “Phòng Tiếp nhận”.

Căn phòng này phản ánh một doanh nghiệp phát đạt, dù nó không ngang bằng về quy mô so với căn phòng bên cửa hàng cuối phía bắc. Hàng hóa nằm trên giá treo và băng chuyền đang chờ kiểm kê, đóng gói và chuyển lên buồng chất hàng, tầng bày bán.

Vô số nhân viên hiện diện, nhưng công việc có vẻ đang tạm dừng. Hầu hết mọi người tụ tập quanh một phụ nữ đang thẩn thức, và những người khác cũng băng qua phòng đến chỗ cô ấy. Dưới này không thể nghe tiếng súng nên tin tức về vụ kinh hoàng trong khu mua sắm giờ mới đến được đây.

Chỉ có duy nhất một chiếc xe tải đậu trong phòng tiếp nhận: không phải xe vận tải loại lớn, nó dài hơn năm mét, không có tên công ty trên cửa xe hay bên hông toa moóc. Tôi tiến về phía nó.

Một anh chàng lực lưỡng đầu trọc và để ria mép dài hai bên bám theo tôi theo đường đi đến chiếc xe. “Anh đi xe này à?”

Không trả lời, tôi mở cửa bên tài xế và trèo vào buồng lái.

Chìa không nằm sẵn trong ổ khóa.

“Tài xế của anh đâu?” anh ta hỏi.

Khi bật mở ngăn đựng giấy tờ, tôi thấy nó trống rỗng. Thậm chí không có giấy đăng ký hay phiếu bảo hiểm theo luật định của bang California.

“Tôi là quản đốc ở đây,” anh chàng lực lưỡng lên tiếng. “Anh bị điếc hay anh khó ưa vậy hả?”

Không một thứ gì trên ghế. Không thùng rác dưới sàn. Không một mảnh giấy gói kẹo vút bậy. Không có hộp khử mùi hay vật trang trí treo trên kính.

Chiếc xe không tạo cảm giác có người dùng nó làm phương tiện mưu sinh hay dành phần lớn thời gian ở trong xe.

Khi tôi từ sau vô lăng nhảy ra khỏi xe, viên đốc công cất giọng. “Tài xế của anh đâu? Anh ta không nộp tôi bản kê khai hàng hóa còn toa xe thì khóa kín.”

Tôi đi vòng ra sau xe, toa xe có cửa cuốn. Ổ khóa nằm dưới cánh cửa khóa chặt nó vào sàn toa xe.

“Tôi còn những đợt giao hàng khác,” viên đốc công nói. “Tôi không thể để nó cứ đậu đây.”

“Anh có khoan điện không?” tôi hỏi.

“Anh định làm gì?”

“Phá ổ khóa.”

“Anh không phải người lái chiếc xe này vào đây. Anh làm chung với anh ta à?”

“Cảnh sát,” tôi bịa chuyện. “Ngoài giờ.”

Anh ta còn hồ nghi.

Chỉ vào người phụ nữ thốn thức hiện đang được rất nhiều nhân viên vây quanh, tôi nói, “Anh nghe chuyện cô ấy kể chưa?”

“Tôi đang trên đường đến đó thì thấy anh.”

“Hai tên điên mang súng máy tấn công khu mua sắm.”

Khuôn mặt anh ta cắt không còn giọt máu, đến mức bộ ria mép vàng hoe dường như cũng trắng bệch.

“Anh có nghe chuyện bọn chúng bắn cảnh sát trưởng Porter tối qua không?” tôi hỏi. “Đó là màn chuẩn bị cho việc này.”

Với nỗi khiếp đảm dâng nhanh, tôi quan sát trần nhà của phòng tiếp nhận mênh mông. Ba tầng lầu đầy các cửa hàng nằm chật chồng bên trên căn phòng này, được nâng đỡ bằng những cây cột đồ sộ.

Những con người sợ hãi đang trốn tránh tay súng trên kia. Hàng trăm, hàng trăm người.

“Có thể,” tôi nói, “tên khốn đến đây với thứ còn tệ hại hơn súng máy.”

“Ôi, chết tiệt. Tôi sẽ đi lấy khoan.” Anh ta đưa nước rút đi lấy nó.

Sau giây lát áp cả hai bàn tay lên cánh cửa cuốn ở toa xe, tôi tì trán vào cửa.

Tôi không biết mình mong chờ cảm nhận được gì. Thực ra, tôi cảm thấy chẳng có gì bất

thường. Thế nhưng sức hút siêu linh vẫn chèo kéo tôi. Điều tôi muốn không phải chiếc xe tải mà là thứ nằm *bên trong* chiếc xe tải.

Viên đốc công quay trở lại với cái khoan và ném cho tôi cặp kính bảo hộ.

Ổ điện được gắn sâu dưới sàn bê tông tại những địa điểm thuận tiện trong khắp phòng tiếp nhận. Anh ta cắm phích của máy khoan vào ổ điện gần nhất và cho phép kéo dài sợi dây thoải mái.

Thiết bị nặng tay. Tôi thích dáng vẻ công nghiệp của mũi khoan. Động cơ kêu rít nhờ nguồn điện đầy đủ.

Khi tôi khoan vòng khóa, những mẩu kim loại văng lách cách lên kính bảo hộ, bắn vào mặt. Mũi khoan cũng trầy xước nhưng nó dùi lỗ qua ổ khóa chỉ trong vài giây.

Lúc bỏ khoan xuống và tháo kính bảo hộ ra, tôi nghe có người la lên từ đằng xa. “Ê! Để yên đó!”

Dọc khu dỡ hàng nền cao, không có ai. Rồi tôi thấy hấn ta. Bên ngoài phòng tiếp nhận, cách chân dốc xe chạy khoảng sáu mét.

“Đó là tài xế,” viên đốc công nói với tôi.

Một người lạ mặt. Hấn ta chắc hẳn đang quan sát, có lẽ bằng ống nhòm, từ ngoài ga-ra dành cho nhân viên, xuyên qua ba tuyến đường dỡ hàng.

Nắm chặt hai tay cầm, tôi đẩy mạnh cánh cửa lên. Phần đối trọng làm việc hiệu quả và do được tra dầu kỹ lưỡng, cánh cửa chạy lên trơn tru và nhanh chóng mở toang.

Chiếc xe tải hóa ra nhồi nhét hàng trăm cân chất nổ plastic.

Một cây súng nổ hai phát, một viên đạn trúng vào thành xe, mọi người trong phòng tiếp nhận hét lên và viên đốc công co giò bỏ chạy.

Tôi liếc ra sau. Tên tài xế không đến gần chân dốc. Hấn có khẩu súng ngắn, đó không phải vũ khí tối ưu để bắn tầm xa đến vậy.

Trên sàn toa xe, trước đồng chất nổ là đồng hồ định giờ dùng trong nhà bếp, hai cục pin đầu mạ đồng, những mẩu nhỏ lạ lùng mà tôi không nhận ra là gì, một đồng dây nhợ. Hai cuộn dây kết thúc tại một bệ đỡ bằng đồng cắm trên vách xám xịt.

Âm thanh rin rít chói tai của kim loại va chạm kim loại, phát súng thứ ba nảy bật ra khỏi xe tải.

Tôi nghe tiếng viên đốc công nổ máy chiếc xe nâng gần đó.

Tổ chức phù thủy không sắp đặt cho toa xe nổ tung khi cánh cửa mở ra vì bọn chúng chưa thời gian ít đến mức chúng không nghĩ có người chạy lại đây kịp để vô hiệu hóa nó. Đồng hồ có vòng quay ba mươi phút và tay quay báo giờ nằm cách số không ba phút.

Lách cách: hai phút.

Phát súng thứ tư trúng lưng tôi. Tôi không thấy đau ngay, chỉ giật nảy người, đập xuống xe tải, mặt cách đồng hồ vài phân.

Có lẽ phát súng thứ năm, phát súng thứ sáu trúng vào một trong những khối chất nổ plastic với âm thanh tẻ nhạt, ẩm ướt.

Một viên đạn không kích nổ nó. Chỉ có bình ắc quy mới làm được.

Hai sợi dây gây nổ được đặt cách nhau một tấc, một tấc rưỡi. Sợi này kích hoạt còn sợi kia chặn đứng? Hay một sợi chỉ là dự phòng trong trường hợp sợi kia không thể gây nổ? Tôi không biết mình phải giật mạnh một hay cả hai sợi.

Có lẽ phát súng thứ sáu hay thứ bảy lại trúng lưng tôi.

Lần này cơn đau đập bẹp tôi, nện tôi như tử.

Trong lúc sụp xuống bởi tác động tàn bạo của viên đạn, tôi túm chặt cả hai sợi dây, và khi ngã ngược ra sau, tôi giật mạnh chúng khỏi đồng chất nổ, lôi đồng hồ, pin và toàn bộ khối kíp nổ theo cùng.

Xoay người trong lúc ngã, tôi đập phần hông xuống sàn, hướng mặt về phía con dốc. Tay súng đã tiến lên gần tôi hơn để bắn trúng hơn.

Thêm một viên đạn nữa là có thể thanh toán đời tôi, thế mà hắn lại quay lại, cầm đầu phóng xuống con dốc.

Viên đốc công gầm rống, chạy qua tôi và lao xuống con dốc trên chiếc xe nâng, một thứ có phần bảo vệ anh ta trước súng đạn nhờ những thanh nâng chìa ra nhô cao và lớp vỏ sắt của chúng.

Tôi không tin tay súng kia bỏ chạy vì chiếc xe nâng. Hắn muốn ra khỏi đây vì hắn không thấy rõ hành động tôi đã làm đối với kíp nổ.

Hắn định chuồn khỏi tầng hầm dờ hàng kiềm bãi đậu xe này và chạy xa hết mức theo như

vận may cho phép.

Những người lo âu hồi hải chạy đến chỗ tôi.

Đồng hồ định giờ vẫn hoạt động. Nó nằm trên sàn, cách mặt tôi vài phân.

Lách cách: một phút.

Cơn đau đang giảm; song tôi lại lạnh cóng. Lạnh một cách kỳ lạ. Tầng hầm đỡ hàng và phòng tiếp nhận không có máy điều hòa, vậy mà tôi lạnh run người.

Mọi người quỳ cạnh tôi, nói chuyện với tôi. Dường như họ nói bằng tiếng nước ngoài vì tôi không hiểu họ đang nói gì.

Buồn cười, sa mạc Mojave trở nên quá băng giá.

Tôi không bao giờ nghe thấy đồng hồ lách cách nhích đến số không.

CHƯƠNG 63

Stormy Llewellyn và tôi đã đi từ trại huấn luyện binh lính sang cuộc đời thứ hai trong số ba kiếp sống. Chúng tôi đang cùng nhau thực hiện những chuyến phiêu lưu vĩ đại sang thế giới bên kia.

Đa số là các hành trình lãng mạn thú vị đến những địa điểm mờ ảo kỳ bí, cùng các tình tiết vui vẻ đầy những nhân vật lạ lùng, trong đó bao gồm Ngài Indiana Jones, người sẽ không thừa nhận thật ra ông là Harrison Ford, còn có Luke Skywalker, và cả dì Cymry của tôi, người rất giống quái vật Jabba the Hutt nhưng đẹp cực kỳ, và tất nhiên phải có luôn Elvis.

Những trải nghiệm khác lạ lùng hơn, đen tối hơn, toàn sấm sét, mùi máu và bầy ông kẻ lượn lơ cùng mẹ tôi thỉnh thoảng phải chạy trên bốn chân.

Đôi lúc tôi nhận thấy Chúa trời và các thiên sứ của Ngài đang nhìn xuống tôi từ trên bầu trời thế giới mới này. Họ có khuôn mặt khổng lồ, lơ mờ, mang màu xanh lá cây mát mẻ dễ chịu, nhiều lúc màu trắng, tuy họ không có nét nào khác ngoài cặp mắt. Không mũi, không miệng, lẽ ra họ phải kinh khủng lắm, thế nhưng họ bày tỏ sự yêu thương chăm sóc, và tôi luôn cố nở nụ cười với họ trước khi họ tan biến vào mây trời.

Cuối cùng tôi lấy lại được sự minh mẫn để nhận ra mình đã trải qua cuộc phẫu thuật và đang nằm trên giường bệnh trong căn phòng nhỏ ở Khoa hồi sức tích cực thuộc Bệnh viện đa khoa của hạt.

Vậy là tôi chưa đi khỏi trại huấn luyện binh lính.

Chúa và các thiên sứ thật ra là bác sĩ, y tá đeo khẩu trang. Dì Cymry, bất kể ở đâu, có lẽ cũng không giống quái vật Jabba the Hutt chút nào.

Một y tá bước vào phòng khi thấy dữ liệu truyền đi từ máy đo nhịp tim của tôi thay đổi, cô lên tiếng, “Xem ai tỉnh này. Cậu có biết tên mình không?”

Tôi gật đầu.

“Cậu nói tên được không?”

Đến khi cố đáp lại tôi mới nhận ra mình yếu đến mức nào. Giọng tôi nhỏ và thều thào, “Odd Thomas.”

Khi cô quá chú ý đến tôi và bảo rằng tôi hết như vị anh hùng, cam đoan tôi sẽ khỏe lại, tôi thều thào “Stormy” bằng giọng đứt quãng.

Tôi sợ kêu tên nàng. Sợ phải hứng chịu tin dữ. Thế nhưng cái tên thân thương đối với tôi đến nỗi lập tức tôi thích cảm nhận nó trên đầu lưỡi một khi đủ sức kêu lên.

Cô y tá tưởng rằng tôi kêu đau họng, và khi cô gợi ý có thể để một, hai mẫu nước đá nhỏ tan trong miệng tôi, tôi lắc đầu mạnh hết sức và nói, “Stormy. Tôi muốn gặp Stormy Llewellyn.”

Tim tôi đập mạnh. Tôi nghe tiếng *bíp bip* nhỏ và nhanh phát ra từ máy đo điện tâm đồ.

Y tá đưa bác sĩ đến khám cho tôi. Xem ra ông ta kinh ngạc trước tôi, một phản ứng mà không đầu bếp chiên nướng thức ăn nào trên thế giới quen với nó và không một ai có thể cảm thấy thoải mái về nó.

Ông ta dùng cụm từ “anh hùng” quá nhiều, và bằng giọng khò khè, tôi yêu cầu ông ta đừng lặp lại từ đó nữa.

Tôi thấy mệt rã rời. Tôi không muốn chợp mắt trước khi gặp Stormy. Tôi nhờ họ đưa cô ấy vào.

Việc họ không phản ứng tức thì trước thỉnh cầu của tôi khiến tôi hoảng sợ lần nữa. Tim đập thình thịch, vết thương của tôi nhói lên đồng thanh, bất chấp mọi liều thuốc giảm đau tôi đang được truyền.

Họ lo rằng ngay cả cuộc gặp gỡ năm phút cũng gây cho tôi quá nhiều căng thẳng, nhưng tôi van nài và họ để nàng vào Khoa hồi sức tích cực.

Nhìn thấy nàng, tôi bật khóc.

Nàng cũng khóc. Đôi mắt Ai Cập đen huyền.

Tôi quá yếu không thể chìa tay tới nàng. Nàng luồn tay qua thanh chắn của giường, áp tay lên tay tôi. Tôi tìm thấy sức mạnh để đan bàn tay tôi vào bàn tay nàng, một nút thắt tình yêu.

Nhiều giờ liền, nàng ngồi ngoài phòng đợi của Khoa hồi sức tích cực trong bộ đồng phục của tiệm kem Burke & Bailey mà nàng cực ghét. Giày hồng, vớ trắng, váy hồng, áo kết hợp hai màu trắng hồng.

Tôi nói với nàng rằng đây chắc hẳn là trang phục sắc sỡ nhất từng xuất hiện ở phòng đợi

của Khoa hồi sức tích cực. Nàng cho tôi biết Ozzie “bé” đang ở ngoài kia, ngồi trên hai cái ghế, mặc quần vàng và áo sômi kiểu Hawaii. Chị Viola cũng ngoài đó, và cả cô Terri Stambaugh.

Khi tôi hỏi tại sao nàng không đội mũ lưỡi trai hồng, nàng ngạc nhiên sờ tay lên đầu, lần đầu tiên phát hiện ra mình không đội mũ. Tôi mất mũ trong cơn hỗn loạn tại khu mua sắm.

Tôi nhắm mắt và khóc, không phải vì vui sướng mà vì đau xót. Tay nàng siết chặt tay tôi, nàng truyền cho tôi sức mạnh để thiếp đi và dám trải qua những giấc mơ về bọn yêu ma.

Sau đó nàng ghé thăm tôi thêm lần nữa trong năm phút, và khi nàng nói chúng tôi cần hoãn đám cưới, tôi nhất mực giữ nguyên kế hoạch vào thứ Bảy. Sau chuyện đã xảy ra, thành phố chắc chắn sẽ cắt giảm mọi thủ tục rườm rà, và nếu bác của Stormy không chịu làm lễ cho chúng tôi trong phòng bệnh, sẽ có chánh án thực hiện.

Tôi đã hy vọng ngay sau đám cưới, hai đứa sẽ động phòng. Song đám cưới lúc nào đối với tôi cũng quan trọng hơn đêm tân hôn, bây giờ lại càng quan trọng hơn bao giờ hết. Chúng tôi còn cả quãng đời dài để ngủ với nhau.

Trước đó nàng hôn tay tôi. Giờ nàng chồm lên thanh chắn, hôn môi tôi. Nàng là sức mạnh của tôi. Nàng là định mệnh của tôi.

Không hề có ý thức về thời gian, tôi ngủ lơ mơ chập chờn.

Người tiếp theo vào thăm tôi, bà Karla Porter, xuất hiện sau khi y tá nâng giường tôi lên và cho tôi uống vài ngụm nước. Bà Karla ôm tôi, hôn lên má, lên trán tôi, và cả hai đã cố mà vẫn không ngăn được nước mắt.

Chưa bao giờ tôi nhìn thấy bà Karla khóc. Bà mạnh mẽ, bà cần phải thế. Giờ đây bà có vẻ suy sụp.

Tôi lo tình hình của cảnh sát trưởng bỗng trở nặng nhưng bà nói không có chuyện đó.

Bà mang đến tin tốt lành rằng cảnh sát trưởng sẽ được đưa ra khỏi Khoa hồi sức tích cực ngay đầu giờ sáng mai. Ông đã bình phục hẳn.

Thế nhưng sau nỗi kinh hoàng ở khu mua sắm Green Moon, không ai trong chúng tôi còn như trước nữa. Thị trấn Pico Mundo cũng vĩnh viễn thay đổi.

Nhẹ nhõm khi biết cảnh sát trưởng sẽ bình phục, tôi không nghĩ đến chuyện hỏi han về vết thương của mình, Stormy Llewellyn còn sống; lời hứa của Xác ướp Gypsy sẽ được thực hiện. Mọi chuyện khác không thành vấn đề nữa.

CHƯƠNG 64

Sáng thứ Sáu, chỉ một ngày sau khi cảnh sát trưởng Porter ra khỏi Khoa hồi sức tích cực, bác sĩ cho phép tôi chuyển sang phòng bệnh riêng.

Họ cho tôi đến ở tại một trong những căn phòng đẹp để bày trí như phòng khách sạn. Đúng ngay căn phòng tôi đã được vào tắm trong đêm ngồi thức canh cảnh sát trưởng.

Khi tôi bày tỏ lo ngại và nhắc họ nhớ rằng tôi chỉ là đầu bếp chiên nướng thức ăn, đích thân giám đốc Bệnh viện đa khoa của hạt cam đoạn với tôi họ sẽ miễn tất cả khoản viện phí nằm ngoài số tiền công ty bảo hiểm đồng ý thanh toán.

Chuyện làm anh hùng này khiến tôi lúng túng, tôi không muốn nhờ vào nó để nhận bất cứ kiểu chăm sóc đặc biệt nào. Tuy nhiên, tôi tử tế chấp nhận sự hào phóng của họ vì, nếu ở phòng bệnh thường, Stormy chỉ có thể ghé thăm tôi, còn ở đây nàng có thể chuyển đến ở với tôi hai mươi bốn giờ một ngày.

Sở Cảnh sát cử người canh gác hành lang bên ngoài phòng tôi. Không còn ai đe dọa tôi. Mục đích của việc đó nhằm ngăn giới truyền thông đến gần.

Tôi nghe nói sự việc ở khu mua sắm Green Moon đã trở thành tin nóng trên toàn cầu. Tôi không muốn đọc báo. Tôi từ chối bật tivi.

Hồi tưởng lại nó trong những cơn ác mộng đã quá đủ rồi. Quá nhiều là đằng khác.

Với tình hình này, đám cưới vào thứ Bảy cuối cùng xem ra không thực tế. Phóng viên nắm được kế hoạch của chúng tôi và sẽ có mặt khắp trụ sở tòa án. Vấn đề đó cùng những vấn đề khác có vẻ không thể khắc phục, chúng tôi hoãn đám cưới trong một tháng.

Thứ Sáu và thứ Bảy, bạn bè lũ lượt kéo đến với hoa và quà.

Tôi muốn gặp cô Terri Stambaugh biết bao! Người thầy của tôi, cứu cánh của đời tôi từ năm tôi tròn mười sáu tuổi và quyết định sống tự lập. Không có cô, tôi sẽ không có việc làm và không có nơi nào để đi.

Chị Viola Peabody đến, không dẫn theo các con, khẳng khái rằng chúng đã mồ côi mẹ nếu

không nhờ tôi. Ngày hôm sau chị dắt hai bé đến. Hóa ra, việc yêu thích màu hồng của Nicolina xuất phát từ sự mê mẩn kem Burke & Bailey; bộ đồng phục của Stormy luôn mê hoặc con bé.

Ozzie “bé” đến thăm mà không mang theo Terrible Chester. Khi tôi trêu anh về bộ trang phục quần vàng và áo sơ mi kiểu Hawaii mà anh đã mặc lúc ở Khoa hồi sức tích cực, anh phủ nhận chẳng bao giờ “chung diện” kiểu thời trang ấy vì “những xiêm y lòe loẹt” đó chắc chắn sẽ khiến anh trông càng béo ú hơn thực chất.

Anh nói anh cũng có chút tự cao tự đại chứ. Hóa ra, lúc ở Khoa hồi sức tích cực, Stormy đã dựng lên câu chuyện sặc sỡ ấy để mang đến cho tôi nụ cười, thứ tôi vô cùng cần khi đó.

Bố tôi đến cùng Britney, đầy ắp các kế hoạch nhằm đưa câu chuyện của tôi lên sách báo, phim ảnh, truyền hình và các chương trình quảng bá. Tôi để ông thất vọng ra về.

Mẹ tôi không đến thăm.

Bà Rosalia Sanchez, Bertie Orbic, Helen Arches, Poke Barnet, Shamus Cocobolo, Lysette Rains, gia đình Takuda, rất nhiều người khác...

Từ bạn bè, tôi không thể không biết thông tin mà bản thân không hề muốn biết. Bốn mươi một người ở khu mua sắm bị thương. Mười chín người thiệt mạng.

Ai cũng nói quả là phép lạ khi chỉ có mười chín người thiệt mạng.

Thế giới của chúng ta đã ra nông nổi gì thế này khi mười chín người chết lại có thể được xem là phép lạ?

Những đơn vị thi hành luật của địa phương, thành phố và liên bang đã kiểm tra khối lượng chất nổ plastic trong xe tải và đánh giá nó sẽ phá sập toàn bộ khu mua sắm cộng thêm một phần không nhỏ khu vực phía nam tòa nhà.

Ước tính con số thương vong từ khoảng năm trăm đến một ngàn người nếu vụ nổ được kích hoạt.

Bern Eckles đã bị chặn đứng trước khi hắn giết thêm nhiều người ngoài ba nhân viên bảo vệ, song hắn mang theo số đạn được đủ để cướp đoạt vô số sinh mạng.

Buổi tối trong phòng bệnh kiểu khách sạn của tôi, Stormy nằm dài lên giường và nắm chặt tay tôi. Khi tôi tỉnh giấc bởi ác mộng, nàng kéo tôi sát vào lòng, vỗ về tôi trong vòng tay đến khi tôi thiếp đi. Nàng thì thầm trấn an tôi; nàng cho tôi hy vọng.

Chiều Chủ nhật, bà Karla đưa cảnh sát trưởng đến trên xe lăn. Ông hiểu rất rõ tôi không bao giờ muốn trò chuyện với giới truyền thông, nói chi đến việc ra sách, làm phim và lên các

chương trình tivi. Ông đã nghĩ ra rất nhiều cách đẩy lui họ. Ông, cảnh sát trưởng, là một người vĩ đại, cho dù ông đã làm gãy chiếc ghế hình khủng long Barney.

Tuy Bern Eckles không chịu khai nhưng cuộc điều tra về âm mưu này diễn tiến nhanh chóng, nhờ vào việc gã thanh niên mang tên Kevin Gosset, kẻ bị chiếc xe nâng đuổi bắt, nói không ngừng nghỉ.

Gosset, Eckles và Varner cùng chung chí hướng đã lâu. Ở độ tuổi mười bốn, bọn chúng bộc lộ sở thích sùng bái Quỷ Sa Tăng. Có lẽ trong thời gian đầu, đó chỉ là trò chơi. Thật nhanh chóng, nó trở thành chuyện nghiêm túc.

Trong một lần thách đố nhau, bọn chúng ra tay giết người lần đầu tiên khi mới mười lăm tuổi.

Chúng khoái trá tận hưởng cảm giác. Và tinh thần sùng bái quỷ dữ biện minh cho tội lỗi ấy. Gosset gọi đó chỉ là “một đức tin khác”.

Lúc mười sáu tuổi, bọn chúng thề với đấng tối cao của chúng rằng chúng sẽ đi vào ngành thi hành luật bởi vì điều đó tạo cho chúng vỏ bọc hoàn hảo và bởi vì một trong những yêu cầu dành cho kẻ sùng tín quỷ dữ là hủy hoại thể chế xã hội đáng tin cậy bất cứ khi nào có thể.

Eckles và Varner cuối cùng trở thành cảnh sát, nhưng Gosset làm giáo viên. Hủy hoại thể hệ trẻ cũng là một việc hệ trọng.

Ba tên bạn thân thuở nhỏ gặp gỡ Bob Robertson cách đó mười sáu tháng trong buổi lễ sùng bái Quỷ Sa Tăng mà bọn chúng đã thận trọng tìm kiếm những kẻ khác cùng sở thích. Buổi lễ có vẻ là điểm tập kết của một lũ thích những trò man rợ, nhưng Robertson khiến chúng chú ý nhờ sự giàu có của mẹ gã.

Ý định ban đầu của chúng là giết Robertson và mẹ gã vì bất cứ thứ gì đáng giá trong ngôi nhà, nhưng khi khám phá thấy Robertson hào hứng trợ cấp cho thứ mà gã gọi là những tin tức kinh tởm, chúng bèn cho gã nhập bọn. Chúng sát hại mẹ gã, làm ra vẻ bà ta chết và bị thiêu hủy trong vụ hỏa hoạn tình cờ, rồi cắt tai bà ta, đưa cho Robertson làm đồ lưu niệm.

Thực ra, những thứ nằm trong hộp nhựa Rubbermaid ở ngăn ướp lạnh của Robertson xuất phát từ bộ sưu tập của Eckles, Varner và Gosset. Bản thân Robertson chưa bao giờ có gan thủ tiêu ai, nhưng vì tính hào phóng của gã, bọn chúng muốn tạo cho gã cảm giác như gã là một phần quan trọng trong hội.

Với nguồn tài chính của Robertson sau lưng, bọn chúng lập ra đầy các kế hoạch lớn. Gosset không nhớ ai là kẻ đầu tiên đề xuất nhắm đến khu vực này và biến nó thành địa ngục trần gian với hàng loạt vụ khiếp đảm được sắp đặt kỹ càng, với ý định độc ác sẽ hủy hoại nó hoàn toàn. Chúng xem xét vô số khu dân cư và quyết định thị trấn Pico Mundo là lý tưởng nhất, không quá

rộng lớn đến mức chưa thể thành đồng hoang tàn và cũng không quá nhỏ bé đến mức mất đi sự thú vị.

Khu mua sắm Green Moon là mục tiêu thứ nhất của bọn chúng. Chúng định ám sát cảnh sát trưởng và lấy vụ thảm họa ở khu mua sắm, cùng một danh sách những trò nham hiểm phức tạp khác, để đàm phán nhằm chiếm quyền kiểm soát vững vàng tại Sở Cảnh sát.

Sau đó, việc tàn phá đều đặn thị trấn sẽ là môn thể thao và hình thức thờ phụng của bọn chúng.

Bob Robertson chuyển đến Camp's End vì hàng xóm lời ra tiếng vào về gã. Hơn nữa, gã muốn dùng tiền một cách khôn ngoan, bảo đảm rằng gã có thể mua vui nhiều hết mức.

Khi cảnh sát trưởng Porter đến nói với tôi và Stormy cách ông sẽ bảo vệ tôi và giúp tôi giữ bí mật về giác quan thứ sáu, khuôn mặt ông hốc hác phờ phạc, và tôi hình dung mình trông còn thảm hại hơn. Thông qua bà Karla, tôi chuyển đến ông chuyện về cái xác của Robertson ở Nhà thờ Sao chổi Thì thầm, để ông có thể đưa chi tiết kỳ quặc ấy vào bản tường trình. Trước đây bao giờ đối với tôi ông cũng là người tốt, nhưng ông Porter một lữ phải viết tường trình đang ngồi đây đã để lại trong lòng tôi sự cảm phục sâu sắc.

Stormy nói cảnh sát trưởng đã làm việc một cách cực kỳ tài tình. Rõ ràng, ông đã không dành *toàn bộ* thời gian để tĩnh dưỡng.

CHƯƠNG 65

Mấy vết thương của tôi xem ra không nghiêm trọng như tôi lo sợ khi nằm trong Khoa hồi sức tích cực. Bác sĩ cho tôi xuất viện vào thứ Tư tiếp theo, một tuần sau ngày diễn ra các vụ việc ở khu thương mại.

Để đánh lạc hướng giới truyền thông, bác sĩ thông báo với họ tôi vẫn còn phải ở trong bệnh viện thêm một ngày.

Cảnh sát trưởng Porter sắp xếp cho tôi và Stormy được bí mật đưa đi bằng chiếc xe cải trang màu be của Sở, chính chiếc xe mà Eckles đã ngồi trong đó quan sát nhà Stormy vào tối đêm ấy.

Nếu đêm ấy Eckles nhìn thấy tôi đi khỏi, hẳn sẽ dàn cảnh để tôi bị bắt quả tang ngay tại căn hộ của tôi với cái xác của Bob Robertson. Khi tôi chuồn cửa sau, hẳn cứ định ninh tôi ngủ lại với bạn gái và cuối cùng từ bỏ vụ theo dõi.

Rời bệnh viện, tôi không mong quay về căn hộ của mình bên trên ga-ra của bà Sanchez. Tôi không bao giờ còn có thể đi tắm mà không nhớ lại cái xác Roberson.

Cảnh sát trưởng và bà Karla không nghĩ rằng việc đến ở tại nhà Stormy là sáng suốt vì đám phóng viên cũng biết về nàng. Cả Stormy và tôi đều không định nhận lòng hiếu khách của gia đình cảnh sát trưởng. Chúng tôi muốn ở một mình, chỉ hai đứa với nhau. Bất đắc dĩ, họ đưa chúng tôi đến nhà nàng qua lối hành lang.

Tuy bị giới truyền thông bủa vây nhưng mấy ngày tiếp theo là khoảng thời gian hạnh phúc nhất của chúng tôi.

Họ bấm chuông, gõ cửa nhưng chúng tôi không ra mở. Họ tụ tập ngoài đường, một đám đông huyền não thường trực. Vài lần chúng tôi lén nhìn qua màn cửa nhưng tuyệt nhiên không bao giờ lộ diện. Chúng tôi có nhau, và thế đã đủ để tránh xa không chỉ đám phóng viên mà cả những binh đoàn.

Chúng tôi ăn những thực phẩm không tốt cho sức khỏe. Chúng tôi để chén đĩa bẩn chất đống trong chậu rửa. Chúng tôi ngủ rất nhiều.

Chúng tôi nói về mọi chuyện, mọi chuyện trừ cuộc tàn sát ở khu thương mại. Quá khứ của hai đứa, tương lai của hai đứa. Chúng tôi vạch kế hoạch. Chúng tôi mơ mộng.

Chúng tôi nói về bọn ông kẹ. Stormy vẫn giữ ý kiến cho rằng chúng là những linh hồn hiểm ác và căn phòng tối đen mở ra trong phòng làm việc của Robertson là cánh cổng dẫn xuống địa ngục.

Theo kinh nghiệm của tôi về việc thời gian quay nhanh quay chậm liên quan đến căn phòng tối ấy, tôi đưa ra một ý kiến đáng lo ngại hơn. Biết đâu trong tương lai, du hành vượt thời gian trở thành điều khả thi. Biết đâu người ta không thực hiện hành trình trở lại quá khứ với cơ thể bằng xương bằng thịt mà quay về dưới hình hài *thực sự* hiện thân cho điều nằm trong tâm trí của họ, những hình hài thực sự mà chỉ có tôi mới thấy được. Tôi và một đứa trẻ người Anh chết từ lâu.

Có lẽ bạo lực hàng ngày cuốn thế giới chúng ta vào màn đêm tăm tối bao la hơn đã dẫn đến một tương lai quá hung ác, quá thối nát, đến mức lớp con cháu biến chất quay về để nhìn ta chịu đựng, chúng bị mê hoặc bởi những lễ hội máu. Sự xuất hiện của ông kẹ chẳng liên quan gì tới đáng dấp thực sự của những người du hành đến từ tương lai; họ có thể giống bạn và tôi; thay vào đó, bọn ông kẹ có thể là hình thù của tâm trí bệnh hoạn và méo mó nơi họ, Stormy khẳng định chúng là quỷ sứ rời khỏi địa ngục trong ba ngày.

Tôi thấy cách lý giải của nàng đỡ ghê sợ hơn của tôi. Ước gì tôi có thể nghe thấy ý kiến đó không chút ngờ vực.

Chồng chén đĩa bắn chất cao hơn. Chúng tôi ăn hầu hết những thực phẩm thật sự có hại cho sức khỏe và không dám liều mạng, bắt đầu trở lại ăn uống đàng hoàng hơn.

Điện thoại reo liên tục. Chúng tôi chưa bao giờ cài thiết bị trả lời. Những cuộc gọi toàn của các phóng viên và giới truyền thông.

Chúng tôi tắt âm lượng chuông để khỏi phải nghe giọng họ. Đến cuối ngày, tôi xóa hết tin nhắn mà chẳng cần xem.

Ban đêm, trên giường, chúng tôi ôm nhau, âu yếm, hôn nhau, nhưng không đi xa hơn. Trì hoãn việc hưởng thụ không bao giờ là điều tuyệt vời. Tôi nâng niu từng phút giây bên nàng và quyết định sẽ hoãn đám cưới chỉ hai tuần thay vì một tháng.

Sáng ngày thứ Năm, Sở Cảnh sát thị trấn Pico Mundo giải tán đám phóng viên náo loạn vì lý do họ quấy rầy dân chúng.

Dù sao họ cũng định bỏ đi. Chắc họ đã nhất trí rằng Stormy và tôi không có mặt trong ngôi nhà.

Tối đó, khi chuẩn bị đi ngủ, Stormy làm một việc hay ho đến mức tim tôi vút bay và tôi tin lúc đó mình có thể bỏ hết sau lưng mọi chuyện xảy ra ở khu thương mại.

Nàng đến bên tôi, từ thắt lưng trở lên không một mảnh vải. Nàng cầm tay phải của tôi, ngửa lòng bàn tay tôi lên và lấy ngón trỏ lần theo vết bớt của tôi.

Vết bớt của tôi hình lưới liềm, bề ngang hơn một phân, từ đầu này đến đầu kia dài hơn ba phân, trắng như sữa, tương phản trên nền da tay hồng hào.

Vết bớt của nàng hình dáng giống hệt của tôi, chỉ khác là nó màu nâu và nằm trên bầu ngực phải xinh đẹp của nàng. Nếu tôi khum tay ôm lấy ngực nàng theo kiểu tự nhiên nhất, vết bớt của hai đứa sẽ ăn khớp hoàn hảo.

Trong lúc đứng mỉm cười nhìn nhau, tôi nói với nàng tôi luôn biết vết bớt của nàng thực ra là hình xăm. Chuyện đó không khiến tôi phiền muộn. Việc nàng muốn có thật nhiều điều để chứng tỏ chúng tôi có chung số phận chỉ càng khiến tình yêu tôi dành cho nàng thêm sâu đậm.

Trên giường, bên dưới tấm thẻ của máy bói toán, chúng tôi ôm nhau một cách đàng hoàng, tay tôi đặt trên ngực nàng.

Đối với tôi, thời gian dường như ngừng lại tại căn hộ của Stormy.

Trong những căn phòng này tôi thấy thật thanh thản. Tôi quên bằng những âu lo. Vấn đề về bánh kẹp và yêu tình bị cuốn phăng ra khỏi người tôi.

Tại đây tôi không thể bị hại.

Tại đây tôi biết định mệnh của mình và toại nguyện với điều đó.

Tại đây là nơi Stormy sống và nàng sống ở đâu, chỗ đó khiến tôi cảm thấy tràn đầy sinh lực.

Chúng tôi ngủ với nhau.

Sáng hôm sau, khi chúng tôi đang ăn sáng, có tiếng gõ cửa. Chúng tôi không ra mở thì nghe cô Terri Stambaugh từ ngoài lớn tiếng gọi, “Cô đây, Odd. Mở cửa ra. Giờ là lúc mở cửa ra.”

Tôi không thể làm trái lời cô Terri, người thầy của tôi, người cứu vớt tôi. Khi mở cửa, tôi thấy cô không đến một mình. Cảnh sát trưởng và bà Karla Porter đang đứng ngoài hành lang. Và cả Ozzie “bé”. Tất cả những người biết bí mật của tôi, rằng tôi có thể nhìn thấy người chết, đều đang ở đây.

“Bọn cô gọi cho con suốt,” cô Terri nói.

“Con tưởng nhóm phóng viên,” tôi nói. “Mấy người đó sẽ không để con và Stormy yên thân.”

Mọi người vào căn hộ và Ozzie “bé” đóng cửa lại.

“Tụi con đang ăn sáng,” tôi nói. “Con lấy gì cho mọi người nhé?”

Cảnh sát trưởng đặt một tay lên vai tôi. Khuôn mặt e ngại, ánh mắt buồn bã. Ông lên tiếng, “Đến lúc chấm dứt rồi, con trai.”

Bà Karla mang theo một vật như món quà. Cái bình bằng đồng, đựng di cốt. Bà nói, “Con à, nhân viên điều tra gửi lại thi thể đáng thương của con bé. Đây là tro của Stormy.”

CHƯƠNG 66

Trong một thời gian, tôi đã phát điên. Chúng điên đeo đẳng gia đình tôi.

Nhà tôi có lịch sử lâu đời về việc tránh né thực tế.

Một phần trong con người tôi biết rõ, ngay từ giây phút Stormy đến bên tôi tại khoa hồi sức tích cực, nàng đã trở thành một người chết còn nán lại trần gian. Sự thật quá đau lòng đến mức không thể chấp nhận. Trong tình trạng của tôi vào chiều tối thứ Tư ấy, cái chết của nàng sẽ trở thành vết thương quá sâu, và tôi sẽ rời bỏ cuộc đời này.

Hồn người chết không nói chuyện. Tôi không biết lý do. Thế nên tôi nói luôn phần Stormy trong những cuộc đối thoại giữa nàng và tôi diễn ra suốt tuần qua. Tôi nói luôn giùm nàng những điều tôi biết nàng muốn nói. Tôi gần như có thể đọc tâm trí nàng. Chúng tôi hết sức gần bó, hơn mức bạn thân; cực kỳ gần gũi, hơn mức tình nhân. Stormy Llewellyn và tôi là định mệnh của nhau.

Mặc kệ những vết thương quần băng, cảnh sát trưởng ôm chặt lấy tôi và cho tôi trút nỗi khổ trong vòng tay như người cha của ông.

Sau đó, Ozzie “bé” đưa tôi đến chiếc tràng kỷ trong phòng khách. Anh ngồi với tôi, cái ghế nghiêng hẳn sang phía anh.

Cảnh sát trưởng kéo ghế lại gần. Bà Karla ngồi lên thành ghế tràng kỷ, bên cạnh tôi. Cô Terri ngồi xuống sàn nhà trước mặt tôi, đặt một tay lên đầu gối tôi.

Stormy xinh đẹp của tôi đứng ngoài quan sát. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy vẻ mặt ai đáng yêu hơn vẻ mặt nàng dành cho tôi vào giây phút đau đớn ấy.

Cầm tay tôi, Ozzie “bé” nói, “Em biết phải để cô ấy đi mà, cậu em thân mến.”

Tôi gật đầu vì chẳng nói nên lời.

Rất lâu sau cái ngày mà hiện tại tôi đang viết về, Ozzie bảo tôi giữ giọng văn của bản thảo này tươi sáng hết mức có thể bằng cách đóng vai người kể chuyện đáng ngờ, như nhân vật chính trong tác phẩm *Vụ ám sát Roger Ackroyd* của Agatha Christie. Tôi bày trò bịp bợm với

một số động từ. Suốt từ đầu đến cuối, tôi thường viết về Stormy và tương lai chung đôi của hai đứa với thì hiện tại, như thể chúng tôi vẫn còn sánh bước cạnh nhau trong cuộc đời này. Nhưng không còn nữa rồi.

Ozzie hỏi, “Cô ấy đang ở đây phải không?”

“Dạ phải.”

“Cô ấy không rời em một giây phút nào, phải không?”

Tôi gật đầu.

“Em không muốn tình yêu của em dành cho cô ấy và tình yêu của cô ấy dành cho em khiến cô ấy ở lại đây trong khi cô ấy cần đi tiếp.”

“Không.”

“Không công bằng đối với cô ấy, Odd. Không công bằng với cả hai đứa em.”

Tôi lên tiếng, “Nàng xứng đáng có được... cuộc phiêu lưu kế tiếp.”

“Đến lúc rồi, Odd.” Đó là lời của cô Terri. Ký ức về chú Kelsey, người chồng quá cố của cô đã khắc sâu trong tâm hồn cô.

Run rẩy trong nỗi sợ hãi về một cuộc sống thiếu vắng Stormy, tôi nhồm dậy khỏi tràng kỷ và ngập ngừng đến bên nàng. Nàng vẫn mặc bộ đồng phục của tiệm kem Burke & Bailey, dĩ nhiên, không có chiếc mũ hồng nghênh nghênh, vậy mà trông nàng xinh xắn hơn bao giờ hết.

Những người thân quen của tôi không biết nàng đứng đâu, cho đến khi tôi bước đến trước mặt nàng và áp một tay lên khuôn mặt tuyệt đẹp của nàng. Quá ấm áp.

Hồn người chết không thể nói, nhưng nhìn môi nàng tôi hiểu được nàng nói không thành tiếng ba từ: *Em yêu anh*.

Tôi hôn nàng, tình yêu đã qua đời của tôi, rất dịu dàng, rất nhẹ nhàng, tôi ôm nàng trong tay, vùi mặt vào tóc nàng, cổ nàng.

Một lúc sau, nàng đặt tay dưới cằm tôi. Tôi ngẩng đầu lên.

Thêm ba từ nữa. *Vui. Kiên nhẫn*.

“Anh sẽ gặp lại em trong giai đoạn tại ngũ,” tôi hứa, đó là cách nàng gọi cuộc sống kế tiếp, sau thời gian ở trại huấn luyện binh lính.

Đôi mắt của nàng. Nụ cười của nàng. Giờ những thứ đó chỉ còn trong ký ức.

Tôi để nàng đi. Nàng quay người, đi ba bước, bóng dáng nhạt nhòa. Nàng ngoái đầu lại, tôi vói tay nhưng nàng biến mất.

CHƯƠNG 67

Dạo này tôi sống một mình trong căn hộ của Stormy với sự pha trộn đa dạng đồ đạc mua từ cửa hàng giá rẻ. Những cây đèn đứng đã cũ có chụp đèn bằng vải lụa kết chuỗi tua rua. Mấy cái ghế phong cách Stickley với ghế gác chân kiểu thời Victoria tương phản nhau. Tranh Maxfield Parrish và những lọ hoa bằng thủy tinh carnival.

Nàng chưa bao giờ có được nhiều thứ trong cuộc đời này, nhưng với những thứ giản dị nhất, nàng đã biến góc trời riêng của mình trở nên đẹp đẽ như bất kỳ cung điện nào của vua chúa. Chúng ta có thể thiếu thốn tiền bạc của cải nhưng tài sản vĩ đại nhất là thứ nằm trong tim ta.

Tôi vẫn thấy được hồn người chết và thỉnh thoảng tôi bị buộc phải làm gì đó liên quan đến chuyện ấy. Như trước đây, chiến lược tiên phong này thường dẫn đến kết quả số lượng quần áo cần giặt khác với ngày thường.

Đôi lúc, tỉnh giấc nửa đêm, tôi nghĩ mình nghe thấy giọng nàng đang nói, *Kể em nghe đi cưng*. Tôi tìm nàng nhưng nàng không bao giờ ở đó. Nhưng nàng luôn luôn ở đó đấy chứ. Thế nên tôi kể cho nàng nghe, nói cho nàng biết mọi chuyện xảy ra với tôi gần đây.

Elvis quanh quẩn bên tôi nhiều hơn trước đây. Ông thích ngắm tôi ăn. Tôi mua vài đĩa nhạc của ông và chúng tôi cùng ngồi ở phòng khách, trong ánh sáng cây đèn bọc lụa dịu dịu, lắng nghe giọng hát khi ông còn trẻ, còn sống và biết mình thuộc về nơi nào.

Stormy tin rằng chúng tôi đang ở trong trại huấn luyện binh lính để học tập, rằng nếu chúng tôi không kiên nhẫn vượt qua mọi trở ngại của thế giới này và những vết thương do nó gây ra thì chúng tôi sẽ không có được cuộc đời tiếp theo trong chuyến phiêu lưu vĩ đại. Để lại được bên nàng, tôi sẽ rèn luyện tính nhẫn nại của một người gan lì, nhưng dường như đối với tôi, việc huấn luyện khó khăn quá mức cần thiết.

Tên tôi là Odd Thomas. Tôi là đầu bếp chiên nướng thức ăn. Tôi sống một cuộc đời khác lạ, tại đây trong thị trấn Pico Mundo của tôi, thế giới nhỏ bé của tôi. Tôi thanh thản.

[1] 1 pao (pound) = 0,454 kg.

[2] Biển Yên bình (Sea of Tranquility): địa điểm trên mặt trăng mà phi thuyền Apollo 11 đã đáp xuống vào ngày 20 tháng 7 năm 1969.

[3] Đại Khủng hoảng (Great Depression): năm 1929 đến 1930.

[4] Phô mai Jack: một loại phô mai hơi mềm, màu trắng ngà như bơ, hương thơm nhẹ.

[5] Thuốc trị chứng ợ nóng mãn tính.

[6] Philly là tên thông tục của thành phố Philadelphia.

[7] Một loại ma túy.

[8] Ác quỷ đảo Tasmania (Tasmanian devil) là loài động vật ăn thịt có túi lớn nhất thế giới có mặt trên đảo Tasmania, Australia.

[9] Một loại thần lằn độc sống ở Hoa Kỳ và Mêxicô.

[10] Một nhà viết nhạc và ca sĩ rock lẫy lừng trong làng nhạc rock.

[11] Trường Đại học California - Los Angeles.

[12] 110 độ Fahrenheit (43 độ Celcius).

[13] Con sông dưới địa ngục, ranh giới giữa thế giới của người sống và người chết.

[14] Chuyên gia về mảng khéo tay hay làm.

[15] Một trong những tác giả sáng tác nhiều nhất và nổi tiếng nhất.

[16] Samson, một chiến binh Israel được trời phú cho quyền lực siêu nhiên, bị Delilah, một phụ nữ người Philistine (kẻ địch thời xưa của người Do Thái ở Nam Palestin) dụ dỗ để tiết lộ bí mật về sức mạnh của anh ta. Khi Delilah cạo đi bộ tóc của Samson, những người Philistine đã bắt và chọc mù mắt anh ta. Để trả thù, Samson đã đẩy hai cây cột và làm đổ một ngôi chùa ở Gaza, tự sát cùng hàng ngàn người Philistine.

[17] Thời đại Bảo Bình (The Age of Aquarius) khởi đầu vào thập niên 60), được đánh dấu bằng các phong trào kêu gọi bình đẳng và đấu tranh vì công lý.

[18] Nhân vật trong truyện tranh *Amazing Fantasy #13* của hãng Marvel.

[19] Jack “đồ tể” (Jack the Ripper): tên cuồng sát tàn bạo nhất cuối thế kỷ XIX, từng một thời là cơn ác mộng trên đường phố London vào những đêm cuối năm 1888.

[20] Ted Bundy: kẻ nổi danh trong lịch sử các vụ án hình sự, thủ phạm của hàng loạt vụ giết người trên toàn nước Mỹ trong những năm 1973-1978.

[21] Jeffrey Dahmer: 17 lần giết và ăn thịt người.

[22] Ngọn lửa của Thánh Elmo (St. Elmo’s fire): Hiện tượng tự nhiên được đặt theo tên Thánh Elmo, thần hộ mệnh của thủy thủ. Đây là hiện tượng plasma phát sáng xuất hiện như đốm lửa trên các vật thể khác, như gậy thò ra mũi thuyền hay cột chống sét, ở khu vực tích điện trong cơn bão.

[23] Tập thơ nổi tiếng “Con Quạ” (The Raven 1848) của tác giả Edgar Allen Poe (1809-1849) kể về chuyện con quạ tên Nevermore (không bao giờ nữa) tìm đến một chàng trai đang đau buồn tưởng nhớ người yêu đã chết và nó không ngừng nhắc lại tên mình.

[24] Ngôi nhà của Elvis Presley được chính quyền Mỹ công nhận là địa điểm lịch sử cấp quốc gia.

[25] Tạm dịch: Chuyện xảy ra ở hội chợ thế giới.

[26] 1 mẫu bằng 0,4 hecta.

[27] The Bard of Avon: tên khác của Shakespeare.

[28] Giống chó chọi.

[29] Nhóm nhạc Kiss thành lập năm 1973, tạo ấn tượng độc đáo khi thành viên Simmons trong nhóm biểu diễn với áo giáp, thân người tô vẽ vằn vện hai màu trắng đen.

[30] Đèn Tiffany: một loại đèn kính màu nổi tiếng bậc nhất thế giới.

[31] Người sáng lập ra ngành điều dưỡng thế giới.

[32] Mass là sự tế lễ tối cao. Các linh mục Công Giáo cử hành “Mass” mỗi ngày để thờ phụng Đức Chúa Trời.

[33] Một loại nước sốt đặc thù của người Mêhicô.

[34] Một loại bánh rán dài của người Tây Ban Nha.

[35] Fox Mulder và Dana Scully, hai đặc vụ FBI trong phim *The X-Files* (Hồ sơ tuyệt mật).

[36] 100 độ F (khoảng 39 độ C).

[37] 90 độ F (khoảng 35 độ C).

[38] Họa sĩ Mỹ (1870-1966).

[39] Chú bọ biển màu vàng trong phim hoạt hình cùng tên.

[40] 85 độ F (khoảng 33 độ C).

[41] Đây là một loại bê tông nhẹ kỹ thuật, có khả năng cách âm, cách nhiệt và chống ẩm tốt, tỷ trọng chỉ bằng 1/10 so với bê tông thường.

- [42] Ca sĩ nhạc R&B.
- [43] Diễn viên lồng tiếng nổi tiếng.
- [44] Thời kỳ xuất hiện các nhóm nhạc jazz, cuối thập niên 30 đến cuối thập niên 40.
- [45] Các ca sĩ nổi tiếng.
- [46] Người nước ngoài cho rằng làm đổ muối sẽ gặp phải điều xui rủi và cách hóa giải là ném một nhúm muối qua vai.
- [47] Một loại thuốc chứa caffeine giúp tỉnh táo.
- [48] Nấm Portobello có thớ giống như thịt.
- [49] Shadrach, Meshach và Abednego, ba chàng thanh niên lưu vong Do Thái.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>